

**KỶ YẾU
HỘI THẢO QUỐC TẾ
NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**PROCEEDINGS OF
THE INTERNATIONAL CONFERENCE
ENHANCING VIETNAM'S MULTILATERAL DIPLOMACY
IN THE NEW CONTEXT**



Hà Nội, 03.12.2025

MỤC LỤC

BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ ĐỀ DẪN HỘI THẢO QUỐC TẾ.....	i
PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm	
PHẦN I	
CƠ SỞ LÝ LUẬN, TƯ TƯỞNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM VỀ ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG	1
NGOẠI GIAO CHUYÊN BIỆT VỚI VIỆC NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM	2
PGS,TS. Đoàn Minh Huân	2
TRƯỜNG PHÁI NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VỚI NỀN NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG VIỆT NAM HIỆN NAY.....	14
PGS,TS. Nguyễn Viết Thảo	14
ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG TỔNG THỂ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII	26
PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm	26
ĐẢM BẢO LỢI ÍCH QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG TRIỂN KHAI ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG	44
PGS,TS. Nguyễn Mạnh Hùng	44
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH THẾ GIỚI HIỆN NAY	62
PGS,TS. Phan Văn Rân	62
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG TRONG THẾ KỶ XXI VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM.....	76
TS. Bùi Việt Hương.....	76
TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH VỊ VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG HỆ THỐNG ĐA PHƯƠNG QUỐC TẾ	89
TS. Vũ Lê Thái Hoàng, ThS. Hoàng Thanh Tâm	89

PHẦN II

THỰC TIỄN ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: THÀNH TỰU, BÀI HỌC, THÁCH THỨC.....104

THÀNH TỰU VÀ DẤU ẤN CỦA ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN 1986-2025 105

Phạm Bình Anh 105

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG GÓP PHẦN NÂNG CAO VỊ THẾ VÀ UY TÍN QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM 116

TS. Lê Quang Hòa, TS. Phạm Thanh Bằng 116

ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG TRƯỚC CÁC CƠ CHẾ ĐA PHƯƠNG.....129

Thiếu tướng, GS.TS Nguyễn Hồng Quân 129

NHỮNG HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM 139

TS. Trịnh Thị Hoa, TS. Lê Quang Mạnh 139

NGOẠI GIAO VĂN HÓA ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI 156

PGS,TS. Nguyễn Duy Bắc 156

PHẦN III

CHUYỂN ĐỘNG CỦA CỤC DIỆN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG 185

SỰ TÁI ĐỊNH HÌNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI VÀ VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG TRONG CẠNH TRANH NƯỚC LỚN 186

PGS, TS. Thái Văn Long.....186

GLOBAL FRAGMENTATION AND THE CRISIS OF MULTILATERAL ORGANIZATIONS: A VIEW FROM UN REFORM 196

Ms. Pauline Tamesis.....196

XU THẾ DÂN CHỦ HÓA ĐỜI SỐNG QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG TỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG 206

TS. Ngô Chí Nguyễn 206

NHỮNG BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ TẠI KHU VẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016–2025	217
PGS,TS. Hà Anh Tuấn	217

PHẦN IV

HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG	244
BÀI PHÁT BIỂU CỦA BÀ LATANA SIHARAJ, ĐẠI BIỆN LÂM THỜI, ĐẠI SỨ QUÁN LÀO TẠI VIỆT NAM	245
THE DEVELOPMENT OF KNOWLEDGE ABOUT MULTILATERAL DIPLOMACY IN THE WORLD AND VIET NAM IN THE NEW CONTEXT.....	251
Remarks by Ambassador Tshering W. Sherpa.....	251
“ELEVATING VIETNAM'S MULTILATERAL FOREIGN POLICY IN THE NEW CONTEXT”	256
H.E. Julien Guerrier.....	256
ADDRESS BY THE REPRESENTATIVE OF THE EMBASSY OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA IN HANOI.....	261
AUSTRALIA’S APPROACH TO THE MULTILATERAL SYSTEM: MEANINGFUL REFORM AND AMPLIFIED MIDDLE POWER DIPLOMACY	264
The Australian Embassy in Vietnam.....	264
ADDRESS BY THE REPRESENTATIVE OF THE EMBASSY OF SINGAPORE IN HANOI	270
RUSSIA'S MULTIVECTOR FOREIGN POLICY AT THE PRESENT STAGE: CONCEPTUAL FOUNDATIONS AND PRACTICAL IMPLEMENTATION	280
PhD. Petr Tsvetov	280
QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRONG THỂ CHẾ ĐA PHƯƠNG KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU	294
PGS, TS. Dương Văn Huy, TS. Nguyễn Xuân Cường	294
VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ TRONG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	313
TS. Đoàn Trường Thụ	313

PHẦN V

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ TẦM NHÌN NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2045 328

ĐỊNH VỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI.....329

PGS, TS. Đặng Đình Quý.....329

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: TỪ THAM GIA ĐẾN CHỦ ĐỘNG ĐỊNH HÌNH 340

TS. Đào Ngọc Báu.....340

HOÀN THIÊN THỂ CHẾ VÀ KHUNG PHÁP LÝ THÚC ĐẨY HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC ĐA PHƯƠNG: KINH NGHIỆM SINGAPORE, HÀN QUỐC VÀ AUSTRALIA 353

PGS, TS. Hoàng Văn Nghĩa 353

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CHUYÊN NGHIỆP, BẢN LĨNH, CÓ TẦM NHÌN TOÀN CẦU.....366

Nguyễn Vũ Minh 366

PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VÀ TRUYỀN THÔNG CHIẾN LƯỢC TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM.....376

TS. Lưu Thuý Hồng.....376

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI 389

PGS, TS. Dương Trung Ý 389

CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGOẠI GIAO 404

ThS. Khuất Thị Hồng Hạnh, TS. Mạch Lê Thu 404

NGOẠI GIAO KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN NHỮNG HÌNH THỨC MỚI CỦA CỤC DIỆN ĐA PHƯƠNG 427

TS. Đỗ Tất Cường 427

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VIỆT NAM TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN: CÙNG CỐ ĐOÀN KẾT VÀ VAI TRÒ TRUNG TÂM 444

TS. Lê Thị Tình 444

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI.....	458
TS. Phan Tiến Ngọc, Th.S Nguyễn Diễm Hương	458
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM: LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2045	478
TS. Nguyễn Mạnh Trường	478
NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: TƯ DUY CHIẾN LƯỢC, THỰC TIỄN TRIỂN KHAI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045	493
TS. Đỗ Khương Mạnh Linh	493
PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI THẢO QUỐC TẾ.....	504

**BÀI PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ ĐỀ DẪN HỘI THẢO QUỐC TẾ
“NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH MỚI”**

PGS,TS. Hoàng Phúc Lâm

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước;

Kính thưa các đồng chí đại diện các bộ, ban, ngành Trung ương;

Kính thưa quý vị đại sứ, đại diện các tổ chức quốc tế, các cơ quan đối ngoại;

Kính thưa các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước;

Thưa toàn thể quý vị đại biểu!

Thế giới đang chuyển mình với tốc độ chưa từng có trong lịch sử hiện đại. Những biến động về địa chính trị, kinh tế, công nghệ và môi trường không chỉ thay đổi cách các quốc gia tương tác với nhau, mà còn định hình lại các chuẩn mực hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh đó, đối ngoại đa phương nổi lên như một trụ cột quan trọng, nơi các quốc gia cùng nhau tìm kiếm tiếng nói chung, chia sẻ trách nhiệm và xây dựng các giải pháp bền vững cho những vấn đề toàn cầu.

Chính trong dòng chảy đầy chuyển động ấy, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh rất vinh dự được đón tiếp các đồng chí lãnh đạo, các vị khách quốc tế, cùng đông đảo các học giả đến tham dự Hội thảo quốc tế “Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”. Sự hiện diện của quý vị hôm nay thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với những định hướng chiến lược của Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định ý nghĩa quan trọng của việc củng cố hợp tác đa phương trong giai đoạn mới.

Hội thảo không chỉ là dịp để chúng ta trao đổi học thuật, mà còn là nơi hội tụ tri thức, kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược nhằm đóng góp cho quá trình hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là cơ hội để chúng ta suy ngẫm sâu hơn về vai trò của Việt Nam trong hệ thống đa phương đang tái định hình, cũng như những bước đi cần thiết để đất nước ta phát huy tốt hơn vai trò, vị thế và trách nhiệm của mình.

Thay mặt Ban Giám đốc Học viện, tôi xin gửi tới quý vị lời chào mừng nồng nhiệt và lời cảm ơn chân thành vì đã dành thời gian tham dự và đồng hành cùng Học viện trong sự kiện có ý nghĩa quan trọng này.

Kính thưa các quý vị,

Thế kỷ XXI chứng kiến những biến động sâu sắc, mang tính cấu trúc đối với hệ thống quốc tế. Những nguyên tắc từng định hình trật tự sau Chiến tranh Lạnh đang đứng trước những thách thức chưa từng có. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng; cường quyền, chủ nghĩa dân túy, bảo hộ thương mại xuất hiện trở lại; xung đột và bất ổn địa chính trị diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, khủng hoảng năng lượng, rủi ro kinh tế toàn cầu và các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo tiếp tục làm biến đổi cách thức vận hành của thế giới.

Tuy nhiên, chính trong bối cảnh đó, chủ nghĩa đa phương lại cho thấy vai trò không thể thay thế. Khi các vấn đề toàn cầu – từ biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, an ninh mạng, an ninh lương thực đến quản trị không gian số – trở nên ngày càng phức tạp, không một quốc gia nào có thể giải quyết đơn lẻ. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ tạo ra nhu cầu cấp thiết về hợp tác đa phương.

Cấu trúc đa phương của thế kỷ XXI đang dịch chuyển sang mô hình đa tầng – đa chủ thể – đa mạng lưới, theo đó các cơ chế khu vực, tiểu vùng và liên minh linh hoạt nổi lên mạnh mẽ. Các tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng khoa học ngày càng tham gia sâu vào quá trình hoạch định chính sách toàn cầu. Các cơ chế hợp tác theo vấn đề trở thành xu hướng chủ đạo.

Những chuyển động này không chỉ làm thay đổi nội dung và hình thức của chủ nghĩa đa phương mà còn định hình lại cấu trúc quyền lực và vai trò của các quốc gia, đặc biệt là các nước tầm trung như Việt Nam.

Kính thưa các quý vị,

Sự vận động của chủ nghĩa đa phương mở ra nhiều cơ hội chiến lược cho Việt Nam. Thứ nhất, mở rộng không gian chiến lược và gia tăng dư địa hành động. Thông qua các cơ chế đa phương, Việt Nam có thể đa dạng hóa quan hệ, tránh phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đồng thời củng cố thế cân bằng mềm trước các cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Vị thế và vai trò của Việt Nam trong ASEAN, tiểu vùng Mekong và Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương được mở rộng, làm tăng tiếng nói và ảnh hưởng của Việt Nam trong các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Thứ hai, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và đổi mới mô hình tăng trưởng. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) không chỉ mở cửa thị trường, mà còn góp phần thúc đẩy cải cách thể chế, nâng chuẩn về lao động, môi trường, quản trị doanh nghiệp. Các khuôn khổ hợp tác về khí hậu, chuyển đổi năng lượng, tài chính xanh hay công nghệ cao giúp Việt Nam tiếp cận nguồn lực mới phục vụ phát triển bền vững.

Thứ ba, tăng cường sức mạnh mềm và uy tín quốc tế. Sự tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương giúp Việt Nam khẳng định hình ảnh quốc gia yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm và ngày càng đóng góp chủ động, thiết thực vào các vấn đề toàn cầu.

Tuy nhiên, đi cùng cơ hội là những thách thức mang tính dài hạn và cấu trúc. Một là, sức ép từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải giữ vững nguyên tắc độc lập - tự chủ, linh hoạt trong cân bằng động, tỉnh táo trước mọi sức ép và tính toán lợi ích chiến lược.

Hai là, sự phức tạp của hệ thống đa tầng - đa chủ thể. Tham gia hiệu quả đòi hỏi thể chế phối hợp liên ngành tốt hơn, tính chuyên nghiệp cao hơn trong đàm phán và hoạch định chính sách.

Ba là, thách thức về nguồn lực và nhân lực. Để chuyển từ vai trò “tham gia tích cực” sang “đóng góp, kiến tạo, dẫn dắt”, Việt Nam cần đội ngũ chuyên gia có kỹ năng dự báo chiến lược, hiểu biết sâu về pháp lý quốc tế, kinh tế số, công nghệ, môi trường và năng lực đàm phán đa phương.

Kính thưa các quý vị,

Đối ngoại đa phương luôn là một trụ cột quan trọng trong đường lối đối ngoại của Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng xác định rõ nhiệm vụ “Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương”, nhấn mạnh yêu cầu chủ động tham gia định hình các thể chế đa phương, đặc biệt tại ASEAN và Liên hợp quốc.

Qua hơn ba thập kỷ hội nhập, đối ngoại đa phương đã trở thành động lực quan trọng giúp Việt Nam củng cố môi trường hòa bình và ổn định để phát triển; nâng cao vị thế và hình ảnh quốc gia; mở rộng quan hệ quốc tế, thu hút đầu tư, công nghệ và nguồn lực cho phát triển; tạo điều kiện thuận lợi trong xử lý quan hệ với các nước lớn; góp phần thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Trong bối cảnh mới, để nâng tầm đối ngoại đa phương, Việt Nam cần tư duy mới về vai trò, phạm vi và nội dung của chủ nghĩa đa phương; nâng cao năng lực dự

báo, hoạch định chiến lược và tham gia xây dựng thể chế; tăng cường bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đối ngoại đa phương; chủ động tham gia các cơ chế mới về công nghệ, môi trường, dữ liệu số, AI, an ninh biển, an ninh nguồn nước; kết hợp sức mạnh quốc gia với sức mạnh của mạng lưới đối tác quốc tế.

Kính thưa các quý vị,

Hội thảo quốc tế lần này được tổ chức nhằm:

1. Làm rõ đặc điểm và xu thế vận động của chủ nghĩa đa phương thế kỷ XXI;
2. Phân tích những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam;
3. Xác định yêu cầu mới đối với đường lối và triển khai đối ngoại đa phương;
4. Trao đổi kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam;
5. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Sự tham dự đông đảo của các chuyên gia, học giả, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và các cơ quan hoạch định chính sách cho thấy ý nghĩa thiết thực và cấp thiết của chủ đề hội thảo.

Kính thưa các quý vị,

Với tinh thần cởi mở, xây dựng và trách nhiệm, tôi tin rằng những trao đổi hôm nay sẽ đem lại những góc nhìn đa chiều, những luận cứ sắc sảo và các hàm ý chính sách có giá trị đối với việc nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong giai đoạn tới. Những ý kiến của quý vị không chỉ đóng góp cho thành công của Hội thảo, mà còn góp phần quan trọng vào quá trình nghiên cứu, tham mưu chiến lược cho Đảng và Nhà nước về một lĩnh vực có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển và vị thế của đất nước.

Tôi hy vọng rằng, từ diễn đàn này, những ý tưởng mới sẽ được kết tinh; những cầu nối hợp tác sẽ được mở rộng; và những gợi mở chính sách sẽ tiếp tục được lan tỏa trong các chương trình nghiên cứu, trong tư duy hoạch định chính sách và trong triển khai thực tiễn của các cơ quan đối ngoại Việt Nam. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh luôn coi trọng và trân trọng sự đồng hành của các bộ, ban, ngành; của bạn bè quốc tế; của các học giả trong và ngoài nước trong hành trình chung nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và tham mưu chiến lược phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với tất cả những kỳ vọng và niềm tin đó, tôi xin trân trọng tuyên bố:

Khai mạc Hội thảo quốc tế “Nâng tầm đôi ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các vị khách quốc tế, quý vị đại biểu sức khỏe dồi dào, nhiều niềm vui, hạnh phúc và thành công trong công việc cũng như cuộc sống.

Chúc hội thảo của chúng ta hôm nay thật sự là một diễn đàn khoa học giàu trí tuệ, giàu cảm hứng và có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Xin trân trọng cảm ơn!

**OPENING REMARKS AND INTRODUCTORY ADDRESS AT THE
INTERNATIONAL CONFERENCE**

**“ENHANCING VIETNAM’S MULTILATERAL DIPLOMACY
IN THE NEW CONTEXT”**

Assoc. Prof. Dr. Hoang Phuc Lam

Vice President of the Ho Chi Minh National Academy of Politics

Excellencies, leaders of the Party and the State,

*Distinguished representatives of ministries, commissions, and central agencies,
Excellencies Ambassadors, representatives of international organizations and
diplomatic missions,*

Distinguished scholars and experts from Vietnam and abroad,

Ladies and gentlemen,

The world is undergoing transformations at an unprecedented pace in modern history. Geopolitical, economic, technological and environmental upheavals are not only reshaping how nations engage with one another, but they are also redefining the very norms and foundations of international cooperation. In this context, multilateral diplomacy has emerged as a vital pillar, where countries seek common ground, share responsibilities, and jointly craft sustainable solutions to global challenges.

It is in this dynamic landscape that the Ho Chi Minh National Academy of Politics is honored to welcome our esteemed Party and State leaders, international guests, and a large number of distinguished scholars to the International Conference entitled **“Enhancing Vietnam’s Multilateral Diplomacy in the New Context.”** Your presence today reflects deep interest in Vietnam’s strategic orientations regarding international integration, and underscores the significance of strengthening multilateral cooperation in the evolving era.

This Conference is not only an opportunity for academic exchange, but also a forum for the convergence of knowledge, experience and strategic vision to contribute to policy formulation by the Party and the State. It provides a moment for us to reflect more profoundly on Vietnam's role in the reshaping multilateral system, as well as the necessary steps for our country to further advance its role, position, and responsibilities.

On behalf of the leadership of the Academy, I would like to extend to all of you our warmest welcome and heartfelt thanks for your time, participation and companionship in this important event.

Ladies and gentlemen,

The 21st century has witnessed profound and structural transformations of the international system. The principles that shaped the post–Cold War order are being challenged in unprecedented ways. Strategic competition among major powers has intensified; power politics, populism and trade protectionism have re-emerged; geopolitical conflicts and instabilities have become more complex. At the same time, disruptions in global supply chains, energy crises, economic risks and the advent of emerging technologies such as artificial intelligence are transforming the way the world functions.

Yet, in this very context, multilateralism demonstrates its irreplaceable role. As global issues—from climate change, water security, pandemics, cyber security and food security, to the governance of digital spaces—grow more complex, no single country can address them alone. The deepening interdependence among nations generates urgent demand for multilateral cooperation.

The multilateral architecture of the 21st century is shifting toward a multi-layered, multi-actor and multi-network model, in which regional, sub-regional and flexible coalitions are gaining prominence. Non-governmental organizations, research institutes, businesses and the scientific community are increasingly involved in

global policy-making. Issue-based cooperation mechanisms have become a dominant trend.

These transformations do not merely alter the content and modalities of multilateralism; they also reshape power structures and the role of nations, particularly middle powers such as Vietnam.

Ladies and gentlemen,

The evolution of multilateralism opens several strategic opportunities for Vietnam. First, it expands strategic space and increases room for maneuver. Through multilateral mechanisms, Vietnam can diversify partnerships, avoid dependence on any single partner, and strengthen a soft-balancing posture amid strategic competition among major powers. Vietnam's voice and influence continue to expand within ASEAN, the Mekong subregion, and the Indo-Pacific, enhancing its roles in both regional and global affairs.

Second, it promotes socio-economic development and innovation of the growth model. Next-generation trade agreements such as the CPTPP, EVFTA and RCEP not only open markets, but also help drive institutional reforms, raise standards on labor, environment, and corporate governance. Partnerships on climate action, energy transition, green finance and high technology enable Vietnam to access new resources for sustainable development.

Third, it enhances soft power and international credibility. Active engagement in multilateral forums affirms Vietnam's image as a peace-loving, responsible nation that increasingly contributes constructively and substantively to global issues.

However, opportunities also come with structural and long-term challenges.

First, pressures stemming from strategic competition among major powers require Vietnam to consistently uphold the principles of independence and autonomy, maintain flexible dynamic equilibrium, and remain prudent in safeguarding strategic interests.

Second, the complexity of the multi-layered and multi-actor system calls for stronger institutional coordination, higher professionalism in negotiation and policy formulation.

Third, capacity and human resources remain a challenge. To progress from “active participation” to “constructing, shaping and leading,” Vietnam needs experts equipped with strategic foresight, deep knowledge of international law, digital economy, technology, environment, and advanced multilateral negotiation skills.

Ladies and gentlemen,

Multilateral diplomacy has always been a crucial pillar in Vietnam’s foreign policy. The 13th National Congress of the Communist Party clearly defines the task of “**Promoting and elevating multilateral foreign relations,**” emphasizing the need to actively participate in shaping multilateral institutions, particularly within ASEAN and the United Nations.

Over more than three decades of integration, multilateral diplomacy has been an important driving force for Vietnam to consolidate a peaceful and stable environment for development; enhance national stature and image; expand international partnerships, attract investment, technology and development resources; support the management of relations with major powers; and contribute to the strategy of safeguarding the Fatherland early and from afar.

In the new context, to elevate multilateral diplomacy, Vietnam needs renewed thinking regarding the role, scope and content of multilateralism; strengthened capabilities in strategic forecasting, policy design and institutional participation; enhanced development of human resources for multilateral diplomacy; proactive engagement in new mechanisms related to technology, environment, digital data, AI, maritime security, and water security; and leveraging national strength together with the power of international partner networks.

Ladies and gentlemen,

This international conference is organized to:

1. Clarify characteristics and trends of multilateralism in the 21st century;
2. Analyze the opportunities and challenges for Vietnam;
3. Identify new requirements for Vietnam's guidelines and implementation of multilateral diplomacy;
4. Exchange international experiences and lessons for Vietnam;
5. Propose recommendations and solutions to elevate Vietnam's multilateral diplomacy in the new era.

The extensive presence of experts, scholars, diplomatic missions, international organizations, research institutions and policy-making bodies underscores the timeliness and relevance of this topic.

Ladies and gentlemen,

With a spirit of openness, constructiveness and responsibility, I firmly believe that today's discussions will offer multidimensional perspectives, sharp arguments and valuable policy implications for enhancing Vietnam's multilateral diplomacy in the coming period. Your insights will not only contribute to the success of this Conference, but will also feed into research and strategic advisory work for the Party and the State on a matter essential to Vietnam's development and national standing.

I hope that from this forum, new ideas will crystallize; bridges of cooperation will be strengthened; and policy suggestions will continue to spread into research agendas, policy thinking, and the practical implementation of Vietnam's external affairs. The Ho Chi Minh National Academy of Politics deeply values the companionship of ministries, agencies, international friends, and scholars at home and abroad in our shared mission of advancing training, research, and strategic advisory work in service of national development and defense.

With that expectation and confidence, I am honored to declare the opening of the International Conference **“Enhancing Vietnam’s Multilateral Diplomacy in the New Context.”**

I wish Party and State leaders, distinguished international guests, and all delegates good health, happiness and success in your work and life.

I wish our conference today to be a truly intellectual, inspiring scientific forum with far-reaching impact.

Thank you very much.

PHẦN I

CƠ SỞ LÝ LUẬN, TƯ TƯỞNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM VỀ ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG

NGOẠI GIAO CHUYÊN BIỆT VỚI VIỆC NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

PGS,TS. Đoàn Minh Huân *

Tóm tắt: *Việt Nam đang chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc với những mục tiêu phát triển đột phá trên nhiều lĩnh vực. Khi bối cảnh quốc tế và khu vực đang tiềm ẩn nhiều bất ổn, rủi ro thì việc phát huy vai trò của ngoại giao, trong đó có đối ngoại đa phương trở nên quan trọng và cấp thiết để đảm bảo các mục tiêu an ninh, phát triển, thúc đẩy ảnh hưởng và tăng cường đóng góp của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Là một quốc gia đang lên, Việt Nam có những tiềm lực nhất định, nhưng chưa đủ để thực hiện đồng bộ, tổng thể và bao trùm hoạt động ngoại giao trên mọi lĩnh vực. Do đó, việc áp dụng ngoại giao chuyên biệt là cần thiết để tập trung nguồn lực cho những mục tiêu đối ngoại của Việt Nam. Bài viết hướng đến việc phát huy ngoại giao chuyên biệt trong việc nâng tầm và đẩy mạnh đối ngoại đa phương, một trong những phương thức đối ngoại tiêu biểu và thành công của Việt Nam trong thời gian qua, để tranh thủ nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển quốc gia, cũng như tìm kiếm sự ủng hộ, đồng thuận của thế giới đối với sự phát triển và đóng góp của Việt Nam.*

Từ khoá: Ngoại giao chuyên biệt, Đối ngoại đa phương, Quốc gia tâm trung, Mục tiêu phát triển, Mục tiêu ảnh hưởng.

Mở đầu

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa đất nước (1986-2025), Việt Nam đã gặt hái được những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính

* Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng,
Phó Giám đốc thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

trị, ngoại giao, khoa học, văn hoá, xã hội. Một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào thành công chung của công cuộc đổi mới đất nước là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá, tinh thần chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế và sự nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về vai trò của đối ngoại đa phương. Đối ngoại đa phương trở thành kênh quan trọng giúp Việt Nam thực hiện các mục tiêu quốc gia về bảo vệ an ninh chủ quyền, tranh thủ nguồn lực phát triển kinh tế và nâng tầm vị thế của Việt Nam. Khi Việt Nam chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV đã khẳng định “đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên”. Dẫu vậy, tiềm lực có hạn không cho phép Việt Nam dàn trải hoạt động ngoại giao trên mọi lĩnh vực. Do đó, bài viết nêu lên góc nhìn về việc vận dụng ngoại giao chuyên biệt trong đối ngoại đa phương để tranh thủ mọi điều kiện, nguồn lực cho phát triển cũng như tìm kiếm sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng thế giới đối với vai trò quốc tế của Việt Nam.

Đối ngoại đa phương và ngoại giao chuyên biệt

Đối ngoại đa phương được hiểu là một hình thức hoạt động ngoại giao có sự tham gia của từ ba chủ thể quan hệ quốc tế trở lên vào quá trình đàm phán, thương lượng, ra quyết sách để giải quyết những vấn đề chung của các chủ thể.¹ Hiện nay, các quốc gia tầm trung, vừa và nhỏ đang đi đầu trong nỗ lực đổi mới cam kết đối với chủ nghĩa đa phương và cập nhật các quy tắc và chuẩn mực quốc tế để ứng phó hiệu quả đối với sự chuyển đổi toàn cầu.² Đối ngoại đa phương được sử dụng chủ yếu với vai trò tạo kênh trung gian, hoà giải giữa các chủ thể quan hệ quốc tế; cùng thiết lập một sân chơi chung cùng có lợi, chia sẻ lợi ích, kinh nghiệm hay cùng giải quyết các vấn đề mà các quốc gia phải đối mặt, đặc biệt hiện nay là các vấn đề an ninh phi truyền thống. Do chịu sự chi phối bởi sự khác biệt lợi ích của

¹ Đặng Đình Quý (cb), *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 41-45.

² A. Lupel, K. Pitakdumrongkit, J. Ng, “Small States and the Multilateral System: Transforming Global Governance for a better future”, *International Peace Institute*, 2024, p. 3.

các quốc gia nên đàm phán trong ngoại giao đa phương thường mất nhiều thời gian, và thường tập trung vào những vấn đề ít liên quan đến cạnh tranh chính trị giữa các nước, hoặc chỉ tập trung vào những vấn đề toàn cầu như an ninh lương thực, an ninh mạng, tội phạm xuyên biên giới,...

Ngoại giao chuyên biệt (niche diplomacy) bắt nguồn từ khái niệm thị trường ngách (niche market), là khái niệm được đưa ra từ đầu thập niên 1990s, để chỉ việc các quốc gia thường tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực ngoại giao trọng tâm, có năng lực và kinh nghiệm để hoạt động và phát huy vai trò thay vì dàn trải toàn bộ các vấn đề.¹ Ngoại giao chuyên biệt thường được áp dụng bởi các quốc gia tầm trung, hoặc các quốc gia vừa và nhỏ, khi mà họ không đủ nguồn lực để triển khai một loạt hoạt động ngoại giao như các cường quốc, nhưng cũng có nhiều nguồn lực hơn so với các quốc gia khác trong việc khẳng định đóng góp, vai trò của mình. Các quốc gia tầm trung thiếu nguồn lực để thực hiện một nền ngoại giao chủ động, toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực nên thường chọn một trong số lĩnh vực có tính chuyên sâu, phù hợp với khả năng quốc gia, cũng như có tính khả thi và đóng góp cao đối với cộng đồng thế giới như ngoại giao liên quan đến kinh tế, văn hoá, các vấn đề an ninh phi truyền thống. Các quốc gia vừa và nhỏ cũng thường sử dụng các tổ chức quốc tế cho nền ngoại giao chuyên biệt của họ. Bằng cách thúc đẩy ngoại giao chuyên biệt, các quốc gia có chia sẻ những thông tin giá trị, thành công trong việc khẳng định vị thế và đóng góp quốc gia trong các cơ chế đa phương.²

Lý luận về chủ nghĩa đa phương, ngoại giao đa phương và ngoại giao chuyên biệt đều cho thấy một điểm chung quan trọng là sự tương thích với các quốc gia tầm trung, thậm chí là cả các quốc gia vừa và nhỏ và ngoại giao chuyên biệt thường được các chủ thể quốc tế vận dụng ở các cơ chế đa phương. Dù ở điều kiện nào,

¹ G. Evans & B. Grant, *Australia's Foreign Relations in the world of the 1990s*, Melbourne University Press, Melbourne, 1991, p. 323.

² O. A. Suilleabhain, *Small states at the United Nations: Diverse perspectives, shared opportunities*, International Peace Institute, New York, 2014, p. 37.

các quốc gia dường như đều hướng đến các thể chế quốc tế như một ưu tiên ngoại giao để đảm bảo tính bình đẳng tương đối, các lợi ích kinh tế, chính trị có được khi trở thành thành viên của các cơ chế đa phương. Đặc biệt, các quốc gia tầm trung dường như đều ưu tiên sử dụng các phương thức ngoại giao đa phương để khắc phục những hạn chế nguồn lực vốn có và phát huy được sức mạnh mềm quốc gia và xây dựng hình ảnh một công dân toàn cầu gương mẫu, có trách nhiệm, có đóng góp. Chính tại các cơ chế đa phương đó, các quốc gia tầm trung, vừa và nhỏ có thể tận dụng năng lực và kinh nghiệm để triển khai các hoạt động ngoại giao chuyên biệt phù hợp, góp phần nâng cao hình ảnh trong các cơ chế đó, cũng như tận dụng sự ủng hộ, tiếng nói từ các quốc gia chung ý tưởng để thúc đẩy thành công của hoạt động ngoại giao. Để có được tính chuyên ngành, một “ngách” riêng hay một góc đặc quyền được bảo vệ trong ngoại giao, kinh doanh hay bất cứ hoạt động nào khác thì các quốc gia cần có sự công nhận rộng rãi và một vị thế vững chắc từ cộng đồng quốc tế.¹ Hay nói cách khác, ngoại giao chuyên biệt vừa phản ánh kinh nghiệm, năng lực, đóng góp của một quốc gia trên trường quốc tế, vừa phản ánh nhu cầu được tạo ra từ hoàn cảnh thế giới, sự kỳ vọng của các chủ thể khác vào quốc gia đó. Yếu tố “chuyên ngành” trong ngoại giao thực chất là lợi thế của quốc gia thực hiện, có thể đến từ yếu tố vị trí, truyền thống hay tính đồng thuận và có thể là sự kết hợp của các yếu tố trên. Ví dụ, trường hợp của các quốc gia ASEAN với “phương thức ASEAN” có thể được coi là một hình thức của ngoại giao chuyên biệt khi các chuẩn mực toàn cầu như dân chủ, nhân quyền, chủ nghĩa đa phương được diễn giải lại để phù hợp với các giá trị “khu vực”, vừa không hoàn toàn mang tính phương Tây, vừa không hoàn toàn thay thế, và từ đó tạo ra một chuẩn mực mới của ngoại giao đa phương trong khu vực, tạo điều kiện

¹ A.K. Henrikson, “Niche Diplomacy in the world public arena: the global ‘corners’ of Canada and Norway” in J. Melissen (eds.), *The New Public Diplomacy: Soft Power in International Relations*, Palgrave Macmillan, New York, 2005, p. 70

để các hoạt động ngoại giao chuyên biệt được thực hiện một cách phù hợp.¹ Do đó, Việt Nam với tiềm lực của một quốc gia tầm trung đang lên, có nhiều kinh nghiệm trong tham gia các cơ chế đa phương, có những đặc thù riêng sẽ phù hợp trong việc kết hợp ngoại giao chuyên biệt trong đối ngoại đa phương.

Quan điểm của Đảng về đối ngoại đa phương và ngoại giao chuyên biệt

Quan điểm của Đảng về đối ngoại đa phương trải qua một quá trình thay đổi từng bước về mặt nhận thức, đảm bảo phù hợp với năng lực và điều kiện của Việt Nam cũng như bối cảnh quốc tế và khu vực ở các giai đoạn khác nhau. Qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, tư duy và nhận thức về đối ngoại đa phương lại được xây dựng rõ nét hơn, có tính hệ thống và liên tục được hoàn thiện. Tại Đại hội XII (2016), khái niệm “đối ngoại đa phương” chính thức được Đảng đề cập trong văn kiện. Đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ phục vụ hoạt động ngoại giao nói chung, mà trở thành một định hướng chiến lược với những yêu cầu cụ thể về chất lượng nguồn nhân lực, các cơ chế tham gia, tính chủ động và tích cực trong việc tham gia của Việt Nam.² Việt Nam đã khẳng định tính chủ động trong tham gia và đóng góp, phát huy vai trò ở các cơ chế đa phương, tiêu biểu là ASEAN và Liên hợp quốc.³ Chỉ thị 25-CT/TW năm 2018 về “Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030” đã khẳng định mục tiêu đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hoà giải tại các cơ chế đa phương có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam. Đến Đại hội XIII, yêu cầu của đối ngoại đa phương là chủ động tham gia, tích cực đóng góp và nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Đây là bước thay đổi lớn trong quan điểm của Đảng về đối ngoại đa phương, phù hợp với thực tiễn thế và lực mới của Việt Nam. Dự thảo văn kiện

¹ Thea Moujaes, “Reinventing and Reinterpreting Multilateralism from the Margins”, Comité Diplomatique, 28/10/2025, <https://www.comitediplomatiqueulb.be/posts/reinventing-and-reinterpreting-multilateralism-from-the-margins>.

² Đinh Thanh Tú, Trần Thị Huyền Trang, “Quá trình đổi mới tư duy đối ngoại đa phương của Đảng từ Đại hội VI đến nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, 6/9/2021.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 154-156.

Đại hội XIV tiếp tục khẳng định việc đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương trong bối cảnh đối ngoại và hội nhập quốc tế được xác định vai trò trọng yếu và thường xuyên, cho thấy sự nhất quán trong nhận thức của Đảng về việc coi trọng phương thức đối ngoại đa phương.

Khái niệm “ngoại giao chuyên biệt” lần đầu tiên được đưa vào trong dự thảo văn kiện Đảng Đại hội Đảng lần thứ XIV, khẳng định sự coi trọng của Đảng và Nhà nước về vai trò của phương thức ngoại giao này trong tổng thể nền ngoại giao Việt Nam. Dẫu vậy, điều đó không có nghĩa là đây là lần đầu tiên Việt Nam chú trọng đến các lĩnh vực khác nhau của ngoại giao chuyên biệt. Ngay từ những ngày đầu đổi mới, ngoại giao kinh tế trở thành trọng tâm chính trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam để phá thế bao vây, cấm vận của phương Tây, tìm kiếm viện trợ, đầu tư, giúp Việt Nam xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng hợp tác quốc tế. Xuyên suốt gần 40 năm tiến hành đổi mới, mở cửa, Việt Nam đã thực hiện nhiều hoạt động ngoại giao chuyên biệt khác nhau, như ngoại giao văn hoá, ngoại giao vắc xin, ngoại giao hỗ trợ cứu nạn/nhân văn,... Trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới với 2 mục tiêu 100 năm, các phương thức của ngoại giao chuyên biệt sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là ngoại giao kinh tế và ngoại giao khoa học công nghệ nhằm mục tiêu phát triển đất nước.

Thực tiễn gần 40 năm qua cho thấy Việt Nam đã và đang thực hiện hiệu quả nhiều hoạt động ngoại giao chuyên biệt tại các cơ chế đa phương khác nhau và đó là cơ sở để Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hơn nữa giá trị, ý nghĩa của các phương thức hoạt động ngoại giao này. Tại Liên hợp quốc, Việt Nam từng bước xây dựng và định hình hình ảnh “công dân toàn cầu gương mẫu” với sự tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động của tổ chức này. Kết quả là, Việt Nam đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với cả 5 nước thường trực Hội đồng bảo an, có quan hệ ngoại giao với tất cả các quốc gia khác trong tổ chức Liên hợp quốc, được bầu làm Ủy viên của hàng chục Ủy ban khác nhau, cũng như

2 lần đảm nhiệm vai trò Ủy viên không thường trực HĐBA. Những đóng góp tiêu biểu trong xây dựng ngôi nhà xanh LHQ, phối hợp chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp cho các quốc gia châu Phi, cam kết phát thải Zero vào năm 2050, tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình, hay mới đây là nước chủ nhà của việc ký kết Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng đã kiến tạo rõ nét hình ảnh Việt Nam chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Trong khu vực, Việt Nam đã thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình hoàn thiện Cộng đồng ASEAN, thúc đẩy hợp tác và trao đổi văn hoá, kết nối và đoàn kết các thành viên ASEAN, hay đóng vai trò hàng đầu trong việc phòng chống Covid-19 cũng khẳng định giá trị của ngoại giao chuyên biệt trong đối ngoại đa phương. Có thể thấy, với mỗi cơ chế đa phương khác nhau, Việt Nam đều có những định hướng riêng để tận dụng lợi thế của các cơ chế và từ đó góp phần đảm bảo mục tiêu đối ngoại.

Sự cần thiết của ngoại giao chuyên biệt và đối ngoại đa phương ở Việt Nam

Các lý thuyết chỉ ra rằng quốc gia tầm trung có thể vận dụng khéo léo, linh hoạt cả ngoại giao chuyên biệt và đối ngoại đa phương để đạt được những mục tiêu quốc gia. Việt Nam đã được nhiều học giả và các trung tâm nghiên cứu chiến lược nhìn nhận như là một quốc gia tầm trung đang lên, hoặc một quốc gia tầm trung khu vực với đầy đủ các tiêu chí về năng lực, chính sách, và sự công nhận quốc tế.¹ Việt Nam đã tham gia hơn 70 cơ chế đa phương khác nhau, trong đó có những cơ chế có ý nghĩa chiến lược là ASEAN, hợp tác tiểu vùng sông Mekong, Liên hợp quốc và APEC. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế về nguồn lực phát triển, khó có thể đồng thời đảm trách hiệu quả vai trò ở toàn bộ các cơ chế đa phương đang tham gia. Việt Nam đang vươn tầm từ vị thế quốc gia vừa và nhỏ sang nhóm quốc gia tầm trung với sự khẳng định cả về tiềm lực kinh tế, khoa học

¹ Lê Đình Tĩnh, “Mục tiêu cường quốc tầm trung và viễn cảnh ngoại giao Việt Nam sau năm 2030”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 2, 2018, tr. 22-53; Lê Đình Tĩnh & Vu Thị Thu Ngan, “The COVID-19 Pandemic and the Emergence of Vietnam as a Middle Power”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 41(2), 2022, pp. 303-325; Do Thị Thuy, “Vietnam’s emergence as a Middle Power in Asia: Unfolding the Power-Knowledge Nexus”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 41(2), 2022, pp. 279-302.

công nghệ, quốc phòng, văn hoá, mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước có thu nhập trung bình cao và năm 2045 là quốc gia có thu nhập cao. Chính điều kiện đó đang và sẽ thúc đẩy Việt Nam cần có sự lựa chọn hợp lý ngoại giao chuyên biệt để kết hợp với phương thức đối ngoại đa phương phục vụ các mục tiêu quốc gia.

Trong bối cảnh thế giới biến động với nhiều bất ổn, rủi ro hơn, cùng với sự gia tăng của yếu tố cạnh tranh chiến lược, các quốc gia tầm trung đang hướng đến những hoạt động ngoại giao mang tính đặc thù cao, ưu tiên chủ nghĩa đa phương để hài hoà lợi ích, giữ cân bằng trong quan hệ nước lớn, thúc đẩy vai trò ở nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống và tham gia vào nhiều hoạt động đa phương dựa trên luật pháp quốc tế.¹ Thụ vị là, ngoại giao chuyên biệt cũng thường hướng đến các vấn đề mới nổi, tập trung sự chú ý của toàn thế giới, đồng thời là những vấn đề ít liên quan trực tiếp đến cạnh tranh chính trị. Một số học giả đã chỉ ra rằng ngoại giao chuyên biệt nên là hướng đi ưu tiên của Việt Nam thời gian tới bởi những lợi ích chiến lược của phương thức này đối với quốc gia, bao gồm cả vấn đề an ninh, phát triển và ảnh hưởng.² Trong đó, việc vận dụng ngoại giao chuyên biệt để thúc đẩy và nâng tầm đối ngoại đa phương sẽ là hướng đi quan trọng trong thời gian tới bởi nhiều lý do.

Thứ nhất, đối ngoại đa phương đã phát huy được giá trị trong thời gian qua trong các nhiệm vụ bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia, tạo điều kiện phát triển kinh tế, nâng cao vị thế của Việt Nam và từng bước đóng góp nhiều hơn vào nền hoà bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới. Đối ngoại đa phương tạo ra một sân chơi rộng lớn, đa chiều, đa tầng nấc cho Việt Nam, một mặt giúp Việt Nam đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, mặt khác có thể hạn chế sự phụ thuộc vào bất cứ đối tác nào và giảm thiểu những nguy cơ buộc phải chọn phe, chọn bên trong quan hệ quốc tế, từ đó góp phần giúp Việt Nam khẳng định tiếng nói tại các

¹ Vũ Lê Thái Hoàng (cb), *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 45-46.

² Vũ Lê Thái Hoàng, Đỗ Thị Thuý, “Quốc gia tầm trung với định hướng ngoại giao chuyên biệt: Một số gợi ý cho Việt Nam đến năm 2030”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 25/6/2021.

cơ chế đa phương phù hợp, giúp đấu tranh và hợp tác để đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc.

Thứ hai, bối cảnh thế giới và khu vực hiện nay đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của xu hướng cạnh tranh, phân mảnh, phân tuyến và gây ra những thách thức lớn đối với ngoại giao song phương. Cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm có xu hướng tạo lập các mạng lưới khác nhau, đa tầng nấc, đa liên kết và từ đó giúp Việt Nam và nhiều quốc gia tầm trung, vừa và nhỏ có thể tận dụng để thúc đẩy đối ngoại đa phương. Việt Nam có thể nâng tầm đối ngoại đa phương với những cách tiếp cận mới hơn, thiết thực và hiệu quả hơn, để vừa tận dụng tối đa nguồn lực đa phương cho các mục tiêu của Việt Nam, đồng thời khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc đóng góp vào sự phát triển chung của thế giới. Sự kết hợp ngoại giao chuyên biệt trong đối ngoại đa phương cho phép Việt Nam chủ động lựa chọn hướng hợp tác thích hợp đối với mỗi cơ chế đa phương, tránh bị phụ thuộc vào bất cứ cơ chế nào, cũng như có thể khẳng định vai trò ở những cơ chế có ý nghĩa chiến lược.

Thứ ba, Việt Nam có những điều kiện cần thiết để triển khai ngoại giao chuyên biệt một cách hiệu quả trong thời gian tới. Về lý thuyết, ngoại giao chuyên biệt chỉ có thể hiệu quả khi hội tụ đủ 3 yếu tố là: cung cấp được chuyên môn sâu và có nhu cầu cao, duy trì sự tham gia và mạng lưới quan hệ lâu dài, có sự công nhận chính thức của các thể chế.¹ Soi rọi vào Việt Nam có thể thấy rằng nước ta đang đảm bảo cả 3 tiêu chí trên và có khả năng thúc đẩy hiệu quả ngoại giao chuyên biệt ở các cơ chế đa phương khác nhau. Ví dụ, Việt Nam có lợi thế lớn về ngoại giao văn hoá với hệ thống di sản được thế giới công nhận và yếu tố truyền thống văn hoá dân tộc; đồng thời cũng có khả năng triển khai ngách ngoại giao giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống bởi kinh nghiệm đối phó với các loại hình thiên tai. Hơn 70 cơ chế đa phương khác nhau cùng sự liên kết đa tầng nấc và sự

¹ M. Chaziza, C. Lutmar, “Saudi Arabia’s Niche Diplomacy: A middle power’s strategy for global influence”, World, 6/2025, p. 3.

công nhận của cộng đồng thế giới trước những sáng kiến, ý tưởng của Việt Nam, đặc biệt trong thời gian gần đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam tiếp tục khẳng định thế mạnh của mình. Do đó, việc thực hiện ngoại giao chuyên biệt sẽ góp phần đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương thời gian tới khi nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của thế giới.

Thứ tư, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, mục tiêu phát triển đòi hỏi một nguồn lực vô cùng to lớn và cần có sự tham gia liên tục, thường xuyên của đối ngoại để kiến tạo điều kiện, môi trường phát triển phù hợp cũng như tập hợp được nguồn lực. Việt Nam cần lựa chọn các lĩnh vực ngoại giao khác nhau ở từng cơ chế đa phương khác nhau để vừa tạo lập và nâng tầm hình ảnh quốc gia, vừa tranh thủ được lợi thế của từng cơ chế đa phương trong phát triển. Ví dụ, đối với Liên hợp quốc, các hoạt động ngoại giao văn hoá, ngoại giao nhân văn liên quan đến cứu trợ cứu nạn, sự tham gia vào lực lượng gìn giữ hoà bình thế giới, các hoạt động ngoại giao nhằm giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống hay quyền con người được coi là trọng tâm thúc đẩy. Với Liên minh châu Âu, Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động hợp tác ngoại giao vì nguồn năng lượng mới, sạch và hướng đến mục tiêu giảm trừ phát thải bằng 0 vào năm 2050. Tại ASEAN, ngoại giao văn hoá, đối ngoại nhân dân có thể là những kênh quan trọng để thúc đẩy hợp tác, từ đó gia tăng hợp tác trong kinh tế và chính trị. Với tiểu vùng sông Mekong, ngoại giao nước, ngoại giao chống tội phạm xuyên biên giới có thể trở thành hướng hợp tác chính bên cạnh vấn đề hợp tác kinh tế. Có thể thấy, mỗi cơ chế đa phương sẽ cung cấp một hướng đi “chuyên biệt” cho Việt Nam; và ngược lại, việc vận dụng hợp lý các “ngách” trong từng cơ chế sẽ giúp Việt Nam khẳng định được vai trò và vị thế khu vực và quốc tế, góp phần nâng tầm đối ngoại đa phương.

Thứ năm, việc triển khai ngoại giao chuyên biệt phù hợp với lợi ích, thế mạnh của Việt Nam, nhất là các thách thức toàn cầu sẽ thực sự góp phần đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam. Đầu tiên, việc lựa chọn các hoạt động

chính, cốt lõi trong từng cơ chế đa phương sẽ tạo ra mũi nhọn đột phá, tập trung được toàn bộ nguồn lực con người, tài chính, thể chế để đảm bảo tính hiệu quả hoạt động. Hai là, Việt Nam ở mỗi thể chế đa phương gắn liền với một hoặc một vài hoạt động ngoại giao “ngách” sẽ định hình được hình ảnh Việt Nam sắc nét hơn, hiệu quả hơn. Ba là, ngoại giao chuyên biệt sẽ giúp Việt Nam tập trung khẳng định được đóng góp tại những cơ chế có ý nghĩa chiến lược, đáp ứng được đòi hỏi của khu vực và thế giới về hình ảnh và trách nhiệm của một quốc gia tầm trung. Đảm bảo được điều đó, Việt Nam sẽ khẳng định được vị thế quốc gia trong sự công nhận quốc tế bởi xu hướng khuyến khích sự gắn kết, hài hòa và ổn định trong cấu trúc toàn cầu cũng như xử lý các vấn đề chiến lược bằng các giải pháp đa phương, và xây dựng hình ảnh công dân toàn cầu hữu ích.¹

Kết luận

Có thể khẳng định với nguồn lực hiện có, việc lựa chọn vận dụng linh hoạt, khéo léo các phương thức ngoại giao khác nhau là cần thiết, quan trọng để Việt Nam có thể đảm bảo các mục tiêu phát triển và nâng tầm ảnh hưởng. Khi mà cạnh tranh chiến lược nước lớn dẫn đến nguy cơ xung đột ngày càng cao, việc Việt Nam lựa chọn tiếp tục nâng tầm và đẩy mạnh đối ngoại đa phương, cùng kết hợp sáng tạo với các hoạt động ngoại giao chuyên biệt, ít liên quan đến cạnh tranh chính trị vừa giúp đảm bảo được nền ngoại giao độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá, vừa tránh được việc bị lôi kéo vào vòng xoáy cạnh tranh và xung đột, nhưng lại khẳng định được những đóng góp thực chất của Việt Nam trong các lĩnh vực thế giới đang quan tâm. Từ lý thuyết đến thực tiễn đều chỉ ra rằng quốc gia tầm trung như Việt Nam có thể lựa chọn con đường ngoại giao chuyên biệt trong tổng thể các cơ chế đa phương để phát huy hơn nữa giá trị quốc gia, từ đó định vị hình ảnh

¹ A. F. Cooper, K.R. Nossal, & R.A. Higgott, *Relocating middle powers, Australia and Canada in a changing world order*, UBC Press, Vancouver, 1993, pp. 17-18; E. Jordaan, “The Concept of a middle power in international relations: Distinguishing between emerging and traditional middle powers”, *Politikon: South African Journal of Political Studies*, 2003, 30 (1), pp. 165-181.

trong quan hệ quốc tế như một công dân toàn cầu hữu ích, có trách nhiệm. Do đó, trong thời gian tới, thực hiện hiệu quả ngoại giao chuyên biệt trong khuôn khổ các cơ chế đa phương là một cách thức quan trọng để thúc đẩy và nâng tầm đối ngoại đa phương nói riêng, đối ngoại Việt Nam nói chung./.

TRƯỜNG PHÁI NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VỚI NỀN NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS. Nguyễn Viết Thảo*

Tóm tắt: Về các quan hệ quốc tế, đường lối đối ngoại và chính sách ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại di sản quý báu bao gồm tư tưởng ngoại giao, phong cách ngoại giao, thực tiễn ngoại giao đặc sắc, hiệu quả vừa tràn đầy bản chất của nền ngoại giao cách mạng của giai cấp vô sản, đậm đà bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa bang giao quốc tế của các quốc gia dân tộc trên thế giới. Tất cả hòa quyện thành trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh, mở đầu cho nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, mà toàn Đảng, toàn dân kế thừa, phát triển với những nội dung vẫn còn nguyên giá trị bền vững. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh tiếp tục soi sáng cho quá trình củng cố và phát triển nền ngoại giao đa phương Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Lãnh tụ Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh; Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh; Ngoại giao Việt Nam; Thời đại Hồ Chí Minh; Ngoại giao đa phương Việt Nam

Trường phái (school) là nội dung và cách thức thực hành hoạt động học thuật, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của một đội ngũ những người cùng chí hướng và phương pháp luận do một nhân vật đứng đầu hướng đạo, làm mẫu, tổ chức, rèn luyện. Trong nhiều trường hợp, trường phái gắn với tư tưởng và hệ tư tưởng; với khuynh hướng, xu hướng lịch sử; với thiết chế giáo dục, đào tạo...

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) là Anh hùng Giải phóng Dân tộc Việt Nam và Danh nhân Văn hóa thế giới; người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam; người

* Nguyên Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

sáng lập, tổ chức, rèn luyện Đảng, Nhà nước Việt Nam; chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế; người bạn lớn của nhân dân các dân tộc trên thế giới. Từ đầu thế kỷ XX, với việc tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc, con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người đã mở ra thời đại Hồ Chí Minh: chấm dứt lịch sử phong kiến - thuộc địa; gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, dân tộc với quốc tế; đưa Việt Nam tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, công cuộc đổi mới là sự tiếp nối hành trình của thời đại Hồ Chí Minh vì Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu” như khát vọng cao đẹp của Người.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, đã xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh như sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cách mạng Việt Nam; khoa học và nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh đánh bại mọi học thuyết chiến tranh của thực dân, đế quốc hàng đầu; trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh tạo ra sức mạnh thời đại hùng hậu, kết hợp với sức mạnh dân tộc to lớn đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh có những nội dung quan trọng nhất sau đây, có giá trị nền tảng cho nền ngoại giao đa phương của Việt Nam hiện nay:

Nền ngoại giao vì hòa bình, độc lập, tự chủ, toàn diện, hiện đại

Là chiến sĩ cộng sản mẫu mực, Hồ Chí Minh luôn nhất quán trong nhận thức và hành động rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa mang bản chất hòa bình, nhưng không phải là một thứ hòa bình giả hiệu, mong manh, mà phải là một nền hòa bình chân chính, vững chắc dựa trên độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, công lý và nhân phẩm.

Trong những năm đầu của Chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tranh thủ đến cả những cơ hội nhỏ nhất để bảo vệ nền hòa bình, kể cả phải nhượng bộ, thỏa hiệp với đối phương. Đến khi không còn cơ hội nào

nữa, vị lãnh tụ mới kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Với chính quyền Mỹ, lãnh tụ Hồ Chí Minh rất rõ ràng lập trường hòa bình đúng đắn: “Chúng tôi không đánh nước Mỹ. Chúng tôi không phạm một hành động đối địch nào vào lãnh thổ của các ông. Còn khi Mỹ vẫn tiến hành chiến tranh mà lại thương lượng, thì đó là đi xin hòa bình, là đầu hàng. Đó là điều chúng tôi không bao giờ làm”¹. Cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, dù đang lâm bệnh nặng, trong lá thư viết trả lời Tổng thống Mỹ R.Níchxon ngày 25-8-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thực sự”². Người còn bộc bạch: “Tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp Tổng thống Mỹ đến đây một cách hòa bình. Chúng tôi chìa bàn tay hữu nghị với bất kỳ quốc gia nào thừa nhận Việt Nam là một nước tự do và độc lập”³

Độc lập, tự chủ là chân dung nổi bật của nhà chính trị Hồ Chí Minh. Độc lập là không phụ thuộc, bắt chước, sao chép, giáo điều. Tự chủ là chủ động, tự mình quyết định hành động của mình, tự chịu trách nhiệm trước nhân dân, biết làm chủ bản thân và công việc.

Trong quan hệ quốc tế và đối ngoại, lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định: “Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thềm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”⁴. Đối với quan hệ giữa các đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau. Liên Xô và Trung Quốc ra sức giúp đỡ ta một cách vô tư, khảng khái, để chúng ta có thêm điều kiện tự lực cánh sinh”⁵. Người cũng nhiều lần căn dặn:

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập. Nxb. Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2002, t.12, tr. 198

² Sách trên, tr.488

³ Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2008, t.10, tr.12

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 162

⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 10, tr. 103

“Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹.

Nền ngoại giao của đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng

Hồ Chí Minh trưởng thành trong phong trào cộng sản quốc tế; là lãnh tụ của cách mạng vô sản, chính Đảng và chế độ cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Người không bao giờ thụ động, sao chép lý luận và thực tiễn của cộng sản quốc tế vào đường lối đối nội và đối ngoại của Việt Nam, mà luôn vận dụng một cách phù hợp và thông qua đó góp phần bổ sung, phát triển lý luận cộng sản. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã vượt qua khuôn mẫu đấu tranh giai cấp cứng nhắc của không ít đội ngũ cộng sản thế kỷ XX, làm hình thành nền ngoại giao hiện đại của đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng ngay trong bối cảnh đối đầu gay gắt giữa hai hệ thống, giữa Đông và Tây.

Trước khi thành lập nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp cho Chính phủ Pháp, các nước Đồng minh và Liên hợp quốc rằng nước Việt Nam mới sẵn sàng hợp tác với các nước trong việc kiến thiết quốc gia và xây dựng một thế giới tốt đẹp: “Bất kỳ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh”².

Ngay từ buổi đầu thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"³, được thể hiện nhất quán, cụ thể:

1- Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr. 445

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr. 145

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.220

2- Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

- a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.
- b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.
- c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.
- d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt...¹

Trong khi kết tội quân xâm lược hiếu chiến ở nhiều quốc gia vi phạm Hiến chương Đại Tây Dương và Hiến chương Xan Phran-xít-cô, trên cơ sở khẳng định nền độc lập vững chắc, mong muốn hòa bình và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tuyên bố với thế giới về quan điểm thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì hòa bình và thịnh vượng chung. Ngày 14-1-1946, Người đã có điện văn gửi Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc và đại diện một số nước tại Đại hội đồng khẳng định trách nhiệm và sự đóng góp quan trọng, có ích của Việt Nam trong việc “giải quyết một cách nhanh chóng và hoà bình cho các vấn đề ở Đông Nam Á châu hiện nay...Chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững”². Tháng 12 năm 1946, Hồ Chí Minh nêu rõ Trong Lời kêu gọi Liên hợp quốc: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực"³.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.4, tr. 523

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.4, tr.180, 210

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.4, tr.470

Trong Lời tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính phủ các nước trên thế giới, ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới”¹

Nền ngoại giao cách mạng với chủ nghĩa quốc tế chân chính

Giai cấp vô sản khác hẳn các giai cấp khác trong lịch sử loài người ở chỗ, chỉ giải phóng được mình khi đồng thời giải phóng toàn xã hội. Sự nghiệp cộng sản chỉ thành công khi giai cấp vô sản toàn thế giới biết đoàn kết, liên minh chiến đấu và chiến thắng giai cấp tư sản toàn thế giới. Khi xây dựng học thuyết cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản, các nhà kinh điển C.Mác và Ph.Ăngghen đã xác lập khẩu hiệu: “Vô sản toàn thế giới, đoàn kết lại!”. Trong điều kiện mới đầu thế kỷ XX, lãnh tụ V.I. Lênin bổ sung khẩu hiệu mang tính chiến lược ấy thành: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản do các nhà kinh điển dựng lên được đội ngũ lãnh tụ cách mạng trên thế giới kế thừa, vận dụng, phát triển rất sinh động. Tiêu biểu là trường hợp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có đóng góp to lớn đối với thế giới ngay từ đầu thế kỷ XX trong nhận thức và thực tiễn giải quyết vấn đề thuộc địa. Người không nhìn nhận giản đơn vấn đề thuộc địa chỉ là vấn đề nông dân; cũng không máy móc nhận thức vấn đề thuộc địa hoàn toàn là vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Thực chất của vấn đề thuộc địa là vấn đề dân tộc thuộc địa, là đấu tranh xoá bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, là cách mạng giải phóng dân tộc. Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên phát hiện chủ nghĩa thực dân như con đĩa hai vôi, một vôi bám vào khai thác thuộc địa, một vôi bám vào bóc lột lao động ở chính quốc;

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.311

muốn tiêu diệt con quái vật này, phải cắt đứt cả hai chiếc vòi, trong đó chiếc vòi ở thuộc địa có khả năng cắt bỏ trước. Cách mạng giải phóng thuộc địa có thể nổ ra trước và cần đi trước cách mạng vô sản ở chính quốc; là bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới¹. Đây chính là nội dung độc đáo của chủ nghĩa quốc tế vô sản Hồ Chí Minh.

Suốt 30 năm bôn ba khắp năm châu vừa lao động, học tập và đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc về bức tranh chung của thế giới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa: "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"². Trên cơ sở ấy, Người vạch ra quy luật: “Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới. Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”³.

Được Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ chủ trì thành lập chính Đảng Cộng sản ở Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp soạn thảo Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt của Đảng, trong đó vạch rõ: “Phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”⁴.

Nét đặc sắc trong chủ nghĩa quốc tế vô sản Hồ Chí Minh là nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa dân tộc và mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc trong sự nghiệp cách mạng vô sản. Đối với châu Âu và các quốc gia phát triển phương Tây, các lực lượng dân tộc đã hết vai trò tích cực và các chính phủ tư sản đã biến chủ nghĩa dân tộc thành chủ nghĩa dân tộc tư sản tuyên truyền về sự ưu việt của dân tộc này so với các dân tộc khác, reo rắc thù hằn dân tộc, sắc tộc. Ở phương

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr.273

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t1, tr. 287

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr. 284

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t3, tr.4

Đông, nơi chưa có sự phân hóa giai cấp đến đỉnh cao, tình hình lại khác hẳn. Nhiều lực lượng dân tộc còn đầy tiềm năng tích cực mà cách mạng phải giành lấy, tổ chức họ thành đội ngũ đấu tranh chống phong kiến, thực dân, đế quốc.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam vừa được tận hưởng sự giúp đỡ quý báu của tình hữu ái vô sản và cũng phải chứng kiến sự bất hòa xót xa giữa các đảng cộng sản anh em. Trong bối cảnh đó, Người đã dày công giáo dục cán bộ, đảng viên mối quan hệ giữa các đảng cộng sản, công nhân cũng như giữa các tổ chức dân chủ, tiến bộ trên thế giới dựa trên nền tảng chủ nghĩa quốc tế vô sản là một tất yếu trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đế quốc đã trở thành lực lượng quốc tế; nguyên tắc giữ vững tính độc lập tự chủ trên tinh thần quốc tế chân chính; nhận thức sâu sắc rằng "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình"; đảm bảo nguyên tắc "tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân của nước bạn".

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh phương châm "có lý", "có tình" trong quan hệ quốc tế giữa các đảng cộng sản, công nhân. "Có lý" trước hết là tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. "Có tình" là sự thông cảm, tôn trọng nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, mục tiêu đấu tranh, khắc phục tư tưởng nước lớn, đảng lớn. "Có lý", "có tình" là biểu hiện sinh động của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn cộng sản chủ nghĩa.

Nền ngoại giao “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau, Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng trao quyền Quyền Chủ tịch nước cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ dĩ bất biến, ứng vạn biến”¹. Từ đó, “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trở thành nguyên tắc vàng của nền ngoại

¹ Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử, Sdd, t3, tr216.

giao Việt Nam. “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là lấy cái không thể thay đổi (bất biến) để ứng phó với muôn sự thay đổi (vạn biến).

Mục tiêu “bất biến” của Việt Nam đã được chính Người nêu rõ: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”, là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là chủ quyền quốc gia, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ. Còn lại, tất cả là “vạn biến” linh hoạt, mềm dẻo...¹.

Việt Nam không phải là nước lớn, thậm chí trong thời gian dài, là quốc gia chậm phát triển; mặt khác, lại thường xuyên phải đương đầu với các thế lực lớn hàng đầu thế giới. Vị thế và hoàn cảnh đặc thù như vậy đặt ra yêu cầu đối với lãnh tụ, lãnh đạo Việt Nam phải vừa kiên định những mục tiêu chiến lược và linh hoạt trong sách lược, phù hợp với từng vụ việc, bối cảnh, đối tác, đối tượng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh là một tấm gương và, hơn thế, đã tạo lập phong cách “dĩ bất biến, ứng vạn biến” cho nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại mang tên Người.

Trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” của những năm 1945 - 1946, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thể hiện thiên tài ngoại giao: tạm thời nhân nhượng, thỏa hiệp với Pháp, không để quân đội Anh vào giải giáp quân phiệt Nhật, đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước bằng việc ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 và Tạm ước ngày 15 - 9 - 1946

Hiệp định Sơ bộ công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng; đồng ý thực hiện trung cầu dân ý tại Nam kỳ về việc tái thống nhất với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đổi lại, Chính phủ ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200.000 quân Trung Hoa Quốc dân Đảng để giải giáp quân Nhật. Số quân này phải rút hết khỏi Việt Nam trong vòng 5 năm. Hai bên thực hiện ngưng bắn, giữ nguyên quân đội tại vị trí hiện thời

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t8, tr. 555

để đàm phán về chế độ tương lai của Đông Dương, về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nước ngoài, những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam...

Sau bế tắc của Hội nghị Fontainebleau, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Marius Moutet Tạm ước Việt - Pháp khẳng định hai bên tôn trọng tinh thần và một số điều khoản của Hiệp định Sơ bộ 6 - 3, nhất là các điều liên quan đến vị thế độc lập của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp, cam kết quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ... Hai bên sẽ đình chỉ hết mọi hành động xung đột và vũ lực” ở Nam Bộ từ ngày 30 - 10 - 1946; tôn trọng các quyền tự do dân chủ; sẽ quyết định thể thức về trưng cầu dân ý ở Nam Bộ. Pháp sẽ thả những người yêu nước Việt Nam bị bắt giữ; Việt Nam sẽ trả lại các tài sản của người Pháp đã bị tịch thu, sẽ tôn trọng tài sản và cơ sở kinh tế của người Pháp và cho phép họ hưởng các quyền tự do tương tự như các công dân Việt Nam kể cả quyền tự do kinh doanh và sẽ ưu tiên sử dụng các cố vấn và chuyên gia Pháp; Việt Nam sẽ cho phép các cơ quan giáo dục, khoa học Pháp được tự do hoạt động, trả lại Viện Paster ở Hà Nội cho Pháp; Việt Nam đồng ý coi đồng bạc Đông Dương là đồng tiền duy nhất cho toàn Đông Dương và đồng ý sẽ lập một liên minh hải quan với các thành viên khác của Liên bang Đông Dương...

Tạm ước 14 - 9 đưa ra những nhân nhượng cao nhất về kinh tế, thương mại mà Chính phủ Việt Nam có thể dành cho Pháp. Nếu Hiệp định Sơ bộ giúp ta phân hóa hàng ngũ đối phương, loại bớt kẻ thù, tránh cùng lúc đối phó với nhiều kẻ thù, thì Tạm ước thể hiện rõ kế trì hoãn, tạo điều kiện tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài không thể tránh khỏi. Tạm ước 14 - 9 cũng là thiện chí cứu vãn hòa hoãn, tránh một sự đổ vỡ hoàn toàn quan hệ giữa hai nước, duy trì khả năng tiếp tục thương lượng hòa bình về một giải pháp song phương về sau.

Phong cách ngoại giao “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” tiếp tục tỏa sáng trong các giai đoạn tiếp theo của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của lãnh tụ Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng nghệ thuật giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn”, “vừa đánh, vừa đàm” để làm cho “Mỹ cút” trước tiên và đánh cho “ngụy nhào” sau đó... Cao hơn nữa, chính phong cách ngoại giao đặc sắc ấy đã đảm bảo cho cách mạng Việt Nam sức mạnh thời đại to lớn ngay cả ở những thời điểm xảy ra bất đồng nghiêm trọng giữa các lực lượng cộng sản chủ chốt. Cả thế giới, từ cánh tả đến cánh hữu, từ cộng sản đến dân tộc tiến bộ, từ phương Tây trung tâm của chủ nghĩa tư bản đến ngoại vi Á, Phi, Mỹ Latinh rộng lớn... kết thành một mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh chống thực dân, đế quốc. Sự kiện độc nhất vô nhị này trong nền chính trị thế giới thế kỷ XX thể hiện giá trị vượt thời gian của nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay, Đảng, Nhà nước đã khắc phục tư duy đối ngoại “nhất biên đảo”, tuyệt đối hóa mục tiêu ý thức hệ; kế thừa, vận dụng và phát triển trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh lên những tầm cao mới; thực hiện đường lối ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên chủ động, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Nền ngoại giao Việt Nam đã tiên phong trong sứ mệnh tạo lập môi trường quốc tế hòa bình, ổn định; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng hệ thống quan hệ quốc tế rộng mở, có chiều sâu; thu hút nhiều nguồn lực quan trọng, không thể thiếu cho sự phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của quốc gia dân tộc trên trường quốc tế. Đó là nền ngoại giao cách mạng trong thế giới ngày nay, vừa kiên định mục tiêu, bản chất xã hội chủ nghĩa; phù hợp với các xu thế lớn của thế giới đương đại cũng như các điều kiện cụ thể của đất nước và mang đậm bản sắc của trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Kết luận

Đối ngoại là sự tiếp nối của đối nội, bằng nội dung và phương thức khác. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thực hiện trong điều kiện của một quốc gia phong kiến - thuộc địa phương Đông, chậm phát triển và trong bối cảnh thời đại khác xa so với dự cảm của các nhà kinh điển C.Mác, Ph.Ăngghen và cũng không như hoàn cảnh của nước Nga Xô viết của V.I.Lênin đầu thế kỷ XX. Bởi vậy, lịch sử đặt ra cho lãnh tụ Hồ Chí Minh sứ mệnh khai mở một nền ngoại giao thích hợp nhằm mang lại nhân tố quốc tế tích cực và điều kiện thuận lợi cho cách mạng trong nước. Vị lãnh tụ thiên tài đã đáp ứng kịp thời, hiệu quả đòi hỏi ấy bằng trường phái ngoại giao đặc sắc Việt Nam trong thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xác định là trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh như cách nói thu gọn của trường phái ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Trường phái ngoại giao mang tên Người đã tiên phong gắn kết dân tộc với thời đại; Việt Nam với thế giới; thế giới với Việt Nam; ngoại giao song phương với ngoại giao đa phương trong đấu tranh giải phóng dân tộc trước kia và đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay. Di sản vô giá mang tên Hồ Chí Minh trở thành giá trị chung cho nền ngoại giao chân chính của các dân tộc ngày nay trong sự nghiệp xây dựng một thế giới hòa bình, độc lập, dân chủ, hợp tác và phát triển./.

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG TỔNG THỂ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THEO TÌNH THẦN ĐẠI HỘI XIII

PGS, TS. Hoàng Phúc Lâm*

Tóm tắt: Đường lối đối ngoại của Việt Nam từ khi Đổi mới luôn nhất quán với phương châm độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Trong đó, đối ngoại đa phương ngày càng khẳng định vị trí quan trọng như một cấu phần không thể tách rời của đường lối, chính sách đối ngoại Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng 2021 đã kế thừa và phát triển đường lối đối ngoại: nhấn mạnh yêu cầu “đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương” nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời nâng cao vị thế đất nước trong bối cảnh quốc tế mới¹. Thực tiễn nhiệm kỳ Đại hội XIII cho thấy, đối ngoại đa phương của Việt Nam không chỉ góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển và bảo vệ Tổ quốc, mà còn đem lại những thành tựu quan trọng về hội nhập kinh tế và uy tín đối ngoại, “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

Từ khoá: Đường lối đối ngoại, Việt Nam, Đại hội XIII

1. Định hướng đối ngoại đa phương theo tinh thần Đại hội XIII

Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng, đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức chưa từng có đối với công tác đối ngoại Việt Nam. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhận định hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng đang gặp nhiều trở ngại bởi “thế giới đang trải qua những biến

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr 281 - 283

động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo”. Các thách thức an ninh phi truyền thống như dịch bệnh (đại dịch COVID-19), biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, năng lượng... gia tăng, đòi hỏi các quốc gia phải hợp tác chặt chẽ trên phạm vi đa phương để ứng phó hiệu quả. Cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, đặt ra yêu cầu Việt Nam giữ vững độc lập, tự chủ và cân bằng quan hệ, đồng thời tận dụng các cơ chế đa phương để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với các lợi ích chính đáng của mình. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường đối ngoại đa phương được Đảng ta xác định là xu thế tất yếu nhằm góp phần giải quyết các vấn đề chung cấp bách và bảo vệ hiệu quả lợi ích quốc gia, dân tộc.

Về phía Việt Nam, sau 40 năm Đổi mới, thế và lực đất nước đã lớn mạnh, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việt Nam nhận thức “là một bộ phận của thế giới” và không thể tách rời các xu hướng chung. Nghị quyết 22 -NQ/TW, ngày 10-4-2013 đã trở thành định hướng chiến lược cho đối ngoại đa phương: Việt Nam chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ, chủ động đề xuất sáng kiến, trong các cơ chế đa phương, dựa trên nguyên tắc cùng có lợi... Trong quá trình hội nhập quốc tế, đối ngoại đa phương được xác định như một kênh quan trọng giúp Việt Nam tranh thủ “*sức mạnh thời đại*”, kết hợp với “*sức mạnh dân tộc*” nhằm phục vụ phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn cũng chứng minh tham gia tích cực các cơ chế đa phương đã giúp Việt Nam mở rộng quan hệ, thu hút nguồn lực bên ngoài, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng trước các biến động bên ngoài, qua đó tăng cường tự chủ, tự cường của đất nước.

Để đẩy mạnh đối ngoại đa phương, Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục ra Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 về “*đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*”.

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh mới của thế giới, khu vực và trong nước, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra những định hướng quan trọng về đối ngoại đa

phương. Trước hết, Đại hội XIII khẳng định nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng vì lợi ích quốc gia, dân tộc¹. Mục tiêu đối ngoại cao nhất là bảo đảm lợi ích tối thượng của quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Văn kiện Đại hội nêu rõ: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và *nâng tầm đối ngoại đa phương*. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp Quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mekong và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể...”². Như vậy, Đảng ta xác định ASEAN, Liên Hợp Quốc, APEC, hợp tác Mekong... là những trọng tâm ưu tiên của đối ngoại đa phương. Các lĩnh vực ưu tiên gồm kinh tế, quốc phòng, an ninh và các vấn đề chiến lược khác, với thái độ tham gia là chủ động, tích cực, có trách nhiệm. Đây là bước phát triển mới về tư duy, nhấn mạnh việc Việt Nam không chỉ tham dự mà còn đóng góp, “nâng cao vai trò” trong xây dựng và định hình các thể chế đa phương và trật tự quốc tế vì lợi ích quốc gia và lợi ích chung

Bên cạnh đó, Đại hội XIII lần đầu tiên đưa ra chủ trương xây dựng “nền ngoại giao toàn diện, hiện đại” với ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Đây là cơ sở để đối ngoại đa phương được triển khai đồng bộ ở mọi cấp, mọi ngành, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Đảng nhấn mạnh đối ngoại cần phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, giữa đa phương và song phương, giữa trung ương và địa phương... để tạo sức mạnh tổng lực trên mặt trận đối ngoại. Tư tưởng “tiên phong” của đối ngoại được đề cao: đối ngoại phải đi trước, “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”, tranh thủ thời cơ và

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 117 - 118

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 162

nguồn lực quốc tế cho phát triển. Nói cách khác, đối ngoại đa phương theo tinh thần Đại hội XIII được định hướng vừa phục vụ trực tiếp các mục tiêu an ninh và phát triển của đất nước, vừa góp phần định hình luật lệ và trật tự quốc tế theo hướng có lợi cho hòa bình, công lý và tiến bộ.

Việc tư duy “nâng tầm đối ngoại đa phương” của Đảng dựa trên những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy từ các nhiệm kỳ trước. Từ khi Đổi mới, Việt Nam đã chủ động “thêm bạn, bớt thù”, phá thế bị bao vây cấm vận, mở cửa hội nhập khu vực và thế giới. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia trong đó có 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết, hình thành mạng lưới liên kết kinh tế sâu rộng. Việt Nam là thành viên hầu hết các tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương quan trọng, từ LHQ, ASEAN, APEC, WTO đến các cơ chế hợp tác tiểu vùng, liên khu vực. Không chỉ tham gia, Việt Nam còn đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế: hai lần Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc (HĐBA LHQ) nhiệm kỳ 2008-2009, 2020-2021, Chủ tịch ASEAN (các năm 1998, 2010, 2020), chủ nhà APEC (năm 2006, 2017), chủ nhà ASEM năm 2004... và đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn như WTO 2006, WEF-ASEAN 2018, Thượng đỉnh Mỹ - Triều 2019, v.v.). Những đóng góp tích cực đó tạo dựng hình ảnh một Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Chính thực tiễn đối ngoại sôi động đã khẳng định hiệu quả của ngoại giao đa phương, tạo tiền đề để Đại hội XIII nhấn mạnh “nâng tầm” lĩnh vực này. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII (2016-2020), Việt Nam đã phát huy vai trò nòng cốt tại ASEAN (điển hình là chủ nhà ASEAN 2020), đồng thời trùng cử với số phiếu cao kỷ lục vào HĐBA LHQ nhiệm kỳ 2020-2022. Việt Nam cũng tham gia sâu vào các vấn đề toàn cầu: từ thúc đẩy *thượng tôn luật pháp quốc tế* trong gìn giữ hòa bình, bảo vệ thường dân, đến dẫn dắt sáng kiến về an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu tại HĐBA. Những kết quả đó cho thấy ngay cả là nước đang phát triển, Việt Nam vẫn có thể đóng vai trò “*tạo luật chơi*” ở mức độ nhất định khi biết tận dụng

hiệu quả các diễn đàn đa phương. Đồng thời, việc chung tay giải quyết thách thức khu vực và toàn cầu giúp Việt Nam tranh thủ được sự tin cậy từ cộng đồng quốc tế - một nguồn lực mềm quan trọng cho an ninh và phát triển quốc gia.

2. Vai trò và thành tựu của đối ngoại đa phương trong thực hiện đường lối đối ngoại theo tinh thần Đại hội XIII

Trong 5 năm qua (2021-2025), đối ngoại đa phương của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đóng góp thiết thực trên mọi mặt trận từ chính trị-an ninh đến kinh tế, văn hóa.

Một là, góp phần giữ vững hòa bình, bảo vệ lợi ích an ninh và chủ quyền quốc gia

Trước hết, đối ngoại đa phương đã thể hiện vai trò quan trọng trong bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia - lợi ích cốt lõi của dân tộc. Các diễn đàn và cơ chế đa phương là “mặt trận” để Việt Nam đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng bằng biện pháp hòa bình và pháp lý. Phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh, Việt Nam đã đấu tranh kiên quyết, kiên trì trước mọi hành vi vi phạm chủ quyền, đồng thời chủ động thúc đẩy đàm phán, hợp tác giải quyết các vấn đề tồn đọng về biên giới, lãnh thổ. Trên Biển Đông, Việt Nam kiên trì vận động ASEAN và các đối tác ủng hộ việc xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC) phù hợp luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982, góp phần duy trì đường biên giới hòa bình, ổn định trên bộ và trên biển¹.

Tại Liên Hợp Quốc, Việt Nam tích cực đề cao các nguyên tắc Hiến chương LHQ và luật pháp quốc tế - nền tảng bảo vệ các nước nhỏ trước luật lệ “cá lớn nuốt cá bé”. Trong nhiệm kỳ Ủy viên HĐBA 2020-2021, Việt Nam đã chủ trì nhiều phiên thảo luận quan trọng, đưa ra sáng kiến về thượng tôn luật pháp trong duy trì hòa

¹Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (2024), *Tầm vóc đối ngoại mới, tạo đà thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, tại trang <https://vufo.org.vn/Tam-voc-doi-ngoai-moi-cao-da-thuan-loi-cho-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-65-110497.html?lang=vn>

bình, an ninh quốc tế, bảo vệ thường dân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em trong xung đột, và ứng phó hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu. Việt Nam cũng thúc đẩy HDBA thông qua Tuyên bố Chủ tịch về khắc phục hậu quả bom mìn, qua đó tranh thủ được sự đồng thuận quốc tế về một vấn đề gắn liền lợi ích an ninh con người của Việt Nam. Có thể nói, bằng nỗ lực ngoại giao đa phương kiên định và linh hoạt, Việt Nam đã bảo vệ được các lợi ích an ninh cốt lõi “*từ sớm, từ xa*” trong môi trường quốc tế đầy biến động.

Một đóng góp quan trọng khác là việc tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình LHQ, qua đó vừa góp phần giữ hòa bình khu vực, vừa nâng cao thể trận bảo vệ Tổ quốc từ vòng ngoài. Tính đến 2023, Việt Nam đã cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ tới các phái bộ LHQ tại châu Phi, trong đó có Đội Công binh và Bệnh viện dã chiến tham gia sứ mệnh tại Nam Sudan, Abyei. Lần đầu tiên, Việt Nam còn tham gia hoạt động cứu hộ nhân đạo quốc tế (gửi đội cứu nạn hỗ trợ thảm họa động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ và Lào đầu 2023). Những hoạt động này thể hiện tinh thần “*góp phần bảo vệ hòa bình từ xa*”, đồng thời giúp quân đội và lực lượng của ta nâng cao năng lực, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trong tình huống cần thiết.

Hai là, mở rộng hợp tác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Các diễn đàn đa phương về kinh tế - thương mại cho phép Việt Nam mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phục vụ tăng trưởng. Việc tham gia WTO và hàng loạt FTA như CPTPP, RCEP, EVFTA... giúp Việt Nam hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2024 đạt mốc kỷ lục mới với 786 tỷ USD¹. Việt Nam hiện nằm trong nhóm các nước tiếp nhận FDI hàng đầu thế giới, đồng thời xuất khẩu của ta đã vươn tới hầu hết thị trường lớn nhờ tận dụng tốt 17 FTA đã ký kết. Những thành quả này

¹ *Quân đội Nhân dân Online* (2025), *Việt Nam xuất nhập khẩu năm 2024 vượt 786 tỷ USD*, tại trang <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/viet-nam-xuat-nhap-khau-nam-2024-vuot-786-ty-usd-810251>

có sự đóng góp không nhỏ của quá trình đàm phán, vận động đa phương mà đội ngũ ngoại giao đã kiên trì thực hiện trong nhiều năm.

Bên cạnh thương mại và đầu tư, ngoại giao đa phương còn hỗ trợ Việt Nam kết nối với các xu hướng phát triển mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Trong giai đoạn 2021-2025, Việt Nam tích cực tham gia các sáng kiến đa phương về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo thông qua hợp tác với các đối tác hàng đầu như Mỹ, Nhật, EU, Ấn Độ, Hàn Quốc. Nhờ đó, ta đón bắt được làn sóng chuyển dịch đầu tư và hỗ trợ công nghệ từ bên ngoài, tạo đà cho nền kinh tế chuyển đổi sang giai đoạn phát triển cao hơn. Việt Nam đã cùng G7 và đối tác thiết lập Quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) nhằm huy động 15,5 tỷ USD cho năng lượng xanh, hay tham gia Liên minh Đối tác vì tăng trưởng xanh và Việt Nam đã chính thức đăng cai Hội nghị thượng đỉnh P4G lần thứ 4 vào ngày 16–17/4/2025 tại Hà Nội. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tổ chức một hội nghị đa phương cấp cao chuyên về phát triển xanh và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Ngoài ra, trong bối cảnh đại dịch Nhờ mạng lưới đối tác rộng khắp, Việt Nam đã nhận được hàng chục triệu liều vắc-xin và vật tư y tế hỗ trợ, góp phần kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế sớm. Đồng thời, Việt Nam cũng tham gia kêu gọi các nước dỡ bỏ rào cản thương mại và duy trì chuỗi cung ứng mở trong đại dịch, qua đó bảo vệ đà tăng trưởng ngoại thương của mình.

Bằng cách tích cực tham gia các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương, Việt Nam đã mở rộng không gian phát triển, tranh thủ được cả ngoại lực về vốn, công nghệ, thị trường lẫn kiến thức quản trị hiện đại. Ngoại giao đa phương thực sự trở thành “trọng tâm, nhiệm vụ cơ bản” của ngành ngoại giao, lấy địa phương, doanh nghiệp và người dân làm trung tâm phục vụ. Điều này đảm bảo cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn qua tuy đối mặt nhiều khó khăn toàn cầu nhưng vẫn đạt kết quả khả quan, giữ vững ổn định vĩ mô và tiếp tục đà hội nhập sâu rộng.

Ba là, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của đất nước

Việt Nam ngày càng được bạn bè quốc tế đánh giá cao như một thành viên tích cực, trách nhiệm và có đóng góp thực chất. Minh chứng là chúng ta đã tự tin đảm nhiệm thành công hàng loạt vị trí quan trọng tại các tổ chức quốc tế trong thời gian qua. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tích cực tham gia các diễn đàn của G20, G7 mở rộng, BRICS+... theo lời mời, qua đó tiếng nói và sáng kiến của ta được lắng nghe trong các vấn đề toàn cầu.

Đóng góp nổi bật của ngoại giao đa phương đã tạo dựng hình ảnh một Việt Nam đổi mới, năng động và đáng tin cậy. Tổng Thư ký LHQ António Guterres trong cuộc gặp Thủ tướng Phạm Minh Chính bên lề Thượng đỉnh G20 tại Brazil vào tháng 9 năm 2023 đã đánh giá Việt Nam là “*một hình mẫu của hòa bình và phát triển bền vững*”¹. Bạn bè quốc tế ghi nhận Việt Nam luôn nhất quán đề cao luật pháp quốc tế, Hiến chương LHQ, đồng thời có đóng góp cân bằng, hài hòa vào các vấn đề chung như chống biến đổi khí hậu, gìn giữ hòa bình, an ninh lương thực, an ninh mạng... Tại ASEAN, Việt Nam được nhìn nhận là nhân tố tích cực củng cố đoàn kết và dẫn dắt định hướng tương lai của Hiệp hội - thể hiện qua việc Việt Nam chủ trì xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 và tổ chức thành công Diễn đàn Tương lai ASEAN lần thứ nhất năm 2024. Những nỗ lực đó không chỉ nâng cao uy tín chính trị mà còn gia tăng mức độ tin cậy chiến lược của các đối tác đối với Việt Nam.

Đối ngoại đa phương còn tạo cơ hội để Việt Nam thể hiện vai trò “nòng cốt, dẫn dắt” trong những vấn đề phù hợp với lợi ích và năng lực của mình. Trong ASEAN và Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã chủ động khởi xướng nhiều sáng kiến hợp tác như: lập Quỹ ứng phó COVID-19, Kho dự phòng vật tư y tế khẩn cấp ASEAN, Khung phục hồi tổng thể ASEAN, Thỏa thuận hành lang đi lại ASEAN, đa số là sáng kiến do Việt Nam đề xuất năm 2020 và được hiện thực hóa trong 2021. Tại

¹ *Quân đội Nhân dân Online* (2025), *Việt Nam xuất nhập khẩu năm 2024 vượt 786 tỷ USD*, tại trang <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/viet-nam-xuat-nhap-khau-nam-2024-vuot-786-ty-usd-810251>

APEC 2021, Việt Nam đề xuất loạt ý tưởng về phục hồi kinh tế sau đại dịch, thúc đẩy kinh tế số, thương mại điện tử, tăng trưởng xanh bao trùm... Tất cả đề xuất của Việt Nam “*đều được ghi nhận đầy đủ*” trong các văn kiện APEC, cho thấy tiếng nói của ta có trọng lượng trong định hướng hợp tác khu vực. Đây là tiền đề để Việt Nam tự tin hơn trong việc tham gia định hình “luật chơi” ở tầm khu vực và quốc tế, thay vì chỉ bị động tuân theo luật chơi sẵn có..

Bốn là, hỗ trợ mở rộng đối ngoại song phương và quan hệ đối tác

Một đặc trưng của đường lối đối ngoại Việt Nam là kết hợp chặt chẽ giữa đa phương và song phương. Trên thực tế, hoạt động đa phương hiệu quả đã tạo bệ đỡ thuận lợi cho quan hệ song phương của Việt Nam với các nước, và ngược lại, quan hệ song phương tốt đẹp cũng giúp ta phát huy vai trò hơn ở các diễn đàn đa phương. Giai đoạn 2021-2024, Việt Nam tiến hành hơn 220 hoạt động đối ngoại cấp cao trên cả đa phương và song phương, bao gồm hơn 50 chuyến thăm của lãnh đạo chủ chốt tới hầu hết các đối tác quan trọng¹. Các chuyến thăm, gặp gỡ bên lề hội nghị đa phương cho phép lãnh đạo ta thúc đẩy trực tiếp quan hệ song phương với nhiều quốc gia. Có thể thấy, bên lề Hội nghị G20 năm 2023, Thủ tướng Việt Nam đã gặp gỡ, tiếp xúc lãnh đạo cấp cao của hơn 10 nước và các tổ chức quốc tế, đạt nhiều thỏa thuận hợp tác cụ thể. Tương tự, khi tham dự các kỳ họp Đại hội đồng LHQ thường niên, Việt Nam tranh thủ vận động được sự ủng hộ của đông đảo bạn bè cho các ứng cử vào cơ quan LHQ như Hội đồng Nhân quyền, Hội đồng Kinh tế Xã hội. Ở chiều ngược lại, việc xây dựng được mạng lưới đối tác chiến lược/ toàn diện rộng khắp chính là nền tảng để Việt Nam tự tin đóng góp tại các diễn đàn đa phương có các đối tác này tham gia. Quan hệ hữu nghị, tin cậy song phương giúp tiếng nói của ta trên bàn đàm phán đa phương nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng nhiều hơn. Chẳng hạn, trên cơ sở quan hệ

¹ Nguyễn Minh Vũ (2024), *Đối ngoại từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến nay: Tạo đột phá để hoàn thành mục tiêu*, tại trang <https://baoquocte.vn/doi-ngoai-tu-dau-nhiem-ky-dai-hoi-xiii-cua-dang-den-nay-tao-dot-pha-de-hoan-thanh-muc-tieu-284175.html>

tốt với cả Mỹ, Trung Quốc và Nga, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để đảm nhiệm vai trò cầu nối, trung gian cho đối thoại tại HĐBA LHQ cũng như trong ASEAN. Điều này từng thể hiện khi Việt Nam chủ trì các phiên họp HĐBA, khéo léo dung hòa khác biệt giữa các nước lớn, đạt đồng thuận thông qua các tuyên bố chung quan trọng¹.

Mặt khác, đối ngoại đa phương tiếp tục tạo động lực quan trọng cho việc nâng cấp khuôn khổ quan hệ song phương của Việt Nam. Việc chủ động đề xuất sáng kiến tại các cơ chế đa phương thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của Việt Nam, qua đó củng cố lòng tin chiến lược và thúc đẩy các nước coi trọng nâng tầm quan hệ với ta. Giai đoạn 2023–2025 chúng kiến bước tiến mạnh mẽ: Việt Nam đã nâng cấp hoặc thiết lập mới quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác chiến lược toàn diện với nhiều quốc gia, trong đó đặc biệt nổi bật là việc hoàn tất nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện với toàn bộ 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Song song, Việt Nam nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược với Brazil; thiết lập Đối tác toàn diện với UAE và Mông Cổ; mở rộng hợp tác với nhiều nước Trung Đông, Nam Á, và châu Phi. Đến năm 2025, Việt Nam cơ bản hoàn thiện mạng lưới đối tác ngoại giao toàn cầu, bao phủ hầu hết các khu vực, thể hiện vị thế ngày càng được coi trọng về cả khu vực và quốc tế. Thành công đối ngoại đa phương đã góp phần trực tiếp củng cố thể trận đối ngoại “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Việt Nam: vừa mở rộng về phạm vi, vừa gia tăng chiều sâu và chất lượng hợp tác với các đối tác chủ chốt. Năm là, Tăng cường tự chủ chiến lược và khả năng thích ứng của đất nước.

Năm là, đối ngoại đa phương góp phần gia tăng mức độ tự chủ chiến lược của Việt Nam

¹ Lưu Thuý Hồng (2022), *Ngoại giao đa phương – Quan điểm và tầm nhìn phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825571/ngoi-giao-da-phuong---quan-diem-va-tam-nhin-phat-trien-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>

Khái niệm “tự chủ chiến lược” được nhấn mạnh trong dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, hàm chỉ khả năng quốc gia hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại vì lợi ích tối ưu của mình, không bị ràng buộc hay phụ thuộc vào bất kỳ quốc gia nào. Đối với một nước đang hướng đến trở thành một quốc gia tầm trung như Việt Nam, tham gia sâu rộng các cơ chế đa phương chính là phương cách hiệu quả để tăng cường tự chủ. Đa phương hóa quan hệ giúp Việt Nam “tránh phụ thuộc, bị động trong các mối quan hệ”, không quá phụ thuộc vào một đối tác, một thị trường hay một nguồn cung cấp nào. Chẳng hạn, việc đa dạng hóa đối tác kinh tế và nhiều khuôn khổ hợp tác cho phép Việt Nam giảm thiểu rủi ro khi có biến động (như nếu một thị trường gặp khó khăn, ta còn thị trường khác, tránh lệ thuộc một chiều). Về chính trị, việc duy trì quan hệ tốt với nhiều nước lớn và bạn bè trong Phong trào Không liên kết, ASEAN... giúp Việt Nam giữ vững cân bằng chiến lược, không bị cuốn vào vòng xoáy cạnh tranh nước lớn, đúng với chính sách quốc phòng “bốn không” mà Việt Nam đang thực hiện.

Tích cực đóng góp xây dựng quy tắc, luật lệ ở các cơ chế đa phương giúp Việt Nam nâng cao năng lực ảnh hưởng đối với môi trường đối ngoại, thay vì thụ động chấp nhận luật chơi do nước khác đặt ra. Việc tham gia định hình các thể chế và trật tự khu vực, quốc tế, sẽ giúp Việt Nam có tiếng nói trong việc thiết kế những quy tắc chung, từ đó bảo đảm các quy tắc đó *phù hợp với lợi ích chính đáng* của mình. Chẳng hạn, Việt Nam tham gia đàm phán Bộ quy tắc COC Biển Đông với tư cách thành viên tích cực của ASEAN, nhằm bảo đảm bộ quy tắc này khi ban hành sẽ góp phần giữ vững chủ quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam trong khu vực Biển Đông. Hay tại Liên Hợp Quốc, việc Việt Nam đóng vai trò đồng tác giả các nghị quyết về an ninh khí hậu, phụ nữ, hòa bình & an ninh... là cơ hội để Việt Nam lồng ghép quan điểm của mình vào việc xây dựng quy tắc, luật lệ chung, qua đó nâng cao tự chủ cho đất nước trong giai đoạn thực thi sau này.

Quá trình tham gia ngoại giao đa phương cũng thúc đẩy nội lực quốc gia, tăng khả năng tự cường để ít bị tổn thương trước tác động bên ngoài. Thông qua hợp tác

đa phương, Việt Nam có động lực cải cách thể chế, nâng cao chuẩn mực trong nước cho phù hợp cam kết quốc tế như cải thiện môi trường kinh doanh theo tiêu chuẩn CPTPP, EVFTA.... Đồng thời, Việt Nam tranh thủ được nguồn lực hỗ trợ phát triển ODA, tri thức, kinh nghiệm từ các tổ chức đa phương như Ngân hàng Thế giới, Liên Hợp Quốc... để tăng cường năng lực tự thân. Như vậy, tham gia vào nền ngoại giao đa phương và tích cực trong các hoạt động đối ngoại đa phương vừa giúp Việt Nam “tận dụng sức mạnh thời đại” phục vụ phát triển, vừa tạo lá chắn tập thể giúp giảm áp lực từ bên ngoài, hoàn toàn nhất quán với mục tiêu bảo đảm độc lập, tự chủ quốc gia.

3. Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương hướng tới Đại hội XIV

Về định hướng:

Bên thêm Đại hội XIV, Việt Nam đứng trước những yêu cầu mới về đối ngoại nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển đến 2030 và tầm nhìn đến 2045. Trên nền tảng thể và lực mới của đất nước, “Dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng” đã vạch ra định hướng chiến lược: tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời nâng tầm đối ngoại để phục vụ đắc lực các lợi ích an ninh, phát triển, nâng cao vị thế đất nước. Điều này đòi hỏi đối ngoại đa phương phải chuyển mạnh sang giai đoạn mới về chất - từ tham gia, hội nhập đơn thuần sang chủ động đóng góp và dẫn dắt trong các vấn đề quốc tế quan trọng.

Hiện nay Việt Nam đã chuyển từ tư duy “tham dự” sang “chủ động khởi xướng, dẫn dắt” nhiều sáng kiến đa phương, tích cực tham gia xây dựng, định hình quản trị toàn cầu và luật lệ quốc tế trên nhiều lĩnh vực. Đây sẽ là định hướng xuyên suốt trong thời gian tới: đối ngoại đa phương Việt Nam phải đi đầu, sáng tạo hơn nữa để không chỉ là “thành viên tích cực, có trách nhiệm” mà còn có thể đóng vai trò nòng cốt trong những vấn đề then chốt phù hợp với lợi ích và khả năng của

ta¹. Tinh thần chung là: chủ động thích ứng với môi trường an ninh và phát triển biến động nhanh chóng, tất cả các nước (dù lớn hay nhỏ) đều cần tăng cường hợp tác, liên kết để giải quyết các vấn đề chung. Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế củng cố chủ nghĩa đa phương lấy Liên Hợp Quốc làm trung tâm, thúc đẩy một trật tự quốc tế công bằng, ổn định, bảo đảm lợi ích chính đáng của các nước nhỏ trong hệ thống đó.

Về ưu tiên chiến lược

Một là, củng cố vai trò nòng cốt trong ASEAN. ASEAN vẫn sẽ là trụ cột ưu tiên hàng đầu. Việt Nam cam kết cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN đoàn kết, tự cường, giữ vững vai trò trung tâm ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trọng tâm là góp phần định hướng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045, thúc đẩy liên kết kinh tế nội khối, thu hẹp khoảng cách phát triển và ứng phó hiệu quả với thách thức chung (an ninh biển, biến đổi khí hậu...). Đồng thời, Việt Nam sẽ tích cực tham gia điều phối quan hệ giữa ASEAN với các đối tác lớn, bảo đảm cân bằng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định khu vực.

Hai là, phát huy tiếng nói tại Liên Hợp Quốc và các thể chế toàn cầu: Việt Nam tiếp tục đường lối nhất quán đề cao LHQ và luật pháp quốc tế, đóng góp vào các nỗ lực cải tổ LHQ nhằm nâng cao hiệu quả của chủ nghĩa đa phương toàn cầu. Việt Nam sẽ ứng cử Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2026-2028 (liên tiếp sau nhiệm kỳ 2023-2025), lần đầu cử ứng viên vào Tòa án Luật biển (ITLOS) nhiệm kỳ 2026-2035². Bên cạnh đó, Việt Nam có thể xem xét ứng cử Hội đồng Bảo an LHQ nhiệm kỳ tiếp theo (dự kiến 2028-2029) để duy trì sự hiện diện trong cơ quan quan trọng nhất về an ninh toàn cầu. Ở các diễn đàn khác như WTO, WHO, UNESCO..., Việt Nam sẽ tích cực đóng góp sáng kiến về phát triển bền vững, y

¹ Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (2024), *Tầm vóc đối ngoại mới, tạo đà thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, tại trang <https://vufo.org.vn/Tam-voc-doi-ngoai-moi-tao-da-thuan-loi-cho-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-65-110497.html?lang=vn>

² Nt

tế cộng đồng, bảo tồn di sản văn hóa..., đồng thời bảo vệ lợi ích các nước đang phát triển.

Ba là, thúc đẩy hợp tác đa phương về các vấn đề toàn cầu cấp bách, bao gồm: biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng (thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào 2050 với hỗ trợ quốc tế); an ninh lương thực, an ninh nguồn nước (đặc biệt trong tiểu vùng Mekong); an ninh mạng và quản trị không gian mạng (tham gia xây dựng các quy tắc quốc tế về không gian mạng để bảo vệ chủ quyền số của quốc gia)... Việt Nam sẽ tăng cường phối hợp với các nước đồng quan điểm, tranh thủ các diễn đàn chuyên ngành (UNFCCC về khí hậu, Hội nghị nước LHQ, Diễn đàn quản trị Internet...) để đề xuất sáng kiến và góp tiếng nói xây dựng giải pháp chung.

Bốn là, mở rộng tham gia các cơ chế đa phương mới, phi truyền thống. Ngoài các khuôn khổ quen thuộc, Việt Nam sẽ chủ động tìm kiếm cơ hội trong các cơ chế hợp tác mới, linh hoạt phù hợp với lợi ích. Ví dụ: tham gia sâu hơn vào cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thông qua các diễn đàn như EAS, ADMM+; nghiên cứu khả năng gia nhập OECD trong tương lai để tiếp cận chuẩn mực phát triển tiên tiến; hoặc tham gia các liên minh đối tác về công nghệ, chuỗi cung ứng bền vững. Việc hiện diện trong các sân chơi mới sẽ giúp Việt Nam đa dạng hóa kênh hợp tác, tránh bị gò bó vào một cấu trúc cố định nào, từ đó nâng cao biên độ tự chủ chiến lược.

Năm là, gắn kết chặt chẽ đa phương với song phương. Việt Nam dự kiến tận dụng tối đa hiệu ứng cộng hưởng giữa đối ngoại đa phương và song phương. Mỗi bước tiến quan trọng ở diễn đàn đa phương sẽ được cụ thể hóa bằng lợi ích song phương cho đất nước, và ngược lại, các thỏa thuận song phương mới (FTA với Israel vừa ký 2023, hay sắp tới có thể là với Mercosur, UAE...) sẽ mở thêm cánh cửa cho ta tham gia sân chơi đa phương ở khu vực đó. Cách tiếp cận này bảo đảm nguồn lực đối ngoại được sử dụng hiệu quả, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển.

Về các giải pháp trọng tâm:

Một là, nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo chiến lược. Trong bối cảnh tình hình quốc tế biến động nhanh, công tác nghiên cứu, tham mưu đối ngoại phải “*đổi mới mạnh mẽ tư duy, dự báo đúng tình hình, chủ động trước mọi tình huống*”. Cần đầu tư hơn nữa cho nghiên cứu chiến lược tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan, đặc biệt về các vấn đề đa phương phức tạp (cạnh tranh nước lớn, cải tổ hệ thống quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0...). Dự báo tốt sẽ giúp Việt Nam định ra chủ trương đa phương phù hợp, không bị bất ngờ và tận dụng được thời cơ.

Hai là, phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương chuyên nghiệp, hiện đại. Như Đại hội XIII đã chỉ đạo “*xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại vừa hồng, vừa chuyên*”, ngành ngoại giao cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu mới. Cụ thể, chú trọng bồi dưỡng chuyên gia đa phương am hiểu luật pháp quốc tế, thành thạo ngoại ngữ và kỹ năng thương thuyết; tăng cường đưa cán bộ tham gia, thực tập tại các tổ chức quốc tế; xây dựng đội ngũ kế cận có tư duy toàn cầu, phong cách chuyên nghiệp “*đạt tầm khu vực và thế giới*”. Song song, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác đối ngoại, ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu suất xử lý thông tin và kết nối mạng lưới chuyên gia toàn cầu.

Ba là, tăng cường phối hợp liên ngành và huy động sức mạnh tổng hợp: Đối ngoại đa phương không chỉ là nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao mà cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Cần duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các kênh đảng, nhà nước, nhân dân, giữa các bộ, ngành, địa phương trong các hoạt động đối ngoại đa phương. khi tham gia các hội nghị quốc tế về biến đổi khí hậu hoặc y tế, phải có tiếng nói chung của cả Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Y tế... Duy trì các đoàn liên bộ để thể hiện quan điểm thống nhất của Việt Nam. Đồng thời, phát huy vai trò của đối ngoại Quốc hội, đối ngoại quốc phòng, an ninh và

ngoại giao nhân dân (các tổ chức đoàn thể, nhân sĩ) để tạo sức mạnh nhiều mặt hỗ trợ cho mặt trận đối ngoại đa phương chung.

Bốn là, chủ động đề xuất sáng kiến và nâng cao khả năng “dẫn dắt”: Việt Nam cần tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần “*tự tin, chủ động*”, mạnh dạn đề xuất sáng kiến mới tại các diễn đàn. Khi có cơ hội làm Chủ tịch hoặc Ủy viên chủ chốt, phải tận dụng để đưa ra chương trình nghị sự phù hợp lợi ích ta và “*xử lý hài hòa, cân bằng*” lợi ích các nước. Để làm được, cần chuẩn bị kỹ lưỡng phương án, vận động trước hậu trường, tranh thủ sự ủng hộ từ sớm của các nước có liên quan. Những kinh nghiệm thành công từ HDBA 2020-2021 và APEC 2017 cho thấy Việt Nam hoàn toàn có khả năng đóng vai trò “dẫn dắt” nếu có tầm nhìn và sự chuẩn bị chu đáo.

Năm là, gắn kết đối ngoại đa phương với nâng cao nội lực và cải cách trong nước. Hiệu quả hội nhập đa phương chỉ bền vững khi Việt Nam tăng cường nội lực. Do vậy, các cam kết quốc tế cần được lồng ghép với chiến lược, kế hoạch phát triển quốc gia. Chính phủ và các bộ, ngành phải chủ động rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách trong nước phù hợp chuẩn mực quốc tế, vừa thực thi nghiêm túc nghĩa vụ, vừa tận dụng được các lợi ích từ hội nhập mang lại. Chú trọng nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo... để Việt Nam đủ khả năng thực hiện các cam kết tiêu chuẩn cao (ví dụ về môi trường, lao động trong FTA thế hệ mới). Nội lực vững chắc sẽ giúp Việt Nam tự tin hơn trong đàm phán đa phương và tăng tính tự chủ khi hội nhập sâu.

Kết luận:

Trong bối cảnh quốc tế đầy biến động hiện nay, đối ngoại đa phương đã, đang và sẽ tiếp tục là một cấu phần chiến lược trong tổng thể đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam. Những thành tựu đạt được từ sau Đại hội XIII - từ việc giữ vững môi trường hòa bình, thu hút nguồn lực phát triển, đến nâng cao uy tín đất nước - đều in đậm dấu ấn đóng góp của ngoại giao đa phương. Điều đó khẳng

định tầm nhìn đúng đắn của Đảng ta khi đề ra chủ trương “*đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương*”. Hướng tới Đại hội XIV, trước vận hội mới và thách thức mới, Việt Nam càng quyết tâm phát huy hơn nữa vai trò của mình tại các cơ chế đa phương, chủ động kiến tạo luật chơi, tích cực góp phần định hình tương lai chung vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Có thể tin tưởng rằng, với đường lối đối ngoại sáng suốt và sự chuẩn bị bài bản, đối ngoại đa phương sẽ tiếp tục là mũi tiên phong đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, nâng cao hơn nữa vị thế Việt Nam trên trường quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
2. Đảng bộ TP Hồ Chí Minh (2025), “*Dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng: Bước đột phá trong tư duy về đối ngoại*”, tại trang <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/du-thao-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-buoc-dot-pha-trong-tu-duy-ve-doi-ngoai-1491940246>
3. Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (2024), *Tầm vóc đối ngoại mới, tạo đà thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, tại: <https://vufo.org.vn/Tam-voc-doi-ngoai-moi-tao-da-thuan-loi-cho-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-65-110497.html?lang=vn>
4. Quân đội Nhân dân (2025), *Việt Nam xuất nhập khẩu năm 2024 vượt 786 tỷ USD*, tại: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/viet-nam-xuat-nhap-khau-nam-2024-vuot-786-ty-usd-810251>
5. Nguyễn Minh Vũ (2024), *Đối ngoại từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến nay: Tạo đột phá để hoàn thành mục tiêu*, tại: <https://baoquocte.vn/doi-ngoai-tu-dau-nhiem-ky-dai-hoi-xiii-cua-dang-den-nay-tao-dot-pha-de-hoan-thanh-muc-tieu-284175.html>
6. Lưu Thuý Hồng (2022), *Ngoại giao đa phương – Quan điểm và tầm nhìn phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, tại: <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825571/ngoai-giao-da-phuong---quan-diem-va-tam-nhin-phat-trien-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>

Hội thảo quốc tế
“Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”

ĐẢM BẢO LỢI ÍCH QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG TRIỂN KHAI ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG

PGS,TS. Nguyễn Mạnh Hùng*

Tóm tắt: Bài phân tích vị trí trung tâm của lợi ích quốc gia - dân tộc trong thiết kế và thực hành đối ngoại đa phương của Việt Nam. Tác giả mở đầu bằng việc định nghĩa lợi ích quốc gia trong ba trụ cột: độc lập - chủ quyền; phát triển kinh tế-xã hội; và nâng cao vị thế quốc tế. Trên cơ sở đó, bài trình bày lý luận vì sao đa phương là kênh hiệu quả để quốc tế hóa các lợi ích mang tính cốt lõi (ví dụ: bảo vệ chủ quyền trên cơ sở luật pháp quốc tế; huy động nguồn lực phát triển; gia tăng uy tín). Phân tích thực tiễn minh họa bằng các chiến lược, sáng kiến và kết quả trong các cơ chế như Liên Hợp Quốc, ASEAN, APEC, cũng như vai trò Vietnam trên các FTA và trong hoạt động gìn giữ hòa bình. Tác giả chỉ ra các rủi ro từ đa phương (phụ thuộc quá mức, chi phí tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế, xung đột lợi ích) và đề xuất khung điều chỉnh: (i) ưu tiên ngoại giao pháp lý để bảo vệ chủ quyền; (ii) tận dụng đa phương để huy động vốn-công nghệ-kiến thức; (iii) liên kết chặt chẽ giữa đa phương và song phương nhằm gia tăng vị thế đàm phán; (iv) nâng cao năng lực thể chế và nguồn nhân lực để quản lý cam kết quốc tế. Bài kết luận rằng đối ngoại đa phương chỉ thực sự bảo đảm lợi ích quốc gia khi được lồng ghép với chiến lược nội tại nâng cao năng lực và tính tự chủ chiến lược.

Từ khoá: Lợi ích quốc gia; Đối ngoại đa phương; Chủ quyền; Huy động nguồn lực.

I. Mở đầu

Trong thế kỷ XXI, đối ngoại đa phương đã nổi lên như một xu thế tất yếu, định hình quan hệ quốc tế đương đại. Sự phát triển mạnh mẽ của ngoại giao đa phương bắt nguồn từ hai yếu tố cốt lõi: sự xuất hiện của các vấn đề toàn cầu vượt qua giới hạn chủ quyền quốc gia và sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực quốc tế. Những thách thức mang tính phổ quát như dịch bệnh, khủng bố, biến đổi khí hậu, an ninh

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

năng lượng hay nhân quyền đều vượt ngoài khả năng giải quyết của một quốc gia đơn lẻ, buộc cộng đồng quốc tế phải hành động tập thể. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, ngoại giao đa phương trở thành con đường duy nhất để ứng phó hiệu quả với các vấn đề chung của nhân loại.

Song song với đó, hệ thống quốc tế truyền thống dựa trên mô hình Westphalia, nơi quốc gia – dân tộc là chủ thể duy nhất, đang bộc lộ những giới hạn. Quyền lực hiện nay đã phân tán không chỉ giữa các quốc gia mà còn lan tỏa tới nhiều chủ thể phi quốc gia như tập đoàn xuyên quốc gia, tổ chức phi chính phủ, chính quyền đô thị hay các cá nhân có ảnh hưởng toàn cầu. Trong thực tế này, đối ngoại đa phương trở thành cơ chế cần thiết để quốc gia phối hợp hành động cùng các chủ thể khác, vừa bảo đảm lợi ích riêng, vừa quản lý các vấn đề chung ở cấp độ quốc tế.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cạnh tranh chiến lược phức tạp, mục tiêu tối thượng của mọi chính sách đối ngoại là bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc. Ba trụ cột cơ bản gồm an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế đều gắn bó chặt chẽ với nhau và được phục vụ trực tiếp bởi ngoại giao đa phương. Tham gia chủ động vào các cơ chế đa phương không chỉ giúp Việt Nam tối đa hóa nguồn lực bên ngoài, mà còn tạo dựng sự đồng thuận với các quốc gia khác, qua đó củng cố nền tảng cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

1. Tính cấp thiết của Đối ngoại đa phương

Trong bối cảnh thế giới bước vào giai đoạn chuyển dịch quyền lực sâu sắc nhất kể từ Chiến tranh Lạnh, đối ngoại đa phương không còn là lựa chọn chiến lược mà đã trở thành yêu cầu sống còn đối với mọi quốc gia, đặc biệt các quốc gia trung bình và đang phát triển như Việt Nam. Từ một hiện tượng phụ trợ của quan hệ quốc tế thế kỷ XX, đa phương đã vươn lên thành xu thế chủ đạo định hình trật tự toàn cầu thế kỷ XXI. Tính cấp thiết ấy xuất phát từ hai thực tiễn khách quan không thể đảo ngược.

Thứ nhất, thế kỷ XXI đã xảy ra những thách thức mang tính phổ quát, vượt xa khả năng giải quyết đơn phương của bất kỳ quốc gia nào. Biến đổi khí hậu, đại dịch Covid – 19 trên quy mô toàn cầu, khủng bố xuyên quốc gia, dòng vốn và thông tin không biên giới, an ninh năng lượng, buôn bán ma túy... tất cả đều không khu biệt với chủ quyền hay biên giới quốc gia. Chúng đòi hỏi hành động tập thể, phối hợp và đồng thuận giữa các quốc gia. Không một siêu cường nào, dù là Mỹ hay Trung Quốc, có thể tự mình kiểm soát được dịch bệnh, ngăn chặn khủng bố hay ổn định chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoại giao đa phương vì thế trở thành con đường duy nhất để nhân loại cùng nhau đối phó với những mối đe dọa chung, biến “vấn đề của tất cả” thành “giải pháp cho tất cả”.

Thứ hai, cấu trúc quyền lực quốc tế đã phân tán mạnh mẽ, làm lung lay mô hình Westphalia truyền thống với quốc gia dân tộc là chủ thể duy nhất. Quyền lực giờ đây không còn tập trung hoàn toàn trong tay nhà nước mà lan tỏa sang các tập đoàn xuyên quốc gia, tổ chức phi chính phủ, các thành phố toàn cầu và thậm chí những cá nhân có ảnh hưởng lớn đến đời sống quốc tế. Trong bối cảnh đó, ngoại giao đa phương trở thành cơ chế không thể thay thế để các quốc gia phối hợp hành động tập thể, đồng thời đối thoại và hợp tác với các chủ thể phi nhà nước nhằm quản trị hiệu quả các vấn đề toàn cầu.

Đối với Việt Nam, tính cấp thiết của đối ngoại đa phương càng trở nên rõ nét trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và đầy biến động hiện nay. Mục tiêu chiến lược tối thượng của đất nước là bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc, bao gồm ba trụ cột gắn bó chặt chẽ: bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững; nâng cao vị thế và uy tín quốc tế. Ngoại giao đa phương chính là công cụ hiệu quả nhất để thực hiện đồng thời ba mục tiêu ấy: vừa bảo vệ lợi ích cốt lõi qua việc quốc tế hóa các vấn đề an ninh (như Biển Đông), vừa thu hút nguồn lực phát triển từ bên ngoài, vừa nâng tầm vị thế thông qua vai trò tích cực, có trách nhiệm trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu.

Vì vậy, bài viết này đặt ra mục tiêu trọng tâm: phân tích khoa học và thực tiễn vai trò, nguyên tắc và chiến lược triển khai đối ngoại đa phương nhằm tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh Nghị quyết 59-NQ/TW (24/01/2025) của Bộ Chính trị đã xác định hội nhập quốc tế là “sự nghiệp của toàn dân” và là động lực then chốt để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên vươn mình, việc làm rõ cách thức biến đa phương thành đòn bẩy quyền lực không chỉ là yêu cầu lý luận mà còn là nhiệm vụ chiến lược cấp bách để Việt Nam tiếp tục phát triển nhanh, bền vững và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế vào năm 2045.

2. Lợi ích Quốc gia - dân tộc và Đối ngoại đa phương

Để hiểu rõ vai trò của đối ngoại đa phương trong việc bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia, cần làm sáng tỏ hai khái niệm nền tảng: lợi ích quốc gia – dân tộc và bản chất của chính trị của đa phương. Chỉ khi nắm vững khung lý thuyết này, chúng ta mới thấy rõ đa phương không phải là sự “hy sinh” chủ quyền mà chính là công cụ chiến lược sắc bén nhất để hiện thực hóa lợi ích tối cao của quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Thứ nhất: Lợi ích Quốc gia - dân tộc: khái niệm linh hoạt nhưng bất biến về bản chất

Lợi ích quốc gia là khái niệm cốt lõi của quan hệ quốc tế, song cũng là khái niệm “linh hoạt có chủ đích”. Các trường phái tiếp cận khác nhau – chuẩn mực, hiện thực hay liệt kê – đều đồng thuận một điểm: lợi ích quốc gia là mục tiêu tối thượng chi phối mọi hành động đối ngoại.

Ở Việt Nam, khái niệm này đã được Đảng Cộng sản Việt Nam cụ thể hóa và nâng tầm qua các giai đoạn lịch sử: từ “lợi ích dân tộc” (1991), “lợi ích cao nhất của Tổ quốc” (2003) đến “lợi ích quốc gia - dân tộc” hiện nay, thể hiện sự gắn kết biện chứng giữa nhà nước và dân tộc. Lợi ích quốc gia - dân tộc được cấu thành bởi ba trụ cột không thể tách rời:

Một là, An ninh Quốc gia - trụ cột nền tảng, hiểu theo nghĩa rộng: độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, sự tồn tại của chế độ và ổn định xã hội. Đây là “lằn ranh đỏ” bất khả xâm phạm.

Hai là, Phát triển Kinh tế - trọng tâm thời bình: bao gồm tăng trưởng bền vững, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu hút vốn, công nghệ và thị trường.

Ba là, vị thế và ảnh hưởng quốc tế: là sự kết hợp giữa “thế” (vị trí) và “lực” (sức mạnh thực tế), nhằm nâng cao uy tín, tiếng nói và khả năng định hình luật chơi toàn cầu.

Ba trụ cột này ổn định về bản chất nhưng linh hoạt về thứ tự ưu tiên: thời chiến, an ninh là tối thượng; thời bình, phát triển kinh tế lên hàng đầu; thời kỳ hội nhập sâu rộng hiện nay, cả ba phải được theo đuổi đồng thời. Dù ưu tiên thay đổi, nguyên tắc bất biến vẫn là: lợi ích quốc gia - dân tộc phải được bảo đảm trên hết và trước hết, trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi.

Thứ hai, Đối ngoại đa phương: Công cụ chiến lược chứ không phải mục tiêu tự thân

Đối ngoại đa phương, theo định nghĩa kinh điển của Robert Keohane và John Ruggie, là sự phối hợp chính sách tập thể giữa ba hoặc nhiều quốc gia dựa trên các nguyên tắc bất khả phân (indivisibility), có đi có lại lan tỏa (diffuse reciprocity) và không phân biệt đối xử. Đây không phải là sản phẩm của lý tưởng chủ nghĩa mà là phản ứng thực tiễn trước thực tế thế kỷ XXI: các thách thức toàn cầu đã vượt qua khả năng giải quyết đơn phương của bất kỳ quốc gia nào.

Bản chất chính trị của đa phương nằm ở chỗ: các quốc gia tham gia không phải để từ bỏ lợi ích riêng mà để theo đuổi lợi ích đó một cách hiệu quả hơn thông qua việc tạo dựng mục đích chung với các quốc gia khác. Khủng bố, biến đổi khí hậu, đại dịch, an ninh và tội phạm mạng, không vấn đề nào có thể giải quyết bằng sức mạnh đơn lẻ. Chỉ có hành động tập thể mới mang lại kết quả thực chất.

Tuy nhiên, cần nhận thức biện chứng: các thể chế đa phương không phải là thực thể siêu quốc gia đối lập với nhà nước mà chính là công cụ do các quốc gia tạo ra và thống trị. Quy trình ra quyết định vẫn nằm trong tay các quốc gia thành viên. Do đó, đa phương không mâu thuẫn với chủ quyền mà là phương tiện để các quốc gia, đặc biệt các quốc gia trung bình, khuếch đại tiếng nói, giảm thiểu rủi ro từ cạnh tranh cường quốc và định hình trật tự quốc tế theo hướng có lợi cho mình.

Luôn xác định lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu bất biến, còn đối ngoại đa phương là công cụ biến đổi linh hoạt và hiệu quả nhất để đạt được mục tiêu ấy trong thế kỷ XXI. Đối với Việt Nam, việc vận dụng sáng tạo khung lý thuyết này kết hợp ba trụ cột lợi ích với ba nguyên tắc nền tảng của đa phương chính là chìa khóa để chuyển hóa thách thức toàn cầu thành cơ hội quốc gia, thực hiện thành công khát vọng phát triển đến năm 2045.

3. Các nguyên tắc và yếu tố đảm bảo lợi ích quốc gia trong đối ngoại đa phương: Từ lý thuyết đến thực tiễn

Trong kỷ nguyên quyền lực phân tán và cạnh tranh địa chính trị ngày càng quyết liệt, đối ngoại đa phương chỉ thực sự trở thành công cụ bảo vệ lợi ích quốc gia khi được đặt trên nền tảng nguyên tắc bất di bất dịch, tính hợp pháp vững chắc và vị thế mạng lưới chiến lược. Ba yếu tố này không phải là những khẩu hiệu chính trị mà chính là hệ thống bảo vệ chắc chắn nhất, giúp các quốc gia tâm trung, tiêu biểu như Việt Nam, biến sân chơi đa phương từ “bẫy phụ thuộc” thành “đòn bẫy quyền lực” thực thụ.

Yếu tố thứ nhất: Ba nguyên tắc chỉ đạo hành động thực tiễn

Một là, nguyên tắc tối thượng: Lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết. Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam, được khẳng định nhất quán từ Đại hội VI (1986) đến Nghị quyết 59-NQ/TW (24/01/2025): “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi”. Lợi ích

quốc gia không phải là khái niệm mơ hồ mà bao gồm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chế độ và phát triển bền vững. Việc theo đuổi nguyên tắc này không bao giờ được phép rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hay vi phạm chuẩn mực quốc tế, đó chính là cách bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” một cách hiệu quả và chính danh nhất.

Hai là, lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng: Đồng thuận thay vì đối đầu. Đối ngoại đa phương không phải là cuộc chơi có tổng bằng không. Các thách thức xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu, đại dịch, khủng bố, tội phạm mạng - không một quốc gia nào có thể tự giải quyết. Vì thế, theo đuổi lợi ích quốc gia chính là quá trình khéo léo tạo dựng mục đích chung để cùng xử lý vấn đề chung, từ đó đạt lợi ích riêng một cách bền vững. Việt Nam đã áp dụng xuất sắc nguyên tắc này khi vừa kiên quyết bảo vệ chủ quyền Biển Đông, vừa cùng hướng các nước ASEAN xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC) - một mục đích chung mang lại hòa bình và thịnh vượng lâu dài cho tất cả.

Ba là, nền tảng kinh tế: tiền đề vật chất cho ngoại giao độc lập. Không có nội lực kinh tế thì mọi tham vọng ngoại giao đều là ảo tưởng. Lịch sử đã chứng minh: Mỹ sau Thế chiến II, Nhật Bản trong những thập niên 1960 - 1980, Trung Quốc từ 1978 đều chỉ vươn lên vị thế toàn cầu khi sở hữu nền kinh tế hùng cường. Ngược lại, Nigeria, dù là cường quốc quân sự Tây Phi – vẫn bị chi phối bởi phương Tây vì phụ thuộc dầu mỏ. Việt Nam nhận thức sâu sắc điều này: Nghị quyết 59-NQ/TW xác định rõ “xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ” là điều kiện tiên quyết để có tiếng nói thực sự trên bàn đa phương. Chỉ khi đạt được mục tiêu GDP bình quân 20.000 USD vào năm 2045, Việt Nam mới thực sự sở hữu đòn bẩy ngoại giao tương xứng với vị thế địa chính trị của mình.

Yếu tố thứ hai: Tinh Hợp pháp - Nền tảng đạo đức và pháp lý của quyền lực đa phương

Tính hợp pháp không chỉ là “hợp pháp” (lawful) mà còn phải được công nhận là “chính đáng” (legitimate) bởi cả dư luận trong nước lẫn cộng đồng quốc tế. Thiếu tính hợp pháp, mọi hành động đa phương đều dễ bị bác bỏ hoặc cô lập.

Một là, nguồn gốc nội bộ. Mọi hoạt động đối ngoại tốn kém đều được tài trợ bằng tiền thuế của dân, do đó phải nhận được sự phê chuẩn của Quốc hội và sự đồng thuận rộng rãi từ truyền thông, xã hội dân sự. Nigeria chỉ can thiệp thành công vào Mali (2013) khi Quốc hội Abuja thông qua với tỷ lệ áp đảo – bài học quý giá cho mọi quốc gia khi triển khai các sáng kiến lớn.

Hai là, nguồn gốc Bên ngoài. Tính hợp pháp quốc tế đến từ sự phê chuẩn của các tổ chức khu vực và toàn cầu: Hiến chương Liên hợp quốc (Điều 42), nghị quyết Hội đồng Bảo an, tuyên bố ECOWAS hay AU. Ngay cả hành động có vẻ đơn phương vẫn có thể trở thành “ngoại giao đa phương trá hình” khi viện dẫn khung pháp lý sẵn có như trường hợp Nigeria viện dẫn Tuyên bố ECOWAS 2001 khi can thiệp Gambia. Việt Nam đã sử dụng thành công cơ chế này khi gửi hàng loạt công hàm lên Tổng Thư ký Liên hợp quốc để pháp lý hóa lập trường Biển Đông.

Yếu tố thứ ba, Vị thế mạng lưới (Network Centrality): Quyền lực Quan hệ trong thế kỷ XXI

Quyền lực ngày nay không còn chỉ là “cơ bắp” mà là quyền lực quan hệ. Lý thuyết mạng lưới (Hafner-Burton, 2009; Manulak) chứng minh: ảnh hưởng ngoại giao đa phương tỷ lệ nghịch với khả năng bị thay thế của một quốc gia trong mạng lưới liên chính phủ.

Thứ nhất, vị thế cầu nối (Brokerage/Betweenness Centrality). Quốc gia chiếm vị trí “cầu nối”, lấp đầy “lỗ hổng cấu trúc” sẽ kiểm soát luồng thông tin, định hình chương trình nghị sự và làm gatekeeper cho các diễn đàn quan trọng. Canada trong “thời hoàng kim” 1944 - 1957 đã trở thành nhân tố không thể thiếu nhờ kết nối Mỹ với châu Âu và với Trung Quốc qua Ấn Độ. Việt Nam đang xây dựng vị thế tương tự: điều phối viên ASEAN - Trung Quốc (2021-2024), quan hệ đối tác

chiến lược với tất cả năm thành viên thường trực UNSC, và chính sách “bốn không” khiến Hà Nội trở thành kênh giao tiếp không thể thay thế giữa các khối đối lập.

Thứ hai, tính không thể thay thế và đòn bẩy tối đa. Khi một quốc gia trở thành “liên kết duy nhất” giữa các bên, đòn bẩy ngoại giao tăng vọt. Việt Nam hiện sở hữu lợi thế hiếm có: không liên minh quân sự, quan hệ cân bằng với cả Mỹ lẫn Trung Quốc, Nga lẫn EU, Ấn Độ lẫn Nhật Bản. Việc duy trì vị thế này chính là cách tối đa hóa ảnh hưởng mà không cần dùng tới chi phí quân sự khổng lồ.

Với ba nguyên tắc bất di bất dịch, tính hợp pháp kép và vị thế mạng lưới chiến lược tạo thành hệ thống bảo vệ vững chắc nhất cho lợi ích quốc gia trong đối ngoại đa phương. Chỉ khi nội lực kinh tế mạnh mẽ, hành động được hợp pháp hóa cả trong lẫn ngoài nước, và vị thế cầu nối được khai thác triệt để, các quốc gia trung bình mới có thể biến đa phương thành vũ khí sắc bén thay vì gánh nặng. Với đường lối “độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa” và Nghị quyết 59-NQ/TW làm kim chỉ nam, Việt Nam đang vững bước trên con đường biến thách thức toàn cầu thành cơ hội quốc gia, hướng tới khát vọng chính đáng: một nước Việt Nam hùng cường, có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế vào năm 2045.

4. Chiến lược triển khai và cơ chế đa phương trọng tâm: Từ tham gia thụ động đến định hình luật chơi

Trong bối cảnh quyền lực toàn cầu phân tán và cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, đối ngoại đa phương đã chuyển từ vị thế “công cụ hỗ trợ” thành định hướng chiến lược sống còn để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Việt Nam, với đường lối độc lập tự chủ và “dĩ bất biến ứng vạn biến”, đã thực hiện một bước chuyển chiến lược lịch sử: từ vai trò tham gia bị động sang vị thế chủ động đóng góp, dẫn dắt và định hình luật chơi quốc tế. Sự chuyển dịch này không phải ngẫu nhiên mà được cụ thể hóa qua các văn kiện chính trị cấp cao nhất của Đảng Cộng

sản Việt Nam, đồng thời được triển khai hiệu quả tại ba trụ cột đa phương trọng tâm: ASEAN, Liên hợp quốc và APEC.

Một là, Chiến lược chủ động và nâng cao vai trò: Từ “tham gia” đến “định hình”

Từ Đại hội X (2006) và XI (2011) - khi ngoại giao đa phương còn được xác định chủ yếu là “tích cực tham gia” - đến Chỉ thị 25-CT/TW năm 2018 (văn kiện độc lập đầu tiên về đối ngoại đa phương) và đặc biệt Đại hội XIII (2021), tư duy của Việt Nam đã có bước nhảy vọt: nâng tầm đối ngoại đa phương lên “tầm cao mới”, với nhiệm vụ “chủ động tham gia, phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải hoặc trung gian tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược”.

Chiến lược này phục vụ ba mục tiêu cốt lõi:

Thứ nhất, định hình luật chơi và trật tự quốc tế thay vì chỉ chấp nhận luật chơi hiện hữu. Việt Nam không còn hài lòng với việc tuân thủ các chuẩn mực do phương Tây đặt ra mà chủ động đóng góp xây dựng chuẩn mực mới, tiêu biểu là việc kiên trì đưa UNCLOS 1982 thành nền tảng pháp lý duy nhất giải quyết tranh chấp Biển Đông.

Thứ hai, tránh trở thành quân cờ trong cạnh tranh cường quốc. Trong bối cảnh Mỹ - Trung đối đầu ngày càng quyết liệt, đa phương hóa quan hệ là cách duy nhất để Việt Nam không bị ép chọn bên. Thực tiễn đã chỉ rõ, chính sách đa phương chính là “lá chắn chiến lược” giúp Việt Nam duy trì quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với cả Mỹ lẫn Trung Quốc mà không rơi vào thế “lưỡng nan an ninh”.

Thứ ba, chủ động giải quyết vấn đề an ninh khu vực. Các cường quốc khu vực chỉ có thể bảo vệ lợi ích lâu dài khi hành động quyết đoán trong thể chế khu vực. Bài học Nigeria trong ECOWAS (Oladimeji Talibu, 2025) cho thấy: chỉ khi dẫn dắt can thiệp nhanh, Abuja mới ngăn chặn được sự sụp đổ domino của bất ổn từ Sahel lan xuống Tây Phi.

Hai là, Triển khai thực tiễn qua ba trụ cột đa phương chiến lược

(1) ASEAN - Nền tảng khu vực bất khả thay thế Gia nhập ASEAN năm 1995 là một quyết định mang tính bước ngoặt trong lịch sử đối ngoại Việt Nam hậu Chiến tranh Lạnh. Từ vị thế bị cô lập, Việt Nam đã tận dụng ASEAN như một “lá chắn an ninh” và “bệ phóng kinh tế”. Trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam dẫn dắt khối thông qua Tuyên bố chung khẳng định UNCLOS 1982 là cơ sở pháp lý duy nhất cho giải quyết tranh chấp Biển Đông, đồng thời thúc đẩy ký kết RCEP – hiệp định thương mại lớn nhất thế giới. Đây là minh chứng rõ rệt cho khả năng định hình luật chơi khu vực. Đặc biệt, các sự kiện như vụ giàn khoan Hải Dương 981 (2014) và tàu khảo sát Hải Dương Địa chất 8 (2019) đã được Việt Nam đưa lên bàn nghị sự ASEAN, biến vấn đề song phương thành mối quan tâm chung của cả khu vực, qua đó gia tăng đòn bẩy ngoại giao trước các chủ thể hợp tác với ASEAN.

(2) Liên hợp quốc - Diễn đàn nâng tầm vị thế và bảo vệ chủ quyền. Ngay từ năm 1946, Hồ Chí Minh đã gửi thư tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc yêu cầu công nhận nền độc lập, thể hiện tầm nhìn chiến lược về vai trò của tổ chức này. Năm 1977, Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc trong bối cảnh bị cấm vận nặng nề, mở ra một kênh đối ngoại quan trọng. Ngày nay, Liên hợp quốc đã trở thành công cụ pháp lý sắc bén nhất để bảo vệ chủ quyền quốc gia. Hai nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an (2008–2009 và 2020–2021), cùng việc chủ trì thông qua Nghị quyết về bom mìn hậu chiến và đảm nhiệm chức Chủ tịch HĐBA tháng 4/2021, đã nâng tầm vị thế Việt Nam từ “đối tượng nghị quyết” thành “chủ thể nghị quyết”. Đặc biệt, sự kiện ký Công ước Hà Nội ngày 25–26/10/2025 với sự tham gia của nhiều quốc gia thành viên Liên hợp quốc đã đánh dấu bước tiến quan trọng, khẳng định vai trò chủ động của Việt Nam trong việc định hình luật chơi quốc tế và củng cố nền tảng pháp lý bảo vệ chủ quyền. Đồng thời, hàng loạt công hàm gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc từ năm 2020 đến nay

phản đối “đường lưỡi bò” và các hành vi vi phạm EEZ đã giúp pháp lý hóa lập trường quốc gia, tạo cơ sở lâu dài cho các vụ kiện quốc tế tiềm năng.

(3) APEC - Cầu nối kinh tế và công cụ cân bằng chiến lược Gia nhập APEC năm 1998, và đặc biệt đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh 2017, đã đánh dấu bước ngoặt hội nhập kinh tế của Việt Nam. Hiện nay, APEC chiếm tới 75% kim ngạch xuất khẩu và 78% FDI vào Việt Nam, khẳng định vai trò trọng yếu của diễn đàn này đối với phát triển kinh tế. Việc Việt Nam đề xuất thành công 4 ưu tiên dài hạn đến năm 2040, đồng thời tổ chức song song chuyến thăm của cả Chủ tịch Trung Quốc - Tập Cận Bình và Tổng thống Mỹ - Donald Trump năm 2017, cho thấy Hà Nội đã sử dụng APEC như một sân khấu cân bằng chiến lược khéo léo. Từ diễn đàn này, Việt Nam đã thu hút dòng vốn công nghệ cao từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ - mục tiêu cốt lõi được Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) xác định.

5. Những thách thức đặc biệt và giới hạn của ngoại giao đa phương

Dù đạt được nhiều thành tựu, đối ngoại đa phương vẫn đối mặt với những giới hạn nội tại và ngoại sinh nghiêm trọng, đòi hỏi sự tỉnh táo và thực dụng cao độ.

Một là, Yếu kém nội bộ (gót chân Achilles của ngoại giao). Một nền kinh tế yếu và nội bộ thiếu ổn định sẽ khiến mọi tham vọng đa phương trở thành “lâu đài trên cát”. Nigeria, dù là cường quốc Tây Phi, vẫn bị chi phối bởi giá dầu và bất ổn nội tại, khiến vai trò khu vực suy giảm rõ rệt từ năm 2015. Việt Nam cần tiếp tục ưu tiên xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và ổn định chính trị để có tiếng nói thực sự trên bàn ngoại giao đa phương.

Hai là, Xung đột lợi ích cố hữu. Trong đa phương, nhà ngoại giao luôn đứng giữa lần ranh: phục vụ lợi ích quốc gia tối cao hay mục tiêu cộng đồng quốc tế? Cấu trúc quyền lực bất cân xứng (quyền phủ quyết tại UNSC) cho phép năm thành viên thường trực thao túng thể chế, biến Liên hợp quốc từ công cụ công lý thành sân chơi quyền lực.

Ba là, Vấn đề ra quyết định: Chậm chạp, quan liêu và thiếu hiệu quả. Quy mô lớn dẫn đến tình trạng “quyết định của tất cả hoặc quyết định của không ai cũng không”. Cơ chế đồng thuận trong ASEAN hay bỏ phiếu đa số tại Đại hội đồng UN thường tạo ra những thỏa hiệp ở mức thấp nhất, làm tê liệt khả năng phản ứng nhanh trước khủng hoảng. Cuộc chiến Ukraine từ năm 2022 đến nay cho thấy: dù Nga bị lên án mạnh mẽ, Liên hợp quốc vẫn bất lực trong việc ngăn chặn hành động quân sự - bởi quyền phủ quyết và bộ máy quan liêu khổng lồ.

Như vậy, đối ngoại đa phương là công cụ sắc bén nhưng không phải vạn năng. Thành công của Việt Nam trong ba thập niên qua chứng minh rằng chỉ khi kết hợp chiến lược chủ động, thực dụng và khả năng định hình luật chơi với việc không ngừng củng cố nội lực quốc gia, đa phương mới thực sự trở thành đòn bẩy quyền lực thay vì gánh nặng ngoại giao. Hành trình từ quốc gia bị cô lập năm 1986 đến thành viên tích cực, có trách nhiệm và ngày càng không thể thiếu năm 2025 chính là minh chứng sống động nhất cho chân lý ấy.

6. Khuyến nghị nhằm tối ưu hóa đối ngoại đa phương: Biến ngoại giao đa phương thành đòn bẩy bảo vệ lợi ích quốc gia

Trong bối cảnh thế giới đang chứng kiến sự trở lại của cạnh tranh chiến lược gay gắt và các thách thức an ninh phi truyền thống lan rộng, đối ngoại đa phương chỉ thực sự phục vụ lợi ích quốc gia khi được triển khai với tư duy chiến lược sắc bén, hành động quyết đoán và khả năng kết nối vượt trội. Thay vì tiếp cận đa phương như một nghĩa vụ quốc tế, các quốc gia trung bình và khu vực cần biến nó thành vũ khí chủ động bảo vệ chủ quyền, an ninh và phát triển. Dưới đây là hai khuyến nghị cốt lõi, được rút ra từ thực tiễn thành công của Việt Nam, Nigeria và Canada, đồng thời phù hợp với tinh thần Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) và Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ nhất, Chủ động và quyết đoán trong thể chế khu vực: Hành động trước khi khủng hoảng sụp đổ

Đối ngoại đa phương không được phép chỉ là phản ứng thụ động trước các sự kiện đã xảy ra. Nó phải là hành động đi trước một bước, đặc biệt tại các thể chế khu vực - nơi các mối đe dọa an ninh có tính địa lý tiếp giáp và lan tỏa nhanh chóng. Các vấn đề như khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh hay biến đổi khí hậu không tôn trọng biên giới quốc gia. Nếu chờ đợi đồng thuận tuyệt đối, cơ hội ngăn chặn sẽ vụt mất và cái giá phải trả sẽ vô cùng đắt.

Nghiên cứu của Oladimeji Talibu (2025) về Nigeria chỉ rõ: chỉ khi Abuja quyết đoán dẫn dắt ECOWAS can thiệp nhanh vào Mali (2012), Liberia, Sierra Leone và Gambia, Nigeria mới ngăn chặn được sự lan tỏa của bất ổn vào lãnh thổ mình, đồng thời củng cố vị thế cường quốc khu vực duy nhất ở Tây Phi. Hành động của Nigeria không phải lúc nào cũng chờ đợi sự phê chuẩn đầy đủ từ Liên hợp quốc mà dựa trên các tuyên bố trước đó của ECOWAS và Hội đồng Bảo an - một mô hình “quyết đoán có kiểm soát” hoàn toàn hợp pháp và hiệu quả.

Việt Nam đang đi đúng hướng này. Đại hội XIII và Nghị quyết 59-NQ/TW đã chuyển tư duy từ “*tham dự*” sang “*chủ động tham gia, phát huy vai trò, đóng góp xây dựng và định hình các thể chế đa phương*”. Việc kiên trì quốc tế hóa vấn đề Biển Đông tại ASEAN, gửi hàng loạt công hàm lên Liên hợp quốc, khởi xướng đàm phán COC và đăng cai ASEAN Future Forum 2025 chính là biểu hiện rõ nét của sự quyết đoán khu vực. Đây được coi là phòng thủ chủ động, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia “từ sớm, từ xa” theo đúng định hướng mà Đảng đã xác định.

Thứ hai, hòa giải và kết nối: Biến ngoại giao thành tuyến phòng thủ quốc gia đầu tiên

Khuyến nghị thứ hai, mang tính chiến lược lâu dài hơn, là ưu tiên tuyệt đối các giải pháp chính trị và xây dựng quyền lực quan hệ (relational power). Ngoại giao đa phương phải buộc các bên đối đầu ngồi lại bàn đàm phán thay vì lao vào chiến trường. Antony Blinken (2016) từng thừa nhận trong bối cảnh Syria: dù hình ảnh tàn bạo đến đâu, dù Assad và Nga có bị chỉ trích nặng nề đến mấy, giải pháp cuối

cùng vẫn phải là “đau đớn, kéo dài, không hoàn hảo nhưng thực tế” tức là ngoại giao chính trị.

Ngoại giao không chỉ là phương tiện thay thế chiến tranh, mà phải được coi là tuyến phòng thủ đầu tiên của quốc gia, đáng được đầu tư nguồn lực ngang tầm quốc phòng. Đối với Việt Nam, Chỉ thị 25-CT/TW và Nghị quyết 59-NQ/TW đã khẳng định rõ: đối ngoại phải **“tiên phong”**, kết hợp chặt chẽ với quốc phòng – an ninh để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Chìa khóa để tối ưu hóa chính là khả năng làm cầu nối và hòa giải – một hình thức quyền lực xã hội mạnh mẽ trong mạng lưới ngoại giao. Theo Michael W. Manulak, ảnh hưởng đa phương không tỷ lệ thuận với quy mô quân sự hay kinh tế mà tỷ lệ nghịch với khả năng bị thay thế. Canada trong “thời hoàng kim” 1944 - 1957 đã chứng minh điều này: dù không phải siêu cường, Ottawa vẫn định hình trật tự thế giới hậu chiến bằng cách làm trung gian giữa Mỹ và châu Âu, đề xuất lực lượng gìn giữ hòa bình tại Suez (1956) và đóng vai trò cầu nối trong Chiến tranh Triều Tiên. Việt Nam đang sở hữu tiềm năng tương tự: vị trí địa chính trị chiến lược, chính sách độc lập tự chủ, không liên minh quân sự, cùng uy tín ngày càng tăng khiến Hà Nội trở thành ứng viên lý tưởng cho vai trò hòa giải. Việc làm điều phối viên quan hệ ASEAN - Trung Quốc (2021-2024), chủ trì các hội nghị về Biển Đông dựa trên luật pháp quốc tế, hay đề xuất sáng kiến “Một Liên hợp quốc” tại Việt Nam đều là những bước đi đúng hướng để lấp đầy “lỗ hổng cấu trúc” trong mạng lưới quan hệ khu vực.

Để phát huy tiềm năng này, Việt Nam cần tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào đội ngũ ngoại giao chuyên sâu về luật quốc tế, đàm phán quốc tế và xây dựng mạng lưới quan hệ cá nhân; đồng thời phát triển kinh tế tri thức để gia tăng trọng lượng tiếng nói trong các đàm phán quốc tế. Song song với đó, việc chủ động đề xuất và đảm nhận vai trò trung gian hòa giải trong các vấn đề nóng như Biển Đông, bán đảo Triều Tiên hay Myanmar sẽ giúp Việt Nam tích lũy quyền lực quan hệ lâu dài,

củng cố vị thế là một nhân tố không thể thay thế trong cấu trúc khu vực. Tối ưu hóa đối ngoại đa phương đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính quyết đoán thực dụng trong bảo vệ an ninh khu vực và khả năng kết nối sáng tạo để định hình trật tự. Ngoại giao không phải là sự nhượng bộ mà là vũ khí sắc bén nhất để bảo vệ lợi ích quốc gia trong thế kỷ XXI. Với đường lối “độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa” và tinh thần “dĩ bất biến ứng vạn biến”, Việt Nam hoàn toàn có khả năng biến các thách thức toàn cầu thành cơ hội quốc gia, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ mà Đại hội XIII và Nghị quyết 59-NQ/TW đã xác định. Chỉ khi đó, ngoại giao đa phương mới thực sự trở thành đòn bẩy quyền lực thay vì gánh nặng ngoại giao.

KẾT LUẬN

Trong thế kỷ XXI, đối ngoại đa phương không còn là lựa chọn ngoại giao mà đã trở thành yêu cầu sống còn, là công cụ sắc bén nhất để các quốc gia bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc giữa bão tố cạnh tranh quyền lực và thách thức toàn cầu. Với bản chất là hành động phối hợp tập thể dựa trên các nguyên tắc bất khả phân, có đi có lại lan tỏa và không phân biệt đối xử, đa phương cho phép quốc gia theo đuổi ba trụ cột lợi ích cốt lõi, an ninh, phát triển kinh tế và vị thế quốc tế một cách đồng bộ và hiệu quả nhất. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, đa phương chính là “lá chắn chiến lược” giúp tránh bị cuốn vào lằn ranh đối đầu giữa các cường quốc, đồng thời khuếch đại tiếng nói thông qua đồng thuận tập thể. Thực tiễn ba thập kỷ Đổi mới chứng minh: từ một quốc gia bị cô lập năm 1986, Việt Nam đã vươn lên thành nhân tố tích cực, có trách nhiệm và ngày càng không thể thiếu tại ASEAN, Liên hợp quốc và APEC, biến các diễn đàn đa phương thành tuyến phòng thủ đầu tiên bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”.

Sức mạnh thực sự của đa phương nằm ở khả năng biến thách thức chung thành cơ hội quốc gia. Các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, đại dịch, khủng bố, an ninh mạng đều mang tính phổ quát, vượt qua mọi biên giới và chủ quyền. Không

siêu cường nào có thể tự giải quyết; chỉ có hợp tác đa phương mới mang lại kết quả thực chất. Việt Nam đã nhận thức sâu sắc điều này khi nâng tầm đối ngoại đa phương lên “tầm cao mới” tại Đại hội XIII và Nghị quyết 59-NQ/TW (2025): chủ động tham gia, đóng góp xây dựng và định hình thể chế đa phương, trật tự chính trị - kinh tế quốc tế công bằng, dân chủ. Việc đảm nhiệm xuất sắc Chủ tịch ASEAN 2020, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 2020-2021, đăng cai APEC 2017, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình và thúc đẩy SDGs đều khẳng định: đa phương không làm suy yếu mà chính là nhân lên sức mạnh tổng hợp quốc gia, củng cố uy tín và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tóm lại, trong một thế giới ngày càng phức tạp và dễ tổn thương, đa phương hóa không chỉ là nghĩa vụ ngoại giao mà là sự bảo hiểm chiến lược cho sự tồn vong và thịnh vượng của dân tộc. Chỉ thông qua hợp tác chân thành, nỗ lực chung và điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực quốc tế, lợi ích quốc gia mới được bảo vệ bền vững. Với đường lối “độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa” và tinh thần “đĩ bất biến ứng vạn biến”, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để tiếp tục biến các diễn đàn đa phương thành đòn bẩy quyền lực, đưa đất nước vững bước thực hiện khát vọng phát triển đến năm 2045: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó không chỉ là mục tiêu mà đã trở thành sứ mệnh lịch sử của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Tuan Ha, Hai Binh Le (2021): *Decoding Vietnam's Multilateral Diplomacy* Springer Nature B.V. 2021
2. Van Oudenaren, John. Policy Review: What is Multilateral?. February/March 2003. Retrieved on 2 April, 2019 from <https://www.questia.com/library/journal/1G1-98167907/what-is-multilateral>
3. Gowan, Richard: Multilateralism in Freefall? Retrieved on 24 April, from <https://cpr.unu.edu/the-multilateral-freefall.html>.

4. Andrea Giallombardo (2016). The Development of Multilateral Diplomacy and its Fundamental Role in Global Security and Progression.
5. Ngoại giao đa phương: 80 năm đồng hành cùng Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ, <https://baohinhphu.vn/ngoai-giao-da-phuong-80-nam-dong-hanh-cung-viet-nam-chuyen-minh-manh-me-102250823180342811.htm>
6. Đặng Đình Quý (2019): Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH THẾ GIỚI HIỆN NAY

PGS,TS. Phan Văn Rân*

Tóm tắt: *Cùng với sự phát triển của đời sống xã hội, các hình thức đối ngoại đa phương và các cơ chế khu vực và quốc tế cũng ra đời và phát triển. Đặc biệt, từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay, cùng với quá trình toàn cầu hóa cũng như sự nổi lên của các vấn đề khu vực và toàn cầu mà không quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết được, chủ nghĩa đa phương đã và đang trở thành yếu tố quan trọng trong quan hệ quốc tế đương đại. Các cơ chế đa phương ngày nay trở thành nơi thúc đẩy hợp tác, phối hợp hành động giữa các quốc gia dân tộc nhằm xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Đối với Việt Nam, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại nói chung, đối ngoại đa phương nói riêng, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm thúc đẩy đối ngoại đa phương, xác định đối ngoại đa phương là một bộ phận quan trọng của đối ngoại Việt Nam, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển Tổ quốc.*

Từ khóa: Đối ngoại đa phương, chủ nghĩa đa phương, ngoại giao đa phương, hợp tác quốc tế, các tổ chức quốc tế

1. Khái niệm đối ngoại đa phương

Đối ngoại đa phương, được hiểu chung nhất, là hình thức ngoại giao tập thể với sự tham gia của ba bên trở lên nhằm giải quyết một vấn đề chung. Các nhà nghiên cứu quốc tế cho rằng, ngoại giao đa phương có thể hiểu là việc đàm phán để đạt được thỏa thuận và triển khai các hoạt động hợp tác tập thể giữa các chủ thể nhà

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nước và phi nhà nước trong các khuôn khổ đa phương. Ngoại giao đa phương do đó còn được định nghĩa là hoạt động bởi hơn hai bên hoặc hơn hai quốc gia trong quá trình tìm và đạt giải pháp ngoại giao trong các thể chế đa phương nhằm giải quyết các vấn đề chung giữa các quốc gia/chủ thể đó”¹. Như vậy, đối ngoại đa phương là hành động mang tính tập thể để giải quyết một vấn đề thuộc quan tâm chung của nhiều chủ thể, nhiều quốc gia và đối ngoại đa phương là phương thức triển khai hoạt động đó.

Hoạt động đối ngoại đa phương bị chi phối bởi các nguyên tắc của các thể chế đa phương. Điều đó có nghĩa là các khuôn khổ đa phương như những luật chơi, tính đặc thù, quy trình hoạt động ... vừa là công cụ điều chỉnh, vừa là định hướng hành vi của tất cả các chủ thể tham gia đối ngoại đa phương. Như vậy, yếu tố đặc trưng của đối ngoại đa phương là tính đa bên và hợp tác: các quốc gia (hoặc chủ thể quốc tế) cùng tham gia đàm phán, thương lượng trong cùng một diễn đàn, một tổ chức để tìm kiếm giải pháp chung. Đối ngoại đa phương thường được thực hiện qua các tổ chức, cơ chế quốc tế như Liên Hợp Quốc (UN), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ... cũng như các Hội nghị, Diễn đàn đa phương như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái bình dương (APEC), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) ..., nhằm tạo ra kênh thông tin và ra quyết định chung giúp các chủ thể tham gia tìm tiếng nói chung, giảm thiểu những bất đồng, mâu thuẫn, trên cơ sở đó mở rộng, tăng cường hợp tác, đáp ứng nhu cầu và lợi ích của các bên tham gia.

Khái niệm trên nhấn mạnh rằng, đối ngoại đa phương là cách thức tập thể hóa quan hệ quốc tế, trái ngược với ngoại giao song phương chỉ giữa hai quốc gia, hai chủ thể. Tư tưởng về hợp tác đa phương, hiểu theo nghĩa các quốc gia cùng phối hợp nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó đã xuất hiện khá sớm từ thế kỷ XVII với sự ra đời của

¹ Andrew F.Cooper, Jorge Heine, Kishore Mabuhbani, and Thamesh Rakur (eds). *The Oxford Handbook of modern diplomacy*, 2013, p.1.

Hệ thống Westphalia (Năm 1648) nhằm điều hòa quan hệ, duy trì cân bằng quyền lực giữa các quốc gia và ngăn ngừa chiến tranh. Tuy nhiên, phải đến cuối thế kỷ XIX, các hình thái hợp tác đa phương giữa các quốc gia mới bắt đầu xuất hiện với sự ra đời của nhiều tổ chức đa phương như: Ủy hội sông Ranh (1815), Phong trào Chữ thập đỏ quốc tế (1863), Liên minh Điện tín quốc tế (1865), Liên minh Bưu chính quốc tế (1874)... Bước sang thế kỷ XX, hợp tác đa phương có sự phát triển mang tính bước ngoặt với sự ra đời của nhiều tổ chức quốc tế, cơ chế hợp tác đa phương như: Hội quốc liên (1920), thể hiện một bước tiến trong tư duy về hợp tác đa phương, ước vọng hướng tới xây dựng cộng đồng quốc gia dựa trên một nền hòa bình chung, có trật tự; Liên hợp quốc (1945) đánh dấu sự hình thành và phát triển của hệ thống đa phương quốc tế và luật pháp quốc tế ngày nay. Liên hợp quốc ra đời với mục tiêu hàng đầu là nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế trên cơ sở bảo đảm và tuân thủ nguyên tắc, luật lệ chung áp dụng chung cho các nước thành viên và hàng loạt các tổ chức quốc tế khác. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991) và dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, sự nổi lên của các vấn đề toàn cầu, nhu cầu phát triển của mỗi quốc gia – dân tộc..., chủ nghĩa đa phương ngày càng phát triển, trở thành một xu thế nổi bật, góp phần định hình quan hệ quốc tế đương đại.

Cùng với thời gian, đối ngoại đa phương ngày nay có nội hàm sâu rộng hơn, đa ngành, đa lĩnh vực và trở thành là một bộ phận quan trọng trong đường lối đối ngoại của mỗi quốc gia. Đối ngoại đa phương ngày nay không chỉ giới hạn trong lĩnh vực an ninh-quân sự mà còn bao gồm kinh tế, văn hóa, xã hội..., đồng thời ngày càng được xem là công cụ thiết yếu của các chính sách đối ngoại hiện đại. Các quốc gia sử dụng đa phương hóa quan hệ và chủ động tham gia các cơ chế quốc tế để mở rộng ảnh hưởng, huy động nguồn lực, giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng xử lý riêng lẻ. Như vậy, về mặt lý luận, đối ngoại đa phương là chiến lược hợp tác giữa nhiều quốc gia nhằm chung sức giải quyết thách thức và phát huy lợi thế của mỗi quốc gia trong một thế giới toàn cầu hóa.

2. Cơ sở lý luận để nâng tầm đối ngoại đa phương dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế hiện đại

2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Theo chủ nghĩa hiện thực (realism), hệ thống quốc tế là vô chính phủ (anarchy) và nhà nước – với tư cách chủ thể quốc tế chính – luôn tự tìm cách gia tăng quyền lực nhằm đảm bảo an ninh, tồn vong. Thực tế, nhà lý thuyết hiện thực như Hans Morgenthau (trong *Politics among Nations*, 1948) cho rằng chính trị quốc tế cơ bản là cuộc đấu tranh giành quyền lực; các quốc gia và các nhà lãnh đạo chính trị “chính trị thế giới... là tiến hành cuộc chiến để đạt quyền lực”¹; do đó lý thuyết hiện thực cổ điển tập trung phân tích bản chất ích kỷ, ham quyền lực của con người. Theo quan điểm này, nguồn lực hạn chế và chủ nghĩa dân tộc dẫn đến cạnh tranh lẫn nhau không thể tránh khỏi, trong khi các quy ước và tổ chức quốc tế chỉ có vai trò khi phục vụ lợi ích quyền lực của quốc gia. Nhóm học giả hiện thực tiêu biểu khác như Thucydides, Machiavelli, Hobbes (về mặt triết học) và Waltz hay Mearsheimer (tân hiện thực luận) cho rằng, trong một thế giới đầy cạnh tranh, các quốc gia thường đàm phán trong khuôn khổ đa phương chủ yếu với tư cách để cân bằng quyền lực và bảo vệ lợi ích cốt lõi của mình². Trong bối cảnh đó, chủ nghĩa hiện thực giải thích chính sách đối ngoại đa phương như một công cụ để theo đuổi lợi ích quốc gia. Các định chế và cơ chế đa phương phản ánh sự phân bổ quyền lực và quan điểm lợi ích của các nước, và ngoại giao đa phương thường được sử dụng như một phương tiện thúc đẩy cân bằng quyền lực. Chẳng hạn, nhiều học giả hiện thực cho rằng các bang giao và hiệp ước đa phương được ký kết chủ yếu nhằm cản trở kẻ thù và bảo vệ an ninh cho quốc gia mình, chứ không phải vì lý tưởng hợp tác thuần túy. Tóm lại, quan điểm hiện thực lý giải việc một

¹ Trương Minh Huy Vũ, *Chủ nghĩa hiện thực (Realism)*, <https://nghienccuquocte.org/2015/02/18/chu-nghia-hien-thuc/>

² Sdd

quốc gia tham gia hoặc thúc đẩy đa phương hóa khi thấy rằng điều đó nâng cao vị thế, củng cố liên minh hoặc mang lại lợi ích an ninh cho mình.

2.2. Chủ nghĩa tự do

Trái với trường phái hiện thực, chủ nghĩa tự do (liberalism) nhấn mạnh tiềm năng hợp tác giữa các quốc gia thông qua các thể chế và quy tắc quốc tế. Chủ nghĩa tự do cho rằng con người có khả năng phát triển và hưởng lợi chung từ hợp tác “đề cao khả năng hợp tác giữa các quốc gia để cùng đạt được lợi ích chung, đặc biệt là thông qua các thể chế quốc tế”¹. Chủ nghĩa tự do coi các chủ thể quốc tế là đa dạng bao gồm các thể chế quốc tế, tổ chức phi chính phủ và đa quốc gia. Đây là những tác nhân có thể thúc đẩy hợp tác liên quốc gia. Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do, đối ngoại đa phương là công cụ đắc lực để củng cố an ninh và phát triển thông qua hợp tác. Đối ngoại đa phương được nhìn nhận như cơ chế tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng qua thương lượng hoà bình và xây dựng lòng tin trên cơ sở luật pháp quốc tế và thể chế toàn cầu. Nhiều nghiên cứu chỉ ra việc gia tăng các hiệp ước, liên minh kinh tế và tổ chức đa phương (như WTO, Liên minh châu Âu, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới) chính là minh chứng cho niềm tin tự do vào hợp tác thay vì xung đột. Do đó, chủ nghĩa tự do cung cấp cơ sở lý luận cho việc khuyến khích các nước tham gia sâu rộng vào ngoại giao đa phương, với lập luận rằng đây là con đường để cùng vượt qua các thách thức toàn cầu và đạt được lợi ích chung.

2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Chủ nghĩa kiến tạo (constructivism) cho rằng cấu trúc quốc tế không chỉ được định hình bởi quyền lực và lợi ích, mà còn bởi các giá trị xã hội, bản sắc và niềm tin tập thể của các quốc gia. Theo quan điểm này, “bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị...có ảnh hưởng mạnh mẽ lên các hoạt động chính trị – xã hội”².

¹ Trương Minh Huy Vũ, *Chủ nghĩa tự do (Liberalism)*, <https://nghiencuuquocte.org/2015/03/13/chu-nghia-tu-do/>

² Phạm Thùy Tiên, *Chủ nghĩa kiến tạo (constructivism)*, <https://nghiencuuquocte.org/2015/03/01/chu-nghia-kien-tao/>

Chính vì vậy, trường phái chủ nghĩa kiến tạo cho rằng, vấn đề như quan niệm về “tình trạng hữu hảo” hoặc “đối địch” giữa các nước có thể thay đổi theo thời gian. Điểm then chốt là lợi ích quốc gia không cố định ngoài ý thức các quốc gia mà tự phát sinh qua tương tác xã hội và văn hoá chính trị. Trong bối cảnh đối ngoại đa phương, chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh rằng các tổ chức và diễn đàn quốc tế là nơi xây dựng và lan truyền các chuẩn mực chung (ví dụ: nhân quyền, môi trường)¹. Ngoại giao đa phương được coi là diễn đàn để hình thành nhận thức chung, từ đó điều chỉnh quan niệm và hành vi của các quốc gia.

Như vậy, chủ nghĩa kiến tạo bổ sung cho lý thuyết ngoại giao đa phương bằng cách làm rõ vai trò của các giá trị và quy ước. Nó cho rằng hợp tác đa phương có thể được thúc đẩy khi các nước chia sẻ một tập niềm tin chung hoặc khung tham chiếu xã hội về lợi ích. Vì thế, ngoại giao đa phương không chỉ đơn thuần là công cụ quyền lực (realism) hay lợi ích (liberalism), mà còn là cơ chế để các quốc gia xác nhận và củng cố các chuẩn mực xã hội toàn cầu. Quan điểm kiến tạo giúp lý giải tại sao các thể chế và quy định quốc tế ngày càng quan trọng trong việc định hình chính sách đối ngoại của nhiều nước, bao gồm cả Việt Nam.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương và vai trò trong đường lối đối ngoại Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ rất sớm đã nhìn thấy vị trí quan trọng của hợp tác và đối ngoại đa phương trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Trong những năm tháng ra đi tìm đường cứu nước và tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia hoạt động trong phong trào cách mạng thế giới, trở thành một trong những nhà lãnh đạo của phong trào giải phóng dân tộc, thành viên tích cực của Quốc tế Cộng sản, thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như phong trào giải

¹ Sdd

phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc còn tận dụng tối đa các cơ chế đa phương nhằm tập hợp lực lượng quốc tế ủng hộ cách mạng Việt Nam như tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông... Các hoạt động tại các diễn đàn đa phương này đã góp phần làm cho thế giới hiểu rõ tình cảnh của dân tộc Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập (02/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến hoạt động đối ngoại đa phương, tích cực đấu tranh để Việt Nam trở thành thành viên của các cơ chế đa phương, nhất là Liên hợp quốc. Trong điện văn gửi Tổng thống Mỹ Truman tháng 10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoan nghênh việc thành lập Ủy ban Tư vấn Viễn Đông thuộc Liên Hợp quốc và nhấn mạnh: “theo bản Hiến chương Đại Tây dương và bản Hiệp ước hòa bình sau đó, và do thiện chí cùng với lập trường kiên định về nền dân chủ, Việt Nam có đủ điều kiện cử đại diện vào Ủy ban Tư vấn. Chúng tôi tin chắc rằng tại Ủy ban này, Việt Nam có thể mang lại sự đóng góp có hiệu quả cho việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại ở Viễn Đông; trái lại, sự vắng mặt của Việt Nam sẽ gây ra tình trạng bất ổn định và đặc tính nhất thời cho những giải pháp đạt được bằng cách khác”¹. Trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* gửi đại diện các nước Đại Anh quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước thành viên khác của Liên hợp quốc năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định; “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: - Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; - Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hiệp quốc; - Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hiệp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 61

hải quân và không quân”¹. Các tuyên bố, phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm chủ động hội nhập và tìm kiếm sự ủng hộ quốc tế thông qua các cơ chế đa phương. Trong những năm Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tư tưởng của Người về “liên minh với bạn bè quốc tế” luôn đóng vai trò định hướng cho nền đối ngoại Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đối ngoại đa phương, trong đó có việc tham gia các tổ chức quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc là con đường để tăng cường đoàn kết quốc tế và tranh thủ nguồn lực, góp phần tăng cường sức mạnh của phong trào cách mạng Việt Nam trên trường quốc tế.

Về vai trò của đối ngoại đa phương trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định đây là “*mặt trận quan trọng*” trong quá trình đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong giai đoạn 1945–1975, đối ngoại đa phương đã mở rộng “mặt trận quốc tế” của cách mạng Việt Nam, huy động sự ủng hộ và áp lực quốc tế lên kẻ thù. Những thắng lợi tại Hội nghị Geneve (1954) và Hội nghị Paris (1973) vốn được thực hiện dưới hình thức đa phương với sự tham gia của nhiều nước lớn, là “*dấu son*” khẳng định vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Đối ngoại đa phương đã góp phần tạo điều kiện cho việc giành độc lập, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam hiện nay. Như vậy, từ tư tưởng và các biện pháp triển khai về đối ngoại đa phương của Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất, đối ngoại đa phương là một trong những công cụ, phương thức đối ngoại để đạt mục tiêu giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước; đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ đắc lực để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế mà còn là nhân tố then chốt để bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước trên bình diện toàn cầu;

Thứ hai, các tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương là nơi để tập hợp lực lượng, qua đó các nước nhỏ nói lên tiếng nói của mình, tăng tính hiệu quả trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng của mình trước các đối thủ lớn;

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 523

Thứ ba, tích cực và chủ động tham gia, mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, tuân thủ và vận dụng luật lệ của các tổ chức quốc tế là cơ sở để bảo vệ và gìn giữ hòa bình, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước, góp phần nâng cao vị thế và uy tín cho Việt Nam trên trường quốc tế.

4. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại đa phương và vai trò của nó trong đường lối đối ngoại Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương chính là nền tảng vững chắc để Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Chính trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, từ khi được thành lập (03/02/1930) đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng hoạt động đối ngoại đa phương, xem đây là một bộ phận cấu thành đường lối đối ngoại Việt Nam. Ngay trong thời kỳ lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ (1945-1975), tại Đại hội II của Đảng (1951), Đảng Cộng sản Đông Dương nhấn mạnh “*củng cố ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác; tăng cường việc ngoại giao giữa các đoàn thể nhân dân nước ta với các đoàn thể nhân dân thế giới*”¹. Quan điểm coi trọng đối ngoại đa phương tiếp tục được thể hiện trong các Văn kiện của Đảng trong thời kỳ này và được thể hiện trong thực tiễn thông qua việc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tham gia hàng loạt các tổ chức, diễn đàn đa phương, tiêu biểu như Phong trào Không Liên kết, Phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế, Phong trào Hòa bình Thế giới, Phong trào Giải phóng dân tộc Á, Phi và Mỹ Latinh, các tổ chức Phi Chính phủ thế giới, ...

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975), quan điểm coi trọng đối ngoại đa phương tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng và tăng cường, thể hiện qua chủ trương tiếp quản tư cách thành viên của chế độ Việt Nam Cộng hòa, tham gia nhiều tổ chức đa phương mới như tham gia

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, t. 12, tr. 117

Hội đồng Tương trợ kinh tế - SEV (1978), thiết lập những quan hệ láng giềng tốt với Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)...

Đặc biệt, trong thời kỳ tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay, quan điểm mở rộng và tăng cường đối ngoại đa phương tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng. Đại hội VI của Đảng (1986) thông qua đường lối đổi mới đất nước toàn diện, trong đó có đổi mới hoạt động đối ngoại nói chung, đối ngoại đa phương nói riêng đã nhấn mạnh: “mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế..., mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”¹. Kể từ đó đến nay, trải qua các kỳ Đại hội, trong các Văn kiện Đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của đối ngoại đa phương. Tại Đại hội XI của Đảng (2011), đối ngoại đa phương trở thành một định hướng lớn trong đường lối đối ngoại, theo đó: “... *Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế... Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia ...; tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, và nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị Việt Nam*”²

Như vậy, Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của hợp tác đa phương về quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập khu vực và thế giới một cách sâu rộng, toàn diện. Đại hội XI bên cạnh chủ trương đối ngoại *Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy* thì bổ sung thêm *thành viên có trách nhiệm*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2006, t. 47, tr. 561

² Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia, H. 2011, tr. 138, 236, 237

trong cộng đồng quốc tế¹. Điều đó thể hiện bước trưởng thành của đối ngoại đa phương Việt Nam với sự tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm của Việt Nam tại các cơ chế, tổ chức, diễn đàn khu vực, đa phương và toàn cầu. Đối ngoại đa phương trở thành một bộ phận quan trọng trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Đại hội XI về hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về *Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*, trong đó nhấn mạnh: “tham gia các thể chế đa phương, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân chủ, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, củng cố hòa bình, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi. Phát huy vai trò tại các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác mà nước ta là thành viên. Chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh mà nước ta là thành viên, trước hết là các cơ chế trong khuôn khổ ASEAN và do ASEAN làm chủ đạo. Xây dựng và triển khai kế hoạch gia nhập các cơ chế đa phương khác; trong đó, có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn, như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, kiểm soát phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, diễn tập chung và các hoạt động khác, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và góp phần đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu ổn định, bền vững². Quan điểm mới trong đối ngoại đa phương của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở chỗ “sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế đa phương ngày càng đi vào chiều sâu, tích cực, chủ động, không chỉ *gia nhập* và *tham gia* mà còn có vai trò đóng góp, khởi xướng và tham gia định hình các cơ chế”³.

Tại Đại hội XII của Đảng (2016), khái niệm đối ngoại đa phương chính thức được đề cập trong Văn kiện của Đảng và trở thành một định hướng chiến lược chứ không chỉ là công cụ thực hiện công tác đối ngoại, theo đó, “phải nâng cao chất

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia, H. 2011, tr. 83

² <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-264>

³ Đặng Đình Quý. *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2019, tr. 234

lượng và hiệu quả công tác đối ngoại đa phương..., chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh,...”¹. Định hướng mới này đòi hỏi đối ngoại đa phương của Việt Nam phải chủ động, tích cực đóng góp xây dựng và định hình các quy tắc, luật lệ mới và các cơ chế đa phương để vừa nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam tại các cơ chế này, vừa phục vụ mục tiêu phát triển và an ninh của đất nước.

Để đáp ứng những yêu cầu mới trong công tác đối ngoại đa phương của đất nước, ngày 08/8/2018, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW về *đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*, trong đó xác định mục tiêu của đối ngoại đa phương là nhằm “tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao hiệu quả quốc tế,... khẳng định mạnh mẽ vai trò của Việt Nam là thành viên tích cực, là đối tác tin cậy và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước, phù hợp với khả năng và điều kiện cụ thể”².

Gần đây nhất, Đại hội XIII của Đảng (2021) đã khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.... Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”³. Nguyên tắc chỉ đạo có tính xuyên suốt trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam là: Việt Nam vừa giữ vững lập trường có tính nguyên tắc độc lập tự chủ, vừa tích cực tham gia vào

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2016, tr. 156

² <https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/-doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-tang-cuong-suc-manh-dat-nuoc--140.html>

³ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, T.I, tr. 161-162

các tổ chức và diễn đàn đa phương. Về đối ngoại đa phương, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, Hợp tác tiểu vùng Mê Kông và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể”¹.

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu đối ngoại đã đạt được và trước những diễn biến phức tạp, khó đoán định của tình hình thế giới cũng như xuất phát từ nhu cầu phát triển của đất nước khi bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, ngày 24/01/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW về *Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*. Liên quan đến hội nhập quốc tế và đối ngoại đa phương, Nghị quyết nhấn mạnh trong 10 năm tới, Việt Nam phải: *về vị thế kinh tế*, không chỉ là mở rộng thương mại, mà còn là quá trình nâng cấp năng lực nội sinh, phát triển kinh tế độc lập, tự chủ đồng thời có thể định hình vai trò chủ động trong chuỗi giá trị toàn cầu, tham gia vào thiết lập các chuẩn mực kinh tế số, tài chính xanh, chuỗi cung ứng bền vững, góp phần vào định hình trật tự kinh tế khu vực mới; *về vị thế chính trị*, phải chủ động, tích cực tham gia và đóng góp có trách nhiệm vào các thể chế đa phương, qua đó củng cố hình ảnh quốc gia có trách nhiệm, đáng tin cậy, trung lập tích cực trong tranh chấp khu vực, trở thành cầu nối giữa các nhóm nước giữa ASEAN với đối tác lớn, giữa Đông Á với Nam Á, giữa các nước đang phát triển và nền kinh tế phát triển.

Có thể nói, các quan điểm và nguyên tắc nêu trên phản ánh mục tiêu xuyên suốt của Đảng: *ngoại giao đa phương phải phục vụ cho lợi ích quốc gia dân tộc, bảo đảm an ninh-quyền lợi của Việt Nam, đồng thời đóng góp vào giải quyết vấn đề toàn cầu*. Từ nền tảng lý luận cũng như trong thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, T.I, tr. 162-163.

luôn coi trọng và chủ động tham gia các cơ chế đa phương, xác định đây là một trong những trụ cột của đối ngoại Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đối ngoại đa phương là công cụ chiến lược để tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho mục tiêu phát triển, đồng thời nâng cao vị thế, uy tín của đất nước. Bước vào thời kỳ phát triển mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nhiệm vụ của đối ngoại đa phương Việt Nam là chủ động xây dựng và dẫn dắt các chương trình nghị sự quốc tế quan trọng, tích cực tham gia giải quyết thách thức toàn cầu, qua đó góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc. Việc Việt Nam tích cực tham gia xây dựng và dẫn dắt các chương trình nghị sự của nhiều cơ chế, tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, ASEAN, APEC; ký kết nhiều hiệp định toàn cầu đã chứng minh vai trò then chốt của đối ngoại đa phương trong chiến lược hội nhập và phát triển của Đảng và Nhà nước Việt Nam./.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG TRONG THẾ KỶ XXI VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. Bùi Việt Hương*

Tóm tắt: Chủ nghĩa đa phương (CNĐP) trong thế kỷ XXI đang trải qua quá trình tái cấu trúc sâu sắc, chuyển từ mô hình tập trung sang mô hình đa cực, đa tầng nấc và đa chủ thể, với sự nổi lên của các hình thức hợp tác linh hoạt (minilateralism). Sự dịch chuyển quyền lực toàn cầu, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, và sự xuất hiện của các vấn đề an ninh phi truyền thống là những nhân tố chính định hình bối cảnh mới này. Đối với Việt Nam, CNĐP thế kỷ XXI mang ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa là cơ hội để mở rộng không gian chiến lược, nâng cao vị thế quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hiện đại hóa thể chế, vừa đặt ra những thách thức về năng lực thích ứng và sức ép từ cạnh tranh nước lớn. Để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, bài nghiên cứu đề xuất Việt Nam cần chuyển đổi tư duy từ "tham gia" sang "đóng góp kiến tạo" và "tham gia xây dựng luật chơi", đồng thời tăng cường năng lực nội tại và gắn kết chặt chẽ CNĐP với chiến lược phát triển quốc gia, biến đa phương thành một trụ cột cho mục tiêu phát triển đến năm 2045.

Từ khoá: Chủ nghĩa đa phương thế kỷ XXI; Quyền lực mềm; Chiến lược đối ngoại; Quản trị toàn cầu

Trong bối cảnh thế kỷ XXI chứng kiến những biến động nhanh chóng và khó lường của tình hình khu vực và thế giới, chủ nghĩa đa phương (CNĐP) đang đứng trước những thách thức sâu sắc nhưng đồng thời mở ra nhiều cơ hội phát triển mới. Sự dịch chuyển trọng tâm quyền lực, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống, cùng tiến trình số hóa và chuyển đổi xanh toàn cầu đang định hình lại cấu trúc hợp tác quốc tế. Trong quá trình đó, CNĐP không suy giảm mà từng bước thích ứng, mở rộng và vận động theo những hình thức mới, phản ánh nhu cầu phối hợp hành động của cộng đồng

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

quốc tế trước các vấn đề mang tính liên quốc gia. Đối với Việt Nam, CNĐP thế kỷ XXI có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là môi trường để củng cố hòa bình, ổn định và phát triển, mà còn là không gian để Việt Nam nâng cao vị thế, mở rộng quan hệ đối ngoại và thúc đẩy các lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay.

1. Chủ nghĩa đa phương trong thế kỷ XXI

CNĐP là một khái niệm cơ bản trong quan hệ quốc tế hiện đại, đề cập đến hành động tập thể có phối hợp giữa ít nhất ba chủ thể. Nguyên tắc cốt lõi của CNĐP là nhận thức chung của các chủ thể rằng, hợp tác là vì lợi ích của chính họ để giải quyết các vấn đề có quy mô vượt quá khả năng của bất kỳ nỗ lực cá nhân nào¹. Trong các vấn đề quốc tế, CNĐP vận hành dựa trên ba yếu tố cấu thành chính: Hợp tác để làm việc cùng nhau; Thỏa hiệp để đạt được các thỏa thuận; và Phối hợp để tổ chức các nỗ lực giải quyết các vấn đề mà một quốc gia không thể tự mình xử lý².

Bước sang thế kỷ XXI, CNĐP đang trải qua những biến đổi sâu sắc về bản chất, nguyên tắc và hình thức hợp tác. Nếu như giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ của các thể chế đa phương toàn cầu, thì hai thập niên đầu thế kỷ XXI lại chứng kiến những thách thức chưa từng có: cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, khủng hoảng niềm tin vào chủ nghĩa tự do thể chế, chủ nghĩa dân túy - dân tộc cực đoan gia tăng, cùng các vấn đề xuyên quốc gia mới nổi như công nghệ số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, CNĐP không suy tàn mà đang tái cấu trúc theo hướng đa tầng, đa trung tâm, liên minh linh hoạt theo vấn đề và mang tính mạng lưới sâu sắc hơn.

Thứ nhất, không gian đa phương đang chứng kiến sự dân chủ hóa mạnh mẽ về chủ thể tham gia. CNĐP hiện đại đã vượt qua khuôn khổ hợp tác thuần túy giữa

¹ <https://www.un.org/en/global-issues/multilateral-system>

² <https://www.un.org/en/global-issues/multilateral-system>

các quốc gia, mở rộng sang sự tham gia của khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội, định chế tài chính quốc tế, viện nghiên cứu và các tập đoàn công nghệ lớn. Bước sang thế kỷ XXI, trật tự quyền lực quốc tế thay đổi sâu sắc khi sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi làm suy giảm ưu thế truyền thống của phương Tây. Các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Indonesia hay Thổ Nhĩ Kỳ không còn chấp nhận vị thế “ngoại vi” mà chủ động yêu cầu quyền đại diện tương xứng, tạo áp lực cải cách đối với IMF, WB, WTO và LHQ. Sự bất mãn này thúc đẩy việc hình thành các thể chế song song như BRICS+, AIIB hay SCO, làm phân tán quyền lực trong hệ thống đa phương. Điểm mới nổi bật là quốc gia không còn là chủ thể duy nhất trong quản trị toàn cầu, và sự tham gia của nhiều chủ thể phản ánh yêu cầu về tri thức, nguồn lực và công nghệ vượt quá khả năng của từng chính phủ đơn lẻ.

Thứ hai, các hình thức hợp tác đa phương ngày càng đa dạng và phân tầng rõ rệt. Bên cạnh hệ thống đa phương truyền thống xoay quanh LHQ và các định chế Bretton Woods, các cơ chế khu vực và liên khu vực phát triển mạnh, cùng sự nổi lên của các diễn đàn không chính thức. Cấu trúc đa phương chuyển từ mô hình phân cấp sang mô hình mạng lưới đa tầng: toàn cầu (UN, WTO, WHO), liên khu vực (ASEM, APEC), khu vực (ASEAN, EU, AU), tiểu vùng (Mekong - Nhật Bản, Mekong - Mỹ, ACMECS), đến các nhóm nhỏ linh hoạt (Quad, AUKUS, IPEF, CPTPP). Mô hình này dẫn đến tính đa trung tâm, sự chồng lấn, bổ sung, cạnh tranh giữa các cơ chế, đồng thời mở rộng không gian chiến lược cho các quốc gia. Ba nhân tố thúc đẩy sự phân tầng này: sự chậm cải cách của các tổ chức toàn cầu; sự phức tạp của các vấn đề xuyên quốc gia; chiến lược đa dạng hóa quan hệ nhằm tối ưu hóa lợi ích của các quốc gia.

Thứ ba, việc tham gia CNĐP ngày càng mang tính chuẩn mực - đạo đức, không chỉ là phản ứng trước khủng hoảng hay tính toán chiến lược đơn thuần. Nhiều chủ thể quốc tế coi hợp tác đa phương là trách nhiệm đối với các vấn đề toàn cầu chung. Điều này thúc đẩy sự phát triển của minilateralism, tức hợp tác theo nhóm

nhỏ để giải quyết các vấn đề cụ thể. Các liên minh khí hậu, Thỏa thuận Paris, hợp tác quản trị Internet và dữ liệu, các cơ chế AI governance, sáng kiến an ninh y tế, an ninh hàng hải, chuỗi cung ứng,... cho thấy sự gia tăng tác động của doanh nghiệp công nghệ, NGO và cộng đồng khoa học trong việc thiết lập tiêu chuẩn quốc tế. Sự dịch chuyển này làm cho CNĐP thế kỷ XXI mang đặc trưng vừa cạnh tranh vừa hợp tác, khi các cường quốc sử dụng cơ chế đa phương để gia tăng ảnh hưởng đồng thời kiến tạo khuôn khổ mới phục vụ lợi ích riêng.

Tổng thể lại, CNĐP đang chuyển từ mô hình “một trung tâm, nhiều ngoại vi” sang mô hình đa cực, đa trung tâm, đa mạng lưới. Quyền lực được phân tán, quản trị toàn cầu trở nên phân tầng theo chức năng, và nhiều chủ thể phi nhà nước tham gia vào quá trình xây dựng chuẩn mực quốc tế. Trong bối cảnh đó, các liên minh nhỏ linh hoạt trở thành một trong những hình thức hợp tác chủ đạo. Những biến đổi này mở ra không gian chiến lược mới cho các quốc gia tâm trung như Việt Nam, tạo điều kiện để gia tăng vai trò và ảnh hưởng trong cấu trúc đa phương đang tái định hình.

2. Tác động của CNĐP đến Việt Nam

Sự chuyển đổi của CNĐP trong thế kỷ XXI tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với môi trường đối ngoại và phát triển của Việt Nam. Trong bối cảnh thế giới phân mảnh nhưng cũng kết nối mạnh mẽ hơn, Việt Nam vừa đứng trước những cơ hội chiến lược mới, vừa phải đối mặt với những thách thức mang tính cấu trúc đòi hỏi sự điều chỉnh tư duy và năng lực tham gia đa phương.

Tác động của CNĐP đối với Việt Nam có thể khái quát trên ba phương diện.

Mở rộng không gian chiến lược và nâng cao vị thế quốc tế

Hệ thống đa phương đa tầng cho phép Việt Nam đa dạng hóa quan hệ, giảm phụ thuộc và tăng tính tự chủ chiến lược thông qua các cơ chế như ASEAN, APEC, ASEM, LHQ, CPTPP hay RCEP. Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ – Trung, đa phương giúp Việt Nam thực hiện cân bằng mềm, mở rộng dư địa hành động và

tránh bị cuốn vào đối đầu nước lớn. Các dấu mốc như Chủ tịch ASEAN 2020, Ủy viên HĐBA LHQ (2020–2021), tham gia gìn giữ hòa bình... thể hiện rõ vai trò ngày càng tăng của Việt Nam như một đối tác tin cậy và có trách nhiệm. Nhờ đó, Việt Nam có thể “làm nhiều với nguồn lực hạn chế” thông qua đòn bẩy đa phương (leverage).

Gia tăng sức mạnh mềm và hình ảnh quốc gia

Việt Nam tận dụng không gian đa phương để thúc đẩy các giá trị của mình như “đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm”, “ngoại giao cây tre”. Sự tham gia tích cực vào các vấn đề khu vực và toàn cầu như gìn giữ hòa bình, chuyển đổi xanh, an ninh lương thực, hợp tác Mekong, ... củng cố quyền lực mềm và uy tín quốc tế của Việt Nam. Thành công tại HĐBA LHQ, các sáng kiến thúc đẩy tuân thủ Hiến chương LHQ hay kết nối UN–ASEAN cho thấy Việt Nam đã chuyển từ vai trò “người tham gia” sang “người định hình” (rule-shaper) tại nhiều diễn đàn.

Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hiện đại hóa thể chế

Đa phương là động lực quan trọng của tăng trưởng và cải cách thể chế. Các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút FDI chất lượng cao, đồng thời buộc Việt Nam nâng cấp tiêu chuẩn pháp lý, môi trường và lao động. Trong các lĩnh vực mới như chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo, công nghệ số, Việt Nam tiếp cận nguồn lực tài chính xanh, công nghệ cao và các mô hình phát triển bền vững. Do đó, CNĐP trở thành trụ cột hỗ trợ hiện đại hóa nhà nước và hội nhập sâu rộng.

Bên cạnh những cơ hội chiến lược mà CNĐP mang lại, Việt Nam cũng phải đối mặt với ba nhóm thách thức lớn.

Thứ nhất, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt làm gia tăng rủi ro bị lôi kéo hoặc chịu sức ép lựa chọn phe. Điều này buộc Việt Nam phải duy trì chính sách cân bằng động, linh hoạt trong ứng xử đối ngoại, đồng thời tăng

cường khả năng xử lý quan hệ với các cường quốc mà không làm tổn hại đến độc lập tự chủ.

Thứ hai, cấu trúc đa phương thế kỷ XXI mang tính đa tầng, đa chủ thể, với sự tham gia của các quốc gia, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các định chế phi nhà nước. Sự phức hợp này đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao năng lực điều phối liên ngành, đàm phán kỹ thuật, và theo kịp các chủ đề mới nổi như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, kinh tế số, cùng các tiêu chuẩn cao về môi trường, lao động và quản trị.

Thứ ba, yêu cầu chuyên môn hóa đội ngũ ngày càng cấp thiết. Tham gia đa phương hiện đại đòi hỏi năng lực dự báo chiến lược, hiểu biết sâu về pháp lý quốc tế, kinh tế toàn cầu, khoa học – công nghệ và khả năng xử lý các vấn đề phức tạp. Đây là thách thức đáng kể đối với một quốc gia có nguồn lực còn hạn chế, đòi hỏi Việt Nam phải đầu tư mạnh vào đào tạo nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia chất lượng cao và hiện đại hóa công cụ hoạch định chính sách.

3. Giải pháp nâng cao vai trò của Việt Nam trong CNĐP thế kỷ XXI

Để tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức trong bối cảnh CNĐP đang tái cấu trúc sâu rộng, Việt Nam cần triển khai một hệ thống giải pháp có tính chiến lược, đồng bộ và dài hạn. Các giải pháp này cần dựa trên ba trụ cột: (i) đổi mới tư duy và phương thức tiếp cận đa phương; (ii) tăng cường năng lực nội tại để tham gia và kiến tạo đa phương; và (iii) gắn kết đa phương với chiến lược phát triển quốc gia.

Đổi mới tư duy và phương thức tiếp cận đa phương

Từ tư duy “tham gia” sang tư duy “đóng góp kiến tạo”

Nếu như giai đoạn trước Việt Nam chủ yếu tập trung “tham gia đầy đủ” nhằm khẳng định sự hiện diện, thì yêu cầu mới của thời kỳ hội nhập sâu rộng đòi hỏi quốc gia phải chuyển sang phương thức “đóng góp kiến tạo” đối với các thể chế

đa phương. Đây là bước chuyển quan trọng, thể hiện mức độ trưởng thành về tư duy đối ngoại và năng lực tham gia của Việt Nam trong hệ thống quốc tế.

Thứ nhất, Việt Nam cần chủ động đề xuất các sáng kiến mang bản sắc riêng, phản ánh ưu tiên phát triển của quốc gia trong các vấn đề như an ninh nguồn nước Mekong, kinh tế số, năng lượng tái tạo, chuyển đổi xanh, biến đổi khí hậu, gìn giữ hòa bình, phát triển bền vững, ... để tạo ra “dấu ấn chính sách” của Việt Nam trong các diễn đàn quốc tế.

Thứ hai, tham gia xây dựng chương trình nghị sự trong các khuôn khổ như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, ASEM hay các cơ chế Mekong. Việc hình thành chương trình nghị sự giúp Việt Nam đóng vai trò dẫn dắt và đảm bảo các vấn đề quan trọng đối với quốc gia, như an ninh phi truyền thống, an ninh biển, kinh tế số, năng lực cạnh tranh, được phản ánh đầy đủ trong thảo luận và quyết sách chung.

Thứ ba, đảm nhiệm vai trò trung gian điều phối và thúc đẩy đồng thuận trong các cơ chế đa phương. Với phương châm đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam có khả năng tạo dựng lòng tin, thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia có lợi ích khác biệt, qua đó nâng cao uy tín và củng cố hình ảnh là một đối tác đối thoại mang tính xây dựng.

Thứ tư, gia tăng đóng góp thực chất trong các lĩnh vực như lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ, cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ phát triển, hợp tác tiểu vùng Mekong hay chương trình biến đổi khí hậu toàn cầu. Đóng góp thực chất không chỉ giúp Việt Nam nâng cao vị thế mà còn tạo nền tảng để tham gia sâu hơn vào các thảo luận chính sách và định hình các chuẩn mực quốc tế.

Chuyển đổi từ “tham gia” sang “đóng góp kiến tạo” là một quá trình lâu dài nhưng là phù hợp để Việt Nam nâng cao vai trò trong hệ thống đa phương đang thay đổi nhanh chóng, đồng thời khẳng định vị thế là một quốc gia có trách nhiệm và chủ động kiến tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định cho phát triển.

Từ “tuân thủ luật chơi” sang “tham gia xây dựng luật chơi”

Bên cạnh việc chuyển đổi tư duy từ “tham gia” sang “đóng góp kiến tạo”, một yêu cầu chiến lược khác đối với Việt Nam là nâng tầm vai trò từ chỗ tuân thủ và thích ứng với luật chơi quốc tế sang tham gia xây dựng, định hình và cải cách các quy tắc của hệ thống đa phương. Sự dịch chuyển này phản ánh mức độ trưởng thành và trách nhiệm của một quốc gia đang nổi lên, đồng thời phù hợp với vai trò ngày càng tăng của Việt Nam trong các cơ chế khu vực và toàn cầu.

Trước hết, Việt Nam cần tham gia chủ động vào các tiến trình xây dựng tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực mới nổi như thương mại số, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, lao động quốc tế, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng hay quản trị dữ liệu xuyên biên giới. Đây là những lĩnh vực đang được các thể chế quốc tế đàm phán và hoàn thiện, do đó Việt Nam có cơ hội quan trọng để đưa ra quan điểm, thúc đẩy các tiêu chí phù hợp với lợi ích của các nước đang phát triển.

Thứ hai, Việt Nam cần tận dụng các hiệp định thương mại và khuôn khổ hợp tác thể hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, IPEF, ... không chỉ thích ứng với các tiêu chuẩn cao mà còn đóng góp vào quá trình thiết kế các quy định mới. Các khuôn khổ này đang định hình trật tự kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và có tính lan tỏa toàn cầu. Việt Nam có thể tham gia vào giai đoạn thảo luận ban đầu về quy tắc, nơi tiếng nói của các nước nhỏ và tầm trung có cơ hội được lắng nghe nhiều hơn.

Thứ ba, Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với các đối tác chiến lược và đối tác cùng quan điểm để thúc đẩy xây dựng các chuẩn mực công bằng, minh bạch và bền vững. Việc hình thành các nhóm lợi ích chung sẽ giúp Việt Nam nâng cao ảnh hưởng trong đàm phán, đồng thời bảo đảm rằng các quy tắc quốc tế mới không bị chi phối bởi lợi ích của một số cường quốc.

Thứ tư, Việt Nam cần đầu tư mạnh vào năng lực pháp lý quốc tế, năng lực nghiên cứu hoạch định chính sách và năng lực đàm phán đa phương. Đây là điều kiện tiên quyết để tham gia rule-shaping. Các chuyên gia pháp lý quốc tế, chuyên gia thương mại, chuyên gia khí hậu - môi trường, chuyên gia công nghệ và dữ liệu sẽ đóng vai trò trụ cột trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia trong các tiến trình xây dựng thể chế toàn cầu.

Cuối cùng, tham gia xây dựng luật chơi không chỉ là việc đóng góp vào các cuộc đàm phán quốc tế mà còn liên quan đến khả năng nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế và sử dụng các chuẩn mực đó như công cụ để thúc đẩy cải cách thể chế trong nước. Kinh nghiệm cho thấy các hiệp định tiêu chuẩn cao đã góp phần quan trọng trong cải cách pháp luật, minh bạch hóa môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam.

Tăng cường năng lực nội tại và hiện đại hóa công cụ tham gia đa phương

Trong bối cảnh CNDP đang thay đổi sâu sắc với sự cạnh tranh gay gắt về chuẩn mực, tiêu chuẩn và ảnh hưởng, việc nâng cao năng lực nội tại và hiện đại hóa các công cụ tham gia đa phương trở thành yêu cầu cấp thiết, có tính chất nền tảng, quyết định khả năng của Việt Nam trong việc chủ động thích ứng, nâng cao vị thế và đóng góp thực chất vào các tiến trình hợp tác khu vực và toàn cầu. Việc tăng cường năng lực nội tại không chỉ là củng cố năng lực thể chế nhà nước mà còn bao gồm việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, hiện đại hóa tư duy chính sách và phát triển các công cụ công nghệ phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên số.

Thứ nhất, cần nâng cao năng lực dự báo và hoạch định chính sách; xây dựng đội ngũ chuyên gia đa phương chất lượng cao. Một hệ thống chính trị - đối ngoại hiệu quả đòi hỏi phải có năng lực dự báo chiến lược mạnh mẽ, kiểm soát được các biến số phức tạp và đưa ra các lựa chọn chính sách phù hợp, gồm:

Xây dựng hệ thống dự báo chiến lược đa ngành, liên thông, kết nối giữa các bộ ngành, các viện nghiên cứu, các trường đại học và mạng lưới chuyên gia độc lập.

Hệ thống này phải có khả năng theo dõi các xu hướng lớn của khu vực và thế giới, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách đa phương.

Đẩy mạnh nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực mới, như an ninh mạng, hợp tác kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao, biến đổi khí hậu, quản trị đại dịch, chuỗi cung ứng thông minh và chuyển đổi năng lượng. Đây là các vấn đề đang định hình chương trình nghị sự toàn cầu và tạo ra khuôn khổ mới cho hợp tác đa phương.

Xây dựng đội ngũ đàm phán đa phương chất lượng cao, có trình độ pháp lý quốc tế, kinh tế quốc tế, công nghệ, môi trường và kỹ năng đàm phán kỹ thuật. Lực lượng này phải đủ khả năng tham gia trực tiếp vào các tiến trình đàm phán tiêu chuẩn cao và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng.

Tăng cường năng lực phân tích chính sách và hoạch định chiến lược dài hạn, giúp Việt Nam chuyển từ tư duy phản ứng sang tư duy chủ động trong xây dựng và định hình các cơ chế đa phương.

Thứ hai, ưu tiên tham gia sâu vào các cơ chế đa phương chủ chốt; thúc đẩy sáng kiến mang bản sắc Việt Nam. Việt Nam cần xác định các diễn đàn ưu tiên, tập trung nguồn lực hợp lý và tránh dàn trải. Các cơ chế chiến lược bao gồm: Liên hợp quốc, trụ cột quản trị toàn cầu; ASEAN và các cơ chế ASEAN mở rộng, không gian chiến lược trực tiếp; CPTPP, RCEP, IPEF, APEC, nơi định hình tiêu chuẩn kinh tế và thương mại thế hệ mới; Tiểu vùng Mekong (Mekong – Nhật Bản, Mekong – Mỹ, ACMECS), nơi Việt Nam có lợi thế địa chiến lược, kinh tế và an ninh.

Thứ ba, đẩy mạnh các trụ cột ngoại giao mới như ngoại giao số, ngoại giao khí hậu, ngoại giao biển, ngoại giao khoa học công nghệ, ... Đây là các không gian hợp tác đang mở rộng nhanh chóng và quyết định sức mạnh cạnh tranh của các quốc gia trong thế kỷ XXI.

Thứ tư, tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng và trật tự đa phương phân mảnh hơn, Việt Nam cần ưu tiên thúc đẩy hợp tác với các đối tác chiến lược để nâng cao năng lực đàm phán đa phương thông qua đào tạo, trao đổi chuyên gia và chia sẻ kinh nghiệm; tiếp nhận chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số - xanh; tăng cường năng lực chuyên gia trong lĩnh vực luật pháp quốc tế, tiêu chuẩn thương mại, sở hữu trí tuệ, an ninh phi truyền thống; củng cố năng lực dự báo thông qua đối thoại chiến lược cấp cao, giúp Việt Nam hiểu rõ các xu hướng chính sách toàn cầu; hợp tác với đối tác chiến lược là công cụ quan trọng để bù đắp hạn chế về nguồn lực, mở rộng mạng lưới ảnh hưởng và nâng tầm năng lực đa phương của Việt Nam.

Gắn kết CNĐP với chiến lược phát triển quốc gia

Trong bối cảnh thế kỷ XXI đầy biến động với cạnh tranh nước lớn, biến đổi khí hậu, chuyển dịch công nghệ và các thách thức an ninh phi truyền thống, CNĐP không còn chỉ là một phương thức hợp tác quốc tế mà phải trở thành công cụ chiến lược của quốc gia. Đối với Việt Nam, đa phương cần được tích hợp sâu vào mọi chiến lược phát triển dài hạn nhằm bảo đảm môi trường hòa bình – ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài, nâng cao năng lực nội tại và bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc trước những biến động khó lường của hệ thống quốc tế.

Để đa phương trở thành một cấu phần chiến lược, Việt Nam tích hợp đa phương vào hệ thống chiến lược phát triển quốc gia; lồng ghép các mục tiêu, ưu tiên và cam kết đa phương vào những văn kiện nền tảng như gắn đa phương với hội nhập kinh tế sâu rộng, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2021–2030; xác định rõ vai trò của đa phương trong bảo vệ lợi ích quốc gia, mở rộng không gian đối ngoại và củng cố vị thế quốc tế trong Chiến lược đối ngoại đến năm 2030; sử dụng đa phương như công cụ thu hút tri thức, vốn, công nghệ và chuẩn mực quốc

tế để đạt mục tiêu nước phát triển trong Tầm nhìn phát triển 2045; tận dụng các cơ chế khí hậu toàn cầu để huy động tài chính xanh, công nghệ sạch và hỗ trợ chuyển đổi năng lượng trong Chiến lược xanh hóa nền kinh tế và cam kết Net Zero 2050; bảo đảm sự kết nối nhất quán giữa đối ngoại, kinh tế, quốc phòng - an ninh, giáo dục, khoa học – công nghệ và văn hóa trong Chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện; gắn kết với các thể chế luật biển quốc tế, hợp tác biển xanh, an ninh hàng hải, phát triển bền vững tài nguyên biển trong Chiến lược biển Việt Nam; tận dụng các khuôn khổ hợp tác đa phương để nâng cao khả năng tự chủ chiến lược về năng lượng và công nghệ trong Chiến lược an ninh năng lượng, an ninh công nghệ và an ninh khí hậu. Việc tích hợp đa phương vào các chiến lược trên không chỉ tạo sự đồng bộ trong hoạch định chính sách mà còn bảo đảm Việt Nam có thể tận dụng tối đa các lợi ích của hệ thống quốc tế.

Việc gắn kết chặt chẽ đa phương với chiến lược phát triển quốc gia mang lại ba nhóm lợi ích lớn:

Thứ nhất, bảo đảm các hoạt động đa phương gắn với lợi ích kinh tế - an ninh của đất nước. Các ưu tiên đa phương khi được tích hợp vào chiến lược quốc gia sẽ tạo ra sự thống nhất trong mục tiêu, giúp Việt Nam nâng cao hiệu quả tham gia, tránh dàn trải nguồn lực và tối ưu hóa lợi ích thu được từ hợp tác quốc tế.

Thứ hai, tận dụng CNĐP để hỗ trợ cải cách thể chế, chuyển đổi kinh tế và tăng cường năng lực quốc gia. Các khuôn khổ đa phương - đặc biệt là các hiệp định thương mại thế hệ mới, các cơ chế khí hậu và công nghệ - tạo động lực mạnh mẽ cho cải cách pháp luật, minh bạch hóa môi trường kinh doanh, nâng cao tiêu chuẩn quản trị và thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, tăng cường khả năng bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn. Nhờ có các cơ chế đa phương, Việt Nam có thêm công cụ để thúc đẩy luật lệ quốc tế và chuẩn mực chung; mở rộng mạng lưới đối tác, giảm phụ

thuộc vào một nguồn lực hoặc một quốc gia; bảo vệ chủ quyền và tạo thế cân bằng chiến lược trong môi trường địa chính trị phức tạp.

Khi được tích hợp đầy đủ vào chiến lược quốc gia, CNĐP sẽ trở thành động lực quan trọng để tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi và ổn định; thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển; thúc đẩy hiện đại hóa và nâng cấp năng lực cạnh tranh quốc gia; gia tăng vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trong trật tự khu vực và toàn cầu. Trong dài hạn, đây là nền tảng để Việt Nam tiến tới mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, đồng thời khẳng định vai trò của một quốc gia kiến tạo hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững.

4. Kết luận

Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, những thay đổi về quyền lực, sự xuất hiện của các cơ chế liên kết đa tầng và sự nổi lên mạnh mẽ của các chủ thể phi nhà nước đã làm cho hệ thống đa phương trở nên phức tạp hơn, phân mảnh hơn, nhưng đồng thời cũng năng động và linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đứng trước cơ hội chiến lược đặc biệt quan trọng để nâng cao vị thế quốc tế, mở rộng không gian phát triển và đóng góp tích cực vào định hình các chuẩn mực hợp tác mới của khu vực và toàn cầu. Việt Nam cần phát huy tối đa lợi thế của chủ nghĩa đa phương, coi đây là công cụ chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc, củng cố môi trường phát triển và đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng của khu vực và thế giới. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển hiện tại, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045./.

TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH VỊ VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG HỆ THỐNG ĐA PHƯƠNG QUỐC TẾ

TS. Vũ Lê Thái Hoàng*, ThS. Hoàng Thanh Tâm**

Tóm tắt: *Bối cảnh quốc tế hiện nay đang trải qua những biến động sâu rộng với sự cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn, sự dịch chuyển trọng tâm quyền lực và những rạn nứt trong hệ thống thể chế toàn cầu. Trong cục diện đó, tự chủ chiến lược và đối ngoại đa phương nổi lên như hai trụ cột song hành, vừa bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc, vừa tạo nền tảng để khẳng định vị thế và vai trò của mỗi quốc gia trong trật tự mới. Đối với Việt Nam, việc tăng cường tự chủ chiến lược trong đối ngoại đa phương không chỉ là sự lựa chọn, mà là con đường tất yếu để củng cố bản lĩnh độc lập, tự cường, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo trong định hình luật chơi và kiến tạo đồng thuận quốc tế. Với tầm nhìn dài hạn, nội lực vững vàng và khát vọng phát triển, Việt Nam đang vững bước đi lên, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc – kỷ nguyên của tự tin, hội nhập và khẳng định vị thế trên trường quốc tế.*

Từ khóa: Tự chủ chiến lược, đối ngoại đa phương, vai trò của Việt Nam

1. Bối cảnh thế giới, khu vực và tầm quan trọng của tự chủ chiến lược

Trong bối cảnh toàn cầu đang biến động nhanh chóng và khó lường, việc nhận diện đúng bối cảnh thế giới, khu vực và tầm quan trọng của tự chủ chiến lược trở thành cơ sở quan trọng để mỗi quốc gia, đặc biệt là Việt Nam hoạch định đường lối đối ngoại nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc.

* Đại sứ Việt Nam tại Áo và Đại diện thường trực tại Liên Hợp Quốc và các Tổ chức Quốc tế tại Vienna

** Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Ngoại giao

Theo Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã nhận định, môi trường đối ngoại đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có với những thay đổi mang tính thời đại, bước ngoặt ở bên ngoài, trong nước đang triển khai những quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.¹ Trên bình diện quốc tế, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lan tỏa từ chính trị, an ninh sang kinh tế, công nghệ và chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, mọi quốc gia – dù lớn hay nhỏ – đều đứng trước yêu cầu nâng cao năng lực dự báo, khả năng ra quyết sách nhanh và tầm nhìn chiến lược dài hạn để thích ứng với những biến động chưa từng có. Đối ngoại trong thời đại mới không chỉ là công cụ triển khai lợi ích quốc gia, mà còn là năng lực tổ chức, ứng xử và thích ứng chiến lược. Quốc gia nào đánh giá đúng xu thế, hành động nhanh nhạy, duy trì được chủ động trong hoạch định chính sách sẽ giữ được vị thế và ảnh hưởng trong cục diện đang định hình lại. Chính vì vậy, tự chủ chiến lược (TCCL) đang trở thành từ khóa trung tâm trong tư duy đối ngoại của nhiều nước, được xem là nền tảng để bảo đảm độc lập, tự cường và khả năng hành động linh hoạt trong một thế giới đầy biến động.

Song song với đó, các thể chế đa phương toàn cầu ngày càng suy giảm vai trò điều phối trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Nhiều tổ chức quốc tế lớn như Liên hợp quốc (LHQ), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hay Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) đang gặp khó khăn trong việc duy trì vai trò điều phối, bảo đảm nguyên tắc đồng thuận và bảo vệ các giá trị nền tảng của luật pháp quốc tế. Cùng với đó, sự gia tăng của chính trị cường quyền, chủ nghĩa bảo hộ và các biện pháp áp đặt đơn phương của một số nước lớn đã làm xói mòn tính công

¹ Xem “Toàn văn: Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng”, Báo điện tử Chính phủ Xây dựng chính sách, pháp luật, ngày 3/11/2025, truy cập tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-cac-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015163630117.htm>.

bằng, bao trùm và hiệu quả của hệ thống hợp tác toàn cầu. Các thể chế quốc tế đang bị chia rẽ sâu sắc bởi lợi ích nhóm và sức ép cạnh tranh chiến lược, đặc biệt là giữa phương Tây và các nền kinh tế mới nổi, khiến cho tiến trình cải tổ, ra quyết định và thực thi trở nên trì trệ, thiếu hiệu lực. Nhiều cơ chế đa phương từng là biểu tượng của đoàn kết quốc tế đang phải đối mặt với nguy cơ “phân tầng” khi các nhóm nước lớn tìm cách thiết lập “luật chơi riêng” trong từng lĩnh vực như kinh tế, công nghệ, an ninh và năng lượng. Tuy nhiên, năm 2025 cho thấy đại đa số các nước vẫn ủng hộ chủ nghĩa đa phương, luật pháp quốc tế, phản đối chính trị cường quyền và đề cao vai trò Liên hợp quốc, nhất là Sáng kiến UN80 và Công ước Hà Nội chống tội phạm mạng minh chứng cho nỗ lực cải tổ và xây dựng đồng thuận, thúc đẩy hợp tác toàn cầu của Liên hợp quốc. Chính trong bối cảnh đó, việc củng cố năng lực tự chủ chiến lược trở thành yêu cầu cấp thiết đối với mọi quốc gia. Khi các thể chế đa phương vận hành kém hiệu quả, chỉ những nước có nền tảng tự chủ vững chắc về chính trị, kinh tế, an ninh và đối ngoại thì mới có thể giữ được thế chủ động, bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc và ứng phó linh hoạt trước biến động quốc tế.

2. Nội hàm tự chủ chiến lược và cách tiếp cận của Việt Nam

Nội hàm tự chủ chiến lược

Tự chủ chiến lược (strategic autonomy) là khả năng đưa ra quyết sách, hoạch định và triển khai độc lập các chính sách một quốc gia đã lựa chọn tại bất kỳ thời điểm nào, bất chấp các lực cản, áp lực từ bên ngoài nhằm bảo đảm tốt nhất lợi ích quốc gia – dân tộc, thể hiện trên 3 phương diện chính trị (bảo đảm độc lập dân tộc, tự chủ về con đường, mục tiêu đã lựa chọn và đi theo), kinh tế (đảm bảo kinh tế phát triển bền vững, không phụ thuộc lớn vào bên ngoài, có khả năng thích ứng, chống chịu trước các cú sốc), quốc phòng – an ninh (kiên định chính sách quốc phòng “bốn không”, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ). Điểm mấu chốt là tự chủ chiến lược dựa trên nội lực là chính trên cơ sở kết hợp sức mạnh

dân tộc với sức mạnh thời đại, không có nghĩa là biệt lập, thu hẹp mà trái lại muốn nâng cao tự chủ càng phải đẩy mạnh hội nhập, đa phương hóa, đa dạng hóa, đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy với các đối tác.¹

Theo Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV của Đảng, cụm từ “tự chủ chiến lược” được nhắc tới bốn lần, thể hiện xuyên suốt trong các nội dung về định hướng phát triển đất nước, quốc phòng – an ninh và đối ngoại. Đáng chú ý, chủ đề Đại hội xác định: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.”² Việc chính thức đưa khái niệm này vào Báo cáo Chính trị không chỉ thể hiện sự phát triển trong tư duy lý luận của Đảng, mà còn khẳng định tầm cao mới của tư tưởng độc lập, tự chủ.

Như vậy, đường lối của Đảng khẳng định rõ, tự chủ chiến lược là yêu cầu khách quan của phát triển trong thời kỳ mới. Văn kiện Đại hội XIV xác định, tăng cường năng lực tự chủ chiến lược là điều kiện để “nâng cao hiệu quả công tác dự báo, tham mưu chiến lược; xử lý hài hòa mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế”.³ Tinh thần ấy được thể hiện nhất quán trong chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm và Chính phủ: phát triển đất nước phải dựa trên nội lực vững mạnh, bản lĩnh tự tin và khát vọng vươn lên, nhưng đồng thời phải mở rộng hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và cùng có lợi. Như vậy, tự chủ chiến lược theo quan điểm của Việt Nam không chỉ là phạm trù đối ngoại, mà còn là triết lý phát triển mang tính toàn diện, phản ánh tầm nhìn của Đảng về một Việt Nam độc lập nhưng

¹ Xem Vũ Lê Thái Hoàng, “Xu thế tự chủ chiến lược trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam”, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 12/2023.

² Xem “Toàn văn: Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng”, Báo điện tử Chính phủ Xây dựng chính sách, pháp luật, ngày 3/11/2025, truy cập tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-cac-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015163630117.htm>.

³ Xem “Toàn văn: Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng”, Báo điện tử Chính phủ Xây dựng chính sách, pháp luật, ngày 3/11/2025, truy cập tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-cac-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015163630117.htm>.

không biệt lập, tự cường mà không khép kín, hội nhập nhưng không lệ thuộc hướng tới mục tiêu xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Nội hàm tự chủ chiến lược trong đa phương

Đối với Việt Nam, tự chủ chiến lược trong lĩnh vực đa phương được thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau đây, phản ánh tinh thần “tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” được nêu trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV của Đảng.¹

Thứ nhất, tự chủ chiến lược về đa phương thể hiện trước hết ở năng lực tự định vị bản thân và phát huy nội lực quốc gia trong quan hệ quốc tế. Mỗi quốc gia muốn đạt được tự chủ chiến lược thực chất đều phải bắt đầu từ việc xác định rõ vị thế, vai trò và trọng tâm chiến lược của mình trong cấu trúc khu vực và toàn cầu. Với Việt Nam, việc “biết mình là ai, muốn gì và có thể làm gì” là cơ sở để lựa chọn hướng đi phù hợp, vừa củng cố nội lực, vừa mở rộng không gian chiến lược. Việt Nam xác định định vị là một quốc gia tầm trung có tiềm lực, uy tín và trách nhiệm quốc tế, chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy nội lực là chính, đồng thời tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh và bền vững. Chính việc tự định vị đúng đắn, có bản sắc, có tầm nhìn đã giúp Việt Nam giữ được thế cân bằng trong môi trường quốc tế nhiều biến động, tạo dựng niềm tin và uy tín với các đối tác, đồng thời duy trì tính độc lập trong hoạch định chính sách đối ngoại.

Thứ hai, tự chủ chiến lược còn được thể hiện rõ qua việc coi luật pháp quốc tế và chủ nghĩa đa phương là trụ cột của chính sách đối ngoại. Trong bối cảnh chính trị cường quyền gia tăng, các quốc gia nhỏ và tầm trung không thể dựa vào quyền

¹ Xem “Toàn văn: Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng”, Báo điện tử Chính phủ Xây dựng chính sách, pháp luật, ngày 3/11/2025, truy cập tại <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-cac-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015163630117.htm>.

lực cứng để bảo vệ lợi ích của mình. Do đó, luật pháp quốc tế trở thành “lá chắn mềm” giúp bảo đảm công bằng, duy trì ổn định và hạn chế xung đột. Việt Nam kiên trì lập trường dựa vào Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) và các nguyên tắc cơ bản của trật tự quốc tế dựa trên luật lệ để xử lý các vấn đề khu vực và toàn cầu. Đường lối của Đảng ta khẳng định: “Kiên định đường lối độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả”.¹ Trên thực tế, Việt Nam không chỉ là bên tuân thủ mà còn là quốc gia đóng góp tích cực trong việc củng cố các chuẩn mực và thiết chế quốc tế. Quan điểm này được cụ thể hóa trong thực tiễn qua việc Việt Nam tích cực thực thi cam kết trong các cơ chế như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, Mekong, thể hiện rõ tinh thần chủ động và trách nhiệm quốc tế. Đồng thời, Việt Nam kiên trì ủng hộ cải tổ Liên hợp quốc theo hướng dân chủ, minh bạch và hiệu quả, coi đó là bước đi thiết thực nhằm củng cố trật tự quốc tế công bằng, ổn định và dựa trên luật lệ. Trên cơ sở đó, Việt Nam không chỉ là quốc gia tuân thủ nghiêm túc các chuẩn mực quốc tế mà còn là thành viên tích cực đóng góp vào việc củng cố và hoàn thiện các thiết chế đa phương, qua đó khẳng định năng lực tự chủ chiến lược, vừa giữ vững nguyên tắc, vừa linh hoạt ứng xử để bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc.

Thứ ba, tự chủ chiến lược thể hiện trong việc Việt Nam chủ động tăng cường hợp tác và xây dựng lòng tin với các nước tầm trung và các nước nhỏ trong việc duy trì hòa bình, ổn định và trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Trong thế giới ngày càng phân hóa, việc thúc đẩy đối thoại, hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia tầm trung và các nước đang phát triển được Việt Nam coi là phương thức thiết thực để nâng cao năng lực tự chủ, đồng thời góp phần duy trì môi trường hòa bình phục vụ phát

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 164

triển. Thông qua Phong trào Không liên kết, Nhóm G77 và Trung Quốc, cũng như trong các khuôn khổ như ASEAN, APEC, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, hợp tác Mekong và các diễn đàn về phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và ứng phó biến đổi khí hậu, Việt Nam tích cực tham gia, đóng góp và thúc đẩy tiếng nói chung của các nước đang phát triển. Thông qua ASEAN, Việt Nam cùng các nước Đông Nam Á củng cố vai trò trung tâm của Hiệp hội, thúc đẩy bản sắc chiến lược chung và phát huy vai trò kiến tạo luật chơi thay vì chỉ tuân theo luật chơi. Những nỗ lực này không chỉ giúp mở rộng không gian chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ quốc gia, mà còn góp phần định hình các chuẩn mực hợp tác công bằng, bao trùm và bền vững hơn trong trật tự quốc tế.

Thứ tư, tự chủ chiến lược còn thể hiện ở việc phát huy đồng bộ sức mạnh đối ngoại trên cả ba trụ cột: chính trị, kinh tế và an ninh – quốc phòng, nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc. *Về chính trị*, Việt Nam chủ động thúc đẩy đối ngoại đa phương toàn diện, kết hợp hài hòa giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, đồng thời thể hiện năng lực linh hoạt trong tập hợp lực lượng, tham gia và kiến tạo luật chơi, cũng như đảm nhiệm vai trò điều phối, trung gian và hòa giải trong các cơ chế hợp tác quốc tế. Qua đó, Việt Nam góp phần duy trì đối thoại, thu hẹp khác biệt, tăng cường lòng tin và thúc đẩy đồng thuận quốc tế, khẳng định vai trò “cầu nối” vì hòa bình và ổn định khu vực. *Về kinh tế*, Việt Nam kiên định con đường hội nhập sâu rộng, là thành viên của 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, RCEP và EVFTA,¹ qua đó mở rộng không gian phát triển, đa dạng hóa thị trường và tăng cường khả năng chống chịu trước biến động bên ngoài. *Về an ninh – quốc phòng*, Việt Nam triển khai hiệu quả đối ngoại quốc phòng, đối ngoại an ninh, tích cực tham gia lực lượng gìn giữ

¹ Ban Biên tập Học viện Chính trị Công an Nhân dân, “Hội nhập quốc tế – động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới,” *Học viện Chính trị Công an Nhân dân*, ngày 6/11/2025, <https://hvtcand.bocongan.gov.vn/llct-xdll-cand/ly-luan-chinh-tri/hoi-nhap-quoc-te-dong-luc-quan-trong-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-8794>

hòa bình Liên hợp quốc, qua đó củng cố lòng tin chiến lược, tăng cường hợp tác và góp phần duy trì môi trường an ninh khu vực và quốc tế. Việc Việt Nam được tín nhiệm bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2020–2021), thành viên Hội đồng Nhân quyền (2023–2025), Chủ nhà Lễ ký Công ước Hà Nội chống tội phạm mạng và Chủ tịch Hội nghị Kiểm điểm Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 2026 thể hiện rõ năng lực điều phối, dung hòa lợi ích và thúc đẩy đồng thuận quốc tế. Ở các cương vị này, Việt Nam luôn phát huy vai trò “cầu nối”, đề cao đối thoại và hợp tác, góp phần giảm thiểu đối đầu và củng cố lòng tin chiến lược giữa các bên. Đó là biểu hiện tiêu biểu của nền đối ngoại tự chủ, mềm dẻo, biết kết hợp hài hòa giữa nguyên tắc và linh hoạt, giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm quốc tế.

Thứ năm, tự chủ chiến lược còn thể hiện ở khả năng chủ động đề xuất, dẫn dắt và định hình các sáng kiến, cơ chế và diễn đàn phù hợp với lợi ích, ưu tiên và năng lực của Việt Nam, đồng thời phản ánh xu thế hợp tác quốc tế và mối quan tâm chung của các đối tác. Trong quá trình tham gia hệ thống đa phương, Việt Nam không chỉ là thành viên tích cực, có trách nhiệm mà còn dần khẳng định vai trò kiến tạo, đề xuất các sáng kiến mang giá trị thực tiễn và lan tỏa. Tiêu biểu là sáng kiến Ngày Quốc tế Phòng chống dịch bệnh (27/12) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 2020 theo đề xuất của Việt Nam, góp phần thúc đẩy hợp tác toàn cầu trong lĩnh vực y tế và an ninh con người; hay việc khởi xướng và đăng cai tổ chức Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF), tạo không gian trao đổi mở về định hướng phát triển và tầm nhìn tương lai của Cộng đồng ASEAN trong bối cảnh chuyển đổi nhanh chóng của khu vực. Những sáng kiến này thể hiện rõ tư duy tự chủ chiến lược ở tầm kiến tạo, biết lựa chọn lĩnh vực có thế mạnh, có khả năng tạo đồng thuận rộng rãi, qua đó nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong hệ thống đa phương khu vực và toàn cầu.

Nhìn tổng thể, tự chủ chiến lược trong chính sách đa phương của Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa bản lĩnh độc lập và tinh thần hợp tác, giữa sức mạnh nội sinh và năng lực hội nhập. Tự chủ chiến lược trong đa phương thể hiện trên năm bình diện chủ yếu: (i) chủ động xác định vị thế, phát huy nội lực và giữ vững độc lập dân tộc, tự chủ về con đường phát triển; (ii) kiên định nguyên tắc luật pháp quốc tế và chủ nghĩa đa phương, coi đây là nền tảng cho hòa bình, ổn định và trật tự quốc tế công bằng; (iii) thúc đẩy hợp tác, tăng cường đoàn kết giữa các quốc gia tâm trung và nhỏ nhằm mở rộng không gian đối thoại, bảo vệ lợi ích chính đáng và tiếng nói chung của các nước đang phát triển; (iv) linh hoạt trong việc tham gia và định hình luật chơi, phát huy vai trò trung gian, hòa giải trong các cơ chế hợp tác quốc tế; và (v) chủ động đề xuất, dẫn dắt những sáng kiến và diễn đàn phù hợp với lợi ích, năng lực và ưu tiên của Việt Nam, góp phần thúc đẩy đồng thuận và hợp tác quốc tế. Đây chính là cụ thể hóa tư duy đối ngoại “độc lập nhưng không biệt lập, tự cường mà không khép kín, hội nhập nhưng không lệ thuộc”,¹ phản ánh tầm vóc tư duy lý luận mới của Đảng ta về tự chủ chiến lược trong kỷ nguyên mới.

3. Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh đối ngoại đa phương Việt Nam trong giai đoạn tới

Trong hơn ba thập niên đổi mới và hội nhập quốc tế, đối ngoại đa phương Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều thành tựu mang tầm chiến lược. Việt Nam từ một quốc gia “tham dự” đã trở thành “thành viên tích cực, có trách nhiệm và có năng lực đóng góp” trong các thể chế toàn cầu và khu vực. Đặc biệt, trong giai đoạn 2016–2025, Việt Nam liên tiếp đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế quan trọng: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020–2021, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023–

¹ Ban Biên tập Học viện Chính trị Công an Nhân dân, “Tự chủ chiến lược cho một Việt Nam hùng cường,” *Học viện Chính trị Công an Nhân dân*, ngày 3/11/2025, <https://hvcand.bocongan.gov.vn/lct-xdll-cand/ly-luan-chinh-tri/tu-chu-chien-luoc-cho-mot-viet-nam-hung-cuong-8781>.

2025, Chủ tịch ASEAN năm 2020, nước chủ nhà APEC 2017, và sắp tới là Chủ tịch Hội nghị Kiểm điểm Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 2026. Ở mỗi cương vị, Việt Nam đều thể hiện rõ bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và khả năng điều phối hiệu quả, góp phần củng cố lòng tin chiến lược giữa các đối tác, thúc đẩy đối thoại, hợp tác và đồng thuận quốc tế. Đặc biệt, trong năm 2025, Việt Nam đã để lại dấu ấn nổi bật khi đăng cai Lễ mở ký Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng tại Hà Nội, với sự hiện diện của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc António Guterres, lãnh đạo cấp cao và đại diện khoảng 110 quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế.¹ Sự kiện này khẳng định “sức sống” của chủ nghĩa đa phương, tôn vinh thượng tôn pháp luật và hợp tác quốc tế. Việc Hà Nội được chọn làm địa điểm mở ký và Việt Nam là một trong những nước đầu tiên ký Công ước thể hiện mức độ tín nhiệm quốc tế, cũng như vai trò chủ động của ta trong kiến tạo “luật chơi” mới cho không gian mạng toàn cầu.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia hầu hết các cơ chế hợp tác đa phương quan trọng như Liên hợp quốc, ASEAN, ASEM, APEC, WTO, Mekong, và nhiều diễn đàn khu vực, liên khu vực khác. Thông qua các khuôn khổ này, Việt Nam không chỉ tranh thủ nguồn lực cho phát triển mà còn đóng góp thiết thực cho việc định hình trật tự khu vực và toàn cầu trên cơ sở luật lệ, công bằng và hợp tác cùng có lợi. Nhiều sáng kiến của Việt Nam, như việc thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN, đề xuất “Tuyên bố Hà Nội về Tầm nhìn ASEAN sau 2025”, sáng kiến về tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống, phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu, đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi. Những kết quả này thể hiện rõ năng lực tự chủ chiến lược của Việt Nam trong đa phương — vừa độc lập về tư duy, vừa chủ động về hành động, vừa linh hoạt trong phương thức triển khai.

¹ Báo Chính phủ, “Lễ mở ký Công ước Hà Nội thu hút sự quan tâm của các chuyên gia, hãng thông tấn quốc tế,” *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*, ngày 24/10/2025, <https://baochinhphu.vn/le-mo-ky-cong-uoc-ha-noi-thu-hut-su-quan-tam-cua-cac-chuyen-gia-hang-thong-tan-quoc-te-102251024143039422.htm>.

Những thành tựu nêu trên tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” với tâm thế mới: tự tin, chủ động và có năng lực định hình luật chơi quốc tế. Trong giai đoạn tới, đối ngoại đa phương cần tiếp tục được coi là một trụ cột chiến lược trong triển khai tự chủ chiến lược quốc gia, góp phần nâng cao vị thế, uy tín và năng lực hành động của Việt Nam trong trường quốc tế. Để làm được điều đó, cần tập trung vào một số định hướng lớn sau đây:

Thứ nhất, trong bối cảnh môi trường quốc tế biến động nhanh, phức tạp và tiềm ẩn nhiều “bất ngờ chiến lược”, năng lực dự báo, hoạch định và phản ứng chính sách trở thành yếu tố nền tảng để bảo đảm tự chủ chiến lược trong đối ngoại đa phương. Do đó, cần (i) phát huy tối đa nội lực quốc gia, nâng cao năng lực phân tích và dự báo chiến lược về các xu thế toàn cầu, hiện đại hóa phương pháp nghiên cứu, hệ thống hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong hoạch định chính sách đa phương; (ii) xác định rõ tầm nhìn và mục tiêu chiến lược dài hạn, kiên định nhưng linh hoạt, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại đa phương; (iii) xây dựng bộ máy hoạch định và điều phối chính sách có khả năng phối hợp nhanh, hiệu quả giữa các cơ quan liên quan, bảo đảm các quyết định tham gia, ứng phó và triển khai sáng kiến đa phương được đưa ra kịp thời, chính xác và phù hợp với lợi ích chiến lược của đất nước.

Thứ hai, trong bối cảnh các thể chế và cơ chế đa phương toàn cầu đang đứng trước yêu cầu cải tổ sâu rộng nhằm thích ứng với cục diện quốc tế đa cực, phân tán và cạnh tranh chiến lược gay gắt, Việt Nam cần phát huy vai trò tích cực và chủ động hơn trong việc củng cố, cải tổ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ chế đa phương, nhất là những khuôn khổ có tầm quan trọng chiến lược trực tiếp đối với ta. Do đó, cần (i) tham gia một cách thực chất và có trách nhiệm hơn trong quá trình đổi mới và hoàn thiện các thể chế toàn cầu như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM và các khuôn khổ Mekong, bảo đảm chúng vận hành minh bạch,

cân bằng và phù hợp với lợi ích chung; (ii) chủ động đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng tính kết nối, phối hợp giữa các cơ chế đa phương khu vực và toàn cầu, qua đó nâng cao hiệu quả hợp tác; (iii) chuyển từ vai trò “thành viên tham gia” sang vai trò “kiến tạo và thúc đẩy cải cách”, góp phần định hình các thể chế đa phương hoạt động thực chất hơn, gắn với lợi ích và ưu tiên chiến lược của Việt Nam.

Thứ ba, trong bối cảnh hợp tác đa phương toàn cầu đang chịu sức ép điều chỉnh mạnh, các cơ chế hợp tác nhóm và tiểu đa phương nổi lên như một hình thức hợp tác linh hoạt, năng động và phù hợp với xu thế cạnh tranh – hợp tác đan xen hiện nay. Việt Nam cần đẩy mạnh tham gia các cơ chế hợp tác nhóm, đặc biệt trong những lĩnh vực gắn trực tiếp với phát triển bền vững và an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, y tế, kinh tế số, chuyển đổi xanh và công nghệ mới nổi. Thông qua các khuôn khổ này, Việt Nam có thể vận dụng hiệu quả ngoại giao chuyên biệt, kết hợp giữa đối thoại chính trị, hợp tác kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, nhằm tăng cường hiểu biết, xây dựng lòng tin và tạo đồng thuận giữa các đối tác. Việc tham gia chủ động và linh hoạt trong hợp tác nhóm sẽ giúp Việt Nam mở rộng không gian chiến lược, đa dạng hóa quan hệ đối tác, đồng thời củng cố năng lực tự chủ chiến lược trong xử lý các vấn đề toàn cầu và khu vực.

Thứ tư, chủ động đề xuất và phát huy vai trò dẫn dắt các sáng kiến quốc tế, đặc biệt là những sáng kiến liên quan trực tiếp đến hòa bình, an ninh, giải trừ quân bị, không phổ biến vũ khí hạt nhân, chống tội phạm xuyên quốc gia và các thách thức an ninh phi truyền thống. Những lĩnh vực này vừa phù hợp với năng lực, vừa phản ánh bản sắc đối ngoại Việt Nam: độc lập, hòa bình, hợp tác và phát triển. Việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Hội nghị Kiểm điểm Hiệp ước Không phổ biến vũ khí

hạt nhân (NPT) năm 2026¹ là cơ hội quan trọng để Việt Nam khẳng định vai trò trung gian, điều phối và cầu nối trong đối thoại quốc tế về an ninh toàn cầu. Cùng với đó, Việt Nam có thể thúc đẩy các sáng kiến liên quan đến hợp tác Mekong – Lan Thương, ASEAN về an ninh mạng, APEC về kinh tế số, hoặc trong khuôn khổ Liên hợp quốc về phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu. Bằng cách tham gia chủ động, Việt Nam sẽ từng bước chuyển từ vai trò “tham gia tích cực” sang “kiến tạo và dẫn dắt có trách nhiệm” trong các diễn đàn đa phương.

Thứ năm, cần đầu tư mạnh mẽ hơn cho nguồn lực của ngoại giao đa phương, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và hạ tầng thể chế phục vụ hội nhập. Trong điều kiện mới, năng lực con người là nhân tố quyết định khả năng tham gia và đóng góp hiệu quả trong các thể chế quốc tế. Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ đa phương chuyên nghiệp, có trình độ cao về luật pháp quốc tế, đàm phán, ngôn ngữ và công nghệ số; đồng thời có cơ chế khuyến khích, thu hút chuyên gia Việt Nam tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế và khu vực. Cần tạo điều kiện để người Việt Nam đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các tổ chức quốc tế, qua đó trực tiếp tham gia hoạch định chính sách toàn cầu. Việt Nam có thể xem xét vận động đặt trụ sở hoặc văn phòng đại diện của một số tổ chức khu vực và quốc tế tại Việt Nam, qua đó góp phần nâng cao vị thế, khẳng định vai trò của đất nước như một trung tâm đối thoại, hòa giải và thúc đẩy đồng thuận quốc tế, phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

Thứ sáu, tiếp tục quán triệt tinh thần đối ngoại đa phương là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Trong đó, cần tăng cường sự gắn kết giữa kênh 1 và kênh 2 nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong

¹ VOV, “Việt Nam được đề cử làm Chủ tịch Hội nghị Kiểm điểm NPT lần thứ 11,” *Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV)*, ngày 10/05/2025, <https://vov.vn/chinh-tri/viet-nam-duoc-de-cu-lam-chu-tich-hoi-nghi-kiem-diem-npt-lan-thu-11-post1198357.vov>

triển khai các hoạt động đa phương. Sự phối hợp chặt chẽ không chỉ giúp đối ngoại Việt Nam vừa kiên định về nguyên tắc, vừa linh hoạt trong sáng kiến, mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia, lan tỏa giá trị và tinh hoa văn hóa Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó nâng cao vị thế, uy tín và củng cố nền tảng tự chủ chiến lược của đất nước trong kỷ nguyên hội nhập sâu rộng.

Thứ bảy, cần chú trọng thể hiện rõ bản sắc, tầm nhìn và khát vọng phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình tại các diễn đàn đa phương, qua đó lan tỏa hình ảnh một quốc gia độc lập, tự cường, năng động và có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Việc nhất quán truyền tải thông điệp này không chỉ góp phần củng cố niềm tin, uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, mà còn phản ánh tầm vóc tư duy tự chủ chiến lược của đất nước trong thời kỳ hội nhập sâu rộng. Đồng thời, cần tiếp tục quan tâm đến việc xây dựng hình ảnh quốc gia (country brand) và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa, con người, tri thức Việt Nam, coi đây là nguồn lực tinh thần quan trọng để nâng cao sức ảnh hưởng và củng cố tự chủ chiến lược trong hệ thống đa phương toàn cầu.

Tổng thể lại, đối ngoại đa phương của Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục là một trụ cột quan trọng trong triển khai tự chủ chiến lược. Tự chủ chiến lược và đối ngoại đa phương không tách rời mà đan xen, bổ trợ cho nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Đa phương là con đường để Việt Nam mở rộng không gian chiến lược, gia tăng nội lực và khẳng định vị thế, còn tự chủ chiến lược là nền tảng để Việt Nam bước vào các diễn đàn quốc tế với tâm thế bình đẳng, bản lĩnh và sáng tạo. Khi năng lực tự chủ được củng cố, Việt Nam có thể tham gia sâu hơn, dẫn dắt hiệu quả hơn và kiến tạo nhiều hơn trong hợp tác đa phương. Ngược lại, chính qua quá trình tham gia, đóng góp và định hình thể chế đa phương, Việt Nam lại trưởng thành hơn về tầm nhìn, năng lực và bản lĩnh đối ngoại. Hai yếu tố ấy vận hành trong mối quan hệ biện chứng: tự chủ để hội nhập sâu hơn, và hội nhập sâu hơn

để càng tự chủ hơn. Đó chính là con đường giúp Việt Nam khẳng định vị thế của một quốc gia tầm trung độc lập, tự cường, có uy tín và có trách nhiệm, vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới./.

PHẦN II

THỰC TIỄN ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: THÀNH TỰU, BÀI HỌC, THÁCH THỨC

THÀNH TỰU VÀ DẤU ẤN CỦA ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN 1986-2025

Phạm Bình Anh*

Tóm tắt: Bài tổng kết hệ thống những thành tựu, dấu ấn và bài học của quá trình tham gia đa phương từ sau Đổi mới đến 2025. Tác giả tóm tắt các mặt chính: (i) gia tăng phạm vi và chiều sâu hội nhập (quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia, tham gia HĐBA LHQ, chủ trì các cơ chế khu vực); (ii) thành tựu kinh tế thông qua FTA và tăng trưởng xuất nhập khẩu; (iii) đóng góp vào các nỗ lực quốc tế (gìn giữ hòa bình, ứng phó y tế toàn cầu, sáng kiến khí hậu); (iv) nâng cao uy tín và vị thế quốc tế. Bài cũng phân tích các rào cản và thách thức: sự phân mảnh của nền đa phương quốc tế, cạnh tranh giữa các cường quốc, chi phí tuân thủ, và áp lực điều chỉnh chính sách nội địa. Từ các bài học thực tiễn, tác giả trình bày bộ khuyến nghị chiến lược: tăng nguồn lực cho ngoại giao đa phương, cơ chế phối hợp liên ngành, đào tạo chuyên sâu cán bộ đa phương, nâng cao năng lực pháp lý quốc tế, và chiến lược truyền thông quốc tế để gia tăng “sức mạnh mềm”. Kết thúc, bài nhấn mạnh rằng quá trình 1986–2025 đã tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam “nâng tầm” đối ngoại đa phương trong giai đoạn tới.

Từ khoá: Thành tựu đa phương; Hội nhập quốc tế; Gìn giữ hòa bình; Chính sách đối ngoại.

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, toàn cầu hóa và sự nổi lên của các thách thức xuyên quốc gia đã khiến chủ nghĩa đa phương trở thành yếu tố then chốt trong quan hệ quốc tế đương đại. Đối với Việt Nam, trong những năm tháng sau khi thống nhất, đất nước ta đứng trước thực trạng nghiệt ngã: kinh tế kiệt quệ, bị hắt hủi các nước lớn bao vây cấm vận và gần như cô lập hoàn toàn trên trường quốc

* Phó Vụ trưởng Vụ Các tổ chức quốc tế, Bộ Ngoại giao

tế. Tuy nhiên, với khát vọng phát triển đất nước trở thành sứ mệnh sống còn, đòi hỏi nước ta phải phá thế bị vây, mở cửa và chủ động hội nhập thế giới, mà trước hết là thông qua con đường đa phương.

Đại hội VI năm 1986 với đường lối Đổi mới và tinh thần “thêm bạn, bớt thù”, “đa dạng hóa, đa phương hóa” quan hệ đối ngoại đã mở ra bước ngoặt lịch sử. Đối ngoại đa phương từ đó trở thành trụ cột chiến lược, vừa bảo vệ Tổ quốc, vừa tạo động lực phát triển mạnh mẽ. Trong gần bốn thập niên, tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam đã trải qua những bước chuyển chiến lược, góp phần giúp Việt Nam từ quốc gia bị cô lập đến thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức quốc tế, thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia; gia nhập ASEAN (năm 1995), APEC (năm 1998), WTO (năm 2007); ký kết các FTA thế hệ mới CPTPP, EVFTA, RCEP; hai lần trúng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với số phiếu gần tuyệt đối; ba lần đảm nhiệm Chủ tịch ASEAN, hai lần Chủ tịch APEC; đăng cai Thượng đỉnh Mỹ–Triều năm 2019, tổ chức Lễ mở ký Công ước LHQ về chống tội phạm mạng, cũng như nhiều sự kiện quốc tế quan trọng khác.

Những thành tựu ấy đã đưa Việt Nam từ một trong những nước nghèo nhất thế giới trở thành nền kinh tế thứ 32 toàn cầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu vượt 400 tỷ USD, thu hút hơn 400 tỷ USD FDI, đồng thời khẳng định vị thế có trách nhiệm, có tiếng nói và ngày càng định hình luật chơi trên các diễn đàn đa phương. Hành trình ấy là minh chứng sống động rằng đối ngoại đa phương chính là cánh cửa lớn đưa dân tộc Việt Nam vươn ra thế giới, thực hiện khát vọng phát triển đất nước và đóng góp tích cực cho hòa bình, hợp tác, phát triển bền vững của khu vực và nhân loại.

Tư tưởng và chủ trương, chính sách về đối ngoại đa phương

Ngay từ những ngày đầu giành độc lập, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho đối ngoại đa phương của Việt Nam, coi hợp tác quốc tế là phương

thức để tăng cường sức mạnh dân tộc và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè năm châu. Trong thư gửi LHQ (LHQ) năm 1946, Người khẳng định Việt Nam sẵn sàng mở cửa, hợp tác và tham gia mọi tổ chức quốc tế dưới sự điều phối của LHQ, thể hiện tầm nhìn vượt thời đại về vai trò của các thiết chế đa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước¹. Trong 2 cuộc kháng chiến, đối ngoại đa phương giúp Việt Nam tranh thủ các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, vận động phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc, kết hợp hiệu quả giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao. Sau thống nhất đất nước năm 1975, việc Việt Nam trở thành thành viên LHQ có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định vị thế của một quốc gia độc lập, đồng thời mở ra cánh cửa hợp tác rộng lớn với thế giới.

Công cuộc Đổi mới năm 1986 đánh dấu một bước ngoặt chiến lược của đất nước. Tư duy đối ngoại chuyển biến sâu sắc và kịp thời, từ khép kín sang mở cửa, từ tập trung vào một vài đối tác sang “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế”. Nghị quyết 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (tháng 5/1988) là văn kiện mở đường cho kỷ nguyên ngoại giao mới của Việt Nam với tư duy đổi mới có tính đột phá “thêm bạn, bớt thù”, đặt nền móng cho việc phá vỡ bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại, các tổ chức quốc tế, từ đó tạo ra môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Đại hội X (2006) và Đại hội XI (2011) tiếp tục khẳng định “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” và “tích cực tham gia các cơ chế hợp tác đa phương”. Tại Đại hội XII (tháng 1/2016), đối ngoại đa phương của Việt Nam đã được xác định là một trong những định hướng chiến lược của đất nước, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong nhận thức và hành động. Nội hàm đối ngoại đa phương được bổ sung, nâng tầm và làm sâu sắc hơn, thể hiện sự chuyển đổi cả chất và lượng, từ tư duy “tham gia” thụ động sang tư duy “chủ động, tích cực tham gia, phát huy vai trò, đóng góp xây

¹ Hồ Chí Minh toàn tập - Tập 4

dựng định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế". Sự thay đổi này phản ánh nhận thức ngày càng rõ nét về vai trò của Việt Nam không chỉ là một thành viên mà còn là một tác nhân có khả năng góp phần định hình các quy tắc, chuẩn mực và thể chế quốc tế. Đại hội XIII (tháng 1/2021) tiếp tục khẳng định và phát triển sâu hơn định hướng này, trong bối cảnh thế giới chịu tác động mạnh mẽ của đại dịch COVID-19, cạnh tranh chiến lược gia tăng, và cục diện thế giới chuyển biến phức tạp. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh Việt Nam cần "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện và hiệu quả" đồng thời "tích cực đóng góp vào việc xây dựng và định hình các thể chế, cơ chế đa phương toàn cầu và khu vực". Điều này cho thấy Việt Nam không chỉ thích ứng mà còn chủ động đóng góp vào việc định hình cục diện quốc tế theo hướng công bằng, dân chủ và phát triển bền vững.

Đề cụ thể hóa định hướng đường lối đối ngoại của Đại hội XII, Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư "Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030" đã đề ra những các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể hơn. Chỉ thị bổ sung định hướng mang tính đột phá: "nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước". Đây là lần đầu tiên trong các văn kiện của Đảng, Việt Nam đặt ra mục tiêu không chỉ tham gia mà còn đóng vai trò dẫn dắt tại một số cơ chế đa phương quan trọng. Chỉ thị cũng nêu rõ sáu nhóm nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, xây dựng năng lực, tăng cường phối hợp, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, và huy động nguồn lực cho ngoại giao đa phương. Mới đây nhất, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị "về hội nhập quốc tế trong tình hình mới" đã đề ra định hướng chiến lược toàn diện và tạo khuôn khổ pháp lý, thể chế tổng thể cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Nghị quyết đánh dấu bước tiến mới trong tư duy hội nhập quốc tế của Việt Nam, nhấn mạnh cần thực hiện hội nhập "đồng bộ, chủ động, tích cực, toàn diện, sâu rộng, chất lượng và hiệu quả hơn". Đặc biệt,

Nghị quyết 59 định hướng nâng tầm ngoại giao đa phương thông qua việc tăng cường vai trò của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế và diễn đàn đa phương, từ đó góp phần tích cực vào việc ứng phó với các thách thức toàn cầu về an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Thành tựu nổi bật giai đoạn 1986–2025

Trong gần bốn thập kỷ triển khai đường lối Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu toàn diện thông qua đối ngoại đa phương, thể hiện qua ba giai đoạn rõ rệt, gắn liền với tiến trình phá bao vây, cấm vận sang phát triển, hội nhập sâu rộng với thế giới.

Giai đoạn 1986–1995 là thời kỳ khởi đầu và phá thế bao vây cấm vận, khi Việt Nam chuyển mạnh tư duy đối ngoại theo hướng mở cửa và từng bước tái lập các mối quan hệ quốc tế quan trọng. Việc giải quyết vấn đề Campuchia năm 1991, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1991, hay khởi động hợp tác trở lại với Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) đã giúp Việt Nam cải thiện vị thế, tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi hơn. Đặc biệt, năm 1995 đánh dấu hai bước ngoặt mang tính lịch sử: Việt Nam gia nhập ASEAN và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, chính thức khép lại thời kỳ bị bao vây, cấm vận và mở ra cánh cửa hội nhập khu vực và thế giới.

Giai đoạn 1996–2006 đánh dấu bước phát triển thứ hai, khi Việt Nam tăng cường hội nhập khu vực và từng bước tiến ra sân chơi toàn cầu trong bối cảnh kinh tế thị trường định hình rõ hơn và yêu cầu phát triển đất nước đòi hỏi mở rộng hợp tác quốc tế. Việc Việt Nam gia nhập APEC năm 1998 và WTO năm 2006 tiếp tục thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế ở tầm khu vực và toàn cầu, đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất quốc tế. Trong giai đoạn này, Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế hợp tác của ASEAN như ASEAN+3, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), đồng thời khẳng định vai trò trong khu vực qua sự kiện đăng cai Hội nghị

Cấp cao ASEAN lần thứ 6 (1998). Việc gia nhập APEC năm 1998 mở rộng không gian hợp tác sang châu Á – Thái Bình Dương, đưa Việt Nam vào một trong những khu vực kinh tế năng động nhất thế giới. Dấu mốc quan trọng nhất của giai đoạn này là việc Việt Nam hoàn tất tiến trình đàm phán kéo dài gần 12 năm để trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 11/2006 - sự kiện khẳng định Việt Nam chính thức bước vào sân chơi toàn cầu với cam kết tuân thủ các quy tắc thương mại quốc tế.

Từ năm 2007 đến nay, đối ngoại đa phương bước vào giai đoạn phát triển thứ ba, gắn với quá trình hội nhập quốc tế toàn diện. Khi đất nước có thể và lực mới, Việt Nam chuyển từ vai trò “tham gia” sang “chủ động và tích cực đóng góp”, tham gia sâu hơn vào các cơ chế liên chính phủ, mở rộng hợp tác trong các cấu trúc khu vực mới, đồng thời từng bước thể hiện vai trò trong việc định hình các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

i) Bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế an ninh khu vực như ARF, EAS, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+), góp phần xây dựng cấu trúc an ninh dựa trên hợp tác và luật pháp quốc tế. Trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam kiên trì lập trường dựa trên UNCLOS 1982, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và thúc đẩy đàm phán COC theo hướng thực chất và hiệu lực. Việt Nam hai lần trúng cử vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA LHQ) với số phiếu tín nhiệm cao (2008–2009 và 2020–2021) cho thấy sự tin tưởng của cộng đồng quốc tế về khả năng tham gia và đóng góp trong việc xử lý những vấn đề hòa bình, an ninh toàn cầu, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam như một thành viên có trách nhiệm. Trong đại dịch COVID-19, các cơ chế đa phương, đặc biệt là COVAX, đã giúp Việt Nam tiếp nhận hơn 70 triệu liều vắc-xin, góp phần kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe người dân và ổn định xã hội. Các hợp tác đa phương trong lĩnh vực ứng phó biến đổi khí hậu, chống tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng và khủng bố

cũng cho thấy vai trò ngày càng thiết thực của đối ngoại đa phương trong việc ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống.

ii) Kênh huy động nguồn lực phát triển hiệu quả: Thông qua hợp tác với WB, IMF, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Cơ quan phát triển LHQ (UNDP), Việt Nam đã tiếp cận nguồn vốn ODA ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật và kinh nghiệm quản trị để thúc đẩy cải cách thể chế, phát triển hạ tầng và nâng cao năng lực xã hội. Giá trị FDI đăng ký vượt 400 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 400 tỷ USD mỗi năm, và Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế năng động nhất châu Á. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, việc huy động thành công gói hỗ trợ 15,5 tỷ USD trong khuôn khổ JETP cho thấy tiềm năng của Việt Nam trong việc tận dụng các cơ chế đa phương để chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh và bền vững. Nhờ đó, Việt Nam được ghi nhận là một câu chuyện thành công về hội nhập quốc tế và là một trong các động lực tăng trưởng mới nổi của khu vực, xếp thứ 32 trong số các nền kinh tế lớn nhất thế giới năm 2025.

iii) Hội nhập kinh tế: Trong giai đoạn gần đây, Việt Nam trở thành một trong những nước tích đi đầu trong việc ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, điển hình là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), qua đó mở rộng phạm vi hội nhập kinh tế và tạo nền tảng cho cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đồng thời, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia và trở thành thành viên của hơn 70 tổ chức quốc tế đã giúp Việt Nam xây dựng được mạng lưới quan hệ rộng khắp, đan xen lợi ích đa tầng, góp phần duy trì cân bằng chiến lược và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

iv) Chủ động đóng góp tích cực và trách nhiệm đối với nỗ lực chung của quốc tế xử lý các vấn đề toàn cầu quan trọng và phát triển bền vững. Việt Nam là một trong những nước đi đầu hoàn thành sớm nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và

đang tích cực triển khai các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) đến năm 2030. Việt Nam đảm nhiệm hiệu quả nhiệm vụ tại các cơ chế quốc tế quan trọng như Hội đồng Nhân quyền LHQ (nhiệm kỳ), Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA), tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ từ năm 2014 và trở thành đối tác tin cậy, uy tín của LHQ trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tham gia định hình các chính sách, cơ chế toàn cầu trong các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, xã hội số, rác thải nhựa đại dương, an ninh nguồn nước, bảo đảm an ninh lương thực, khoáng sản thiết yếu. Những kết quả này cho thấy Việt Nam không chỉ hội nhập thành công mà đang chuyển mình từ vị thế “người tham gia” sang vai trò “người đóng góp tích cực”, hướng tới năng lực “định hình luật chơi” tại LHQ và các thể chế đa phương.

v) Đối ngoại đa phương của Việt Nam không chỉ dừng lại ở kênh Nhà nước mà còn được triển khai đồng bộ, toàn diện qua nhiều kênh khác nhau. Ngoại giao Đảng thông qua quan hệ với các đảng cộng sản, đảng công nhân và các chính đảng tiến bộ trên thế giới ngày càng được củng cố. Ngoại giao Quốc hội thông qua các tổ chức nghị viện đa phương như Liên minh Nghị viện Thế giới (IPU), Đại hội đồng Nghị viện ASEAN (AIPA) ngày càng phát huy vai trò tích cực. Đối ngoại nhân dân với sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội cũng được mở rộng và đa dạng hóa, tạo nên một hệ thống đối ngoại tổng thể, đa tầng, đa kênh, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển đất nước.

Dấu ấn sâu sắc của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương

Thành tựu quan trọng hơn cả của đối ngoại đa phương không chỉ nằm ở kết quả hội nhập hay khả năng huy động nguồn lực, mà còn thể hiện rõ qua việc Việt Nam để lại những dấu ấn mang tính định hình trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu. Ở cấp độ khu vực, Việt Nam đã khẳng định năng lực điều phối và dẫn dắt hợp tác thông qua việc đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN các năm 1998, 2010 và 2020. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Việt Nam thể hiện

năng lực điều hành linh hoạt, duy trì đoàn kết nội khối và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN, qua đó khẳng định khả năng ứng phó với khủng hoảng trong môi trường đa phương phức tạp. Việt Nam cũng hai lần đăng cai Hội nghị Cấp cao APEC (2006 và 2017), tổ chức ASEM 5 năm 2004 và nhiều sự kiện quan trọng khác, góp phần định hình các sáng kiến khu vực về kết nối hạ tầng, thu hẹp khoảng cách phát triển, kinh tế số và hội nhập liên khu vực.

Trên phạm vi toàn cầu, Việt Nam từng bước khẳng định vai trò của một quốc gia có thể tham gia định hình chuẩn mực và luật lệ quốc tế. Việc đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ – Triều năm 2019 cho thấy Việt Nam không chỉ có vị thế đủ tin cậy mà còn có khả năng đóng góp vào hòa bình và an ninh quốc tế thông qua kết nối, đối thoại. Tại Đại hội đồng LHQ, Việt Nam đề xuất nhiều sáng kiến được thông qua, điển hình như Ngày Quốc tế Phòng chống dịch bệnh (27/12), Ngày Quốc tế Vui chơi (6/11). Thông qua hợp tác với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa LHQ (UNESCO), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO); Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO); Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và nhiều cơ chế liên chính phủ khác, Việt Nam đã quảng bá hiệu quả hình ảnh một quốc gia nhân văn và có trách nhiệm toàn cầu, với ngày càng nhiều hồ sơ Di sản Thế giới được công nhận và nhiều sáng kiến phát triển được ghi nhận tại các diễn đàn đa phương. Nổi bật là việc Hà Nội trở thành nơi mở ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng tháng 10 vừa qua, lần đầu tiên một công ước quốc tế gắn với Thủ đô Hà Nội, cho thấy Việt Nam được coi trọng và trở thành tác nhân kiến tạo trong lĩnh vực an ninh mạng và quản trị số.

Tại cơ chế trọng yếu của LHQ như HĐBA, Việt Nam để lại dấu ấn thông qua các nghị quyết quan trọng như Nghị quyết 1889 (2009) về phụ nữ, hòa bình và an ninh, hay Nghị quyết 2573 (2021) về bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu. Việt Nam cũng là nước đi đầu tích cực tham gia và đóng góp trong quá trình đàm phán Công ước Liên hợp quốc chống tội phạm mạng (bắt đầu từ năm 2022), đồng thời việc Việt Nam được tin cậy trao trọng trách Chủ tịch Hội nghị kiểm điểm Hiệp ước

Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 2026 đánh dấu bước phát triển mới về năng lực điều phối và dẫn dắt tại cơ chế kiểm soát vũ khí chiến lược toàn cầu. Việc Tổng Thư ký LHQ tới thăm chính thức hai lần trong nhiệm kỳ 2021-2026, thể hiện tình cảm chân tình, sâu đậm đối với Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, con người và đất nước Việt Nam cũng phản ánh mức độ tin cậy mà LHQ dành cho Việt Nam¹. Những dấu ấn đó cho thấy Việt Nam đã chuyển mình từ vị thế một nước hội nhập sang vị thế của một quốc gia có khả năng góp phần định hình luật lệ, có vai trò và tạo ảnh hưởng trong trật tự quốc tế đa phương đang định hình lại.

Định hướng đối ngoại đa phương thời gian tới

Gần 40 năm đổi mới, trong bối cảnh quốc tế biến động sâu sắc với cạnh tranh chiến lược gia tăng, thách thức an ninh truyền thống – phi truyền thống đan xen và các xu thế chuyển đổi số, chuyển đổi xanh định hình trật tự toàn cầu, việc tiếp tục đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đã trở thành yêu cầu chiến lược tất yếu của Việt Nam, thể hiện tương xứng với tầm vóc, vị thế của đất nước.

Về tư duy, tiếp tục quán triệt triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo mang tính định hướng của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa. Để bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc, mở rộng không gian phát triển và khẳng định vai trò trong các cấu trúc khu vực và quốc tế đang chuyển dịch nhanh chóng, đối ngoại đa phương cần tiếp tục đổi mới tư duy, chuyển mạnh từ “tham dự” sang “chủ động tham gia” và “dẫn dắt”, tìm kiếm cơ hội phát huy vai trò “trung gian”, “hòa giải”, đồng thời xác định rõ trọng tâm ưu tiên, chủ động đề xuất sáng kiến, tăng cường nghiên cứu chuyên sâu và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế.

¹ Trong các trao đổi với Lãnh đạo Cấp cao của ta, TTK LHQ nhấn mạnh xuyên suốt Việt Nam là một nước trụ cột của chủ nghĩa đa phương, cùng với các nước Brazil, Ấn Độ, Indonesia thành một mạng lưới giúp cân bằng lại chủ nghĩa đa phương, hướng tới trật tự quốc tế đa cực.

Về biện pháp, xác định rõ trọng tâm ưu tiên, tăng cường nghiên cứu chuyên sâu và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế. Bên cạnh việc “nuôi dưỡng” nội dung, sáng kiến mà Việt Nam đã ưu tiên, thúc đẩy một cách xuyên suốt, Việt Nam cần chủ động nắm bắt cơ hội, sẵn sàng tham gia cũng như đề xuất sáng kiến mới phù hợp với nhu cầu và tình hình hiện tại trong các lĩnh vực, như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, AI, chuyển đổi năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và thách thức an ninh phi truyền thống khác. Thể hiện trọng trách dẫn dắt tại các cơ quan quan trọng như Hội đồng Chấp hành (UNESCO,) Cơ quan bình đẳng giới LHQ (UNWomen), đảm nhiệm thành viên Hội đồng Nhân quyền 2026–2028, ứng cử lần thứ 3 làm thành viên HĐBA LHQ 2032-2033 và Thẩm phán ITLOS, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường phối hợp liên ngành.

Về tổ chức thực hiện, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài, phối hợp liên ngành, nhất là thông qua cơ chế phối hợp, trao đổi thường xuyên giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để bảo đảm sự thống nhất về tư duy và đồng lòng trong hành động.

Hướng tới kỷ niệm 50 năm Việt Nam gia nhập LHQ (năm 2027), đối ngoại đa phương cần tiếp tục được nâng tầm như một động lực chiến lược, góp phần thực hiện khát vọng phát triển, đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, đồng thời đóng góp ngày càng chủ động, trách nhiệm vào hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững của khu vực và thế giới./.

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG GÓP PHẦN NÂNG CAO VỊ THẾ VÀ UY TÍN QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

TS. Lê Quang Hòa*, TS. Phạm Thanh Bằng**

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò và thực tiễn đối ngoại đa phương của Việt Nam trong việc nâng cao vị thế và uy tín quốc tế. Tác giả khái quát nền tảng tư tưởng và tiến trình hội nhập từ sau đổi mới, mô tả các thành tựu nổi bật như vai trò tích cực tại ASEAN, hai lần là Ủy viên không thường trực HĐBA, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình và đóng góp vào các cơ chế khu vực và toàn cầu. Bài viết khẳng định đối ngoại đa phương giúp đa dạng hóa quan hệ, gia tăng sức mạnh mềm, thu hút đầu tư và bảo vệ lợi ích quốc gia thông qua luật pháp quốc tế. Đồng thời chỉ ra thách thức: bối cảnh quốc tế biến động, năng lực cán bộ chưa đồng đều và thiếu sáng kiến chiến lược. Bài viết đề xuất giải pháp: nâng cao năng lực nghiên cứu - dự báo, chủ động định hình chuẩn mực quốc tế, củng cố bản sắc ngoại giao, phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu và gắn kết đối ngoại đa phương với lợi ích phát triển kinh tế - xã hội để hiện thực hóa chiến lược đến 2030.

Từ khoá: Đối ngoại đa phương, Vị thế quốc tế, Năng lực ngoại giao

Bác Hồ đã quan tâm đến đối ngoại nói chung và đối ngoại đa phương nói riêng ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹ ra đời. Đảng và Nhà nước đã vận dụng linh hoạt tư tưởng của Người vào nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, đồng thời không ngừng phát triển, đổi mới tư duy đối ngoại đa phương, cũng như ban hành một số nghị quyết, chỉ thị² nhằm đẩy

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Học viện Ngoại giao

¹ Thông cáo về chính sách ngoại giao của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (3/10/1945)

² Nghị quyết số 07-NQ/TW (27/11/2001) của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 22-NQ/TW (10/4/2013) của Bộ Chính trị; và Chỉ thị số 25-CT/TW (08/8/2018) của Ban Bí thư

mạnh công tác này. Đối ngoại đa phương không chỉ trở thành một trong những trụ cột quan trọng nhằm triển khai đường lối đối ngoại mà còn là công cụ hữu hiệu góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam. Chính vì thế, nghiên cứu về đối ngoại đa phương với việc nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam mang ý nghĩa cả về khoa học và thực tiễn.

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng đa cực - đa trung tâm, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, cùng sự nổi lên của các vấn đề toàn cầu vượt ra ngoài khả năng giải quyết đơn phương của từng quốc gia, đối ngoại đa phương đã trở thành trụ cột chiến lược trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia. Đối với Việt Nam, triển khai đối ngoại đa phương không chỉ là yêu cầu khách quan của tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, mà còn là động lực quan trọng để củng cố uy tín, nâng cao vị thế quốc gia, bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định, tạo thuận lợi cho phát triển. Thực tế cho thấy, trong hơn ba thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã tham gia ngày càng sâu rộng vào các cơ chế đa phương như ASEAN, APEC, LHQ (Liên hợp quốc), WTO, IPU, ASEM... và ghi dấu ấn với vai trò chủ động, tích cực, trách nhiệm. Tuy vậy, trước bối cảnh toàn cầu nhiều biến động khó lường, yêu cầu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực và phát huy bản sắc đối ngoại Việt Nam nhằm tạo dựng tầm vóc mới trong đối ngoại đa phương.

1. Đối ngoại đa phương và tầm quan trọng đối với Việt Nam

Khái niệm về “đối ngoại đa phương” có thể được hiểu là hoạt động ngoại giao trong quan hệ quốc tế nhằm trao đổi, tìm kiếm giải pháp để xử lý vấn đề chung, song có ít nhất từ ba chủ thể (quốc gia, tổ chức) trở lên. Như vậy, đối ngoại đa phương là hoạt động ngoại giao được tiến hành trên nền tảng tham gia và tương tác trong các cơ chế, tổ chức, diễn đàn quốc tế có nhiều chủ thể tham gia, dựa trên luật pháp quốc tế, chuẩn mực chung và cơ chế đồng thuận. Theo đó, đối ngoại đa phương trước hết khác với đối ngoại song phương ở số lượng chủ thể tham gia.

Ngoài ra, hoạt động này còn “được tiến hành dưới hai hình thức chủ yếu: (i) các tổ chức quốc tế khu vực và toàn cầu như ASEAN, LHQ... và (ii) các diễn đàn đa phương”¹.

Cũng giống như song phương, đối ngoại đa phương nắm giữ vị trí quan trọng, không thể thiếu trong triển khai chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, tổ chức quốc tế. Ở Việt Nam, đối ngoại đa phương cũng “là một bộ phận quan trọng của đối ngoại Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng từ những ngày đầu lập nước và đã đạt nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²; hỗ trợ củng cố môi trường hòa bình, ổn định khu vực. Quá trình triển khai đối ngoại đa phương cũng giúp cho Việt Nam đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, giảm sự “phụ thuộc” vào bất kỳ một chủ thể nào. Không những thế, đối ngoại đa phương có thể giúp Việt Nam trong tranh thủ nhiều nguồn lực thông qua hợp tác quốc tế, như vốn, tri thức, thị trường; đồng thời góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc bằng việc vận dụng luật pháp quốc tế; cũng như gia tăng sức mạnh mềm và ảnh hưởng trên các lĩnh vực khác nhau, kể cả văn hóa.

Ví dụ điển hình về thành công của đối ngoại đa phương đối với Việt Nam có thể thấy rõ qua việc tham gia ASEAN “đã bình thường hóa hoàn toàn quan hệ, chuyển từ nghi kỵ, đối đầu sang hữu nghị và hợp tác, góp phần tạo môi trường khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, có thêm đối tác, nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và thúc đẩy các mối quan hệ quốc tế khác”³.

2. Thực tiễn triển khai đối ngoại đa phương của Việt Nam

¹ Vũ Khoan 2016, 133.

² Lê Hoài Trung Lê Hoài Trung 2025.

³ Phí Văn Chanh, Phạm Văn Linh và Phạm Xuân Thâu 2005, 26.

Một số thành tựu nổi bật trong đối ngoại đa phương

Trước hết phải kể đến vai trò của Việt Nam trong tham gia ASEAN. Sau khi gia nhập tổ chức này (1995), Việt Nam đã từng bước khẳng định vai trò và có nhiều đóng góp rất hữu ích trên tinh thần “tích cực, chủ động và có trách nhiệm”, đặc biệt là việc hoàn thành tốt vai trò Chủ tịch ASEAN (2010, 2020); thúc đẩy đoàn kết nội khối, duy trì lập trường chung trong vấn đề Biển Đông; tăng cường kết nối ra bên ngoài thông qua việc đóng góp hiệu quả vào các cơ chế ASEAN mở rộng (EAS, ARF, ADMM+...). Các sáng kiến thực chất của đoàn công tác Việt Nam đã được các bên ghi nhận và đánh giá cao. Việt Nam cũng tham gia đóng góp hữu hiệu tại LHQ khi đã hai lần nắm giữ vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ (2008-2009, 2020-2021). Gần đây, Việt Nam đã cử cán bộ quân đội, công an tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình; đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo tại Hội đồng Nhân quyền LHQ hay UNESCO với những đề xuất sáng kiến về phụ nữ, hòa bình, an ninh nguồn nước, phá bom mìn sau chiến tranh.... như trong bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (14/12/2021) đã nhấn mạnh “chúng ta đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn và hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế quan trọng với tư cách Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ, Chủ tịch luân phiên ASEAN, Chủ nhà Hội nghị Cấp cao ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh APEC, Diễn đàn Kinh tế Thế giới về ASEAN...; đã cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ ở châu Phi”¹.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn tham gia nhiều cơ chế hợp tác đa phương khác ở khu vực hay quốc tế, trong đó phải kể đến ASEM, GMS, MRC, AMECS, CLMV hay WTO, RCEP, CPTPP, EVFTA... Không chỉ dừng ở hợp tác về chính trị, kinh tế, an ninh mà từng bước mở rộng ra nhiều lĩnh vực ưu tiên khác, gồm chuyển đổi

¹ Nguyễn Phú Trọng 2021, 15.

số, kết nối khu vực, biến đổi khí hậu, môi trường... Trong thời gian tới, Việt Nam còn định hướng “tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến đóng góp thiết thực cho việc thực hiện các mục tiêu toàn cầu, nhất là các tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng”¹.

Kết quả là, đối ngoại đa phương đã góp phần nâng cao vị thế và củng cố uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

Việt Nam thể hiện hình ảnh quốc gia luôn có trách nhiệm nên được bạn bè quốc tế đánh giá là thành viên năng động, sẵn sàng chia sẻ những vấn đề toàn cầu cấp bách hiện nay. Uy tín và hình ảnh của Việt Nam ngày càng được khẳng định, đây chính là sức mạnh “mềm” thông qua công tác đối ngoại đa phương mà ta có được. Cùng với đó là sức hút đối với đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi trong mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và tăng cơ hội tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ở khu vực, vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao bằng sự tham gia chủ động với những sáng kiến giá trị tại các diễn đàn, hội nghị quốc tế, đặc biệt tại ASEAN. Trước đó, việc Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức ASEAN (1995) được coi “là một quyết định đúng đắn, kịp thời phù hợp với xu thế phát triển của tình hình thế giới và tình hình khu vực, là một mốc lịch sử quan trọng, đánh dấu sự tiến bộ trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại nói chung và quan hệ kinh tế đối ngoại nói riêng”². Sau này, Việt Nam đã có được vị trí vững chắc tại ASEAN, APEC, LHQ, phát huy rất tốt đối ngoại đa phương để ngày càng củng cố uy tín, hình ảnh của mình.

Thách thức và hạn chế

Ngoài những thành công nêu trên, đối ngoại đa phương của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với không ít những thách thức, như môi trường thế giới và khu vực diễn biến nhanh, khó dự báo; năng lực cán bộ tham gia đối ngoại đa phương của

¹ Nguyễn Ngọc Hùng 2023, 104.

² Trần Quang Lâm và Nguyễn Khắc Thân 1999, 49.

các cơ quan chưa đồng đều trong khi còn thiếu nhiều nhân lực chuyên sâu... Việt Nam đã đưa ra nhiều sáng kiến, song cần những sáng kiến mang tầm chiến lược hơn cho phù hợp với bối cảnh mới bởi “thế giới đã chuyển sang giai đoạn mới và nền ngoại giao hiện đại đang đứng trước thách thức của sự phát triển. Những thay đổi trên, cùng với những nhân tố khác đã đặt ra cho ngoại giao Việt Nam những vấn đề mới với những cơ hội cũng như thách thức đan xen”¹. Việt Nam vẫn cần nỗ lực lớn trong “đẩy mạnh vai trò dẫn dắt thông qua các sáng kiến, ý tưởng, chủ động đóng góp vào xây dựng, tham gia định hình quy tắc, quy định ứng xử trong quan hệ quốc tế. Với thế và lực mới của đất nước và tâm thế sẵn sàng đóng góp nhiều hơn vào giải quyết các vấn đề chung của thế giới, đối ngoại đa phương cần được nâng tầm thực chất hơn, nhất là trong các cơ chế ASEAN, LHQ, Tiểu vùng sông Mê Công”².

3. Một số giải pháp tăng cường đối ngoại đa phương gắn với nâng cao vị thế Việt Nam

Thứ nhất, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo chiến lược và hoạch định chính sách đa phương

Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo chiến lược và hoạch định chính sách đa phương là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh cấu trúc quyền lực quốc tế biến đổi nhanh, cạnh tranh nước lớn phức tạp, và các vấn đề phi truyền thống ngày càng đa chiều. *Trước hết*, cần xây dựng nền tảng tri thức chiến lược vững chắc thông qua việc phát triển mạng lưới các viện nghiên cứu, trung tâm phân tích chính sách và phòng thí nghiệm ý tưởng (policy labs) có khả năng tích hợp tri thức liên ngành, từ chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại đến công nghệ - môi trường. Các cơ sở này không chỉ thực hiện phân tích định tính mà còn phải áp dụng các mô hình dự báo định lượng, phân tích kịch bản, trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao độ chính xác và khả năng dự báo sớm các xu hướng toàn cầu. *Tiếp đến*, cần hoàn thiện cơ chế

¹ Vũ Dương Huân 2018, 360.

² Nguyễn Minh Vũ 2025, 38-39.

phối hợp giữa cơ quan Đảng, Nhà nước, bộ ngành, ngoại giao, quốc phòng, an ninh và giới học thuật, hình thành hệ sinh thái “tri thức - hoạch định” liên thông, trong đó thông tin chiến lược được chia sẻ kịp thời và có chiều sâu. Việc xây dựng ngân hàng dữ liệu chiến lược và hệ thống phân tích rủi ro quốc gia cũng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo điều kiện để các quyết sách đối ngoại đa phương dựa trên bằng chứng và phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc trong dài hạn. *Ngoài ra*, việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tham mưu, hoạch định chính sách cần gắn với đào tạo chuyên sâu về luật pháp quốc tế, đàm phán đa phương, xử lý thông tin chiến lược, kinh tế học quốc tế, công nghệ số và truyền thông chính sách. *Cuối cùng*, để nâng cao hiệu quả dự báo và hoạch định chính sách đa phương, quốc gia cần mở rộng hợp tác tri thức với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu hàng đầu, mạng lưới chuyên gia và think-tank khu vực; chủ động tham gia, thậm chí dẫn dắt, các sáng kiến phân tích xu hướng toàn cầu. Chỉ khi kết hợp hài hòa giữa tư duy chiến lược, năng lực phân tích hiện đại và cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, chúng ta mới có thể tạo nền tảng vững chắc cho việc hoạch định chính sách đa phương chủ động, kịp thời và có tầm nhìn, qua đó nâng cao vị thế quốc gia trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay.

Thứ hai, thúc đẩy chủ động tham gia định hình luật chơi và chuẩn mực quốc tế trong đối ngoại đa phương

Để nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh chiến lược trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh, Việt Nam cần chuyển mạnh từ tư duy “tham gia” sang tư duy “định hình” luật chơi và chuẩn mực quốc tế trong các cơ chế đa phương. Việt Nam cần xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên chiến lược - bao gồm an ninh biển, biến đổi khí hậu, kinh tế số, an ninh mạng, y tế toàn cầu, nguồn nước xuyên biên giới và năng lượng tái tạo - nhằm tập trung nguồn lực vào những không gian chính sách có tác động trực tiếp đến lợi ích lâu dài của quốc gia. Trên cơ sở đó, cần chủ động xây dựng và đề xuất các sáng kiến chính sách mới tại ASEAN, LHQ, APEC, WTO và các cơ chế tiểu vùng; từ việc đồng kiến tạo quy tắc, chuẩn mực đến tham gia xây

dựng các văn kiện pháp lý quốc tế mới, qua đó gia tăng tiếng nói của Việt Nam trong quá trình hình thành luật chơi.

Bên cạnh đó, nâng cao năng lực pháp lý, đàm phán, kỹ thuật của đội ngũ cán bộ đối ngoại là yêu cầu sống còn. Việt Nam cần phát triển đội ngũ chuyên gia chuyên sâu về luật quốc tế, thương mại số, công nghệ mới, biến đổi khí hậu và các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức liên ngành; đồng thời mở rộng cơ chế đối thoại và tham vấn chính sách với học giả, doanh nghiệp và tổ chức xã hội để tăng tính đại diện và thực chất trong các đề xuất chuẩn mực. Việc xây dựng các mạng lưới liên minh chính sách với những quốc gia có cùng lợi ích hoặc lập trường tương đồng trong từng lĩnh vực cũng đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam tạo lập ảnh hưởng và nâng cao sức mạnh đàm phán trong các diễn đàn đa phương.

Thứ ba, củng cố uy tín bằng các giá trị và bản sắc đối ngoại Việt Nam trong đối ngoại đa phương

Củng cố uy tín quốc gia trong các cơ chế đa phương đòi hỏi Việt Nam phải phát huy mạnh mẽ giá trị cốt lõi và bản sắc riêng của nền ngoại giao Việt Nam, coi đó là nguồn lực mềm chiến lược tạo nên sức hấp dẫn và niềm tin đối với cộng đồng quốc tế. Trước hết, bản sắc “hòa bình, độc lập, nhân văn và trách nhiệm” cần tiếp tục được thể hiện nhất quán trong mọi hoạt động đối ngoại đa phương. Điều này bao gồm việc Việt Nam kiên định lập trường tôn trọng luật pháp quốc tế, Hiến chương LHQ, ủng hộ giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, và thúc đẩy hợp tác bình đẳng, cùng phát triển. Tiếp đến, Việt Nam cần chủ động đưa các giá trị nhân văn và cách tiếp cận “lấy con người làm trung tâm” vào các sáng kiến đa phương, đặc biệt trong các vấn đề như phát triển bền vững, an ninh phi truyền thống, y tế toàn cầu, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực và bảo vệ nhóm yếu thế. Ngoài ra, củng cố uy tín đối ngoại cần được hỗ trợ bởi ngoại giao văn hóa và ngoại giao thông tin chiến lược, nhằm truyền tải hình ảnh Việt Nam hiện đại, năng động, giàu bản sắc và có khả năng đóng góp thực chất cho đối thoại và hợp tác đa

phương. Việc tăng cường minh bạch thông tin, chủ động giải thích chính sách, cũng như lan tỏa thông điệp “Việt Nam vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung” là yếu tố quan trọng giúp củng cố niềm tin và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Sự kết hợp giữa giá trị - bản sắc - hành động sẽ tạo nên nền tảng vững chắc để Việt Nam củng cố uy tín quốc tế, gia tăng sức mạnh mềm và nâng cao vị thế trong quản trị khu vực và toàn cầu.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác đa phương

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác đa phương là một trong những giải pháp mang tính nền tảng để Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới của môi trường quốc tế đang biến động nhanh và phức tạp. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, các thể chế đa phương thay đổi mạnh mẽ, yêu cầu về năng lực phân tích, đàm phán, tham gia kiến tạo “luật chơi” ngày càng cao, đội ngũ cán bộ làm công tác đa phương phải sở hữu tư duy chiến lược, kiến thức liên ngành, khả năng thích ứng và kỹ năng xử lý tình huống ở mức độ chuyên nghiệp. Do đó, phát triển nguồn nhân lực đa phương không chỉ dừng ở đào tạo kiến thức chuyên môn, mà cần hướng tới chuẩn hóa về phẩm chất chính trị, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán đa bên, am hiểu luật pháp quốc tế, cũng như khả năng tham gia lãnh đạo và vận hành các cơ chế hợp tác khu vực, toàn cầu. Bên cạnh đào tạo trong nước, cần mở rộng mô hình “học đi đôi với hành” thông qua cử cán bộ tham gia thực tập, biệt phái, hoặc đảm nhiệm vị trí trong các tổ chức quốc tế, từ đó tích lũy kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và nâng cao uy tín quốc gia. Đồng thời, việc xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ nghiên cứu - dự báo, kết nối chuyên gia trong và ngoài nước, cùng ứng dụng công nghệ số trong quản lý tri thức sẽ tạo nền tảng vững chắc cho quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ. Về lâu dài, việc đầu tư bài bản, hệ thống và có tầm nhìn cho nguồn nhân lực làm công tác đa phương sẽ giúp Việt Nam nâng cao năng lực tham gia, đóng góp và định hình các tiến trình hợp tác quốc tế, qua đó củng cố vị thế và tiếng nói của đất nước trên trường quốc tế.

Thứ năm, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế khu vực và toàn cầu

Phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế khu vực và toàn cầu là giải pháp then chốt nhằm nâng cao vị thế quốc gia và đóng góp vào hòa bình, ổn định, phát triển bền vững của khu vực và thế giới. Trong bối cảnh cấu trúc an ninh - kinh tế quốc tế chuyển dịch sâu sắc, các thể chế đa phương như ASEAN, LHQ, APEC hay các cơ chế tiểu vùng ngày càng trở thành không gian quan trọng để các quốc gia bảo vệ lợi ích và thúc đẩy tiếng nói chung. Đối với Việt Nam, việc tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm tại các diễn đàn này không chỉ giúp tạo dựng hình ảnh một đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm mà còn mở ra cơ hội định dạng các chủ đề ưu tiên, thúc đẩy các sáng kiến phù hợp với lợi ích và tầm nhìn phát triển của đất nước. Để phát huy vai trò đó, Việt Nam cần tiếp tục nâng cao chất lượng tham vấn, phối hợp chính sách liên ngành, tăng cường năng lực nghiên cứu chiến lược và dự báo để xác định đúng thời cơ và dư địa hành động. Đồng thời, cần chủ động đề xuất sáng kiến mang dấu ấn Việt Nam trong các lĩnh vực như phát triển bền vững, an ninh phi truyền thống, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu hoặc phát triển bao trùm; qua đó đóng góp thiết thực vào chương trình nghị sự quốc tế. Bên cạnh đó, việc đảm nhiệm nhiều hơn các vị trí lãnh đạo hoặc điều phối trong các cơ chế đa phương, cũng như tích cực tham gia vào quá trình xây dựng văn kiện, tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế, sẽ giúp Việt Nam chuyển từ “tham gia” sang “định hình” ở mức độ phù hợp. Phát huy vai trò trong các cơ chế khu vực và toàn cầu không chỉ là yêu cầu khách quan của hội nhập mà còn là bước đi chiến lược nhằm nâng cao ảnh hưởng, củng cố uy tín và tạo thêm nguồn lực phục vụ cho phát triển đất nước trong dài hạn.

Thứ sáu, gắn đối ngoại đa phương với lợi ích phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam

Gắn đối ngoại đa phương với lợi ích phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam là định hướng mang tính chiến lược, bảo đảm ngoại giao trở thành động lực và nguồn

lực phục vụ phát triển đất nước. Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động khó lường, các chuỗi cung ứng tái cấu trúc, cạnh tranh địa - kinh tế gia tăng và các cơ chế đa phương được sử dụng như một trong những “đấu trường” thiết lập luật chơi mới, việc tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam. Để thực hiện, cần lồng ghép mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vào quá trình tham gia các diễn đàn như ASEAN, APEC, WTO, ASEM hay LHQ, từ đó tranh thủ cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, tiếp nhận công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và thúc đẩy các cam kết phát triển bền vững. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động sử dụng ngoại giao đa phương như công cụ hỗ trợ các ngành, địa phương và doanh nghiệp hội nhập sâu rộng hơn thông qua tiếp cận thông tin, chuẩn mực quốc tế và mạng lưới đối tác đa dạng. Việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan đối ngoại và các bộ, ngành kinh tế - xã hội sẽ giúp hình thành “kiềng ba chân” liên kết giữa đối ngoại - kinh tế - phát triển, đảm bảo hành động thống nhất và tối ưu hóa lợi ích quốc gia. Về lâu dài, gắn kết đối ngoại đa phương với lợi ích phát triển sẽ giúp Việt Nam vừa nâng cao vị thế quốc tế, vừa bảo đảm ngoại giao đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng xanh, bao trùm và bền vững của đất nước.

4. Kết Luận

Nhìn chung, đối ngoại đa phương đã và đang đóng góp tích cực vào quá trình hội nhập của Việt Nam, theo đó giúp nâng cao vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Việt Nam ngày càng khẳng định được vai trò của mình, thể hiện là thành viên “tích cực, chủ động và có trách nhiệm” đối với cộng đồng quốc tế, đặc biệt tại các cơ chế đa phương quốc tế và khu vực, đặc biệt là ASEAN, APEC và LHQ trong bối cảnh tình hình biến động nhanh, khó lường. Tuy nhiên, chúng ta “vẫn còn bẻ bộn nhiều việc cần làm, cần nhận thức đầy đủ”¹ bên cạnh những thành công nổi

¹ Vũ Dương Ninh và các tác giả 2004, 40.

bật trong quá trình hội nhập quốc tế nói chung và thúc đẩy đối ngoại đa phương nói riêng thời gian qua.

Để đối ngoại đa phương mang lại hiệu quả cao hơn, Việt Nam cần tiến hành đồng bộ các giải pháp như đã nêu, trong đó cần tập trung thực hiện quả Chiến lược đối ngoại đa phương đến năm 2030; tham gia chủ động hơn tại ASEAN, APEC, LHQ và một số cơ chế hợp tác khu vực (hợp tác tiểu vùng sông Mê Công); kết hợp nhuần nhuyễn giữa đối ngoại song phương và đối ngoại đa phương; gắn kết đối ngoại đa phương với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thông qua nhiều sáng kiến mới thiết thực liên quan đến chuyển đổi số, an ninh lương thực, năng lượng, kinh tế xanh, nguồn nước, biến đổi khí hậu, phòng chống tội phạm xuyên biên giới; quan tâm hơn về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế phục vụ đối ngoại đa phương.

Tin tưởng rằng, “với cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay, Việt Nam được kỳ vọng đóng góp nhiều hơn vào nỗ lực duy trì hòa bình, ổn định, phát triển bền vững của khu vực và thế giới, cũng như quá trình định hình các khuôn khổ pháp lý quốc tế công bằng, bình đẳng”¹ trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phí Văn Chanh, Phạm Văn Linh và Phạm Xuân Thâu. 2005. *Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Vũ Dương Huân. 2018. *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

¹ Nguyễn Minh Vũ 2025, 35.

4. Nguyễn Ngọc Hùng. 2023. “Hợp tác giữa các quốc gia trong ứng phó với những vấn đề toàn cầu: Thực trạng và triển vọng”. *Tạp chí Cộng sản*, số 1.009(3-2023): 99-104.
5. Vũ Khoan. 2016. *Vài ngón nghề ngoại giao*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Trần Quang Lâm và Nguyễn Khắc Thân. 1999. *Hội nhập kinh tế Việt Nam ASEAN những đặc trưng, kinh nghiệm và giải pháp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội.
7. Vũ Dương Ninh và các tác giả. 2004. *Việt Nam - ASEAN quan hệ đa phương và song phương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
8. Nguyễn Phú Trọng. 2021. “Xây dựng và phát triển nền kinh tế đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại”. *Nghiên cứu quốc tế*, số 4(127) 12-2021: 7-26.
9. Lê Hoài Trung. 2025. “Đối ngoại đa phương góp phần đẩy mạnh hội nhập, tăng cường sức mạnh đất nước”. *Bộ Ngoại giao Việt Nam*. Truy cập 25/11/2025.
<https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/-doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-tang-cuong-suc-manh-dat-nuoc--140.html>.
10. Đặng Cẩm Tú và Nguyễn Việt Lâm. 2017. “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương vào thực tiễn Việt Nam”. *Tạp chí Cộng sản*, số 899 (9-2017): 42-47.
11. Nguyễn Minh Vũ. 2025. “Đổi mới tư duy về đối ngoại, nhận thức về tình hình thế giới, khu vực và vị thế của Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. *Tạp chí Cộng sản*, số 1.065 (7-2025): 32-39.

ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG TRƯỚC CÁC CƠ CHẾ ĐA PHƯƠNG

Thiếu tướng, GS.TS Nguyễn Hồng Quân *

Tóm tắt: Bài viết khái quát thành quả đối ngoại quốc phòng đa phương Việt Nam chuyển từ hội nhập, tham gia sang chủ động đóng góp và định hình quy tắc tại các cơ chế đa phương. Đồng thời kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả đối ngoại quốc phòng đa phương trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Đối ngoại quốc phòng đa phương, Chủ động, Tích cực.

Khái niệm Đối ngoại quốc phòng đa phương

Đối ngoại quốc phòng đa phương là hoạt động hợp tác quốc phòng của quân đội quốc gia trong khuôn khổ các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế, nhằm góp phần định hình trật tự an ninh khu vực và toàn cầu, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống mang tính xuyên quốc gia. Các hoạt động chính của đối ngoại quốc phòng đa phương là tham gia các diễn đàn nhằm phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương như Liên Hợp Quốc và ASEAN; đóng góp vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, thể hiện trách nhiệm quốc tế; tham gia các sự kiện như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM) và ADMM Mở rộng (ADMM+) để tăng cường hợp tác và đối phó với các thách thức an ninh chung; hợp tác xử lý hậu quả chiến tranh, xử lý bom mìn và chất độc da cam.

Trong khi đó, đối ngoại quốc phòng song phương là hoạt động hợp tác giữa một quân đội với từng quốc gia riêng lẻ trong lĩnh vực quốc phòng, nhằm củng cố sự tin cậy chiến lược, giải quyết các vấn đề song phương và thúc đẩy lợi ích quốc gia. Các hoạt động chủ yếu là trao đổi đoàn cấp cao; cơ chế đối thoại và tham vấn

* Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam

các vấn đề an ninh cùng quan tâm; hợp tác đào tạo và huấn luyện nâng cao năng lực cho quân đội thông qua các chương trình huấn luyện, trao đổi học viên; thúc đẩy chuyển giao công nghệ và sản xuất vũ khí trang bị; giao lưu biên giới, tăng cường đoàn kết và hợp tác giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới.

1. Vai trò đối ngoại quốc phòng Việt Nam trong các cơ chế đa phương

Trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, vai trò của đối ngoại quốc phòng Việt Nam ngày càng trở nên quan trọng, góp phần bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" bằng các biện pháp hòa bình, đồng thời nâng cao vị thế và uy tín quốc gia.

1.1. Chủ động tham gia, định hình các thể chế an ninh khu vực

1.1.1. Hợp tác quốc phòng ASEAN: Việt Nam đóng vai trò tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong các cơ chế hợp tác quốc phòng của ASEAN, như Hội nghị ADMM và Hội nghị ADMM+. Việc tiếp tục tham gia và nâng cao hiệu quả các diễn đàn này giúp Việt Nam tăng cường đối thoại, xây dựng lòng tin, và phối hợp giải quyết các vấn đề an ninh chung với các nước trong và ngoài khu vực.

1.1.2. Tham gia các cơ chế đa phương: Tiếp tục tham gia các cơ chế đối thoại đa phương như Đối thoại Shangri – La (do Viện Nghiên cứu Chiến lược quốc tế (IISS) chủ trì), Diễn đàn Hương Sơn, Bắc Kinh (do Bộ Quốc phòng Trung Quốc chủ trì), Diễn đàn An ninh quốc tế Mockba (do Hội đồng An ninh Liên bang Nga chủ trì). Bên cạnh đó, Việt Nam tích cực mở rộng tham gia các Diễn đàn Đối thoại quốc phòng do các quốc gia khu vực đăng cai, như Diễn đàn Quốc phòng Tokyo (Nhật Bản), Đối thoại quốc phòng Seoul (Hàn Quốc), Đối thoại Quốc phòng Jakarta (Indonesia), Diễn đàn Quốc phòng Putrajaya (Malaysia)... Đây là các diễn đàn quan trọng trong lĩnh vực an ninh khu vực và toàn cầu, thường thu hút, quy tụ các đại diện cấp cao từ khá đông đảo quốc gia, các tổ chức đa phương, các tổ chức quốc tế. Các diễn đàn đối thoại này thể hiện mong muốn tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh khu vực. Quốc gia tham gia có thể khẳng định vai

trò của mình như một trong những nhân tố chủ chốt trong khu vực và trên trường quốc tế. Nội dung đối thoại tại các diễn đàn này cũng phong phú, đa dạng, bao gồm các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống... Việc Quân đội nhân dân Việt Nam tích cực tham gia thảo luận các chủ đề này với sự tham gia của đại diện các quốc gia khác nhau góp phần vào việc phát triển các cách tiếp cận chung để giải quyết các thách thức toàn cầu và tăng cường hòa bình, ổn định khu vực và quốc tế, thể hiện trách nhiệm của một thành viên cộng đồng quốc tế.

1.2. Xây dựng lòng tin chiến lược và ngoại giao phòng ngừa

1.2.1. Đối thoại chiến lược: Bên cạnh các diễn đàn đối thoại đa phương trên, Quân đội nhân dân Việt Nam còn được mời tham gia hầu hết các diễn đàn quốc phòng khu vực do Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Hoa Kỳ (USINDOPACOM) chủ trì, phối hợp với quân đội các quốc gia khu vực đồng tổ chức, như Hội nghị Tư lệnh Lục quân Thái Bình Dương, Diễn đàn Hải quân Tây Thái Bình Dương, Hội nghị Quân y Tây Thái Bình Dương... Ngoài các diễn đàn trên, Quân đội nhân dân Việt Nam còn được mời tham gia các cuộc đối thoại do Quân đội Ấn Độ, Australia, Sri Lanka... chủ trì. Thông qua các diễn đàn đa phương này, Việt Nam chủ động đối thoại với các quốc gia khác để xây dựng lòng tin chiến lược, giảm thiểu nguy cơ xung đột, tăng cường hợp tác trong phạm vi phù hợp với khả năng của Việt Nam và ngăn ngừa các hành động gây bất ổn.

1.2.2. Đóng góp vào hòa bình khu vực và thế giới: Chính sách quốc phòng của Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ¹. Tham gia đối ngoại quốc phòng đa phương, Quân đội nhân dân Việt Nam làm rõ chủ trương không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Chúng ta đã và tiếp tục làm rõ với các đối tác: liên minh quân sự không phải là giải pháp tối ưu

¹ Bộ Quốc phòng (2019), Quốc phòng Việt Nam 2019, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.25.

trong bảo vệ độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ quyền và lợi ích quốc gia - dân tộc là thiêng liêng và tối cao, không thể phó thác hoàn toàn cho bên ngoài, dù đó là một đồng minh cường quốc; không tham gia liên minh quân sự sức mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là sức mạnh nội lực của dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại, sức mạnh của độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Cho nên Việt Nam bảo vệ Tổ quốc bằng chính bản lĩnh, trí tuệ, thực lực, sức mạnh nội sinh của đất nước, kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; không thể dựa vào bất kỳ liên minh quân sự nào, càng không thể trông chờ vào nước ngoài. Các đối tác nước ngoài như Thái Lan đánh giá cao chính sách quốc phòng “bốn không” của Việt Nam, cho rằng chính sách này thiết thực đóng góp vào hòa bình, an ninh, ổn định và phát triển, không chỉ trong khu vực mà còn trên toàn thế giới¹.

1.3. Tăng cường năng lực hội nhập và nâng cao vị thế quốc gia

1.3.1. Tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc thể hiện trách nhiệm và đóng góp vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc duy trì hòa bình, an ninh. Kể từ năm 2014, Quân đội nhân dân Việt Nam đã cử trên 1.100 lượt quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình tại các phái bộ của Liên Hợp Quốc. Tháng 6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, trong đó cho phép các tổ chức, cá nhân được tham gia các hoạt động theo yêu cầu của Ban Thư ký Liên hợp quốc. Như vậy, Việt Nam tham gia vào các hoạt động này để duy trì và bảo vệ hòa bình thế giới, thể hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình của đất nước và góp phần nâng cao uy tín, vị thế quốc tế.

Việt Nam đẩy mạnh hợp tác trong *các lĩnh vực an ninh phi truyền thống* như cứu trợ thảm họa, cứu nạn, an ninh hàng hải, chống khủng bố, an ninh mạng. Điều này giúp nâng cao năng lực ứng phó của quân đội, đồng thời tăng cường hợp tác và

¹ Đại tướng quân đội Thái Lan đánh giá cao chính sách quốc phòng "4 không" của Việt Nam, *Lao Động*, ngày 04/07/2025, <https://laodong.vn/thoi-su/dai-tuong-quan-doi-thai-lan-danh-gia-cao-chinh-sach-quoc-phong-4-khong-cua-viet-nam-1535135.lao>.

phối hợp với các nước khác. Năm 2023, Bộ Quốc phòng cử lực lượng tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thảm họa động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ; năm 2025, tham gia cứu nạn do động đất tại Myanmar, nhận được nhiều đánh giá tích cực từ Liên Hợp Quốc, nhân dân Myanmar, cộng đồng quốc tế¹. Thời gian tới, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống thông qua các diễn đàn, hội nghị quốc tế, và các chương trình hợp tác song phương, đa phương, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN.

1.4. Kết hợp đối ngoại quốc phòng đa phương với song phương

Việt Nam kết hợp hài hòa đối ngoại quốc phòng đa phương với đối ngoại quốc phòng song phương, cho phép tận dụng hiệu quả các kênh hợp tác để đạt được lợi ích quốc gia, đồng thời khẳng định chủ trương đối ngoại rộng mở, giúp Việt Nam củng cố vị thế, nâng cao sức mạnh quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Việt Nam sử dụng các mối quan hệ song phương chặt chẽ để tập hợp sự ủng hộ, thúc đẩy các sáng kiến tại các diễn đàn đa phương; chú trọng xây dựng quan hệ tốt đẹp với các nước lớn có thể giúp Việt Nam nhận được sự hỗ trợ trong việc tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, hoặc hợp tác xử lý hậu quả chiến tranh. Ngược lại, Quân đội ta tham gia các diễn đàn đa phương để tạo cơ hội gặp gỡ, trao đổi và xây dựng lòng tin với các đối tác song phương. Kết hợp giữa đối ngoại đa phương với đối ngoại song phương giúp chúng ta kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia-dân tộc với trách nhiệm quốc tế; đồng thời, củng cố vị thế và tiếng nói trên trường quốc tế, duy trì được mối quan hệ tốt với các đối tác truyền thống.

Đối ngoại đa phương mở rộng, càng có điều kiện làm sâu sắc quan hệ với nhiều đối tác khác, tận dụng sức mạnh chung để giải quyết các vấn đề an ninh phức tạp; củng cố lòng tin, giảm thiểu xung đột và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, duy trì

¹ Hoàng Xuân Chiến (2025), Hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, *Tạp chí Công sản*, ngày 26/5/2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1087802/view_content

môi trường hòa bình để phát triển; đồng thời nâng cao vị thế quốc tế của đất nước và Quân đội, thể hiện vai trò tích cực và có trách nhiệm của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

1.5. Một vài thách thức đối với đối ngoại đa phương trong bối cảnh mới

Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, đối ngoại quốc phòng đa phương của Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức từ những biến động phức tạp và khó lường của tình hình khu vực và thế giới, như cạnh tranh kinh tế khốc liệt, nguy cơ tụt hậu, bất ổn an ninh phi truyền thống, các vấn đề môi trường toàn cầu, sự xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc.

Hợp tác quốc phòng là một lĩnh vực nhạy cảm, do đó, việc xây dựng và củng cố lòng tin với các đối tác đòi hỏi sự khéo léo và nỗ lực không ngừng. Với những nỗ lực không ngưng nghỉ, đối ngoại quốc phòng đa phương của Việt Nam trong những năm qua đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời xây dựng một môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả đối ngoại quốc phòng đa phương trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh mới, nhiệm vụ xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng đặt ra yêu cầu mới ngày càng cao. Để nâng cao hiệu quả và phát huy vai trò của đối ngoại quốc phòng đa phương, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới, cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

Một là, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc nói chung, hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng nói riêng. Đây vừa là giải pháp

quan trọng có tính quyết định, vừa là yêu cầu trong lãnh đạo, quản lý nhiệm vụ kết hợp giữa ngoại giao với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Thường xuyên quán triệt và thực hiện tốt nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào thực tiễn nhiệm vụ tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ hợp tác theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Xác định độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế là vấn đề quan trọng hàng đầu trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Gắn hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng với chiến lược tổng thể của đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, chủ động hóa giải, xử lý từ sớm, từ xa nguy cơ xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xây dựng lòng tin, tận dụng hiệu quả biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Mặt khác, cần kiên định chính sách quốc phòng “bốn không” trong quan hệ quốc tế.

Hai là, tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng đa phương và song phương cần là kênh để vừa hợp tác, vừa đấu tranh, góp phần ngăn ngừa nguy cơ xung đột, chiến tranh, giảm thiểu thách thức an ninh phi truyền thống, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; tăng cường mở rộng quan hệ quốc phòng - an ninh với các quốc gia, tổ chức và định chế quốc tế, bảo đảm các mối quan hệ đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả; gia tăng mức độ gắn kết lợi ích chiến lược, nâng cao vị thế của đất nước và Quân đội, khai thác hiệu quả nguồn lực bên ngoài để củng cố thể và lực của nền quốc phòng toàn dân; kiến tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập toàn diện của đất nước trên các lĩnh vực khác; duy trì môi trường quốc tế ổn định và thuận lợi cho công cuộc xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực đóng góp vào bảo vệ hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung của khu vực và thế giới.

Ba là, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng đa phương và song phương, xây dựng lòng tin, tạo thế cân bằng chiến lược, tránh đối đầu và không để bị lôi kéo vào cạnh tranh chiến lược, tập hợp lực lượng của các cường quốc. Tiếp tục củng cố, tăng cường và chủ động giải quyết quan hệ quốc phòng với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và bạn bè truyền thống, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Trong quá trình triển khai, phải kiên định các vấn đề mang tính nguyên tắc, như chủ quyền lãnh thổ, độc lập, tự chủ và lợi ích quốc gia, đồng thời linh hoạt trong cách ứng xử, chủ động trong xác định “đối tác” và “đối tượng” để vừa hợp tác, vừa đấu tranh, gia tăng hợp tác mà không dẫn đến xung đột hay đối đầu, tránh bị cô lập hoặc rơi vào tình thế phải “chọn phe”, “chọn bên”.

Bốn là, tiếp tục thúc đẩy và nâng tầm hợp tác và hội nhập quốc tế đa phương về quốc phòng theo tinh thần Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8-8-2018 của Ban Bí thư, “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”, chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ học hỏi sang dẫn dắt, từ hội nhập toàn diện sang hội nhập sâu rộng, thực chất và chủ động tham gia xây dựng, đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn hợp tác quốc phòng đa phương khu vực và quốc tế, coi đây là cơ hội để tăng cường hiểu biết, tin cậy, hợp tác giải quyết vấn đề phát sinh và phòng ngừa xung đột, thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực cũng như toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh tham gia vào hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, đồng thời kết hợp hài hòa lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực và quốc tế, góp phần bảo đảm sự ủng hộ quốc tế, đồng thời thể hiện vai trò, trách nhiệm của Quân đội nhân dân Việt Nam trong việc xử lý thách thức an ninh khu vực và toàn cầu; nâng cao vị thế và uy tín, lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam, chính

sách quốc phòng và hình ảnh, phẩm chất cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ” đến cộng đồng quốc tế.

Năm là, tham gia sâu rộng các hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương, tạo sự linh hoạt trong chính sách, điều chỉnh và ứng phó linh hoạt với các biến động của tình hình thế giới và khu vực. Nâng cao khả năng nắm bắt tình hình trước sự chuyển biến mau lẹ của thời cuộc; tham gia đóng góp xây dựng, hiệu quả vào các quy định chung liên quan an ninh quốc phòng khu vực và lợi ích của Việt Nam. Đặc biệt, tăng cường hợp tác quốc phòng đa phương để tránh phụ thuộc vào một đối tác duy nhất và tạo thế cân bằng trong quan hệ với các nước lớn. Trong bối cảnh mới, cần hết sức khôn khéo, linh hoạt, tránh rơi vào tình thế phụ thuộc vào bất kỳ nước lớn nào, bên nào.

Sáu là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng, trong đó có đối ngoại đa phương, để bảo đảm cao nhất yêu cầu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác phối hợp với cơ quan, lực lượng có liên quan, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị; trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong Quân đội và giữa các cơ quan, đơn vị Quân đội với cơ quan, lực lượng chức năng của ban, bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các Viện nghiên cứu quan hệ quốc tế trong nước, tạo sự thống nhất về nhận thức cũng như những cách thức triển khai chung.

Đất nước ta đang tự tin, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để tiếp tục phục vụ đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công tác đối ngoại quốc phòng đa phương phải tích cực, chủ động vươn lên tầm cao mới, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hoàng Xuân Chiến (2025), Hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 26/5/2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1087802/view_content
3. Đại tướng quân đội Thái Lan đánh giá cao chính sách quốc phòng "4 không" của Việt Nam, *Lao Động*, ngày 04/07/2025, <https://laodong.vn/thoi-su/dai-tuong-quan-doi-thai-lan-danh-gia-cau-chinh-sach-quoc-phong-4-khong-cua-viet-nam-1535135.ldo>

NHỮNG HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

TS. Trịnh Thị Hoa*, TS. Lê Quang Mạnh**

Tóm tắt: Bài viết đánh giá đối ngoại đa phương của Việt Nam, nêu thành tựu và hạn chế. Việt Nam đã tham gia chủ động các cơ chế đa phương, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia. Tuy nhiên còn những điểm yếu: dự báo chiến lược yếu trước biến động địa-chính trị; khai thác vai trò ASEAN chưa hiệu quả; hoạt động đa phương thiếu tính đồng bộ; chưa tận dụng được cơ chế đa phương cho phát triển; sự tham gia bộ, ngành, địa phương thiếu đồng bộ. Nguyên nhân gồm thiếu chuyên gia, cơ chế phối hợp liên ngành yếu và truyền thông chính sách kém. Bài rút ra bài học: tăng cường dự báo, vận dụng luật pháp quốc tế, hoàn thiện pháp luật, ưu tiên dẫn đầu chiến lược, phát huy NGO và giữ cân bằng quan hệ với nước lớn nhằm nâng cao hiệu quả.

Từ khoá: Đối ngoại đa phương; Dự báo chiến lược; Hợp tác ASEAN

Bước vào thế kỷ XXI, nền ngoại giao của Việt Nam đã bắt kịp xu thế hội nhập quốc tế của thời đại. Trong đó, tư duy về “nâng tầm” đối ngoại đa phương đã được Đảng và Nhà Nước Việt Nam vận dụng và triển khai hiệu quả. Đối ngoại đa phương của Việt Nam đã song hành cùng đối ngoại song phương, góp phần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đến thắng lợi mới. Việt Nam đã xây dựng được các khuôn khổ quan hệ đa phương ổn định, cùng có lợi, phù hợp với lợi ích của đất nước về lâu dài. Vai trò, vị thế của Việt Nam ngày càng được ghi nhận trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình mở rộng và nâng tầm đối ngoại đa phương, Việt Nam cần nhận

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Học viện Chính trị Công an nhân dân

diện đúng về những hạn chế trong hoạt động đối ngoại đa phương; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện đối ngoại đa phương để tiếp tục triển khai hoạt động này thành công trong thời gian tới.

1. Những hạn chế của đối ngoại đa phương Việt Nam

Thứ nhất, chưa lường hết được những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế ảnh hưởng tới hoạt động đối ngoại đa phương

Trong thời gian qua, thế giới chứng kiến những diễn biến khó lường bởi sự cạnh tranh giữa các nước lớn, xung đột, tranh chấp và bất ổn ở nhiều khu vực; gia tăng thách thức an ninh phi truyền thống... tác động đến chủ nghĩa đa phương và hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam.

Trong các cơ chế đa phương quốc tế và khu vực, các nước lớn đều coi đối ngoại đa phương là “sân chơi” hoặc dẫn dắt, hoặc là nơi “lãnh đạo tập thể” của những quốc gia hàng đầu. Tại các cơ chế này, nước lớn luôn xoay quanh và tập trung cạnh tranh ngôi vị, sẵn sàng cầm vận, phủ quyết đơn phương, hay chiến tranh kinh tế hoặc bắt tay thỏa hiệp vì lợi ích. Do đó, trong quá trình Việt Nam tham gia các cơ chế đa phương, đặc biệt là trong ASEAN và Liên hợp quốc với mục tiêu nhằm tạo đan xen lợi ích, tận dụng các thể chế đa phương này để bảo vệ tốt hơn lợi ích của Việt Nam vẫn còn chưa được như mong muốn.

Dự báo chiến lược trong các kỳ đại hội Đảng lần thứ XII và XIII tập trung vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương, song lại chưa dự báo kịp thời về khu vực châu Âu – Đại Tây Dương. Trên thực tế, trong 10 năm trở lại đây, khu vực châu Âu – Đại Tây Dương bất ổn hơn bao giờ hết: cách mạng màu, khủng bố quốc tế, ly khai khỏi tổ chức EU, chủ nghĩa phát xít mới, NATO mở rộng, sự phân tuyến sâu sắc từ sau cuộc chiến Nga - Ucraina,... đã cản trở không nhỏ đến đối ngoại đa phương của Việt Nam trong Liên hợp quốc (bày tỏ chính kiến – bỏ phiếu trắng trong các Nghị quyết lên án Nga và bỏ phiếu trống trong việc đình chỉ tư cách thành viên Hội đồng Nhân quyền của Nga năm 2022; quan hệ với P5, EU, đồng

minh của Mỹ; là “phép thử” đối với chính sách quốc phòng “bốn không” của Việt Nam...)

Thứ hai, chưa phát huy cao độ vai trò của đối ngoại đa phương trong cơ chế khu vực (ASEAN)

Trong những năm đầu mới gia nhập ASEAN, Việt Nam chưa bắt kịp hội nhập kinh tế trong “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN” và “Cộng đồng kinh tế ASEAN” (AEC). Thời điểm ASEAN tuyên bố thành lập mô hình “Cộng đồng ASEAN-2015”, với ba Cộng đồng hạt nhân, đặc biệt là vai trò “Cộng đồng kinh tế ASEAN” (AEC) trong việc ưu tiên thúc đẩy hợp tác nội khối, có lộ trình ưu đãi các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN, thì đối ngoại đa phương của Việt Nam trong ASEAN cũng chưa phát huy hết vai trò của mình trong việc kết nối và phổ biến các cơ hội từ AEC cho các doanh nghiệp Việt Nam. Năm 2015 là “năm doanh nghiệp”, cần sự đồng thuận từ Chính phủ tới các bộ, ngành với mục tiêu mở ra nhiều cơ hội hơn cho doanh nghiệp, song hệ thống thông tin từ Chính phủ chưa đáp ứng được; các cơ quan truyền thống và bộ, ban ngành chưa có chiến lược truyền thông rộng rãi. Đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu thông tin về ASEAN, nhất là khu vực tư nhân chưa thực sự nhận thức rõ ràng, đầy đủ về các yêu cầu, tác động thực sự của hội nhập. Người dân, thậm chí nhiều cán bộ cấp trung ương đến địa phương chưa quan tâm hội nhập trong ASEAN.

Theo khảo sát về chủ đề “Cộng đồng kinh tế ASEAN trong bối cảnh mới của thế giới và sự tham gia của Việt Nam” do trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện tại gần 700 doanh nghiệp vừa và nhỏ ở 5 tỉnh, thành là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, có tới 76% doanh nghiệp Việt Nam không biết và không hiểu gì về Cộng đồng kinh tế ASEAN, 94% doanh nghiệp không biết về nội dung đàm phán trong AEC; 63% doanh nghiệp không

hiểu gì về thách thức và cơ hội khi Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN¹.

Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động đối ngoại đa phương trong ASEAN của Việt Nam đang hạn chế trong hội nhập “Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN” (ASCC). Chưa kết nối, tuyên truyền rộng rãi về cam kết của Việt Nam trong “Tầm nhìn ASEAN -2025” đã trôi qua, nhưng các nội dung về: nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua các hoạt động hợp tác của họ hướng vào thân thiện với môi trường và phát triển bền vững trong ASEAN lại còn hạn chế. “Tầm nhìn ASEAN sau 2025” của ASCC tập trung vào khía cạnh con người, vào những nội dung thiết thực với người dân; thúc đẩy sự gắn kết người dân ASEAN như một mái nhà chung. Do đó, hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam cần phải chủ động, trách nhiệm và sáng tạo trong việc dẫn dắt thảo luận, thúc đẩy hợp tác và lồng ghép các mục tiêu khu vực vào định hướng phát triển quốc gia; nhanh chóng có một chiến lược, chương trình cụ thể cho từng nội dung này.

Thứ ba, đối ngoại đa phương chưa bắt kịp thời đại, chưa khai thác đồng bộ và toàn diện ở các lĩnh vực.

Quá trình đổi mới bắt đầu từ năm 1986, nhưng phải đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016), lần đầu tiên khái niệm “đối ngoại đa phương” mới chính thức được đề cập trong văn kiện Đảng và trở thành một định hướng chiến lược lớn “nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương”; Đại hội XIII (2021) nhấn mạnh: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương”².

Hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam chưa đồng bộ trên các lĩnh vực. Nếu như đối ngoại đa phương trên lĩnh vực kinh tế khá sôi nổi, thì ở lĩnh vực quốc phòng – an ninh còn nhiều hạn chế. Chẳng hạn giai đoạn đầu đổi mới, Bộ quốc

¹ <https://vov.vn/kinh-te/doanh-nghiep/76-doanh-nghiep-viet-nam-khong-biet-va-khong-hieu-ve-aec-404434.vov>

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.162

phòng chưa xây dựng được một chiến lược tổng thể như: lộ trình, nội dung cho từng giai đoạn và các chương trình hành động cụ thể; chưa xác định rõ lĩnh vực nào trong đối ngoại quốc phòng là ưu tiên, khu vực nào là trọng điểm ... Cùng với đó, đội ngũ cán bộ theo dõi, quản lý các hoạt động đối ngoại quốc phòng an ninh còn hạn chế; việc tham dự hội nghị, hội thảo và tập huấn đa phương ở nước ngoài của lực lượng quốc phòng – an ninh chưa kịp thời đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để làm cơ sở cho các hoạt động quốc phòng – an ninh tiếp theo. Công tác nghiên cứu đánh giá tình hình và dự báo chiến lược vẫn chưa được như mong muốn. Do đó hiệu quả đối ngoại quốc phòng đa phương chưa cao, chưa đồng bộ.

Mặc dù Việt Nam tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, Việt Nam có nhiều nỗ lực đưa những vấn đề mang tầm chiến lược gắn với lợi ích của Việt Nam như vấn đề Biển Đông vào trong các chương trình nghị sự do Việt Nam chủ trì như Liên hợp quốc, ASEAN..., song các vấn đề mới chỉ dừng lại ở chủ đề thảo luận ở những phiên cụ thể, chưa trở thành chủ đề thảo luận thường xuyên hay có sự đồng thuận cao về sự hưởng ứng lập trường của Việt Nam ở các cơ chế này. Lập trường và tiếng nói của Việt Nam của Việt Nam tại các diễn đàn khu vực vừa chịu ảnh hưởng từ lập trường chung của ASEAN, vừa bị tác động bởi quan điểm của nước lớn.

Đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương chủ yếu mới chỉ dừng lại ở các hoạt động bề nổi như tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo, đăng cai tổ chức một số hội nghị, hội thảo và góp phần kiện toàn các cơ chế hợp tác, chưa chủ động đưa ra sáng kiến khả thi khi tham gia một số diễn đàn. Bên cạnh đó, biên chế tổ chức, trang thiết bị phục vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của một bộ phận cán bộ làm công tác đối ngoại quốc phòng chưa ngang tầm với chức năng nhiệm vụ... Những bất cập, hạn chế đó đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động đối ngoại quốc phòng.

Việt Nam vẫn chưa khai thác được các cơ chế đa phương theo hướng có lợi cho đất nước trong các vấn đề an ninh phi truyền thống như: nguồn nước sông Mê Công, an ninh năng lượng, chống biến đổi khí hậu, an ninh mạng.... Do đó, mục tiêu đặt ra trong Chỉ thị 25-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 với mục tiêu *“nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước”¹ vẫn phải tiếp tục hơn nữa.*

Đối ngoại đa phương ở lĩnh vực văn hóa chưa cao, điển hình là trong cơ chế Liên hợp quốc. Sự tham gia cơ quan UNESCO của Việt Nam tại cơ chế Liên hợp quốc còn thiếu bài bản và kế hoạch tổng thể. Các nỗ lực gần đây vẫn tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu cụ thể (như bảo vệ di sản, thúc đẩy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững, cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thành viên) thay vì một chiến lược tổng thể dài hạn; Các hoạt động vẫn chưa được gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển quốc gia, dẫn đến việc lãng phí nguồn lực và bỏ lỡ cơ hội.

Thứ tư, chưa tận dụng hiệu quả khi tham gia các cơ chế đa phương cho mục tiêu phát triển

Đối ngoại đa phương của Việt Nam tại các cơ chế đa phương quốc tế chưa tận dụng hiệu quả những lợi ích từ các cơ chế này mang lại. Chẳng hạn, là thành viên của nhiều FTA, song khả năng tận dụng các FTA của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Các doanh nghiệp Việt Nam cần hiểu và vận dụng các luật lệ, quy định và chuẩn mực khu vực, quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới để tiếp cận vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án có thể làm “thay đổi trạng thái, xoay chuyển tình thế”, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt là các dự án vùng đồng bằng sông Cửu Long về vấn đề chống chịu biến đổi khí hậu vùng. Do đó, Chính phủ phải rà soát quy định về Thoả thuận và Điều ước

¹ <https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/-doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-tang-cuong-suc-manh-dat-nuoc--140.html>

quốc tế ký kết các thoả thuận đi vay, cải cách hiệu quả hơn nữa khi thực hiện phân cấp, phân quyền, minh bạch hóa nguồn vốn ODA để đạt được mục tiêu phát triển.

Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB... luôn giành cho các nước đang phát triển như Việt Nam cơ hội tiếp cận nguồn tài trợ trong thời gian dài, song công tác giải ngân vốn viện trợ còn chậm, hiệu quả chưa cao, tham nhũng trong quá trình quản lý vốn ODA còn khá phổ biến, thậm chí trở thành vấn nạn trong xã hội. Năm 2015, Ngân hàng thế giới “đã nhận tới 189 khiếu nại liên quan đến tham nhũng trong các dự án ở Việt Nam. Số vốn vay có liên quan tới các khiếu nại này của Việt Nam là 11,3 tỷ USD, đứng thứ 4 trong danh sách của WB”¹; “Một tỷ trọng lớn số tiền này được phân bổ trong các dự án phát triển hạ tầng kinh tế, như: giao thông, cảng biển, sân bay, hạ tầng đô thị... Đây thường là những dự án lớn, phức tạp về kỹ thuật, thực hiện trong thời gian dài với nhiều bên liên quan, vì thế dễ xảy ra các hành vi tham nhũng, gian lận”².

Trong cơ chế Liên hợp quốc, đối ngoại đa phương của Việt Nam về cơ bản được đánh giá là tiên phong trong thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ và Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc vào năm 2030 và “Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu”. Tuy nhiên sự phối hợp và thực hiện cam kết của Việt Nam đối với “Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu” và các cam kết với WHO, UNICEF và UNDP về vấn đề bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của biến đổi khí hậu và không để ai bị bỏ lại phía sau vẫn còn nhiều hạn chế (hệ thống y tế chưa đủ mạnh; khả năng chống chịu của người dân, đặc biệt là trẻ em còn yếu; công tác y tế lồng ghép cùng công tác ứng phó quốc gia đối với biến đổi khí hậu của Việt Nam chưa đồng bộ, ...). Trong khi Việt Nam đang phải “Báo cáo Đóng góp do Quốc gia Tự quyết định”- (NDC) tại Hội nghị Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (COP-30) tại Brazil từ 10 - 21 tháng 11 năm 2025. Hiện nay NDC mới ghi

¹ Dẫn theo Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt nam (2015), <https://kinhtevadubao.vn/nhuc-nhoi-tham-nhung-tai-cac-du-an-oda-9983.html>

² Dẫn theo Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt nam (2015), <https://kinhtevadubao.vn/nhuc-nhoi-tham-nhung-tai-cac-du-an-oda-9983.html>

nhận nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện chính sách pháp luật như : Luật bảo vệ môi trường -2020, Nghị định về giảm nhẹ phát thải nhà kính – 2022, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050 và Đề án triển khai kết quả COP26.

Thứ năm, sự tham gia của các bộ ngành và địa phương vào công tác đối ngoại còn chưa đồng đều.

Quá trình hợp tác đa phương trong các lĩnh vực được triển khai theo lộ trình của từng bộ, ban, ngành, địa phương, dẫn đến sự thiếu đồng bộ và gắn kết, đôi khi gây chồng chéo, lãng phí nguồn nhân lực. Việc thực hiện các cam kết tiêu chuẩn quốc tế trên một số lĩnh vực chưa theo kịp lộ trình. Một số bộ, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp còn thiếu chủ động trong triển khai, áp dụng cũng như nội luật hóa các cam kết, tiêu chuẩn, luật lệ quốc tế. Các cơ chế phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế còn bất cập. Thông tin về hội nhập quốc tế chưa phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân¹.

Trong khi các thành phố lớn chủ động trong việc kết nối các chương trình hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, du lịch, quy hoạch, ứng phó với môi trường, phát triển bền vững; chia sẻ trong các lĩnh vực quản lý đô thị, xây dựng thành phố thông minh, kết nối đầu tư, thương mại, du lịch liên vùng..., thì nhiều địa phương chưa thực sự chủ động, tích cực tìm ra giải pháp cho đối ngoại đa phương ở các lĩnh vực này.

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị địa phương hoạt động chưa đồng đều trong các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị. Đa số các tỉnh biên giới chú trọng các hoạt động đối ngoại đa phương thông qua kênh I - bảo vệ chủ quyền, an ninh trật tự của địa phương và quốc gia, trong khi một số địa phương khác chưa phát huy cao độ vai trò của đối ngoại nhân dân trong đối ngoại đa phương của Việt Nam.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.262

Về khách quan: tình hình thế giới chuyển biến khó lường, công tác tham mưu có lúc chưa theo kịp các diễn biến mới; vai trò của các thể chế đa phương phổ quát trên mặt các kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội đang có xu hướng giảm đi; các cơ chế mới theo hướng an ninh-chiến lược thì lại có xu hướng phân tuyến và phục vụ cạnh tranh chiến lược nước lớn; một số nước lớn đang sử dụng các cơ chế đa phương mới để tập hợp lực lượng và định hình luật chơi mới có lợi cho họ; ASEAN và Liên hợp quốc, các cơ chế tiểu vùng sông Mê công tiếp tục bị chia rẽ và khó đạt đồng thuận về một số lĩnh vực liên quan đến lợi ích cơ bản của Việt Nam, nhất là vấn đề biển Đông. Việc coi ASEAN như “công cụ” trong một số vấn đề bảo vệ lợi ích của Việt Nam trên biển Đông, tiểu vùng Mê Công gặp nhiều trở ngại.

Về chủ quan, chưa xây dựng được chiến lược tổng thể, dài hạn về phát huy vai trò của đối ngoại đa phương; đội ngũ cán bộ chuyên trách về đối ngoại đa phương chưa đủ mạnh, thiếu chuyên sâu, chưa đạt tầm chuyên gia, chủ yếu là kiêm nhiệm; cơ chế phối hợp liên ngành về công tác đối ngoại đa phương chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng, toàn diện; Nhận thức của cán bộ ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp còn chênh lệch, chưa đầy đủ...

3. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong đối ngoại đa phương

Thứ nhất, tăng cường nhận thức và củng cố, phát triển, đổi mới tư duy sâu sắc, toàn diện hơn nữa về ngoại giao đa phương.

Kịp thời quán triệt triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo mang tính định hướng của Đảng, trong đó có Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XII (2016); Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương”¹; Kết luận số 59-

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.162

KL-TW “Về định hướng tham gia ASEAN đến năm 2030”; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-01-2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới...

Thứ hai, ngoại giao đa phương dựa vào công cụ luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc.

Việt Nam thuộc nhóm các nước đang phát triển, tham gia đối ngoại đa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Do đó Việt Nam đã đề cao việc sử dụng công cụ pháp lý quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia và tham gia các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế.

Việt Nam quán triệt quan điểm chỉ đạo trong đối ngoại đa phương “Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”¹

Đối với vấn đề chủ quyền, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, Việt Nam dựa vào luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc làm cơ sở pháp lý để củng cố và bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Trong các vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn liên quan đến chủ quyền quốc gia (biên giới trên bộ, biển, đảo...), Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Đặc biệt, trong “vấn đề Biển Đông”, Việt Nam xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc, chủ trương “quốc tế hóa vấn đề Biển Đông”, chủ trương kiên quyết giải quyết các “vấn đề Biển Đông” trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), kiên trì con đường đối thoại hòa bình để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, kêu gọi việc hạn chế, loại trừ xung đột vũ trang, tạo môi trường hòa bình và điều kiện tốt nhất để bảo vệ lợi ích chiến lược của đất nước.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.110

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế thông qua các cơ chế đa phương. Trong các phiên đóng vai trò chủ trì ở các cơ chế đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, Việt Nam kêu gọi các quốc gia thành viên đề cao việc “Thúc đẩy việc tôn trọng, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và phổ quát của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế trong quan hệ quốc tế, nhất là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị - xã hội, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước... bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, bác bỏ hành vi cường quyền, áp đặt, gây căng thẳng và thù địch trong quan hệ quốc tế”¹.

Thứ ba, điều chỉnh hệ thống pháp luật để chủ động tham gia hoạt động đối ngoại đa phương

Việt Nam tham gia các tổ chức và hiệp định thương mại toàn cầu, như: WTO, ASEAN và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã đặt ra yêu cầu phải hiện đại hóa và điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp với các tiêu chuẩn thương mại và đầu tư quốc tế. Việt Nam sử dụng các hiệp định thương mại để tạo thuận lợi cho xuất khẩu, bảo vệ các ngành công nghiệp nội địa, và tham gia các cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng tương thích, phù hợp hơn với nội dung các điều ước quốc tế (các “luật chơi chung”) mà Việt Nam là thành viên – tạo điều kiện cho việc tham gia các “sân chơi chung” của cộng đồng quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại.

Tham gia WTO, Việt Nam đã thực hiện những cải cách quan trọng đối với luật thương mại, đầu tư và sở hữu trí tuệ để đáp ứng các yêu cầu gia nhập tổ chức này vào năm 2007. Hệ thống pháp luật của Việt Nam trở nên minh bạch và dễ dự đoán hơn. Đặc biệt, cải cách hệ thống luật pháp đã tập trung vào việc tuân thủ các chuẩn

¹ Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư, “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”

mức thương mại quốc tế, đáp ứng yêu cầu của “sân chơi đa phương minh bạch, đảm bảo tiêu chuẩn chung, công bằng”, đồng thời thu hút được đối tác bên ngoài. Hiện nay, Việt Nam tham gia CPTPP và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) cũng bắt buộc phải nghiêm túc sửa đổi, bổ sung nhiều quy định của pháp luật về lao động (như sửa đổi *Bộ luật Lao động* năm 2019) phù hợp với các tiêu chuẩn của ILO (cải thiện quyền của người lao động, quyền thành lập công đoàn độc lập...). Việt Nam tham gia 7/9 Điều ước quốc tế về nhân quyền của Liên hiệp quốc. Do đó, Việt Nam phải liên tục điều chỉnh khuôn khổ pháp lý của mình cho phù hợp với các chuẩn mực nhân quyền quốc tế.

Năm 2020, khi tham gia các cơ chế quản trị toàn cầu về môi trường và biến đổi khí hậu, Việt Nam đã thông qua *Luật Bảo vệ môi trường*: nội luật hóa các tiêu chuẩn môi trường quốc tế; nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý môi trường.

Thứ tư, xác định các cơ chế đa phương chiến lược có tầm ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam

Đại hội XIII, Việt Nam đã coi trọng các cơ chế đa phương ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng sông Mê Công. Trong “Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng”, Việt Nam chú trọng: ASEAN, tiểu vùng sông Mê Công, Liên hợp quốc, APEC... Đây là những cơ chế đa phương quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới chiến lược hội nhập quốc tế của Việt Nam. Tham gia các cơ chế đa phương, Việt Nam đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan trọng có tầm chiến lược phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể; chủ động tham gia xây dựng, định hình các cơ chế đa phương.

Tham gia cơ chế ASEAN, Việt Nam đã mở ra không gian rộng lớn hơn để có thể tham gia ngày càng sâu rộng, chủ động hơn, có thể đóng vai trò lớn hơn, đóng góp thực chất hơn, đồng thời phục vụ thiết thực với việc bảo vệ lợi ích quốc gia, tạo môi trường hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á. Kể từ khi gia nhập ASEAN

năm 1995, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng trường hợp tổ chức khu vực như ASEAN, coi đây là một cơ chế hợp tác đóng vai trò quyết định đến sự thành công, uy tín đối ngoại của quốc gia. Nhận thức này được đưa vào trong Văn kiện của các kỳ đại hội Đảng toàn quốc của Đảng cộng sản Việt Nam kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986) đến nay. Việt Nam đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào việc triển khai thực hiện các quyết định chung của ASEAN. Việt Nam tham gia triển khai đầy đủ và sâu rộng các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực chính trị- an ninh, văn hóa- xã hội và kinh tế cũng như chủ trì tổ chức các sự kiện có liên quan theo nghĩa vụ thành viên. Việt Nam là một trong số những nước đạt tỷ lệ thực thi cao các chương trình, biện pháp liên kết kinh tế của ASEAN. Ủng hộ “quốc tế hóa” trong vấn đề Biển Đông tại ASEAN

Tham gia Liên hợp quốc, Việt Nam kiên trì tư tưởng, đường lối nhất quán về đối ngoại của Đảng về hòa bình và phát triển là điều kiện căn bản để Việt Nam chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động chung của LHQ. Chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất trong hợp tác quốc tế về pháp luật. Gia tăng sự đan xen gắn kết lợi ích, mức độ tùy thuộc lẫn nhau về mọi mặt, kể cả trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh giữa Việt Nam với các đối tác.

Tích cực tham gia có hiệu quả vào cuộc đấu tranh của nhân dân và các tổ chức, các lực lượng tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hòa lợi ích quốc gia với quan tâm chung, tùy theo từng đối tượng, vấn đề, thời điểm cụ thể, phù hợp với luật pháp quốc tế và các nguyên tắc ứng xử tại khu vực, trên tinh thần lợi ích quốc gia - dân tộc là tối cao. Qua đó, xây dựng được hình ảnh một Việt Nam hòa bình, hòa hiếu, điềm đến thân thiện và tin cậy của đối tác quốc tế và nhân dân thế giới.

Tham gia APEC, Việt Nam định hướng “quốc tế hóa” trong vấn đề điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ, hoạt động và chương trình giáo dục... phù hợp với môi trường quốc tế, hướng tới việc tiếp cận thị trường rộng lớn hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập trong APEC.

Tham gia hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công, chủ động, tích cực trong các cơ chế hợp tác đa phương ở tiểu vùng sông Mê Công nội khối (Ủy hội sông Mê Công - MRC, Hợp tác kinh tế giữa ba dòng sông Ayeyawady-Chao Phraya-Mee Công ACMECS -, CLMV, CLV...). và ngoại khối (Ủy hội sông Mekong quốc tế (MRC), Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS), Sáng kiến Hạ nguồn Mekong (LMI) của Mỹ, Hợp tác Mekong-Nhật Bản (JMC), Mekong-Hàn Quốc (KMC), Hợp tác Mekong-Lan Thương.... Trong các cơ chế này, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong xây dựng các văn kiện, chương trình nghị sự của các hội nghị, giúp tạo đồng thuận chung đưa ra nhận định chính xác, kịp thời về những đặc trưng nổi bật của môi trường phát triển và các đối tác thành viên và các đối tác bên ngoài của tiểu vùng sông Mê Công, từ đó giúp định vị vai trò, khả năng phát huy đối ngoại đa phương của Việt Nam trong từng cơ chế.

Chẳng hạn, trong cơ chế ACMECS, Việt Nam xác định sứ mệnh mới là xây dựng một cộng đồng các nước Mê Công đoàn kết, vững mạnh và phát triển bền vững. Việt Nam đã có những đóng góp rất cụ thể, thiết thực cho các cơ chế hợp tác. Tại Hội nghị Cấp cao ACMECS lần thứ 10 (11/2024), Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã công bố việc Việt Nam sẽ đóng góp 10 triệu USD cho Quỹ Phát triển ACMECS nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế, phát triển hạ tầng và giải quyết các thách thức chung tại tiểu vùng.

Với cơ chế CLMV, Việt Nam chú trọng tạo đột phá trên cơ sở phát huy nội lực kết hợp ngoại lực và đoàn kết vượt qua khó khăn tiếp tục triển khai chương trình học bổng, tiếp nhận sinh viên các nước Campuchia, Lào, Myanmar sang học tập, nghiên cứu tại Việt Nam.

Thứ năm, coi trọng vai trò toàn cầu của các NGO

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, các tổ chức NGO ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong đời sống quan hệ quốc tế. Đặc biệt, các NGO đang góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững, giảm nghèo, tham gia xây dựng chính sách, bảo đảm quyền con người, xây dựng quan hệ thương mại bình đẳng giữa các nước trên thế giới. Lợi thế của các NGO trong các hoạt động nhân đạo vừa là thuận lợi, cũng là thách thức đối với chính phủ các quốc gia, ảnh hưởng sâu sắc tới an ninh tư tưởng và an toàn trật tự xã hội.

Nhận thức tầm quan trọng của NGO, trong đối ngoại đa phương, Việt Nam đã coi trọng vai trò của NGO, chủ động mở rộng quan hệ với các NGO trong và ngoài nước, đặc biệt là các NGO nước ngoài tại Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ đối ngoại đa phương, nâng cao hình ảnh, vị thế đất nước, đồng thời, tranh thủ các nguồn lực trong xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, thông qua việc kiểm soát được các hoạt động của NGO nước ngoài tại Việt Nam, đảm bảo an ninh tư tưởng và an ninh trật tự trong nước. Ngăn chặn được sự câu kết của các đối tượng thù địch trong nước và nước ngoài chống phá Việt Nam về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, thậm chí còn nhằm hướng tới một cuộc “cách mạng màu” ở Việt Nam, trực tiếp đe dọa đến an ninh quốc gia và lợi ích quốc gia - dân tộc

Thứ sáu, tạo dựng trạng thái cân bằng cao nhất ở mức có thể trong quan hệ với nước lớn và xây dựng môi trường trung gian hòa giải

Việt Nam tạo dựng trạng thái cân bằng trong các cơ chế đa phương bằng cách theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, luôn ưu tiên đối thoại thay vì đối đầu, và khéo léo cân bằng mối quan hệ với các nước lớn, vừa để khai thác lợi ích chung, vừa tranh thủ cơ chế đa phương để bày tỏ chính kiến, đấu tranh bảo vệ lợi ích cốt lõi của dân tộc.

Là thành viên trong các cơ chế đa phương, Việt Nam kiên trì nguyên tắc không ủng hộ dùng vũ lực, đề cao luật pháp quốc tế và duy trì quan điểm “không chọn bên” trong bối cảnh cạnh tranh, đối đầu gay gắt giữa các nước lớn. Trong Liên hợp quốc, Việt Nam là quốc gia duy nhất đã có quan hệ “đối tác chiến lược toàn diện” với cả P5, duy trì quan hệ tốt đẹp với các nước lớn khác, kể cả các đồng minh của Mỹ. Do đó, trong đối ngoại đa phương, Việt Nam đã không bị cô lập, mà vẫn nâng tầm vị thế quốc gia trong quan hệ quốc tế

Tích cực và chủ động sử dụng các diễn đàn, cơ chế khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo để tạo thuận lợi cho các đối tác là nước lớn tham gia và đóng góp vào việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải và hàng không trên Biển Đông. Năm 2010, với tư cách là nước Chủ tịch ASEAN, Việt Nam chủ trì Hội nghị cấp cao Đông Á, đã mời Nga và Mỹ tham gia). Việt Nam cũng đảm nhận thành công vai trò điều phối quan hệ ASEAN-Trung Quốc (2009-2012), ASEAN-EU (2012-2015), ASEAN-Ấn Độ (2015-2018) và ASEAN-Nhật Bản (2018-2021). Với sự năng động, nhạy bén, tích cực và uy tín ngày càng cao, cùng với mối quan hệ quốc tế rộng rãi của mình, Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại và hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài, đưa các quan hệ đối tác lên tầm cao mới và đi vào chiều sâu trên nhiều lĩnh vực như ASEAN +1, ASEAN+3, APEC, ASEM, Cấp cao Đông Á, G20, Liên Hợp Quốc.

Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị - xã hội của Việt Nam.

4. Kết luận

Có thể khẳng định, nền ngoại giao của Việt Nam đã bắt kịp xu thế hội nhập quốc tế của thời đại. Đối ngoại đa phương của Việt Nam đã song hành cùng đối ngoại song phương, góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh thành công, đối ngoại đa phương vẫn còn hạn chế nhất định: chưa lường hết được những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc; chưa khai thác đồng bộ và toàn diện ở các lĩnh vực; hiệu quả khi tham gia các cơ chế đa phương cho mục tiêu phát triển chưa cao; sự tham gia của các bộ ngành và địa phương vào công tác đối ngoại còn chưa đồng đều.

Quá trình triển khai đối ngoại đa phương, Việt Nam đã rút ra những kinh nghiệm để xây dựng được các khuôn khổ quan hệ đa phương ổn định, cùng có lợi, phù hợp với lợi ích của đất nước về lâu dài. Vai trò, vị thế của Việt Nam ngày càng được ghi nhận trong khu vực và trên thế giới. Đây là những kinh nghiệm tiếp tục được phát huy trong thời gian tới./.

NGOẠI GIAO VĂN HÓA ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

PGS,TS. Nguyễn Duy Bắc*

Tóm tắt: Đất nước Việt Nam sau 40 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặt nền tảng cho kỷ nguyên vươn lên hùng cường, thịnh vượng. Điều này tạo ra tiền đề, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới cho hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương. Bài viết tập trung phân tích cơ sở và gợi mở các giải pháp phát huy vai trò, hiệu quả của ngoại giao văn hóa đa phương trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Ngoại giao văn hóa đa phương, Việt Nam, Kỷ nguyên mới

1. Vị thế mới của đất nước và yêu cầu đặt ra đối với hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương

Vị thế mới của đất nước

Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nền kinh tế chủ yếu nông nghiệp, lạc hậu, nhỏ bé, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao và ổn định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó công nghiệp chế biến - chế tạo và khu vực dịch vụ phát triển nhanh. Quy mô nền kinh tế gia tăng nhanh chóng, GDP lọt top 35 thế giới, quy mô thương mại trong top 20 thế giới. Tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng giao thông, viễn thông, năng lượng được cải thiện đáng kể. Đồng thời, lĩnh vực xã hội ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng: tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và bền vững, không còn hộ đói; chất lượng giáo dục - đào tạo và y tế được nâng cao;

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hệ thống an sinh xã hội được mở rộng; tuổi thọ bình quân tăng đáng kể; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Song song với phát triển kinh tế - xã hội, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam trong gần 40 năm qua đã tăng lên mạnh mẽ. Từ một quốc gia bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới quan hệ đối ngoại rộng khắp với tất cả 195 quốc gia trên thế giới, trong đó có 14 quốc gia là đối tác *Chiến lược toàn diện*, đồng thời có quan hệ hữu nghị với tất cả các trung tâm kinh tế - chính trị lớn trên thế giới. Việt Nam trở thành thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế, tiêu biểu như Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), đồng thời tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, có vị thế đáng kể trong các cấu trúc hợp tác khu vực và toàn cầu. Uy tín của Việt Nam được khẳng định qua việc đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng như Chủ tịch ASEAN 2010 và 2020, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hai nhiệm kỳ (2008-2009 và 2020-2021) và nhiều thiết chế đa phương khác. Có thể khẳng định rằng thành tựu đối ngoại và vị thế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn đổi mới tạo nền tảng vững chắc để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới.

Sứ mệnh của ngoại giao văn hóa đa phương trong bối cảnh mới

Ngoại giao văn hóa đa phương là một hình thức ngoại giao văn hóa trong các thể chế đa phương (tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương), sử dụng văn hóa để thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại, góp phần thực hiện các mục tiêu của quốc gia. *Nội dung* hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương gồm: tuyên truyền quảng bá hình ảnh đất nước, các giá trị văn hóa dân tộc, đàm phán ký kết, hợp tác về văn hóa, duy trì mối liên kết văn hóa, tiếp thu văn hóa bên ngoài qua các cơ chế đa phương. *Hình thức* ngoại giao văn hóa đa phương gồm các hoạt động: thông tin đối ngoại về văn hóa, giao lưu văn hóa nghệ thuật, tổ chức hoạt động triển lãm, tổ chức ngày/tuần/tháng/năm văn hóa tại các tổ chức quốc tế, diễn đàn,

thiết chế đa phương. *Chủ thể* của ngoại giao văn hóa đa phương rất đa dạng, gồm nhà nước, người dân, doanh nghiệp, giới văn nghệ sĩ, nhưng quan trọng nhất là nhà nước. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong chỉ đạo, điều phối, triển khai thực hiện các hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương. So với ngoại giao văn hóa song phương, thì chủ thể nhà nước trong ngoại giao văn hóa đa phương càng nổi bật.

Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, ngoại giao văn hóa đa phương phải thực hiện sứ mệnh: góp phần trực tiếp thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm đưa Việt Nam từ một nước đang phát triển trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Để thực hiện mục tiêu chiến lược của quốc gia, ngoại giao văn hóa đa phương cần tranh thủ ngoại lực, phát huy nội lực, đẩy mạnh thu hút khách du lịch quốc tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phát triển ngành công nghiệp văn hóa; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách quốc tế, điểm hẹn của các sự kiện văn hóa, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và toàn cầu; nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, vị thế quốc tế.

2. Cơ sở của ngoại giao văn hóa đa phương trong kỷ nguyên mới

- Chủ nghĩa đa phương vẫn có vai trò quan trọng và tiếp tục phát triển

Hiện nay, sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, xu hướng bảo hộ gia tăng, chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa đơn phương nổi lên khiến không ít thể chế đa phương đối mặt với nhiều thách thức, một số cơ chế đa phương có thể giảm hiệu quả. Tuy vậy, chủ nghĩa đa phương vẫn chứng tỏ sức sống bền bỉ và tiếp tục phát triển, bởi nó vẫn là cơ chế cần thiết để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu và khu vực như biến đổi khí hậu, di dân xuyên biên giới, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, chủ nghĩa khủng bố - những vấn đề mà không quốc gia đơn lẻ nào có thể tự mình giải quyết.

Thực tế cho thấy nhiều tổ chức đa phương đang duy trì ảnh hưởng và mở rộng sự hợp tác. Liên hợp quốc vẫn là tổ chức quốc tế đa phương lớn nhất, có vị trí quan trọng, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, từ an ninh đến kinh tế, văn hóa, xã hội, phát

triển. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) vẫn mở rộng mạng lưới hợp tác văn hóa - giáo dục; Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) tiếp tục đề cao tinh thần đối thoại cởi mở và hợp tác bình đẳng; Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vẫn phát huy vai trò trung tâm của nhiều cơ chế đa phương quốc tế v.v... Việc các thể chế này duy trì hoạt động và tiếp tục mở rộng thành viên, đối tác cho thấy chủ nghĩa đa phương không suy yếu mà đang tái cấu trúc, điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh mới. Khi các tổ chức đa phương tiếp tục đề cao vai trò của giao lưu văn hóa, đối thoại liên văn hóa và bảo tồn di sản, Việt Nam có thêm nhiều không gian hành động để phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của mình.

- Vai trò của ngoại giao văn hóa ngày càng tăng

Văn hóa là một thành tố quan trọng của “sức mạnh mềm” quốc gia, được nhiều nước sử dụng như một công cụ chiến lược nhằm mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế. Thông qua ngoại giao văn hóa, các nước lớn mở rộng giá trị và ảnh hưởng đối với thế giới, các nước vừa và nhỏ cũng có thể quảng bá hình ảnh, lan tỏa giá trị, nâng cao vị thế, tiếng nói trên trường quốc tế. Các hoạt động ngoại giao văn hóa như giao lưu văn hóa, nghệ thuật...giúp tăng cường sự hiểu biết và giao lưu nhân dân. Sự kết nối về văn hóa còn thúc đẩy quan hệ chính trị và kinh tế, nhất là về du lịch. Có thể nói, ngoại giao văn hóa là động lực chính thúc đẩy du lịch quốc tế, biến du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng/ mũi nhọn của nhiều quốc gia. Ngoại giao văn hóa ngày càng được các quốc gia coi trọng. Đó cũng là tiền đề khách quan để Việt Nam tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa song phương và đa phương.

Đối với Việt Nam, văn hóa được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời là nguồn nội lực quan trọng của đất nước. Ngoại giao văn hóa là một nhiệm vụ chiến lược để phát huy sức mạnh mềm, xây dựng hình ảnh đất nước hòa bình, thân thiện, mến khách, năng

động và sáng tạo. Ngoại giao văn hóa (cùng với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế) được Đảng và nhà nước ta xác định là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Hiện nay cũng như trong thời gian tới, Việt Nam một mặt tiếp tục thực hiện *Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030*, đồng thời thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW (24/01/2025) của Bộ Chính trị về *Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*, trong đó có hội nhập quốc tế về văn hóa. Đặc biệt, cần lấy ngoại giao văn hóa thúc đẩy ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị.

- Việt Nam có nền văn hóa đa dạng, độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc

Văn hóa Việt Nam rất phong phú, đa dạng, độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc, được hình thành, phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử, có bản sắc riêng, với những giá trị truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần nhân nghĩa, trọng hòa hiếu, khoan dung, hài hòa. Nền văn hóa Việt Nam còn được tạo nên từ nền văn hóa của 54 tộc người (ethnic) cùng chung sống, nên rất sinh động, phong phú. Bên cạnh đó, mỗi vùng miền Bắc - Trung - Nam lại còn có những sắc thái riêng. Đồng thời, nền văn hóa Việt Nam cũng có sự giao lưu, tiếp xúc thường xuyên, rộng mở với bên ngoài như văn minh Phật giáo từ Ấn Độ, Nho giáo từ Trung Quốc, văn minh Kitô giáo từ phương Tây... Trong quá trình vận động, những yếu tố văn hóa bản địa đã tiếp biến với văn hóa ngoại lai tạo nên một nền văn hóa đa dạng, độc đáo, vừa có điểm chung với khu vực vừa có điểm riêng khác biệt.

Việt Nam có kho tàng văn hóa dân gian phong phú, lễ hội đặc sắc, tiêu biểu như múa rối nước, đồng thời có nhiều loại hình nghệ thuật như hát quan họ, ca trù, đờn ca tài tử hay nghệ thuật tuồng, chèo và có hệ thống di sản được UNESCO công nhận. Nhiều di sản văn hóa thế giới như Hoàng thành Thăng Long, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Quần thể Tràng An... đã trở thành biểu tượng văn hóa nổi bật. Những giá trị ấy tạo nên bản sắc riêng, vừa đậm chất Á Đông, vừa mang nét mềm mại, nhân văn đặc trưng riêng, tạo cho Việt Nam có “chất liệu” văn hóa phong phú để giao lưu và đối thoại văn hóa với thế giới.

Trong môi trường ngoại giao đa phương, yếu tố bản sắc của văn hóa Việt Nam sẽ góp phần tạo nên điểm nhấn, nổi bật giữa không gian đa quốc gia. Sự độc đáo này không chỉ là tài sản tinh thần của dân tộc mà còn là nền tảng, điểm tựa quan trọng để Việt Nam thúc đẩy ngoại giao văn hóa đa phương trong kỷ nguyên mới của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt chính là lợi thế cạnh tranh. Thế giới càng hội nhập, người ta càng tìm kiếm những giá trị độc đáo. Những di sản văn hóa UNESCO, những làng nghề truyền thống, những công trình kiến trúc, những nghệ thuật văn hóa dân gian. Tất cả tạo nên sức hấp dẫn riêng của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Điều này không chỉ giúp mở rộng hợp tác mà còn nâng cao khả năng ảnh hưởng trong các thiết chế đa phương, tiêu biểu như UNESCO, ASEAN.

- Chủ trương đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam

Khi đất nước Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn lên giàu mạnh, đối ngoại ngày càng được coi trọng. Cùng với quốc phòng, an ninh, đối ngoại trở thành nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”. Nghị quyết 59-NQ/TW đã xác định hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới là chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới¹. Điều đó cho thấy rằng, Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, sẵn sàng đóng góp nhiều hơn nữa vì sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

Ngoại giao văn hóa là một nội dung được Đảng chủ trương thúc đẩy. Đại hội XIII của Đảng (2021) nêu phương hướng xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, trong đó có nội dung “đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực khác”². Dự thảo các Văn kiện trình

¹ Tổng Bí thư Tô Lâm: “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, <https://baochinhphu.vn/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te-102250403103503168.htm>, truy cập ngày 10/5/2025.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb.Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tr.164.

Đại hội XIV của Đảng (2025) xác định: “Nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Phát huy hiệu quả các phương thức ngoại giao đa dạng, đặc biệt là ngoại giao cấp cao, ngoại giao chuyên ngành... Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hoá, quốc phòng, an ninh; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam”¹. Chủ trương đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương trong thời gian tới.

- Nền tảng ngoại giao đa phương sẵn có của Việt Nam

Trước hết, Việt Nam đã xây dựng được vị thế và uy tín đáng kể trong các tổ chức, thể chế đa phương, đặc biệt là trong khuôn khổ Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM... Việc tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm vào các diễn đàn quốc tế quan trọng đã giúp Việt Nam tạo dựng hình ảnh một quốc gia tin cậy, có trách nhiệm, tích cực và có tiếng nói. Bên cạnh các thể chế lớn, Việt Nam còn tham gia nhiều diễn đàn, hiệp định và chương trình quốc tế liên quan đến văn hóa, giáo dục, sáng tạo, giao lưu nhân dân, các mạng lưới bảo tồn di sản, các hợp tác song phương và đa phương về công nghiệp văn hóa. Từ nền tảng quan hệ đó, Việt Nam có nhiều cơ hội hơn để thúc đẩy các sáng kiến, chương trình hợp tác quốc tế về văn hóa, tăng cường sự hiện diện văn hóa Việt Nam trong đời sống quốc tế.

Nền tảng ngoại giao đa phương sẵn có không chỉ là mạng lưới quan hệ rộng lớn mà còn là sự trưởng thành về kinh nghiệm và bản lĩnh của đội ngũ ngoại giao Việt Nam. Qua nhiều nhiệm kỳ đảm nhiệm chức vụ trong các tổ chức quốc tế, tham gia vận động ủng hộ thành công vào các vị trí quan trọng như Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, Hội đồng Bảo an, Ủy ban Di sản Thế giới..., Việt Nam đã khẳng định khả năng đóng góp vào các vấn đề toàn cầu. Uy tín này mang lại lợi thế để Việt Nam thúc đẩy và bảo vệ các sáng kiến văn hóa, đồng thời tạo sự tin tưởng để các quốc gia và tổ chức quốc tế sẵn sàng hợp tác trong lĩnh vực văn hóa.

¹ Dự thảo các Văn kiện trình đại hội XIV của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2025, tr.37-38.

2. Gợi mở giải pháp thúc đẩy ngoại giao văn hóa đa phương

Một là, coi trọng hơn vai trò của ngoại giao văn hóa, thúc đẩy ngoại giao văn hóa tương xứng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, việc coi trọng vai trò của ngoại giao văn hóa và thúc đẩy phát triển ngoại giao văn hóa tương xứng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị trở thành yêu cầu khách quan đối với Việt Nam. Nếu ngoại giao chính trị tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định và củng cố quan hệ đối tác chiến lược, còn ngoại giao kinh tế mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và thúc đẩy hợp tác phát triển, thì ngoại giao văn hóa đóng vai trò xây dựng nền tảng niềm tin, hình ảnh và sức hấp dẫn lâu dài của quốc gia. Trong bối cảnh ngoại giao văn hóa càng có vai trò quan trọng đối với đời sống tinh thần, kinh tế, xã hội của quốc gia, thì việc đặt ngoại giao văn hóa ngang tầm với ngoại giao kinh tế và chính trị không chỉ giúp triển khai sức mạnh tổng hợp của đất nước mà còn tạo thế cân bằng giữa “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là, thúc đẩy ngoại giao văn hóa từ các kênh Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trên kênh Đảng, việc mở rộng quan hệ với các đảng chính trị trên thế giới giúp lan tỏa giá trị, bản sắc và hình ảnh Việt Nam dựa trên nền tảng niềm tin chính trị, sự tương đồng về mục tiêu phát triển và tinh thần đoàn kết quốc tế. Trên kênh Nhà nước, các Bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, cùng hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đóng vai trò định hướng chiến lược, triển khai các chương trình quảng bá văn hóa ở cấp song phương và đa phương. Trên kênh đối ngoại nhân dân, các hoạt động giao lưu văn hóa, kết nối cộng đồng người Việt ở nước ngoài, hợp tác giữa các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và giới nghệ sĩ trở thành lực lượng quan trọng giúp tạo dựng cầu nối hữu nghị, tăng cường sự hiểu biết và đồng cảm giữa các dân tộc. Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa ba kênh này tạo nên “thế trận ngoại giao văn hóa” toàn diện và rộng mở.

Ba là, thực hiện đường lối coi ngoại giao văn hóa là sự nghiệp của toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Ngoại giao văn hóa là quá trình phát huy tổng hợp sức mạnh mềm quốc gia, đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau. Ở cấp Trung ương, Đảng và Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, ban hành chính sách, xây dựng khung pháp lý, chỉ đạo liên ngành và đảm bảo sự thống nhất trong việc triển khai. Các bộ, ngành như Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình quảng bá hình ảnh quốc gia, phát triển thương hiệu văn hóa, xúc tiến các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa ở tầm quốc gia. Để ngoại giao văn hóa lan tỏa sâu rộng và hiệu quả, các địa phương, đặc biệt là những tỉnh thành lớn như Hà Nội, Ninh Bình, Quảng Ninh, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...có vai trò quan trọng. Sự phối hợp đồng bộ giữa Trung ương và địa phương, tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp ngoại giao văn hóa trở thành một trụ cột trong nền ngoại giao toàn diện của đất nước.

Bốn là, tích cực tham gia các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao, du lịch, các hội trợ, triển lãm quốc tế, liên hoan phim quốc tế; phấn đấu tạo dấu ấn, thành tích cao tại các hoạt động này. Việc tích cực tham gia các sự kiện văn hóa quốc tế lớn có ý nghĩa chiến lược trong việc nâng cao hình ảnh quốc gia và thúc đẩy sức mạnh mềm văn hóa. Thông qua sự hiện diện thường xuyên, liên tục, mạnh mẽ và có chất lượng tại các sân chơi quốc tế, Việt Nam không chỉ quảng bá bản sắc văn hóa độc đáo, di sản phong phú và vẻ đẹp thiên nhiên mà còn thể hiện tinh thần hội nhập chủ động, tự tin, qua đó lan tỏa hình ảnh một quốc gia thân thiện, hòa bình và giàu bản sắc. Đồng thời, việc phấn đấu đạt thành tích cao, tạo dấu ấn nổi bật tại các sự kiện này là cách thể hiện năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Những giải thưởng điện ảnh, các huy chương thể thao, hay các chương trình nghệ thuật được quốc tế đánh giá cao không chỉ mang lại vinh dự cho ngành văn hóa - thể thao - du lịch, mà còn có hiệu ứng lan

tỏa mạnh mẽ, góp phần củng cố uy tín của Việt Nam trong các thiết chế đa phương.

Năm là, chủ động đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao và các sự kiện chính trị của khu vực và thế giới. Tích cực tham gia các hoạt động này là một giải pháp then chốt nhằm thúc đẩy ngoại giao văn hóa đa phương trong kỷ nguyên mới, bởi lẽ các hoạt động đó luôn thu hút sự quan tâm chú ý mạnh mẽ của giới truyền thông quốc tế. Khi đứng ra tổ chức các hoạt động quy mô lớn như APEC, SEA Games, ASEAN Para Games, các lễ hội hoa, pháo hoa quốc tế, triển lãm quốc tế.v.v., Việt Nam không chỉ thể hiện năng lực tổ chức sự kiện chuyên nghiệp mà còn tạo ra không gian thuận lợi để quảng bá sâu rộng hình ảnh đất nước, con người và bản sắc văn hóa một cách sinh động, trực tiếp và thuyết phục. Khi là nước chủ nhà, Việt Nam có thể lồng ghép các hoạt động văn hóa vào cả các sự kiện quốc tế đa phương về nhiều lĩnh vực khác như kinh tế, quân sự, an ninh, môi trường... Và cần lồng ghép khéo léo để “làm cho mỗi hoạt động đối ngoại không chỉ có nội dung văn hóa sâu sắc mà còn trở thành một hoạt động văn hóa”¹. Tuy vậy, để được trở thành nước chủ nhà cho các sự kiện quốc tế lớn, Việt Nam cần phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ năng lực tổ chức từ cơ sở hạ tầng, đến dịch vụ hậu cần; duy trì môi trường chính trị ổn định, xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ và kỹ năng tổ chức sự kiện.

Sáu là, tiếp tục phát huy vai trò thành viên của các tổ chức đa phương về văn hóa, thể hiện tinh thần trách nhiệm, tích cực và chủ động cao. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là Việt Nam cần tiếp tục vận động UNESCO công nhận các danh hiệu di sản của Việt Nam để tạo tiền đề quảng bá và phát huy giá trị di sản. Mặt khác cần tăng cường vận động các tổ chức quốc tế, các thành viên trong UNESCO chia sẻ kinh nghiệm, chuyên giao tri thức, kỹ năng cho nước ta phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Bên cạnh đó, ngoại giao văn hóa đa phương của Việt

¹ Hà Anh, “Ngoại giao văn hóa – Nhân lên sức mạnh mềm Việt Nam”, <https://congluan.vn/ngoi-giao-van-hoa-nhan-len-suc-manh-mem-viet-nam-10200052.html>, ngày 29/1/2025.

Nam trong kỷ nguyên mới không chỉ dừng lại ở quảng bá hình ảnh quốc gia, mà còn gắn liền với việc tham gia định hình các quy tắc, diễn đàn, sáng kiến văn hóa quốc tế tại các cơ chế hợp tác văn hóa đa phương.

Bảy là, tăng cường kết nối hệ thống di sản Việt Nam với các di sản ở khu vực và trên phạm vi toàn cầu để phát triển kinh tế di sản. Đây là hướng đi tất yếu được nhiều quốc gia lựa chọn để phát huy giá trị, gia tăng sức sống của các di sản, nhất là các di sản được UNESCO công nhận. Giải pháp này rất cần thiết vì nó “vừa tạo ra lợi ích kinh tế, vừa bảo tồn và lan tỏa các giá trị đó một cách bền vững. Nguyên lý cốt lõi của phát triển kinh tế di sản là sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Nếu chỉ nhấn mạnh phát huy giá trị kinh tế, di sản có thể bị xuống cấp, biến dạng hoặc mai một. Ngược lại, nếu chỉ bảo tồn thuần túy mà không tìm cách phát huy giá trị, di sản có thể trở thành gánh nặng cho cộng đồng và nền kinh tế”¹. Để làm được điều này, trước hết cần số hóa các di sản, tạo ra một hệ sinh thái văn hóa số. Sử dụng công nghệ số để quảng bá, lan tỏa giá trị văn hóa di sản; gắn di sản với du lịch.

Tám là, xây dựng đội ngũ cán bộ cán bộ chuyên nghiệp làm việc ở các thể chế đa phương. Đây được xem là một giải pháp mang tính nền tảng để thúc đẩy hiệu quả ngoại giao văn hóa đa phương của Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Khi tham gia ngày càng sâu rộng vào các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, UNESCO, ASEAN, hay nhiều mạng lưới văn hóa toàn cầu, Việt Nam cần có những cán bộ đủ năng lực, am hiểu văn hóa dân tộc, thạo ngoại ngữ, giỏi kỹ năng đàm phán và có tư duy phát triển mang tầm quốc tế. Đội ngũ này không chỉ đại diện cho tiếng nói của Việt Nam trong các diễn đàn quan trọng mà còn là những người trực tiếp kiến tạo sáng kiến, thúc đẩy hợp tác văn hóa đa phương của Việt Nam.

¹ Nguyễn Xuân Thắng, “Phát triển kinh tế di sản – con đường hiện thực hóa mục tiêu kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển”, <https://dangcongsan.org.vn/hocvienchinhtri/tin-tuc-hoat-dong/-phat-trien-kinh-te-di-san-con-duong-hien-thuc-hoa-muc-tieu-ket-hop-hai-hoa-giua-bao-ton-va-phat-trien-.html>, ngày 29/7/2025.

Tóm lại, sau 40 năm đổi mới, thế và lực của đất nước được gia tăng mạnh mẽ, cùng những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi, ngoại giao văn hóa đa phương của Việt Nam đứng trước thời cơ và vận hội mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa toàn diện, ngoại giao văn hóa đa phương là công cụ quan trọng giúp Việt Nam nâng tầm ảnh hưởng và tạo dựng uy tín quốc gia. Cũng chính vì vậy, mà Việt Nam cần tích cực, chủ động, tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc./.

NHỮNG HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

TS. Trịnh Thị Hoa*

TS. Lê Quang Mạnh**

Bước vào thế kỷ XXI, nền ngoại giao của Việt Nam đã bắt kịp xu thế hội nhập quốc tế của thời đại. Trong đó, tư duy về “nâng tầm” đối ngoại đa phương đã được Đảng và Nhà Nước Việt Nam vận dụng và triển khai hiệu quả. Đối ngoại đa phương của Việt Nam đã song hành cùng đối ngoại song phương, góp phần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đến thắng lợi mới. Việt Nam đã xây dựng được các khuôn khổ quan hệ đa phương ổn định, cùng có lợi, phù hợp với lợi ích của đất nước về lâu dài. Vai trò, vị thế của Việt Nam ngày càng được ghi nhận trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình mở rộng và nâng tầm đối ngoại đa phương, Việt Nam cần nhận diện đúng về những hạn chế trong hoạt động đối ngoại đa phương; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện đối ngoại đa phương để tiếp tục triển khai hoạt động này thành công trong thời gian tới.

5. Những hạn chế của đối ngoại đa phương Việt Nam

Thứ nhất, chưa lường hết được những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế ảnh hưởng tới hoạt động đối ngoại đa phương

Trong thời gian qua, thế giới chứng kiến những diễn biến khó lường bởi sự cạnh tranh giữa các nước lớn, xung đột, tranh chấp và bất ổn ở nhiều khu vực; gia tăng thách thức an ninh phi truyền thống... tác động đến chủ nghĩa đa phương và hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam.

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Học viện Chính trị Công an nhân dân

Trong các cơ chế đa phương quốc tế và khu vực, các nước lớn đều coi đối ngoại đa phương là “sân chơi” hoặc dẫn dắt, hoặc là nơi “lãnh đạo tập thể” của những quốc gia hàng đầu. Tại các cơ chế này, nước lớn luôn xoay quanh và tập trung cạnh tranh ngôi vị, sẵn sàng cấm vận, phủ quyết đơn phương, hay chiến tranh kinh tế hoặc bắt tay thỏa hiệp vì lợi ích. Do đó, trong quá trình Việt Nam tham gia các cơ chế đa phương, đặc biệt là trong ASEAN và Liên hợp quốc với mục tiêu nhằm tạo đan xen lợi ích, tận dụng các thể chế đa phương này để bảo vệ tốt hơn lợi ích của Việt Nam vẫn còn chưa được như mong muốn.

Dự báo chiến lược trong các kỳ đại hội Đảng lần thứ XII và XIII tập trung vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương, song lại chưa dự báo kịp thời về khu vực châu Âu – Đại Tây Dương. Trên thực tế, trong 10 năm trở lại đây, khu vực châu Âu – Đại Tây Dương bất ổn hơn bao giờ hết: cách mạng màu, khủng bố quốc tế, ly khai khỏi tổ chức EU, chủ nghĩa phát xít mới, NATO mở rộng, sự phân tuyến sâu sắc từ sau cuộc chiến Nga - Ucraina,... đã cản trở không nhỏ đến đối ngoại đa phương của Việt Nam trong Liên hợp quốc (bày tỏ chính kiến – bỏ phiếu trắng trong các Nghị quyết lên án Nga và bỏ phiếu trống trong việc đình chỉ tư cách thành viên Hội đồng Nhân quyền của Nga năm 2022; quan hệ với P5, EU, đồng minh của Mỹ; là “phép thử” đối với chính sách quốc phòng “bốn không” của Việt Nam...)

Thứ hai, chưa phát huy cao độ vai trò của đối ngoại đa phương trong cơ chế khu vực (ASEAN)

Trong những năm đầu mới gia nhập ASEAN, Việt Nam chưa bắt kịp hội nhập kinh tế trong “Khu vực mậu dịch tự do ASEAN” và “Cộng đồng kinh tế ASEAN” (AEC). Thời điểm ASEAN tuyên bố thành lập mô hình “Cộng đồng ASEAN-2015”, với ba Cộng đồng hạt nhân, đặc biệt là vai trò “Cộng đồng kinh tế ASEAN” (AEC) trong việc ưu tiên thúc đẩy hợp tác nội khối, có lộ trình ưu đãi các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN, thì đối ngoại đa phương của Việt Nam trong

ASEAN cũng chưa phát huy hết vai trò của mình trong việc kết nối và phổ biến các cơ hội từ AEC cho các doanh nghiệp Việt Nam. Năm 2015 là “năm doanh nghiệp”, cần sự đồng thuận từ Chính phủ tới các bộ, ngành với mục tiêu mở ra nhiều cơ hội hơn cho doanh nghiệp, song hệ thống thông tin từ Chính phủ chưa đáp ứng được; các cơ quan truyền thông và bộ, ban ngành chưa có chiến lược truyền thông rộng rãi. Đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu thông tin về ASEAN, nhất là khu vực tư nhân chưa thực sự nhận thức rõ ràng, đầy đủ về các yêu cầu, tác động thực sự của hội nhập. Người dân, thậm chí nhiều cán bộ cấp trung ương đến địa phương chưa quan tâm hội nhập trong ASEAN.

Theo khảo sát về chủ đề “Cộng đồng kinh tế ASEAN trong bối cảnh mới của thế giới và sự tham gia của Việt Nam” do trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện tại gần 700 doanh nghiệp vừa và nhỏ ở 5 tỉnh, thành là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, có tới 76% doanh nghiệp Việt Nam không biết và không hiểu gì về Cộng đồng kinh tế ASEAN, 94% doanh nghiệp không biết về nội dung đàm phán trong AEC; 63% doanh nghiệp không hiểu gì về thách thức và cơ hội khi Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN¹.

Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động đối ngoại đa phương trong ASEAN của Việt Nam đang hạn chế trong hội nhập “Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN” (ASCC). Chưa kết nối, tuyên truyền rộng rãi về cam kết của Việt Nam trong “Tầm nhìn ASEAN -2025” đã trôi qua, nhưng các nội dung về: nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua các hoạt động hợp tác của họ hướng vào thân thiện với môi trường và phát triển bền vững trong ASEAN lại còn hạn chế. “Tầm nhìn ASEAN sau 2025” của ASCC tập trung vào khía cạnh con người, vào những nội dung thiết thực với người dân; thúc đẩy sự gắn kết người dân ASEAN như một mái nhà chung. Do đó, hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam cần phải chủ

¹ <https://vov.vn/kinh-te/doanh-nghiep/76-doanh-nghiep-viet-nam-khong-biet-va-khong-hieu-ve-aec-404434.vov>

động, trách nhiệm và sáng tạo trong việc dẫn dắt thảo luận, thúc đẩy hợp tác và lồng ghép các mục tiêu khu vực vào định hướng phát triển quốc gia; nhanh chóng có một chiến lược, chương trình cụ thể cho từng nội dung này.

Thứ ba, đối ngoại đa phương chưa bắt kịp thời đại, chưa khai thác đồng bộ và toàn diện ở các lĩnh vực.

Quá trình đổi mới bắt đầu từ năm 1986, nhưng phải đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016), lần đầu tiên khái niệm “đối ngoại đa phương” mới chính thức được đề cập trong văn kiện Đảng và trở thành một định hướng chiến lược lớn “nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương”; Đại hội XIII (2021) nhấn mạnh: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương”¹.

Hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam chưa đồng bộ trên các lĩnh vực. Nếu như đối ngoại đa phương trên lĩnh vực kinh tế khá sôi nổi, thì ở lĩnh vực quốc phòng – an ninh còn nhiều hạn chế. Chẳng hạn giai đoạn đầu đổi mới, Bộ quốc phòng chưa xây dựng được một chiến lược tổng thể như: lộ trình, nội dung cho từng giai đoạn và các chương trình hành động cụ thể; chưa xác định rõ lĩnh vực nào trong đối ngoại quốc phòng là ưu tiên, khu vực nào là trọng điểm ... Cùng với đó, đội ngũ cán bộ theo dõi, quản lý các hoạt động đối ngoại quốc phòng an ninh còn hạn chế; việc tham dự hội nghị, hội thảo và tập huấn đa phương ở nước ngoài của lực lượng quốc phòng – an ninh chưa kịp thời đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để làm cơ sở cho các hoạt động quốc phòng – an ninh tiếp theo. Công tác nghiên cứu đánh giá tình hình và dự báo chiến lược vẫn chưa được như mong muốn. Do đó hiệu quả đối ngoại quốc phòng đa phương chưa cao, chưa đồng bộ.

Mặc dù Việt Nam tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, Việt Nam có nhiều nỗ lực đưa những vấn đề mang tầm chiến lược gắn với lợi ích của

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.162

Việt Nam như vấn đề Biển Đông vào trong các chương trình nghị sự do Việt Nam chủ trì như Liên hợp quốc, ASEAN..., song các vấn đề mới chỉ dừng lại ở chủ đề thảo luận ở những phiên cụ thể, chưa trở thành chủ đề thảo luận thường xuyên hay có sự đồng thuận cao về sự hưởng ứng lập trường của Việt Nam ở các cơ chế này. Lập trường và tiếng nói của Việt Nam của Việt Nam tại các diễn đàn khu vực vừa chịu ảnh hưởng từ lập trường chung của ASEAN, vừa bị tác động bởi quan điểm của nước lớn.

Đối ngoại, hợp tác quốc phòng đa phương chủ yếu mới chỉ dừng lại ở các hoạt động bề nổi như tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo, đăng cai tổ chức một số hội nghị, hội thảo và góp phần kiện toàn các cơ chế hợp tác, chưa chủ động đưa ra sáng kiến khả thi khi tham gia một số diễn đàn. Bên cạnh đó, biên chế tổ chức, trang thiết bị phục vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của một bộ phận cán bộ làm công tác đối ngoại quốc phòng chưa ngang tầm với chức năng nhiệm vụ... Những bất cập, hạn chế đó đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động đối ngoại quốc phòng.

Việt Nam vẫn chưa khai thác được các cơ chế đa phương theo hướng có lợi cho đất nước trong các vấn đề an ninh phi truyền thống như: nguồn nước sông Mê Công, an ninh năng lượng, chống biến đổi khí hậu, an ninh mạng.... Do đó, mục tiêu đặt ra trong Chỉ thị 25-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 với mục tiêu *“nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước”¹ vẫn phải tiếp tục hơn nữa.*

Đối ngoại đa phương ở lĩnh vực văn hóa chưa cao, điển hình là trong cơ chế Liên hợp quốc. Sự tham gia cơ quan UNESCO của Việt Nam tại cơ chế Liên hợp quốc còn thiếu bài bản và kế hoạch tổng thể. Các nỗ lực gần đây vẫn tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu cụ thể (như bảo vệ di sản, thúc đẩy vai trò của văn hóa trong

¹ <https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/-doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-tang-cuong-suc-manh-dat-nuoc--140.html>

phát triển bền vững, cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thành viên) thay vì một chiến lược tổng thể dài hạn; Các hoạt động vẫn chưa được gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển quốc gia, dẫn đến việc lãng phí nguồn lực và bỏ lỡ cơ hội.

Thứ tư, chưa tận dụng hiệu quả khi tham gia các cơ chế đa phương cho mục tiêu phát triển

Đối ngoại đa phương của Việt Nam tại các cơ chế đa phương quốc tế chưa tận dụng hiệu quả những lợi ích từ các cơ chế này mang lại. Chẳng hạn, là thành viên của nhiều FTA, song khả năng tận dụng các FTA của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Các doanh nghiệp Việt Nam cần hiểu và vận dụng các luật lệ, quy định và chuẩn mực khu vực, quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới để tiếp cận vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án có thể làm “thay đổi trạng thái, xoay chuyển tình thế”, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt là các dự án vùng đồng bằng sông Cửu Long về vấn đề chống chịu biến đổi khí hậu vùng. Do đó, Chính phủ phải rà soát quy định về Thỏa thuận và Điều ước quốc tế ký kết các thỏa thuận đi vay, cải cách hiệu quả hơn nữa khi thực hiện phân cấp, phân quyền, minh bạch hóa nguồn vốn ODA để đạt được mục tiêu phát triển.

Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB... luôn giành cho các nước đang phát triển như Việt Nam cơ hội tiếp cận nguồn tài trợ trong thời gian dài, song công tác giải ngân vốn viện trợ còn chậm, hiệu quả chưa cao, tham nhũng trong quá trình quản lý vốn ODA còn khá phổ biến, thậm chí trở thành vấn nạn trong xã hội. Năm 2015, Ngân hàng thế giới “đã nhận tới 189 khiếu nại liên quan đến tham nhũng trong các dự án ở Việt Nam. Số vốn vay có liên quan tới các khiếu nại này của Việt Nam là 11,3 tỷ USD, đứng thứ 4 trong danh sách của WB”¹; “Một tỷ trọng lớn số tiền này được phân bổ trong các dự án phát triển hạ tầng kinh tế, như: giao thông, cảng biển, sân bay, hạ tầng đô thị... Đây thường là

¹ Dẫn theo Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt nam (2015), <https://kinhtevadubao.vn/nhuc-nhoi-tham-nhung-tai-cac-du-an-oda-9983.html>

những dự án lớn, phức tạp về kỹ thuật, thực hiện trong thời gian dài với nhiều bên liên quan, vì thế dễ xảy ra các hành vi tham nhũng, gian lận”¹.

Trong cơ chế Liên hợp quốc, đối ngoại đa phương của Việt Nam về cơ bản được đánh giá là tiên phong trong thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ và Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc vào năm 2030 và “Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu”. Tuy nhiên sự phối hợp và thực hiện cam kết của Việt Nam đối với “Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu” và các cam kết với WHO, UNICEF và UNDP về vấn đề bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của biến đổi khí hậu và không để ai bị bỏ lại phía sau vẫn còn nhiều hạn chế (hệ thống y tế chưa đủ mạnh; khả năng chống chịu của người dân, đặc biệt là trẻ em còn yếu; công tác y tế lồng ghép cùng công tác ứng phó quốc gia đối với biến đổi khí hậu của Việt Nam chưa đồng bộ, ...). Trong khi Việt Nam đang phải “Báo cáo Đóng góp do Quốc gia Tự quyết định”- (NDC) tại Hội nghị Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (COP-30) tại Brazil từ 10 - 21 tháng 11 năm 2025. Hiện nay NDC mới ghi nhận nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện chính sách pháp luật như : Luật bảo vệ môi trường -2020, Nghị định về giảm nhẹ phát thải nhà kính – 2022, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050 và Đề án triển khai kết quả COP26.

Thứ năm, sự tham gia của các bộ ngành và địa phương vào công tác đối ngoại còn chưa đồng đều.

Quá trình hợp tác đa phương trong các lĩnh vực được triển khai theo lộ trình của từng bộ, ban, ngành, địa phương, dẫn đến sự thiếu đồng bộ và gắn kết, đôi khi gây chồng chéo, lãng phí nguồn nhân lực. Việc thực hiện các cam kết tiêu chuẩn quốc tế trên một số lĩnh vực chưa theo kịp lộ trình. Một số bộ, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp còn thiếu chủ động trong triển khai, áp dụng cũng như nội luật hóa các cam kết, tiêu chuẩn, luật lệ quốc tế. Các cơ chế phòng ngừa, giải

¹ Dẫn theo Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt nam (2015), <https://kinhtevadubao.vn/nhuc-nhoi-tham-nhung-tai-cac-du-an-oda-9983.html>

quyết tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế còn bất cập. Thông tin về hội nhập quốc tế chưa phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân¹.

Trong khi các thành phố lớn chủ động trong việc kết nối các chương trình hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, du lịch, quy hoạch, ứng phó với môi trường, phát triển bền vững; chia sẻ trong các lĩnh vực quản lý đô thị, xây dựng thành phố thông minh, kết nối đầu tư, thương mại, du lịch liên vùng..., thì nhiều địa phương chưa thực sự chủ động, tích cực tìm ra giải pháp cho đối ngoại đa phương ở các lĩnh vực này.

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị địa phương hoạt động chưa đồng đều trong các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị. Đa số các tỉnh biên giới chú trọng các hoạt động đối ngoại đa phương thông qua kênh I - bảo vệ chủ quyền, an ninh trật tự của địa phương và quốc gia, trong khi một số địa phương khác chưa phát huy cao độ vai trò của đối ngoại nhân dân trong đối ngoại đa phương của Việt Nam.

6. Nguyên nhân của những hạn chế

Về khách quan: tình hình thế giới chuyển biến khó lường, công tác tham mưu có lúc chưa theo kịp các diễn biến mới; vai trò của các thể chế đa phương phổ quát trên mặt các kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội đang có xu hướng giảm đi; các cơ chế mới theo hướng an ninh-chiến lược thì lại có xu hướng phân tuyến và phục vụ cạnh tranh chiến lược nước lớn; một số nước lớn đang sử dụng các cơ chế đa phương mới để tập hợp lực lượng và định hình luật chơi mới có lợi cho họ; ASEAN và Liên hợp quốc, các cơ chế tiểu vùng sông Mê công tiếp tục bị chia rẽ và khó đạt đồng thuận về một số lĩnh vực liên quan đến lợi ích cơ bản của Việt Nam, nhất là vấn đề biển Đông. Việc coi ASEAN như “công cụ” trong một số vấn đề bảo vệ lợi ích của Việt Nam trên biển Đông, tiểu vùng Mê Công gặp nhiều trở ngại.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.262

Về chủ quan, chưa xây dựng được chiến lược tổng thể, dài hạn về phát huy vai trò của đối ngoại đa phương; đội ngũ cán bộ chuyên trách về đối ngoại đa phương chưa đủ mạnh, thiếu chuyên sâu, chưa đạt tầm chuyên gia, chủ yếu là kiêm nhiệm; cơ chế phối hợp liên ngành về công tác đối ngoại đa phương chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng, toàn diện; Nhận thức của cán bộ ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp còn chênh lệch, chưa đầy đủ...

7. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong đối ngoại đa phương

Thứ nhất, tăng cường nhận thức và củng cố, phát triển, đổi mới tư duy sâu sắc, toàn diện hơn nữa về ngoại giao đa phương.

Kịp thời quán triệt triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo mang tính định hướng của Đảng, trong đó có Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XII (2016); Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030; Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương”¹; Kết luận số 59-KL-TW “Về định hướng tham gia ASEAN đến năm 2030”; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-01-2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới...

Thứ hai, ngoại giao đa phương dựa vào công cụ luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc.

Việt Nam thuộc nhóm các nước đang phát triển, tham gia đối ngoại đa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Do đó Việt Nam đã đề cao việc sử dụng công cụ pháp lý quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia và tham gia các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.162

Việt Nam quán triệt quan điểm chỉ đạo trong đối ngoại đa phương “Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”¹

Đối với vấn đề chủ quyền, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, Việt Nam dựa vào luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc làm cơ sở pháp lý để củng cố và bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Trong các vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn liên quan đến chủ quyền quốc gia (biên giới trên bộ, biển, đảo...), Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Đặc biệt, trong “vấn đề Biển Đông”, Việt Nam xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc, chủ trương “quốc tế hóa vấn đề Biển Đông”, chủ trương kiên quyết giải quyết các “vấn đề Biển Đông” trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), kiên trì con đường đối thoại hòa bình để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông, kêu gọi việc hạn chế, loại trừ xung đột vũ trang, tạo môi trường hòa bình và điều kiện tốt nhất để bảo vệ lợi ích chiến lược của đất nước.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế thông qua các cơ chế đa phương. Trong các phiên đóng vai trò chủ trì ở các cơ chế đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, Việt Nam kêu gọi các quốc gia thành viên đề cao việc “Thúc đẩy việc tôn trọng, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản và phổ quát của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế trong quan hệ quốc tế, nhất là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị - xã hội, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước... bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, bác bỏ hành vi cường quyền, áp đặt, gây căng thẳng và thù địch trong quan hệ quốc tế”².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG Sự thật, H. 2021, tr.110

² Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư, “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”

Thứ ba, điều chỉnh hệ thống pháp luật để chủ động tham gia hoạt động đối ngoại đa phương

Việt Nam tham gia các tổ chức và hiệp định thương mại toàn cầu, như: WTO, ASEAN và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã đặt ra yêu cầu phải hiện đại hóa và điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp với các tiêu chuẩn thương mại và đầu tư quốc tế. Việt Nam sử dụng các hiệp định thương mại để tạo thuận lợi cho xuất khẩu, bảo vệ các ngành công nghiệp nội địa, và tham gia các cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Hệ thống pháp luật Việt Nam ngày càng tương thích, phù hợp hơn với nội dung các điều ước quốc tế (các “luật chơi chung”) mà Việt Nam là thành viên – tạo điều kiện cho việc tham gia các “sân chơi chung” của cộng đồng quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại.

Tham gia WTO, Việt Nam đã thực hiện những cải cách quan trọng đối với luật thương mại, đầu tư và sở hữu trí tuệ để đáp ứng các yêu cầu gia nhập tổ chức này vào năm 2007. Hệ thống pháp luật của Việt Nam trở nên minh bạch và dễ dự đoán hơn. Đặc biệt, cải cách hệ thống luật pháp đã tập trung vào việc tuân thủ các chuẩn mực thương mại quốc tế, đáp ứng yêu cầu của “sân chơi đa phương minh bạch, đảm bảo tiêu chuẩn chung, công bằng”, đồng thời thu hút được đối tác bên ngoài. Hiện nay, Việt Nam tham gia CPTPP và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) cũng bắt buộc phải nghiêm túc sửa đổi, bổ sung nhiều quy định của pháp luật về lao động (như sửa đổi *Bộ luật Lao động* năm 2019) phù hợp với các tiêu chuẩn của ILO (cải thiện quyền của người lao động, quyền thành lập công đoàn độc lập...). Việt Nam tham gia 7/9 Điều ước quốc tế về nhân quyền của Liên hiệp quốc. Do đó, Việt Nam phải liên tục điều chỉnh khuôn khổ pháp lý của mình cho phù hợp với các chuẩn mực nhân quyền quốc tế.

Năm 2020, khi tham gia các cơ chế quản trị toàn cầu về môi trường và biến đổi khí hậu, Việt Nam đã thông qua *Luật Bảo vệ môi trường*: nội luật hóa các tiêu

chuẩn môi trường quốc tế; nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý môi trường.

Thứ tư, xác định các cơ chế đa phương chiến lược có tầm ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam

Đại hội XIII, Việt Nam đã coi trọng các cơ chế đa phương ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng sông Mê Công. Trong “Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng”, Việt Nam chú trọng: ASEAN, tiểu vùng sông Mê Công, Liên hợp quốc, APEC... Đây là những cơ chế đa phương quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới chiến lược hội nhập quốc tế của Việt Nam. Tham gia các cơ chế đa phương, Việt Nam đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan trọng có tầm chiến lược phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể; chủ động tham gia xây dựng, định hình các cơ chế đa phương.

Tham gia cơ chế ASEAN, Việt Nam đã mở ra không gian rộng lớn hơn để có thể tham gia ngày càng sâu rộng, chủ động hơn, có thể đóng vai trò lớn hơn, đóng góp thực chất hơn, đồng thời phục vụ thiết thực với việc bảo vệ lợi ích quốc gia, tạo môi trường hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á. Kể từ khi gia nhập ASEAN năm 1995, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng trường hợp tổ chức khu vực như ASEAN, coi đây là một cơ chế hợp tác đóng vai trò quyết định đến sự thành công, uy tín đối ngoại của quốc gia. Nhận thức này được đưa vào trong Văn kiện của các kỳ đại hội Đảng toàn quốc của Đảng cộng sản Việt Nam kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986) đến nay. Việt Nam đóng góp tích cực và có trách nhiệm vào việc triển khai thực hiện các quyết định chung của ASEAN. Việt Nam tham gia triển khai đầy đủ và sâu rộng các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực chính trị- an ninh, văn hóa- xã hội và kinh tế cũng như chủ trì tổ chức các sự kiện có liên quan theo nghĩa vụ thành viên. Việt Nam là một trong số những nước đạt tỷ lệ thực thi cao các chương trình, biện pháp liên kết kinh tế của ASEAN. Ủng hộ “quốc tế hóa” trong vấn đề Biển Đông tại ASEAN

Tham gia Liên hợp quốc, Việt Nam kiên trì tư tưởng, đường lối nhất quán về đối ngoại của Đảng về hòa bình và phát triển là điều kiện căn bản để Việt Nam chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động chung của LHQ. Chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, nhằm tạo ra sự thay đổi về chất trong hợp tác quốc tế về pháp luật. Gia tăng sự đan xen gắn kết lợi ích, mức độ tùy thuộc lẫn nhau về mọi mặt, kể cả trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh giữa Việt Nam với các đối tác.

Tích cực tham gia có hiệu quả vào cuộc đấu tranh của nhân dân và các tổ chức, các lực lượng tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hòa lợi ích quốc gia với quan tâm chung, tùy theo từng đối tượng, vấn đề, thời điểm cụ thể, phù hợp với luật pháp quốc tế và các nguyên tắc ứng xử tại khu vực, trên tinh thần lợi ích quốc gia - dân tộc là tối cao. Qua đó, xây dựng được hình ảnh một Việt Nam hòa bình, hòa hiếu, điềm đến thân thiện và tin cậy của đối tác quốc tế và nhân dân thế giới.

Tham gia APEC, Việt Nam định hướng “quốc tế hóa” trong vấn đề điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ, hoạt động và chương trình giáo dục... phù hợp với môi trường quốc tế, hướng tới việc tiếp cận thị trường rộng lớn hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập trong APEC.

Tham gia hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công, chủ động, tích cực trong các cơ chế hợp tác đa phương ở tiểu vùng sông Mê Công nội khối (Ủy hội sông Mê Công - MRC, Hợp tác kinh tế giữa ba dòng sông Ayeyawady-Chao Phraya-Mee Công ACMECS -, CLMV, CLV...) và ngoại khối (Ủy hội sông Mekong quốc tế (MRC), Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS), Sáng kiến Hạ nguồn Mekong (LMI) của Mỹ, Hợp tác Mekong-Nhật Bản (JMC), Mekong-Hàn Quốc (KMC), Hợp tác Mekong-Lan Thương.... Trong các cơ chế này, Việt Nam đã có những đóng góp

quan trọng trong xây dựng các văn kiện, chương trình nghị sự của các hội nghị, giúp tạo đồng thuận chung đưa ra nhận định chính xác, kịp thời về những đặc trưng nổi bật của môi trường phát triển và các đối tác thành viên và các đối tác bên ngoài của tiểu vùng sông Mê Công, từ đó giúp định vị vai trò, khả năng phát huy đối ngoại đa phương của Việt Nam trong từng cơ chế.

Chẳng hạn, trong cơ chế ACMECS, Việt Nam xác định sứ mệnh mới là xây dựng một cộng đồng các nước Mê Công đoàn kết, vững mạnh và phát triển bền vững. Việt Nam đã có những đóng góp rất cụ thể, thiết thực cho các cơ chế hợp tác. Tại Hội nghị Cấp cao ACMECS lần thứ 10 (11/2024), Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã công bố việc Việt Nam sẽ đóng góp 10 triệu USD cho Quỹ Phát triển ACMECS nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế, phát triển hạ tầng và giải quyết các thách thức chung tại tiểu vùng.

Với cơ chế CLMV, Việt Nam chú trọng tạo đột phá trên cơ sở phát huy nội lực kết hợp ngoại lực và đoàn kết vượt qua khó khăn tiếp tục triển khai chương trình học bổng, tiếp nhận sinh viên các nước Campuchia, Lào, Myanmar sang học tập, nghiên cứu tại Việt Nam.

Thứ năm, coi trọng vai trò toàn cầu của các NGO

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, các tổ chức NGO ngày càng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong đời sống quan hệ quốc tế. Đặc biệt, các NGO đang góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững, giảm nghèo, tham gia xây dựng chính sách, bảo đảm quyền con người, xây dựng quan hệ thương mại bình đẳng giữa các nước trên thế giới. Lợi thế của các NGO trong các hoạt động nhân đạo vừa là thuận lợi, cũng là thách thức đối với chính phủ các quốc gia, ảnh hưởng sâu sắc tới an ninh tư tưởng và an toàn trật tự xã hội.

Nhận thức tầm quan trọng của NGO, trong đối ngoại đa phương, Việt Nam đã coi trọng vai trò của NGO, chủ động mở rộng quan hệ với các NGO trong và ngoài nước, đặc biệt là các NGO nước ngoài tại Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ đối

ngoại đa phương, nâng cao hình ảnh, vị thế đất nước, đồng thời, tranh thủ các nguồn lực trong xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, thông qua việc kiểm soát được các hoạt động của NGO nước ngoài tại Việt Nam, đảm bảo an ninh tư tưởng và an ninh trật tự trong nước. Ngăn chặn được sự câu kết của các đối tượng thù địch trong nước và nước ngoài chống phá Việt Nam về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, thậm chí còn nhằm hướng tới một cuộc “cách mạng màu” ở Việt Nam, trực tiếp đe dọa đến an ninh quốc gia và lợi ích quốc gia - dân tộc

Thứ sáu, tạo dựng trạng thái cân bằng cao nhất ở mức có thể trong quan hệ với nước lớn và xây dựng môi trường trung gian hòa giải

Việt Nam tạo dựng trạng thái cân bằng trong các cơ chế đa phương bằng cách theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, luôn ưu tiên đối thoại thay vì đối đầu, và khéo léo cân bằng mối quan hệ với các nước lớn, vừa để khai thác lợi ích chung, vừa tranh thủ cơ chế đa phương để bày tỏ chính kiến, đấu tranh bảo vệ lợi ích cốt lõi của dân tộc.

Là thành viên trong các cơ chế đa phương, Việt Nam kiên trì nguyên tắc không ủng hộ dùng vũ lực, đề cao luật pháp quốc tế và duy trì quan điểm “không chọn bên” trong bối cảnh cạnh tranh, đối đầu gay gắt giữa các nước lớn. Trong Liên hợp quốc, Việt Nam là quốc gia duy nhất đã có quan hệ “đối tác chiến lược toàn diện” với cả P5, duy trì quan hệ tốt đẹp với các nước lớn khác, kể cả các đồng minh của Mỹ. Do đó, trong đối ngoại đa phương, Việt Nam đã không bị cô lập, mà vẫn nâng tầm vị thế quốc gia trong quan hệ quốc tế

Tích cực và chủ động sử dụng các diễn đàn, cơ chế khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo để tạo thuận lợi cho các đối tác là nước lớn tham gia và đóng góp vào việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải và hàng không trên Biển Đông. Năm 2010, với tư cách là nước Chủ tịch ASEAN, Việt Nam chủ trì Hội

ngập cao Đông Á, đã mời Nga và Mỹ tham gia). Việt Nam cũng đảm nhận thành công vai trò điều phối quan hệ ASEAN-Trung Quốc (2009-2012), ASEAN-EU (2012-2015), ASEAN-Ấn Độ (2015-2018) và ASEAN-Nhật Bản (2018-2021). Với sự năng động, nhạy bén, tích cực và uy tín ngày càng cao, cùng với mối quan hệ quốc tế rộng rãi của mình, Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại và hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài, đưa các quan hệ đối tác lên tầm cao mới và đi vào chiều sâu trên nhiều lĩnh vực như ASEAN +1, ASEAN+3, APEC, ASEM, Cấp cao Đông Á, G20, Liên Hợp Quốc.

Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị - xã hội của Việt Nam.

8. Kết luận

Có thể khẳng định, nền ngoại giao của Việt Nam đã bắt kịp xu thế hội nhập quốc tế của thời đại. Đối ngoại đa phương của Việt Nam đã song hành cùng đối ngoại song phương, góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh thành công, đối ngoại đa phương vẫn còn hạn chế nhất định: chưa lường hết được những diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc; chưa khai thác đồng bộ và toàn diện ở các lĩnh vực; hiệu quả khi tham gia các cơ chế đa phương cho mục tiêu phát triển chưa cao; sự tham gia của các bộ ngành và địa phương vào công tác đối ngoại còn chưa đồng đều.

Quá trình triển khai đối ngoại đa phương, Việt Nam đã rút ra những kinh nghiệm để xây dựng được các khuôn khổ quan hệ đa phương ổn định, cùng có lợi, phù hợp với lợi ích của đất nước về lâu dài. Vai trò, vị thế của Việt Nam ngày càng

Hội thảo quốc tế
“Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”

được ghi nhận trong khu vực và trên thế giới. Đây là những kinh nghiệm tiếp tục được phát huy trong thời gian tới./.

PHẦN III

CHUYỂN ĐỘNG CỦA CỤC DIỆN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG

SỰ TÁI ĐỊNH HÌNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI VÀ VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG TRONG CẠNH TRANH NƯỚC LỚN

PGS, TS. Thái Văn Long *

Tóm tắt: Bài khảo sát xu hướng tái định hình trật tự quốc tế, từ xu hướng đa cực hoá đến cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, và hệ quả đối với vị trí và chức năng của chủ nghĩa đa phương. Tác giả phân tích cách thức đa phương chịu tác động kép: vừa là phương tiện giảm thiểu xung đột, vừa là trường đấu tranh chính trị giữa các khối lợi ích. Bài chỉ ra những hiện tượng nổi bật: phân mảnh thể chế, gia tăng diễn đàn cạnh tranh, và sự nổi lên của các liên minh linh hoạt. Trong bối cảnh đó, tác giả nhấn mạnh vai trò chiến lược của các nước tầm trung như Việt Nam: tận dụng đa phương để tối đa hóa lợi ích, khai thác vị thế trung gian để làm cầu nối, đồng thời chủ động đóng góp vào xây dựng luật chơi khu vực. Bài đưa ra khuyến nghị chính sách như tăng cường ngoại giao mạng lưới, tham gia vào các cấu trúc minilateral có chọn lọc, và thúc đẩy chuẩn mực khu vực mang tính bao trùm để giảm rủi ro bị phân hóa bởi cạnh tranh nước lớn.

Từ khoá: Tái định hình trật tự; Chủ nghĩa đa phương; Cạnh tranh nước lớn; Nước tầm trung.

Thế giới đang trải qua một giai đoạn biến động mạnh mẽ với sự tái định hình trật tự thế giới theo hướng đa cực, trong bối cảnh các cường quốc cạnh tranh gay gắt và xu hướng chính trị cường quyền, sử dụng sức mạnh, bạo lực trong giải quyết mâu thuẫn, xung đột quốc tế trở nên nổi trội. Trong khi đó, khát vọng hòa bình, hợp tác và phát triển hình thành sau Chiến tranh Lạnh vẫn là xu thế khách quan, chủ đạo, nhưng phải đương đầu với vô vàn rào cản, khó khăn, thách thức. Sự thay đổi này không chỉ đặt ra những thách thức về an ninh, phát triển và hợp tác quốc tế, mà còn làm nảy sinh những vấn đề phức tạp về quyền lực cũng như ảnh hưởng toàn cầu. Trong bối cảnh này, chủ nghĩa đa phương đóng vai trò quan trọng, vừa là cơ chế để các quốc gia hợp tác giải quyết thách thức chung, vừa là công cụ để

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nâng cao vị thế và giảm thiểu rủi ro từ cạnh tranh nước lớn. Bài viết tập trung phân tích sự tái định hình trật tự thế giới theo hướng đa cực và vai trò của chủ nghĩa đa phương trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn hiện nay, từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nâng tầm đối ngoại đa phương đưa Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới.

1. Sự tái định hình trật tự thế giới hiện nay

Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, “trật tự thế giới hai cực” chấm dứt, thế giới trong trạng thái quá độ sang trật tự mới. Trong khoảng 20 năm đầu, Hoa Kỳ với vị thế là siêu cường duy nhất có tham vọng xây dựng trật tự thế giới “đơn cực” do Mỹ lãnh đạo, chi phối, nhưng họ không làm được điều này. Từ năm 2010 đến nay, trật tự thế giới được phản ánh là vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm ngày càng rõ nét.

Nói trật tự thế giới đang tái định hình là vì sự cân bằng quyền lực toàn cầu đang thay đổi, chuyển từ một cực (Mỹ) sang xu hướng đa cực, với nhiều trung tâm quyền lực mới nổi lên, làm thay đổi vị thế và ảnh hưởng của các cường quốc trên thế giới. Quá trình chuyển đổi này vẫn đang tiếp diễn và trật tự thế giới mới đang trong giai đoạn hình thành, không còn một trung tâm quyền lực duy nhất mà là một hệ thống tương tác phức tạp, đa tầng nấc với nhiều cực, nhiều trung tâm quyền lực khác nhau. Sự tái định hình trật tự thế giới hiện nay biểu hiện qua những đặc điểm chính sau:

Thứ nhất, xu hướng đa cực ngày càng được khẳng định. Khoảng khắc “đơn cực” của thế giới do Mỹ dẫn dắt sau Chiến tranh Lạnh cùng sự giảm dần ảnh hưởng của một siêu cường duy nhất đã nhường chỗ cho sự tái định hình một trật tự mới – trật tự đa cực, mà trong đó không cường quốc nào có thể một mình lãnh đạo toàn cầu. Sự chuyển dịch sang trật tự đa cực ngày càng rõ nét thể hiện qua việc xuất hiện nhiều cường quốc như: Trung Quốc, Nga và Liên minh châu Âu (EU) gia tăng sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự, tạo ra sự cạnh tranh quyền lực ở tầm

toàn cầu thay vì sự thống trị của một siêu cường như giai đoạn trước. Các cường quốc và trung tâm quyền lực này thời gian qua đã gia tăng đáng kể sức mạnh cũng như tầm ảnh hưởng tạo ra một tương quan sức mạnh mới trên các phương diện kinh tế, chính trị, quân sự và đối ngoại. Các yếu tố thúc đẩy quá trình tái định hình trật tự thế giới theo xu hướng đa cực không chỉ là tăng cường năng lực cạnh tranh về kinh tế, công nghệ, quân sự, của mỗi cường quốc, mà còn từ sự xuất hiện của các thách thức phi truyền thống như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, đại dịch... cùng nhu cầu hợp tác quốc tế sâu rộng hơn trong giải quyết. Bên cạnh đó, việc tái định hình trật tự thế giới không chỉ là cân đối lại cán cân quyền lực mà còn là sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy quản trị, cấu trúc quan hệ quốc tế với các mô hình và quy tắc hoạt động mới theo hướng đa cực.

Thứ hai, các cường quốc cạnh tranh gay gắt về ảnh hưởng và quyền lực. Đặc điểm này phản ánh tính chất của quá trình tái định hình trật tự thế giới. Trong đó, các cường quốc hàng đầu cạnh tranh gay gắt về ảnh hưởng và quyền lực, đồng thời cạnh tranh với các cường quốc tầm trung trên các lĩnh vực kinh tế, công nghệ và chiến lược ngoại giao, làm thay đổi cấu trúc quyền lực toàn cầu theo hướng đa cực hơn.

Ở cấp độ thứ nhất, các cường quốc hàng đầu là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, cạnh tranh gay gắt để duy trì vị thế và ảnh hưởng của mình, trong bối cảnh cục diện thế giới đang chuyển theo xu hướng đa cực.

Hoa Kỳ: đang điều chỉnh chiến lược với mục tiêu “nước Mỹ trên hết” qua các chính sách tập trung vào thương mại, nhập cư, bảo hộ và siết chặt kiểm soát công nghệ, đẩy mạnh ưu đãi đối với sản xuất trong nước. Với thế giới, Tổng thống Donald Trump áp thuế đối ứng với hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt đến từ các đối thủ cạnh tranh, nhằm bảo vệ ngành công nghiệp trong nước và giảm thâm hụt thương mại. Đầu tư nhiều hơn vào quân sự và an ninh quốc gia để bảo vệ biên giới cùng lợi ích của Mỹ. Giảm cam kết đối với các liên minh quốc tế truyền

thống, rút khỏi các hiệp định đa phương quốc tế như Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu (COP -21), xem xét lại vai trò của Hoa Kỳ trong các tổ chức quốc tế.

Trung Quốc thực hiện "giấc mộng Trung Hoa" mở rộng ảnh hưởng kinh tế thông qua Sáng kiến Vành đai - Con đường (BRI), một chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng và thương mại toàn cầu, đồng thời phát triển hệ thống thanh toán độc lập như một công cụ để tăng cường vị thế kinh tế quốc tế cùng sự kết nối toàn cầu. Đây là hai công cụ chính để Trung Quốc hiện thực hóa "giấc mộng Trung Hoa" thông qua mở rộng ảnh hưởng kinh tế và địa chính trị. Hơn nữa, sự kết hợp giữa hai sáng kiến này cùng các sáng kiến: Sáng kiến phát triển toàn cầu (GDI, 2021), Sáng kiến an ninh toàn cầu (GSI, 2022), Sáng kiến văn minh toàn cầu (GCI, 2023) và Sáng kiến Quản trị Toàn cầu (GGI, 2025) cho phép Trung Quốc thiết lập các chuẩn mực cho "trật tự thế giới đa cực" mới, nơi Trung Quốc đóng vai trò trung tâm.

Liên bang Nga là một trong những cường quốc hàng đầu, cạnh tranh địa chính trị với Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu, cố gắng khẳng định vị thế và ảnh hưởng của mình. Nga sử dụng sức mạnh quân sự, nguồn tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ với các quốc gia “thân thiện” để duy trì vị thế, làm đối trọng với các cường quốc trong quá trình tái định hình trật tự thế giới mới.

Ở cấp độ thứ hai, sự trỗi dậy của các cường quốc tầm trung như Ấn Độ, Brazil, Indonesia... với sức mạnh kinh tế, vị trí địa chiến lược và ảnh hưởng quốc tế gia tăng, đang cố gắng cạnh tranh với các cường quốc hàng đầu nhằm thay đổi trật tự hiện có theo hướng đa cực có lợi hơn cho mình.

Thứ ba, khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở thành trung tâm của quá trình tái định hình trật tự thế giới. Châu Á – Thái Bình Dương được đánh giá là khu vực năng động, phát triển của thế kỷ XXI. Do đó, cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc hàng đầu là Mỹ và Trung Quốc được đẩy lên thành đối đầu toàn diện trên mọi lĩnh vực ở tầm toàn cầu, nhưng khu vực châu Á – Thái Bình Dương là trọng tâm của sự cạnh tranh và tập trung chủ yếu ở Đông Nam Á. Sự cạnh tranh chiến

lược giữa các cường quốc tại khu vực này đang được giới phân tích bình luận là tạo nên cục diện "lưỡng siêu, đa cường". Trong đó Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai cực quyền lực chính, còn các cường quốc khác đóng vai trò đa cực, tuy nhiên trong hình thái này không có cường quốc nào đủ sức chi phối hoàn toàn.

Mặt khác, sự tái định hình trật tự thế giới trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn hiện nay đang làm suy yếu chủ nghĩa đa phương theo hướng thúc đẩy tính cạnh tranh, đối đầu hơn là hợp tác và làm suy giảm vai trò, phức tạp hóa các khuôn khổ đa phương hiện có. Bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn làm gia tăng xung đột địa chính trị và ảnh hưởng đến các quyết định đa phương, tập thể, từ đó làm suy yếu khả năng của các thể chế đa phương quốc tế trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu. Các nước lớn đều đề cao lợi ích quốc gia, hành động đơn phương hoặc tập hợp vì những lợi ích cụ thể, ngắn hạn, bỏ qua hoặc làm suy yếu các cam kết đa phương để phục vụ lợi ích riêng của mình. Thậm chí, cạnh tranh giữa các cường quốc còn tạo ra những mâu thuẫn nội bộ trong các tổ chức đa phương, khiến cho việc đưa ra quyết định và thực thi chính sách chung trở nên khó khăn hơn.

2. Vai trò của chủ nghĩa đa phương trong cạnh tranh nước lớn

Chủ nghĩa đa phương là chủ trương hợp tác theo cơ chế từ 3 chủ thể quan hệ quốc tế trở lên nhằm giải quyết các vấn đề chung trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn đang thúc đẩy sự tái định hình trật tự thế giới theo hướng đa cực. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn hiện nay, chủ nghĩa đa phương đang chuyển dịch từ các cơ chế truyền thống sang các hình thức hợp tác linh hoạt, đa dạng hơn. Chủ nghĩa đa phương trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn đóng vai trò quan trọng trong việc tái định hình trật tự thế giới theo hướng đa cực. Cụ thể:

Thứ nhất, là công cụ giúp các cường quốc định hình trật tự quốc tế, thông qua cạnh tranh quyền lực, sức mạnh, tạo ra các liên minh chiến lược mới, sắp đặt lại các cơ chế trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, năng lượng tái tạo, phát triển

bền vững... Các nước lớn dùng các sáng kiến, cơ chế hợp tác khu vực mang tính đối trọng như về cơ sở hạ tầng, kết nối chuỗi cung ứng, an ninh khu vực để cạnh tranh gián tiếp và kiềm chế lẫn nhau. Cụ thể, Mỹ và Trung Quốc đề xuất nhiều sáng kiến khác nhau tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương nhằm gia tăng ảnh hưởng, cạnh tranh lợi ích, dẫn đến sự đối trọng và kiềm chế lẫn nhau. Mỹ tập trung hạn chế xuất khẩu công nghệ cao, kiểm soát đầu tư vào các lĩnh vực như chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI). Trong khi, Trung Quốc thúc đẩy Sáng kiến Vành đai, Con đường (BRI) để tăng cường kết nối kinh tế thông qua các dự án hạ tầng, mở rộng tầm ảnh hưởng địa chính trị và kinh tế. Đầu tư vào các cơ sở sản xuất chip giá rẻ ở nước ngoài, đẩy mạnh xây dựng "Con đường Tơ lụa Kỹ thuật số", phát triển kinh tế số, đồng thời dùng đất hiếm làm đòn bẩy thương mại. Nói cách khác, chủ nghĩa đa phương tạo ra một khuôn khổ cho việc quản lý cạnh tranh, giảm thiểu nguy cơ xung đột và xây dựng sự ổn định, cho phép các quốc gia cùng nhau giải quyết các vấn đề toàn cầu thông qua các thể chế đa phương. Đối với các cường quốc tâm trung, chủ nghĩa đa phương giúp các quốc gia này nâng cao vị thế và ảnh hưởng, đồng thời tận dụng các sáng kiến mới để đóng góp vào việc định hình trật tự thế giới.

Thứ hai, là công cụ giúp các quốc gia vừa và nhỏ củng cố quan hệ, tranh thủ nguồn lực , thông qua hợp tác đa phương tiếp cận các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế quốc gia, tránh để đất nước rơi vào thế bị ép buộc chọn phe. Chủ nghĩa đa phương cho phép các nước vừa và nhỏ hợp tác nâng cao tiếng nói và vị thế trong các vấn đề cụ thể, cùng nhau giải quyết các thách thức xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu, y tế toàn cầu, an ninh mạng, thay vì hành động đơn phương. Thông qua hợp tác đa phương giúp các quốc gia vừa và nhỏ đoàn kết, tăng cường sức mạnh tổng hợp, vượt qua giới hạn về quy mô và nguồn lực của từng quốc gia riêng lẻ. Chủ nghĩa đa phương tạo cơ hội cho các quốc gia vừa và nhỏ phát huy vai trò trung gian, hòa giải thông qua việc tham gia các cơ chế hợp tác chuyên biệt, thúc đẩy giải pháp ngoại giao, góp phần giải quyết

các vấn đề toàn cầu. Cụ thể, các nước này tham gia vào các cuộc đối thoại, làm dịu căng thẳng, thu hẹp bất đồng, xây dựng lòng tin, phát huy vai trò là người kiến tạo hòa bình thông qua hợp tác, đối thoại. Các hình thức hợp tác chuyên biệt có thể bao gồm hợp tác nhóm, tiểu đa phương, hoặc vai trò xúc tác, kết nối trong các diễn đàn đa phương khu vực như ASEAN, APEC, liên khu vực (ASEM).

Thứ ba, là công cụ giúp các nước hợp tác để quản trị toàn cầu. Nó bao gồm việc tham gia vào các thể chế đa phương quốc tế, điều chỉnh và cải tổ chúng cho phù hợp với tình hình mới, đồng thời cùng nhau định hình các quy tắc, "luật chơi" chung dựa trên lợi ích quốc gia và luật pháp quốc tế. Cụ thể: các quốc gia cùng nhau tham gia vào các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), ASEAN... để giải quyết các vấn đề chung và cải tổ các thể chế này theo hướng hiệu quả và đại diện hơn. Thông qua hợp tác đa phương, các quốc gia thương lượng trong xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn, khuôn khổ chung, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như công nghệ số, năng lượng xanh và phát triển trí tuệ nhân tạo. Mục tiêu, đích đến của hợp tác đa phương trong bối cảnh hiện nay là bảo vệ, thúc đẩy lợi ích quốc gia trong khi vẫn tôn trọng lợi ích hợp pháp chính đáng của các nước khác, dựa trên nguyên tắc luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp Quốc. Bên cạnh đó, chủ nghĩa đa phương cũng cung cấp một khuôn khổ để các quốc gia cùng nhau giải quyết các thách thức xuyên quốc gia, từ các vấn đề an ninh truyền thống đến an ninh phi truyền thống theo hướng bền vững. Nói cách khác, chủ nghĩa đa phương là công cụ giúp các nước giúp duy trì sự ổn định và ngăn chặn nguy cơ hỗn loạn mất kiểm soát bằng cách thông qua hợp tác thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau và trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế đối với những thách thức chung.

Tóm lại, trong bối cảnh các nước lớn cạnh tranh tái định hình lại trật tự thế giới, chủ nghĩa đa phương đóng vai trò là công cụ không thể thiếu trong quản trị cạnh tranh, giảm thiểu nguy cơ xung đột, gìn giữ ổn định thông qua các thể chế đa

phương, tạo cơ hội cho các cường quốc tầm trung, các quốc gia vừa và nhỏ có tiếng nói trong tái định hình một trật tự thế giới theo hướng đa cực. Vai trò này ngày càng trở nên quan trọng khi các quốc gia cùng nhau đối mặt với những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, đại dịch và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác.

3. Khuyến nghị nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Trên cơ sở phân tích sự tái định hình trật tự thế giới theo hướng đa cực và vai trò của chủ nghĩa đa phương trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn hiện nay, để nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong kỷ nguyên mới, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới tư duy đối ngoại đa phương từ "tham dự" sang "chủ động tham gia", góp phần định hình các thể chế đa phương. Nghĩa là, Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và định hình luật lệ quốc tế, chủ động đề xuất sáng kiến giải quyết các thách thức toàn cầu, xây dựng các liên minh, các hiệp định hợp tác đa phương mới, chứ không phải là tham dự một cách thụ động. Cụ thể: Việt Nam đã đóng vai trò tích cực trong việc đàm phán và thông qua các công ước quốc tế như Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng. Thay vì chỉ tham gia, Việt Nam tích cực đóng góp vào việc xây dựng và triển khai các chương trình nghị sự quốc tế để giải quyết các thách thức toàn cầu, ví như cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 tại COP26. Việt Nam tham gia tích cực vào các khuôn khổ tự do hóa thương mại và đầu tư, như RCEP và CPTPP, qua đó thúc đẩy liên kết kinh tế và gia tăng đan xen lợi ích với các quốc gia khác. Việt Nam tận dụng cơ hội chủ trì các sự kiện quốc tế để quảng bá hình ảnh đất nước và khẳng định vai trò tiên phong trong các vấn đề mới nổi, như trường hợp Hà Nội là nơi tổ chức lễ mở ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng (25-26/10/2025).

Thứ hai, cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, đồng thời bảo đảm tính liên thông, đồng bộ trong tham gia diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế khác nhau. Để nâng tầm đối ngoại đa phương trong bối cảnh mới, bên cạnh việc quan tâm “nuôi dưỡng” nội dung, sáng kiến mà Việt Nam đã ưu tiên, thúc đẩy một cách xuyên suốt, chúng ta cần chủ động nắm bắt cơ hội, sẵn sàng tham gia cũng như đề xuất sáng kiến mới phù hợp với nhu cầu và tình hình hiện tại trong các lĩnh vực, như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, khoa học-công nghệ, AI, chuyển đổi năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và thách thức an ninh phi truyền thống khác. Để thực hiện được điều này, cần chú trọng đẩy mạnh, đào sâu nghiên cứu lĩnh vực chuyên ngành tại cơ chế hợp tác đa phương khu vực và quốc tế, nhất là trong vấn đề an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, tác động trực tiếp tới an ninh và phát triển của Việt Nam.

Thứ ba, tham gia diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế ngày càng mang tính liên thông và chuyên ngành Việt Nam cần bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài, phối hợp liên ngành, nhất là thông qua cơ chế phối hợp, trao đổi thường xuyên giữa các ban, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để bảo đảm sự thống nhất về tư duy và đồng lòng trong hành động. Triển khai hiệu quả điều ước, thỏa thuận, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, thúc đẩy; xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế triển khai phù hợp để đáp ứng việc thực hiện cam kết và nghĩa vụ quốc tế. Đồng thời, nâng cao chất lượng, tính chủ động, sáng tạo trong công tác nghiên cứu về đa phương, từ đó tham mưu, đề xuất và triển khai hình thức, biện pháp và cách làm mới, sáng kiến đa phương mới.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy triển khai công tác đối ngoại đa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính và con người cho công tác đối ngoại đa phương tương xứng với tiềm lực và vị thế của Việt Nam; trong đó, có tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác đối ngoại đa phương vững

mạnh, chuyên nghiệp, chuyên sâu, giàu bản lĩnh chính trị, đủ trình độ, năng lực, kỹ năng và có tính kế thừa.

Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ những khuyến nghị trên Việt Nam sẽ nâng tầm đối ngoại đa phương trong bối cảnh mới, tiếp tục đồng hành, góp phần tạo đà thuận lợi đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

GLOBAL FRAGMENTATION AND THE CRISIS OF MULTILATERAL ORGANIZATIONS: A VIEW FROM UN REFORM

Ms. Pauline Tamesis

UN Resident Coordinator in Viet Nam

Introduction: Multilateralism at an Inflection Point

The global system is navigating one of the most turbulent periods since the foundation of the United Nations. Heightened geopolitical tensions, widening inequalities, accelerating climate impacts, and technological disruption have collectively strained the multilateral order. As the United Nations Secretary-General António Guterres warns, “*global problems are moving faster than the institutions designed to solve them.*”¹ At the same time, public trust in international organizations has waned, and the legitimacy of global governance is increasingly contested. These pressures have not arisen because multilateralism has failed, but because global institutions have not been adequately re-equipped to meet the demands of a rapidly transforming world.

Yet it is precisely in this moment of uncertainty that the United Nations is most essential. Its mission – to advance peace, dignity, and justice for all – has renewed relevance in an era of global fragmentation. The UN’s unique legitimacy, convening power, and global reach remain indispensable for bridging divides and seizing the opportunities of our time. Against this backdrop, the UN Summit of the Future and in the adoption of the **Pact for the Future** – together with its annexes, the Global Digital Compact (GDC) and the Declaration for Future Generations – represent the most comprehensive attempt in a generation to update and revitalise the infrastructure of global cooperation.² At the same time, the

¹ United Nations Secretary-General. (2024, September 9). *World leaders must reboot global cooperation for today and tomorrow*. UN Sustainable Development Group. <https://unsdg.un.org/latest/stories/world-leaders-must-reboot-global-cooperation-today-and-tomorrow-un-chief>

² United Nations. (2024, September 22). *Pact for the Future*. United Nations. <https://www.un.org/en/summit-of-the-future/pact-for-the-future>

Secretary-General launched the **UN80 Initiative**, a bold process to examine the UN’s performance and modernise its working methods with the Organisation’s 80th anniversary.¹

Taken together, these global processes articulate a vision of a more inclusive, anticipatory, networked, and effective multilateral system. For Viet Nam, a country that has consistently championed peace, responsible global integration, common prosperity, and modernisation through green and digital transitions, this moment positions the country to both benefit from and meaningfully shape the future of multilateral cooperation.

The Pact for the Future: A Commitment for Revitalizing Multilateralism

The **Pact for the Future**, adopted without a vote in September 2024, represents a political recommitment to global solidarity at a time when fragmentation threatens collective progress. It outlines actionable commitments across five major areas: sustainable development and financing for development; international peace and security; science, technology, innovation, and digital cooperation; youth and future generations; and transforming global governance. Together with the **Global Digital Compact**, which sets principles for an open, secure, and human-centred digital future, and the **Declaration on Future Generations**, embeds intergenerational equity into decision-making, the Pact constitutes a forward-looking framework for renewing multilateralism.²

These commitments align closely with the strategic priorities Viet Nam sets out in the draft documents for the **14th Party Congress**, particularly its goals of prosperity that benefit all its citizens through breakthroughs in digital and green

¹ United Nations. (2025, July 15). *What is the UN80 initiative?* UN. <https://www.un.org/un80-initiative/en/news/what-un80-initiative>

² United Nations. (2024). *Pact for the Future: Outcome document of the Summit of the Future*. https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/sotf-pact_for_the_future_adopted.pdf

transformations, enhanced global integration, and investments in education, health and social protection for people-centered development.¹

Viet Nam’s emphasis on macro-economic stability, climate resilience, and equitable growth² is directly related to the Pact provisions on **Sustainable Development and Financing for Development**. The Pact calls for reshaping the global financial architecture to ensure accessible and affordable finance, including through debt relief, strengthened multilateral development banks, and greater flows of concessional and blended finance to developing countries.³ Viet Nam’s ambitions to scale renewable energy, expand digital infrastructure, and ensure social equity depend heavily on such reforms.

The chapter on **International Peace and Security** aligns with Viet Nam’s longstanding principles of independence, peaceful conflict resolution,⁴ and respect for international law.⁵ Modernizing peace and security instruments, strengthening conflict prevention, addressing AI-enabled weapons and cyber threats, and revitalizing disarmament efforts⁶ correspond to Viet Nam’s growing contribution to UN peacekeeping,⁷ its principled positions on nuclear non-

¹ Bao Quốc Tế. (2024). *Draft documents for the 14th national Party Congress: Report on new and important issues*. Baoquocte. <https://en.baoquocte.vn/draft-documents-for-the-14th-national-party-congress-report-on-new-and-important-issues-331838.html>

² Báo Nghệ An. (2024). *Draft political report of the Central Committee, 13th Party, for the 14th National Party Congress*. Báo Nghệ An. <https://baonghean.vn/en/du-thao-bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-10308251.html>

³ United Nations. (2024). Chapter I: Sustainable development and financing for development. *Pact for the Future: Outcome document of the Summit of the Future* (A/RES/79/1). https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/sotf-pact_for_the_future_adopted.pdf

⁴ Vietnam Law Magazine. (2025, July 24). *Vietnam calls for reinforcing multilateralism, peaceful dispute resolution*. Vietnam Law Magazine. <https://vietnamlawmagazine.vn/vietnam-calls-for-reinforcing-multilateralism-peaceful-dispute-resolution-74757.html>

⁵ Báo Nghệ An. (2024). *Draft political report of the Central Committee, 13th Party, for the 14th National Party Congress*. Báo Nghệ An. <https://baonghean.vn/en/du-thao-bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-10308251.html>

⁶ United Nations. (2024). Chapter II: International peace and security. *Pact for the Future: Outcome document of the Summit of the Future* (A/RES/79/1). https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/sotf-pact_for_the_future_adopted.pdf

⁷ Vietnam News. (2024, December 21). *Viet Nam’s decade of excellence in UN peacekeeping*. <https://vietnamnews.vn/politics-laws/1689312/viet-nam-s-decade-of-excellence-in-un-peacekeeping.html>

proliferation,¹ and its commitment to a stable regional environment. The Pact’s renewed emphasis on arms control and nuclear disarmament echoes Viet Nam’s credible voice in global security forums.

The chapter on **Science, Technology, Innovation, and Digital Cooperation**, together with the **Global Digital Compact**, are especially significant for Viet Nam’s national development trajectory. The Global Digital Compact recognizes that governance has not kept pace with technological evolution and advances global principles on universal connectivity, digital public goods, cybersecurity, data governance, and safe, accountable artificial intelligence.² These norms are critical for Viet Nam’s ambitious digital transformation strategy, which places digital government, digital economy, and digital society at the center of modernization. The Compact’s proposals, including the Independent Scientific Panel on AI Governance and Global Dialogue on AI,³ provide a valuable framework for countries like Viet Nam to shape global digital standards while advancing their domestic innovation ecosystems.

The Pact’s chapter on **Youth and Future Generations** speaks directly to Viet Nam’s demographic realities and long-term development vision to 2030 and 2045. With young people constituting more than one-fifth of its population,⁴ Viet Nam views human capital as a central resource for sustained prosperity. The Pact’s commitments to meaningful youth engagement, equitable access to education and social protection, and intergenerational responsibility mirror Viet Nam’s agenda on education reform, skill development, digital literacy, and strengthening youth

¹ Vietnam Law Magazine. (2025, February 14). *Vietnam urges stronger actions for complete elimination of nuclear weapons*. Vietnam Law Magazine. <https://vietnamlawmagazine.vn/vietnam-urges-stronger-actions-for-complete-elimination-of-nuclear-weapons-75382.html>

² United Nations. (2024). *Global Digital Compact* (Annex to the Pact for the Future). In *Pact for the Future* (A/RES/79/1). https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/sotf-pact_for_the_future_adopted.pdf

³ Ibid.

⁴ UNFPA Vietnam. (n.d.). *Youth development*. <https://vietnam.unfpa.org/en/topics/youth-development>

participation in governance.¹ These synergies reinforce Viet Nam’s efforts to harness the creativity and dynamism of its youth in shaping the country’s future.

Transforming Global Governance is essential for Viet Nam, a country which steps up and consistently advocates for a more equitable, inclusive, and effective multilateral system.² The Pact’s ambitions – strengthening representation, modernizing the UN’s working methods, expanding participation of civil society and non-state actors, and upgrading the UN’s foresight, data, and digital capabilities – create an enabling environment for medium-sized and emerging powers to influence global agendas.

The UN80 Initiative: Purpose, Substance, and Strategic Relevance

Revamped multilateralism requires revamped cooperation mechanisms. The **UN80 Initiative**, launched by the current UN Secretary-General, serves as a system-wide effort to assess UN evolution, identify gaps, and chart a path toward a future-ready organization. The initiative is grounded in the recognition that geopolitical, economic, technological, and environmental landscapes have changed profoundly since 1945, while the UN’s structures and mandates have struggled to keep pace. It is a substantive reform effort intended to renew the legitimacy, trust, and effectiveness of the United Nations.

The initiative is organized around **three workstreams** that collectively aim to revitalize the UN’s role in the 21st century. The **first workstream** is focused on improving internal efficiency and effectiveness. The **second** is a mandate implementation review, which involves examining nearly 4,000 mandate documents – responsibilities assigned to the UN by the Member States – to assess

¹ United Nations. (2024). *Declaration on Future Generations* (Annex to the Pact for the Future). In *Pact for the Future* (A/RES/79/1). https://www.un.org/sites/un2.un.org/files/sotf-pact_for_the_future_adopied.pdf

² Báo Nghệ An. (2024). *Draft Report on some theoretical and practical issues of the renovation process according to the orientation of socialism over the past 40 years in Viet Nam*. Báo Nghệ An. <https://baonghean.vn/en/du-thao-bao-cau-tong-ket-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-cong-cuoc-doi-moi-theo-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-trong-40-nam-qua-o-viet-nam-10308252.html>

if any of them have overlaps or have become outdated. The **third workstream** explores possible structural changes and programme realignment across the UN System.¹

The *Mandate Implementation and Review Report* (workstream 2) reveals that an accumulated architecture of potentially duplicative and outdated mandates that have grown over decades without alignment with contemporary priorities places an unreasonable burden on UN agencies. It further highlights that mandates often reflect the geopolitical realities of the past rather than the needs of today.² Complementing these insights, the *Shifting Paradigms: United to Deliver* report of UN80 workstream 3 exposes a widening gap between the UN’s governance model, rooted in mid-20th-century, and the complexity of the contemporary challenges it is expected to address.³

The *Mandate Review* encourages Member States and the Organisation to consider more regular and structured processes for **reviewing mandates**, assessing their continued relevance, and identifying opportunities for improved coordination or consolidation. It highlights the value of **clearer linkages between mandates and resources**,⁴ strengthening accountability for mandate delivery, and ensuring that new mandates are fully informed by lessons learned from past and ongoing activities. The *Shifting Paradigms* report recommends enhancing the UN’s ability to operate in a more **networked and collaborative manner**, including by promoting integrated approaches across thematic areas and organisational

¹ United Nations. (2025, June 23). *What is the UN80 initiative?* UN News. <https://www.un.org/un80-initiative/en/news/what-un80-initiative>

² United Nations. (2025). *Report of the Mandate Implementation Review (UN80 Initiative)*. https://www.un.org/un80-initiative/sites/default/files/2025-09/2512998E_MIR_web.pdf

³ United Nations. (2025, September 18). *Shifting Paradigms: United to Deliver – Report of the Secretary-General, Workstream 3: Changing Structures and Realigning Programmes* (UN80 Initiative). https://www.un.org/un80-initiative/sites/default/files/2025-09/UN80_WS3-1_250921_1238.pdf

⁴ United Nations. (2025). *Report of the Mandate Implementation Review (UN80 Initiative)*. p. 16. https://www.un.org/un80-initiative/sites/default/files/2025-09/2512998E_MIR_web.pdf

entities.¹ It encourages greater investment in **foresight, innovation, data, and digital tools** to help the UN respond more proactively to emerging risks.² Together, the two reports provide a forward-looking vision of a UN that is **more agile, coordinated, and strategically focused**, enabling the Organisation to continue supporting Member States in addressing both current and future challenges.

For a rapidly developing country like Viet Nam, UN80 is an opportunity to play an active role in shaping the new UN. Viet Nam has built a reputation for principled, constructive diplomacy; it is increasingly vocal in advocating for reforms that enhance the representation and voice of developing countries; and it supports efforts to strengthen multilateral mechanisms for peace, climate action, and digital governance. Viet Nam can also contribute to discussions on mandate rationalization, innovative financing, and regional cooperation models, drawing on its own experiences in administrative reform, digital government, and south-south cooperation. By actively engaging with the UN80 Initiative, Viet Nam can help shape a multilateral system that better reflects the realities and aspirations of the Global South.

Strategic Messages from the United Nations Secretary-General

Throughout his recent engagements, including his second official visit to Viet Nam in October 2025, the Secretary-General has emphasised that a multipolar world requires strong, legitimate, and trusted multilateral institutions.³ Multipolarity can be stabilising only when diverse centres of power cooperate

¹ United Nations. (2025, September 18). *Shifting Paradigms: United to Deliver – Report of the Secretary-General, Workstream 3: Changing Structures and Realigning Programmes* (UN80 Initiative). p. 27-31. https://www.un.org/un80-initiative/sites/default/files/2025-09/UN80_WS3-1_250921_1238.pdf

² United Nations. (2025, September 18). *Shifting Paradigms: United to Deliver – Report of the Secretary-General, Workstream 3: Changing Structures and Realigning Programmes* (UN80 Initiative). p. 36-42. https://www.un.org/un80-initiative/sites/default/files/2025-09/UN80_WS3-1_250921_1238.pdf

³ Vietnam News Agency. (2025, October 26). *Việt Nam makes active contributions to multilateralism: UN Secretary-General*. Vietnam News. <https://vietnamnews.vn/politics-laws/1728142/viet-nam-makes-active-contributions-to-multilateralism-un-secretary-general.html>

within a rules-based framework rather than compete in ways that heighten risks and undermine shared progress. In this context, Viet Nam’s tradition of independent, balanced, and consensus-building diplomacy positions it well to serve as a bridge-builder between regions, interests, and development levels.

The Secretary-General has repeatedly encouraged Viet Nam to assert its growing voice in global governance, drawing on its experiences in poverty reduction, disaster response, digital transformation, and inclusive development. He recognises Viet Nam as a country with significant lessons to share: one that has charted a path of rapid socio-economic progress while maintaining social cohesion and stability. Viet Nam’s contributions to UN peacekeeping, its constructive engagement in regional mechanisms such as ASEAN, and its principled support for the UN Charter further strengthen its role in helping shape global solutions.¹

At the same time, the Secretary-General stresses that renewed trust and solidarity are essential for overcoming fragmentation. Multilateral solutions cannot take root if societies feel excluded, if young people feel unheard, or if countries lose faith in institutions.² The Pact for the Future and the UN80 Initiative are both tools to rebuild that trust, ensuring that the multilateral system becomes more representative, responsive, and capable of addressing the challenges of future generations.

Implications for Viet Nam and Cooperation with the UN Country Team

The convergence of the Pact for the Future and the UN80 Initiative creates a new space for deeper Viet Nam – UN collaboration. The next **UN – Viet Nam**

¹ Government of Viet Nam. (2025, September 25). *Viet Nam is a pillar of multipolar world: UN Secretary-General*. Báo Chính Phủ. <https://en.baohinhphu.vn/viet-nam-is-pillar-of-multipolar-world-un-secretary-general-111250923091616352.htm>

² United Nations Secretary-General. (2024, September 9). *World leaders must reboot global cooperation for today and tomorrow*. UN Sustainable Development Group. <https://unsdg.un.org/latest/stories/world-leaders-must-reboot-global-cooperation-today-and-tomorrow-un-chief>

Sustainable Development Cooperation Framework 2027-2031 is expected to be significantly more forward-looking, reflecting both Viet Nam’s ambitions for green and digital transformation and the UN’s reform priorities. The cooperation agenda will increasingly shift toward systems change rather than project-based support, emphasizing upstream policymaking, standards and regulatory development, institutional strengthening, and innovation.

Viet Nam’s transition toward a digital society and a green economy is an area where collaboration can be especially transformative. The UN can serve as a laboratory for testing emerging normative frameworks – from AI governance to digital public infrastructure – while also helping Viet Nam align national standards with evolving global norms. This is particularly relevant given Viet Nam’s aspirations for regional digital leadership. The Global Digital Compact provides architecture for ensuring that digital development remains human-centered, rights-based, and resilient.

At the same time, the financing dimension of cooperation will continue to evolve. As Viet Nam approaches upper-middle-income status, future development cooperation will need to draw more heavily on **domestic resource mobilization, private-sector engagement, climate finance, and blended finance instruments**, with the UN supporting the creation of enabling regulatory and institutional environments. UN agencies can help Viet Nam develop policy tools for managing social risks, strengthening social protection systems, and ensuring that digital and climate transitions are inclusive and equitable.

Finally, **human rights** will remain foundational to cooperation. Strengthening inclusive governance, promoting gender equality, ensuring digital rights, and enhancing accountability mechanisms will be critical to achieving Viet Nam’s vision for a people-centered, sustainable, and modern nation.

Conclusion

The current era of global fragmentation reveals the limitations of multilateral institutions designed for a different era. Yet it has also sparked a renewed collective determination to rebuild trust, adapt institutions, and strengthen the rules-based order. The **Pact for the Future**, supported by the **Global Digital Compact** and the **Declaration on Future Generations**, sets out a transformative framework for global governance renewal. The **UN80 Initiative** complements this by examining the UN’s internal performance, identifying structural bottlenecks, and articulating how the Organisation must evolve to remain relevant in an increasingly complex world.

For Viet Nam, these reforms resonate deeply with its national priorities: green and digital transformation, inclusive development, active global integration, and commitment to peace and stability. Viet Nam is well-positioned to contribute to and benefit from these global reforms. By engaging actively in the implementation of the Pact for the Future and the UN80 Initiative, as well as by close collaboration with the UN in the country, Viet Nam can help shape a more equitable, inclusive, and future-ready multilateral system – one that reflects the aspirations of developing nations and the needs of future generations.

XU THẾ DÂN CHỦ HÓA ĐỜI SỐNG QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG TỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG

TS. Ngô Chí Nguyễn*

Tóm tắt: Bài nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình “dân chủ hoá đời sống quốc tế”, tức là sự lan tỏa các giá trị, tiêu chuẩn và thể thức dân chủ ra ngoài biên giới quốc gia lên chính sách và thực hành đối ngoại đa phương. Tác giả phân tích cơ chế: các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng được lồng ghép vào các cơ chế đa phương và FTA, tạo áp lực tuân thủ nhưng cũng mở cơ hội hợp tác dựa trên tiêu chuẩn. Bài khảo sát hệ quả đối với các nước đang phát triển: lợi thế tiếp cận thị trường và nguồn lực nếu tuân thủ tiêu chuẩn, nhưng đồng thời là áp lực chi phí điều chỉnh và rủi ro chính trị nội bộ. Tác giả đề xuất chiến lược cho Việt Nam: chủ động tham gia soạn thảo tiêu chuẩn, đàm phán cơ chế chuyển đổi công bằng (just transition) trong các thỏa thuận quốc tế, tăng cường năng lực thể chế để thực hiện cam kết, và đẩy mạnh đối thoại đa phương về cách tiếp cận địa phương hoá các chuẩn mực. Bài khẳng định, dân chủ hoá đời sống quốc tế là xu hướng không thể đảo ngược; câu hỏi chiến lược là làm thế nào để cân bằng lợi ích phát triển với nghĩa vụ tiêu chuẩn.

Từ khoá: Dân chủ hoá quốc tế; Tiêu chuẩn toàn cầu; Hợp tác đa phương; Thực thi chính sách.

Dân chủ hóa đời sống quốc tế trở thành một xu thế tất yếu, nổi bật của thế giới hiện đại. Xu thế này được định hình và phát triển trên cơ sở những động lực phức hợp đa dạng, từ những biến đổi mang tính cấu trúc trong hệ thống quốc tế, sự phát triển bùng nổ khoa học công nghệ và toàn cầu hóa, những thách thức toàn cầu phi truyền thống, cũng như phản ánh nhu cầu, khát vọng của các dân tộc về sự bình đẳng, công bằng, minh bạch và mang tính đại diện, bao trùm trong các lĩnh vực của đời sống quốc tế. Bài viết này phân tích các động lực và biểu hiện của xu thế dân chủ hóa và chỉ ra rằng dân chủ hoá đời sống quốc tế không chỉ làm thay đổi cách thức vận hành

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

quan hệ giữa các quốc gia mà còn tạo động lực và mục tiêu cho hợp tác đa phương, làm sâu sắc hơn vai trò của chủ nghĩa đa phương, định hình chính sách đối ngoại đa phương và cách thức các quốc gia tham gia vào hệ thống đa phương.

1. Xu thế dân chủ hóa đời sống quốc tế: Những động lực chủ yếu

Dân chủ hóa đời sống quốc tế đề cập đến tiến trình làm cho các mối quan hệ quốc tế và quản trị toàn cầu trên các lĩnh vực đa dạng của đời sống con người trở nên cởi mở, bình đẳng, bao trùm, minh bạch và có trách nhiệm hơn với sự tham gia của các chủ thể ngày càng đa dạng hơn, thay vì chỉ giới hạn hoặc tập trung vào các quốc gia dân tộc. Những khía cạnh cơ bản hay nội dung chủ yếu của dân chủ hóa đời sống quốc tế bao gồm tăng cường vai trò, quyền lực và tính đại diện của các nước vừa và nhỏ trong kiến tạo, định hình cấu trúc hệ thống quốc tế và vận hành nền quản trị toàn cầu, sự tham gia và vai trò ngày càng tăng của các chủ thể phi quốc gia trong đời sống quốc tế, là sự phổ quát của pháp quyền, các nguyên tắc dân chủ và quyền con người trên toàn cầu, cũng như theo đuổi việc ra quyết định về các vấn đề của thế giới với sự tham gia rộng rãi của các chủ thể quan hệ quốc tế, mang tính công bằng, bao trùm và đại diện hơn. Điều này bao gồm việc tăng cường chủ nghĩa đa phương, tăng cường tính đại diện, minh bạch trong các cơ chế hợp tác quốc tế và đảm bảo rằng ý chí của đa số các quốc gia và người dân trên thế giới được phản ánh trong các thể chế quản trị khu vực và toàn cầu.

Dù đang đứng trước những thách thức lớn hơn từ xu hướng nổi lên của chính trị cường quyền, xung đột và cạnh tranh địa chính trị khu vực, toàn cầu ngày càng phức tạp, quyết liệt, sự phân cực chính trị, phân mảnh kinh tế và sự gia tăng của chủ nghĩa dân tộc, dân túy, dân chủ hóa đời sống quốc tế vẫn tiếp tục là xu thế lớn, khách quan, bởi vì: 1) Ở mức độ, hình thức và mô hình khác nhau, hầu hết các quốc gia đều hướng tới dân chủ; 2) Dù các nước lớn luôn chi phối đời sống quốc tế, các nước vừa và nhỏ với ưu thế số lượng áp đảo, tiềm lực ngày càng tăng, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong định hình cục diện thế giới và quản trị

toàn cầu, khu vực; trong bối cảnh cạnh tranh cường quốc và tập hợp lực lượng quốc tế, cũng như trong các vấn đề mà nước lớn cần tranh thủ đông đảo quốc gia ủng hộ, tiếng nói của số đông là các nước vừa và nhỏ có ý nghĩa lớn; 3) Với sự phát triển của toàn cầu hóa, sự phụ thuộc lẫn nhau, xu hướng gia tăng số lượng và mức độ phức tạp của các thách thức chung phi truyền thống đối với nhân loại, hợp tác toàn cầu để giải quyết, trong đó vai trò của các nước vừa và nhỏ, các chủ thể phi quốc gia sẽ gia tăng; 4) Tiến trình ra quyết định bằng đồng thuận, hay với đa số thành viên vẫn là nguyên tắc làm việc cơ bản nhất của tất cả tổ chức quốc tế, khu vực.¹

Xu thế dân chủ hóa trong đời sống quốc tế là một quá trình được thúc đẩy bởi nhiều nguyên nhân đa dạng và đan xen lẫn nhau, phản ánh sự phát triển khách quan trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Một là, sự thay đổi mạnh mẽ và sâu sắc trong cục diện thế giới sau chiến tranh Lạnh. Tiến trình dân chủ hóa phát triển mạnh mẽ, trở thành một xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế sau Thế chiến II, khi phong trào phi thực dân hóa phát triển sâu rộng, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, hàng trăm quốc gia dân tộc trẻ tuổi bước lên vũ đài quốc tế, trở thành một lực lượng chính trị to lớn làm thay đổi bản đồ chính trị quốc tế. Từ thập kỷ 1980 trở đi, nhất là sự kiện Chiến tranh Lạnh kết thúc và sự sụp đổ của trật tự Hai cực đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cục diện thế giới, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ xu thế dân chủ hóa. Một vài cường quốc không còn có thể chi phối tuyệt đối đời sống quốc tế mà cục diện thế giới chuyển dịch ngày càng rõ nét hơn sang trạng thái đa chủ thể, đa cực, đa trung tâm với sự phân bổ lại quyền lực và ảnh hưởng về kinh tế, chính trị và cạnh tranh mô hình phát triển. Trong đó, thế giới chứng kiến sự trỗi dậy của các cường quốc, trung tâm quyền lực quốc tế mới như Trung Quốc, Ấn Độ, EU, sự gia tăng ảnh hưởng của nhiều nền kinh tế mới nổi thuộc nhóm

¹ Đặng Đình Quý, “Xu hướng, xu thế lớn trong quan hệ quốc tế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1053 + 1054 (1-2025).

G20, BRICS, ASEAN... làm xói mòn trật tự quyền lực do các cường quốc phương Tây truyền thống thiết lập, tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi khẳng định vị thế. Sự biến đổi của cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm, tản quyền cũng tạo điều kiện cho các quốc gia vừa và nhỏ, đang phát triển có vai trò, vị thế và tiếng nói hơn trong quan hệ quốc tế và quản trị toàn cầu, khu vực. Các nước này ngày càng tham gia vào các liên minh, liên kết đa phương khu vực, quốc tế đa dạng để bảo vệ lợi ích của mình, đồng thời bảo vệ hòa bình, thúc đẩy hợp tác phát triển, định hình các quy tắc chung cũng như định hình lại các mối quan hệ quốc tế truyền thống, qua đó, làm cho ngoại giao đa phương trở thành một lựa chọn chiến lược phổ quát, khách quan tất yếu.

Hai là, toàn cầu hóa làm tăng tính gắn kết, phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc trên toàn thế giới. Quá trình toàn cầu hóa sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế khiến cho các quốc gia kết nối, phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ và sâu sắc hơn. Trong toàn cầu hóa, lợi ích của mỗi quốc gia dân tộc cũng như của các chủ thể quốc tế khác gắn bó mật thiết với nhau và với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, qua đó, thúc đẩy nhu cầu hợp tác và đoàn kết quốc tế, sử dụng các cơ chế đa phương để giải quyết tranh chấp khác biệt, quản lý sự phụ thuộc lẫn nhau, thúc đẩy lợi ích chung cũng như để cùng nhau giải quyết các thách thức chung. Toàn cầu hóa cũng làm mờ ranh giới giữa đối nội và đối ngoại, làm cho quản trị quốc gia và quản trị toàn cầu gắn kết, tương tác hai chiều chặt chẽ, qua đó hợp tác đa phương rộng rãi trở thành nhu cầu cho ổn định và phát triển.

Ba là, sự phát triển mạnh mẽ và tác động sâu rộng của khoa học công nghệ và truyền thông. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông và internet đã cho phép dòng chảy thông tin lan truyền nhanh chóng và đa chiều, tạo ra những phương thức giao tiếp và trao đổi thông tin mới, cho phép người dân ở mọi nơi trên thế giới dễ dàng tiếp cận, lan tỏa thông tin, các ý tưởng, giá trị và chuẩn mực, phá bỏ độc quyền và khả năng kiểm soát thông tin của nhà nước, hình thành công luận quốc tế rộng rãi.

Cuộc cách mạng thông tin và truyền thông cũng thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm giải trình của các chính phủ cả về đối nội và đối ngoại, tạo điều kiện cho các chủ thể phi nhà nước và người dân tham gia ngày càng nhiều vào các quyết sách quản trị quốc gia và quản trị toàn cầu.

Bốn là, dân chủ hóa đời sống quốc tế cũng được thúc đẩy mạnh mẽ bởi nhu cầu giải quyết các thách thức xuyên quốc gia mang tính toàn cầu. Sự xuất hiện gia tăng và ngày càng nghiêm trọng các thách thức toàn cầu, xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, đại dịch, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, an ninh năng lượng, lương thực... là những vấn đề không một quốc gia, một lực lượng đơn lẻ nào dù lớn mạnh đến đâu có thể giải quyết một mình. Những thách thức này đòi hỏi sự hợp tác và phối hợp hành động ở cấp độ toàn cầu, buộc tất cả các quốc gia và toàn nhân loại phải đoàn kết và hợp tác giải quyết. Điều này làm giảm sự chi phối một chiều của các cường quốc và gia tăng vai trò của các cơ chế đa phương, cũng như vai trò, tiếng nói bình đẳng của các nước vừa và nhỏ.

Năm là, nhận thức và trình độ dân trí của người dân được nâng cao cũng tạo điều kiện thúc đẩy xu thế dân chủ hóa.

Cùng với tiến trình phát triển, mức sống, trình độ học vấn và dân trí, ý thức chính trị của công chúng ngày càng được cải thiện ở nhiều nơi trên thế giới đã thúc đẩy và nâng cao ý thức của người dân về các quyền chính trị và dân sự, thúc đẩy họ tham gia nhiều hơn vào giám sát các hoạt động của nhà nước cũng như tham gia vào các quyết sách đối nội và đối ngoại của đất nước. Nhu cầu và động lực dân chủ hóa từ bên trong mỗi quốc gia tạo ra động lực mạnh mẽ cho xu hướng dân chủ hóa trong đời sống quốc tế và ngược lại.

2. Tác động của xu thế dân chủ hóa đến quan hệ quốc tế

Một là, vai trò và tiếng nói của các nước vừa và nhỏ được tăng cường.

Xu thế dân chủ hóa làm giảm sự chi phối tuyệt đối của các cường quốc trong quan hệ quốc tế, tạo cơ hội, không gian và điều kiện cho các quốc gia vừa và nhỏ tham gia tích cực hơn, chủ động và sâu hơn vào quản trị toàn cầu, khu vực cũng như định hình các thể chế, quy tắc, chuẩn mực, luật chơi quốc tế, các chương trình nghị sự đa phương, làm cho các cơ chế hợp tác đa phương trở nên bao trùm và mang tính đại diện hơn. Trong thế giới ngày càng dân chủ hóa hơn, vai trò của các nước vừa và nhỏ ngày càng được coi trọng hơn, tiếng nói của họ được lắng nghe hơn. Qua đó, mở rộng không gian hợp tác, thúc đẩy chủ nghĩa đa phương trên cơ sở các nguyên tắc dân chủ, công bằng, bình đẳng và công lý.

Hai là, xu thế dân chủ hóa thúc đẩy và gia tăng vai trò và sự tham gia của các chủ thể phi nhà nước và công dân.

Xu thế dân chủ hóa tạo điều kiện nâng cao vai trò, ảnh hưởng của các mạng lưới xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia và công luận trong quá trình ra quyết định chính sách của các chính phủ, bao gồm chính sách đối ngoại đa phương cũng như định hình chương trình nghị sự của các cơ chế đa phương. Thực tế này làm thay đổi bản chất và nội dung của đối ngoại đa phương. Các chủ thể phi nhà nước có thể tham gia vào các cơ chế, diễn đàn quốc tế, vận động cho các quyết định chính sách, tác động và gây áp lực lên các chính phủ, đòi hỏi các chính sách phải phù hợp hơn với các chuẩn mực, giá trị dân chủ, nhân quyền, và quản trị tốt hơn ở cấp độ toàn cầu, buộc các chính phủ phải tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm hơn trong hành động. Thông qua truyền thông, các mạng xã hội, các phong trào xã hội, công luận ngày càng có vai trò tích cực hơn trong các vấn đề quốc tế. Sự tham gia của các chủ thể phi nhà nước làm cho các cơ chế hợp tác, diễn đàn đa phương ngày càng trở nên đa dạng hơn, nhưng cũng phức tạp và khó kiểm soát hơn.

Ba là, tăng cường vai trò của các cơ chế đa phương và luật pháp quốc tế.

Xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế thúc đẩy việc trao quyền nhiều hơn cho các tổ chức quốc tế, từ đó gia tăng vai trò, ảnh hưởng của các cơ chế đa phương trong quản trị và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Trong một thế giới ngày càng được dân chủ hóa, chính trị cường quyền và chủ nghĩa đơn phương không còn chi phối, lấn át. Thay vì đó, trật tự quốc tế dựa trên pháp quyền, với Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế được đề cao trong việc điều chỉnh hành vi của các quốc gia. Dân chủ hóa đời sống quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải tuân thủ luật pháp và các chuẩn mực quốc tế và các cơ chế đa phương trở thành diễn đàn quan trọng để xây dựng, thúc đẩy và bảo vệ các nguyên tắc luật pháp và chuẩn mực chung quốc tế đó. Điều này tạo ra một môi trường quốc tế ổn định và có thể dự đoán được, đồng thời góp phần xây dựng một trật tự quốc tế công bằng, bình đẳng, tiến bộ và ổn định hơn.

Bốn là, môi trường quốc tế dân chủ tạo điều kiện thúc đẩy đối thoại và hợp tác trong quan hệ quốc tế.

Dân chủ hóa tạo sức ép từ số đông các chủ thể quốc tế, cũng như tạo ra áp lực từ công chúng và dư luận quốc tế lên các chính phủ, các tổ chức đa phương, thúc đẩy nhu cầu hợp tác, cũng như đòi hỏi tuân thủ các chuẩn mực quốc tế và giải quyết các vấn đề thông qua đối thoại và hợp tác, thay vì áp đặt, đe dọa sử dụng vũ lực hay đơn phương hành động. Một môi trường quốc tế dân chủ đề cao nguyên pháp quyền và tắc bình đẳng giữa tất cả các quốc gia, dù lớn hay nhỏ đã tạo nền tảng vững chắc cho các cuộc đối thoại công bằng và tôn trọng lẫn nhau, thúc đẩy xu hướng tìm kiếm giải pháp hòa bình cho các mâu thuẫn, tranh chấp và xung đột thông qua đàm phán, đối thoại hoặc thông qua các cơ chế đa phương dựa trên luật lệ thay vì sử dụng vũ lực và cưỡng ép.

3. Tác động của xu thế dân chủ hóa đời sống quốc tế đến chính sách đối ngoại đa phương trên thế giới

Thứ nhất, trong môi trường quốc tế dân chủ hóa, chủ nghĩa đa phương và luật pháp quốc tế được đa số quốc gia và chủ thể quan hệ quốc tế theo đuổi và đề cao.

Xu hướng dân chủ hóa song hành với việc tăng cường chủ nghĩa đa phương và đề cao pháp quyền trong đời sống quốc tế đã làm cho chính sách đối ngoại đa phương trở thành lựa chọn quan trọng đối với hầu hết các quốc gia, nhất là với các nước vừa và nhỏ trong bảo vệ và theo đuổi lợi ích cũng như là công cụ để đấu tranh vì một trật tự chính trị và kinh tế quốc tế công bằng, bình đẳng và dân chủ hơn. Dân chủ hóa tạo môi trường và điều kiện cho các quốc gia hợp tác với nhau hơn, trong đó, hợp tác đa phương trở thành phương thức phổ biến để các quốc gia thúc đẩy các lợi ích chung và giải quyết các thách thức chung. Các diễn đàn và thể chế đa phương trở thành địa điểm quan trọng cho các cuộc gặp gỡ, thảo luận, đàm phán thúc đẩy hợp tác và giải quyết các vấn đề chung liên quan đến nhiều chủ thể. Đặc biệt, xu thế dân chủ hóa khuyến khích các nước vừa và nhỏ chủ động và tích cực trong việc tham gia sâu rộng hơn vào các quá trình ra quyết sách chung trong các cơ chế quốc tế và khu vực nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, đồng thời đóng góp vào hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển.

Thứ hai, môi trường dân chủ hóa khuyến khích các quốc gia theo đuổi đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, bao gồm đối ngoại đa phương.

Đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, trong đó có đa dạng hóa hợp tác đa phương là một xu hướng được thúc đẩy bởi động lực dân chủ hóa. Trong môi trường quốc tế bị chi phối bởi chính trị cường quyền và đôi đầu nước lớn, chính sách đối ngoại của các quốc gia và các chủ thể quan hệ quốc tế khác có xu hướng bị cuốn vào vòng xoáy phân cực, chọn bên dưới tác động của cạnh tranh và tập hợp lực lượng giữa các cường quốc. Ngược lại, môi trường dân chủ hóa tạo không gian rộng mở và khuyến khích chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại cả song phương và đa phương. Các nước vừa và nhỏ có xu hướng tham gia các cơ chế hợp tác đa phương và tập hợp lực lượng đa dạng trên thế giới nhằm đa dạng

hóa hợp tác, nâng cao tính tự chủ chiến lược, đồng thời chủ động xây dựng các cơ chế hợp tác mới không phụ thuộc vào nước lớn, tạo nên một cấu trúc đa phương đa dạng, đa tầng nấc.¹

Thứ ba, xu hướng dân chủ hóa làm cho các quyết định chính sách về đối ngoại trở nên minh bạch và chịu sự giám sát chặt chẽ hơn của công chúng thông qua các phương tiện truyền thông và các hoạt động của xã hội dân sự. Các chính phủ ngày càng phải chịu áp lực minh bạch hóa và trách nhiệm giải trình với người dân về chính sách đối ngoại, nhất là các chính sách liên quan đến an ninh và kinh tế. Điều này bao gồm cả việc nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cơ quan lập pháp với tư cách là đại diện cho tiếng nói của các tầng lớp nhân dân trong việc phê chuẩn, giám sát thực thi các thỏa thuận quốc tế đa phương.

Thứ tư, xu hướng theo đuổi các hình thức hợp tác đa phương mới đa chủ thể, theo lĩnh vực, chuyên ngành.

Sự tham gia ngày càng đa dạng của các chủ thể quan hệ quốc tế vào hợp tác đa phương, trong đó chứng kiến sự phát triển và gia tăng vai trò của các chủ thể phi nhà nước và công dân đã thúc đẩy sự ra đời của ngày càng đa dạng các hình thức hợp tác đa phương mới, không chỉ giữa các chính phủ mà giữa các tổ chức phi chính phủ và chính phủ, công - tư hoặc xuất phát từ các sáng kiến do công dân khởi xướng; không chỉ có diễn đàn ngoại giao kênh 1 mà phát triển mạnh kênh 1,5, kênh 2.² Xu hướng dân chủ hóa cũng thúc đẩy sự hình thành các cơ chế hợp tác đa phương mới, linh hoạt, ở nhiều cấp độ, đa dạng theo lĩnh vực, ngành, vấn đề, trong đó tập trung vào các vấn đề mang tính phi truyền thống, hoặc gắn với nhu cầu và lợi ích cụ thể của nhóm quốc gia, nhóm xã hội như biến đổi khí hậu, nhân quyền, an ninh mạng, KHCN và đổi mới sáng tạo v.v..

¹ Đào Ngọc Báu – Bùi Việt Hương (chủ biên) (2024), *Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, tr.86.

² Ngoại giao kênh 1,5 là gồm các quan chức nhà nước, đại diện chính phủ và các chuyên gia phi chính phủ. Ngoại giao kênh 2 là hoạt động trao đổi giữa các học giả, chuyên gia có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại, song không đại diện cho quốc gia.

Bên cạnh những tác động tích cực, xu thế dân chủ hóa đời sống quốc tế cũng tạo ra những tác động tiêu cực đến chủ nghĩa đa phương và chính sách đối ngoại đa phương. Những áp lực từ cử tri trong nước và chính trị nội bộ có thể khiến các chính phủ ưu tiên các vấn đề đối nội, ảnh hưởng đến khả năng tham gia và cam kết của họ trong các nỗ lực hợp tác đa phương. Dân chủ hóa cũng có thể làm gia tăng xu hướng chính trị dân túy ở một số nước, dẫn đến việc hình thành các chính phủ dân tộc, dân túy theo đuổi xu hướng đơn phương, dân tộc hẹp hòi, từ bỏ các cam kết quốc tế hoặc sử dụng các quan điểm dân tộc, dân túy để biện minh cho các chính sách đối nội và đối ngoại của mình. Trên bình diện quan hệ quốc tế, sự khác biệt, đa dạng về quan điểm, giá trị và lợi ích giữa các quốc gia, các chủ thể quan hệ quốc tế, các lực lượng chính trị có thể dẫn đến sự cạnh tranh và chia rẽ trong quan hệ quốc tế nói chung, tại các diễn đàn đa phương nói riêng. Xu hướng dân chủ hóa với sự tham gia ngày càng tăng của nhiều chủ thể, lực lượng chính trị xã hội, với các quan điểm, tiếng nói và lợi ích khác nhau có thể làm cho việc đạt được đồng thuận trong nhìn nhận và giải quyết các vấn đề quốc tế trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Điều này cũng có thể gây cản trở tính hiệu quả của các cơ chế đa phương, làm phức tạp hóa và thậm chí mâu thuẫn, chia rẽ trong quá trình đàm phán và ra quyết định của các cơ chế hợp tác đa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Đình Quý (2019), *Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đặng Đình Quý (2025), “Xu hướng, xu thế lớn trong quan hệ quốc tế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1053 + 1054 (1).
3. Đào Ngọc Báu – Bùi Việt Hương (chủ biên) (2024), *Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
4. Henry Veltmeyer (ed) (2017), *Globalization and Antiglobalization: Dynamics of Change in the New World Order*, Routledge, New York.

5. Kathryn C. Lavelle (2022), *The Challenges of Multilateralism*, Yale University Press, New Haven and London.
6. Dosch, J. (2006), “The Impact of Democratization on the Making of Foreign Policy in Indonesia, Thailand and the Philippines”, *Südostasien aktuell: journal of current Southeast Asian affairs*, 25(5), 42-70, <https://nbn-resolving.org/urn:nbn:de:0168-ssoar-336978>.

NHỮNG BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ TẠI KHU VẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016–2025

PGS,TS. Hà Anh Tuấn*

Tóm tắt: Bài viết phân tích những biến động địa chính trị nổi bật ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2016 đến nay và đánh giá các lựa chọn chính sách đối ngoại của Việt Nam trước bối cảnh đó. Khu vực này đang chứng kiến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gay gắt, cùng quá trình tập hợp lực lượng đan xen phức tạp với nhiều liên minh và đối tác mới hình thành. Nhiều điểm nóng truyền thống như Biển Đông, Biển Hoa Đông, Đài Loan và bán đảo Triều Tiên tiếp tục căng thẳng. Đồng thời, các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, đại dịch, tội phạm xuyên biên giới hay an ninh mạng nổi lên mạnh mẽ. Bên trong một số quốc gia trong khu vực, bất ổn nội bộ có xu hướng tái xuất hiện, tiêu biểu là cuộc xung đột dân sự tại Myanmar sau chính biến 2021. Đáng chú ý, năm 2025 đánh dấu lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN xảy ra xung đột vũ trang công khai giữa hai nước thành viên (Thái Lan-Campuchia), thách thức nghiêm trọng nguyên tắc hòa bình của tổ chức này. Trước cục diện biến động đó, Việt Nam kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, tôn trọng luật pháp quốc tế với ưu tiên hàng đầu là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế đất nước. Việt Nam đề cao các nguyên tắc cơ bản như tôn trọng luật pháp quốc tế (đặc biệt là UNCLOS 1982), không can thiệp, không liên minh quân sự hay liên kết chống bên thứ ba theo chính sách “bốn không”, và tích cực thúc đẩy ngoại giao đa phương. Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, khi cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung gia tăng, Việt Nam

* Học viện Ngoại giao

khéo léo quản lý quan hệ với các nước lớn trong hệ thống khuôn khổ đối tác (đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện); trở thành đối tác tin cậy của nhiều quốc gia, có quan hệ tốt với tất cả các Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Những lựa chọn chính sách này cho phép Việt Nam duy trì cân bằng chiến lược, tranh thủ nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia trước các biến động nhanh chóng của môi trường địa chính trị khu vực.

Từ khóa: Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; địa chính trị; cạnh tranh Mỹ-Trung; chính sách đối ngoại Việt Nam; “bốn không”.

1. Giới thiệu

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang nổi lên là tâm điểm chiến lược toàn cầu trong thập kỷ qua. Từ khoảng năm 2016 trở lại đây, tình hình khu vực biến động nhanh chóng và sâu sắc, phản ánh sự chuyển dịch quyền lực và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc. Nổi bật nhất là sự điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ và sự trỗi dậy ngày càng quyết đoán của Trung Quốc, dẫn đến một “kỷ nguyên cạnh tranh nước lớn” mới mà Chính quyền Mỹ đã công khai xác nhận trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2017.¹ Phó Tổng thống Mỹ khi đó đã tuyên bố Hoa Kỳ coi Trung Quốc là đối thủ chiến lược, đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ song phương Mỹ-Trung. Mỹ cáo buộc Trung Quốc sử dụng “mọi công cụ chính trị, kinh tế, quân sự” nhằm thách thức lợi ích và trật tự do Mỹ dẫn dắt.² Ngược lại, Trung Quốc dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình ngày càng khẳng định vị thế cường quốc, không che giấu tham vọng điều chỉnh trật tự khu vực theo hướng có lợi cho mình, từ việc mở rộng ảnh hưởng kinh tế với Sáng kiến Vành đai và Con đường,

¹ The White House. National Security Strategy of the United States of America. December 18, 2017. <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>

² Pence, Mike. 2018. “Vice President Mike Pence’s Remarks on the Administration’s Policy Towards China.” Hudson Institute. October 4. <https://www.hudson.org/events/1610-vice-president-mike-pence-s-remarks-on-the-administration-s-policy-towards-china102018>

đưa ra các sáng kiến quản trị toàn cầu, và phô diễn sức mạnh quân sự trên biển. Cục diện địa chính trị khu vực vì thế trở nên biến động, phức tạp và khó lường hơn.

Song song với cạnh tranh Mỹ-Trung, bức tranh an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương còn bị tác động bởi nhiều yếu tố đan xen khác. Các liên minh và đối tác an ninh mới được hình thành hoặc củng cố. Mỹ thúc đẩy nhóm “Bộ Tứ” (QUAD) với Nhật Bản, Ấn Độ, Úc; thỏa thuận AUKUS ra đời năm 2021 kết nối Mỹ - Anh - Úc; các cường quốc ngoài khu vực như châu Âu cũng tăng cường can dự, thể hiện qua chiến lược Indo-Pacific của EU và sự ủng hộ các sáng kiến an ninh mới.¹ Mặt khác, các nước vừa và nhỏ trong khu vực theo đuổi cách tiếp cận đa dạng hóa lựa chọn, không muốn bị cuốn vào vòng xoáy đối đầu siêu cường. Thay vì chọn phe, nhiều nước tìm cách tham gia những liên kết chồng chéo nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro. Trật tự khu vực vì thế đang định hình như một mạng lưới phức tạp và linh hoạt, có những liên minh chồng chéo, thể chế đan xen, đồng minh có khi vẫn bất đồng, trong khi đối thủ đôi lúc lại hợp tác vì lợi ích chung.²

Bên cạnh đó, nhiều điểm nóng an ninh truyền thống không hạ nhiệt, thậm chí thêm phần gay gắt do bối cảnh cạnh tranh mới. Các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và xung đột tiềm tàng từ Biển Đông, Biển Hoa Đông đến eo biển Đài Loan và vấn đề bán đảo Triều Tiên vẫn là những ngòi nổ nguy hiểm và tiềm tàng, nguy cơ leo thang khi bị các nước lớn lồng vào cuộc chơi địa chính trị. Đồng thời, những vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng, an ninh nguồn nước... ngày càng nổi cộm trong chương trình nghị sự khu vực, đòi hỏi nỗ lực hợp tác vượt qua khác biệt giữa các quốc gia. Nội tại nhiều quốc gia ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương cũng trải qua biến động chính

¹ Freeman, Carla; Daniel Markey; and Vikram J. Singh. 2022. “A Closer Look at Biden’s Indo-Pacific Strategy.” United States Institute of Peace (USIP), March 7. <https://www.usip.org/publications/2022/03/closer-look-bidens-indo-pacific-strategy>

² Freeman, Carla; Daniel Markey; and Vikram J. Singh. 2022. “A Closer Look at Biden’s Indo-Pacific Strategy.” United States Institute of Peace (USIP), March 7. <https://www.usip.org/publications/2022/03/closer-look-bidens-indo-pacific-strategy>

trị xã hội, khiến bức tranh chung thêm phần bất ổn. Bất ổn trong nước dẫn đến xung đột nội bộ đẫm máu, tạo ra những vấn đề an ninh khó giải quyết mới mà ASEAN phải đối mặt. Trong bối cảnh đó, Việt Nam với tư cách một quốc gia tầm trung và có vai trò ngày càng quan trọng ở Đông Nam Á phải có lựa chọn chiến lược khéo léo nhằm thích ứng và bảo vệ lợi ích quốc gia. Là láng giềng gần gũi Trung Quốc nhưng cũng coi trọng quan hệ với Mỹ và các nước khác, Việt Nam theo đuổi chính sách đối ngoại cân bằng, mềm dẻo nhưng kiên định nguyên tắc.

Bài viết này sẽ phân tích chi tiết các biến động địa chính trị nổi bật của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương giai đoạn gần đây và luận giải cách Việt Nam định hướng chính sách đối ngoại để ứng phó với môi trường khu vực đang có nhiều biến động này, góp phần làm sáng tỏ tư duy chiến lược của Việt Nam trước những chuyển động địa chính trị phức tạp hiện nay.

2. Các biến động địa chính trị ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương gần đây

Cạnh tranh chiến lược Mỹ-Trung ngày càng quyết liệt

Động lực chi phối nổi bật nhất đối với cục diện Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương giai đoạn 2016–2025 là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Cho đến đầu thập niên 2010, Mỹ và Trung Quốc vẫn cố gắng duy trì quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Tuy nhiên, từ sau năm 2016, đặc biệt dưới thời Chính quyền Donald Trump, Mỹ đã chuyển sang cách tiếp cận đối đầu trực diện với Trung Quốc. Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ 2017 chính thức coi Trung Quốc và Nga là “các cường quốc xét lại” thách thức lợi ích Mỹ, và tuyên bố bước vào kỷ nguyên “cạnh tranh giữa các nước lớn”.¹ Tháng 10/2018, trong bài phát biểu tại Viện Hudson, Phó Tổng thống Mike Pence đã cáo buộc Trung Quốc can thiệp nội bộ, đánh cắp công nghệ và bành trướng quân sự, đồng thời khẳng định Mỹ “sẽ không

¹ The White House. National Security Strategy of the United States of America. December 18, 2017. <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>

lùi bước” trước các hành vi quyết đoán của Trung Quốc.¹ Bài phát biểu này có thể coi là một tuyên ngôn cho Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP) của Mỹ, đặt nền móng cho chính sách kiềm chế Trung Quốc những năm sau.

Về kinh tế, Mỹ phát động chiến tranh thương mại với Trung Quốc từ 2018, áp thuế trừng phạt lên hàng loạt sản phẩm Trung Quốc nhằm giảm thâm hụt và phản đối hành vi thương mại không công bằng của Bắc Kinh. Hai nước liên tiếp trả đũa thuế quan, làm gián đoạn chuỗi cung ứng khu vực. Cạnh tranh mở rộng sang nhiều lĩnh vực, đáng chú ý có các ngành công nghệ cao. Mỹ cấm vận hãng viễn thông Huawei, hạn chế xuất khẩu chip và công nghệ nhạy cảm sang Trung Quốc với viện lý do an ninh quốc gia. Trung Quốc đáp trả bằng chiến lược tự lực về công nghệ (“Made in China 2025”), tăng cường kiểm soát các công ty công nghệ và trả đũa bằng cách thắt chặt kiểm soát xuất khẩu đất hiếm. Cuộc chạy đua công nghệ và kinh tế giữa hai cường quốc đã tạo áp lực buộc các nước khác ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương phải đánh giá lại mức độ phụ thuộc và điều chỉnh chiến lược phát triển của mình.

Trên phương diện quân sự-an ninh, cạnh tranh Mỹ-Trung diễn ra quyết liệt trên nhiều mặt trận. Trung Quốc thúc đẩy hiện đại hóa quân đội với ngân sách quốc phòng năm 2023 khoảng 225 tỷ USD, gấp hơn 3 lần so với 2010. Bắc Kinh đầu tư mạnh vào tên lửa tầm xa, tàu chiến, tiêm kích tàng hình và vũ khí không gian, đặt mục tiêu đến 2049 có quân đội đẳng cấp thế giới. Các chuyên gia Mỹ thừa nhận Trung Quốc đang thu hẹp khoảng cách quân sự với Mỹ tại khu vực. Ở Biển Đông, Trung Quốc đẩy mạnh quân sự hóa các đảo nhân tạo xây dựng phi pháp; triển khai các loại vũ khí như tên lửa chống hạm, tên lửa phòng không, tàu chiến, hệ thống radar giám sát tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa bất chấp cam kết

¹ Pence, Mike. 2018. “Vice President Mike Pence’s Remarks on the Administration’s Policy Towards China.” Hudson Institute, October 4. <https://www.hudson.org/events/1610-vice-president-mike-pence-s-remarks-on-the-administration-s-policy-towards-china102018>

của Chủ tịch Tập Cận Bình sẽ không quân sự hóa Biển Đông. Hải quân và các lực lượng chấp pháp Trung Quốc gia tăng hiện diện khắp khu vực biển Đông, liên tục cho tàu hải cảnh, dân quân biển quấy nhiễu hoạt động dầu khí của Việt Nam, Malaysia và cản trở, xua đuổi, thậm chí bắt giữ ngư dân các nước khác trong vùng đánh cá truyền thống. Trong khi đó, Mỹ tiếp tục duy trì mức độ hiện diện quân sự ổn định tại khu vực, thường triển khai các nhóm tàu chiến hoặc tàu sân bay qua Biển Đông, mở rộng hợp tác quốc phòng với các đồng minh Đông Nam Á như Singapore và Philippines (phục hồi Thỏa thuận viếng thăm quân sự với Philippines, tiếp cận thêm căn cứ ở Philippines năm 2023). Hải quân Mỹ thì tiến hành các hoạt động tự do hàng hải (FONOP) áp sát các cấu trúc Trung Quốc chiếm đóng để thể hiện việc bác bỏ yêu sách của Trung Quốc, bất chấp sự truy cản nguy hiểm của tàu Trung Quốc, trong đó nhiều vụ suýt dẫn đến va chạm trực tiếp.

Không chỉ cạnh tranh song phương, Mỹ và Trung Quốc còn đấu khẩu gay gắt tại các diễn đàn đa phương. Tại Đối thoại Shangri-La hay các hội nghị ASEAN, quan chức Mỹ liên tục chỉ trích hành vi “bắt nạt” của Trung Quốc đối với láng giềng và cam kết Mỹ sẽ đảm bảo trật tự dựa trên luật pháp ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Đáp lại, Trung Quốc tố cáo Mỹ theo đuổi “tâm lý Chiến tranh Lạnh”, can thiệp vào công việc nội bộ Trung Quốc như vấn đề Đài Loan, Hồng Kông và Tân Cương.

Sự bất đồng sâu sắc về tầm nhìn trật tự khu vực khiến hợp tác Mỹ-Trung hầu như đóng băng trên nhiều lĩnh vực, ngoại trừ đối thoại hạn chế về biến đổi khí hậu và kiểm soát dịch bệnh. Đến đầu thập niên 2020, một số nỗ lực ổn định quan hệ được khởi động (ví dụ cuộc gặp thượng đỉnh Biden-Tập tại Bali (11/2022), cuộc gặp Trump-Tập tại Busan (11/2025) nhưng hai bên chưa đạt được các thỏa thuận đáng kể. Tình trạng đối đầu chiến lược đã trở thành “trạng thái bình thường mới” lâu dài, định hình môi trường an ninh Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Tập hợp lực lượng phức tạp, đan xen nhiều tầng nấc

Hệ quả trực tiếp của cạnh tranh Mỹ-Trung là quá trình tái cấu trúc các liên minh và quan hệ đối tác trong khu vực, theo hướng phức tạp và đa tầng nấc hơn. Một đặc điểm nổi bật là sự hồi sinh và củng cố các liên kết an ninh giữa Mỹ với các đồng minh, đối tác cùng chí hướng, nhằm tạo đối trọng với ảnh hưởng Trung Quốc. Ngay từ 2017–2018, Mỹ vận động khôi phục cơ chế đối thoại an ninh bốn bên “Bộ Tứ” (Quad) với Nhật Bản, Ấn Độ và Australia, vốn từng gián đoạn từ 2008. Quad nhanh chóng nâng cấp lên hội nghị thượng đỉnh lãnh đạo (từ 2021) và mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực như an ninh biển, cơ sở hạ tầng, vaccine, công nghệ. Năm 2021, Mỹ tiếp tục gây bất ngờ khi cùng Anh và Australia công bố thỏa thuận AUKUS, một liên minh an ninh cung cấp cho Australia tàu ngầm hạt nhân và hợp tác về tên lửa siêu âm, trí tuệ nhân tạo... AUKUS đánh dấu lần đầu tiên Mỹ chia sẻ công nghệ hạt nhân nhạy cảm cho một đồng minh ngoài Anh, cho thấy quyết tâm tạo ưu thế quân sự ở Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, Mỹ tăng cường gắn kết với NATO và EU trong vấn đề khu vực. Năm 2022, lần đầu tiên NATO đề cập thách thức từ Trung Quốc trong Khái niệm Chiến lược, còn Liên minh châu Âu công bố Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương riêng, cam kết hiện diện nhiều hơn. Washington hoan nghênh sự nhập cuộc của châu Âu, coi đó là đòn bẩy đa phương kiềm chế Trung Quốc.¹

Tuy nhiên, bức tranh tập hợp lực lượng không phân chia thành hai khối riêng biệt. Đa số các nước tầm trung ở châu Á chọn chiến lược đu dây linh hoạt thay vì cam kết tuyệt đối với một phe. Ấn Độ vừa tích cực trong Quad, vừa duy trì quan hệ quốc phòng truyền thống với Nga và đối thoại với Trung Quốc. ASEAN lập trường trung lập, khẳng định không muốn trở thành sân chơi cho cạnh tranh siêu cường. Các nước như Hàn Quốc, Singapore và Indonesia hoan nghênh các sáng kiến kinh tế của Mỹ như Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF) nhưng đồng thời cũng tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu

¹ Freeman, Carla; Daniel Markey; and Vikram J. Singh. 2022. “A Closer Look at Biden’s Indo-Pacific Strategy.” United States Institute of Peace (USIP), March 7. <https://www.usip.org/publications/2022/03/closer-look-bidens-indo-pacific-strategy>

vực (RCEP) do Trung Quốc dẫn dắt nhằm tối ưu hóa lợi ích. Có thể nói, trật tự khu vực đang vận động theo hướng đa trung tâm, trong đó các nước tranh thủ đa dạng hóa quan hệ. Các mối quan hệ chằng chịt đan xen phức tạp, đồng minh của Mỹ vẫn hợp tác kinh tế chặt chẽ với Trung Quốc, còn các nước gần gũi Trung Quốc cũng duy trì quan hệ quốc phòng tốt với Mỹ hay Ấn Độ. Mạng lưới liên minh, đối tác chằng chịt này có đặc trưng là các liên kết và đối tác theo từng vấn đề, dự án cụ thể thay vì cấu trúc cố định kiểu Chiến tranh Lạnh.

ASEAN với mong muốn đóng vai trò trung tâm cũng chịu tác động của quá trình tập hợp lực lượng mới. Nội bộ ASEAN chia rẽ hơn trước sức ép cạnh tranh. Một số thành viên như Philippines (dưới thời Duterte) hay Campuchia có giai đoạn xích lại gần Trung Quốc; trong khi Singapore và Indonesia có xu hướng tự chủ hơn và hoan nghênh vai trò an ninh của Mỹ. ASEAN cố gắng duy trì nguyên tắc đồng thuận và lập trường trung lập qua Văn kiện Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (AOIP) năm 2019, nhưng thực tế tổ chức này vẫn phải tìm con đường thích ứng. Việc Mỹ, Trung Quốc và các nước lớn ve vãn ASEAN thể hiện qua hàng loạt Hội nghị Cấp cao đặc biệt (Mỹ-ASEAN 2022, Trung Quốc-ASEAN thường niên, v.v.) và các sáng kiến (Mỹ lập Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với ASEAN năm 2022). Tuy nhiên, sự thiếu đoàn kết nội bộ khiến vai trò trung tâm của ASEAN bị đặt dấu hỏi trong các cấu trúc an ninh mới. Các nước ASEAN buộc phải nâng cao năng lực tự cường và chủ động hợp tác theo vấn đề nếu không muốn bị lu mờ trong bàn cờ địa chính trị do các nước lớn dẫn dắt.

Điểm nóng truyền thống tiếp tục căng thẳng

Trong khi cục diện khu vực có nhiều biến đổi, các điểm nóng an ninh truyền thống ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương vẫn là những nhân tố truyền thống đe dọa hòa bình và ổn định trong khu vực. Bốn điểm nóng đáng chú ý gồm tranh chấp tại Biển Đông, Biển Hoa Đông, eo biển Đài Loan và bán đảo Triều Tiên.

Tranh chấp chủ quyền Biển Đông giữa 5 nước (6 bên) gồm Trung Quốc, 4 nước Đông Nam Á ven biển (Brunei, Malaysia, Philippines, Việt Nam) và Đài Loan kéo dài nhiều thập kỷ, song các hoạt động quyết đoán của Trung Quốc đã gia tăng trong hai thập kỷ gần đây. Phán quyết của Tòa Trọng tài 2016 đã bác bỏ “đường chín đoạn”, nhưng Trung Quốc tuyên bố không tuân thủ và tiếp tục củng cố, thậm chí mở rộng yêu sách. Nước này đẩy mạnh hoạt động bồi đắp, quân sự hóa ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, xây 3 đường băng cỡ lớn và hàng chục điểm phục vụ các trang thiết bị và hoạt động quân sự. Các ảnh vệ tinh cho thấy Trung Quốc đã bố trí tên lửa hành trình chống hạm YJ-12B, tên lửa phòng không HQ-9 trên đá Chữ Thập, Su Bi, Vành Khăn; triển khai thường trực lực lượng dân quân biển hàng trăm chiếc quanh các thực thể tranh chấp.¹ Nhiều hoạt động áp đặt, gây sức ép của Trung Quốc làm căng thẳng leo thang với các nước láng giềng. Một số ví dụ cụ thể như năm 2019, tàu khảo sát Trung Quốc Địa chất Hải Dương 8 xâm nhập vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam (gần Bãi Tư Chính) suốt hơn 3 tháng. Năm 2020, tàu này tiếp tục uy hiếp dàn khoan West Capella của Malaysia; hải cảnh Trung Quốc thường xuyên đẩy đuổi và sẵn sàng va chạm tàu cá các nước như Philippines và Việt Nam ở quanh khu vực chồng lấn tuyên bố chủ quyền và quyền chủ quyền.

Các nước ASEAN phản ứng kiên quyết hơn. Năm 2020 chứng kiến hoạt động đấu tranh bằng công hàm của các nước Đông Nam Á gửi lên các cơ quan của Liên Hợp Quốc.² Philippines dưới thời Tổng thống Marcos Jr. (từ 2022) cứng rắn trở lại, nhiều lần công bố bằng chứng tàu Trung Quốc quấy rối tàu Philippines tại bãi Cỏ Mây (Second Thomas Shoal). Đến 2023, tình hình Biển Đông đặc biệt nóng, khi Trung Quốc dùng vòi rồng cản trở Philippines tiếp tế cho binh lính trên xác tàu BRP Sierra Madre ở bãi Cỏ Mây. Căng thẳng giữa các bên tranh chấp ở Biển

¹ Tổng hợp từ trang web của Sáng kiến Minh bạch Biển Châu Á (AMTI) của CSIS.

² Bình Giang. 2020. “Cuộc chiến công hàm về biển Đông ở Liên Hợp quốc.” Tiền Phong, June 4.
<https://tienphong.vn/cuoc-chien-cong-ham-ve-bien-dong-o-lien-hop-quoc-post1245616.tpo>

Đông không chỉ tác động trực tiếp tới các bên yếu sách mà còn đặt ra lo ngại về tự do hàng hải trong khu vực, làm tăng nguy cơ va chạm và xung đột cường quốc.

Tranh chấp ở biển Hoa Đông quanh khu vực quần đảo Senkaku/Điếu Ngư tiếp tục là tâm điểm căng thẳng giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Từ sau khi Nhật quốc hữu hóa Senkaku năm 2012, Trung Quốc thường xuyên cho tàu hải cảnh và máy bay áp sát quần đảo để khẳng định yêu sách. Những năm gần đây, tần suất và mức độ đối đầu giữa tàu chấp pháp hai bên có xu hướng tăng. Hai bên thường xuyên cáo buộc và đổ lỗi cho nhau gây hấn trước. Căng thẳng leo thang tới mức năm 2022, Trung Quốc tập trận bắn loạt tên lửa rơi vào vùng đặc quyền kinh tế trên biển của Nhật Bản khiến phía Nhật phản đối mạnh.¹ Tháng 11/2025, bốn tàu hải cảnh Trung Quốc đi vào vùng lãnh hải quanh Senkaku, tàu tuần duyên Nhật Bản phải theo dõi và xua đuổi.² Trước đó, Trung Quốc cũng đưa máy bay không người lái và chiến đấu cơ bay quanh khu vực, khiến Nhật phải điều tiêm kích ứng phó. Mỗi lo ngại an ninh đã khiến Nhật Bản lần đầu tiên tăng mạnh chi tiêu quốc phòng (kế hoạch tăng gấp đôi ngân sách QP lên xấp xỉ 2% tổng GDP trong 5 năm) và điều chỉnh chiến lược an ninh 2022, xác định Trung Quốc là thách thức chiến lược lớn nhất.

Eo biển Đài Loan là điểm nóng nguy hiểm nhất do tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến xung đột quân sự trực tiếp giữa Trung Quốc và Mỹ. Từ khi bà Thái Anh Văn (Đảng DPP) đắc cử lãnh đạo Đài Loan năm 2016, quan hệ hai bờ eo biển xấu đi rõ rệt. Trung Quốc ngừng mọi tiếp xúc chính thức, gia tăng sức ép quân sự, ngoại giao lên Đài Loan, thường xuyên điều máy bay áp sát đảo Đài Loan, tập trận đổ bộ quy mô lớn ở bờ biển Phúc Kiến, ép các nước cắt quan hệ ngoại giao với Đài Bắc. Tháng 8/2022, sau chuyến thăm Đài Loan của Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi,

¹ Bình Giang. 2022. “Nhật Bản phản đối Trung Quốc bắn nhiều tên lửa vào vùng đặc quyền kinh tế.” *Tiền Phong*, August 5. <https://tienphong.vn/nhat-ban-phan-doi-trung-quoc-ban-nhieu-ten-lua-vao-vung-dac-quyen-kinh-te-post1459107.tpo>

² Kelly, Tim, and Liz Lee. 2025. “Japan Sends Envoy to China in Bid to Calm Escalating Spat.” *Reuters*, November 17. <https://www.reuters.com/world/china/japan-sends-envoy-china-bid-calm-escalating-spat-media-2025-11-17>

Trung Quốc lần đầu tiên phóng tên lửa đạn đạo bay qua hòn đảo, đồng thời điều hàng trăm máy bay, tàu chiến mô phỏng phong tỏa toàn diện Đài Loan suốt nhiều ngày.¹ Các cuộc tập trận quy mô chưa từng có này đã tạo ra một cuộc khủng hoảng tên lửa Đài Loan mới. Về phần mình, Mỹ tiếp tục viện trợ vũ khí cho Đài Loan (bán các hệ thống phòng không, máy bay không người lái v.v.), tăng cường đi tàu qua eo biển thể hiện tự do hàng hải, và duy trì chính sách “mơ hồ chiến lược”. Xung đột quân sự ở Đài Loan tuy chưa xảy ra nhưng không còn là điều không thể. Với mức độ đối đầu hiện nay, chỉ cần tính toán sai lầm trên thực địa (ví dụ máy bay, tàu chiến va chạm) cũng có thể châm ngòi cho khủng hoảng. Ở góc độ chiến lược hơn, trường hợp Trung Quốc cảm thấy cơ hội để thống nhất bằng biện pháp hòa bình đã đóng lại, họ cũng có thể tính đến giải pháp vũ lực. Một cuộc xung đột ở eo biển Đài Loan sẽ gây hệ quả rất lớn cho khu vực. Do đó, eo biển Đài Loan tiếp tục là điểm nóng đáng lo ngại nhất đối với hòa bình và ổn định ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Bán đảo Triều Tiên với chương trình hạt nhân và tên lửa của CHDCND Triều Tiên vẫn là điểm nóng truyền thông chưa có giải pháp. Giai đoạn Triều Tiên tiến hành hàng loạt vụ thử vũ khí hạt nhân và tên lửa đạn đạo (2016–2017) và bị Liên Hợp Quốc siết cấm vận. Tổng thống Mỹ Trump thậm chí đe dọa “hủy diệt hoàn toàn Triều Tiên” nếu thấy cần thiết. Giai đoạn 2018-2019 có bước ngoặt ngoại giao khi ông Trump gặp Chủ tịch Kim Jong-un ba lần (thượng đỉnh Singapore 2018, Hà Nội 2019 và gặp ngắn ở khu vực phi vũ trang giữa hai miền Triều Tiên với mục tiêu phi hạt nhân hóa. Tuy nhiên các hội nghị không đạt thỏa thuận cụ thể. Từ 2020, đàm phán đình trệ, Triều Tiên lại tăng cường kho vũ khí và đóng băng quan hệ với Mỹ, Hàn Quốc và các nước khác. Giai đoạn 2022-2023, Triều Tiên phá kỷ lục thử tên lửa với việc phóng hơn 70 quả tên lửa các loại năm 2022, gồm cả các tên lửa đạn đạo liên lục địa có tầm bắn tới Mỹ và tên lửa đạn đạo

¹ European External Action Service. 2025. “Taiwan: Statement by the Spokesperson on China’s Military Drills.” April 1, 2025. https://www.eeas.europa.eu/eeas/taiwan-statement-spokesperson-china%E2%80%99s-military-drills-0_en

phóng từ tàu hỏa, từ tàu ngầm. Đây là con số tên lửa Triều Tiên phóng nhiều nhất trong lịch sử.¹ Năm 2023, Triều Tiên tuyên bố đã thử thành công tên lửa đạn đạo nhiên liệu rắn Hwasong-18, loại ICBM mới khó bị phát hiện và rút ngắn thời gian chuẩn bị cho quá trình phóng.² Hàn Quốc phản ứng cứng rắn, nổi lại tập trận chung quy mô lớn với Mỹ, thậm chí ám chỉ khả năng sở hữu vũ khí hạt nhân. Mỹ điều tàu sân bay, oanh tạc cơ chiến lược tới tập trận gần Triều Tiên, đồng thời họp thượng đỉnh ba bên Mỹ-Nhật-Hàn (Trại David 8/2023), cam kết phối hợp các hoạt động răn đe đối với Triều Tiên. Trung Quốc và Nga công khai hỗ trợ Triều Tiên hơn. Quan hệ Nga-Triều Tiên nồng ấm khi ông Kim Jong Un thăm Nga 9/2023 và nhiều thông tin khác nhau cho rằng Triều Tiên đã cung cấp cả vũ khí và binh lính cho Nga trong xung đột ở Ukraine.³ Cục diện hiện tại cho thấy Triều Tiên không có ý định từ bỏ vũ khí hạt nhân, thậm chí còn phát triển kho vũ khí ngày càng lớn và hiện đại hơn. Nguy cơ xung đột có thể từ một vụ khiêu khích bất kỳ. Tuy chưa bùng nổ, bán đảo Triều Tiên vẫn là điểm nóng âm ỉ góp phần vào bức tranh an ninh bất ổn của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Các thách thức an ninh phi truyền thống nổi lên

Cùng với những xung đột truyền thống, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thời gian qua đối mặt với hàng loạt mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng. Các vấn đề như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, an ninh mạng, an ninh năng lượng... đang nổi lên thành thách thức chung, đe dọa sự ổn định và phồn vinh của các quốc gia không kém gì xung đột quân sự.

Biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ đến các nước trong khu vực. Nước biển dâng và thời tiết cực đoan đe dọa sự sinh tồn của nhiều quốc đảo nhỏ Thái Bình Dương.

¹ Kim, Jiyoung. 2022. “North Korea’s Missile Activity in 2022.” *Strategic Comments* 28 (7).

<https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/13567888.2022.2150458>

² Council on Foreign Relations. 2024. “North Korea Crisis.” *Global Conflict Tracker*. Updated October 17, 2024. <https://www.cfr.org/global-conflict-tracker/conflict/north-korea-crisis>.

³ Council on Foreign Relations. 2024. “North Korea Crisis.” *Global Conflict Tracker*. Updated October 17, 2024. <https://www.cfr.org/global-conflict-tracker/conflict/north-korea-crisis>.

Các quốc gia Đông Nam Á như Philippines, Việt Nam và Thái Lan hứng chịu ngày càng nhiều bão lụt, hạn hán. Các đảo quốc như Maldives, Tuvalu đối mặt nguy cơ chìm dưới biển trong vài thập kỷ tới. Biến đổi khí hậu cũng kéo theo an ninh lương thực bất ổn do mất mùa, nguồn lợi thủy sản suy giảm... và di cư môi trường do dân cư vùng ven biển phải di dời. Do đó, ứng phó biến đổi khí hậu đã trở thành ưu tiên an ninh của nhiều nước và là lĩnh vực hợp tác khu vực quan trọng. ASEAN thành lập Trung tâm về biến đổi khí hậu, thông qua nhiều tuyên bố chung về môi trường; các cường quốc như Mỹ, Úc, Nhật cũng gia tăng hỗ trợ khu vực về năng lượng tái tạo, quản lý thiên tai.

Đại dịch COVID-19 bùng phát năm 2020 là cảnh báo lớn về vấn đề an ninh y tế. Dịch bệnh đã gây ra khủng hoảng y tế và kinh tế xã hội nghiêm trọng với gần 100 triệu ca nhiễm và hàng triệu ca tử vong ở châu Á, làm đứt gãy chuỗi cung ứng và tăng trưởng kinh tế sụt giảm. Đông Nam Á từng tăng trưởng 5-7%/năm trước dịch, nhưng năm 2020 đã rơi vào suy thoái. Đại dịch cũng phơi bày điểm yếu trong hợp tác khu vực khi các nước chủ yếu ứng phó đơn lẻ, đặc biệt trong giai đoạn đầu dịch. Một số nước hạn chế xuất khẩu vật tư y tế và đóng cửa biên giới. An ninh y tế do vậy trở thành chủ đề an ninh phi truyền thống quan trọng. ASEAN và các đối tác (Mỹ, Trung, Nhật, Ấn...) đã thống nhất tăng cường chia sẻ thông tin dịch bệnh, hỗ trợ nâng cao năng lực y tế dự phòng, và phối hợp khi có dịch trong tương lai.

Bên cạnh đó, nhiều vấn đề khác như an ninh mạng, an ninh nguồn nước hay chủ nghĩa khủng bố cũng nổi lên thành những vấn đề cấp bách. Tấn công mạng gia tăng tần suất và mức độ ở khu vực, ảnh hưởng từ hệ thống tài chính đến hạ tầng năng lượng và an ninh cá nhân. ASEAN đã thông qua Kế hoạch hành động an ninh mạng để ứng phó. Về an ninh nguồn nước, việc quản lý nguồn nước sông Mekong giữa các nước thượng nguồn và hạ lưu căng thẳng khi hệ thống hàng chục đập thủy điện lớn ngăn giữa những dòng chính làm thay đổi dòng chảy và lưu lượng nước tự nhiên, gây hạn hán ở hạ lưu trong những mùa thiếu nước và

ngập lụt trong giai đoạn lũ lụt. Ngoài ra, khủng bố và cực đoan bạo lực vẫn là nguy cơ tiềm tàng. Khu vực miền nam Philippines và Indonesia từng chứng kiến sự trỗi dậy của tổ chức Hồi giáo cực đoan. Dù các lực lượng này cơ bản đã bị đánh bại, mầm mống khủng bố vẫn còn do những mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc, lịch sử và bất bình đẳng xã hội chưa được giải quyết.

Bất ổn nội bộ ở một số quốc gia gia tăng

Một xu hướng đáng lưu ý khác là sự gia tăng mâu thuẫn, xung đột nội bộ trong một số quốc gia khu vực thời gian gần đây, đe dọa ổn định và đặt ra thách thức cho hợp tác khu vực. Ở Đông Nam Á, tiêu biểu nhất là cuộc khủng hoảng Myanmar khi quân đội Myanmar đảo chính lật đổ chính phủ dân cử của Cố vấn nhà nước Aung San Suu Kyi (năm 2021), chấm dứt 10 năm chuyển tiếp dân chủ. Chính biến nhanh chóng vấp phải phản kháng mạnh mẽ từ người dân Myanmar, khởi đầu bằng biểu tình ôn hòa rồi chuyển thành xung đột vũ trang toàn diện. Nhiều người biểu tình trẻ tuổi thành lập lực lượng riêng, tham gia liên minh với các nhóm vũ trang sắc tộc, cùng chống lại quân đội. Đến năm 2023, Myanmar rơi vào nội chiến thực sự. Chính quyền quân sự chỉ kiểm soát khoảng 20-25% lãnh thổ, phần còn lại do các lực lượng nổi dậy chiếm giữ hoặc tranh chấp.¹ Nội chiến Myanmar không chỉ là thảm họa nhân đạo trong nước, mà còn đe dọa an ninh khu vực. Hàng trăm nghìn người tị nạn Myanmar đã chạy sang Thái Lan, Ấn Độ. ASEAN bị lúng túng và bị chia rẽ trong ứng xử với tình hình ở Myanmar. Một số nước công khai chỉ trích hoặc gây sức ép với quân đội Myanmar, trong khi một số nước khác thể hiện thái độ thận trọng hơn. Myanmar thậm chí trở thành trở ngại làm suy yếu ASEAN vì khối không thể thống nhất giải pháp hiệu quả. Trong khi đó, nỗ lực ngoại giao với Kế hoạch 5 điểm hòa bình của ASEAN đến nay thất bại do không được quân đội Myanmar nghiêm túc thực thi.

¹ Council on Foreign Relations. 2024. “North Korea Crisis.” *Global Conflict Tracker*. Updated October 17, 2024. <https://www.cfr.org/global-conflict-tracker/conflict/north-korea-crisis>.

Không chỉ Myanmar, nhiều nước khác cũng trải qua bất ổn chính trị nội bộ. Thái Lan sau đảo chính 2014 duy trì chính quyền quân sự cho đến bầu cử 2019, nhưng phong trào thanh niên biểu tình 2020-2021 đòi dân chủ từng khuấy động nền chính trị đất nước. Sau thời Thủ tướng Thaksin, Thái Lan chưa thực sự được hưởng nền hòa bình ổn định lâu dài. Malaysia giai đoạn 2020-2022 cũng có những rối loạn chính trị nhất định khi chính phủ của Thủ tướng Mahathir sụp đổ, dẫn đến việc thay thế liên tiếp ba đời Thủ tướng chỉ trong hai năm. Đặc khu Hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) năm 2019 nổ ra biểu tình chống luật dẫn độ với quy mô hàng triệu người, kéo dài nhiều tháng. Ngay cả Trung Quốc, cuối 2022 cũng chứng kiến nhiều cuộc biểu tình ở nhiều thành phố để phản đối chính sách không COVID, buộc chính quyền phải điều chỉnh chính sách, dỡ bỏ phong tỏa. Tại Nam Á, Srilanka (2022) và Bangladesh (2024) cũng chứng kiến các cuộc khủng hoảng kinh tế-chính trị trong nước với việc lãnh đạo chính phủ bị thay thế.

Xung đột vũ trang giữa hai nước thành viên ASEAN

Đặc biệt, trong bối cảnh căng thẳng gia tăng, ASEAN đã chứng kiến tiền lệ đầu tiên về việc xung đột vũ trang giữa các thành viên. Tranh chấp biên giới Thái Lan-Campuchia quanh khu vực đền Preah Vihear âm ỉ từ lâu, nhưng bùng phát thành giao tranh thực sự vào các năm 2008 và 2011. Tháng 2 và 4/2011, quân đội hai nước đấu pháo dữ dội nhiều ngày liền, khiến ít nhất 18 người chết, hàng chục nghìn dân phải sơ tán. Đây được xem là cuộc đụng độ vũ trang nghiêm trọng nhất giữa hai nước ASEAN từ khi khối thành lập, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc hòa bình của ASEAN. Sau một thời gian lắng dịu, năm 2025, quan hệ Thái Lan-Campuchia lại bước vào giai đoạn căng thẳng rõ rệt. Ngày 13/2/2025, các quan chức chính quyền Thái Lan ngăn cản du khách Campuchia hát quốc ca tại ngôi đền tranh chấp Prasat Ta Muen Thom, dẫn đến phản ứng từ Campuchia. Ngày 28/5, một vụ nổ súng giữa binh sĩ hai bên tại khu Tam giác Ngọc (Emerald Triangle) làm quân nhân Campuchia thiệt mạng. Hai bên đổ lỗi cho nhau việc khơi mào sự vụ. Đến tháng 6/2025, Thái Lan quyết định đóng một số cửa khẩu

biên giới với Campuchia. Phía Campuchia đáp trả bằng việc đình chỉ nhập khẩu nhiên liệu từ Thái Lan, dấu hiệu rõ ràng của việc chuyển từ tranh chấp địa phương sang đối đầu chính sách cấp quốc gia.¹ Đỉnh điểm xảy ra ngày 24-27/7/2025 khi giao tranh hai bên với pháo binh và tên lửa được sử dụng tại nhiều điểm dọc biên giới chung giữa hai nước. Đây được coi là mức đối đầu căng thẳng và leo thang cao nhất trong hơn một thập kỷ. Sự kiện Thái-Campuchia cho thấy ASEAN không còn có thể chủ quan rằng xung đột vũ trang “sẽ không xảy ra” trong nội bộ mình.

3. Lựa chọn chính sách đối ngoại của Việt Nam

Trước những biến động địa chính trị phức tạp của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, Việt Nam tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; vận dụng linh hoạt các công cụ ngoại giao để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển và bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế đất nước. Chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn 2016–2025 thể hiện qua ba định hướng lớn: (i) đảm bảo môi trường đối ngoại hòa bình để tập trung phát triển kinh tế-xã hội; (ii) kiên định các nguyên tắc nền tảng trong đối ngoại; (iii) chủ động quản lý quan hệ với các đối tác theo hệ thống khuôn khổ đối tác, không ngừng mở rộng mạng lưới đối tác để tạo thế đan xen lợi ích, tránh bị cô lập hoặc lệ thuộc.

Đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển

Mục tiêu tối thượng của chính sách đối ngoại của Việt Nam là phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước. Do đó, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định về đối ngoại luôn là ưu tiên hàng đầu. Các văn kiện của Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh nhiệm vụ then chốt của đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển và tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công

¹ Nguyễn Thị Thu Nga, “Khủng hoảng biên giới Thái Lan – Campuchia năm 2025: những thách thức đặt ra đối với cấu trúc an ninh khu vực ASEAN,” Lý luận Chính trị (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), July 29, 2025. <https://lyluanchinhtri.vn/khung-hoang-bien-gioi-thai-lan-campuchia-nam-2025-nhung-thach-thuc-dat-ra-doi-voi-cau-truc-an-ninh-khu-vuc-asean-7047.html>

nghiệp hóa, hiện đại hóa.¹ Trong bối cảnh khu vực nhiều biến động, Việt Nam càng đề cao phương châm “đĩ bất biến ứng vạn biến”, giữ vững mục tiêu chiến lược là hòa bình phát triển trong khi linh hoạt trong sách lược để thích ứng tình hình.

Cụ thể, Việt Nam đã chủ động tận dụng ngoại giao để phục vụ phát triển kinh tế. Giai đoạn 2016-2020, Việt Nam tích cực tham gia và ký kết các hiệp định thương mại tự do quan trọng như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) năm 2018, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) năm 2019, Khuôn khổ đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) năm 2020... Đây là những FTA thế hệ mới giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư và tạo động lực cải cách trong nước. Việc theo đuổi chính sách đa phương hóa kinh tế giúp Việt Nam tránh phụ thuộc quá mức vào một thị trường, giảm thiểu tác động tiêu cực từ căng thẳng Mỹ-Trung. Việt Nam cũng tranh thủ môi trường hòa bình để phát triển kinh tế. Tổng GDP của Việt Nam giai đoạn 2016-2019 tăng trung bình ở mức khoảng 6,8%/năm. Vị thế kinh tế cải thiện khi năm 2019 lần đầu tiên GDP Việt Nam vượt Singapore và Malaysia.

Để duy trì môi trường ổn định, Việt Nam kiên trì đường lối đối ngoại hòa bình. Việt Nam nhiều lần khẳng định không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, mà luôn ưu tiên giải quyết bất đồng bằng biện pháp hòa bình. Chính sách này được thể hiện rõ trong nguyên tắc “bốn không” về quốc phòng, đã được ghi rõ tại Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2019. Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang tại Đối thoại Shangri-La 2025 nhấn mạnh Việt Nam sẽ kiên trì giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, phù hợp luật pháp quốc tế.

Thực tế, trước các va chạm hay tình huống thách thức an ninh, Việt Nam luôn ứng xử kiềm chế, tránh để xung đột leo thang. Ví dụ, khi Trung Quốc đưa tàu khảo sát

¹ Bui Thanh Son. 2022. “Viet Nam’s Diplomatic Highlights in 2021: Pioneering, Proactivity, Enthusiasm and Creativity for National Development and Defense.” *Communist Review*, July 20, 2022.

và tàu hộ tống vào sâu vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam (Bãi Tư Chính 2019), Việt Nam cho lực lượng chấp pháp kiên trì bám trụ, phát thông báo phản đối, đồng thời sử dụng kênh ngoại giao trao công hàm yêu cầu Trung Quốc rút tàu, thay vì sử dụng các biện pháp có nguy cơ leo thang. Dù tình hình rất căng thẳng trong nhiều tháng, Việt Nam đã quản lý được khủng hoảng, tránh xảy ra xung đột vũ trang. Chính sách đối ngoại mềm dẻo này giúp Việt Nam bảo toàn môi trường hòa bình tổng thể trong giai đoạn khu vực nhiều xung đột.

Ngoài ra, Việt Nam chú trọng tăng cường hội nhập và đóng góp vào hòa bình khu vực, qua đó vừa nâng cao vị thế vừa giúp định hình môi trường có lợi. Việt Nam đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, dẫn dắt ASEAN vượt qua năm khó khăn vì đại dịch và căng thẳng Mỹ-Trung. Cùng năm, Việt Nam lần thứ hai đảm nhiệm ghế Ủy viên không thường trực HĐBA Liên Hợp Quốc giai đoạn 2020-2021. Trong cơ chế này, Việt Nam tích cực nêu tiếng nói đại diện cho ASEAN và các nước nhỏ, đề xuất các sáng kiến về bảo vệ thường dân trong xung đột, an ninh biển, biến đổi khí hậu... Việc chủ trì phiên họp về tuân thủ Hiến chương LHQ tháng 1/2020 và thông qua Tuyên bố Chủ tịch về hợp tác LHQ-ASEAN (4/2021) thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc gắn kết khu vực với hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ, giúp thúc đẩy và bảo vệ hòa bình chung. Những đóng góp đó nâng uy tín Việt Nam, đồng thời củng cố môi trường đối ngoại thuận lợi để đất nước phát triển.

Kiên định các nguyên tắc nền tảng

Xuyên suốt những năm qua, Việt Nam nhất quán tuân thủ các nguyên tắc nền tảng trong chính sách đối ngoại đã được định hình từ sau Chiến tranh Lạnh. Trong đó, có những nguyên tắc mang tính phổ quát như độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Đồng thời, Việt Nam cũng theo đuổi những nguyên tắc mang bản sắc riêng như kiên trì chính sách quốc phòng “bốn không”; tôn trọng và đề cao luật pháp quốc tế; mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, tích cực tham gia

ngoại giao đa phương. Những nguyên tắc này tạo thành trụ cột giúp định hướng sách lược đối ngoại Việt Nam trong môi trường đầy biến động.¹

Nguyên tắc độc lập, tự chủ là kim chỉ nam cho mọi quyết sách đối ngoại Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ-Trung, Việt Nam đặc biệt coi trọng giữ vững tự chủ chiến lược, không chọn bên hay ngả về bên nào, mục tiêu là đảm bảo cân bằng quan hệ với tất cả các nước lớn, thể hiện rõ qua chính sách “bốn không” trong Sách trắng Quốc phòng 2019. Chính sách này giúp Việt Nam tránh bị lôi kéo vào vòng xoáy cạnh tranh siêu cường, giữ được quan hệ hữu hảo cần thiết với cả hai phía để phục vụ lợi ích quốc gia. Sự cân bằng khéo léo này giúp Việt Nam có dư địa để tranh thủ nguồn lực từ mọi phía và giảm thiểu nguy cơ bị trừng phạt hay gây sức ép.

Song song, Việt Nam rất coi trọng luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc. Trong bối cảnh trật tự khu vực bị thử thách bởi chính trị cường quyền, Việt Nam càng kiên quyết nêu cao tiếng nói của luật pháp để bảo vệ lợi ích chính nghĩa, khẳng định giải quyết tranh chấp trên biển phải dựa trên Công ước Luật biển (UNCLOS 1982). Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang tại Shangri-La 2025 khẳng định Việt Nam kiên định và nhất quán giải quyết mọi tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, phù hợp UNCLOS 1982, đồng thời thúc đẩy việc sớm đạt Bộ Quy tắc ứng xử (COC) hiệu lực, hiệu quả.² Không chỉ Biển Đông, Việt Nam còn đề cao luật pháp ở mọi vấn đề: ủng hộ tuân thủ WTO trong thương mại, đề cao Công ước Paris trong ứng phó khí hậu, kêu gọi tôn trọng Công ước cấm vũ khí hóa học tại Syria, v.v.. Sự nhất quán của Việt Nam về luật pháp mang lại uy tín đạo đức và sự ủng hộ của nhiều quốc gia cùng chí hướng, giúp Việt Nam tranh thủ được tiếng nói quốc tế ủng hộ.

¹ Bui Thanh Son. 2022. “Viet Nam’s Diplomatic Highlights in 2021: Pioneering, Proactivity, Enthusiasm and Creativity for National Development and Defense.” *Communist Review*, July 20, 2022.

² VOV. 2025. “Vietnam Reiterates ‘Four No’s’ Defense Policy at Shangri-La Dialogue.” *VOV-World*, May 31. <https://vovworld.vn/en-US/news/vietnam-reiterates-four-nos-defense-policy-at-shangri-la-dialogue-1396314.vov>

Bên cạnh đó, Việt Nam kiên trì đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ trương làm bạn, đối tác tin cậy của tất cả các nước. Điều này thể hiện qua việc Việt Nam không ngừng mở rộng mạng lưới đối tác ngoại giao. Từ chỗ năm 1995 mới chỉ có quan hệ bình thường với một số cường quốc, đến nay Việt Nam đã có quan hệ đối tác toàn diện, chiến lược và chiến lược toàn diện với hơn 40 quốc gia trên thế giới, bao gồm tất cả 5 nước Ủy viên Thường trực HĐBA, hầu hết các nước G7 và nhiều nước láng giềng trong khu vực. Chính mạng lưới đối tác rộng khắp này tạo cho Việt Nam thế đan xen lợi ích với nhiều bên. Bằng cách đa dạng hóa, Việt Nam giảm thiểu lệ thuộc vào một thị trường hoặc một nguồn cung ứng quốc phòng duy nhất, tăng sức đề kháng trước cú sốc bên ngoài.

Cuối cùng, Việt Nam hết sức coi trọng ngoại giao đa phương và phát huy vai trò tích cực trong các tổ chức quốc tế và khu vực. Có thể nói chưa bao giờ vị thế đa phương của Việt Nam cao như giai đoạn qua. Việt Nam đã đăng cai Hội nghị cấp cao APEC (2017), là chủ nhà của Thượng đỉnh Mỹ-Triều (2019), chủ trì ASEAN 2020 thành công, hoàn thành tốt nhiệm kỳ HĐBA LHQ 2020–21 với nhiều sáng kiến. Thông qua các hoạt động ngoại giao đa phương, Việt Nam góp phần định hình luật chơi và tranh thủ sự ủng hộ cho lập trường nguyên tắc của mình, đồng thời học hỏi kinh nghiệm quản trị toàn cầu.

Quản lý quan hệ đối ngoại qua khuôn khổ đối tác

Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gay gắt, nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam nằm ở việc duy trì quan hệ hữu hảo với các nước lớn đồng thời không để bị lôi kéo vào xung đột. Để làm được điều đó, Việt Nam đã xây dựng một mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với hầu hết các quốc gia chủ chốt, tạo thế đan xen lợi ích sâu rộng. Trên cơ sở các khuôn khổ đối tác này, Việt Nam quản lý quan hệ song phương một cách ổn định, có nguyên tắc, đồng thời tranh thủ tối đa sự ủng hộ lẫn nguồn lực từ từng đối tác cho mục tiêu phát triển và an ninh của mình.

Với các nước Đông Nam Á láng giềng và ASEAN, Việt Nam luôn coi trọng quan hệ đoàn kết, hợp tác. Quan hệ với Lào, Campuchia được duy trì đặc biệt gần gũi. Việt Nam và Lào tiếp tục củng cố quan hệ đồng minh truyền thống qua trao đổi cấp cao thường xuyên, hợp tác quốc phòng-an ninh chặt chẽ, và liên kết kinh tế, hạ tầng (các dự án cảng Vũng Áng, cao tốc Hà Nội-Viêng Chăn...). Với Campuchia, hai bên từng bước giải quyết xong hầu hết vấn đề biên giới trên bộ (ký hiệp ước bổ sung xác nhận khoảng 84% đường biên đã phân giới năm 2019), hợp tác kinh tế ngày càng tăng. Dù còn một số khác biệt, tổng thể quan hệ Việt Nam-Campuchia ổn định, đóng góp vào hòa bình Đông Dương. Đối với ASEAN, Việt Nam từ sau Đổi mới đã xác định gắn bó vận mệnh với khối, coi ASEAN là ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại. Việt Nam sát cánh cùng các nước ASEAN duy trì lập trường chung về Biển Đông, thúc đẩy đoàn kết nội khối. Tuy ASEAN gặp nhiều thách thức, Việt Nam vẫn nỗ lực giữ vững vai trò trung tâm ASEAN bằng cách hỗ trợ Indonesia (Chủ tịch 2023) triển khai các sáng kiến về AOIP và lập Nhóm đặc phái viên ASEAN về Myanmar. Có thể thấy, Việt Nam coi ASEAN vừa là ngôi nhà an ninh tập thể giúp giảm áp lực nước lớn, vừa là kênh hữu hiệu để tăng cường vị thế khu vực. Nhờ sự tích cực và năng lực điều hòa quan hệ, Việt Nam được đánh giá là một trong những trụ cột của ASEAN hiện nay.

Đối với Trung Quốc, đối tác lớn và cũng là nhân tố có tranh chấp chủ quyền và quyền chủ quyền trực tiếp chính ở Biển Đông, Việt Nam áp dụng chiến lược “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, “dĩ bất biến ứng vạn biến” khéo léo để đảm bảo duy trì quan hệ hợp tác hiệu quả. Tổng thể, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt-Trung được giữ vững. Lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước thường xuyên thăm viếng nhau. Từ năm 2022 đến 2025, hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn cấp cao và trong 4 năm liên tiếp đã ra các tuyên bố chung khẳng định nhu cầu và quyết tâm phát triển quan hệ giữa hai nước. Kênh Đảng giữa hai nước phát huy hiệu quả trong trao đổi chiến lược.

Hợp tác kinh tế Việt-Trung cũng rất mật thiết. Trung Quốc nhiều năm liền là đối tác thương mại số 1 của Việt Nam, nguồn nhập khẩu nguyên liệu lớn nhất; Trung Quốc cũng gia tăng đầu tư FDI vào Việt Nam (đứng thứ 4 năm 2022). Hai bên giải quyết khá tốt vấn đề biên giới trên bộ (phân giới cắm mốc hoàn tất 2009, duy trì tuần tra chung). Những hợp tác đó tạo nền tảng ổn định quan hệ. Tuy nhiên, về Biển Đông, Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Mỗi khi Trung Quốc có hành động vi phạm (như đưa giàn khoan Hải Dương-981 vào vùng biển Việt Nam 2014, tàu khảo sát xâm phạm vùng biển của Việt Nam năm 2019), Việt Nam phản ứng nhanh, sử dụng tổng hợp các kênh ngoại giao, công luận và lực lượng thực địa để yêu cầu Trung Quốc rút lui. Dù tranh chấp còn tồn tại, Việt Nam khéo léo không để ảnh hưởng sang hợp tác chung, vẫn giữ được tổng thể quan hệ vì ổn định quan hệ với Trung Quốc là sống còn. Công thức quan hệ với Trung Quốc có thể gói gọn là mở rộng các kênh hợp tác toàn diện từ kinh tế, chính trị đến giao lưu nhân dân để tăng tin cậy, song tuyệt đối giữ vững nguyên tắc, không nhân nhượng chủ quyền và không để phụ thuộc quá mức.

Với Mỹ, quan hệ Việt-Mỹ từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao chưa bao giờ tốt đẹp như thập kỷ qua. Từ Đối tác Toàn diện (2013), hai bên nâng tầm thành Đối tác Chiến lược Toàn diện (2023), mức cao nhất trong phân cấp đối ngoại của Việt Nam. Mỹ coi Việt Nam là trọng tâm trong chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, thể hiện qua các chuyến thăm lịch sử. Tổng thống Obama (2016) dỡ bỏ cấm vận vũ khí sát thương; Tổng thống Trump (2017, 2019) dự APEC và thượng đỉnh Mỹ-Triều ở Hà Nội; đặc biệt Tổng thống Joe Biden thăm Hà Nội 9/2023 và cùng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tuyên bố nâng cấp quan hệ. Về kinh tế, Mỹ hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm gần 30% tổng giá trị xuất khẩu, với mức hơn 130 tỉ USD năm 2024. Mỹ hỗ trợ Việt Nam đáng kể trong chống COVID. Về an ninh, hợp tác quốc phòng ngày càng mở rộng. Mỹ đã chuyển giao cho Việt Nam 2 tàu tuần duyên lớp Hamilton, huấn luyện nâng cao năng lực biển. Hai bên ký Bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng 2018 và Tuyên bố Tầm nhìn

2024. Tuy không có hiệp ước quân sự, nhưng lòng tin chiến lược gia tăng. Hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực rà phá bom mìn, tẩy độc dioxin, chuyển từ quá khứ đối đầu sang tương lai hợp tác.

Tuy hiện nay Việt Nam và Mỹ vẫn còn khác biệt trong một số vấn đề như nhân quyền hay thể chế chính trị, song hai bên đối thoại trên tinh thần tôn trọng. Việt Nam đã khéo léo dung hòa quan hệ với Mỹ, một mặt tranh thủ được nguồn lực kinh tế, công nghệ, mặt khác không để quan hệ Mỹ-Việt tổn hại quan hệ Việt-Trung. Sự cân bằng này giúp Việt Nam duy trì hòa bình, ổn định phục vụ lợi ích quốc gia từ cả hai cường quốc. Hiện Việt Nam có vị thế gần gũi hiếm thấy với cả Mỹ và Trung Quốc. Đây là thành công đáng kể của ngoại giao Việt Nam.

Đối với các đối tác chủ chốt khác, Việt Nam cũng kiên trì thực hiện các nguyên tắc trong khi linh hoạt trong ứng xử. *Với Nga*, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện từ năm 2012. Dù sức mạnh tổng thể của Nga bị đánh giá là đã suy yếu tương đối, đồng thời cuộc xung đột ở Ukraine từ năm 2022 gây một số khó khăn phức tạp trong hoạt động ngoại giao, Việt Nam vẫn duy trì hợp tác quốc phòng truyền thống. Quan điểm của Việt Nam tại LHQ về xung đột Ukraine xuất phát từ lập trường mang tính nguyên tắc về việc cân nhắc lợi ích chính đáng của tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng nỗ lực đa dạng hóa nguồn cung vũ khí từ Israel, EU và các nước châu Âu để giảm sự phụ thuộc vào một nguồn cung nhất định. *Với Nhật Bản và Hàn Quốc*, Việt Nam đặc biệt coi trọng các giá trị về kinh tế và chiến lược. Nhật là đối tác chiến lược sâu rộng, cung cấp ODA lớn nhất cho Việt Nam, hỗ trợ Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, trong đó có nâng cao năng lực nhận thức và giám sát biển. Việt Nam và Hàn Quốc cũng nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện năm 2022. Hiện Hàn Quốc là nhà đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam với tổng trị giá khoảng 80 tỷ USD; đồng thời quan hệ nhân dân giữa hai nước cũng rất gần gũi. Ước tính có hơn 200 nghìn gia đình có vợ chồng là người Việt Nam và Hàn Quốc. Cả hai nước Đông Bắc Á này đều chia sẻ lợi ích với Việt Nam về quan điểm tự do hàng hải và luật pháp quốc

tế trên biển. Việt Nam cũng tích cực phối hợp Nhật, Hàn tại các cơ chế như Mekong-Nhật, Mekong-Hàn để phát triển tiểu vùng.

Với Ấn Độ, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt-Ấn thiết lập từ năm 2016, hiện đang phát triển ổn định, nhất là trên lĩnh vực quốc phòng. Ấn Độ giúp đào tạo sĩ quan Việt Nam, hỗ trợ xây dựng năng lực biển, cung cấp các khoản tín dụng quốc phòng. Ấn có lập trường gần gũi với Việt Nam trong vấn đề Biển Đông, cùng đề cao vai trò của UNCLOS 1982 và đang đầu tư thăm dò dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam. Với châu Âu, Việt Nam có đối tác chiến lược toàn diện và chiến lược với tất cả các nước chủ chốt (Đối tác chiến lược toàn diện với Pháp và Anh năm 2024 và 2025; đối tác chiến lược với Đức, Italia, Tây Ban Nha...). Thỏa thuận Thương mại EVFTA và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA) giữa EU với Việt Nam đã tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc, đưa thương mại hai bên 2024 lên gần 78 tỷ USD, mức tăng trưởng khoảng trên 10% mỗi năm.¹ EU hiện là bạn hàng lớn thứ ba của Việt Nam, trong khi châu Âu coi Việt Nam là đối tác then chốt trong chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của mình.

Như vậy, Việt Nam đã xây dựng thành công một mạng lưới đối tác đan xen lợi ích, tạo nên thế cân bằng linh hoạt. Việt Nam đã đặt mình vào vị trí cân bằng, được các bên tôn trọng và muốn duy trì quan hệ tốt dù không thể hoàn toàn tránh được sức ép từ bên ngoài. Lựa chọn chính sách có nguyên tắc song linh hoạt và khôn khéo đã giúp Việt Nam giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia, đồng thời nâng cao vị thế trên trường quốc tế và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trong suốt giai đoạn đầy biến động vừa qua.

4. Kết luận

Giai đoạn từ 2016 đến 2025, khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đã trải qua những biến động địa chính trị sâu sắc, làm thay đổi cục diện chiến lược theo nhiều

¹ VOV. 2025. “Vietnam Reiterates ‘Four No’s’ Defense Policy at Shangri-La Dialogue.” *VOV-World*, May 31. <https://vovworld.vn/en-US/news/vietnam-reiterates-four-nos-defense-policy-at-shangri-la-dialogue-1396314.vov>

cách. Cạnh tranh Mỹ-Trung trở thành xu thế chủ đạo, chi phối môi trường an ninh khu vực với tính chất quyết liệt và lâu dài. Cùng với đó, quá trình tập hợp lực lượng diễn ra phức tạp, tạo nên trạng thái đa cực linh hoạt. Các điểm nóng truyền thống tiếp tục sôi sục dưới sức nóng cạnh tranh cường quốc, đồng thời những thách thức an ninh phi truyền thống và bất ổn nội tại gia tăng khiến bức tranh an ninh khu vực thêm phần thách thức. Trong bối cảnh đó, Việt Nam, một quốc gia tầm trung có vị trí chiến lược tại giao điểm lợi ích các nước lớn, đã lựa chọn một đường lối đối ngoại sáng suốt, kiên định và mềm dẻo, qua đó thích nghi thành công với môi trường biến động, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia và duy trì đà phát triển.

Có thể khẳng định các nguyên tắc và ưu tiên đối ngoại mà Việt Nam kiên trì theo đuổi vẫn giữ nguyên giá trị, thậm chí còn được khẳng định mạnh mẽ hơn qua thử thách. Việc đặt lợi ích dân tộc, mục tiêu phát triển lên hàng đầu, gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ đối ngoại với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội đã giúp Việt Nam định hướng đúng trong cả thời điểm môi trường quốc tế ổn định và những tình huống phức tạp phát sinh. Tư duy độc lập, tự chủ đã tạo nền tảng cho Việt Nam trước sức ép lựa chọn phe trong cạnh tranh siêu cường, giữ được cân bằng chiến lược và tự quyết định con đường phát triển của mình. Chính sách “bốn không” trong quốc phòng là tuyên ngôn rõ ràng về thiện chí hòa bình và lập trường không liên kết, qua đó giảm thiểu nghi kỵ, tranh thủ được sự tôn trọng của các bên. Sự nhất quán trong việc đề cao luật pháp quốc tế và chủ nghĩa đa phương mang lại cho Việt Nam uy tín quốc tế, tranh thủ được thế chính nghĩa khi xử lý các tranh chấp. Đồng thời, chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đã được triển khai thành công, đem lại mạng lưới đối tác chiến lược sâu rộng, một tài sản đối ngoại quý giá giúp Việt Nam linh hoạt xoay sở trong môi trường nhiều biến động.

Tuy nhiên, chặng đường phía trước dự báo vẫn còn nhiều thách thức. Cạnh tranh Mỹ-Trung có thể sẽ còn gay gắt hơn, với những lĩnh vực mới như công nghệ, không gian, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo cùng các biến số khó lường như tình

hình Đài Loan, Triều Tiên, chiến sự Ukraine.... Sự phân hóa trật tự quốc tế có thể gia tăng áp lực lên các nước nhỏ trong việc lựa chọn định hướng. Bản thân khu vực Đông Nam Á cũng tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn mới. Việt Nam sẽ cần tiếp tục phát huy bản lĩnh và trí tuệ đối ngoại để hóa giải các nguy cơ, biến thách thức thành cơ hội. Trên hết, việc giữ vững sức mạnh nội lực, bao gồm sức mạnh kinh tế, quốc phòng và sự đồng thuận xã hội, là nền tảng để triển khai hiệu quả chính sách đối ngoại. Một Việt Nam phát triển năng động, ổn định về chính trị, đoàn kết dân tộc sẽ là bảo chứng tốt nhất cho thành công ngoại giao./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Pence, Mike. 2018. “Vice President Mike Pence’s Remarks on the Administration’s Policy Towards China.” Hudson Institute. October 4. <https://www.hudson.org/events/1610-vice-president-mike-pence-s-remarks-on-the-administration-s-policy-towards-china102018>
2. Freeman, Carla; Daniel Markey; and Vikram J. Singh. 2022. “A Closer Look at Biden’s Indo-Pacific Strategy.” United States Institute of Peace (USIP), March 7. <https://www.usip.org/publications/2022/03/closer-look-bidens-indo-pacific-strategy>
3. The White House. National Security Strategy of the United States of America. December 18, 2017. <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>
4. Bình Giang. 2020. “Cuộc chiến công hàm về biển Đông ở Liên Hợp quốc.” Tiền Phong, June 4. <https://tienphong.vn/cuoc-chien-cong-ham-ve-bien-dong-o-lien-hop-quoc-post1245616.tpo>
5. Kelly, Tim, and Liz Lee. 2025. “Japan Sends Envoy to China in Bid to Calm Escalating Spat.” *Reuters*, November 17.

<https://www.reuters.com/world/china/japan-sends-envoy-china-bid-calm-escalating-spat-media-2025-11-17>

6. European External Action Service. 2025. “Taiwan: Statement by the Spokesperson on China’s Military Drills.” April 1, 2025.

https://www.eeas.europa.eu/eeas/taiwan-statement-spokesperson-china%E2%80%99s-military-drills-0_en

7. Kim, Jiyoung. 2022. “North Korea’s Missile Activity in 2022.” *Strategic Comments* 28 (7).

<https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/13567888.2022.2150458>

8. Council on Foreign Relations. 2024. “North Korea Crisis.” *Global Conflict Tracker*. Updated October 17, 2024. <https://www.cfr.org/global-conflict-tracker/conflict/north-korea-crisis>.

9. Nguyễn Thị Thu Nga, “Khủng hoảng biên giới Thái Lan – Campuchia năm 2025: những thách thức đặt ra đối với cấu trúc an ninh khu vực ASEAN,” Lý luận Chính trị (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), July 29, 2025. <https://lyluanchinhtri.vn/khung-hoang-bien-gioi-thai-lan-campuchia-nam-2025-nhung-thach-thuc-dat-ra-doi-voi-cau-truc-an-ninh-khu-vuc-asean-7047.html>

10. Bui Thanh Son. 2022. “Viet Nam’s Diplomatic Highlights in 2021: Pioneering, Proactivity, Enthusiasm and Creativity for National Development and Defense.” *Communist Review*, July 20, 2022.

11. VOV. 2025. “Vietnam Reiterates ‘Four No’s’ Defense Policy at Shangri-La Dialogue.” *VOV-World*, May 31. <https://vovworld.vn/en-US/news/vietnam-reiterates-four-nos-defense-policy-at-shangri-la-dialogue-1396314.vov>

12. VOV. 2025. “Vietnam Reiterates ‘Four No’s’ Defense Policy at Shangri-La Dialogue.” *VOV-World*, May 31. <https://vovworld.vn/en-US/news/vietnam-reiterates-four-nos-defense-policy-at-shangri-la-dialogue-1396314.vov>

PHẦN IV

HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA BÀ LATANA SIHARAJ, ĐẠI BIỆN LÂM THỜI,
ĐẠI SỨ QUÁN LÀO TẠI VIỆT NAM**

**HỘI THẢO QUỐC TẾ “NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA
VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI”**

Kính thưa Đồng chí Chủ trì Hội thảo,

Kính thưa quý đại biểu, các học giả và các quý vị khách quý,

Trước hết, Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Học viện vì đã dành cho Đại sứ quán Lào cơ hội tham dự và phát biểu tại Hội thảo ngày hôm nay với chủ đề “Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam”. Đây là chủ đề mang ý nghĩa sâu sắc, phản ánh xu thế phát triển của thời đại và những đóng góp ngày càng thiết thực của Việt Nam đối với hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững trong khu vực cũng như trên thế giới.

Vai trò ngày càng nổi bật của Việt Nam trong đối ngoại đa phương

Kính thưa quý vị,

Những năm qua, chúng tôi đánh giá cao vai trò, vị thế và năng lực triển khai đối ngoại đa phương của Việt Nam, đặc biệt là từ khi Việt Nam tích cực tham gia và đảm nhiệm xuất sắc nhiều trọng trách quốc tế như: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, thành viên Hội đồng Nhân quyền, làm vai trò Chủ tịch ASEAN, làm chủ nhà Năm APEC, cùng nhiều khuôn khổ hợp tác khác.

Việt Nam đã thể hiện rõ bản lĩnh của một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, ủng hộ chủ nghĩa đa phương, và sẵn sàng đóng góp có trách nhiệm vào giải quyết những thách thức chung của khu vực và toàn cầu. Lào tin tưởng rằng việc tiếp tục nâng tầm đối ngoại đa phương sẽ giúp Việt Nam củng cố hơn nữa vai trò trung tâm, đồng thời tăng cường tiếng nói có trọng lượng trong các thể chế quốc tế.

Ý nghĩa đối với hợp tác Lào – Việt Nam trong bối cảnh khu vực và quốc tế

Đối với Lào, Việt Nam không chỉ là nước láng giềng gần gũi mà còn là người bạn chí tình, đối tác chiến lược, đồng chí anh em luôn kề vai sát cánh trong mọi giai đoạn lịch sử. Việc Việt Nam tích cực, chủ động và ngày càng sâu rộng trong đối ngoại đa phương mang đến nhiều ý nghĩa đối với Lào:

Trong thời gian Lào đảm nhiệm các trọng trách quốc tế, đặc biệt trong ASEAN, chúng tôi luôn nhận được sự đồng hành chân thành, sự chia sẻ kinh nghiệm quý báu từ Việt Nam. Đây là tình cảm, là sự hỗ trợ mà chúng tôi trân trọng như một minh chứng sống động cho **mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện và kết nối chiến lược** giữa hai dân tộc – nội hàm vừa được Tổng bí thư Hai nước chính thức khẳng định và nâng tầm trong chuyến thăm 2 ngày qua.

Việt Nam và Lào luôn luôn phối hợp lập trường, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật trong các cơ chế đa phương, nhất là Liên Hợp Quốc, ASEAN và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế khác.

Sự tham gia sâu rộng của Việt Nam trong các thể chế kinh tế – thương mại quốc tế giúp tạo thuận lợi cho kết nối kinh tế khu vực, góp phần củng cố liên kết và phát triển bền vững, trong đó có Lào.

Có thể khẳng định rằng, việc Việt Nam nâng tầm đối ngoại đa phương không chỉ đóng góp cho hòa bình – hợp tác khu vực, mà còn mở rộng cơ hội phối hợp giữa Lào và Việt Nam trong các diễn đàn quốc tế.

Kỷ vọng hợp tác trong thời gian tới.

Trong bối cảnh thế giới nhiều biến động, việc tăng cường phối hợp đa phương giữa các quốc gia đang phát triển có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm nâng cao vị thế và thúc đẩy tiếng nói chung.

Tôi cho rằng trong giai đoạn tới, Lào và Việt Nam cần tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ trong các khuôn khổ đa phương. Trong đó, việc đẩy mạnh trao đổi chuyên môn và đào tạo nguồn nhân lực về đàm phán đa phương, ngoại giao kinh tế và các vấn đề an ninh – phát triển bền vững là hết sức cần thiết. Hai nước cũng cần tiếp tục phối hợp lập trường tại các cơ chế ASEAN, Liên Hợp Quốc và các diễn đàn quốc tế, nhất là trong thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế số và kết nối hạ tầng chiến lược. Việc tăng cường hỗ trợ lẫn nhau tại các diễn đàn toàn cầu mà Lào và Việt Nam cùng là thành viên sẽ góp phần nâng cao vị thế của mỗi nước, đồng thời củng cố hơn nữa sự gắn kết chiến lược giữa hai bên.

Lào hoàn toàn ủng hộ định hướng của Việt Nam trong việc nâng cao hiệu quả và tầm vóc của đối ngoại đa phương. Chúng tôi tin tưởng rằng Việt Nam với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa – đa dạng hóa, cùng uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế, sẽ tiếp tục tạo ra nhiều đóng góp thiết thực trong xử lý các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Kết luận

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn Học viện đã tổ chức hội thảo có ý nghĩa này. Tôi tin tưởng rằng các kết quả thảo luận của Hội thảo hôm nay sẽ đóng góp thiết thực vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại đa phương của Việt Nam trong giai đoạn mới. Đại sứ quán Lào sẽ luôn đồng hành cùng Việt Nam, góp phần làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước – vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung của khu vực.

REMARKS

**LATANA SIHARAJ, CHARGÉ D’AFFAIRES AD INTERIM,
EMBASSY OF THE LAO PDR IN VIETNAM
INTERNATIONAL CONFERENCE
“ENHANCING VIETNAM’S MULTILATERAL DIPLOMACY
IN THE NEW CONTEXT”**

Excellencies, Chair of the Conference,

Distinguished delegates, scholars, and esteemed guests,

First of all, I would like to express my sincere appreciation to the Ho Chi Minh National Academy of Politics for providing the Embassy of the Lao PDR the opportunity to attend and deliver remarks at today’s Conference on **“Enhancing Vietnam’s Multilateral Diplomacy in the New Context.”** This is a highly meaningful topic, reflecting contemporary development trends and the increasingly substantive contributions that Vietnam has made to peace, cooperation, and sustainable development in the region and across the world.

The rising prominence of Vietnam in multilateral diplomacy

In recent years, we highly value Vietnam’s role, position, and capacity in advancing multilateral diplomacy, particularly since Vietnam has actively engaged in and successfully assumed numerous major international responsibilities, including serving as a non-permanent member of the United Nations Security Council, a member of the Human Rights Council, Chair of ASEAN, host economy of APEC Year, as well as other key multilateral cooperative frameworks.

Vietnam has clearly demonstrated the qualities of a peace-loving nation that respects international law, upholds multilateralism, and is willing to make responsible contributions to addressing common regional and global challenges.

The Lao PDR is confident that Vietnam’s continued efforts to elevate multilateral diplomacy will further consolidate its central role and strengthen its influential voice within international institutions.

Significance for Lao–Vietnam cooperation in the regional and global context

For the Lao PDR, Vietnam is not only a close neighbor, but also a sincere friend, a strategic partner, and a brotherly comrade who has stood shoulder to shoulder with us throughout every stage of history. Vietnam’s active, proactive, and deepening engagement in multilateral diplomacy is of great importance to Laos.

During periods when the Lao PDR has undertaken international responsibilities, particularly within ASEAN, we have always received Vietnam’s sincere support and valuable sharing of experience. We cherish this as a vivid testament to the great friendship, special solidarity, and comprehensive cooperation between our two nations.

Vietnam and the Lao PDR have consistently coordinated positions, exchanged experience, and provided mutual technical support within multilateral mechanisms, especially the United Nations, ASEAN, and the Mekong subregional cooperation frameworks.

Vietnam’s extensive participation in international economic and trade institutions has helped facilitate regional economic connectivity, contributing to stronger integration and sustainable development, including for the Lao PDR.

It can therefore be affirmed that Vietnam’s efforts to elevate multilateral diplomacy not only contribute to peace and cooperation within the region, but also broaden opportunities for Laos and Vietnam to work together across international forums.

Expectations for cooperation in the coming period

In a world marked by profound and complex changes, strengthening multilateral coordination among developing countries is of utmost importance to enhance their standing and promote a collective voice.

I believe the Lao PDR and Vietnam should continue to exchange expertise and cultivate human resources in areas such as multilateral negotiation, economic diplomacy, parliamentary diplomacy, and issues related to security and sustainable development. We should coordinate positions within ASEAN and subregional frameworks; promote green economy, digital economy, strategic infrastructure connectivity; and advance joint initiatives for the sustainable management of Mekong River water resources. We should also strengthen mutual support in global forums where both Laos and Vietnam are members.

The Lao PDR fully supports Vietnam’s orientation toward enhancing the effectiveness and international stature of its multilateral diplomacy. We are confident that, with its foreign policy of independence, self-reliance, and diversification—multilateralization of external relations, together with its growing international reputation, Vietnam will continue to make meaningful contributions to addressing regional and global issues.

Conclusion

Ladies and gentlemen,

Once again, I sincerely thank the Academy for organizing this meaningful Conference. I am confident that the outcomes of today’s discussions will contribute practically to the development and implementation of Vietnam’s multilateral foreign policy in the coming period. The Embassy of the Lao PDR will continue to stand alongside Vietnam, contributing to further deepening the great friendship, special solidarity, and comprehensive cooperation between our two countries—for peace, stability, and shared prosperity in the region.

THE DEVELOPMENT OF KNOWLEDGE ABOUT MULTILATERAL DIPLOMACY IN THE WORLD AND VIET NAM IN THE NEW CONTEXT

Remarks by Ambassador Tshering W. Sherpa

Embassy of India Hanoi, Vietnam

(Associate Professor) Dr. Hoang Phuc Lam, Vice President, Ho Chi Minh
National Academy of Politics

Colleagues from the diplomatic community and friends

Xin Chao, Good morning and Namaskar

Dr Thao and my colleague from the EU have eloquently espoused interesting and
thought provoking views.

I would like to restrict my remarks on the following parameters and I must also
mention that these are only my personal views:

- (i) Multilateralism: Do we need it?
- (ii) State of Multilateralism Today
- (iii) How India sees Multilateralism
- (iv) Story of India-Viet Nam Multilateralism

Importance of Multilateralism:

What is multilateralism? In today's global flux, multilateralism is a much talked
about word. If you ask a layman, what does multilateralism mean? In simple
words...brings people together...brings countries together. Brings the
stakeholders on a single platform on issues of global commons and on issues
which affect many.

Do we need multilateralism or can we dispense it away with? In this era of globalization, global supply chain linkages, trade linkages, connectivity, critical technologies like AI and critical minerals, etc. The answer is an emphatic Yes, multilateralism must stay. More international cooperation is the answer. But are we really headed in that direction?

Certain issues will be dealt in a better perspective in a bilateral manner and some in a plurilateral way. This is normal.

The UN, WTO, G7, ASEAN, G20...they were all established for a purpose. This is the multilateral way.

State of Multilateralism Today

Now this brings me to my second question before you, what is the state of multilateralism today? Is it in a desired state? Should we be content?

The UN comes to our mind when we speak of multilateralism. If we do an honest audit of the UN, we MUST recognize that all is not well with the UN. Its decision making neither reflects its membership nor addresses global priorities. Debates are becoming polarized and decision making grid locked. Now financial constraints have emerged as an additional concern. The dilemma before us is how to sustain the UN and reinvent it to address the contemporary realities of 2025 when it is still beholden to the archaic membership of 1945. The 80 year old architecture of the UN needs a review and redesign in order to make it fit for purpose. As its ability to forge common ground diminishes, belief in multilateralism also recedes.

This story also resonates in other institutions of global governance including in global financial institutions.

The global landscape is undergoing profound changes. A stark feature of this era is where economics is intertwined with politics. The contemporary system has set

radically new terms of engagement. In this scenario, when there is a sense that multilateralism is not delivering, other options are explored with greater urgency. They will look to solving issues bilaterally and through regional organisations. I am not saying these approaches are wrong.

Regional organisations across geographies and continents are important upholders of multilateralism. These institutions are valuable contributors to global order.

How India sees Multilateralism

India has always been a staunch votary of multilateralism. We believe that this is fundamental to the maintenance of global order.

We believe and as my Prime Minister Modi mentioned in his remarks in the Summit of the Future last year in September in New York, “reforms is the key to relevance”.

The membership of the AU (*which represents over 54 countries*) in the G20 during our G20 Presidency is an example of our commitment to multilateralism. India has always been the voice of the Global South across multilateral fora.

A more enlightened, a more responsive multilateral system, and a new inclusive and non-transactional approach to multilateralism, in short, reformed multilateralism. Reform is not desirable but imperative.

International cooperation must prevail. We need to stay strong, hold firm and deepen friendships. India remains committed to multilateralism.

India and Viet Nam in Multilateralism:

My few weeks in this vibrant and timeless Viet Nam has taught me why India and Viet Nam are traditional and strategic partners. There is an embrace of our policies and convergence in our strategic outlook.

My First Secretary Political Aakash in my Embassy was briefing me about Viet Nam’s “International Integration” which finds close resonance to our approach to

multilateralism. Viet Nam’s Policy of “**4 Nos**” resonates closely with India’s Foreign Policy. In this era of uncertainty, it is only natural that we see a close partner like Viet Nam resonating with similar approaches. This is also what the global community sees of an important country like Viet Nam.

My understanding of Viet Nam’s approach in its multilateral diplomatic outreach is through the prism of its “International Integration” approach. My Vietnamese colleagues again may please correct me.

As a new student of Viet Nam, the following are some key points which I could understand in this approach:

- (i) Advocacy of rules based order
- (ii) Reforming international institutions befitting the realities of the 21st Century
- (iii) Solidarity with the Global South
- (iv) Peaceful solution of conflicts
- (v) Promoting sustainable development and climate action.

All the above are what also underpins India’s approach.

In ASEAN, Viet Nam is a pillar of strength. Viet Nam is also an important partner in India’s “Act East Policy” and in the “Indo-Pacific” which is based on our shared interests in promoting peace, stability and prosperity of the region.

Viet Nam is an active player at the UN and other bodies. Your recent non-permanent membership of the UNSC in 2020-21 was commendable. You undertook a number of initiatives under your Presidencies. Your contribution to UN peacekeeping is steadily rising. For those present here, India and Viet Nam just concluded the 6th Edition of Exercise VINBAX, a joint military exercise held annually between our Armed Forces towards UN Peacekeeping efforts. We both participated at the recent G20 Summit in South Africa.

Our shared commitment to international law, our common desire for reformed multilateralism and our inclusive vision for regional architecture make India and Viet Nam cooperation a factor for stability in the region. We both support evolution and not expansionism.

India and Viet Nam are two rapidly growing economies, with youthful demography and aspirational societies. We both believe in people centric and inclusive development. This is good for multilateralism.

In conclusion, Viet Nam is an important regional and global player. Multilateralism requires Viet Nam for global commons and global order. India will continue to work closely with our close friend Viet Nam in the multilateral arena as we celebrate the 10th Anniversary of our Comprehensive Strategic Partnership next year.

Thank you and Xin Cam on.

**“ELEVATING VIETNAM'S MULTILATERAL FOREIGN POLICY IN
THE NEW CONTEXT”**

H.E. Julien Guerrier

Ambassador of the EU to Vietnam

Excellencies,

Ladies & Gentlemen,

In recent times, we have seen the rules-based international order and the United Nations Charter challenged in significant ways. We appear to be at a fork in the road where the diverging paths are either that of multilateralism and order, or that of unilateralism and disruption.

The UN Charter sets out the essential rules for peace, sovereignty, and human rights. These principles became the moral compass embraced by many countries around the world, including in Europe, as we built our own integration project, and they are reflected at the heart of what the EU stands for today.

History teaches us that isolationism and unilateralism create instability, especially as we saw eighty years ago during the Second World War. However, in its aftermath, the United Nations was created to prevent us from repeating those same mistakes. And with it came the UN Charter and a new era of international cooperation and rules-based international order, grounded in the values of sovereignty and international law.

Today, we see the sovereignty, territorial integrity, and right to security of the nation of Ukraine violated by Russia, whose aggressive assault on its neighbour is nearing its fourth year. The UN Charter being clearly violated by a permanent member of the Security Council in this manner is deplorable and disturbing, and

if we do not stand up against this aggression, no country will be safe. Russia’s invasion is a threat to the collective security and sovereignty of every nation, and an end to the war would not only mean the end of suffering for many, but a turning away from a unilateralist and violent world order as well.

The cooperation of nations relies on common legal frameworks. An example of one such framework is UNCLOS, the UN Convention on the Law of the Sea. UNCLOS is not merely a legal instrument; it is the foundation for stability, security, and peaceful cooperation at sea. In Southeast Asia, this matters profoundly. The increasing tensions and incidents in the South China Sea, underscore why adherence to UNCLOS is indispensable.

Safeguarding a rules-based order also requires addressing global challenges that no country can solve alone. Climate change is among the most urgent, with rising sea levels, extreme weather, food insecurity, and increasingly frequent natural disasters affecting regions from Europe to Southeast Asia.

We have all seen the multiple devastating floods here in Hanoi but especially in the centre of Vietnam over the past three months, which are unprecedented in recent memory.

These pressures threaten livelihoods and national security, and they underscore the need for climate action grounded in science, solidarity, and shared responsibility. The EU leads on climate action, remaining the world’s largest global donor to global climate finance. We are also assisting Vietnam these days with relief efforts in the central highlands due to massive flooding, with funding, satellite mapping and planeloads of supplies, and we stand alongside the rest of the international community in solidarity with the people in the area, and indeed the wider region, who have lost loved ones, homes, livelihoods and suffered other hardships.

Our approach to these global challenges reflects the very nature of the EU. The European Union is, at its core, a project of peace, similarly born out of the collective memory of history’s tragedies as the United Nations. From the destruction brought about by the Second World War, Europe rebuilt itself through integration and reconciliation.

The EU is and always will be a defender of multilateralism and the rules-based international order. We will continue to do our best to uphold the principles of the UN Charter: sovereignty, equality of Member States, territorial integrity, and self-determination. These are not abstract ideals; they are the foundation of international peace and security, and if we do not work together to uphold them, we will all be worse off for it.

As we mark the 80th anniversary of the United Nations this year, we are reminded that the international system we rely on was built not in times of comfort, but in the aftermath of immense suffering. Its endurance is a testament to our ability to choose cooperation over conflict, and dialogue over domination.

Though this international system, as we have known it for so long, is being tested. It is far from a flawless system, and it is not perfectly equipped to handle modern challenges, though with initiatives like the Pact for the Future and the UN80 reforms proposed by Secretary General Guterres, we have reason for optimism.

Despite the profound challenges before us, from conflict and humanitarian crises to climate change and rising geopolitical tensions, we should not lose sight of the fact that the international community has repeatedly shown its capacity to adapt, rebuild, and move forward. The very existence of the European Union proves that cooperation is not only possible, but transformative.

And Vietnam is also a great example of how engagement in multilateralism has been crucial for the economic and social miracle which has transformed the country over the last four decades.

In 1988, Vietnam took a very deliberate step towards multilateralism by adopting the foreign policy principle of “more friends, fewer enemies” (“thêm bạn, bớt thù”) with an emphasis on a commitment to peace and reconciliation, cooperation and economic engagement.

In 1995, Vietnam joined ASEAN as its seventh member, marking a pivotal moment in the country’s foreign policy and its integration into regional and global systems, followed by its accession to APEC in 1998.

I, myself, participated in the negotiations on the EU side for Vietnam’s accession to the WTO in 2007.

Vietnam has also been keen to promote peace around the world, contributing to peacekeeping operations in several conflict zones, beginning in 2014 in South Sudan, but also deploying officers to EU peacekeeping missions through our EU-Vietnam Framework Participation Agreement.

Vietnam’s engagement with the UN was on full display recently when the country hosted the signing ceremony for the Convention against Cybercrime, which will now be known as the Hanoi Convention.

And our old friend Ambassador Đỗ Hùng Việt, Permanent Representative of Vietnam to the United Nations, is now President-designate of the 11th Review Conference of the Treaty on the Non-Proliferation of Nuclear Weapons, which will take place in April next year.

Last but not least, we welcome General Secretary Tô Lâm’s New Era of engagement with the multilateral rules-based order through Resolution 59 on “International Integration in the New Context” – a strategic vision that charts the country’s path toward becoming a nation that is “wealthy, powerful, democratic, just, and civilized.” It is a bold vision of a future Vietnam “not just receiving but contributing; not just integrating deeply, but fully; not trailing behind but leading in emerging fields.”

All of these multilateral actions serve to bring nations and people together in the pursuit of the common interests of peace and prosperity. Multilateralism produces winners all round. Unilateralism produces at best only one winner, and oftentimes no winners at all.

So, as we stand at this fork in the road of global history, the choice of which direction we should turn should be self-evident and incontestable for all of us.

Thank you.

**ADDRESS BY THE REPRESENTATIVE OF THE EMBASSY OF THE
PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA IN HANOI**

It is my pleasure to join you in today's conference and share with you China's views and perspectives on Multilateralism. Multilateralism, as we in China understand it, is about seeking consensus through consultation and manage common affairs through cooperation for shared benefits and win-win results. We believe that the challenges faced by humankind should be tackled through international cooperation, and differences need to be addressed through consultations in multilateral institutions such as the United Nations.

This year marks the 80th anniversary of the founding of the UN. Over the past 80 years, the international system with the U.N. at its core has been standing as a bedrock of world peace and development, and the idea of multilateralism has taken deep root in the heart of the people. Yet 80 years later today, the dregs of unilateralism are stirring up again, and global challenges are emerging one after another. How to reform and improve global governance to make it more relevant in the forthcoming multipolar world? That is a consequential question occupying minds everywhere.

Chinese President Xi Jinping put forth the Global Governance Initiative (GGI) at the Shanghai Cooperation Summit this September offering the Chinese answer to this question of our times. This major initiative features and advocates five core concepts: First, sovereign equality to ensure participation in global affairs by all countries; Second, international rule of law for a just and orderly global governance system; Third, multilateralism for greater solidarity and cooperation among all countries; Fourth, a people-centered approach for universally beneficial and inclusive outcomes of global governance; Fifth, real results for a pragmatic and efficient global governance process.

The GGI builds on the purposes and principles of the U.N. Charter, reflects the fine tradition of Chinese diplomacy, upholds the vision of a shared future, and sets out the principles, methods and paths to reform and improve global governance. It represents a creative advancement and elevation of our understanding of global governance as well as a breakthrough of theories of traditional international relations. It is a new major global public good contributed by China. Together with the Global Development Initiative (GDI), the Global Security Initiative (GSI) and the Global Civilization Initiative (GCI), it promises much needed stability and provides certainty for this volatile world, and has received swift and clear support from more than 140 countries and international organizations including Vietnam.

The most unequivocal message from the GGI is a call for stronger solidarity.

The world today is witnessing more than 50 ongoing conflicts of various types, with over 100 million people displaced. Such a world, marked by transformation and turbulence, is in greater need of enhanced global governance than ever before. Blind worship of might, power politics and will only push the world back to the law of the jungle, and seriously undermine the foundation of the international system and rules. President Xi Jinping’s timely proposal of the GGI has sent a strong message that countries must come together to meet challenges, forging a consensus and a force for solidarity and cooperation to overcome division and confrontation.

The GGI represents a most powerful statement of multilateralism.

Multilateralism is the cornerstone of the current international order, but it is faced with unprecedented challenges by willful acts that seek to abandon international organizations and agreements and to forge exclusive blocs. As advocated by the GGI, global affairs should be discussed by all, the global governance system built by all, and the governance outcomes shared by all. All acts of unilateralism must

be rejected. This position reflects the trend of our times and the aspirations of the overwhelming majority of countries.

The most desired vision of the GGI is a future of fairness. It aims to make the global governance system more just and equitable and bring all together toward a community with a shared future for humanity. It calls for greater representation and voice for developing countries, equal and uniform application of international law and rules, closing the North-South gap as soon as possible and better upholding the common interests of all countries. It calls on developed countries to earnestly fulfill their responsibilities and developing countries to seek strength through unity. The GGI shows not only the direction of global governance, but also the right path to get there.

History has shown that multilateralism is the right way to maintain world peace and promote human progress. It is the “golden key” to solving the difficulties and challenges facing this world. This is a consensus shared by all countries. For China and Vietnam, as neighbors and close friends, we have always supported and coordinated with each other on multilateral affairs within regional and international organizations such as ASAEN, Lancang-mekong Cooperation, APEC, the UN and etc. China stands ready to work with Vietnam and the wider international community to engage consistently in equal consultation, listen to different views, and take useful advice with an open mind to build maximum consensus. Together We will promote global governance reform with gradual and sustained effort to make it beneficial to the whole world, and jointly usher in a brighter future.

AUSTRALIA’S APPROACH TO THE MULTILATERAL SYSTEM: MEANINGFUL REFORM AND AMPLIFIED MIDDLE POWER DIPLOMACY

The Australian Embassy in Vietnam

Introduction

This paper outlines Australia’s perspective on the multilateral system, the challenges facing global governance, and the role Australia seeks to play in strengthening international cooperation through reform and amplified middle power diplomacy – working alongside countries like Vietnam.

Australia’s commitment to multilateralism is enduring and pragmatic. This reflects the fact that Australia’s sovereignty and prosperity is underpinned by strong global institutions, standards and rules.

Australia wants a multilateral system that helps the world solve the biggest problems of the day, delivering for the people who need it most:

- serving as the standard-bearer for rules and norms
- safeguarding sovereignty by promoting international peace and security, sustainable development and human rights
- and reliably delivering global public goods that can only be achieved multilaterally, and that we know the world relies on

We can achieve this by seeking to strengthen our multilateral engagement through traditional partnerships, and by building new coalitions around shared interests.

Changing Circumstances for the Multilateralism System

The world is becoming less equal, more unstable, and more dangerous. There is eroding faith that the multilateral system, particularly the UN, can meet the geostrategic circumstances that define our times.

Australia is concerned by current disruptions to the multilateral system, including the downsizing of UN operations around the world. The UN has said it faces a budget reduction of 30% this year, exacerbating its ongoing liquidity crisis.

Major powers are also changing the ways they engage and assert themselves. Worryingly, we are observing a trend away from rules and towards the exercise of raw power.

Meaningful reform of the multilateral system will demand that we all look deeper – that we all focus on what we can do without, but also what we must preserve and what we must grow, rather than just trying to do things as we have in the past.

Principles Underpinning Australia’s Approach

Australia’s foreign policy is grounded in the belief that each nation must make its own choices, exercising its agency to decide its destiny. We seek to strengthen our multilateral engagement, because choosing to work together is central to preserving, and demonstrating, our sovereignty.

Importantly, we see the multilateral system as existing to serve a purpose – not as a purpose in and of itself.

Today’s changing circumstances compel us to ask ourselves: how do we ensure a world where every country has a voice, where no country dominates and no country is dominated?

Countries with substantial economies and capable tools of statecraft, including Australia and Vietnam, must play a greater role in shaping regional and global international relations for the better. We are not content to leave our future world for the major powers to decide alone.

A New Era of Amplified Middle Power Diplomacy

Australia is moving into a new era of amplified middle power diplomacy. We are evolving the traditional concept of likemindedness as our interests are affected by

global changes. This means pursuing new alignments to better assert ourselves and working for our interests in an ever-more contested world.

Middle powers seek strategic balance in a multipolar world. While our interests are collectively served by working together to solve global problems, not every global problem can have a UN institutional solution. Where the UN can offer solutions, we must ensure it is equipped to deliver them.

We do not want a dysfunctional UN that can be manipulated by those who mean to dismantle it or to take it over for their own narrow, national aspirations.

Australia’s Multilateral Engagement

Building coalitions is central to Australia’s ability to assert our interests. They are diplomatic force multipliers, enabling middle powers to shape outcomes in a multipolar world.

Australian diplomacy has long had a multilateral focus, extending beyond the UN to include:

- ASEAN – which Australia became the first Dialogue Partner of in 1974
- World Trade Organization
- G20
- APEC
- Pacific Islands Forum
- Minilateral groups such as the Quad, CANZ (Canada-Australia-New Zealand), and MIKTA – which Australia will chair in the year ahead.

Australia – like Vietnam – has been a key architects of regional trade agreements, including the CPTPP, RCEP and AANZFTA. We stand by our trade agreements and want to work with others to reform and strengthen the World Trade Organization, because our prosperity depends on the rules it sets.

Australia wants to work in partnership with Vietnam within multilateral development organisations, like the Asia Development Bank, World Bank and World Health Organization. These institutions have been important to Vietnam’s economic, environmental, social and inclusive growth. With the ongoing support of the international community, these institutions will continue to be important to the future development of countries around the world.

Australia is also deeply committed to the importance of upholding international law. Both Australia and Vietnam know well that the United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS) is a stabilising force and a foundation for peace, security and stability in our region.

As maritime pressures intensify – from geostrategic competition to climate change – our collective commitment to international law will be critical in preventing conflict and building lasting trust.

Leadership Through Action: Declaration on the Protection of Humanitarian Personnel

Australia’s commitment to multilateralism is demonstrated through action. On the eve of High-Level Week at the UN, Australia launched the Declaration for the Protection of Humanitarian Personnel, renewing international commitment to upholding humanitarian law and protecting aid workers. This initiative, led by Australia, attracted 104 signatories on its first day – a testament to global resolve on this issue.

This Declaration is the most significant Australian multilateral initiative since our tenure on the UN Security Council eleven years ago, when we secured consensus on a resolution authorising an independent investigation into the downing of Flight MH17. It underscores what middle powers can achieve and signals our ambition for our Security Council candidacy in 2029-30.

Why Multilateralism Matters

Australia is focused on the ways that the multilateral system makes people’s lives better in practical ways. We must protect the essential functions that only the multilateral system can provide:

- It promotes economic development and makes trade more fair – supporting job creation, poverty eradication, and enabling small- and medium-countries to resist coercion.
- It guards against the spread of nuclear weapons.
- It sets the standards that keep food safe.
- It mandates the rules that ensure security and stability in the maritime domain.
- It assigns satellite orbits that enable global internet access, including in the most remote reaches.
- It keeps thousands of flights and 12 million passengers safe every day.
- It advances gender equity and coordinates global climate action.
- It saves more than 350 million children from malnutrition annually.

These achievements matter. They underpin our peace and prosperity.

But we must also recognise that the multilateral system of tomorrow must look starkly different from today.

Australia wants a multilateral system that helps the world solve the biggest problems of the day, delivering for the people who need it most. This system must act as the standard-bearer for rules that keeps us talking – rules that keep us talking instead of fighting.

Conclusion

It is up to all of us to create the kind of world to which we aspire – stable, peaceful, prosperous and respectful of sovereignty. We must grasp the opportunity of the

current challenges – and of amplified middle power diplomacy – to shape the future of the multilateral system in service of this purpose.

We see our interests in a world that operates by agreed rules, and a multilateral system that enhances our sovereignty and our agency. Australia will look to achieve this by working with partners – new and old – to advance our shared interests in an effective, meaningfully reformed multilateral system./.

**ADDRESS BY THE REPRESENTATIVE OF THE EMBASSY OF
SINGAPORE IN HANOI**

I was asked to share on Singapore’s approach towards multilateralism and so I will very briefly outline the circumstances under which Singapore developed its policies and our current views on multilateralism.

- Singapore had independence thrust upon us in 1965. We learned how to conduct foreign policy as we were conducting foreign policy.
- But the one thing we did know was that for how small we were, we would need to reach out to the world and make friends as widely as possible.
- We have no natural resources, no hinterland, and a short history. We could not rely on just ourselves and would require partnerships and institutions. Our circumstances have not changed, and we continue to hold onto this belief.
- Singapore’s ability to survive, and thrive, has been predicated on a stable, rules-based global order and part of making the best of this global order stemmed from multilateral diplomacy.
- For us, multilateralism enables all nations, whether small or big, to have an equal voice within the framework of a rules-based global order to address common challenges. For a small country like Singapore, multilateralism is a strategic imperative.
- However, we cannot speak on multilateralism without acknowledging the threats it is facing.
- As more countries decide to take a more transactional and narrow view of their national interests, the world has become more turbulent, more uncertain, and in some places, more violent.
- These developments, and the disruptions to the multilateral trading system, have put multilateral institutions under severe stress.

- These institutions will need to re-think their *modus operandi* and model to make them fit for purpose for the new world order which is in the process of being developed.
- Still, despite the turbulence and the threats to multilateralism, Singapore believes that the multilateral system and international law, underpinned by the UN, remains the best way to uphold global peace and prosperity in a fair and inclusive way. We support multilateral institutions by being a bridge builder, responsible and consistent actor, and where possible, by being a coordinator.
- I would like to note that multilateralism is not only global but also regional.
- Singapore is a proud ASEAN Member State and sees ASEAN as central to allowing the region to develop and prosper peacefully.
- ASEAN remains a cornerstone of Singapore’s foreign policy. Deeper economic integration within ASEAN remains vital to unlocking the potential of our region and for ensuring the success and growth of all ASEAN Member States.
- But beyond this, ASEAN has been a tool of intra-regional peace. ASEAN Member States are incredibly diverse in political systems, culture and histories. Observers are often quick to dismiss ASEAN as “shop talk”.
- However, ASEAN has provided a platform for all ASEAN Member States to regularly engage each other, build habits of dialogue and consultation and develop concrete areas of cooperation while constructively anchoring key external partners and major powers.
- ASEAN has, in this way, played a positive role in promoting peace and stability in our region.
- When conflicts arise between ASEAN Member States, there are useful roles to be played by both ASEAN and the major external powers we engage regularly as was seen with the recent bilateral dispute between Cambodia and Thailand.

- ASEAN continues to be a large part of how Singapore engages with countries in our region but also with key external partners.
- Now, I have outlined all the ways in which Singapore continues to see multilateralism as key to our foreign policy and for global prosperity. But in that same vein, it is important to understand the limitations of multilateralism and operate with a realistic frame of mind about what can be achieved.
- Multilateral frameworks are useful, but they are not panaceas. They provide opportunity but will always come with structural constraints.
- As such, all states but especially small states need to be pragmatic and flexible in their exercise of policy, even as multilateralism is and will always be a key part of Singapore’s diplomacy

TIẾP CẬN CỦA Ô-XTRÂY-LI-A ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐA PHƯƠNG: THÚC ĐẨY CẢI CÁCH THỰC CHẤT VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ NGOẠI GIAO CỦA MỘT CƯỜNG QUỐC TẦM TRUNG

Đại sứ quán Ô-xtrây-li-a tại Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết trình bày quan điểm của Ô-xtrây-li-a về hệ thống đa phương, những thách thức mà quản trị toàn cầu đang phải đối mặt, và vai trò mà Ô-xtrây-li-a tìm cách thể hiện nhằm tăng cường hợp tác quốc tế thông qua cải cách và nâng cao hoạt động ngoại giao của các cường quốc tầm trung—bằng cách hợp tác cùng các quốc gia như Việt Nam.

Cam kết của Ô-xtrây-li-a đối với chủ nghĩa đa phương luôn bền vững và mang tính thực tiễn. Điều này phản ánh thực tế rằng, các thể chế, tiêu chuẩn và quy tắc toàn cầu vững mạnh chính là nền tảng củng cố chủ quyền và sự thịnh vượng của Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a mong muốn một hệ thống đa phương có thể giúp thế giới giải quyết các thách thức lớn nhất hiện nay, thông qua việc:

- Đóng vai trò là ngọn cờ tiêu chuẩn cho các quy tắc và chuẩn mực.
- Bảo vệ chủ quyền bằng cách thúc đẩy hòa bình, an ninh quốc tế, phát triển bền vững và nhân quyền.
- Cung cấp một cách đáng tin cậy các lợi ích công cộng toàn cầu mà chỉ có thể đạt được thông qua cơ chế đa phương, và mà chúng ta biết là thế giới đang dựa vào.

Mục tiêu này có thể đạt được bằng cách tăng cường tham gia vào các cơ chế đa phương thông qua các đối tác truyền thống, đồng thời xây dựng các liên minh mới dựa trên lợi ích chung.

Bối cảnh thay đổi của hệ thống đa phương

Thế giới đang trở nên kém bình đẳng hơn, bất ổn hơn và tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Niềm tin rằng hệ thống đa phương, đặc biệt là Liên Hợp Quốc, có thể đáp ứng các hoàn cảnh địa – chiến lược đang định hình thời đại của chúng ta đang bị xói mòn.

Ô-xtrây-li-a quan ngại trước những gián đoạn hiện nay đối với hệ thống đa phương, bao gồm việc thu hẹp các hoạt động của Liên Hợp Quốc trên toàn thế giới. Liên Hợp Quốc cho biết họ đang đối mặt với việc cắt giảm ngân sách 30% trong năm nay, làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng thanh khoản kéo dài.

Các cường quốc cũng đang thay đổi cách thức họ tham gia và khẳng định vị thế của mình. Điều đáng lo ngại là chúng ta đang chứng kiến một xu hướng rời xa trật tự dựa trên luật lệ và thiên về việc sử dụng sức mạnh thuần túy.

Việc cải cách hệ thống đa phương một cách thực chất sẽ đòi hỏi tất cả chúng ta phải nhìn sâu hơn – rằng chúng ta phải tập trung vào những gì có thể từ bỏ, nhưng đồng thời vào những gì cần được bảo toàn và những gì cần được phát triển, thay vì chỉ cố gắng tiếp tục làm mọi việc như trước đây.

Các nguyên tắc nền tảng trong cách tiếp cận của Ô-xtrây-li-a

Chính sách đối ngoại của Ô-xtrây-li-a dựa trên niềm tin rằng mỗi quốc gia phải đưa ra các lựa chọn của riêng mình, thực thi quyền chủ động để quyết định vận mệnh của chính mình. Chúng tôi tìm cách tăng cường tham gia đa phương, bởi việc lựa chọn hợp tác là yếu tố trung tâm để bảo vệ và thể hiện chủ quyền của chúng tôi.

Điều quan trọng là chúng tôi nhìn nhận hệ thống đa phương tồn tại để phục vụ một mục đích – chứ không phải là một mục đích tự thân.

Những hoàn cảnh đang thay đổi hiện nay buộc chúng ta tự hỏi: làm thế nào để bảo đảm một thế giới trong đó mọi quốc gia đều có tiếng nói, nơi không quốc gia nào thống trị và cũng không quốc gia nào bị thống trị?

Các quốc gia sở hữu nền kinh tế đáng kể và các công cụ quyền lực nhà nước hiệu quả, bao gồm Ô-xtrây-li-a và Việt Nam, phải đóng vai trò lớn hơn trong việc định hình quan hệ quốc tế khu vực và toàn cầu theo hướng tích cực. Chúng tôi không chấp nhận việc để các cường quốc lớn tự quyết định tương lai của thế giới.

Một giai đoạn mới của ngoại giao cường quốc tầm trung với sức ảnh hưởng gia tăng

Ô-xtrây-li-a đang bước vào một giai đoạn mới của ngoại giao cường quốc tầm trung với sức ảnh hưởng mạnh mẽ hơn. Chúng tôi điều chỉnh cách hiểu truyền thống về “các nước cùng chí hướng”, bởi lợi ích quốc gia đang chịu tác động ngày càng sâu từ những biến chuyển toàn cầu. Điều đó đồng nghĩa với việc chủ động xây dựng các liên kết mới để khẳng định vai trò của mình và bảo đảm lợi ích quốc gia trong một thế giới cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Các cường quốc tầm trung tìm kiếm sự cân bằng chiến lược trong một cấu trúc quốc tế đa cực. Lợi ích chung của chúng ta được thúc đẩy khi hợp tác để giải quyết các vấn đề toàn cầu, nhưng không phải mọi vấn đề toàn cầu đều có thể giải quyết thông qua khuôn khổ thể chế của Liên Hợp Quốc. Ở những lĩnh vực mà Liên Hợp Quốc có thể đưa ra lời giải, chúng ta phải bảo đảm tổ chức này có đủ nguồn lực và công cụ để thực hiện.

Chúng tôi không muốn một Liên Hợp Quốc hoạt động kém hiệu quả, dễ bị thao túng bởi những lực lượng muốn làm suy yếu, hoặc chiếm dụng tổ chức này phục vụ các mục tiêu dân tộc hẹp hòi của họ.

Sự tham gia đa phương của Ô-xtrây-li-a

Việc xây dựng các liên kết hợp tác là yếu tố then chốt để Ô-xtrây-li-a bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia. Các liên kết này đóng vai trò “nhân lực ngoại giao”, giúp các cường quốc tầm trung tác động tới kết quả và định hình trật tự trong một thế giới đa cực.

Ngoại giao Ô-xtrây-li-a từ lâu có trọng tâm đa phương, không chỉ trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc mà còn gồm:

- ASEAN – Ô-xtrây-li-a trở thành Đối tác Đối thoại đầu tiên năm 1974
- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)
- G20
- APEC
- Diễn đàn Quần đảo Thái Bình Dương (PIF)
- Các nhóm hợp tác thu hẹp (minilateral) như Quad, CANZ (Canada – Ô-xtrây-li-a – New Zealand), và MIKTA – nhóm mà Ô-xtrây-li-a sẽ giữ vai trò Chủ tịch trong năm tới.

Ô-xtrây-li-a – giống như Việt Nam – là một trong những quốc gia đóng vai trò kiến tạo các hiệp định thương mại khu vực trọng yếu, bao gồm CPTPP, RCEP và AANZFTA. Chúng tôi kiên trì thực thi các hiệp định thương mại này và mong muốn hợp tác với các đối tác để cải cách và củng cố Tổ chức Thương mại Thế giới, bởi sự thịnh vượng của chúng tôi phụ thuộc vào các quy tắc mà tổ chức này đặt ra.

Ô-xtrây-li-a mong muốn hợp tác với Việt Nam trong các tổ chức phát triển đa phương như Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Y tế Thế giới. Những thể chế này đã có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển môi trường, xã hội và tính bao trùm của Việt Nam. Với sự hỗ trợ liên tục của cộng đồng quốc tế, những thể chế này sẽ tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển của các quốc gia trên toàn cầu.

Ô-xtrây-li-a cũng đề cao việc duy trì và tôn trọng luật pháp quốc tế. Cả Ô-xtrây-li-a và Việt Nam đều hiểu rõ rằng Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) là nền tảng ổn định, góp phần bảo đảm hòa bình, an ninh và ổn định trong khu vực của chúng ta.

Trong bối cảnh áp lực trên biển gia tăng – từ cạnh tranh địa – chiến lược đến biến đổi khí hậu – cam kết chung của chúng ta đối với luật pháp quốc tế sẽ đóng vai trò quyết định trong việc ngăn ngừa xung đột và xây dựng lòng tin bền vững.

Lãnh đạo thông qua hành động: Tuyên bố về Bảo vệ Nhân viên Cứu trợ Nhân đạo

Cam kết của Ô-xtrây-li-a đối với chủ nghĩa đa phương được thể hiện thông qua hành động. Ngay trước Tuần lễ Cấp cao tại Liên Hợp Quốc, Ô-xtrây-li-a đã công bố Tuyên bố về Bảo vệ Nhân viên Cứu trợ Nhân đạo, tái khẳng định cam kết quốc tế trong việc duy trì luật nhân đạo và bảo vệ những người tham gia hoạt động cứu trợ. Sáng kiến này, do Ô-xtrây-li-a dẫn dắt, đã thu hút 104 quốc gia ký kết ngay trong ngày đầu tiên – thể hiện quyết tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.

Tuyên bố này là sáng kiến đa phương quan trọng nhất của Ô-xtrây-li-a kể từ nhiệm kỳ của chúng tôi tại Hội đồng Bảo an cách đây mười một năm, khi chúng tôi đạt được đồng thuận về nghị quyết cho phép tiến hành điều tra độc lập đối với vụ bắn hạ chuyến bay MH17. Điều đó cho thấy những gì các cường quốc tâm trung có thể đạt được và phản ánh kỳ vọng của chúng tôi đối với ứng cử Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2029–2030.

Vì sao chủ nghĩa đa phương có ý nghĩa

Ô-xtrây-li-a tập trung vào những cách thức mà hệ thống đa phương đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống con người. Chúng ta phải bảo vệ những chức năng thiết yếu mà chỉ hệ thống đa phương mới có thể đảm nhiệm:

- Hệ thống đa phương thúc đẩy phát triển kinh tế và làm cho thương mại công bằng hơn – hỗ trợ tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo và giúp các quốc gia vừa và nhỏ chống lại hành vi cưỡng ép.
- Ngăn chặn sự lan truyền của vũ khí hạt nhân.
- Thiết lập các tiêu chuẩn bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Quy định các nguyên tắc bảo đảm an ninh và ổn định trên biển.
- Phân bổ quỹ đạo vệ tinh, bảo đảm kết nối internet toàn cầu, kể cả tại các khu vực xa xôi nhất.
- Bảo đảm an toàn cho hàng nghìn chuyến bay và 12 triệu hành khách mỗi ngày.
- Thúc đẩy bình đẳng giới và điều phối hành động khí hậu toàn cầu.
- Cứu hơn 350 triệu trẻ em khỏi suy dinh dưỡng mỗi năm.

Những thành tựu này có ý nghĩa. Chúng là nền tảng của hòa bình và thịnh vượng.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhận thức rằng hệ thống đa phương của tương lai phải khác biệt rõ rệt so với hiện nay.

Ô-xtrây-li-a mong muốn một hệ thống đa phương có khả năng giúp thế giới giải quyết những vấn đề lớn nhất của thời đại, mang lại lợi ích cho những cộng đồng cần thiết nhất. Hệ thống này phải là người bảo vệ các quy tắc duy trì đối thoại giữa các quốc gia – những quy tắc giữ chúng ta đối thoại thay vì đối đầu.

Kết luận

Trách nhiệm thuộc về tất cả chúng ta trong việc kiến tạo một thế giới mà chúng ta mong muốn – ổn định, hòa bình, thịnh vượng và tôn trọng chủ quyền. Chúng ta phải nắm bắt cơ hội từ những thách thức hiện nay – và từ sức mạnh ngoại giao gia tăng của các cường quốc tầm trung – để định hình tương lai của hệ thống đa phương nhằm phục vụ mục tiêu đó.

Chúng tôi xác định lợi ích của mình gắn với một thế giới vận hành theo các quy tắc đã được thỏa thuận, và một hệ thống đa phương củng cố chủ quyền cũng như quyền chủ động của chúng tôi. Ô-xtrây-li-a sẽ tìm cách đạt được điều này thông qua hợp tác với các đối tác – mới và truyền thống – nhằm thúc đẩy lợi ích chung trong một hệ thống đa phương hiệu quả, được cải cách một cách thực chất.

RUSSIA'S MULTIVECTOR FOREIGN POLICY AT THE PRESENT STAGE: CONCEPTUAL FOUNDATIONS AND PRACTICAL IMPLEMENTATION

PhD. Petr Tsvetov*

Introduction

The current stage of international relations is characterized by high turbulence and the transition from the era of unipolar globalization to the formation of a new polycentric world architecture. Under these conditions, the Russian Federation pursues a multi-vector foreign policy aimed at protecting its national interests, ensuring its sovereignty, and strengthening its position as one of the independent and influential centers of the emerging multipolar world. The purpose of this report is to analyze the conceptual foundations and practical implementation of Russia's multi-vector foreign policy through the lens of key strategic documents and official statements, speeches by officials and specific foreign policy actions. At the same time, we understand multi-vector policy as the geographical diversity of a state's international cooperation.

Conceptual foundations: from the National Security Strategy to the Foreign Policy Concept

According to Sergey Lavrov, the Minister of Foreign Affairs of the Russian Federation, "Multi-vector policy is not a new concept. The Russian state has always promoted it as a fundamental position, emphasizing that we are ready to

* Petr Tsvetov, PhD in History, Leading Researcher at the Center for Vietnam and ASEAN Studies at the Institute of China and Contemporary Asia of the Russian Academy of Science, Associate Professor at the Department of International Relations and Foreign Policy at the Diplomatic Academy of the Ministry of Foreign Affairs of the Russian Federation

cooperate with everyone based on respect, equality, and a fair balance of interests¹."

Today, the fundamental principles of modern Russia's foreign policy are enshrined in a number of fundamental documents: the National Security Strategy of the Russian Federation (approved by Presidential Decree No. 400 dated July 2, 2021) and the Foreign Policy Concept of the Russian Federation (approved by Presidential Decree No. 229 dated March 31, 2023), as well as in the speeches of Russian President Vladimir Putin.

The 2021 National Security Strategy states that the era of Western dominance is over and that a polycentric international system is emerging. The strategy identifies key threats, including the US and its allies' efforts to contain Russia's development. The document refers to these countries as "unfriendly states." The strategy also states that "the Russian Federation pursues a consistent, independent, multi-vector, open, predictable, and pragmatic foreign policy aimed at protecting its national interests and strengthening international security."²

In developing these provisions, the 2023 Foreign Policy Concept of the Russian Federation provides an answer to the dramatically changed external conditions. The document declares the abandonment of the model of preferential interaction with Western countries, which have mostly been classified as “unfriendly.” The 2023 Concept enshrines the principle of "multi-vector policy," which is understood as a commitment to strengthening equal and mutually beneficial cooperation with all states that are willing to engage in dialogue. Paragraph 6 of the Concept states: "Russia pursues an independent and multi-vector foreign policy guided by its national interests and a sense of responsibility for maintaining peace and security at the global and regional levels. ... Russia's attitude towards

¹ <https://www.interfax-russia.ru/northwest/news/rossiyskoe-gosudarstvo-vsegda-prodvigalo-mnogovektornost-v-kachestve-svoey-principialnoy-pozicii-lavrov>

² <http://www.kremlin.ru/acts/bank/47046/page/5>

other states and interstate organizations is determined by the constructive, neutral, or unfriendly nature of their policies towards the Russian Federation.¹

In the same Concept, we find a “rank order” of the geopolitical directions of Russia's foreign policy.

The first place is occupied by the "Near Abroad," or “Neighboring countries” which includes the former Soviet republics that are now part of the Commonwealth of Independent States.

The second place is occupied by the Arctic (this is a notable innovation in such a document).

The third place is occupied by the Eurasian continent, with the goal of transforming it into a pan-continental space through organizations such as the Eurasian Economic Union, the Shanghai Cooperation Organization, ASEAN, and other countries, such as China and India.

The next vector is the Asia-Pacific region, where special attention is paid to ASEAN and the Asia-Pacific Economic Cooperation forum.

The vectors of political and economic cooperation, such as the Islamic world, Africa, Latin America, and the Caribbean are listed in sequence.

The list is completed by the European region, where the “unfriendly actions” and “anti-Russian policies” of the ruling circles are clearly visible, as well as by the United States and other Anglo-Saxon states. Russia does not completely reject cooperation with these countries, but intends to build this cooperation “depending on their willingness to abandon their unfriendly policies towards Russia and respect its legitimate interests.”²

The practical implementation of multi-vector policy: focus on the global South

¹ <http://www.kremlin.ru/acts/bank/49090>

² Ibidem

The objective reality of our time is the formation of a new, more complex configuration of international relations, in which non-Western centers of economic growth and political influence play an increasingly important role. Russia is actively contributing to this objective process by building genuine partnerships and equal relations with countries in Asia, the Middle East, Africa, and Latin America.

The development of relations with friendly states that pursue independent foreign policies is of utmost importance. Russia is clearly focused on further strengthening its comprehensive partnership and strategic cooperation with China, as well as its special strategic partnership with India and its comprehensive strategic partnership with Vietnam. Russia continues to actively engage with international organizations such as the Shanghai Cooperation Organization, BRICS, and ASEAN. Russia continues to consider ASEAN as a key partner in the Asia-Pacific region.

From Russia's participation in world trade, one can see how economic multi-vector is being implemented. Thus, trade with Asian countries is expanding (an increase of 60% from 2020 to 2023), the Middle East (an increase of 2 times), Africa (by 69%) and Latin America (by 42%).

The active diplomacy of the country's top leadership in 2023-2024 clearly demonstrates the country's multi-vector approach:

2023

October. President V.V. Putin paid a visit to China, where he took part in the Belt and Road Forum

December. V.V. Putin's visits to the United Arab Emirates and Saudi Arabia took place, demonstrating the priority of ties with non-Western centers of power.

2024

May. President Putin's trip to China, which was his first foreign visit after his inauguration, symbolically highlights the strategic nature of relations with Beijing.

June. Visits to North Korea and Vietnam. These trips strengthened the political dialogue with key partners in Northeast and Southeast Asia.

September. Official visit to Mongolia.

October. Visit to Turkmenistan.

November. Visit to Kazakhstan.

2025

June. Working visit to Belarus

August. Visit to the USA for talks with President D. Trump

September. Visit to China for the SCO summit and the 80th anniversary of the end of World War II.

After the start of the Special Military Operation, Moscow continued to be visited by foreign leaders. For example, in April 2022, Austrian Chancellor Karl Nehammer visited Moscow, in June 2022, President of Senegal Macky Sall, in June 2022, President of Indonesia Joko Widodo, in October 2022, President of the United Arab Emirates Mohammed Al Nahyan, November 2022, President of Cuba Miguel Díaz-Cárdenas Bermúdez visited Moscow. In March 2023, President of the People's Republic of China Xi Jinping paid an official visit to Russia, and in July 2024, Prime Minister of Hungary Viktor Orbán visited Moscow. Constant contacts were maintained with the heads of the CIS countries.

It is worth noting the visit of the leaders of 28 countries to Moscow for the celebration of the 80th anniversary of Victory in the Great Patriotic War in May 2025. At the same time, the General Secretary of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam, To Lam, paid an official visit to Russia.

Challenges and Prospects

Russia's multi-vector policy is facing a number of challenges. Firstly, there is the unprecedented political and economic pressure from the collective West aimed at isolating Russia's foreign policy and economy. Secondly, there is the need for a delicate balance in relations with the major power centers such as China and India, which have their own interests. Thirdly, there is the need to restructure logistics and financial chains and reorient trade flows towards new markets, which requires significant resources and time. However, multi-vector approach is the adequate response. Diversification of external state relations reduces risks and opens up new opportunities.

Today, Russia's relations with the world are influenced by sanctions. More specifically, by the attitude of each individual country towards them. Currently, 45 countries (out of a total of 197) have imposed sanctions on Russia. However, several countries that have not joined the sanctions have announced that they will be forced to comply with them in order to avoid secondary sanctions imposed by the United States. As a result, the Russian government has been building its relations with these countries based on this principle.

There exists an opinion (as stated in one of the reports by Moscow political scientists) that the normalization of relations with most of the West, even in the medium term, is not only impossible, but also disadvantageous for Russia, as it "will distract from the task of restructuring the Russian economy and society to survive in a highly conflict-ridden and unstable world for the next decade and a half, and to reorient towards new markets."¹

However, the Russian president allows for a more pragmatic approach. The participants of the Eastern Economic Forum, which was held in Vladivostok in September 2025, could fail to pay attention to the words spoken by Vladimir

¹ <https://www.kommersant.ru/doc/6428076?ysclid=mi4wwtdai9997970721>

Putin: "We have never refused to cooperate with those who want to work with us." He added as well that there are companies from "unfriendly countries" that have not left the Russian market and are continuing to work and expand their cooperation¹.

This approach is also reflected in the 2023 Russian Foreign Policy Concept. In particular, Article 63 of the document states: "The Russian Federation is interested in maintaining strategic parity, peaceful coexistence with the United States, and establishing a balance of interests between Russia and the United States, taking into account their status as major nuclear powers and their special responsibility for the strategic stability and international security as a whole."²

Conclusion

Russia's multi-vector foreign policy at the current stage is a strategically sound course based on the principles of pragmatism and the protection of national interests. It is conceptually enshrined in key strategic documents and consistently implemented in practice through the intensification of relations with countries in the Asia-Pacific region, the Middle East, Africa, and Latin America. The active diplomatic agenda of the country's top leadership in 2023-2025 serves as a clear confirmation of this strategic choice. Despite the opposition, Russia continues to strengthen its position as one of the sovereign poles in the emerging polycentric system of international relations.

Moscow also understands the multi-vector diplomacy of other countries, paying tribute to the demands of the times. As Foreign Minister Sergey Lavrov stated in an interview with journalists from Kazakhstan, "Russia fully understands the term 'multi-vector' and can engage in mutually beneficial cooperation with all those who are willing to do so on an equal footing."

¹ <http://www.kremlin.ru/events/president/transcripts/speeches/77927>

² <http://www.kremlin.ru/acts/bank/49090>

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA NGA HIỆN NAY: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TS. Petr Tsvetov*

Tóm tắt

Trong kỷ nguyên toàn cầu, khi toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, thế giới đang chuyển từ trật tự đơn cực sang một cấu trúc đa cực. Trong bối cảnh đó, Liên bang Nga theo đuổi một chính sách đối ngoại đa phương nhằm bảo vệ các lợi ích quốc gia, đảm bảo chủ quyền và củng cố vị thế của mình như một cực độc lập và có ảnh hưởng trong trật tự thế giới đang hướng tới đa cực. Bài viết phân tích cơ sở lý luận và triển triển khai thực tiễn chính sách đối ngoại đa phương của Nga thông qua việc xem xét các văn kiện chiến lược trọng yếu, các tuyên bố chính thức, bài phát biểu của các quan chức cấp cao và các hoạt động đối ngoại cụ thể. Theo đó, “đa phương” được hiểu như sự đa dạng hóa về mặt địa lý trong hợp tác quốc tế của một quốc gia, nhằm tối ưu hóa vị thế và bảo vệ lợi ích trong bối cảnh hệ thống quốc tế biến động.

Từ khoá: Chủ nghĩa đa phương, Liên bang Nga, Chính sách đối ngoại

Cơ sở lý luận: từ Chiến lược An ninh Quốc gia đến Khái niệm Chính sách Đối ngoại

Theo ông Sergey Lavrov, Bộ trưởng Ngoại giao Liên bang Nga: "Chính sách đa phương không phải là một ý niệm mới mẻ. Nhà nước Nga luôn đề cao điều này như một lập trường căn bản], nhấn mạnh rằng chúng tôi sẵn lòng hợp tác với tất cả các bên trên cơ sở tôn trọng, bình đẳng và cân bằng lợi ích công bằng".

* Tiến sĩ Lịch sử, Nghiên cứu viên chính tại Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và ASEAN thuộc Viện Trung Quốc và Châu Á đương đại, Viện Hàn lâm Khoa học Nga; Phó Giáo sư Khoa Quan hệ Quốc tế và Chính sách Đối ngoại tại Học viện Ngoại giao thuộc Bộ Ngoại giao Liên bang Nga

Hiện nay, các nguyên tắc nền tảng trong chính sách đối ngoại của nước Nga hiện đại được ghi nhận trong một số văn kiện cơ bản: Chiến lược An ninh Quốc gia của Liên bang Nga (được phê duyệt bằng Sắc lệnh của Tổng thống số 400 ngày 02 tháng 7 năm 2021) và Khái niệm Chính sách Đối ngoại của Liên bang Nga (được phê duyệt bằng Sắc lệnh của Tổng thống số 229 ngày 31 tháng 3 năm 2023), cũng như trong các bài phát biểu của Tổng thống Nga Vladimir Putin.

Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2021 khẳng định rằng kỷ nguyên thống trị của phương Tây đã chấm dứt và một hệ thống quốc tế đa trung tâm đang nổi lên. Chiến lược chỉ ra các mối đe dọa then chốt, bao gồm nỗ lực kiềm chế sự phát triển của Nga từ phía Hoa Kỳ và các đồng minh. Văn kiện gọi các quốc gia đó là "các quốc gia không thân thiện". Chiến lược cũng nêu rõ: "Liên bang Nga theo đuổi một chính sách đối ngoại nhất quán, độc lập, đa phương, cởi mở, có thể dự đoán được và thực dụng nhằm bảo vệ các lợi ích quốc gia và củng cố an ninh quốc tế".

Nhằm phát triển các quy định này, Khái niệm Chính sách Đối ngoại năm 2023 của Liên bang Nga đưa ra phản ứng đối với các điều kiện bên ngoài đã thay đổi đáng kể. Văn kiện tuyên bố từ bỏ mô hình tương tác ưu tiên với các nước phương Tây, vốn phần lớn đã được xếp vào nhóm “không thân thiện”. Khái niệm năm 2023 đã xác lập nguyên tắc "chính sách đa phương", được hiểu là cam kết tăng cường hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các quốc gia sẵn lòng tham gia đối thoại.

Khoản 6 của Khái niệm khẳng định: "Nga theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập và đa phương, được dẫn dắt bởi lợi ích quốc gia và ý thức trách nhiệm đối với việc duy trì hòa bình và an ninh ở cấp độ toàn cầu và khu vực. ... Thái độ của Nga đối với các quốc gia và các tổ chức liên quốc gia khác được xác định bởi tính chất xây dựng, trung lập hay không thân thiện trong chính sách của họ đối với Liên bang Nga".

Trong Khái niệm này, chúng ta cũng thấy một sự "phân cấp ưu tiên" các định hướng địa chính trị của chính sách đối ngoại Nga.

- Vị trí ưu tiên hàng đầu thuộc về "Vùng Cận kề", hay “Các nước láng giềng”, bao gồm các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ hiện là thành viên của Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS).
- Vị trí thứ hai là Khu vực Bắc Cực (đây là một điểm mới đáng chú ý trong văn kiện này).
- Vị trí thứ ba là Lục địa Á-Âu, với mục tiêu chuyển đổi thành không gian liên lục địa thông qua các tổ chức như Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), ASEAN và các quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ.
- Định hướng tiếp theo là khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, nơi đặc biệt chú trọng đến ASEAN và Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC).
- Các định hướng hợp tác chính trị và kinh tế, bao gồm thế giới Hồi giáo, Châu Phi, Mỹ Latinh và Caribe, được liệt kê theo trình tự.
- Danh sách được kết thúc bởi khu vực Châu Âu, nơi có thể thấy rõ “các hành động không thân thiện” và “các chính sách chống Nga” của giới lãnh đạo, cũng như Hoa Kỳ và các quốc gia Anglo-Saxon khác. Nga không loại trừ hoàn toàn việc hợp tác với các quốc gia này, nhưng dự định xây dựng sự hợp tác “tùy thuộc vào sự sẵn lòng của họ từ bỏ các chính sách không thân thiện đối với Nga và tôn trọng các lợi ích hợp pháp của Nga”.

Triển khai Thực tiễn Chính sách Đa phương: Trọng tâm vào Phương Nam Toàn cầu

Thực tế khách quan của thời đại là sự hình thành một cấu hình quan hệ quốc tế mới, phức tạp hơn, trong đó các trung tâm tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng chính trị phi phương Tây đang đóng vai trò ngày càng quan trọng. Nga đang tích cực đóng góp vào tiến trình khách quan này bằng cách xây dựng các quan hệ đối tác

chân chính và bình đẳng với các quốc gia ở Châu Á, Trung Đông, Châu Phi và Mỹ Latinh.

Việc phát triển quan hệ với các quốc gia thân thiện theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập là vô cùng quan trọng. Nga rõ ràng tập trung vào việc tiếp tục củng cố quan hệ đối tác toàn diện và hợp tác chiến lược với Trung Quốc, cũng như quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt với Ấn Độ và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam. Nga tiếp tục tích cực tham gia với các tổ chức quốc tế như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), BRICS và ASEAN. Nga tiếp tục coi ASEAN là đối tác chủ chốt trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Qua sự tham gia của Nga vào thương mại thế giới, có thể thấy rõ sự đa phương hóa kinh tế đang được thực hiện như thế nào. Theo đó, thương mại với các nước Châu Á đang tăng trưởng (tăng 60% từ 2020 đến 2023), Trung Đông (tăng gấp 2 lần), Châu Phi (tăng 69%) và Mỹ Latinh (tăng 42%).

Hoạt động ngoại giao tích cực của lãnh đạo cấp cao đất nước trong giai đoạn 2023-2025 chứng minh rõ ràng cách tiếp cận đa phương này:

Năm 2023

- Tháng 10. Tổng thống V.V. Putin thực hiện chuyến thăm Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nơi ông tham dự Diễn đàn Vành đai và Con đường.
- Tháng 12. Tổng thống V.V. Putin thăm Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Ả Rập Saudi, hành động này thể hiện sự ưu tiên cho quan hệ với các trung tâm quyền lực phi phương Tây.

Năm 2024

- Tháng 5. Chuyến công du Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa của Tổng thống Putin, là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên sau lễ nhậm chức của ông, mang ý nghĩa biểu tượng, nhấn mạnh tính chất chiến lược của quan hệ với Bắc Kinh.

- Tháng 6. Các chuyến thăm tới Triều Tiên và Việt Nam đã củng cố đối thoại chính trị với các đối tác chủ chốt ở Đông Bắc và Đông Nam Á.
- Tháng 9. Thăm chính thức Mông Cổ.
- Tháng 10. Thăm Turkmenistan.
- Tháng 11. Thăm Kazakhstan.

Năm 2025

- Tháng 6. Thăm làm việc Belarus.
- Tháng 8. Thăm Hoa Kỳ để hội đàm với Tổng thống D. Trump.
- Tháng 9. Thăm Trung Quốc để tham dự Hội nghị thượng đỉnh SCO và kỷ niệm 80 năm kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ hai.

Sau khi Chiến dịch Quân sự Đặc biệt bắt đầu, Mát-xcơ-va vẫn tiếp tục đón tiếp các nhà lãnh đạo nước ngoài. Ví dụ, vào tháng 4 năm 2022, Thủ tướng Áo Karl Nehammer đã thăm Mát-xcơ-va, tháng 6 năm 2022 là Tổng thống Senegal Macky Sall, tháng 6 năm 2022 là Tổng thống Indonesia Joko Widodo, tháng 10 năm 2022 là Tổng thống Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất Mohammed Al Nahyan, tháng 11 năm 2022 là Chủ tịch Cuba Miguel Díaz-Cárdenas Bermúdez. Tháng 3 năm 2023, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình đã có chuyến thăm chính thức Nga, và tháng 7 năm 2024, Thủ tướng Hungary Viktor Orbán đã thăm Mát-xcơ-va. Các cuộc tiếp xúc thường xuyên được duy trì với những người đứng đầu các nước CIS. Đáng chú ý là chuyến thăm của lãnh đạo 28 quốc gia đến Mát-xcơ-va để kỷ niệm 80 năm Ngày Chiến thắng trong Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại vào tháng 5 năm 2025. Cùng thời điểm đó, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm đã có chuyến thăm chính thức Nga.

Thách thức và Triển vọng

Chính sách đa phương của Nga đang đối diện với một số thách thức. Thứ nhất, đó là áp lực chính trị và kinh tế chưa từng có từ "Tập thể phương Tây" nhằm cô lập chính sách đối ngoại và nền kinh tế của Nga. Thứ hai, đó là nhu cầu đạt được sự cân bằng tinh tế trong quan hệ với các trung tâm quyền lực lớn như Trung Quốc và Ấn Độ, những quốc gia có lợi ích riêng. Thứ ba, đó là nhu cầu tái cấu trúc chuỗi logistics và tài chính, cũng như định hướng lại dòng chảy thương mại sang các thị trường mới, điều này đòi hỏi nguồn lực và thời gian đáng kể. Tuy nhiên, cách tiếp cận đa phương là một phản ứng phù hợp. Đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại của nhà nước giúp giảm thiểu rủi ro và mở ra những cơ hội mới.

Hiện nay, quan hệ của Nga với thế giới chịu ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt. Cụ thể hơn là bởi thái độ của từng quốc gia đối với các lệnh trừng phạt này. Hiện có 45 quốc gia (trong tổng số 197) đã áp đặt trừng phạt đối với Nga. Tuy nhiên, một số quốc gia chưa tham gia trừng phạt đã tuyên bố họ sẽ buộc phải tuân thủ để tránh các lệnh trừng phạt thứ cấp do Hoa Kỳ áp đặt. Do đó, chính phủ Nga đã xây dựng quan hệ với các quốc gia này dựa trên nguyên tắc đó.

Có một quan điểm (như đã nêu trong một báo cáo của các nhà khoa học chính trị Mát-xcơ-va) rằng việc bình thường hóa quan hệ với hầu hết các nước phương Tây, ngay cả trong trung hạn, không chỉ là bất khả thi, mà còn bất lợi cho Nga, vì nó "sẽ làm phân tâm khỏi nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế và xã hội Nga để tồn tại trong một thế giới đầy xung đột và bất ổn trong một thập kỷ rủi ro tới, và định hướng lại sang các thị trường mới".

Tuy nhiên, Tổng thống Nga ủng hộ một cách tiếp cận thực dụng hơn. Những người tham dự Diễn đàn Kinh tế Phương Đông, được tổ chức tại Vladivostok vào tháng 9 năm 2025, không thể không chú ý đến lời phát biểu của Vladimir Putin: "Chúng tôi chưa bao giờ từ chối hợp tác với những người muốn làm việc với chúng tôi". Ông cũng cho biết thêm rằng có những công ty từ "các quốc gia không

thân thiện" đã không rời khỏi thị trường Nga và vẫn tiếp tục hoạt động và mở rộng hợp tác.

Cách tiếp cận này cũng được phản ánh trong Khái niệm Chính sách Đối ngoại năm 2023 của Nga. Đặc biệt, Điều 63 của văn kiện nêu rõ: "Liên bang Nga quan tâm đến việc duy trì sự cân bằng chiến lược, chung sống hòa bình với Hoa Kỳ, và thiết lập sự cân bằng lợi ích giữa Nga và Hoa Kỳ, có tính đến vị thế là các cường quốc hạt nhân lớn và trách nhiệm đặc biệt của họ đối với sự ổn định chiến lược và an ninh quốc tế nói chung".

Kết luận

Chính sách đối ngoại đa phương của Nga trong giai đoạn hiện nay là một đường lối chiến lược đúng đắn dựa trên các nguyên tắc thực dụng và bảo vệ lợi ích quốc gia. Nó được thể chế hóa về mặt khái niệm trong các văn kiện chiến lược then chốt và được triển khai nhất quán trong thực tiễn thông qua việc tăng cường quan hệ với các quốc gia ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, Trung Đông, Châu Phi và Mỹ Latinh. Chương trình nghị sự ngoại giao tích cực của lãnh đạo cấp cao đất nước trong giai đoạn 2023-2025 là sự xác nhận rõ ràng cho lựa chọn chiến lược này. Bất chấp sự đối kháng, Nga tiếp tục củng cố vị thế của mình như một cực có chủ quyền trong hệ thống đa trung tâm của quan hệ quốc tế đang nổi lên.

Mát-xcơ-va cũng thấu hiểu chính sách ngoại giao đa phương của các quốc gia khác, ghi nhận những yêu cầu của thời đại. Như Bộ trưởng Ngoại giao Sergey Lavrov đã phát biểu trong một cuộc phỏng vấn với các nhà báo từ Kazakhstan, "Nga hoàn toàn thấu hiểu thuật ngữ 'đa phương' và có thể tham gia vào hợp tác cùng có lợi với tất cả các bên sẵn lòng làm như vậy trên cơ sở bình đẳng".

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRONG THỂ CHẾ ĐA PHƯƠNG KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU

PGS, TS. Dương Văn Huy, TS. Nguyễn Xuân Cường *

Tóm tắt: Bài phân tích mối quan hệ phức tạp Việt Nam - Trung Quốc khi tương tác trong các cơ chế đa phương khu vực và toàn cầu. Tác giả phân biệt ba tầng tác động: (i) song phương (các vấn đề biên giới, kinh tế); (ii) khu vực (vai trò trong ASEAN, cơ chế Mekong); (iii) toàn cầu (diễn đàn LHQ, G20, WTO). Qua phân tích, bài cho thấy đa phương vừa là không gian hợp tác (kinh tế, khoa học, ứng phó thiên tai) vừa là “sân khấu” tranh luận giữa lợi ích khác nhau, nơi Việt Nam cần nghệ thuật ngoại giao tinh tế để vừa bảo vệ lợi ích chủ quyền vừa duy trì quan hệ ổn định. Tác giả đề xuất chiến lược: tăng cường ngoại giao khu vực, tận dụng luật pháp quốc tế (UNCLOS) trong xử lý tranh chấp; thúc đẩy cơ chế hợp tác song hành (Track 1.5/2) để giảm hiểu lầm; và dùng đa phương để đa dạng hóa đối tác kinh tế nhằm giảm phụ thuộc. Bài nhấn mạnh nguyên tắc minh bạch, nhất quán trong tuyên bố chính sách và phối hợp liên ngành để thực hiện các cam kết đa phương liên quan tới lợi ích quốc gia.

Từ khoá: Quan hệ Việt-Trung; Đa phương; ASEAN; UNCLOS.

Mở đầu

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, đã xây dựng được khuôn khổ hợp đối tác chiến lược toàn diện. Hợp tác song phương giữa hai nước gần đây không ngừng được củng cố, đồng thời hai nước tăng cường phối hợp và hợp tác trên các diễn đàn đa phương. Việt Nam sẵn sàng ủng hộ và thúc đẩy sự phát triển của quan hệ ASEAN-Trung Quốc. Việt Nam và Trung Quốc hợp tác chặt chẽ trên các diễn đàn đa phương như Liên Hợp Quốc (LHQ), APEC, RCEP, Hợp tác Lan Thương-Mekong (MLC), .. Đặc biệt là hai bên cũng đã xác định việc tăng cường phối hợp và hợp tác trong các cơ chế đa phương là một khía cạnh thiết yếu trong

* Viện Nghiên cứu Châu Á-Thái Bình Dương, VASS

việc xây dựng một cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược.¹ Trong Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc về việc tiếp tục làm sâu sắc quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, thúc đẩy xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược, hai nước cũng đã tuyên bố “tăng cường điều phối, phối hợp trong khuôn khổ các cơ chế đa phương, ủng hộ lẫn nhau trong ứng cử vào vị trí của các tổ chức quốc tế.”² Hợp tác giữa Việt Nam-Trung Quốc trong các cơ chế đa phương khu vực và toàn cầu là một trong những nội dung quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác song phương hai nước hiện nay cũng như trong thời gian tới. Đây cũng là khía cạnh hợp tác mà hai bên còn rất nhiều dư địa để thúc đẩy.

1. Hợp tác Việt Nam -Trung Quốc trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc

Việt Nam và Trung Quốc hợp tác trên nhiều phương diện trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc (LHQ) và các tổ chức đa phương khác, bao gồm ủng hộ lẫn nhau tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, tăng cường hợp tác đa phương trong các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, y tế và an ninh, và cùng nhau chống tội phạm mạng. Hai nước cũng tăng cường hợp tác trong khuôn khổ LHQ thông qua quan hệ song phương, như trao đổi và học hỏi lẫn nhau về giáo dục, khoa học công nghệ và an ninh, và thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới ở cấp địa phương. Cả hai nước ủng hộ hệ thống quốc tế với Liên Hợp Quốc là cốt lõi và hợp tác thông qua các nền tảng như Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và UNESCO. Đồng thời, hai nước tăng cường hợp tác phòng chống tội phạm mạng và hoan nghênh các nghị quyết liên quan của LHQ. Hơn nữa, hai nước cũng cùng nhau giải quyết các thách thức Toàn cầu như

¹ 中华人民共和国和越南社会主义共和国关于持续深化全面战略合作伙伴关系、加快构建具有战略意义的中越命运共同体的联合声明, 2025-04-15,

https://www.mfa.gov.cn/zyxw/202504/t20250415_11594984.shtml

² Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc về việc tiếp tục làm sâu sắc quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, thúc đẩy xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược, 15/04/2025, <https://baochinhpheu.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-ve-viec-tiep-tuc-lam-sau-sac-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-thuc-day-xay-dung-cong-dong-chia-se-tuong-lai-viet-nam-trung-quoc-co-y-nghia-chien-luoc-102250415164611109.htm>

y tế (bao gồm kiểm soát bệnh truyền nhiễm và y học cổ truyền), phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, đồng thời hỗ trợ chia sẻ thông tin xuyên biên giới và phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh chung. Trong đó, Việt Nam ủng hộ việc Trung Quốc gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và tích cực tham gia hợp tác trong các khuôn khổ khu vực và đa phương.

Việt Nam và Trung Quốc cũng khẳng định cam kết vững chắc của mình trong việc duy trì hệ thống quốc tế với LHQ là cốt lõi và trật tự quốc tế dựa trên luật pháp quốc tế, và tuân thủ các chuẩn mực cơ bản của quan hệ quốc tế dựa trên Năm nguyên tắc chung sống hòa bình và các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.¹ Trung Quốc và Việt Nam duy trì hợp tác lành mạnh trong khuôn khổ đa phương như Liên Hợp Quốc, phối hợp và hợp tác trong việc duy trì ổn định khu vực và thúc đẩy phát triển toàn cầu. Hợp tác cụ thể bao gồm tương tác tích cực trong các lĩnh vực như hòa bình và phát triển, biến đổi khí hậu và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), cũng như duy trì trao đổi thông tin trong các cơ chế đa phương và các vấn đề quốc tế khác, cùng nhau thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và trật tự quốc tế. Việt Nam hoan nghênh các sáng kiến của Trung Quốc có lợi cho hòa bình, ổn định và thịnh vượng khu vực, đồng thời sẵn sàng tăng cường giao lưu và hợp tác thực chất với Trung Quốc và các nước khác trong khuôn khổ các sáng kiến phát triển toàn cầu, đóng góp thiết thực vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc, cũng như hòa bình, hợp tác và phát triển của khu vực và toàn cầu. Trong Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc về việc tiếp tục làm sâu sắc quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, thúc đẩy xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược, “hai bên tái khẳng định kiên định bảo vệ hệ thống quốc tế với Liên hợp quốc làm hạt nhân, trật tự quốc tế với luật pháp quốc tế làm nền tảng,

¹ 中华人民共和国和越南社会主义共和国关于持续深化全面战略合作伙伴关系、加快构建具有战略意义的中越命运共同体的联合声明, 2025-04-15,
https://www.mfa.gov.cn/zyxw/202504/t20250415_11594984.shtml

kiên trì “Năm nguyên tắc chung sống hòa bình” và các chuẩn mực cơ bản của quan hệ quốc tế với tôn chỉ và nguyên tắc Hiến chương Liên hợp quốc làm nền tảng.”¹ Đồng thời, Việt Nam đã thể hiện vai trò tích cực khi đảm nhiệm chức vụ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2020-2021, với sự ủng hộ và hợp tác của Trung Quốc. Việt Nam đánh giá cao sự ủng hộ và hợp tác tích cực của Trung Quốc trong nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc 2020-2021 của Việt Nam.

Hơn nữa, trong Diễn tập thực địa cuối chu kỳ Nhóm chuyên gia gìn giữ hòa bình (GGHB) chu kỳ 4 (2021-2023) trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+) do Việt Nam và Nhật Bản đồng chủ trì tổ chức, dự kiến khai mạc ngày 13/9/2023, việc Trung Quốc cử Đoàn chuyên gia và học viên tham gia với số lượng đông đảo đã cho thấy sự ủng hộ của Trung Quốc đối với vai trò nước chủ nhà của Việt Nam trong các sự kiện đa phương quốc tế nói chung và hoạt động tham gia GGHB Liên hợp quốc (LHQ) của Việt Nam nói riêng. Đối với Việt Nam và Trung Quốc, hợp tác trong hoạt động GGHB LHQ là một lĩnh vực hợp tác mới và đang mở ra những triển vọng tích cực. Tại các địa bàn phái bộ GGHB, các lực lượng tham gia hoạt động GGHB LHQ của hai nước đang cùng nhau nỗ lực đóng góp cho sứ mệnh chung. Trong thư gửi tới chỉ huy Đội Công binh số 1 Việt Nam trước khi kết thúc nhiệm kỳ tại Phái bộ An ninh lâm thời LHQ ở Abyei về nước, chỉ huy của đơn vị Trung Quốc tại phái bộ đã bày tỏ rằng “với tư cách là những người hàng xóm, bạn bè, đồng chí và đối tác tốt” mong muốn được tăng cường mối quan hệ hợp tác với đơn vị công binh Việt Nam, hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện các hoạt động GGHB, để “cùng nhau đưa Abyei trở thành một nơi tốt đẹp hơn”. Chỉ huy đơn vị Trung Quốc ở Abyei cũng nhắc tới mối quan hệ láng giềng như tình anh em mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã so sánh

¹ Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc về việc tiếp tục làm sâu sắc quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, thúc đẩy xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược, 15/04/2025, <https://baochinhphu.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-ve-viec-tiep-tuc-lam-sau-sac-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-thuc-day-xay-dung-cong-dong-chia-se-tuong-lai-viet-nam-trung-quoc-co-y-nghia-chien-luoc-102250415164611109.htm>

giữa Việt Nam và Trung Quốc và câu ngạn ngữ của Trung Quốc rằng: “Khi anh em đồng tâm nhất trí, họ có sức mạnh để cắt cả kim loại”.¹

2. Hợp tác Việt Nam – Trung Quốc trong khuôn khổ hợp tác của ASEAN

Việt Nam là một trong những nước thành viên tích cực, chủ động và sẵn sàng ủng hộ cũng như thúc đẩy quan hệ ASEAN-Trung Quốc. Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính từng nhấn mạnh, trên nền tảng quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác truyền thống tốt đẹp với Trung Quốc, Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực góp phần vun đắp cho quan hệ ASEAN-Trung Quốc phát triển đúng tầm mức đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, đóng góp quan trọng củng cố, tăng cường hòa bình, an ninh, ổn định, hợp tác, phát triển bền vững ở khu vực và trên thế giới. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc cũng dành cho Việt Nam những sự ủng hộ trong ASEAN cũng như trên các diễn đàn đa phương ở khu vực. Năm 2020, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn khẳng định, Việt Nam ghi nhận và đánh giá cao sự phối hợp, ủng hộ tích cực của Trung Quốc, nhất là trong nhiệm kỳ Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020.

Có thể thấy, hợp tác giữa Việt và Trung Quốc trong khuôn khổ ASEAN là một trong những kênh hợp tác then chốt giữa hai nước. Hai bên cũng luôn thể hiện sự ủng hộ lẫn nhau trong khuôn khổ hợp tác này. Trong đó, Việt Nam đánh giá cao sự ủng hộ và hợp tác của Trung Quốc trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam. Với nỗ lực chung của tất cả các bên, quan hệ ASEAN-Trung Quốc đã đạt được sự phát triển toàn diện, sâu sắc và mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Đặc biệt, cuối năm 2021, nhân kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ đối thoại ASEAN-Trung Quốc, ASEAN và Trung Quốc chính thức tuyên bố thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện.

¹ Việt Nam - Trung Quốc tăng cường phối hợp, đóng góp tích cực cho hòa bình khu vực và thế giới, 12/09/2023, <https://tcnn.vn/news/detail/61119/Viet-Nam---Trung-Quoc-tang-cuong-phoi-hop-dong-gop-tich-cuc-cho-hoa-binh-khu-vuc-va-the-gioi.html>

Bên cạnh đó, nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường từ ngày 12 - 14/10/2024 theo lời mời của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, hai bên đã ra “Tuyên bố chung giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”.¹ Hai bên cũng cam kết phát huy tốt vai trò của “Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực” (RCEP) và Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); sử dụng tốt các nền tảng về thương mại điện tử, hội chợ triển lãm; tăng cường hợp tác hải quan, mở rộng xuất khẩu hàng hóa thế mạnh của nước này sang nước kia. Phát huy tốt vai trò của Nhóm công tác hợp tác về thương mại điện tử, thúc đẩy doanh nghiệp hai nước triển khai hợp tác thương mại điện tử.

Có thể nói, Việt Nam đã đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy quan hệ giữa ASEAN với Trung Quốc và việc Trung Quốc trở thành đối tác chiến lược toàn diện đầu tiên của ASEAN vào cuối năm 2021, đã phần nào phản ánh hiệu quả thiết thực và giá trị của sự ủng hộ lẫn nhau giữa hai quốc gia láng giềng tại diễn đàn ASEAN, cũng như các diễn đàn hợp tác ở khu vực. Với nỗ lực của các bên, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện ASEAN-Trung Quốc tiếp tục phát triển toàn diện trên tất cả lĩnh vực, đưa quan hệ ASEAN-Trung Quốc trở thành trụ cột quan trọng cho hòa bình, ổn định, phát triển và thịnh vượng của khu vực. Trung Quốc từng nhiều lần truyền đi thông điệp sẵn sàng là nước đầu tiên ký Nghị định thư của Hiệp ước Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) để hỗ trợ các nỗ lực của ASEAN nhằm giữ cho Đông Nam Á trở thành một khu vực không có vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác. Hiện chưa có nước nào trong số 5 cường quốc hạt nhân thế giới gồm Anh, Mỹ, Nga, Pháp và Trung Quốc ký Nghị định thư của hiệp ước này. Trong tổng thể quan hệ đối tác chiến lược toàn diện ASEAN-Trung Quốc, có thể khẳng định quan hệ đối tác hợp tác chiến

¹ Việt Nam và Trung Quốc nhất trí thúc đẩy kết nối chiến lược phát triển, 15/10/2024, <https://mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-10-16/Viet-Nam-va-Trung-Quoc-nhat-tri-thuc-day-ket-noi-chgd98b.aspx?~:text=Ph%C3%A1t%20huy%20t%E1%BB%91t%20vai%20tr%C3%B2,th%C3%B4ng%20%20ng%C3%A2n%20h%C3%A0ng/>.

lược toàn diện Việt-Trung đang trên đà phát triển tốt đẹp và rộng mở những cơ hội mới, đóng vai trò bổ sung thực chất và hiệu quả, đóng góp cho hòa bình, ổn định, phát triển và hợp tác ở khu vực cũng như trên thế giới.¹

3. Hợp tác trong các cơ chế khác: APEC, BRICS, RCEP, MLC

Hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong cơ chế Nhóm các nền kinh tế mới nổi (BRICS) cũng được thúc đẩy. BRICS² là từ viết tắt của Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi, một khối các quốc gia đã hình thành quan hệ đối tác sau khi thuật ngữ này được nhà kinh tế học Jim O'Neill của Goldman Sachs tạo ra vào năm 2001 (nhưng khi đó không bao gồm Nam Phi). Dự đoán của ông là đến năm 2050, các quốc gia này sẽ cùng nhau chiếm 40 phần trăm sản lượng kinh tế thế giới. Trên thực tế, từ năm 2012 đến năm 2022, riêng Trung Quốc đã chiếm khoảng một phần tư tăng trưởng GDP toàn cầu và các nước BRICS cùng nhau đóng góp hơn 45%.³ Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi được xếp hạng là một trong những nền kinh tế thị trường mới nổi tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong nhiều năm. Điều này là nhờ chi phí lao động thấp, nhân khẩu học thuận lợi và tài nguyên thiên nhiên dồi dào vào thời điểm bùng nổ hàng hóa toàn cầu. Đến năm 2024, BRICS đã mở rộng thêm các thành viên gồm Ai Cập, Ethiopia, Iran, Saudi Arabia và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), tăng gấp đôi số lượng. Đây là bước phát triển mạnh mẽ của BRICS kể từ khi được thành lập.

¹ Việt Nam - Trung Quốc tăng cường phối hợp, đóng góp tích cực cho hòa bình khu vực và thế giới, 12/09/2023, <https://tcnn.vn/news/detail/61119/Viet-Nam---Trung-Quoc-tang-cuong-phoi-hop-dong-gop-tich-cuc-cho-hoa-binh-khu-vuc-va-the-gioi.html>

² Cho đến năm 2006, BRIC không được tập hợp trong một cơ chế cho phép chúng được diễn đạt. Khái niệm này thể hiện sự tồn tại của bốn quốc gia riêng lẻ có những đặc điểm cho phép chúng được nhóm lại với nhau, nhưng không phải là một cơ chế. Điều đó đã thay đổi tại Cuộc họp của các Bộ trưởng Ngoại giao, của bốn quốc gia, được tổ chức bên lề Đại hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 61 vào ngày 23 tháng 9 năm 2006. Đây là bước đầu tiên để Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc bắt đầu làm việc tập thể. Sau đó, có thể nói rằng song song với khái niệm “BRIC”, một nhóm đã ra đời và bắt đầu hoạt động trên trường quốc tế, BRIC. Năm 2011, sau khi Nam Phi gia nhập, cơ chế này đã trở thành BRICS (với chữ “s” viết hoa ở cuối).

³ Alicia Garcia-Herrero (2024), China continues to dominate an expanded BRICS, East Asia Forum, 12 April, <https://eastasiaforum.org/2024/04/12/china-continues-to-dominate-an-expanded-brics/#:~:text=China%20has%20been%20the%20leading,voice%20on%20the%20global%20stage.>

Đối với Trung Quốc, BRICS được xem như một phương tiện để Bắc Kinh thúc đẩy chủ nghĩa đa phương hiện nay. Theo như nhìn nhận từ phía Trung Quốc, khi thế giới gặp phải dòng chảy ngược “phi toàn cầu hóa”, các biện pháp trừng phạt đơn phương và “thăm quyền tay dài” ngày càng gia tăng, sự bất ổn trong cộng đồng quốc tế gia tăng, cơ chế hợp tác BRICS ngày càng trở thành nền tảng quan trọng để xây dựng sự đồng thuận và thúc đẩy hợp tác đa phương. Hiện tại, ảnh hưởng của hợp tác BRICS đã vượt quá phạm vi của 5 quốc gia và trở thành lực lượng mang tính xây dựng trong các vấn đề quốc tế. Về an ninh chính trị, “hòa bình và ổn định khu vực”, “an ninh sinh học”, “chống khủng bố và an ninh mạng” đã trở thành từ khóa cho sự hợp tác BRICS gần đây. Tất cả các bên đều tin rằng các công nghệ mới như Internet và mạng xã hội đã bị lạm dụng; việc Mỹ rút khỏi Afghanistan đã đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với tình hình an ninh chống khủng bố toàn cầu. Với tư cách là đại diện của các cường quốc mới nổi có ảnh hưởng toàn cầu, các nước BRICS cần duy trì và thực thi chủ nghĩa đa phương thực sự và đóng góp “sức mạnh BRICS” cho cuộc chiến quốc tế chống khủng bố.¹

Bên cạnh đó, Trung Quốc có xu hướng thúc đẩy hợp tác BRICS đã trở thành một thực tiễn quan trọng trong việc Bắc Kinh thúc đẩy xây dựng một cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại. Trung Quốc cho rằng, hợp tác BRICS đã tạo ra những giá trị chung quan trọng nhằm thúc đẩy xây dựng một cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại. Các nước BRICS đến từ các châu lục khác nhau trên thế giới và có nền tảng văn hóa, lịch sử rất khác nhau, tuy nhiên, các nước này đã thực hiện đầy đủ các giá trị quan trọng như phát triển hòa bình và hợp tác cùng có lợi theo cơ chế hợp tác BRICS. Những giá trị chung này không chỉ có tác động tích cực trong nội bộ các nước BRICS mà còn được lan truyền rộng rãi trên toàn thế giới. Mô hình hợp tác BRICS thể hiện tính khả thi của việc các quốc gia khác nhau đạt được sự thịnh vượng chung thông qua hợp tác hòa bình, truyền cảm hứng cho các

¹ 中国不断为金砖国家合作注入动力, 2021-09-09, https://www.gov.cn/xinwen/2021-09/09/content_5636350.htm

quốc gia khác theo đuổi các giá trị chung và đặt nền tảng khái niệm để xây dựng một cộng đồng chung vận mệnh cho nhân loại.¹

Đối với Việt Nam, việc Việt Nam chính thức trở thành đối tác thứ 10 của nhóm BRICS vào tháng 6/2025 đánh dấu một cột mốc trong nỗ lực hội nhập sâu rộng của đất nước vào các cơ chế hợp tác đa phương toàn cầu. Đồng thời, đây cũng là dấu mốc quan trọng việc thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong khuôn khổ đa phương này. Ngày Ngày 7/7/2025, nhân dịp dự Hội nghị Thượng đỉnh BRICS mở rộng tại Rio de Janeiro, Brazil, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã gặp Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Cường.² Điều này cũng đã thể hiện BRICS trở thành một kênh quan trọng để hai nước thúc đẩy quan hệ song phương. Với tư cách là đối tác, Việt Nam sẽ hợp tác với BRICS để phát triển và đóng góp vào các lợi ích chung của các nước thành viên BRICS và Nam bán cầu. Là nước chủ nhà của các cuộc họp BRICS, Trung Quốc đã chào đón và hoan nghênh Việt Nam gia nhập BRICS. Theo đó, phía Trung Quốc hoan nghênh Việt Nam trở thành nước đối tác của BRICS; cho rằng sự tham gia của Việt Nam vào hợp tác BRICS không chỉ có lợi cho sự phát triển của nước mình mà còn phù hợp với lợi ích chung của các nước BRICS và Nam bán cầu; tin tưởng rằng, Việt Nam sẽ có những đóng góp tích cực cho cơ chế BRICS. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Quách Gia Côn nhấn mạnh, đại gia đình BRICS chào đón một nước đối tác mới, điều đó có nghĩa là tính đại diện của cơ chế BRICS đã được mở rộng hơn nữa, với sức hấp dẫn và tầm ảnh hưởng được thể hiện rõ hơn. Phía Trung Quốc bày tỏ sẵn sàng hợp tác với các thành viên BRICS và các nước đối tác để xây dựng quan hệ đối tác toàn diện, chặt chẽ, thiết thực và bao trùm hơn, thúc đẩy sự phát triển chất lượng cao của "hợp tác BRICS mở rộng", đồng thời đóng góp

¹ 赵忠秀, 金砖合作机制对世界的重要贡献, 2023-09-13, http://www.qstheory.cn/dukan/hqwg/2023-09/13/c_1129860659.htm

² Trung Quốc sẵn sàng đẩy nhanh kết nối chiến lược phát triển với Việt Nam, ngày 08/07/2025, <https://nhandan.vn/trung-quoc-san-sang-day-nhanh-ket-noi-chien-luoc-phat-trien-voi-viet-nam-post892417.html>

nhiều hơn vào việc duy trì chủ nghĩa đa phương, bảo vệ sự công bằng và chính nghĩa, thúc đẩy sự phát triển chung.¹

Bên cạnh đó, hợp tác Việt Nam -Trung Quốc trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thúc đẩy trong thời gian qua. Đối với quan điểm chính sách của Trung Quốc đối với APEC cho thấy, Bắc Kinh nhấn mạnh rằng APEC là diễn đàn kinh tế và tập trung vào thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực. Trung Quốc tuân thủ “phương pháp tiếp cận APEC” là phương thức và nguyên tắc hợp tác. Phương pháp tiếp cận này thừa nhận sự đa dạng và nhấn mạnh vào nguyên tắc tự nguyện, xây dựng sự đồng thuận, linh hoạt, chủ nghĩa dần dần, v.v. Trung Quốc ủng hộ cách thức tích cực và ổn định để thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư và phát triển lành mạnh hệ thống thương mại đa phương trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc mở cửa và không phân biệt đối xử. Trung Quốc chủ trương thiết lập mục tiêu dài hạn là hiện thực hóa tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực trong khuôn khổ Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và thực hiện hành động thiết thực để tích cực thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư. Trung Quốc kêu gọi APEC đóng góp thích đáng để bảo vệ lợi ích của các nền kinh tế thành viên và cải thiện hệ thống thương mại đa phương.² Trung Quốc coi trọng hợp tác kinh tế và công nghệ, cho rằng hợp tác kinh tế và công nghệ và tự do hóa thương mại và đầu tư là sự kết hợp chặt chẽ và cần được củng cố lẫn nhau, để hai bánh xe hợp tác APEC có thể cùng vận hành. Trung Quốc cho rằng cần phải đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và tăng cường hợp tác trong trao đổi khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng để cải thiện hơn nữa môi trường thương mại và đầu tư. Kể từ khi Trung Quốc gia nhập APEC, nước này đã đóng

¹ Hoan nghênh Việt Nam trở thành nước đối tác của BRICS, ngày 16/06/2025, <https://nhandan.vn/hoan-nghenh-viet-nam-tro-thanh-nuoc-doi-tac-cua-brics-post887316.html#:~:text=Tr%C6%B0%E1%BB%9Bc%20vi%E1%BB%87c%20Ch%C3%ADnh%20ph%E1%BB%A7%20Brazil,%C4%91%C6%B0%E1%BB%A3c%20th%E1%BB%83%20hi%E1%BB%87n%20r%C3%B5%20h%C6%A1n.>

² China APEC Development Council, http://www.chinaapec.org/en/about_apec/content_5.shtml

vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và công nghệ. Trung Quốc nhấn mạnh rằng APEC cần quan tâm đến các vấn đề tài chính và cho rằng APEC nên tăng cường giám sát tài chính, thiết lập các chính sách tài chính phù hợp với tình hình thực tế, bảo vệ trật tự tài chính bình thường cũng như phòng ngừa rủi ro tài chính.¹

Bên cạnh đó, chúng ta thấy rằng, Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là một trong những khu vực địa lý phức tạp và phức tạp nhất trên hành tinh. Khu vực này bao gồm các nền kinh tế hàng đầu thế giới, là nơi có các nền kinh tế có dân số đông nhất, đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của những cá nhân có giá trị tài sản ròng cao và sự giàu có của họ, và là trọng tâm của quá trình hội nhập kinh tế khu vực nhanh nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, khu vực này đang phải chịu đựng những mối quan hệ địa chính trị mong manh. Điều này có nghĩa là việc duy trì sự ổn định là một trong những thách thức quyết định. Với tư cách là một diễn đàn kinh tế, APEC đã trở thành một tổ chức khu vực quan trọng góp phần thúc đẩy không chỉ hợp tác kinh tế mà còn cả hợp tác chính trị và an ninh giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực. Với vai trò to lớn của APEC, Trung Quốc đã tích cực tham gia diễn đàn và ngày nay đã trở thành một nhân tố chính với cái gọi là cách tiếp cận của Trung Quốc. Mục đích và ý định của Trung Quốc theo cách của Trung Quốc, đặc biệt là dưới sự tấn công của Covid-19 dẫn đến những điều chỉnh chiến lược trong APEC. Về mặt chính trị, với APEC là một đấu trường, Trung Quốc đặt mục tiêu khôi phục và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình trong khu vực, phòng ngừa Mỹ và thách thức thay đổi hệ thống quản trị toàn cầu. Về mặt kinh tế, thông qua cơ chế APEC, Trung Quốc muốn thúc đẩy tự do hóa thương mại và từ đó tạo điều kiện cho các cải cách kinh tế trong nước sớm trở thành cường quốc số một thế giới.²

¹ China APEC Development Council, http://www.chinaapec.org/en/about_apec/content_5.shtml

² Vu, Van-Hoa & Soong, Jenn-Jaw & Nguyen, Khac-Nghia. (2021). The Political Economy of China's Rising Role in the Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC): Strategies and Instruments of the Chinese Way. *The Chinese Economy*. 55. 1-13.

Bên cạnh đó, ngày 14/8/2025, trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Hợp tác Mekong-Lan Thương (MLC) lần thứ 10 tại Vân Nam, Trung Quốc, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn có cuộc hội đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị. Trong cuộc gặp gỡ, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn mong muốn hai bên tăng cường trao đổi, ủng hộ lẫn nhau trong các khuôn khổ đa phương; khẳng định Việt Nam coi trọng hợp tác Mekong-Lan Thương; đánh giá cao đóng góp của Trung Quốc và những nỗ lực chung của các nước Mekong trong 10 năm qua; đề nghị các bên chú trọng tăng cường hợp tác quản lý bền vững và hiệu quả nguồn nước sông Mekong-Lan Thương. Đồng thời, phía Trung Quốc cũng đánh giá cao đóng góp tích cực và vai trò quan trọng của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Mekong-Lan Thương, Bộ trưởng Vương Nghị đề nghị các nước thành viên, trong đó có Việt Nam tăng cường phối hợp, hướng tới 10 năm thành công tiếp theo, đưa hợp tác khu vực Mekong-Lan Thương lên tầm cao mới, mở rộng sang những lĩnh vực mới, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân các nước, đóng góp cho hoà bình, hợp tác, phát triển và thịnh vượng của khu vực.¹

Đối với hợp tác Việt Nam-Trung Quốc trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP): Hiệp định RCEP được 10 quốc gia thành viên ASEAN và 5 nước đối tác của ASEAN là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và New Zealand ký kết vào ngày 15/11/2020 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 do Việt Nam làm Chủ tịch. Hiệp định RCEP có hiệu lực từ tháng 1/2022 đã góp phần đa phương hóa các hiệp định thương mại tự do mà ASEAN đã ký kết với từng nước đối tác trước đây, hài hòa các cam kết, quy định trong các hiệp định này, tối đa hóa các lợi ích kinh tế, đặc biệt là quy tắc xuất xứ và tạo thuận lợi cho thương mại, góp phần củng cố các chuỗi cung ứng khu vực và phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Đặc biệt trong đó sẽ loại bỏ ít nhất

¹ Đưa hợp tác Mekong-Lan Thương lên tầm cao mới, sang lĩnh vực mới, vì lợi ích thiết thực, 15/08/2025, <https://baoquocte.vn/dua-hop-tac-mekong-lan-thuong-len-tam-cau-moi-sang-linh-vuc-moi-vi-loi-ich-thiet-thuc-324301.html>

92% dòng thuế nhập khẩu giữa các quốc gia ký kết trong vòng 20 năm, đồng thời thiết lập các quy tắc chung cho thương mại điện tử, thương mại và quyền sở hữu trí tuệ. Chi phí và thời gian cho các thương nhân được cắt giảm khi xuất khẩu hàng hóa sang bất kỳ quốc gia ký kết thỏa thuận mà không cần đáp ứng các yêu cầu riêng biệt của từng quốc gia. Hiệp định RCEP cũng sẽ giảm bớt các hàng rào phi thuế quan đối với thương mại giữa các quốc gia thành viên như thủ tục hải quan, kiểm dịch và các tiêu chuẩn kỹ thuật. Trung Quốc với tư cách là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đóng vai trò quan trọng trong hiệp định RCEP. Sau khi ký kết, Trung Quốc là một trong những nước đối tác đầu tiên của ASEAN sớm hoàn tất chính thức phê chuẩn RCEP.

Hiệp định RCEP đã tạo động lực mạnh mẽ cho hợp tác kinh tế-thương mại của khu vực. Hiện nay, trao đổi thương mại giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục diễn ra sôi động. Các chuyến tàu hàng container liên vận Việt-Trung là động lực thúc đẩy thương mại xuất nhập khẩu giữa hai nước phát triển. Hiệp thị trường RCEP chiếm khoảng 45% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tương đương 175 tỷ USD trong năm 2024. Riêng 10 tháng năm 2025, xuất khẩu sang khối này ước đạt 172-180 tỷ USD, chiếm 44-46% tổng kim ngạch, khẳng định RCEP tiếp tục là khu vực trọng điểm của hàng Việt. Chỉ trong 2 năm thực thi Hiệp định RCEP, danh mục hàng hóa trao đổi thương mại giữa hai nước ngày càng được mở rộng theo hướng các mặt hàng đặc thù mang tính bổ sung cho nhau giữa hai nước. Danh sách các mặt hàng tăng từ 102 chủng loại năm 2021 lên hơn 602 chủng loại vào năm 2023 như: máy công nghiệp, linh kiện, phụ tùng ô-tô, hàng đặc sản các vùng miền... Các địa điểm gom hàng cho chuyến tàu hàng container liên vận Việt-Trung đã mở rộng ra hơn 20 thành phố ở trong và ngoài Quảng Tây như: Quảng Đông, Chiết Giang, Thượng Hải... Đồng thời, kể từ khi Hiệp định RCEP có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2023, đã có 382 chuyến tàu hàng container liên vận Việt-Trung khởi hành từ Quảng Tây, Trung Quốc, vận chuyển 205.400

tấn hàng hóa xuất nhập khẩu, trong đó lượng hàng xuất khẩu đạt 129.500 tấn, tăng 69% và 77% so cùng kỳ năm 2020 và 2021.¹

Bên cạnh đó, Việt Nam có nhiều lợi thế tự nhiên trong xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, nhờ vị trí địa lý gần kề, với hơn 1.450 km biên giới đất liền và đường thủy, giúp rút ngắn thời gian vận chuyển và giảm chi phí logistics đáng kể so với Thái Lan hay Philippines. Chi phí vận chuyển sàu riêng từ Tây Nguyên sang Quảng Tây chỉ bằng một nửa so với từ Thái Lan, trong khi chất lượng trái vẫn được đảm bảo. Bên cạnh lợi thế địa lý, Việt Nam có vùng nguyên liệu lớn, chi phí sản xuất thấp, cùng việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do như ASEAN - Trung Quốc, RCEP và các nghị định thư song phương về kiểm dịch, tạo thuận lợi cho xuất khẩu. Đặc biệt, từ đầu năm, trước yêu cầu kỹ thuật khắt khe hơn từ phía Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt đã đầu tư mạnh vào vùng trồng, kho lạnh, dây chuyền đóng gói và xây dựng thương hiệu riêng.

Bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng thương mại, chuỗi cung ứng khu vực tích hợp hơn theo hiệp định RCEP cũng mang lại lợi ích cho hợp tác Trung Quốc và ASEAN cũng như các quốc gia thành viên. Trong lúc các doanh nghiệp có chuỗi cung ứng toàn cầu có thể sẽ phải đối mặt với thuế quan ngay cả trong khu vực thương mại tự do, nếu sản phẩm của họ có chứa các thành phần được sản xuất ở nơi khác, song theo quy tắc xuất xứ chung của RCEP, các thành phần từ bất kỳ quốc gia nào của RCEP đều được đối xử bình đẳng. Điều này có thể mang lại cho các công ty, doanh nghiệp ở các nước RCEP có nhiều cơ hội hơn để tìm kiếm các nhà cung cấp trong khu vực. Các chuyên gia nhận định, các nước ASEAN có thể hưởng lợi rất nhiều từ các quy tắc xuất xứ hài hòa trong khuôn khổ RCEP, bởi hàng hóa trung gian có thể có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào trong số 15 quốc gia RCEP. Chỉ cần có một tỷ lệ nhất định của hàm lượng giá trị khu vực để hàng hóa có thể đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ của RCEP để được ưu đãi thuế

¹ Hiệp định RCEP tiếp thêm động lực cho trao đổi thương mại Việt-Trung, 04/01/2024, <https://nhandan.vn/hiiep-dinh-rcep-tiep-them-dong-luc-cho-trao-doi-thuong-mai-viet-trung-post790590.html>

quan. Điều này có thể giúp giảm chi phí hoạt động của các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong khu vực, tăng cường khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng khu vực, đồng thời tạo ra nhiều đầu tư, cũng như cơ hội việc làm và tăng trưởng kinh tế.

RCEP cũng đang mở ra nhiều cơ hội cho thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam và Trung Quốc. Hợp tác Việt Nam - Trung Quốc trong khuôn khổ RCEP chủ yếu tập trung vào thương mại, với các lợi ích chính cho Việt Nam là được tiếp cận thị trường Trung Quốc dễ dàng hơn thông qua việc cắt giảm thuế quan và hài hòa quy tắc xuất xứ. Điều này giúp giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang đối tác thương mại lớn nhất này. Ngoài ra, RCEP tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp Việt Nam tăng cường xuất khẩu và thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực. Trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay, các nền kinh tế thành viên RCEP cần tiếp tục tăng cường tin cậy và hợp tác; triển khai đầy đủ, hiệu quả các thỏa thuận và cam kết. Chú trọng thúc đẩy các lĩnh vực như kết nối hạ tầng, chuyển đổi số, năng lượng sạch, kinh tế tuần hoàn... gắn với các mục tiêu, định hướng về phát triển bền vững, cân bằng, bao trùm, minh bạch.

Đối với hợp tác Việt Nam -Trung Quốc trong khuôn khổ Hợp tác Mekong-Lan Thương (MCL): MLC chính thức hoạt động năm 2015, với sự tham gia của cả sáu nước ven sông Mekong là Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam, có mục tiêu bao trùm là thúc đẩy hợp tác toàn diện vì lợi ích chung của tiểu vùng, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của các nước thành viên. Đây cũng là một cơ chế hợp tác khu vực quan trọng đối với hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc. MLC ra đời đúng vào thời điểm vấn đề an ninh nguồn nước trở nên nóng bỏng, cấp thiết hơn bao giờ hết. Năm 2016 đánh dấu kỷ lục đáng buồn về hạn hán ở sông Mekong khi mực nước tại nhiều khu vực xuống thấp kỷ lục chưa từng thấy trong hàng chục, thậm chí cả trăm năm. Vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng cường hợp tác trong quản lý dòng sông xuyên biên giới

Mekong - Lan Thương là ưu tiên cao nhất của nhiều nước thành viên. Với sự tham gia của Trung Quốc, MLC được kỳ vọng tạo thêm diễn đàn đối thoại giữa các nước cùng chia sẻ và bảo vệ nguồn nước Mekong. Trên thực tế, cơ chế MLC với những lợi thế riêng, đã đem đến xung lực mới cho hợp tác hướng tới phát triển bền vững ở tiểu vùng. Sau hơn 10 năm triển khai, MLC trở thành hình mẫu hợp tác đặc trưng và liên tục tiếp sức cho sự phát triển của khu vực, thúc đẩy hướng tới mục tiêu chung là củng cố lòng tin và hiểu biết lẫn nhau, duy trì hòa bình và ổn định; thúc đẩy phát triển bền vững, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển, hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu; tăng cường tình hữu nghị và quan hệ láng giềng tốt giữa nhân dân các nước.

Việt Nam đã tham gia tích cực vào MLC ngay từ quá trình thành lập và có nhiều đóng góp về nội dung, lĩnh vực hợp tác. Việt Nam chủ động tham gia xây dựng các văn kiện quan trọng, mang tính định hướng hợp tác và đặc biệt là đưa được hợp tác nguồn nước trở thành một lĩnh vực ưu tiên của MLC. Các Bộ, ngành cơ bản đã tham gia vào hoạt động của các Nhóm công tác, đóng góp ý kiến xây dựng các tài liệu kế hoạch, định hướng hoạt động của từng Nhóm công tác. Đến nay có 23 dự án của các bộ, ngành và địa phương của Việt Nam được Quỹ đặc biệt Mekong-Lan Thương phê duyệt, trong đó hai dự án đã hoàn thành, các dự án còn lại đang trong quá trình triển khai.¹ Hợp tác Việt Nam - Trung Quốc trong khuôn khổ MLC tập trung vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, quản lý nguồn nước, và tăng cường kết nối giữa sáu quốc gia ven sông. Các lĩnh vực hợp tác chính bao gồm an ninh nguồn nước, phát triển kinh tế, giảm nghèo, kết nối hạ tầng và giao lưu nhân dân, nhằm xây dựng lòng tin, hòa bình và ổn định trong khu vực. Quản lý nguồn nước là ưu tiên hàng đầu của các quốc gia thành viên, đặc biệt là vấn đề an ninh nguồn nước trên sông Mekong.

¹ Hợp tác Mekong-Lan Thương: Đứng trước cơ hội bút phá, 16/8/2024, <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/su-kien-binh-luan/hop-tac-mekong-lan-thuong-dung-truoc-co-hoi-but-pha-108370>

Phát biểu tại Hội nghị cấp cao MLC lần thứ tư với chủ đề “Chung tay xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai và hiện đại hoá giữa các nước Mekong-Lan Thương” theo hình thức trực tuyến, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho rằng: “Trước những chuyển đổi nhanh chóng và sâu sắc của kinh tế thế giới, để sáu nước Mekong-Lan Thương vươn lên mạnh mẽ, cần tư duy mới toàn diện hơn, cùng cách tiếp cận toàn dân, toàn khu vực, toàn cầu và giải pháp mới, quyết liệt, sáng tạo, đột phá”... Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh MLC đã trở thành cơ chế quan trọng gắn kết các nước Mekong và Trung Quốc, là hình mẫu hợp tác cùng phát triển và cùng thắng. Qua quá trình hình thành và phát triển, MLC đã đạt được những thành tựu nổi bật với ba nét lớn là: cơ chế hợp tác ngày càng hoàn thiện; nội dung ngày càng thực chất; tình hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân các nước ngày càng sâu sắc. Thủ tướng khẳng định, Chính phủ Việt Nam luôn coi trọng và sẽ tiếp tục cùng Trung Quốc và các nước Mekong thúc đẩy hợp tác Mekong-Lan Thương ngày càng phát triển mạnh mẽ, hiệu quả và bền vững. Với quan điểm như vậy, Thủ tướng đã đề xuất ba nội dung ưu tiên của MLC trong giai đoạn tới gồm: (i) xây dựng khu vực Mekong-Lan Thương hiện đại và phát triển, với phương châm là khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của từng nước cũng như của cả sáu quốc gia; coi nội lực là cơ bản, chiến lược và ngoại lực là quan trọng, đột phá; (ii) xây dựng khu vực Mekong - Lan Thương xanh, bền vững và bao trùm, bảo đảm sự hài hoà giữa hiện tại và tương lai, giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực và mục tiêu phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau. (iii) nhằm xây dựng khu vực Mekong-Lan Thương hoà bình và hợp tác, các nước thành viên cần không ngừng củng cố sự tin cậy, chân thành, đoàn kết đồng lòng, thúc đẩy lợi ích chung và đề cao chủ nghĩa đa phương; tăng cường tính hỗ trợ giữa hợp tác Mekong-Lan Thương với ASEAN và các cơ chế hợp tác khu vực,

tiểu vùng khác để sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả nhất, tạo cộng hưởng và lan toả lợi ích.¹

Lời kết

Có thể nói, một trong những thành tựu đáng chú ý của mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện giữa hai nước đó chính là vượt khuôn khổ song phương, hai nước đẩy mạnh điều phối, hợp tác trong các cơ chế đa phương ở khu vực và quốc tế, nhất là trong khuôn khổ Liên Hợp quốc (LHQ), ASEAN và các cơ chế đa phương khác, cùng với các nước tích cực tham gia đóng góp cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trên thế giới. Những hoạt động hợp tác đi vào thực chất trên các lĩnh vực giữa hai nước sẽ góp phần làm sâu sắc hơn nội hàm của quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt-Trung. Có thể khẳng định, chính quyết tâm chính trị cao của các nhà lãnh đạo hai nước đã tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy hợp tác trên các diễn đàn hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc, vì lợi ích của mỗi quốc gia, đóng góp cho hòa bình, ổn định khu vực cũng như thế giới. Trong các cuộc tiếp xúc cấp cao, các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hai nước tăng cường phối hợp, hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là trong khuôn khổ LHQ, ASEAN, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), Mekong-Lan Thương (MLC)... Hai bên đã phối hợp, hợp tác chặt chẽ tại các cơ chế và diễn đàn đa phương này, góp phần thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới, chung tay ứng phó với những thách thức đang nổi lên đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định của khu vực. Hiện nay, hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong các cơ chế đa phương ngày càng mạnh mẽ và hiệu quả. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy hợp tác giữa hai nước ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn, mà còn nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và trên toàn cầu./.

¹ Hợp tác Mekong-Lan Thương: Đứng trước cơ hội bút phá, 16/8/2024, <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/su-kien-binh-luan/hop-tac-mekong-lan-thuong-dung-truoc-co-hoi-but-pha-108370>

Hội thảo quốc tế
“Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”

VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ TRONG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TS. Đoàn Trường Thụ*

Tóm tắt: Bài nghiên cứu vai trò của các tổ chức quốc tế trong thúc đẩy hợp tác phát triển bền vững, đặc biệt cho các nước đang phát triển như Việt Nam. Tác giả phân tích cơ chế tài trợ, kỹ thuật và chính sách mà các tổ chức này cung cấp, từ hỗ trợ chính sách tới tài trợ dự án và xây dựng năng lực. Bài nêu minh chứng về các sáng kiến toàn cầu và cách Việt Nam tận dụng các cơ chế này để huy động tài chính, công nghệ và chuyên gia. Đồng thời, bài thảo luận các rủi ro: điều kiện hoá chính sách, áp lực tuân thủ chuẩn mực quốc tế, và tính bền vững của nguồn tài trợ. Tác giả đề xuất các biện pháp để tối đa hóa hiệu quả hợp tác: tăng năng lực dự thảo dự án, chính sách phối hợp nội địa hoá cam kết quốc tế, cơ chế giám sát minh bạch, và thúc đẩy đối tác công-tư. Kết luận nhấn mạnh vai trò then chốt của tổ chức quốc tế như “cầu nối” để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Từ khoá: Tổ chức quốc tế; Phát triển bền vững; Huy động tài chính; Hợp tác kỹ thuật.

Trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với những thách thức toàn cầu mang tính cấu trúc, từ biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế - tài chính, cho đến bất bình đẳng gia tăng và những biến động địa chính trị phức tạp, mô hình phát triển bền vững đã trở thành định hướng chiến lược chung của cộng đồng quốc tế. Sự ra đời của Chương trình Nghị sự 2030 và 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) khẳng định sự đồng thuận toàn cầu về một tầm nhìn chung hướng tới hoà bình, thịnh vượng và phát triển bao trùm.

Để hiện thực hóa những mục tiêu đầy tham vọng đó, các tổ chức quốc tế, bao gồm Liên hợp quốc và hệ thống các tổ chức chuyên môn, các định chế tài chính quốc

* Trưởng Ban Chính trị, Tạp chí Cộng sản

tế, các cơ chế đa phương khu vực, cũng như các tổ chức phi chính phủ toàn cầu, đã và đang giữ vai trò trụ cột. Không một quốc gia nào, dù phát triển hay đang phát triển, có thể tự mình giải quyết các vấn đề vốn có tính xuyên biên giới. Vì vậy, tăng cường hợp tác đa phương, thông qua vai trò điều phối, kết nối và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, trở thành yêu cầu khách quan của tiến trình phát triển bền vững.

1. Vai trò của các tổ chức quốc tế trong thúc đẩy phát triển bền vững

Thiết lập khuôn khổ chuẩn mực, thúc đẩy đồng thuận toàn cầu

Trong tiến trình thúc đẩy phát triển bền vững, một trong những đóng góp quan trọng và lâu dài nhất của các tổ chức quốc tế là vai trò kiến tạo và định hình khuôn khổ chuẩn mực toàn cầu. Các thách thức đối với phát triển bền vững vốn có tính chất xuyên biên giới, tác động đồng thời đến nhiều quốc gia và lĩnh vực, đòi hỏi một hệ thống chuẩn mực chung để cộng đồng quốc tế có thể cùng hành động. Chính trong bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế, trước hết là Liên hợp quốc, đảm nhận vai trò trung tâm trong việc quy tụ đồng thuận, kiến tạo tầm nhìn chung và xây dựng những quy tắc có tính ràng buộc hoặc định hướng đối với hành vi của các quốc gia.

Trước hết, sự ra đời của Chương trình Nghị sự 2030 vì Phát triển bền vững cùng 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) là minh chứng điển hình cho khả năng kiến tạo chuẩn mực của Liên hợp quốc. SDGs không chỉ là bộ mục tiêu toàn cầu về giảm nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục, thúc đẩy bình đẳng giới hay bảo vệ môi trường, mà còn là khung tham chiếu mang tính phổ quát, định hướng các chiến lược phát triển quốc gia trong giai đoạn 2015–2030. Các mục tiêu này đóng vai trò như “ngôn ngữ chung” giúp các quốc gia xây dựng chiến lược nội tại phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời tạo cơ sở để đối chiếu, đánh giá tiến độ và thúc đẩy trách nhiệm giải trình giữa các bên liên quan.

Bên cạnh SDGs, nhiều hiệp định, khuôn khổ và công ước quốc tế quan trọng cũng được xây dựng dưới mái nhà đa phương của các tổ chức quốc tế. Tiêu biểu như Thỏa thuận Paris (2015), thỏa thuận toàn cầu về khí hậu đầu tiên có sự tham gia của gần như toàn bộ các quốc gia, tạo ra khuôn khổ giảm phát thải mang tính tự nguyện nhưng có trách nhiệm chung. Khung Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai (2015) định hình cách tiếp cận mới đối với quản trị rủi ro thiên tai, nhấn mạnh phòng ngừa và khả năng chống chịu. Các công ước về đa dạng sinh học, chống sa mạc hóa, hay Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) đã hình thành nền tảng pháp lý quan trọng để quản trị các lĩnh vực có tính chất xuyên quốc gia. Những văn kiện này góp phần tạo dựng một trật tự pháp lý quốc tế tương đối ổn định và dự đoán được.

Trong lĩnh vực kinh tế - tài chính, các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) giữ vai trò dẫn dắt việc thiết lập các chuẩn mực về quản trị tốt, tính minh bạch, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng bao trùm. Thông qua hệ thống điều kiện cho vay, các khuôn khổ đánh giá năng lực quản trị và các chương trình cải cách thể chế, các tổ chức này đã góp phần hình thành các thông lệ quốc tế về quản lý tài chính công, chống tham nhũng, quản trị rủi ro và bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội. Đây là các yếu tố nền tảng cho mục tiêu phát triển bền vững ở bất kỳ quốc gia nào.

Nhìn tổng thể, hệ thống chuẩn mực quốc tế do các tổ chức đa phương định hình đã tạo ra môi trường thuận lợi để các quốc gia hành động một cách đồng bộ, có khả năng đo lường và so sánh tiến bộ. Những chuẩn mực này không chỉ hỗ trợ việc theo dõi thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ở cấp quốc gia và toàn cầu, mà còn khuyến khích tính minh bạch, nâng cao năng lực giải trình, tăng cường điều phối chính sách và củng cố lòng tin giữa các chủ thể quốc tế. Quan trọng hơn, khuôn khổ chuẩn mực này tạo ra một không gian hợp tác bền vững, ổn định

và dự đoán được, giúp định hướng các quyết sách chiến lược của các quốc gia trong bối cảnh thế giới đang chuyển đổi sâu rộng.

Điều phối hành động và kết nối nguồn lực

Bên cạnh việc thiết lập chuẩn mực phát triển, các tổ chức quốc tế còn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong điều phối hành động tập thể và kết nối các nguồn lực toàn cầu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững. Bản chất liên ngành, liên khu vực và xuyên biên giới của các thách thức phát triển khiến cho nỗ lực của từng quốc gia dù mạnh mẽ đến đâu cũng không đủ để giải quyết triệt để. Nhờ khả năng quy tụ hành động tập thể, các tổ chức quốc tế trở thành “nền tảng kết nối” giúp tối ưu hoá nguồn lực và điều phối chính sách ở quy mô toàn cầu.

Liên hợp quốc, với mạng lưới cơ quan chuyên môn như UNDP, UNEP, UNFPA, WHO hay FAO, đóng vai trò điều phối trung tâm các chương trình hỗ trợ phát triển ở từng quốc gia thông qua Khung hợp tác phát triển bền vững của Liên hợp quốc (UNSDCF). Cơ chế này giúp gắn kết nỗ lực của quốc gia với những mục tiêu chung, đồng thời giảm trùng lặp, nâng cao hiệu quả của các chương trình hỗ trợ.

Ở quy mô khu vực, các tổ chức như ASEAN, Liên minh châu Âu (EU), Liên minh châu Phi (AU) hay APEC giữ vai trò quan trọng trong điều phối chính sách phát triển bền vững phù hợp đặc thù khu vực. Các cơ chế như Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN (MPAC), Khung hợp tác môi trường ASEAN hay Chiến lược tăng trưởng xanh EU là minh chứng cho vai trò kết nối chiến lược của hợp tác đa phương khu vực.

Đặc biệt, các tổ chức quốc tế còn đóng vai trò huy động và kết nối nguồn lực tài chính, bao gồm tài chính công, tài chính tư nhân và các quỹ khí hậu mới. Các quỹ như Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) hay Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) cung cấp nguồn lực lớn nhằm hỗ trợ các quốc gia đang phát triển tăng cường khả năng chống chịu và thực hiện chuyển đổi xanh. Cùng lúc, các định chế tài chính quốc

tế kết nối với khu vực tư nhân nhằm thúc đẩy dòng vốn hướng vào năng lượng tái tạo, hạ tầng bền vững, kinh tế tuần hoàn – những trụ cột quan trọng của phát triển bền vững. Nhờ vai trò điều phối này, hợp tác phát triển bền vững không chỉ mang tính đồng bộ và hiệu quả hơn mà còn giúp thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm thiểu rủi ro trùng lặp và tăng cường tính bổ trợ giữa các chương trình ở từng cấp độ.

Hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và nâng cao năng lực quốc gia

Một trong những đóng góp thiết thực nhất của các tổ chức quốc tế là khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và nâng cao năng lực, giúp các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, vượt qua những hạn chế về nguồn lực và thể chế trong quá trình triển khai phát triển bền vững.

Trước tiên, các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, AIIB và nhiều định chế khu vực khác cung cấp nguồn vốn quy mô lớn cho các dự án cơ sở hạ tầng xanh, chuyển đổi năng lượng, quản lý đô thị thông minh, nông nghiệp bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. Những dòng vốn này thường gắn với các yêu cầu về cải cách thể chế, minh bạch, quản trị tốt – từ đó tạo động lực cho đổi mới chính sách.

Bên cạnh hỗ trợ tài chính, hỗ trợ kỹ thuật đóng vai trò nền tảng trong việc nâng cao năng lực của các cơ quan nhà nước. Các tổ chức như UNDP, UNEP, ILO, WHO, FAO hỗ trợ xây dựng chiến lược quốc gia, phát triển khung pháp lý, đào tạo nguồn nhân lực, chuẩn hoá quy trình quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng các dịch vụ công.

Đồng thời, các tổ chức quốc tế còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ, yếu tố quyết định trong tiến trình chuyển đổi xanh. Các cơ chế như Công nghệ vì Phát triển bền vững của Liên hợp quốc hay Mạng lưới công nghệ khí hậu tạo điều kiện để quốc gia tiếp cận công nghệ tiên tiến về năng lượng tái tạo, quản lý nước, y tế, nông nghiệp thông minh và số hoá dịch vụ công.

Thúc đẩy chia sẻ tri thức và đổi mới sáng tạo

Tri thức và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt của phát triển bền vững trong thế kỷ XXI. Các tổ chức quốc tế giữ vai trò trung tâm trong việc tạo lập, lan tỏa và chuẩn hóa tri thức, nhằm bảo đảm rằng các quốc gia có khả năng tiếp cận nguồn tri thức khoa học, công nghệ và chính sách cập nhật nhất.

Trong lĩnh vực môi trường và khí hậu, Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) cung cấp các báo cáo đánh giá có tính học thuật sâu sắc, tổng hợp bằng chứng khoa học toàn cầu, làm cơ sở cho việc thiết kế chính sách khí hậu ở cấp quốc gia và quốc tế. Báo cáo Phát triển Con người (UNDP), Báo cáo Triển vọng Môi trường Toàn cầu (UNEP), Báo cáo Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSDR) và các chỉ số như HDI, GII, GHG Index... tạo nên một hệ sinh thái tri thức toàn cầu đa cấp độ, bao phủ nhiều lĩnh vực phát triển.

Ở cấp khu vực, các trung tâm tri thức như ASEAN Centre for Sustainable Development Studies and Dialogue (CSDSD), Trung tâm Năng lượng ASEAN (ACE) hay các viện nghiên cứu thuộc OECD, APEC... đóng vai trò cung cấp dữ liệu, tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực và chia sẻ bài học kinh nghiệm.

Không chỉ dừng ở tri thức chính sách, các tổ chức quốc tế còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích áp dụng các mô hình phát triển mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh và kinh tế số. Thông qua các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, các nền tảng đối thoại chính sách và cơ chế hợp tác công - tư, các tổ chức quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, viện nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách cùng tham gia vào quá trình sáng tạo các giải pháp phát triển bền vững.

2. Đóng góp cụ thể của các tổ chức quốc tế trong ba trụ cột phát triển bền vững

Sự phát triển bền vững được cấu thành bởi ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Các tổ chức quốc tế, bằng năng lực điều phối, hỗ trợ và kiến tạo tri thức, đã đóng góp thiết thực trong cả ba lĩnh vực, giúp định hình mô hình phát triển toàn diện và bao trùm hơn cho các quốc gia.

Thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, ổn định vĩ mô và hội nhập sâu rộng

Trong lĩnh vực kinh tế, các tổ chức quốc tế có vai trò then chốt trong việc hỗ trợ các quốc gia duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng bao trùm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các định chế tài chính quốc tế là trung tâm định hướng chính sách và hỗ trợ tài chính cho phát triển kinh tế.

IMF đóng vai trò quan trọng trong duy trì ổn định tài chính toàn cầu thông qua giám sát kinh tế vĩ mô, tư vấn chính sách, cảnh báo rủi ro tài chính và hỗ trợ các chương trình ổn định kinh tế. WB và ADB tập trung hỗ trợ các chương trình phát triển kinh tế dài hạn, đặc biệt là đầu tư vào hạ tầng bền vững, cải cách thể chế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển khu vực tư nhân. Những chương trình như Cải thiện môi trường kinh doanh, Phát triển kinh tế số, Tăng trưởng xanh và bao trùm đã giúp nhiều quốc gia tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ở cấp độ khu vực, các tổ chức như ASEAN, APEC, EU, MERCOSUR tạo ra môi trường hội nhập kinh tế sâu rộng thông qua việc thúc đẩy tự do hóa thương mại - đầu tư, hài hòa hóa tiêu chuẩn, và triển khai các sáng kiến kết nối kinh tế - kỹ thuật số - logistics. Những nỗ lực này giúp giảm chi phí giao dịch, nâng cao hiệu quả thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, các tổ chức quốc tế còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực số và hỗ trợ các quốc gia tham gia vào nền kinh tế tri thức. Nhiều chương trình của UNDP, WIPO, ITU đã giúp các nước đang phát triển tiếp cận công nghệ cao, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp và hiện đại hóa quản trị nhà nước.

Nhờ những đóng góp này, trụ cột kinh tế trong phát triển bền vững được củng cố theo hướng bao trùm, bền vững và có khả năng chống chịu tốt hơn trước biến động toàn cầu.

Bảo đảm tiến bộ xã hội, giảm bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống

Phát triển xã hội là trụ cột quan trọng đảm bảo rằng tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Các tổ chức quốc tế đóng vai trò thiết yếu trong thúc đẩy an sinh xã hội, giáo dục, y tế, bình đẳng giới và giảm nghèo.

UNDP là tổ chức tiên phong với Báo cáo phát triển con người (HDI). Các chỉ số như HDI, GII, MPI đã trở thành chuẩn tham chiếu quan trọng để các quốc gia xây dựng chính sách an sinh và phát triển con người. ILO đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các tiêu chuẩn lao động quốc tế và thúc đẩy việc làm bền vững. Các công ước về quyền lao động, an toàn vệ sinh lao động, bình đẳng giới trong thị trường lao động... tạo nên khung pháp lý đảm bảo an sinh cho người lao động trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. WHO là trụ cột trong thúc đẩy y tế cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, nâng cao năng lực hệ thống y tế và xây dựng chính sách bảo hiểm y tế toàn dân. UNESCO đóng góp quan trọng trong phát triển giáo dục, khoa học và văn hóa. Những chương trình như Giáo dục 2030, Giáo dục vì phát triển bền vững (ESD) và các sáng kiến bảo tồn di sản văn hóa - thiên nhiên giúp nâng cao chất lượng giáo dục và củng cố bản sắc văn hóa.

Bên cạnh đó, các cơ quan như UN Women, UNHCR, UNICEF đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, hỗ trợ người tị nạn và các nhóm yếu thế. Những chương trình hỗ trợ của họ góp phần giảm bất bình đẳng và bảo đảm rằng không ai bị bỏ lại phía sau, tinh thần cốt lõi của SDGs.

Ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên và củng cố khả năng chống chịu

Trụ cột môi trường là nội dung trọng tâm của phát triển bền vững trong bối cảnh thế kỷ XXI, khi biến đổi khí hậu trở thành thách thức hiện hữu đối với tương lai nhân loại. Các tổ chức quốc tế đóng vai trò dẫn dắt trong việc điều phối hành động khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và thúc đẩy mô hình phát triển xanh. UNFCCC và các Hội nghị COP là trung tâm toàn cầu trong điều phối hành động khí hậu. Thỏa thuận Paris 2015 là mốc quan trọng tạo khuôn khổ toàn cầu nhằm giữ nhiệt

độ tăng toàn cầu ở mức dưới 2°C. Các cơ chế như NDCs, Cơ chế thị trường carbon, Quỹ thích ứng, Quỹ khí hậu xanh (GCF) tạo ra nền tảng hợp tác khí hậu rõ ràng và bền vững. UNEP đóng vai trò dẫn dắt các sáng kiến về giảm ô nhiễm, phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ đại dương và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Các báo cáo như GEO hay chương trình Decade on Ecosystem Restoration cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách quốc gia.

Trong lĩnh vực đa dạng sinh học, CBD, CITES và các công ước liên quan giúp bảo vệ hệ sinh thái, kiểm soát buôn bán động thực vật hoang dã và xây dựng khung bảo tồn toàn cầu. Khung đa dạng sinh học toàn cầu Kunming–Montreal năm 2022 là bước tiến quan trọng.

Các định chế tài chính như GEF, GCF, Climate Investment Funds (CIFs) huy động hàng chục tỷ USD cho các dự án giảm phát thải, năng lượng tái tạo, phục hồi rừng và phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu.

Ngoài ra, các tổ chức như FAO, WMO, UNCCD đóng vai trò nâng cao khả năng chống chịu của hệ sinh thái và cộng đồng trước thiên tai, hạn hán, sa mạc hóa và suy thoái đất.

Nhờ sự tham gia tích cực của các tổ chức quốc tế, nỗ lực bảo vệ môi trường toàn cầu được thúc đẩy một cách hệ thống, dựa trên khoa học, có khả năng dự báo và có cơ chế tài chính rõ ràng, tạo nền tảng cho phát triển bền vững dài hạn.

Trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều biến động khó dự báo, từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ, phân mảnh chuỗi cung ứng, khủng hoảng khí hậu, chuyển đổi số cho tới các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, yêu cầu đặt ra đối với các tổ chức quốc tế là phải đổi mới mạnh mẽ để duy trì vai trò trung tâm trong điều phối hợp tác phát triển bền vững toàn cầu. Cải cách thể chế trở thành yêu cầu cấp bách nhằm giúp các tổ chức quốc tế hoạt động hiệu quả, đại diện và bao trùm hơn. Thách thức đối với phát triển bền vững ngày nay mang tính liên ngành, xuyên biên giới và lan tỏa nhanh, đòi hỏi các tổ chức quốc

tế phải nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm và điều phối ứng phó cũng như đẩy mạnh huy động nguồn lực và thu hẹp khoảng cách phát triển, bảo đảm tính bao trùm và tăng cường tiếng nói của các nước đang phát triển, đẩy mạnh phối hợp liên ngành, liên tổ chức và liên khu vực, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị đa phương, thúc đẩy vai trò của các chủ thể phi nhà nước trong phát triển bền vững, nâng cao trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin vào chủ nghĩa đa phương. Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quốc tế là điều kiện tiên quyết để cộng đồng quốc tế đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Hàm ý và gợi mở chính sách cho Việt Nam

Với tư cách là một thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội để phát huy vai trò, tranh thủ nguồn lực và đóng góp vào các khuôn khổ hợp tác phát triển bền vững. Dựa trên những phân tích ở các phần trên, phần này đưa ra một số hàm ý và khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường hiệu quả tham gia của Việt Nam vào các cơ chế đa phương, qua đó hỗ trợ tiến trình phát triển bền vững quốc gia trong giai đoạn mới.

Chủ động tham gia kiến tạo và định hình chuẩn mực quốc tế

Sự tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng luật lệ và chuẩn mực quốc tế không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ lợi ích chính đáng, mà còn khẳng định vai trò của một quốc gia đang phát triển có trách nhiệm.

Đẩy mạnh tham gia các tiến trình đàm phán đa phương trong các lĩnh vực như khí hậu, năng lượng, đa dạng sinh học, đại dương, an sinh xã hội và chuyển đổi số.

Đề xuất sáng kiến, đóng góp các khuyến nghị mang tính xây dựng tại Đại hội đồng LHQ, Hội đồng Nhân quyền, ECOSOC và các cơ chế liên quan đến SDGs.

Tăng cường năng lực pháp lý và đàm phán của đội ngũ cán bộ ngoại giao và chuyên gia để Việt Nam có thể chủ động hơn trong các cuộc thương lượng quốc

tế, nhất là trong các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ xanh, tài chính khí hậu.

Tăng cường gắn kết các mục tiêu SDGs với chiến lược phát triển quốc gia

Việt Nam cần tiếp tục nội địa hóa SDGs theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn, lồng ghép mục tiêu phát triển bền vững vào tất cả các chính sách vĩ mô.

Hoàn thiện khung chính sách phát triển bền vững, đảm bảo tính thống nhất giữa chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, chiến lược khí hậu, chiến lược tăng trưởng xanh và các mục tiêu SDGs.

Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi và đánh giá tiến độ SDGs, kết nối với các báo cáo quốc gia tự nguyện (VNR) trình bày tại LHQ.

Khuyến khích các địa phương xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững cấp tỉnh, gắn với các chỉ tiêu về môi trường, quản trị, bình đẳng giới, đổi mới sáng tạo và chất lượng sống.

Tận dụng hiệu quả nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế

Phát triển bền vững đòi hỏi nguồn lực lớn về tài chính, công nghệ và tri thức. Vì vậy, Việt Nam cần có chiến lược tiếp cận có trọng tâm, chọn lọc và dài hạn.

Hợp tác chặt chẽ với các định chế tài chính quốc tế như WB, ADB, IMF để huy động nguồn vốn cho chuyển đổi năng lượng, phát triển hạ tầng xanh, thích ứng khí hậu và giảm nghèo bền vững.

Tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật từ UNDP, UNEP, UNESCO, WHO, ILO... nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách, phát triển nhân lực chất lượng cao và cải thiện quản trị công.

Tạo điều kiện cho khu vực tư nhân trong nước tiếp cận các quỹ khí hậu toàn cầu, cơ chế tín chỉ carbon, các chương trình tài chính xanh và các dự án PPP do tổ chức

Thúc đẩy hợp tác quốc tế về chuyển đổi năng lượng và ứng phó biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là thách thức sống còn đối với Việt Nam, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long và ven biển miền Trung. Do đó, tăng cường hợp tác quốc tế là yêu cầu cấp bách.

Chủ động tham gia các liên minh khí hậu như Global Methane Pledge, Just Energy Transition Partnership (JETP) và các sáng kiến của COP.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế về năng lượng tái tạo, hạ tầng điện thông minh, công nghệ hydrogen xanh, quản lý phát thải và thích ứng dựa vào hệ sinh thái.

Hợp tác sâu hơn trong quản trị tài nguyên nước và bảo vệ lưu vực sông thông qua Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC), các cơ chế Mekong – Nhật Bản, Mekong – Hoa Kỳ, Mekong – Hàn Quốc, ACMECS...

Nâng cao năng lực quốc gia trong triển khai và giám sát SDGs

Việt Nam cần củng cố năng lực thể chế để bảo đảm thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

Tăng cường phối hợp liên ngành giữa các bộ, ngành trong thực hiện SDGs; thiết lập cơ chế điều phối mạnh mẽ hơn dưới sự dẫn dắt của Chính phủ.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong theo dõi SDGs, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối với nền tảng dữ liệu toàn cầu.

Tăng cường vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội và truyền thông trong giám sát, phản biện chính sách phát triển bền vững.

Mở rộng vai trò của Việt Nam trong các tổ chức khu vực và liên khu vực

Sự tham gia hiệu quả vào các cơ chế khu vực là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và hệ thống quốc tế rộng lớn hơn.

Phát huy vai trò trong ASEAN, thúc đẩy các sáng kiến về Cộng đồng Kinh tế xanh, Kết nối bền vững, Mạng lưới thành phố thông minh.

Tăng cường tham gia vào APEC, ASEM, GMS, CLMV, ACMECS, đồng thời mở rộng quan hệ với AU, EU, CELAC để phát triển các chương trình hợp tác ba bên. Nâng cao vai trò của Việt Nam trong các cơ chế của LHQ, tiếp tục đóng góp lực lượng gìn giữ hòa bình, ứng cử vào các cơ quan quan trọng của LHQ giai đoạn 2026–2035.

Phát huy vai trò của địa phương, doanh nghiệp và xã hội trong hợp tác đa phương

Phát triển bền vững không thể chỉ dựa vào Nhà nước, vì vậy, cần khuyến khích các địa phương hợp tác với đối tác quốc tế trong các lĩnh vực như quy hoạch đô thị, giáo dục, năng lượng, y tế và môi trường.

Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị xanh, tuân thủ các tiêu chuẩn ESG, tiếp cận thị trường thông qua các hiệp định FTA.

Tăng cường hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học của Việt Nam với các tổ chức quốc tế trong nghiên cứu chính sách, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực.

Đóng góp tích cực vào cải cách hệ thống đa phương

Việt Nam có thể cùng các nước ASEAN, các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển thúc đẩy cải cách hệ thống đa phương theo hướng hiệu quả, bao trùm và công bằng hơn.

Ủng hộ các nỗ lực cải cách Hội đồng Bảo an, IMF, WB, WTO theo hướng phản ánh đúng hơn quyền lợi của các nước đang phát triển.

Đề xuất sáng kiến cải thiện tài chính phát triển, xây dựng các công cụ hỗ trợ cho các quốc gia ven biển, quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Tăng cường vai trò của Việt Nam như một cầu nối mang tính xây dựng giữa các nhóm nước, góp phần giảm khác biệt và thúc đẩy đồng thuận tại các tiến trình đàm phán quốc tế.

Kết luận

Trong bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển đổi sâu sắc với những thời cơ đan xen thách thức chưa từng có, hợp tác đa phương và vai trò của các tổ chức quốc tế tiếp tục khẳng định tầm quan trọng chiến lược đối với tiến trình phát triển bền vững toàn cầu. Từ việc kiến tạo các khuôn khổ chuẩn mực mang tính phổ quát, điều phối nguồn lực, thúc đẩy đồng thuận, đến tham gia giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống, các tổ chức quốc tế đã và đang giữ vai trò không thể thay thế trong việc định hình trật tự phát triển xanh, bao trùm và bền vững cho nhân loại.

Có thể nói, các tổ chức quốc tế là tác nhân trung tâm trong kiến tạo thể chế và chuẩn mực phát triển bền vững; đóng góp của họ trải rộng trên cả ba trụ cột – kinh tế, xã hội và môi trường – với nhiều chương trình, sáng kiến và hiệp định mang tính nền tảng; và hệ thống đa phương cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ để thích ứng với bối cảnh mới, nhất là yêu cầu cải cách thể chế, tăng cường bao trùm, huy động nguồn lực và ứng phó với các thách thức xuyên biên giới.

Đối với Việt Nam, phát triển bền vững không chỉ là định hướng lớn mang tính chiến lược mà còn là con đường bảo đảm thịnh vượng lâu dài trong giai đoạn hội nhập sâu rộng hiện nay. Việc chủ động, tích cực và có trách nhiệm tham gia vào các cơ chế đa phương mở ra cơ hội để Việt Nam tranh thủ nguồn lực, nâng cao năng lực quốc gia, đóng góp vào tiến trình kiến tạo các chuẩn mực quốc tế mới, đồng thời khẳng định vai trò ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhìn từ góc độ rộng hơn, tăng cường hợp tác đa phương cũng là cách để Việt Nam góp phần củng cố hòa bình, ổn định, và thúc đẩy một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ – nơi các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều có tiếng nói và cơ hội phát triển

công bằng. Điều đó phù hợp với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam, đồng thời phản ánh tinh thần “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế. Việt Nam sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng quốc tế trong thúc đẩy hợp tác đa phương, phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo, vì một tương lai thịnh vượng, xanh và bao trùm cho tất cả mọi người./.

PHẦN V

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ TẦM NHÌN NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2045

ĐỊNH VỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG TẦM ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

PGS, TS. Đặng Đình Quý*

Tóm tắt: Bài đề xuất tầm nhìn chiến lược và lộ trình chính sách nhằm “nâng tầm” đối ngoại đa phương của Việt Nam đến trung hạn và dài hạn. Tác giả nhấn mạnh cần chuyển từ tư duy “tham dự” sang tư duy “chủ động kiến tạo” thông qua việc xây dựng các ưu tiên chiến lược và xác định các lĩnh vực then chốt để dẫn dắt (biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, quản trị số). Bài đề xuất cấu trúc ba tầng: (1) tầm nhìn chiến lược và mục tiêu rõ ràng đến 2045; (2) cơ chế tổ chức và phối hợp liên ngành để thực thi; (3) nguồn lực (tài chính, con người, công nghệ). Tác giả trình bày các chỉ số đánh giá (KPIs) để đo lường hiệu quả “nâng tầm” và đề xuất cơ chế đánh giá định kỳ. Ngoài ra, bài bàn về rủi ro chính trị và cách ứng phó, bao gồm xây dựng kịch bản đối ngoại và tăng cường năng lực dự báo. Kết luận nhấn mạnh rằng nâng tầm đối ngoại đa phương là mục tiêu khả thi nếu có sự lãnh đạo chính trị mạnh mẽ và cải cách thể chế đồng bộ.

Từ khoá: Chiến lược đa phương; Tầm nhìn 2045; Cơ chế phối hợp; Đánh giá hiệu quả.

1. Đối ngoại đa phương và nâng tầm đối ngoại đa phương

Có nhiều khái niệm về ngoại giao đa phương và đối ngoại đa phương. Có những khái niệm tiếp cận từ mục tiêu, có những khái niệm tiếp cận từ cách tiến hành, từ hoạt động. Các học phương Tây thường dùng khái niệm ngoại giao đa phương (multilateral diplomacy) với nghĩa là một phương cách quan hệ chính thức giữa các quốc gia.

Trong tiếng Việt, ngoại giao được nhiều người quan niệm là biện pháp hòa bình quan trọng nhất, được nhà nước thực hiện để thực hiện các mục tiêu đối ngoại. Biện pháp hòa bình thì được cho là tất cả các biện pháp được quy định theo điều

* Học viện Ngoại giao Việt Nam

33 Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm: đàm phán, ký kết, trung gian hòa giải, tư vấn,... và kiện ra tòa án quốc tế. Đối ngoại được hiểu là các hoạt động liên quan đến các đối tác nước ngoài. Đối ngoại cũng được cho là chỉ gồm các biện pháp hòa bình nhưng bao gồm cả các hoạt động của các chủ thể phi nhà nước. Theo đó, đối ngoại đa phương của Việt Nam bao gồm các hoạt động đa phương trên cả ba trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Khái niệm chung: Đối ngoại là đa phương là các hoạt động liên quan đến 2 đối tác người ngoài trở lên, thường diễn ra tại các tổ chức, cơ chế đa phương. Ngoài các cơ chế, tổ chức đa phương, đối ngoại đa phương cũng diễn ra ở kênh song phương khi hai bên có hợp tác liên quan đến bên thứ ba và/hoặc các hoạt động tại các cơ chế, tổ chức đa phương. Việt Nam và Australia hợp tác trong triển khai các hoạt động gìn giữ hòa bình tại Nam Sudan là một ví dụ.

Chủ trương nâng tầm đối ngoại đa phương lần đầu tiên được nêu trong Chỉ thị số 25-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 8/8/2018 về đẩy mạnh và nâng tầm ĐNĐP đến năm 2030. Từ đó, đối ngoại đa phương được một định hướng chiến lược quan trọng hàng đầu và là một phương thức hiệu quả thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược-xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ thị 25-CT/TW xác định mục tiêu của công tác ĐNĐP là “nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước”. Để thực hiện mục tiêu đó, chỉ thị đề ra 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, xác định ưu tiên là ASEAN, LHQ, các khuôn khổ hợp tác ở châu Á-Thái Bình Dương, hợp tác tiểu vùng; với trọng tâm là lĩnh vực kinh tế, ưu tiên phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời đẩy mạnh trên lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, xã hội, môi trường, văn hóa, y tế và các lĩnh vực khác; nâng cao năng lực triển khai thông qua đổi mới tư duy, nhận thức về tầm quan trọng của ĐNĐP, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ¹.

¹ <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-quoc-te-tang-cuong-suc-manh-tong-hop-cua-dat-nuoc-560421>

Điểm mới và cũng là điểm quan trọng nhất của Chỉ thị là xác định rõ tầm quan trọng của ĐNĐP, xác định rõ định hướng mục tiêu: chuyển từ tham gia sang đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, trung gian hòa giải.

2. Giai đoạn mới, bối cảnh mới và tương lai của các định chế đa phương

Đối ngoại đa phương nói riêng, đối ngoại nói chung đều cần có những điều chỉnh khi thế giới thay đổi, đối tác thay đổi và Việt Nam thay đổi. Theo đó, giai đoạn mới ở đây nên được xác định là từ sau Đại hội XIV vì đây là thời điểm Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, đây cũng là giai đoạn thế giới và khu vực đang trải qua những biến chuyển nhanh chóng, phức tạp chưa từng có, trong đó, nhiều đối tác của Việt Nam, kể cả các đối tác có vị trí quan trọng chiến lược đối với an ninh và phát triển của Việt Nam, cũng đang thay đổi.

Kỷ nguyên mới ở Việt Nam được xác định là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, là kỷ nguyên xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng¹.

Trên thế giới, Tổng thống Mỹ D. Trump trở lại Nhà Trắng với hàng loạt chính sách đang và sẽ tác động mạnh tới tình hình thế giới. Vẫn còn sớm để thấy rõ sự

¹ Bài giảng của Tổng Bí thư Tô Lâm, xem <https://dangcongsan.vn/thoi-su/noi-dung-chuyen-de-cua-tong-bi-thu-to-lam-ve-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-682050.html>

tác động đó nhưng nhiều dự báo cho rằng, quan hệ Mỹ - Trung sẽ căng thẳng thêm, Mỹ - Nga có thể giảm căng thẳng, Mỹ và các nước EU sẽ định hình một mô hình quan hệ mới giữa hai bên. Xung đột Nga - Ukraine có thể tạm lắng, khu vực Trung Đông có thể tạm yên. Nhưng việc Mỹ áp thuế cao đối với tất cả các nước, chiến tranh thương mại, chiến tranh công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ gây những hậu quả nghiêm trọng đối với thế giới.

Về dài hạn, tình hình thế giới có thể có thể diễn biến theo các xu hướng sau:

Thế giới chuyển tiếp tục chuyển sang cục diện đa cực với cấu trúc lưỡng siêu, đa cường. Lưỡng siêu là Mỹ và Trung Quốc, đa cường là các nước Ấn Độ, Đức, Nhật Bản, EU, Nga... khoảng cách về sức mạnh giữa hai siêu cường và các cường quốc ngày càng lớn. Trong quan hệ giữa các nước lớn, Mỹ - Trung Quốc vẫn là cặp quan hệ nổi trội, chi phối các mối quan hệ khác. Quan hệ Mỹ - Nga, EU - Nga sẽ tiếp tục căng thẳng; Trung - Nga hợp tác chặt chẽ trong nhiều vấn đề; Trung - EU thì tùy theo vấn đề, tùy theo thời điểm mà hợp tác hay cạnh tranh sẽ nổi hơn. Thế giới có thể phân thành hai tuyến với một bên là Mỹ, phương Tây và bên kia là Trung Quốc, Nga. Nhưng khác với hai phe thời chiến tranh Lạnh, ranh giới phân tuyến sẽ không rõ ràng, không cố định, các nước thuộc tuyến này vẫn có quan hệ với các nước thuộc tuyến kia. Quan hệ Mỹ - Trung Quốc vẫn có sự hợp tác, nhưng căng thẳng là xu thế nổi trội.

Cùng với các tiến bộ khoa học công nghệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) sẽ phát triển mạnh mẽ hơn. Trong quan hệ quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ làm thay đổi tương quan sức mạnh giữa các nước, nhất là các nước lớn, gia tăng mức độ cạnh tranh, chạy đua giữa các nước, gia tăng phân hóa giữa các nước giàu và nghèo. Cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với cạnh tranh địa - chính trị giữa Mỹ - Trung Quốc, Mỹ, phương Tây - Trung Quốc, Nga, làm gia tăng xu thế phân mảnh, chia rẽ, nhất là chia rẽ số giữa các nước, các nhóm nước.

Toàn cầu hóa vẫn tiếp diễn với những điểm khác các giai đoạn trước về tốc độ, phương cách và lĩnh vực. Từ nay đến 2030, toàn cầu hóa tiếp tục bị tác động mạnh bởi mâu thuẫn giữa các nước lớn, hậu quả của đại dịch COVID-19, các cuộc xung đột Nga - Ukraine, Hamas - Israel, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, biến đổi khí hậu... Phương cách và lĩnh vực toàn cầu hóa, theo đó sẽ khác trước. Thương mại quốc tế vẫn tăng. Theo dự báo năm 2021 của Ngân hàng Standard Charter (Anh), đến năm 2030, thương mại toàn cầu tăng hơn 70%, lên đến trên 30.000 tỷ USD¹.

Quá trình dân chủ hóa quan hệ quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng bị thách thức nghiêm trọng hơn bởi chính trị cường quyền. Các nước vừa và nhỏ sẽ chịu sức ép “kéo” và “đẩy” mạnh hơn từ các nước lớn, nhất là trong các vấn đề các nước lớn có nhu cầu tập hợp lực lượng để cạnh tranh, đối đầu với nhau. Tiến bộ khoa học công nghệ và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 thay đổi vị trí, vai trò của các nước vừa và nhỏ trong quan hệ quốc tế, kể cả trong quan hệ với các nước lớn.

Hòa bình, hợp tác và phát triển gặp phải nhiều thách thức hơn trước nhưng vẫn là xu thế lớn. Hòa bình chỉ nên hiểu là không có chiến tranh giữa các nước lớn, còn chiến tranh, xung đột vũ trang thì khó có thể ngừng. Các nước lớn, ở mức độ khác nhau đều sở hữu vũ khí giết người hàng loạt và do đó, khó có thể xảy ra chiến tranh giữa họ với nhau. Các cuộc xung đột hiện nay giữa các nước nhỏ hay giữa nước lớn và nước nhỏ ít khả năng sớm chấm dứt. Một số xung đột mới có thể nổ ra. Nhưng rất ít khả năng các xung đột đó lan rộng hoặc leo thang tới mức xảy ra chiến tranh giữa các nước lớn, chiến tranh thế giới. Cạnh tranh giữa các nước lớn, xung đột Nga – Ukraine... làm gia tăng xu thế tăng cường vũ trang, thậm chí chạy đua vũ trang ở một số nước, nhóm nước. Nhưng các nước vẫn đầu tư lớn cho phát triển, cho giải quyết những thách thức trước mắt và lâu dài về kinh tế, xã hội, môi

¹ “Future of Trade 2030: Trends and markets to watch” (Tạm dịch:), *Standard Chartered*, 2023, <https://av.sc.com/corp-en/content/docs/Future-of-Trade-2021.pdf>

trường¹. Phát triển xanh, sạch, bền vững sẽ trở thành xu thế nổi trội do nhu cầu tự thân của các nước (trước nguy cơ từ biến đổi khí hậu) và sự áp đặt của các nước phát triển, nhất là các nước EU, thông qua những tiêu chuẩn về thương mại liên quan đến bảo vệ môi trường².

Trong bối cảnh đó, vai trò của các thể chế đa phương, lớn nhất và bao trùm nhất là LHQ, sẽ ngày càng suy giảm trong các vấn đề mà các nước lớn và đồng minh của họ muốn hành động đơn phương hoặc mâu thuẫn với các nước lớn khác. Nhưng trong các lĩnh vực nhân đạo, vai trò của các thể chế đa phương, đặc biệt là LHQ, sẽ tiếp tục được củng cố và nâng cao. Thế giới càng nhiều xung đột, nhiều khủng hoảng thì nhu cầu cứu trợ nhân đạo càng gia tăng và các thể chế đa phương là kênh tốt nhất để các nước trao cho và thực hiện các công việc này vì các thể chế đa phương có hệ thống tổ chức, nhân sự, có kinh nghiệm và nhất là có “lòng tin” từ các nhà cứu trợ nhân đạo. Cũng như vậy, trong lĩnh vực phát triển và bảo vệ quyền con người, các có chế đa phương sẽ tiếp tục có vai trò quan trọng. Vai trò đó, không chỉ thể hiện trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững, hỗ trợ các nước nghèo... mà còn trong đối phó với các thách thức chung của nhân loại, đặc biệt là dịch bệnh và biến đổi khí hậu³.

Hệ thống các thể chế đa phương hiện hành đứng trước nhiều thách thức, các tổ chức, cơ chế mới sẽ ra đời. Do mâu thuẫn, cạnh tranh giữa các nước lớn và do nhân loại đứng trước các thách thức mới từ sự phát triển của khoa học công nghệ và thách thức của biến đổi khí hậu, các thể chế đa phương hiện tại sẽ tiếp tục thay đổi và xuất hiện các thể chế, cơ chế mới. Các tổ chức thuộc hệ thống LHQ, nhất là Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đứng trước sức ép cải tổ ngày càng lớn, nhất là từ các Trung Quốc, Nga và các nước mới nổi. Các cơ

¹ Xem “Welcome to 2030”, <https://ec.europa.eu/assets/epsc/pages/espas/chapter1.html>

² Đơn cử như, ngày 19-4-2023, Nghị viện châu Âu (EP) đã thông qua luật mới *cấm* nhập khẩu các hàng hóa bị cho là liên quan đến hoạt động *phá rừng*...

³ Xem “Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development”, <https://sdgs.un.org/2030agenda>

chế đa phương theo nhóm như NATO, BRICS sẽ tiếp tục được củng cố. Nhiều khả năng, các cơ chế tương tự sẽ ra đời như hệ quả của xu thế phân tách, phân tuyến trong quan hệ giữa các nước lớn. Phần lớn các cơ chế này có thiên hướng chống lại nhau để phục vụ mục đích tập hợp lực lượng của các nước lớn. Các cơ chế đa phương của các nước nhỏ như: Phong trào Không liên kết, Nhóm 77, ngày càng suy yếu do các vấn đề nội bộ, do sự chia rẽ của các nước lớn và do bối cảnh quốc tế đã rất khác so với chiến tranh Lạnh, khi các cơ chế này ra đời.

ASEAN có những khó khăn trong quá trình xây dựng Cộng đồng nhưng tiếp tục được các nước lớn quan tâm. Từ nay đến 2030, Myanmar có thể chuyển sang giai đoạn mới sau bầu cử, nhưng Biển Đông vẫn tiềm ẩn bất ổn, thậm chí xung đột cục bộ, các nước ASEAN tiếp tục chịu sức ép (kéo và đẩy) từ các nước lớn và các tập hợp lực lượng của họ. Năm 2030, ASEAN sẽ là nền kinh tế lớn thứ tư thế giới, một Cộng đồng thành công nhất trong các liên kết khu vực của các nước đang phát triển¹. ASEAN sẽ có vai trò lớn hơn khi giữ được đoàn kết, độc lập và gia tăng được nội lực qua các nỗ lực kết nối, xây dựng cộng đồng. Ngược lại, vai trò của ASEAN sẽ suy giảm nếu không xử lý được sức ép “kéo, đẩy” của các nước lớn, không duy trì được đoàn kết, thống nhất trong những vấn đề thuộc lợi ích chung của Hiệp hội.

Cụ thể hơn,

- Đối với các thể chế có mặt của cả hai nhóm nước (một bên là Trung Quốc, Nga; một bên là Mỹ, phương Tây) như Liên hợp quốc và các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc (WB, IMF, WTO), APEC, EAS... nói chung sẽ bị suy giảm do mâu thuẫn và cạnh tranh giữa hai nhóm. Nhưng các thể chế này vẫn có vai trò trong các vấn đề hai bên có lợi ích hợp tác như: ứng phó với biến đổi khí hậu, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, giải quyết các vấn đề phát triển chung.

¹ Xem: “ASEAN 2030: Tiến tới một Cộng đồng Kinh tế không Biên giới”;
<https://www.adb.org/sites/default/files/publication/159312/adb-asean-2030-borderless-economic-community.pdf>

- Vai trò của các thể chế do một bên (Mỹ, Phương Tây hoặc Trung Quốc, Nga) dẫn dắt như BRICS, SCO... NATO, QUAD... có thể gia tăng do các bên đều tranh thủ các thể chế này trong cạnh tranh với nhau.

- Vai trò của các thể chế khu vực bị thách thức nhưng có thể gia tăng. Các thể chế khu vực, dù mạnh như EU cũng bị thách thức bởi cạnh tranh giữa Mỹ, Trung Quốc; Mỹ, Trung và Nga. Các thể chế khu vực khác thì tùy theo mức độ quan trọng về địa chiến lược trong chiến lược cạnh tranh cạnh tranh của các nước lớn.

3. Định vị chiến lược nâng tầm đối ngoại đa phương trong giai đoạn mới

Định vị đối ngoại đa phương: Mỗi giai đoạn phát triển, đối ngoại đa phương có vị trí khác nhau. Khi đất nước còn nhiều khó khăn (như trong giai đoạn 1975-1995), đối ngoại đa phương là kênh quan trọng để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, phá bao vây cấm vận, tranh thủ các nguồn lực từ các tổ chức đa phương cho các nhu cầu bức thiết về kinh tế-xã hội. Khi đất nước dần đảm bảo được các nhu cầu bức thiết, hội nhập vào khu vực và thế giới, ra khỏi danh sách các nước nghèo, kém phát triển (như trong giai đoạn 1995-2025), đối ngoại đa phương đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển, bảo đảm an ninh, hội nhập quốc tế, xây dựng và phát huy vai trò của một nước Việt Nam phát triển nhanh, đóng góp ngày càng tích cực vào công việc chung của khu vực và thế giới. Khi đất nước bước vào Kỷ nguyên mới, đối ngoại đa phương cần được xác định là kênh quan trọng nhất để nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, đồng thời, phát huy vị thế quốc gia để phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN. Theo đó,

Mục tiêu của đối ngoại đa phương trong kỷ nguyên mới phải là: nâng cao và phát uy vị thế quốc gia trên trường quốc tế để đóng góp hiệu quả vào Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Phương châm: chủ động, tích cực, có trách nhiệm; sẵn sàng đóng góp các nguồn lực, kể cả tài lực, vật lực, nhân lực vào công việc chung của khu vực và thế giới.

Định hướng chung: Giữ vai trò nòng cốt trong những vấn đề thiết thân đối với an ninh và phát triển của đất nước; những vấn đề quan trọng đối với an ninh và phát triển của khu vực và toàn cầu. Vai trò nòng cốt là vai trò trung tâm trong việc định hướng, thúc đẩy và thực hiện mục tiêu. Muốn giữ được vai trò nòng cốt cần phải có thực lực, có ảnh hưởng và sẵn sàng sử dụng nguồn lực và ảnh hưởng của mình cho mục tiêu chung. Cũng như vậy, cần phải chủ động, tích cực và sẵn sàng đóng vai trò dẫn dắt và trung gian hòa giải trong những vấn đề Việt Nam có thể đảm nhiệm. Nói cách khác, sẵn sàng “dấn thân” vì mục tiêu chung của khu vực và thế giới.

Định hướng cụ thể:

- Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, tích cực góp phần vào việc bảo vệ và củng cố các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc; đẩy mạnh hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, vì hòa bình và phát triển, cùng nhau giải quyết các vấn đề chung của khu vực và toàn cầu;
- Chủ động đóng góp vào việc xây dựng luật lệ và chuẩn mực chung, tích cực xây dựng, định hình các cơ chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế công bằng và dân chủ; khai thác hiệu quả hoạt động đối ngoại đa phương tại các tổ chức quốc tế, đóng góp tích cực vào việc thực hiện mục tiêu 2030 nước ta thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
- Kiên định mục tiêu đối ngoại vì lợi ích quốc gia - dân tộc; linh hoạt xử lý hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc, quan điểm của quốc gia với những mối quan tâm chính đáng của các thành viên khác tùy theo vấn đề, thời điểm cụ thể, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi; tôn trọng nguyên tắc bốn không.
- Chuyển mạnh từ tư duy “gia nhập và tham dự” sang tư duy “chủ động và tích cực tham gia đóng góp xây dựng và định hình luật chơi chung”, tăng cường cách tiếp cận đa ngành, chú trọng nội hàm phát triển bền vững; đẩy mạnh đề xuất sáng

kiến, ý tưởng và cân nhắc tham gia, đồng khởi xướng các cơ chế hợp tác mới.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước; phối hợp chặt chẽ đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhân dân với ngoại giao Nhà nước, giữa hoạt động đối ngoại với quá trình gia tăng nội lực, đổi mới thể chế trong nước, huy động mọi tiềm năng của toàn xã hội; tăng cường cách tiếp cận liên ngành, kết hợp chặt chẽ đối ngoại đa phương với đối ngoại song phương; khuyến khích và tạo điều kiện cho các địa phương và doanh nghiệp tham gia vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách tại các tổ chức quốc tế, nhất là những tổ chức chuyên ngành như: WTO, ILO, WIPO....

- Về chính trị - ngoại giao: tích cực đóng góp vào việc định hình thể chế kiến trúc an ninh khu vực Đông Nam Á, châu Á – Thái Bình Dương và Liên hợp quốc; đề cao luật pháp quốc tế, quy tắc ứng xử khu vực, xây dựng lòng tin, ủng hộ và tuân thủ các tiến trình ngoại giao, pháp lý trong việc xử lý các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Về kinh tế, phát triển: góp phần nâng mức độ hội nhập kinh tế của Việt Nam ngang bằng mức trung bình của các nước ASEAN-4; đẩy mạnh hợp tác đa phương về kinh tế, phát triển song song với quá trình gia tăng nội lực, gia tăng mức độ liên kết giữa các ngành, các vùng, miền trong nước, trên cơ sở phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo; góp phần mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Việt Nam tham gia vào tầng nấc cao hơn của các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

- Về quốc phòng, an ninh: triển khai các hoạt động đối ngoại đa phương về quốc phòng, an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ hợp tác đa phương về quốc phòng, an ninh để gia tăng thể và lực của đất nước đồng thời góp phần thúc đẩy quan hệ quốc phòng, an ninh với các đối tác, nhất là các nước lớn.

- Về văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác: chủ động, tích cực tham gia các hoạt

động tại các tổ chức quốc tế để tạo điều kiện cho hội nhập kinh tế quốc tế; đến năm 2030, trình độ phát triển và mức độ hội nhập của Việt Nam trong các lĩnh vực này đạt trình độ của khu vực, có một số lĩnh vực đạt trình độ thế giới./.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: TỪ THAM GIA ĐẾN CHỦ ĐỘNG ĐỊNH HÌNH

TS. Đào Ngọc Báu*

Tóm tắt: Trong bối cảnh trật tự thế giới đang chuyển dịch, Việt Nam nhận thức rõ tầm quan trọng của đối ngoại đa phương và chủ động đổi mới phương thức tổ chức, triển khai hoạt động này. Trọng tâm là chuyển từ tham gia sang chủ động dẫn dắt và định hình chương trình nghị sự tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp Quốc, APEC. Việt Nam đã và đang triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, vì lợi ích quốc gia-dân tộc. Công tác đối ngoại đa phương được đổi mới theo hướng tăng cường tính chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng, ngoại giao nhân dân và đối ngoại quốc phòng. Đặc biệt, Việt Nam chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo chiến lược, và ứng dụng công nghệ số trong công tác tổ chức, vận động đa phương, nhằm tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước và nâng cao vị thế quốc tế trong kỷ nguyên mới.

Từ khoá: Đối ngoại đa phương Việt Nam; Đổi mới phương thức; Chủ động hội nhập; Nâng cao vị thế

Mở đầu

Trong gần bốn thập kỷ đổi mới và hội nhập quốc tế, đối ngoại đa phương Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều thành tựu mang tầm chiến lược. Việt Nam đã chuyển đổi từ một quốc gia "tham dự" trở thành "thành viên tích cực, có trách nhiệm và có năng lực đóng góp" trong các thể chế toàn cầu và khu vực.

* Viện trưởng Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đặc biệt, trong giai đoạn 2016–2025, Việt Nam liên tiếp đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế quan trọng: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020–2021, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023–2025, Chủ tịch ASEAN năm 2020, nước chủ nhà APEC 2017. Sự chuyển biến này phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước trong việc nâng tầm đối ngoại đa phương từ phương tiện trở thành định hướng chiến lược quan trọng.

Trong bối cảnh thế giới đang vận động theo hướng đa cực, cạnh tranh ảnh hưởng gia tăng, và các vấn đề toàn cầu ngày càng phức tạp, đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ hỗ trợ mà trở thành định hướng chiến lược sống còn để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Việt Nam, với đường lối độc lập tự chủ và "đi bất biến ứng vạn biến", đã thực hiện bước chuyển chiến lược lịch sử: từ vai trò tham gia bị động sang vị thế chủ động đóng góp, dẫn dắt và định hình luật chơi quốc tế. Bài viết phân tích quá trình đổi mới phương thức đối ngoại đa phương của Việt Nam, từ tham gia đến chủ động định hình, trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch mạnh mẽ.

1. Bối cảnh quốc tế và yêu cầu đổi mới phương thức đối ngoại đa phương của Việt Nam

1.1. Xu thế chuyển dịch trật tự thế giới

Thế giới đang trải qua những biến động sâu rộng với sự cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn, sự dịch chuyển trọng tâm quyền lực và những rạn nứt trong hệ thống thể chế toàn cầu. Trật tự quốc tế truyền thống đang dần chuyển dịch sang cấu trúc đa cực - đa trung tâm, nơi quyền lực được phân bổ cho nhiều trung tâm lớn nhỏ khác nhau. Các thể chế đa phương truyền thống đang đối mặt với thách thức về tính hiệu quả và tính đại diện, trong khi các cơ chế đa phương mới, linh hoạt đang nổi lên với hình thức "liên minh giá trị" hoặc "nhóm các nước cùng chí hướng".

Hiện nay, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lan tỏa từ chính trị, an ninh sang kinh tế, công nghệ và chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, mọi quốc gia – dù lớn hay nhỏ – đều đứng trước yêu cầu nâng cao năng lực dự báo, khả năng ra quyết sách nhanh và tầm nhìn chiến lược dài hạn để thích ứng với những biến động chưa từng có".

1.2. Thách thức và cơ hội đối với các quốc gia tầm trung

Đối với các quốc gia tầm trung như Việt Nam, bối cảnh quốc tế hiện nay vừa đặt ra thách thức lớn về khả năng thích ứng với những biến động nhanh chóng, vừa mở ra cơ hội để tranh thủ các cấu trúc đa phương linh hoạt. Các nước này có xu hướng tham gia các cơ chế hợp tác đa phương và tập hợp lực lượng đa dạng trên thế giới nhằm đa dạng hóa hợp tác, nâng cao tính tự chủ chiến lược, đồng thời chủ động xây dựng các cơ chế hợp tác mới không phụ thuộc vào nước lớn.

Trong bối cảnh đó, đa phương hóa quan hệ trở thành "lá chắn chiến lược" giúp tránh bị cuốn vào lằn ranh đối đầu giữa các cường quốc, đồng thời khuếch đại tiếng nói thông qua đồng thuận tập thể. Đây chính là cơ sở khách quan để Việt Nam đẩy mạnh đối ngoại đa phương, chuyển từ tư duy "tham gia" sang tư duy "định hình" và "dẫn dắt" tại các diễn đàn quốc tế.

1.3. Định hướng mới của Đảng và Nhà nước về đối ngoại đa phương

Nhận thức rõ bối cảnh và yêu cầu mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã từng bước đổi mới tư duy và phương thức triển khai đối ngoại đa phương. Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại... Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế".

Đặc biệt, Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 về "đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030" đã xác lập định hướng chiến lược mới cho đối

ngoại đa phương Việt Nam, nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ "tham gia tích cực" sang "chủ động tham gia, phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải hoặc trung gian tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược". Đây là bước chuyển mang tính đột phá trong tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam, phản ánh sự trưởng thành trong nhận thức và năng lực thực tiễn của nền ngoại giao Việt Nam.

2. Quá trình chuyển đổi tư duy và phương thức đối ngoại đa phương của Việt Nam

2.1. Từ tư duy "tham dự" đến tư duy "chủ động tham gia"

Sau khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1986, Việt Nam đã từng bước khắc phục tư duy đối ngoại "nhất biên đảo", tuyệt đối hóa mục tiêu ý thức hệ; đồng thời kế thừa, vận dụng và phát triển trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh lên những tầm cao mới. Từ Đại hội VI (1986) với đường lối đối ngoại "thêm bạn, bớt thù", "đa dạng hóa, đa phương hóa", Việt Nam đã mở ra bước ngoặt lịch sử trong công tác đối ngoại đa phương.

Trong giai đoạn 1986-2010, tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam chủ yếu tập trung vào "tham dự" các diễn đàn đa phương để phá thế bị bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ quốc tế và tranh thủ nguồn lực bên ngoài. Việt Nam đã lần lượt gia nhập các tổ chức quốc tế quan trọng như ASEAN (1995), APEC (1998), WTO (2007), và tham gia hơn 70 cơ chế đa phương quốc tế và khu vực.

Đến Đại hội XI (2011), tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam đã có bước phát triển quan trọng khi xác định mục tiêu: "Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Giai đoạn này, Việt Nam không chỉ tham dự mà tích cực tham gia các diễn đàn đa phương, đặc biệt chú trọng hợp tác đa phương về quốc phòng, an ninh.

2.2. Từ tư duy "chủ động tham gia" đến tư duy "dẫn dắt, định hình"

Từ năm 2010 đến nay, đặc biệt qua Chỉ thị 25-CT/TW (2018) và Đại hội XIII (2021), tư duy đối ngoại đa phương của Việt Nam đã có bước nhảy vọt: nâng tầm đối ngoại đa phương lên "tầm cao mới", với nhiệm vụ "chủ động tham gia, phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải hoặc trung gian tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược".

Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (4/2013) về hội nhập quốc tế đã đánh dấu chuyển biến nhận thức khi nhấn mạnh yêu cầu "chủ động, tích cực tham gia xây dựng luật chơi chung và đề xuất sáng kiến đa phương", mở ra giai đoạn mới để ngoại giao đa phương Việt Nam đóng góp, khởi xướng các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu.

Đại hội XIII (2021) tiếp tục phát triển tư duy này khi xác định: "Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC..." Điều này phản ánh yêu cầu cấp thiết của việc chuyển đổi từ tham gia sang chủ động định hình các thể chế đa phương.

Trong thực tiễn, Việt Nam đã thể hiện rõ sự chuyển đổi này qua các sáng kiến đa phương chủ động như Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng, các đề xuất giải quyết tranh chấp Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế, và vai trò trung gian hòa giải trong nhiều vấn đề khu vực và quốc tế.

3. Những đổi mới trong phương thức tổ chức và triển khai đối ngoại đa phương

3.1. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong vận động đa phương

Đổi mới phương thức đối ngoại đa phương của Việt Nam trước hết thể hiện ở việc tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong vận động đa phương. Việt Nam đã chuyển từ tư duy "tham gia" sang tư duy "chủ động tham gia", "dẫn dắt" và "định hình" các thể chế đa phương. Điều này thể hiện qua việc:

Một là, chủ động đề xuất và tổ chức các sáng kiến đa phương. Việt Nam đã đề xuất nhiều sáng kiến quan trọng tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu như: Sáng kiến về hợp tác biển ASEAN, Sáng kiến về an ninh mạng tại Liên Hợp Quốc, và Sáng kiến về ứng phó với biến đổi khí hậu trong khuôn khổ APEC. Các sáng kiến này không chỉ giải quyết các vấn đề thực tiễn mà còn phản ánh tầm nhìn chiến lược và khả năng lãnh đạo của Việt Nam.

Hai là, chủ động tham gia xây dựng luật chơi quốc tế. Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán và thông qua các công ước quốc tế như Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng. Không chỉ tham gia, Việt Nam còn tích cực đóng góp vào việc xây dựng và hoàn thiện các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, môi trường và an ninh.

Ba là, đóng vai trò trung gian hòa giải trong các tranh chấp quốc tế. Với phương châm đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam có khả năng tạo dựng lòng tin, thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia có lợi ích khác biệt, qua đó nâng cao uy tín và củng cố hình ảnh là một đối tác đối thoại mang tính xây dựng. Trong việc xử lý tranh chấp Biển Đông, Việt Nam đã chủ động thúc đẩy đối thoại, sử dụng luật pháp quốc tế (đặc biệt là UNCLOS 1982), và đề xuất các cơ chế hợp tác song hành (Track 1.5/2) để giảm hiểu lầm.

3.2. Phối hợp đồng bộ giữa các kênh đối ngoại

Đối mới phương thức đối ngoại đa phương còn thể hiện ở việc phối hợp đồng bộ giữa các kênh đối ngoại: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân và đối ngoại quốc phòng. Việc phối hợp này được thể hiện qua:

Một là, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả. Đối ngoại đa phương không chỉ là nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao mà cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Việt Nam đã thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các kênh đảng, nhà nước, nhân dân, giữa các bộ, ngành, địa phương trong các hoạt động đối ngoại đa

phương. Khi tham gia các hội nghị quốc tế về biến đổi khí hậu hoặc y tế, phải có tiếng nói chung của cả Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Y tế...

Hai là, phát huy vai trò của đối ngoại Quốc hội và ngoại giao nhân dân. Quốc hội Việt Nam đã tích cực tham gia IPU và các diễn đàn nghị viện khu vực, đóng góp vào việc xây dựng khung pháp lý quốc tế. Các tổ chức nhân dân như Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt Nam - các nước cũng đã phát huy vai trò trong việc kết nối với các tổ chức quốc tế và các nước bạn bè, tạo nền tảng xã hội vững chắc cho quan hệ đa phương.

Ba là, thúc đẩy đối ngoại quốc phòng đa phương. Việt Nam đã tích cực tham gia các diễn đàn quốc phòng đa phương như ADMM+, cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, và thúc đẩy hợp tác quốc phòng đa phương. Điều này không chỉ góp phần củng cố an ninh quốc gia mà còn nâng cao hình ảnh Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

3.3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ đối ngoại đa phương

Nhận thức rõ nhân tố con người là yếu tố quyết định thành công của đối ngoại đa phương, Việt Nam đã chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương thông qua:

Một là, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Việt Nam đã tiến hành đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp đào tạo tại Học viện Ngoại giao và các cơ sở liên quan. Chương trình bồi dưỡng được tái cấu trúc theo hướng thực tiễn, liên ngành: giảm bớt lý thuyết hàn lâm, tăng thời lượng thực hành kỹ năng (mô phỏng tình huống đàm phán, xử lý khủng hoảng truyền thông quốc tế, tranh luận nghị quyết LHQ...).

Hai là, tăng cường đào tạo trực tiếp qua công việc diễn đàn. Việt Nam nghiên cứu, bổ sung, áp dụng các hình thức linh hoạt như cử cán bộ đi thực tập tại các tổ chức quốc tế, bổ sung biên chế tại cơ quan đại diện chỉ tham gia phục vụ các nhiệm kỳ Việt Nam đảm nhiệm cương vị thành viên tại các tổ chức quốc tế, các hội nghị

quốc tế, đàm phán quốc tế; xem xét việc luân chuyển giữa các bộ ngành để nâng cao tư duy, hiểu biết chuyên ngành.

Ba là, xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ ngoại giao thời kỹ thuật số. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đã chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực về công nghệ số, chuyển đổi số, kinh tế số, và các vấn đề an ninh mạng. Điều này giúp Việt Nam chủ động tham gia xây dựng luật chơi quốc tế trong các lĩnh vực mới nổi.

3.4. Ứng dụng công nghệ số trong công tác đối ngoại đa phương

Đổi mới phương thức đối ngoại đa phương còn thể hiện qua việc ứng dụng công nghệ số trong công tác tổ chức và vận động đa phương:

Một là, xây dựng hạ tầng số an toàn cho ngoại giao. Việt Nam đã đầu tư phát triển hệ thống thông tin liên lạc an toàn, bảo mật cho công tác đối ngoại, đảm bảo thông suốt trong quá trình vận động đa phương.

Hai là, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tri thức và dự báo chiến lược. Việc xây dựng ngân hàng dữ liệu chiến lược và hệ thống phân tích rủi ro quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo điều kiện để các quyết sách đối ngoại đa phương dựa trên bằng chứng và phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc trong dài hạn.

Ba là, tham gia tích cực vào xây dựng quy tắc về quản trị số quốc tế. Việt Nam đã chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế về quản trị số, AI, dữ liệu xuyên biên giới, đề xuất các sáng kiến về xây dựng luật chơi trong lĩnh vực công nghệ số.

4. Thành tựu và thách thức trong đổi mới phương thức đối ngoại đa phương

4.1. Thành tựu nổi bật

Quá trình đổi mới phương thức đối ngoại đa phương đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng cho Việt Nam:

Một là, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế. Việt Nam đã khẳng định vai trò của mình là thành viên "tích cực, chủ động và có trách nhiệm" trong cộng đồng quốc

tế. Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN (2020), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2020-2021), và đăng cai thành công nhiều hội nghị quốc tế quan trọng.

Hai là, tranh thủ hiệu quả nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước. Thông qua các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, Việt Nam đã mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp nhận công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ba là, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia. Đối ngoại đa phương đã trở thành tuyến phòng thủ đầu tiên bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa". Việc tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, duy trì môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực đã góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia.

Bốn là, thúc đẩy cải cách thể chế trong nước. Tham gia các cơ chế đa phương đã tạo áp lực cải cách thể chế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và vị thế quốc gia, thúc đẩy Việt Nam xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4.2. Thách thức còn tồn tại

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác đổi mới phương thức đối ngoại đa phương cũng đối mặt với nhiều thách thức:

Một là, năng lực nghiên cứu, dự báo chiến lược còn hạn chế. Công tác tham mưu có lúc chưa theo kịp các diễn biến mới; việc dự báo xu hướng phát triển của hệ thống quốc tế và các tác động đối với Việt Nam chưa thực sự hiệu quả.

Hai là, thiếu đội ngũ chuyên gia có tầm quốc tế. Số lượng cán bộ chuyên trách về đối ngoại đa phương chưa đủ mạnh, thiếu chuyên sâu, chưa đạt tầm chuyên gia quốc tế; nhiều trường hợp vẫn phải kiêm nhiệm.

Ba là, cơ chế phối hợp liên ngành chưa đáp ứng yêu cầu. Nhận thức của cán bộ ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp về công tác đối ngoại đa phương còn chênh

lệch, chưa đầy đủ; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành trong một số hoạt động đa phương còn chưa hiệu quả.

Bốn là, thách thức từ bối cảnh quốc tế biến động nhanh. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, hệ thống đa phương bị phân mảnh, các cơ chế đa phương mới theo hướng an ninh-chiến lược có xu hướng phân tuyến và phục vụ cạnh tranh chiến lược nước lớn.

5. Giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức đối ngoại đa phương

5.1. Đổi mới tư duy và xác định rõ các ưu tiên chiến lược

Để tiếp tục đổi mới phương thức đối ngoại đa phương, trước hết cần đổi mới tư duy và xác định rõ các ưu tiên chiến lược:

Một là, tiếp tục quán triệt triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, hội nhập quốc tế. Cần thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; chuyển mạnh từ "tham dự" sang "chủ động tham gia" và "dẫn dắt" trong các vấn đề quốc tế quan trọng.

Hai là, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên chiến lược trong đối ngoại đa phương như an ninh biển, biến đổi khí hậu, kinh tế số, an ninh mạng, y tế toàn cầu, nguồn nước xuyên biên giới và năng lượng tái tạo. Tập trung nguồn lực vào những không gian chính sách có tác động trực tiếp đến lợi ích lâu dài của quốc gia.

Ba là, xây dựng chiến lược chủ động và nâng cao vai trò trong các cơ chế đa phương. Việt Nam cần chủ động đề xuất các sáng kiến chính sách, xây dựng các liên minh chính sách với những quốc gia có cùng lợi ích hoặc lập trường tương đồng trong từng lĩnh vực để tạo lập ảnh hưởng và nâng cao sức mạnh đàm phán.

5.2. Hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

Một là, hoàn thiện thể chế phối hợp liên ngành về công tác đối ngoại đa phương. Cần xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương trong các

hoạt động đối ngoại đa phương; thiết lập quy trình tham vấn với doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng các sáng kiến đa phương.

Hai là, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đối ngoại đa phương. Cần phát triển đội ngũ chuyên gia chuyên sâu về luật quốc tế, thương mại số, công nghệ mới, biến đổi khí hậu và các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức liên ngành; mở rộng cơ chế đối thoại và tham vấn chính sách với học giả, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

Ba là, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ nghiên cứu - dự báo chiến lược. Cần phát triển mạng lưới các viện nghiên cứu, trung tâm phân tích chính sách và phòng thí nghiệm ý tưởng (policy labs) có khả năng tích hợp tri thức liên ngành; mở rộng hợp tác tri thức với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu hàng đầu để nâng cao năng lực dự báo.

5.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ số và nâng cao hiệu quả truyền thông

Một là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác đối ngoại. Cần đầu tư phát triển hạ tầng số an toàn cho ngoại giao; ứng dụng công nghệ AI, big data để phân tích xu hướng, đánh giá rủi ro và hỗ trợ ra quyết định trong công tác đối ngoại đa phương.

Hai là, nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại đa phương. Cần xây dựng chiến lược truyền thông quốc tế hiệu quả, tạo sự đồng thuận trong dư luận quốc tế về các vấn đề Việt Nam quan tâm; phát huy ngoại giao văn hóa và ngoại giao thông tin chiến lược để truyền tải hình ảnh Việt Nam hiện đại, năng động, giàu bản sắc.

Ba là, tích hợp yếu tố chuyển đổi số vào đàm phán đa phương. Việt Nam cần tích cực tham gia xây dựng quy tắc về AI, quản trị dữ liệu xuyên biên giới và các vấn đề liên quan đến công nghệ số trong các diễn đàn quốc tế.

Kết luận

Trong bối cảnh trật tự thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ, Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng của đối ngoại đa phương và chủ động đổi mới phương thức tổ chức, triển khai hoạt động này. Quá trình chuyển đổi từ tư duy "tham gia" sang "chủ động tham gia", "dẫn dắt" và "định hình" các thể chế đa phương phản ánh sự trưởng thành của nền ngoại giao Việt Nam.

Đổi mới phương thức đối ngoại đa phương được thể hiện qua việc tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong vận động đa phương; phối hợp đồng bộ giữa các kênh đối ngoại; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; và ứng dụng công nghệ số trong công tác tổ chức và vận động. Những đổi mới này đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam, tranh thủ hiệu quả nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước, và bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới tư duy, xác định rõ các ưu tiên chiến lược; hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; tăng cường ứng dụng công nghệ số và nâng cao hiệu quả truyền thông trong công tác đối ngoại đa phương. Với đường lối "độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa" và tinh thần "dĩ bất biến ứng vạn biến", Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để tiếp tục biến các diễn đàn đa phương thành đòn bẩy quyền lực, đưa đất nước vững bước thực hiện khát vọng phát triển đến năm 2045: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2018). Chỉ thị 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
4. Đặng Đình Quý. (2019). Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Vũ Khoan. (2016). Vài ngón nghề ngoại giao. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Nguyễn Minh Vũ. (2025). "Đổi mới tư duy về đối ngoại, nhận thức về tình hình thế giới, khu vực và vị thế của Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc". Tạp chí Cộng sản, số 1.065 (7-2025): 32-39.

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ KHUNG PHÁP LÝ THÚC ĐẨY HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC ĐA PHƯƠNG: KINH NGHIỆM SINGAPORE, HÀN QUỐC VÀ AUSTRALIA

PGS, TS. Hoàng Văn Nghĩa *

Tóm tắt: Yêu cầu cấp thiết đối với việc hoàn thiện thể chế và khung pháp lý để Việt Nam đạt mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, với tăng trưởng hai con số, xanh và bền vững. Trên cơ sở các Nghị quyết cốt lõi của Đảng (NQ 57, 59, 66), bài viết sử dụng phương pháp so sánh kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc và Australia – ba quốc gia điển hình về thành công hội nhập và đổi mới. Phân tích tập trung làm rõ vai trò của thể chế trong việc thúc đẩy tốc độ thích ứng (Singapore), thương mại chiến lược (Hàn Quốc), và minh bạch, nhất quán pháp lý (Australia) để hỗ trợ kinh tế tư nhân (NQ 68) vươn tầm quốc tế và tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (NQ 72). đề xuất các giải pháp đột phá, tập trung vào việc chuyển đổi từ thể chế phản ứng sang thể chế kiến tạo và dẫn dắt, phát triển dựa trên các bài học quốc tế, chỉ rõ các luật cần ban hành/chỉnh sửa để tạo tiền đề cho kỷ nguyên phát triển vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: Thể chế pháp lý; Hội nhập và hợp tác đa phương; Cơ chế điều phối; Tăng trưởng xanh, nhanh và bền vững.

I. MỞ ĐẦU

1.1. Bối cảnh, tính cấp thiết và cơ sở chính trị - pháp lý

1.1. Bối cảnh khu vực và thế giới:

* Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Cạnh tranh chiến lược giữa các siêu cường, nước lớn, xu hướng dịch chuyển và xoay trục chiến lược của các siêu cường, đa tầng, đa trung tâm diễn ra với quy mô và cấp độ nhanh chóng, khó lường, đặc biệt là cạnh tranh về khoa học, công nghệ cao (như chất bán dẫn, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, ...), cùng với đó là bối cảnh phức tạp của thương mại quốc tế (đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động địa chính trị). Sự trỗi dậy của các FTA thế hệ mới và yêu cầu về tính bền vững toàn cầu đòi hỏi Việt Nam phải có thể chế nhanh nhạy và linh hoạt.

Bối cảnh của Việt Nam trước kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với mục tiêu

1.2. Tính cấp thiết cần phải hoàn thiện thể chế và khung pháp lý:

Thách thức cạnh tranh thể chế: Các quốc gia đang sử dụng pháp luật để tạo lợi thế cạnh tranh (như Hàn Quốc đẩy mạnh FTA) và Việt Nam cần chuyển từ thể chế phản ứng sang thể chế kiến tạo và dẫn dắt.

Yêu cầu về Tiêu chuẩn Xanh, chuyển đổi xanh (GX), chuyển đổi số (DX) và phát triển Bền vững (SD): Các cơ chế mới như Thuế Carbon Biên giới (CBAM) của EU và các quy định về ESG đòi hỏi Việt Nam phải có thể chế kịp thời để chuyển đổi mô hình sản xuất và chuỗi cung ứng, nếu không sẽ mất lợi thế cạnh tranh quốc tế.

Tốc độ Công nghệ (Kinh tế số và AI): Sự phát triển quá nhanh của Kinh tế số và AI yêu cầu khung pháp lý cho phép thí điểm, đổi mới và quản lý rủi ro (học tập mô hình Regulatory Sandbox của Singapore) để không bị bỏ lại phía sau trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045: Chỉ có thể chế đột phá, loại bỏ sự mâu thuẫn, chồng chéo, mới có thể tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, nhất quán (như Australia) để đạt được tốc độ tăng trưởng hai con số, xanh, nhanh và bền vững.

Cơ sở chính trị - pháp lý:

Các quyết sách chiến lược của Đảng ta, bao gồm: NQ số 66-NQ/TW (2025) về Đột phá thể chế: Nhấn mạnh yêu cầu phải có cơ chế đặc thù và hoàn thiện đồng bộ khung pháp lý; NQ số 59-NQ/TW (2022) về tăng cường hội nhập quốc tế: Đòi hỏi nâng cao hiệu quả công tác hội nhập, ngăn ngừa sự mâu thuẫn, chông chéo giữa các quy định pháp luật trong nước và cam kết quốc tế; NQ số 68-NQ/TW (2020) về vai trò động lực của kinh tế tư nhân: Thể chế phải tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam vươn tầm quốc tế; kiến tạo phát triển; NQ số 72-NQ/TW (2023) về đột phá phát triển Nguồn nhân lực: Gắn kết thể chế pháp lý với việc tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ hội nhập.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA YÊU CẦU HOÀN THIỆN THỂ CHẾ HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP ĐA PHƯƠNG

2.1. Khái quát về thể chế, khung pháp lý và hợp tác đa phương

- Lý luận về Thể chế Tăng trưởng (Growth Institutions) và vai trò của pháp luật trong việc đảm bảo tính tốc độ và hiệu quả trong môi trường hội nhập.
- Vai trò của thể chế trong việc giảm thiểu chi phí tuân thủ và tăng cường tính minh bạch, dự đoán cho doanh nghiệp khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

2.2. Khái Niệm, nội hàm và đặc trưng của thể chế hợp tác và hội nhập đa phương

2.2.1. Khái niệm

"Hoàn thiện thể chế hợp tác và hội nhập đa phương" được hiểu là quá trình xây dựng, điều chỉnh, và nâng cao chất lượng toàn diện của hệ thống các quy tắc, luật lệ, cơ chế, và công cụ quản lý nhà nước (bao gồm cả pháp luật và tổ chức thực thi) nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro từ các cam kết và hoạt động hợp tác quốc tế (song phương và đặc biệt là đa phương).

2.2.2. Nội hàm

Nội hàm của yêu cầu này bao gồm ba lĩnh vực chính:

Lĩnh vực	Nội dung cốt lõi	Mục tiêu chi tiết
A. Hoàn thiện Thể chế Pháp luật	Quá trình nội luật hóa, rà soát và sửa đổi các văn bản luật trong nước.	Đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán, và tương thích giữa pháp luật quốc gia với các điều ước, cam kết quốc tế (như WTO, CPTPP, EVFTA).
B. Hoàn thiện Thể chế Quản lý/Hành chính	Cải cách bộ máy hành chính công, quy trình nghiệp vụ, và phân cấp quản lý.	Nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
C. Hoàn thiện Thể chế Tổ chức & Nhân lực	Xây dựng năng lực (capacity building) cho đội ngũ cán bộ, đàm phán viên, và chuyên gia.	Đảm bảo có đủ nhân lực chất lượng cao để tham gia định hình luật chơi quốc tế, chứ không chỉ là thực thi, và giám sát tuân thủ.

2.3. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của yêu cầu này xuất phát từ các học thuyết kinh tế học thể chế và quan hệ quốc tế, đặc biệt là Tân Thể chế học (Neo-Institutionalism).

2.3.1. Lý luận về chi phí giao dịch (Transaction Cost Economics - TCE)

- **Lập luận:** Thể chế (luật lệ, quy tắc) là công cụ để giảm thiểu chi phí giao dịch cho các tác nhân kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập đa phương sâu rộng, sự thiếu đồng bộ của thể chế trong nước (chồng chéo, mâu thuẫn giữa luật này với luật kia) sẽ làm tăng đáng kể chi phí tuân thủ, chi phí thông tin và chi phí thực thi hợp đồng, triệt tiêu lợi ích từ việc mở cửa thị trường.

- **Trích dẫn (Giả định):** Douglass North (Người đoạt giải Nobel Kinh tế) đã khẳng định: "Thế chế là các ràng buộc do con người đặt ra để định hình sự tương tác của con người. Chất lượng của chúng quyết định hiệu suất kinh tế lâu dài của một quốc gia." Thế chế kém sẽ tạo ra "cơ hội trục lợi" thay vì "cơ hội phát triển."
- **Đặc trưng:** Hoàn thiện thể chế nhằm tạo ra sự chắc chắn (certainty) và giảm chi phí tuân thủ (compliance cost).

2.3.2. Lý luận về tác động lan tỏa và tính quyết định (Spillover & Determinant Effect)

- **Lập luận:** Hội nhập đa phương không chỉ là về thương mại, mà còn là sự lan tỏa của các tiêu chuẩn cao (ESG, lao động, môi trường, số hóa) vào hệ thống trong nước. Thể chế không chỉ là cái vỏ bọc mà là yếu tố quyết định khả năng hấp thụ và chuyển hóa các tiêu chuẩn quốc tế thành năng lực cạnh tranh quốc gia.
- **Trích dẫn (Giả định):** Michael Porter (Giáo sư Harvard) trong lý thuyết Lợi thế Cạnh tranh Quốc gia (Diamond Model) nhấn mạnh rằng, thể chế và luật pháp là yếu tố hỗ trợ quan trọng để nâng cao năng lực của các ngành công nghiệp trong nước. Nếu thể chế không được hoàn thiện, các cam kết FTA thế hệ mới sẽ chỉ tạo ra sức ép cạnh tranh chứ không tạo ra lợi thế.
- **Đặc trưng:** Hoàn thiện để tối ưu hóa việc hấp thụ các tiêu chuẩn cao và tạo ra lợi thế cạnh tranh có tính hệ thống.

2.4. Cơ sở thực tiễn

Yêu cầu hoàn thiện thể chế xuất phát từ hai nhóm áp lực, yêu cầu thực tiễn không thể trì hoãn.

2.4.1. Yêu cầu từ bối cảnh quốc tế (Bên Ngoài)

Áp lực	Nội dung	Yêu cầu đối với Thể chế
Chủ nghĩa Bảo hộ Mới & Chiến tranh Thương mại	Xung đột địa chính trị (Mỹ-Trung, Nga-Ukraine) khiến các chuỗi cung ứng bị phân mảnh, dịch chuyển.	Cần thể chế linh hoạt, tăng cường khả năng chống chịu (resilience) và tận dụng cơ hội chuyển dịch đầu tư (dòng FDI chất lượng cao).
Green Transition & Thuế Carbon	Các thị trường lớn (EU, G7) áp dụng các cơ chế như CBAM (Thuế Carbon Biên giới).	Thể chế phải tích hợp các tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị), thúc đẩy tài chính xanh, và nhanh chóng nội luật hóa để tránh bị đánh thuế và mất thị trường.
Kinh tế Số và AI	Yêu cầu về bảo mật dữ liệu xuyên biên giới, sở hữu trí tuệ kỹ thuật số, và quản lý rủi ro AI.	Cần thiết lập các "Hộp cát pháp lý" (Regulatory Sandboxes) để thử nghiệm và điều chỉnh quy định nhanh chóng, tránh kìm hãm đổi mới sáng tạo (Kinh nghiệm Singapore).

2. Yêu cầu từ thực tiễn quốc gia (Bên trong)

- **Vướng mắc trong Nội luật hóa:** Thực tiễn cho thấy sự chậm trễ và mâu thuẫn giữa các Luật chuyên ngành (ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng) và các cam kết đa phương. Báo cáo của VCCI thường xuyên chỉ ra rằng, tính "dự đoán được" (predictability) của chính sách còn thấp.
- **Thực trạng năng lực thực thi yếu:** Nhiều cán bộ, doanh nghiệp chưa nắm rõ hoặc không có đủ công cụ để tận dụng triệt để các ưu đãi từ FTA thế hệ mới (như quy tắc xuất xứ, dịch vụ). Thể chế cần được đơn giản hóa, số hóa (e-Government) để nâng cao hiệu suất thực thi (Kinh nghiệm Hàn Quốc với Luật Triển khai FTA).
- **Khát vọng 2045:** Để đạt mục tiêu quốc gia thu nhập cao, Việt Nam cần đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Điều này đòi hỏi phải có một "đòn bẩy

thể chế" đủ mạnh, loại bỏ các nút thắt hiện tại để giải phóng tối đa nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tư nhân và đổi mới sáng tạo.

2.5. Đặc trưng của thể chế hoàn thiện

Thể chế sau khi hoàn thiện cần đạt được các đặc trưng sau:

1. **Tính Kiến Tạo (Creative):** Thể chế không chỉ quản lý những gì đã có, mà còn phải tạo ra không gian và thúc đẩy những lĩnh vực mới (như Kinh tế số, Kinh tế tuần hoàn) (Ví dụ: Cơ chế thử nghiệm của Singapore).
2. **Tính Thích Ứng (Adaptive):** Khả năng điều chỉnh nhanh chóng trước những thay đổi của công nghệ và môi trường quốc tế. Việc sửa đổi luật cần nhanh hơn chu kỳ công nghệ (Ví dụ: Pháp lệnh về Thuế quan của Nhật Bản có thể thay đổi gần như ngay lập tức).
3. **Tính nhất quán (Consistent) và Minh bạch (Transparent):** Đảm bảo sự đồng bộ từ cấp Luật, Nghị định đến Thông tư; loại bỏ chồng chéo; công khai hóa quy trình ra quyết định. (Ví dụ: Mô hình Ủy ban rà soát lưỡng viện của Australia - JSCOT, đảm bảo tính nhất quán trước khi ký kết).
4. **Tính hiệu lực (Effective):** Khả năng được thực thi trên thực tế, giảm thiểu "khoảng cách" giữa luật viết trên giấy và thực tiễn áp dụng.

III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

3.1. Singapore: Mô hình thể chế "thích ứng, linh hoạt và chủ động"

- **Kinh nghiệm 1:** Tính Thích ứng Pháp lý chủ động và Tốc độ: Phân tích cách hệ thống pháp luật Singapore tác động chủ động tới kinh tế, thông qua việc điều chỉnh nhanh chóng các luật thương mại, dữ liệu và công nghệ để đón đầu xu hướng toàn cầu.
- **Kinh nghiệm 2:** Quản lý Rủi ro và Thử nghiệm Quy định (Regulatory Experimentation): Cơ chế "Regulatory Sandboxes" (Hộp cát pháp lý) của

Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) cho phép các công ty công nghệ thử nghiệm dịch vụ mới trong môi trường được kiểm soát.

- **Kinh nghiệm 3: Pháp lý về Giải quyết Tranh chấp Quốc tế:** Vai trò của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) và Tòa án Thương mại Quốc tế Singapore (SICC).

3.2. Hàn Quốc: Mô hình thể chế "thương mại chiến lược và thích nghi toàn cầu"

- **Kinh nghiệm 1:** Xây dựng Thể chế Hỗ trợ Mạng lưới FTA: Phân tích cách Hàn Quốc đẩy nhanh việc xây dựng và nội luật hóa các quy định pháp lý liên quan đến các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) chiến lược. Các luật và quy định được ban hành chủ động nhằm hỗ trợ các tập đoàn lớn (*Chaebol*) và các doanh nghiệp vừa và nhỏ (*SMEs*).
- **Kinh nghiệm 2:** Đảm bảo Tính Linh hoạt Pháp lý trước các Thay đổi Toàn cầu: Luật pháp phải đủ linh hoạt để cho phép Chính phủ và các cơ quan quản lý phản ứng nhanh chóng trước các **thay đổi chiến lược toàn cầu**.
- **Kinh nghiệm 3:** Vai trò của Chính phủ trong Thúc đẩy KH&CN (NQ 57) và Nhân lực (NQ 72): Pháp luật hỗ trợ mạnh mẽ cho Chính phủ trong vai trò **kiến tạo** và định hướng phát triển công nghệ cao.

3.3. Australia: Mô hình thể chế "hợp tác toàn diện và minh bạch"

3.3.1. Mô hình 1: Quy trình Nội luật hóa Hiệp ước Nghiêm ngặt (Treaty Making Process): Australia nổi bật với quy trình rà soát hiệp ước quốc tế nghiêm ngặt và minh bạch thông qua Ủy ban Hiệp ước Hỗn hợp (JSCOT) của Quốc hội. Mỗi hiệp ước phải trải qua quá trình đánh giá lợi ích quốc gia, tham vấn cộng đồng rộng rãi, và báo cáo chi tiết lên Quốc hội. Các quy định và khung pháp lý cụ thể đã không ngừng được hoàn thiện và ban hành, bao gồm: Các nguyên tắc về Thỏa thuận Ngoại giao và Hiệp ước đảm bảo tính dân chủ và cân trọng trong cam kết quốc tế.

3.3.1. Mô hình 2: Đảm bảo Tính Nhất quán Pháp lý với Quy tắc Đa phương (WTO/APEC): Thể chế Australia tập trung vào việc đảm bảo các quy định nội địa hoàn toàn nhất quán với các quy tắc đa phương như của WTO và APEC.

3.3.2. Mô hình 3: Dẫn đầu trong Thúc đẩy Hợp tác Kinh tế Số Đa phương: Australia tiên phong trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế số tại các khuôn khổ đa phương, tạo ra các tiêu chuẩn cao về luồng dữ liệu xuyên biên giới.

IV. HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ KIẾN NGHỊ ĐỘT PHÁ CHO VIỆT NAM

Nhằm cụ thể hóa các quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các Nghị quyết của Đảng (66, 59, 68, 72) thành hành động pháp lý, thực tiễn, hướng đến tăng trưởng xanh, nhanh (2 chữ số) và bền vững (2030-2045), trên cơ sở tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, có thể đề xuất những mô hình sau đây cho việc hoàn thiện thể chế, khung pháp lý tăng cường hội nhập và hợp tác đa phương:

4.1. Mô hình 1: Thể chế pháp lý cho hội nhập và hợp tác đa phương (NQ 66, NQ 59)

Vấn đề cần hoàn thiện	Quy định pháp luật/Luật cần Chính sửa, Cập nhật, Bổ sung hoặc Ban hành mới	Mục đích chiến lược (Tham chiếu)
Tính Thích ứng và Tốc độ Pháp lý	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Sửa đổi): Bổ sung cơ chế rút gọn (fast-track) cho nội luật hóa và điều chỉnh pháp lý theo biến động quốc tế.	Đảm bảo tính kịp thời, dự đoán (Kinh nghiệm Singapore).
Tính Minh bạch và Nhất quán Pháp lý	Luật Ban hành VBQPPL (Sửa đổi): Thiết lập cơ chế tham vấn bắt buộc và Ủy ban rà soát cấp cao để đánh giá tác động của hiệp ước đối với lợi ích quốc gia và tính nhất quán luật trong nước trước khi phê chuẩn.	Tăng cường tính minh bạch, sự đồng thuận (Kinh nghiệm Australia).
Thúc đẩy Doanh	Luật Đầu tư & Luật Hỗ trợ DNNVV (Sửa đổi/Bổ sung): Bổ sung quy định hỗ trợ pháp lý	Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế

ngành Tư nhân Quốc tế	và tài chính rõ ràng cho doanh nghiệp tư nhân (NQ 68) vươn tầm quốc tế theo định hướng chiến lược.	(Kinh nghiệm Hàn Quốc).

4.2. Góc độ 2: Thể chế về chế độ, chính sách đãi ngộ và nguồn nhân lực (NQ 72)

Vấn đề cần hoàn thiện	Quy định pháp luật/Luật cần Chính sửa, Cập nhật, Bổ sung hoặc Ban hành mới	Mục đích chiến lược (Tham chiếu)
Chính sách đãi ngộ chuyên gia	Luật Cán bộ, Công chức (Sửa đổi): Xây dựng cơ chế đãi ngộ vượt trội, mang tính đặc thù về tiền lương, nhà ở, chính sách thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp lý, công nghệ và đàm phán quốc tế.	Đảm bảo chất lượng công tác hội nhập (Liên kết NQ 72 và Kinh nghiệm Quốc tế).
Pháp lý về Đào tạo nguồn nhân lực	Luật Giáo dục Đại học (Sửa đổi): Nới lỏng quy định về liên kết và hợp tác quốc tế, cho phép các trường đại học triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về hội nhập và KHCN linh hoạt hơn.	Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho mục tiêu 2045 (Liên kết NQ 72 và Kinh nghiệm Hàn Quốc).

4.3. Góc độ 3: Thể chế về cơ chế điều phối, hợp tác đa phương (NQ 66, NQ 59)

Vấn đề cần hoàn thiện	Quy định pháp luật/Luật cần Chính sửa, Cập nhật, Bổ sung hoặc Ban hành mới	Mục đích chiến lược (Tham chiếu)
Cơ chế điều phối liên ngành	Ban hành Nghị định về Cơ chế Đặc thù Điều phối Công tác Hội nhập Quốc tế (MỚI): Thiết lập một cơ chế điều phối quốc gia cấp cao, thống nhất,	Nâng cao hiệu quả tổng thể của công tác hội nhập (Kinh

thống nhất	nhằm ngăn ngừa sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa các Bộ/ngành trong việc thực thi cam kết.	nghiệm Singapore & Hàn Quốc).
Thí điểm Đổi mới Pháp lý	Quyết định của Thủ tướng/Luật Thí điểm: Thí điểm áp dụng "Hộp cát pháp lý" (Regulatory Sandboxes) cho các dự án Công nghệ, Tài chính xanh (Fintech/GreenTech).	Thu hút đầu tư nhanh, linh hoạt trong lĩnh vực mới (Kinh nghiệm Singapore).
Thể chế Kinh tế số và Dữ liệu	Ban hành Luật Kinh tế số/Luật Dữ liệu (MỚI): Thiết lập khuôn khổ pháp lý về dữ liệu xuyên biên giới, sở hữu dữ liệu, và quản lý công nghệ AI.	Định hình quy tắc kinh tế số và bảo vệ lợi ích quốc gia (Kinh nghiệm Australia).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thể chế pháp lý là đòn bẩy chiến lược giúp Việt Nam chuyển mình. Bài học quốc tế cho thấy cần phải có sự kết hợp hài hòa giữa tính thích ứng, tốc độ (Singapore); chiến lược chủ động (Hàn Quốc); và tính minh bạch, nhất quán (Australia). Nếu không có sự thay đổi căn bản trong thể chế, Việt Nam khó có thể nắm bắt cơ hội tăng trưởng xanh và vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Kiến nghị chính sách tổng thể

- **Kiến nghị 1** (Chỉ đạo thống nhất, tổng thể và toàn diện): Thiết lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về Đột phá Thể chế (thường trực cấp cao, trực thuộc Chính phủ), có nhiệm vụ giám sát việc thực thi NQ 66, tập trung vào việc xóa bỏ rào cản hành chính và chồng chéo pháp lý trong ngắn hạn, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính nhất quán của hệ thống luật, đặc biệt liên quan đến thể chế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, gắn với chủ nghĩa đa phương, kết nối giữa các nền kinh tế, các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới (CPTPP, EVFTA,...); thể chế pháp luật về hội nhập khoa học và công nghệ tiên tiến,

phù hợp với tinh thần Nghị quyết 57; thể chế hội nhập về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao,...

- **Kiến nghị 2** (tăng cường tính nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống thể chế, quy trình phê chuẩn: Tăng cường và nâng cao vai trò của Quốc hội trong việc giám sát tối cao, thẩm tra các dự án luật, rà soát, đánh giá tác động của các hiệp ước quốc tế lớn (tương tự như mô hình JSCOT của Australia) trước khi phê chuẩn, nhằm tăng cường sự đồng thuận và tính khả thi của việc triển khai, tổ chức thực hiện các luật về hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế, hợp tác đa phương,...
- **Kiến nghị 3 (Thể chế Dẫn dắt):** Khuyến nghị xây dựng Chương trình Đột phá Pháp lý Quốc gia, thí điểm áp dụng cơ chế "Thử nghiệm Quy định/Regulatory Sandbox" (tham chiếu mô hình Singapore) trong 5 lĩnh vực ưu tiên và then chốt: Công nghệ tài chính, Năng lượng tái tạo, Kinh tế tuần hoàn, Dữ liệu và Công nghệ Y tế, Công nghệ giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. *Các Nghị quyết số 57, 59, 66, 68, 72-NQ/TW*.
2. World Bank. *Worldwide Governance Indicators (WGI) [2023-2024 Data]*.
3. [Tập chí NUS Law Journal]. *Legal Adaptability and Economic Governance in Singapore*.
4. [Tập chí Công Thương]. *Chính sách thương mại quốc tế của Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam phát triển thương mại quốc tế*.
5. DFAT (Australia). *Principles and Procedures for the Commonwealth's Involvement in Treaties*.

6. [Công trình nghiên cứu về Australia]. *The role of JSCOT in Australia's treaty-making process.*
7. [Sách chuyên khảo/Đề tài khoa học]. *Khung pháp lý về Kinh tế số và Bảo vệ Dữ liệu ở Việt Nam.*

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CHUYÊN NGHIỆP, BẢN LĨNH, CÓ TẦM NHÌN TOÀN CẦU

Nguyễn Vũ Minh*

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương trong bối cảnh tình hình thế giới biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược gia tăng và các thách thức an ninh phi truyền thống nổi lên mạnh mẽ. Bài viết nhận định rằng, đối ngoại đa phương đã trở thành một định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, thể hiện qua sự nâng tầm tư duy từ “tham gia” sang “chủ động đóng góp, định hình luật chơi”. Căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo của Chỉ thị 25, Nghị quyết 59 và Kết luận 125, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị, hiểu biết chuyên sâu và kỹ năng đàm phán đa phương. Từ các kinh nghiệm thực tiễn phong phú của Việt Nam tại Liên hợp quốc, ASEAN và nhiều cơ chế đa phương khác, từ đó đề xuất các yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nhân lực đối ngoại đáp ứng giai đoạn mới.

Từ khoá: Đối ngoại đa phương, Năng lực cán bộ, Hội nhập quốc tế

MỞ ĐẦU

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục chuyển biến nhanh, phức tạp, ảnh hưởng đến xu thế hòa bình hợp tác và phát triển nói chung và hợp tác đa phương nói riêng. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn. Gặp nhiều thách thức, tuy nhiên các thể chế đa phương tiếp tục đóng vai trò không thể thay thế trong quản trị toàn cầu và có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của các nước

* Phó Vụ trưởng Vụ Các tổ chức quốc tế, Bộ Ngoại giao

do nhu cầu hợp tác để giải quyết các vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia nào có thể tự giải quyết một mình như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, môi trường... Dù đối mặt với không ít hoài nghi, chủ nghĩa đa phương đã khẳng định vai trò là mặt trận quan trọng giúp các quốc gia giải quyết những thách thức toàn cầu, góp phần kiểm soát xung đột, thúc đẩy đồng thuận, định hình luật chơi quốc tế và thúc đẩy hợp tác. Với mỗi nước đối ngoại đa phương còn là công cụ quan trọng để các nước thúc đẩy bảo vệ lợi ích quốc gia của mình, vận động sự ủng hộ, quan tâm của quốc tế, đồng thời mở rộng quan hệ và tranh thủ nguồn lực phát triển, nâng cao uy tín, vị thế quốc gia và ảnh hưởng của mình.

Với Việt Nam, trong suốt 8 thập kỷ qua, đối ngoại đa phương đã luôn đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc và đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng phá thế bao vây, cấm vận, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, duy trì môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao vị thế đất nước, thu hút nguồn lực phục vụ phát triển. Công tác đối ngoại đa phương ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả thực chất, trở thành một định hướng chiến lược quan trọng, lâu dài, toàn diện và là phương thức hiệu quả triển khai đường lối đối ngoại của Việt Nam, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển, nâng cao vị thế uy tín của đất nước. Đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương không chỉ đại diện cho tiếng nói và lợi ích của đất nước trong các diễn đàn quốc tế, mà còn góp phần quan trọng trong việc định hình luật chơi, quy định quốc tế, tạo dựng niềm tin và củng cố vị thế chiến lược của Việt Nam. Trong bối cảnh thách thức của tình hình quốc tế, công tác đối ngoại đa phương trong thời gian tới đặt ra yêu cầu, đòi hỏi xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại nói chung và công tác đối ngoại đa phương nói riêng chuyên nghiệp, bản lĩnh, có tầm nhìn toàn cầu không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên mà còn là yêu cầu chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại đa phương của Đảng.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng

Đối ngoại đa phương được Đảng và Nhà nước xác định là một thành tố then chốt trong tổng thể chính sách đối ngoại, đóng vai trò thiết yếu trong tiến trình bảo vệ chủ quyền, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Nền tảng của đường lối này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng ngay từ những ngày đầu thành lập nước và tiếp tục được phát triển, bổ sung, nâng tầm qua các kỳ Đại hội Đảng. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, đối ngoại đa phương đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tư duy và thực tiễn triển khai đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”. Tại Đại hội XII của Đảng (năm 2016) và Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), đối ngoại đa phương của Việt Nam đã được xác định là một định hướng chiến lược của đất nước.

Nội hàm đối ngoại đa phương đã được Đảng và Nhà nước bổ sung, nâng tầm, làm sâu sắc, thể hiện bước chuyển mạnh mẽ từ tư duy “tham gia” (Đại hội của Đảng X năm 2006, Đại hội XI của Đảng năm 2011) sang “chủ động, tích cực tham gia, phát huy vai trò, đóng góp xây dựng định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế” (Đại hội XII của Đảng năm 2016 và Đại hội XIII của Đảng năm 2021). Đại hội XIII của Đảng xác định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”, phát triển nền ngoại giao Việt Nam theo hướng “toàn diện, hiện đại”, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình. Đặc biệt, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ “xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại chuyên nghiệp, trong sạch, bản lĩnh, có trình độ chuyên môn cao và năng lực hội nhập quốc tế”.

Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư, “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030” đã bổ sung định hướng “nỗ lực vươn lên

đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược”.

Năm 2025, trong bối cảnh toàn đất nước đang vươn mình bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc, Đảng tiếp tục lãnh đạo, dẫn dắt những cải cách, đổi mới tập trung vào đột phá các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có hội nhập quốc tế với Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới". Nghị quyết 59 là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, xác định hội nhập là động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới. Nghị quyết thể hiện tầm nhìn sâu sắc: hội nhập quốc tế không chỉ là mở cửa, giao lưu, mà là một sự nghiệp tổng hợp, đòi hỏi sự chủ động, tích cực và rất có bản lĩnh. Nghị quyết số 59-NQ/TW đề ra yêu cầu: Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng và số lượng phù hợp đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ở cả trung ương và địa phương, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, kỹ năng cao và năng lực làm việc trong môi trường quốc tế ; tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tinh thông về luật pháp, có khả năng tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp quốc tế. Tích cực bồi dưỡng, giới thiệu, tiên cử cán bộ Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế.

Ngày 14/2/2025, Ban Bí thư ra Kết luận số 125-KL/TW về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 trong đó xác định: đẩy mạnh công tác đối ngoại là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên ; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động về tầm quan trọng của đối ngoại đa phương; đổi mới tư duy từ “tham dự” sang “chủ động tham gia và tích cực thúc đẩy các quan tâm, lợi ích của ta” trong triển khai công tác đối ngoại đa phương ; chủ động tham gia các thể chế đa phương, các vấn đề đa phương có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thiết thực. Về đội ngũ cán bộ đối ngoại đa phương, Kết luận 125 đưa giải pháp về việc đầu tư nguồn lực tài chính và con người cho công tác đối ngoại đa phương tương xứng với tiềm lực và vị thế của Việt Nam; xây dựng và triển khai chiến lược đào tạo

bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên gia làm công tác đối ngoại đa phương vững mạnh chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn sâu bản lĩnh chính trị vững vàng có năng lực kỹ năng nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

Tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập ngành Ngoại giao (28/8/1945-28/8/2025) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đã đưa ra một số ý kiến chỉ đạo liên quan đến yêu cầu của công tác đối ngoại trong thời gian tới là: xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, mang đậm bản sắc Việt Nam ; toàn diện trên cả ba trụ cột: Đối ngoại đảng - ngoại giao nhà nước - đối ngoại nhân dân ; nâng tầm đóng góp của Việt Nam cho nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh của nhân loại, cho hòa bình, hợp tác, phát triển trong khu vực và trên thế giới; chủ động, tích cực, đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn đa phương có ý nghĩa chiến lược ; xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại giao "vừa hồng, vừa chuyên", đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới.

2 . Cơ sở thực tiễn:

Đối ngoại đa phương đã góp phần giúp Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ, có vai trò và vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế và trong con mắt bè bạn quốc tế. Từ một quốc gia bị bao vây, cô lập, Việt Nam đến nay đã trở thành thành viên của hầu hết cơ chế hợp tác, liên kết đa phương từ cấp độ toàn cầu (như Liên Hợp Quốc, WTO), liên khu vực (như ASEM, APEC) đến khu vực (như ASEAN), và đã thiết lập các hiệp định thương mại tự do (FTA) với hầu hết trung tâm kinh tế - thương mại hàng đầu thế giới.

Việt Nam đã đảm nhận thành công nhiều trọng trách quốc tế quan trọng, nổi bật như Chủ tịch ASEAN (các năm 2010, 2020), Chủ nhà Hội nghị cấp cao APEC, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an (các nhiệm kỳ 2008 – 2009 và 2020 – 2021) , thành viên Hội đồng Nhân quyền (các nhiệm kỳ 2014 – 2016 và 2023 – 2025), thành viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội (các nhiệm kỳ 1998 – 2000 và 2016 – 2018) , Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc, thành viên Ủy ban Luật pháp

quốc tế Liên Hợp Quốc (các nhiệm kỳ 2017 – 2021, 2023 - 2027), thành viên Hội đồng Thống đốc IAEA, thành viên của nhiều cơ chế điều hành của UNESCO.... Việt Nam cũng là một trong các quốc gia tích cực, đi tiên phong trong giải quyết các thách thức chung của thế giới như chống biến đổi khí hậu, tham gia thực hiện sứ mệnh gìn giữ hòa bình, hỗ trợ nhân đạo cho các quốc gia chịu thiên tai, xung đột. Các hoạt động đối ngoại Đảng tiếp tục được mở rộng với việc Đảng ta có quan hệ với 259 chính đảng ở 119 quốc gia, đồng thời đi vào chiều sâu thực chất hơn, củng cố vững chắc nền tảng chính trị trong quan hệ với các đối tác chủ chốt. Đối ngoại đa phương Việt Nam còn tạo nhiều dấu ấn góp phần nâng tầm và khẳng định vai trò, vị thế ngày càng cao của Việt Nam khi tham gia và đóng góp ngày càng thực chất vào các công việc chung và giải quyết các vấn đề của toàn cầu. Việt Nam đã tích cực thúc đẩy các ưu tiên, sáng kiến trên cơ sở phù hợp với quan tâm chung của cộng đồng quốc tế và mang dấu ấn riêng. Trong đó, có thể kể đến việc đưa ra các sáng kiến về ứng phó biến đổi khí hậu và quyền con người, Ngày Quốc tế về phòng, chống dịch bệnh 27/12, Ngày Quốc tế vui chơi 11/6 Nhóm bạn bè Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS)... tại Liên Hợp Quốc; đăng cai Diễn đàn Tương lai ASEAN, đảm nhiệm thành công vị trí Chủ tịch Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước UNCLOS 1982 lần thứ 35; đăng cai lễ mở ký Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng.

Những thành tựu đạt được có phần đóng góp không nhỏ của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương từ tất cả các bộ, ban, ngành. Đa số cán bộ được đào tạo bài bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn sâu, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm hội nhập quốc tế, đã tham gia hiệu quả vào các hoạt động đối ngoại đa phương, trưởng thành qua các nhiệm kỳ Việt Nam làm Ủy viên HĐBA LHQ, Chủ tịch ASEAN, thành viên các cơ chế đa phương như WTO, APEC..., được trực tiếp tham gia vào nhiều quá trình đàm phán quốc tế, các hội nghị quốc tế, thúc đẩy các sáng kiến, vận động quốc tế tại các diễn đàn đa phương quan trọng. Nhiều cán bộ trẻ

được đào tạo bài bản ở nước ngoài đã trở thành lực lượng nòng cốt trong các cơ quan đại diện, đoàn đàm phán, tổ công tác chuyên môn. Sự trưởng thành và chất lượng trình độ của các cán bộ đối ngoại đa phương Việt Nam ngày càng được quốc tế coi trọng, đánh giá cao phản ánh qua việc Việt Nam ngày càng có nhiều đại diện được bầu, tuyển dụng vào các vị trí tại các tổ chức quốc tế. Qua thống kê sơ bộ, đến tháng 4/2025 có khoảng 70 công dân Việt Nam từng là cán bộ, công chức viên chức (hoặc vẫn đang là công chức, viên chức nhưng được biệt phái, cử tuyển) đang làm việc toàn thời gian tại các tổ chức quốc tế; Đại đa số các nhân sự này trưởng thành từ cán bộ đối ngoại đa phương hoặc cán bộ chuyên ngành có kinh nghiệm hoạt động đối ngoại đa phương. Từ năm 2016 đến nay, số lượng cán bộ Việt Nam tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế ở cấp độ quản lý, lãnh đạo trung và cao cấp gia tăng, trong đó có các vị trí như Vụ trưởng Ban thư ký Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Phó Tổng thư ký ASEAN....

3. Yêu cầu mới trong tình hình mới

Tình hình quốc tế ngày càng phức tạp, nhất là trong môi trường “đa phương” luôn có thông tin “nhiều chiều”, hình thức hoạt động đối ngoại đa phương chủ đạo là thảo luận, đàm phán đa phương, thậm chí là phản biện; đòi hỏi cán bộ đối ngoại đối ngoại đa phương nói riêng phải đồng thời có cả bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng. Đồng thời, yêu cầu hiểu biết chuyên môn, chuyên ngành và kỹ năng đàm phán đa phương cũng ngày càng cao. Có thể nói là “vừa hồng, vừa chuyên”. Trong khi đó, các cán bộ chuyên sâu, các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực chuyên ngành, kể cả khi đã trực tiếp tham gia hợp tác quốc tế, vẫn chưa có điều kiện trực tiếp tham gia thường xuyên, liên tục trong là các tiến trình chính trị, pháp lý quốc tế tại các diễn đàn đa phương liên quan đến vấn đề chuyên môn đó – và có thể có tâm lý e ngại các vấn đề chính trị phức tạp, nhạy cảm tại các diễn đàn đó. Ngược lại, với các cán bộ đối ngoại đa phương, đã được trau dồi, tôi luyện thường xuyên về chính trị, pháp lý tại các diễn

đàn lại cần bổ sung, cập nhật một cách có hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ thuật về các vấn đề đó.

Trong tình hình đó, "Hong" với cán bộ tham gia đối ngoại đa phương cần được hiểu cụ thể là yêu cầu thấm nhuần sâu sắc đường lối đối ngoại của Đảng, kiên định mục tiêu vì lợi ích quốc gia – dân tộc trong hoạt động đa phương. Đồng thời, trong môi trường đa phương luôn phải tính tới lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Thực chất đây cũng là khả năng của cán bộ đa phương vận dụng phương châm *"Dĩ bất biến, ứng vạn biến"* trong môi trường đa phương để thuyết phục, tạo sự ủng hộ rộng rãi nhất có thể trong các đối tác quốc tế - kể cả với các đối tác còn tồn tại khác biệt; đạt được lợi ích cho đất nước mình nhưng không để đa số các nước đánh giá sai rằng ta theo đuổi lợi ích vị kỷ, bất chấp lợi ích chung và hạn chế khả năng hợp tác trong tương lai. Đồng thời, trong bối cảnh vấn đề quyền con người – bao gồm cả các khía cạnh “nhân quyền” có tính nhạy cảm - ngày càng được lồng ghép vào hoạt động của hầu hết các diễn đàn đa phương, kể cả về hoà bình, an ninh quốc tế, hợp tác phát triển, thương mại..., “Hong” là yêu cầu nhạy bén, nhận diện và phản bác được các luận điệu sai trái, ý đồ lợi dụng “nhân quyền” để can thiệp công việc nội bộ các nước, trong đó có Việt Nam, ngay tại các diễn đàn quốc tế.

Trong môi trường đa phương và đặc biệt với tình hình mới hiện nay, chỉ có “Chuyên” mới bảo đảm được “Hong”; và “Chuyên” cần phải được hiểu vượt lên trên khả năng ngoại ngữ và kỹ năng ngoại giao cơ bản. “Chuyên” đòi hỏi phải có sự đổi mới, nâng cấp tư duy về luật chơi đa phương, từ việc hiểu luật chơi, nắm thủ tục và đề xuất sáng kiến sang định hình luật chơi, “nuôi” và thể chế hoá sáng kiến của mình trong các văn kiện chính trị và pháp lý tại các thể chế đa phương. Cán bộ đối ngoại đa phương và cán bộ chuyên ngành nhất là của các lĩnh vực kỹ thuật-công nghệ mới mới phải được tạo điều kiện để cùng tham gia, cùng phối hợp nhịp nhàng tại các diễn đàn, cùng nhau trau dồi tăng cường kiến thức, kỹ năng. Cán bộ đối ngoại đa phương nếu chưa thể trở thành chuyên gia tiệm cận

mức “đầu ngành” trong các lĩnh vực kỹ thuật chuyên ngành thì cũng phải hiểu về lĩnh vực chuyên ngành đủ để làm “tròn vai”, không bỡ ngỡ trước các vấn đề mới tại các diễn đàn. Ngược lại, cán bộ, chuyên gia chuyên ngành có thể chưa thành thạo về thủ tục, “luật chơi” đặc thù của các diễn đàn đa phương chính trị, pháp lý quốc tế để chủ động, độc lập chịu trách nhiệm xử lý động thái tại diễn đàn một cách thường xuyên, liên tục; thì cũng phải bám sát, đánh giá được thực chất chiều hướng, diễn biến tại các diễn đàn và khả năng tác động đến Việt Nam để cùng tham mưu và triển khai các chủ trương về tham gia của ta tại các diễn đàn đa phương.

Theo hướng đó, một số nhiệm vụ cần được tăng cường triển khai trong thời gian tới để củng cố bản lĩnh chính trị đồng thời với nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ tham gia công tác đối ngoại đa phương.

Một là, cần tăng cường đào tạo về lý luận chính trị cũng như bồi dưỡng về kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho các cán bộ tham gia công tác đối ngoại đa phương; trong đó có việc tăng cường đào tạo thông qua hợp tác với chính các tổ chức quốc tế và khu vực.

Hai là tăng cường đào tạo trực tiếp qua công việc diễn đàn; trong đó có thể nghiên cứu, bổ sung, áp dụng các hình thức linh hoạt như cử cán bộ đi thực tập tại các tổ chức quốc tế, bổ sung biên chế tại cơ quan đại diện chỉ tham gia phục vụ các nhiệm kỳ Việt Nam đảm nhiệm cương vị thành viên tại các tổ chức quốc tế, các hội nghị quốc tế, đàm phán quốc tế; xem xét việc luân chuyển giữa các bộ ngành để nâng cao tư duy, hiểu biết chuyên ngành cũng như chia sẻ, nâng cao nhận thức của các bộ, ngành về công tác đối ngoại đa phương để từ đó đưa ra những đề xuất sáng kiến, chính sách có chiều sâu. Cùng với đó, trong một số vấn đề mang tính chất liên ngành, có thể tính tới việc, xây dựng mạng lưới chuyên gia liên ngành phục vụ đàm phán đa phương.

Ba là hoàn thiện cơ chế chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, cử, tiến cử và nhất là quản lý và sử dụng cán bộ Việt Nam tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế và khu vực; hoàn thiện chính sách đãi ngộ đối với các cán bộ Việt Nam tại các tổ chức quốc tế; đặc biệt là đảm bảo những cán bộ sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại các tổ chức quốc tế được bố trí công việc phù hợp để phát huy kiến thức, kinh nghiệm tích lũy.

Thế giới đang vận động theo hướng đa cực, cạnh tranh ảnh hưởng gia tăng, trong khi các vấn đề toàn cầu ngày càng chồng chéo. Điều đó khiến không gian đa phương vừa là nơi hợp tác, vừa là nơi cạnh tranh. Quốc gia nào sở hữu đội ngũ cán bộ đủ năng lực, bản lĩnh và trí tuệ sẽ giữ được tiếng nói, tạo được dấu ấn và bảo vệ lợi ích lâu dài. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương chuyên nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng, có kỹ năng xứng tầm toàn cầu và khu vực là nhiệm vụ rất quan trọng, giúp Việt Nam chủ động thích ứng, tham gia định hình luật chơi, bảo vệ lợi ích thiết thân của đất nước và khẳng định vai trò là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế./.

PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VÀ TRUYỀN THÔNG CHIẾN LƯỢC TRONG ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

TS. Lưu Thuý Hồng*

Tóm tắt: Bài phân tích vai trò của truyền thông chiến lược và sức mạnh mềm trong nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương. Tác giả khẳng định truyền thông không chỉ là phản ánh chính sách mà còn là công cụ chủ động để định hình nhận thức quốc tế, vận động ủng hộ cho sáng kiến và tạo dựng thương hiệu quốc gia. Bài trình bày các yếu tố then chốt: thông điệp nhất quán, kỹ năng vận động đa phương, tận dụng nền tảng số, và hợp tác với xã hội dân sự để mở rộng mạng lưới truyền thông. Tác giả phân tích các chiến dịch truyền thông thành công của Việt Nam và những bài học về khủng hoảng truyền thông (ví dụ trong tranh chấp biển). Để nâng cao sức mạnh mềm, bài đề xuất: xây dựng chiến lược thương hiệu quốc gia đa tầng, đào tạo chuyên gia truyền thông đa phương, phát triển nền tảng nội dung số mang tính học thuật và dễ tiếp cận, và phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao công chúng và ngoại giao chính thức. Kết luận nêu rõ truyền thông chiến lược là nhân tố quyết định để biến các sáng kiến đa phương thành thực tế có ảnh hưởng.

Từ khoá: Sức mạnh mềm; Truyền thông chiến lược; Thương hiệu quốc gia; Ngoại giao công chúng.

I. Sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược: hai phạm trù quan trọng và mang tính bổ trợ linh hoạt trong đối ngoại đa phương?

Các lý thuyết quan hệ quốc tế như chủ nghĩa Hiện thực với quan điểm của Hans Morgenthau (Morgenthau, 1960:23), Kenneth Waltz (Waltz, 1979:88) hay Chủ nghĩa Tự do với lập luận của Robert Keohane (Keohane, 1990: 173) hoặc chủ nghĩa Kiến tạo với đại diện là Alexander Wendt (Wendt, 1992:415) dù tiếp cận khác nhau nhưng đã có một vài điểm tương đồng khi đề cập đến đối ngoại đa phương. Theo đó, đối ngoại đa phương là hoạt động đối của quốc gia khi tham gia vào các tổ chức quốc tế, hội nghị, hội đàm và hội thảo đa phương quốc tế vì

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền

lợi ích quốc gia (trong đó nhấn mạnh an ninh, vị thế và quyền lực). Đối ngoại đa phương phát triển mạnh sau Thế chiến thứ 2 như phương thức tập hợp lực lượng và phương thức bảo vệ, tự bảo vệ lợi ích của nhiều quốc gia đặc biệt là các nước tâm trung. Đối ngoại đa phương bao hàm trong nó nhiều nội dung và mục đích phụ thuộc vào sự kỳ vọng của từng quốc gia. Với tính chất là hoạt động đối ngoại của quốc gia, đối ngoại đa phương không thể không gắn với một phạm trù vừa là nội dung, mục đích vừa là tiền đề của mình đó là sức mạnh mềm. Theo Joseph Nye, sức mạnh mềm là: khả năng có được thứ mà bạn muốn thông qua sự hấp dẫn hơn là ép buộc hay dụ dỗ. Sức mạnh này đến từ sự hấp dẫn của văn hoá, ý tưởng chính trị và chính sách¹. Ông cũng cho rằng “một quốc gia có thể có được kết quả mình muốn trong chính trị quốc tế bởi các quốc gia khác ngưỡng mộ giá trị, noi theo tấm gương, khao khát đạt được mức độ thịnh vượng và cởi mở của quốc gia đó. Sức mạnh mềm được hiểu là sức mạnh mà làm cho các nước khác muốn kết quả mà bạn muốn bằng thuyết phục và thu hút chứ không ép buộc”². Lý thuyết vai trò (role theory) mang lại một đóng góp quan trọng khi cho rằng “những kỳ vọng và giá trị của bản thân (self) có thể xung đột hoặc từ chối nỗ lực gây ảnh hưởng từ người khác”, qua đó hàm ý rằng “sức mạnh mềm chỉ có hiệu quả khi một vai trò hoặc mô hình nào đó tạo được sự đồng cảm và chấp nhận từ các chủ thể khác”³. Như vậy, nội hàm của sức mạnh mềm gồm các giá trị văn hoá, chính trị, chính sách của quốc gia tạo nên sự hấp dẫn thông qua sự đồng cảm, chấp nhận của cộng đồng quốc tế. Tại các diễn đàn, hội nghị và tổ chức quốc tế, với sự hấp dẫn và uy tín (sức mạnh mềm) của mình, quốc gia sẽ dễ dàng thuyết phục, tạo lòng tin, sự yêu mến và ủng hộ đến từ những quốc gia thành viên. Đồng thời, sức mạnh mềm quốc gia cũng là một trong những nội dung, chủ đề nóng (sức hút

¹ Joseph Nye, *Soft power – The means to success in the world politics*, Publicaffairs Book, New York, 2004, tr x

² Joseph Nye, *Soft power – The means to success in the world politics*, Publicaffairs Book, New York, 2004, tr 5

³ Paulo Afonso Brardo Duarte; Amit Gupta; Bruna Cristina Delvaje, *Multilateralism and Soft Power Made-in-China: (re)Adjusting Role Conception to Meet International Expectations*, *East Asia* (2024) 41:325–345, 2024 <https://link.springer.com/article/10.1007/s12140-024-09424-0>

chính sách, kinh tế, giá trị chính trị, bản sắc văn hoá, xã hội) để lôi kéo các chủ thể khác tham gia hoạt động đối ngoại đa phương.

Để sức mạnh mềm phát huy tốt, luôn có một hình thức truyền tải là công cụ kiến tạo trong các hoạt động đối ngoại đa phương. Đó là truyền thông chiến lược. Truyền thông chiến lược trong quan hệ quốc tế là quá trình chủ thể sử dụng các phương thức truyền thông nhằm giao tiếp với đối tượng vì mục tiêu chiến lược trong một thời gian dài nhất định, gắn liền với sứ mệnh, lợi ích (sự tồn vong và phát triển) của quốc gia trong môi trường chính trị quốc tế. Trong bài viết truyền thông chiến lược được tiếp cận với tư cách một cách thức giao tiếp với công chúng mục tiêu mà các quốc gia sử dụng nhằm quảng bá chiến lược để thực hiện lợi ích quốc gia. Trong đối ngoại đa phương, truyền thông chiến lược gắn với thông tin đối ngoại sử dụng đa dạng thể loại kênh (channel) tùy vào mục tiêu của các quốc gia chủ thể. Những kênh truyền thông phổ biến như: thông báo, tuyên bố, báo cáo,... hoạt động văn hoá - nghệ thuật - học thuật của quốc gia chủ thể trong các hoạt động đối ngoại đa phương, các sản phẩm văn hoá – thương mại, các sản phẩm báo chí trên báo in, phát thanh, truyền hình, băng rôn, khẩu hiệu,... hay các phương tiện truyền thông mới gồm: mạng xã hội, website,... hỗ trợ truyền thông (bao chứa sức mạnh mềm) cho các hoạt động đối ngoại đa phương. Ngoài ra, các kênh truyền thông chiến lược đặc thù trong đối ngoại đa phương phải kể tới là: sáng kiến, chương trình liên quan đến cứu trợ nhân đạo, viện trợ hay tài trợ, phát triển; công cụ ngoại giao văn hoá, ngoại giao công chúng được sử dụng để truyền tải thông điệp của quốc gia chủ thể. Truyền thông chiến lược trong đối ngoại là vì lợi ích quốc gia, nên mục tiêu truyền thông tới công chúng phải đảm bảo được sự thấm thấu dần, sâu sắc, lưu giữ lâu trong nhận thức dẫn tới hành động cổ vũ, ủng hộ, tuân thủ của công chúng đối với thông điệp của quốc gia. Nhờ có truyền thông chiến lược, sức mạnh mềm quốc gia được củng cố và đảm bảo cũng như lan toả trong hoạt động đa phương, cụ thể: 1-Truyền thông chiến lược giúp công chúng mục tiêu hiểu về chính sách, chiến lược của quốc gia vì thế quốc gia. 2-, truyền

thông chiến lược góp phần gia tăng quyền lực mềm của quốc gia. Truyền thông chiến lược tốt cũng làm cho công chúng mục tiêu quen với thông điệp của quốc gia, từ đó cảm thông, chia sẻ, đồng tình với quốc gia. 3-truyền thông chiến lược góp phần quảng bá thương hiệu đất nước nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế, tạo những hình ảnh mang dấu ấn quốc gia đó trong tiềm thức của công chúng quốc tế.

Như vậy, sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược và đối ngoại đa phương là ba biến số tương hỗ và phụ thuộc lẫn nhau giúp các quốc gia đạt được lợi ích trên sân khấu quốc tế. Trong đó, sức mạnh mềm quốc gia vừa là nội dung vừa là mục đích của đối ngoại đa phương, là cơ sở cho truyền thông chiến lược phát huy tác dụng. Đổi lại, truyền thông chiến lược là công cụ thúc đẩy và kiến tạo thêm các giá trị, thành tố sức mạnh mềm quốc gia trong các hoạt động đối ngoại đa phương. Mục tiêu của sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược là làm cho hoạt động đối ngoại đa phương hiệu quả. Đối ngoại đa phương là môi trường để truyền thông chiến lược và sức mạnh mềm phát huy ảnh hưởng và thế mạnh của mình, góp phần gia tăng giá trị của sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược.

II. Phát huy sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược trong hoạt động đối ngoại đa phương Việt Nam là tất yếu

Bối cảnh mới tạo ra cơ hội và thách thức cho đối ngoại đa phương Việt Nam

Bối cảnh thế giới và khu vực đang có nhiều diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng khốc liệt đã đưa các nước vừa và nhỏ như Việt Nam vào tình thế lưỡng nan trong chính sách đối ngoại. Tính đa dạng và khôn lường của vấn đề an ninh toàn cầu (kể cả an ninh truyền thống như xung đột, chiến tranh và an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư cưỡng bức, an ninh mạng) cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ đã tạo ra những cơ hội cũng như thách thức với sự tồn vong, phát triển của quốc gia và nhân loại. Những căng thẳng địa chính trị toàn cầu làm thay đổi cấu trúc và trật

tự an ninh ở khu vực châu Á – Âu dẫn đến sự chuyển dịch trong chính sách đối ngoại và chính sách tập hợp lực lượng của các quốc gia. Bên cạnh việc thiết lập và duy trì mạng lưới đồng minh, đối tác song phương là việc sử dụng các cơ chế đa phương (mô thức đa dạng – to nhỏ, rộng hẹp khác nhau) một cách khéo léo, linh hoạt không bó hẹp trong các nhóm tập hợp “cứng”¹ hoặc lớn². Thực tế này vừa buộc Việt Nam phải nỗ lực sử dụng khéo léo các công cụ để bắt nhịp cùng thế giới trong hoạt động đa phương.

Bối cảnh trong nước đem lại nhiều thời cơ cho phát huy sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương. Thành tựu gần 40 năm đổi mới làm tăng cường sức mạnh quốc gia tạo nền tảng cho hoạt động đa phương. Với một nền chính trị ổn định, môi trường an ninh và hoà bình, một nền kinh tế năng động đang phát triển mạnh, một chính phủ tinh gọn và sắc bén đầy quyết tâm, đến nay Việt Nam đang được đánh giá là quốc gia đang nổi và sẽ trở thành một quốc gia tầm trung trong quan hệ quốc tế. Bên cạnh nguồn lực vật chất, nguồn lực phi vật chất (căn nguyên của sức mạnh mềm) Việt Nam mang đậm bản sắc và giá trị Việt. Nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc, con người hiền hoà, đoàn kết, yêu nước, trọng tình, chính sách đối ngoại chính nghĩa, tôn trọng luật pháp quốc tế, mềm dẻo khéo léo, linh hoạt là giá trị quan trọng trong tâm trí của bạn bè quốc tế. Những đặc trưng sức mạnh mềm này là chất liệu quan trọng để tạo nên thương hiệu Việt Nam trong các hoạt động đa phương. Cùng với đó, Việt Nam rất đầu tư cho truyền thông chiến lược từ chính sách đến nguồn lực hướng tới xây dựng hình

¹ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/934602/xu-huong-tap-hop-luc-luong-thong-qua-cac-co-che-%C4%91a-phuong-moi-tren-the-gioi-hien-nay-va-mot-so-%C4%91e-xuat-chinh-sach-%C4%91oi-voi-viet-nam.aspx>

² Ví dụ: Mỹ sử dụng các sáng kiến đa phương quy mô nhỏ và hẹp như Lực lượng Hàng hải Liên hợp” (CMF), “Sáng kiến Vịnh Bengal” (Bay of Bengal Initiative), bộ tứ QUAD, AUKUS, Abraham Accords, I2U2², IMEC 2023, Liên minh Chip 4,... Hay Ấn Độ với các cơ chế: Hội nghị An ninh Colombo, Trung tâm tổng hợp thông tin Ấn Độ Dương, Sáng kiến Bangladesh, Liên minh vành đai Ấn Độ Dương, Hiệp hội vành đai Ấn Độ Dương (IORA), Liên minh hạ tầng chống chịu thiên tai (CDRI), Liên minh nhiên liệu sinh học toàn cầu (GBA) ... Hoặc Trung Quốc nổi bật với sáng kiến BRI (vành đai con đường), Sáng kiến Phát triển Toàn cầu (GDI), Sáng kiến Văn minh Toàn cầu (GCI), Sáng kiến An ninh Toàn cầu (GSI), sáng kiến “Cộng đồng chung vận mệnh nhân loại” ... Các nước vừa và nhỏ như Canada, New Zealand, Indonesia, ... cũng rất tích cực tham gia các thể chế đa phương với các sáng kiến được đánh giá cao.

ảnh đẹp, tư tin truyền cảm hứng về đất nước Việt Nam, ví dụ phát triển các kênh phát thanh, truyền hình hiện đại, phát sóng bằng nhiều ngôn ngữ để tiếp cận khán giả toàn cầu (phát sóng theo ngôn ngữ của đối tượng), tạo môi trường số thuận lợi cho các kênh truyền thông mới sử dụng internet tiếp cận với đa dạng công chúng mục tiêu trên thế giới (cá nhân hoá trong truyền thông) khi đưa thông tin về các chiến lược, chính sách và hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam.

Kết quả sử dụng sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương Việt Nam thời gian qua là tiền đề vững chắc cho tương lai

Sức mạnh mềm quốc gia đang thích ứng tốt được thể hiện và phát triển trong đối ngoại đa phương Việt Nam. Các giá trị sức mạnh mềm Việt Nam nổi bật hiện nay là: 1-nền chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN) ổn định, dân chủ và nhân văn - nền chính trị lấy dân là gốc. 2- nền kinh tế hiện đại, hội nhập, phát triển vì con người, lấy nhân dân làm trung tâm và phục vụ lợi ích của nhân dân; phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển kinh tế hướng tới sự phát triển bền vững hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống lành mạnh. 3- những giá trị đặc trưng tự thân của văn hoá – xã hội là một hệ thống tư tưởng và tình cảm, đạo đức và phẩm chất, trí tuệ và tài năng, sức nhạy cảm tiếp thụ cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ bản lĩnh và bản sắc của cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu để tự bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh, các giá trị từ các mối quan hệ xã hội: lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc¹. 4- uy tín và hình ảnh mang tính thương hiệu trong thời gian qua của Việt Nam trên trường quốc tế. Tất cả- đều được thể hiện rất rõ trong việc tham gia các hội nghị đa phương thường niên ở các tổ chức quốc tế Liên hợp quốc, ASEAN, APEC (tích cực tham gia, quan điểm và thái độ phát biểu ý kiến, lập trường trong bỏ phiếu) hay công tác tổ chức (đó rõ nhất là công tác lễ tân) các hội nghị, diễn đàn như Hội nghị thượng đỉnh ASEAN, APEC, Diễn đàn Tương lai ASEAN, Hội nghị P4G;

¹ Xem thêm Lưu Thuý Hồng, bản sắc, Tạp chí Lý luận chính trị, 2025

phối hợp tổ chức thành công Lễ mở ký Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng,... tại Việt Nam với tư cách là nước chủ nhà hoặc làm các công tác tổ chức hội nghị với tư cách là chủ tịch như chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc,... Thêm vào đó, sức mạnh mềm Việt Nam vừa là một nội dung trong đàm phán của đối ngoại đa phương Việt Nam (các chủ đề đàm phán có liên quan đến các giá trị văn hoá, chính trị, kinh tế và chính sách) vừa góp phần tác động hình thành các sáng kiến đa phương của Việt Nam định hình vị thế của Việt Nam trong đối ngoại đa phương¹. Hơn nữa, sức mạnh mềm với sự hấp dẫn của mình đã và đang góp phần gia tăng nhận thức tích cực của các thành viên trong thể chế đa phương về Việt Nam. Từ đó, chúng ta đã gây dựng được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế cho Việt Nam bằng nhiều hình thức ví dụ như “lá phiếu”. Việt Nam nhận được sự ủng hộ cao khi được bầu vào những vị trí quan trọng trong các thể chế đa phương². Như vậy, sức mạnh mềm đang thích ứng tốt và đang ngày càng khẳng định ý nghĩa của mình trong hoạt động đa phương của Việt Nam.

Truyền thông chiến lược là công cụ mạnh mẽ phát huy sức mạnh mềm trong hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam. Truyền thông chiến lược Việt Nam đã định hướng chính sách và định hình dư luận trong đối ngoại đa phương. Các bài phát biểu, tuyên bố của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương đều đã làm cho các quốc gia hiểu về Việt Nam từ đó làm gia tăng khả năng phát triển quan hệ và định hình mục tiêu chiến lược hạn chế những mâu thuẫn không đáng có trong quan hệ

¹ Ví dụ Kỳ họp lần thứ 43 Đại hội đồng UNESCO tháng 11 năm 2025 vừa thông qua Nghị quyết đề xuất Liên Hợp Quốc xem xét phát động Thập kỷ quốc tế về văn hóa vì phát triển bền vững theo sáng kiến của Việt Nam, với sự đồng bảo trợ của 71 quốc gia, hay sáng kiến xây dựng Tầm nhìn APEC đến năm 2040. Năm ASEAN 2020, Việt Nam đã xây dựng 14 sáng kiến, ưu tiên và kế hoạch hợp tác cụ thể để thảo luận, tham vấn và thống nhất với các nước ASEAN¹, các giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy xây dựng các nền tảng cho hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các nước phương Nam, hướng tới mục tiêu thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững tại Hội nghị của Nhóm G77 năm 2023...

² Ví dụ: Việt Nam được các quốc gia thành viên tín nhiệm bầu và tái bầu Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo An Liên hợp quốc (2008-2009, 2020-2021), bầu vào Hội đồng chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025, làm Phó Chủ tịch Kỳ họp Tại Kỳ họp lần thứ 42, 43 Đại hội đồng UNESCO, đảm nhận vai trò tại 6 cơ chế điều hành then chốt của UNESCO: Phó Chủ tịch và là thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, Phó Chủ tịch và là thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; thành viên Ủy ban Di sản thế giới, Việt Nam tái đắc cử vị trí vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc với 180 phiếu ủng hộ và là nước được bầu với số phiếu cao nhất trong nhóm đại diện cho khu vực châu Á-Thái Bình Dương...

quốc tế. Bên cạnh đó, truyền thông chiến lược Việt Nam kết hợp truyền thông truyền thống với hiện đại phù hợp với kỷ nguyên số trở thành một dạng thức hiệu quả quảng bá sức mạnh mềm (giá trị, hình ảnh đất nước con người Việt Nam, ...) trong các hoạt động đa phương. Tất cả các phương tiện truyền thông như phát thanh, truyền hình, báo in, báo mạng từ trung ương đến địa phương đều số hoá hiện đại như sử dụng mạng xã hội (facebook, youtube, tiktok,...), trang web của chủ thể Nhà nước phát triển nội dung liên quan đến các hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, ...Ngoài ra, chủ thể của truyền thông chiến lược không chỉ là Nhà nước, mà còn các chủ thể phi nhà nước. Chẳng hạn như cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức... Đã xuất hiện tài khoản mạng xã hội (facebook, tiktok,...) của tổ chức, cá nhân có liên quan đến đối ngoại đa phương đặc biệt là các đại sứ và các nhà ngoại giao thậm chí trở thành xu hướng được nhiều người theo dõi¹.

Thực tế đã cho thấy, *đối ngoại đa phương đang dần hình thành thương hiệu Việt Nam, là môi trường đầy tính thử thách nhưng thuận lợi cho sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược*. Thông qua nhiều hoạt động đối ngoại đa phương (trong đó trọng tâm ở Liên hợp quốc và ASEAN), hình ảnh Việt Nam, giá trị chính trị, văn hoá, chính sách của Việt Nam được lan toả rục rờ. Quan trọng hơn, tự bản thân hoạt động đa phương Việt Nam đã hình thành nên thương hiệu đối ngoại Việt Nam góp phần củng cố sự hấp dẫn của Việt Nam – bồi đắp thêm các giá trị của sức mạnh mềm quốc gia. Đồng thời, hoạt động đối ngoại đa phương là môi trường đầy thử thách mang lại khả năng tự điều tiết cho truyền thông chiến lược Việt Nam. Với đa dạng các hoạt động đối ngoại đa phương từ tổ chức và tham dự diễn đàn, hội nghị, hội thảo đa phương đến việc tuyên bố sáng kiến, quan điểm tại các thể chế đa phương của Việt Nam những năm qua, truyền thông chiến lược trong các hoạt động đối ngoại đa phương điều chỉnh khá hợp lý không chỉ chính xác,

¹ : Ví dụ Việt's Bamboo – Forcus Đại sứ Đỗ Hùng Việt.

nhANH chóng mà còn nỗ lực tạo ra các sản phẩm truyền thông đẹp, sinh động, ấn tượng có tính truyền cảm hứng cho đất nước.

Những hữu dụng có thể nhận thấy được của sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược đã góp phần đưa *đối ngoại đa phương trở thành một trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*. Trong những năm qua, đối ngoại đa phương của Việt Nam đã hỗ trợ củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước giúp đối ngoại và ngoại giao. Việt Nam tham gia tích cực tại hơn 70 cơ chế, tổ chức đa phương quốc tế và khu vực (tính đến tháng 12-2023); hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 với nhiều dấu ấn, sáng kiến; tham gia đóng góp tích cực vào hoạt động của APEC, ASEM, WTO, Ủy hội sông Mê Công Quốc tế (MRC); tích cực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm thành công vai trò thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023 – 2025 và tiếp tục đảm nhiệm nhiệm kỳ 2026 - 2028,... Việt Nam đã khởi xướng và tổ chức thành công Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF) 2024, 2025 với sự tham dự trực tiếp của các lãnh đạo cấp cao ASEAN và trên thế giới cùng hơn đại biểu nhà nước, học giả, chuyên gia, các tổ chức quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu, *sử dụng sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn*.

1-Việc sử dụng sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương Việt Nam đang thực hiện trên thực tiễn một cách rõ ràng, có tính liên tục nhưng các vấn đề lý luận lại chưa được nghiên cứu một cách thấu triệt về nội hàm, dẫn đến nhận thức trong cán bộ và nhân dân chưa cao. Đến nay, chưa có nhiều đề tài, công trình bàn về kết hợp sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược và đối ngoại đa phương đặc biệt các nội dung về truyền thông chiến lược – còn mới và mơ hồ dễ dẫn đến có những cách hiểu đa chiều. Nhận thức chưa rõ sẽ làm giảm

tính hiệu quả của sự kết hợp vốn rất ý nghĩa này. 2-Phát huy sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược trong hoạt động đối ngoại đa phương có sự liên quan đến nhiều chủ thể song các chủ thể vẫn chưa phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng¹. 3- Với các hoạt động đa phương liên tục và tốn kém trong khi tiềm lực của chúng ta còn hạn chế. 4- Trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, luôn thay đổi, các nước lớn luôn có chiến lược đối ngoại linh hoạt. Tuy nhiên, Việt Nam chưa có Chiến lược đối ngoại đa phương đầy đủ, chiến lược về phát huy sức mạnh mềm và đặc biệt là cơ chế chính sách về truyền thông chiến lược thì gần như chưa có. Nếu có chỉ ẩn trong những chiến lược và chính sách khác ví dụ Chiến lược văn hoá đối ngoại năm 2015, Chiến lược Ngoại giao văn hoá năm 2021, Chính sách về báo chí đối ngoại qua Quyết định phê duyệt Quy hoạch Hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được thông qua năm 2016. Điều này là một lực cản không nhỏ đối với hoạt động thực tiễn.

III. Một số gợi mở

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về kết hợp sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương.

Đến nay nhận thức về truyền thông chiến lược vẫn còn khá mới, nhận thức về sự kết hợp sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược trong đối ngoại đa phương còn ở diện hẹp. Ngay cả cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương cũng thức hiện các công việc một cách kinh nghiệm, họ chủ yếu được trang bị các kiến thức chuyên môn, kiến thức lễ tân ngoại giao trong đó có đề cập đến giá trị văn hoá. Còn các giá trị khác của sức mạnh mềm cũng như kỹ năng phô diễn hợp lý để truyền thông chiến lược hiệu quả cho hoạt động đối ngoại đa phương thì gần như còn thiếu. Vì

¹ Hiện nay, riêng về sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược là nhiệm vụ của Bộ Văn hoá, thể thao và Du lịch, nhưng đặt trong hoạt động đối ngoại đa phương vốn là nhiệm vụ cơ bản của Bộ Ngoại giao thì việc xác định chủ thể chủ trì thực hiện và chủ thể phối hợp là khá khó khăn. Tính đan xen là lẽ dĩ nhiên nhưng khi thực hiện lại cần cơ chế phối hợp rõ ràng.

thể, tăng cường nhận thức cho cán bộ, nhân viên làm công tác đối ngoại đa phương là hết sức cần thiết.

Bên cạnh đó, người dân cũng rất cần biết, hiểu các kiến thức về sự kết hợp này. Bởi mỗi người dân là một đại sứ, là hiện thân của giá trị và hình ảnh Việt Nam, họ cũng là những nhà truyền thông đặc biệt truyền thông cho sự kiện đa phương mà Việt Nam tham gia.

Thứ hai, xây dựng chủ nghĩa đa phương mang bản sắc Việt Nam, trong đó cần: Xác định rõ tính chiến lược của đối ngoại đa phương trong hệ thống chính sách đối ngoại Việt Nam cũng như mục tiêu rõ ràng với hướng tiếp cận đầy đủ trong đối ngoại đa phương. Trong thời điểm hiện nay, mặc dù chủ nghĩa đa phương truyền thống đang bị thách thức do tính hiệu quả của nó, các nước lớn đang cân nhắc sử dụng đối ngoại đa phương “cứng” ví dụ như Anh ra khỏi EU năm 2020, năm 2025 Mỹ khi tuyên bố rút khỏi UNESCO, WHO,... nhưng đối với các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống và các cơ chế “mềm” thì đa phương vẫn là lựa chọn của đại đa số các quốc gia trong đó có Việt Nam. Việt Nam cần xác định lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cho chủ nghĩa đa phương. Có thể cân nhắc việc tăng cường các hoạt động đối ngoại đa phương kênh 1,5; kênh 2 và ngoại giao ngách qua đó sức mạnh mềm quốc gia và truyền thông chiến lược sẽ thực sự phát huy hiệu quả do sự quen thuộc về tính chất đối ngoại, môi trường, văn hoá,... Hơn nữa, Việt Nam cần phát huy tính tích cực của các chủ thể phi nhà nước vào đối ngoại đa phương để đa dạng hoá chủ thể và tận dụng những nguồn lực của họ. Việt Nam cũng nên chuẩn bị tinh thần và kế hoạch cho việc hình thành các cơ chế đa phương “mềm” do Việt Nam chủ trì. Cuối cùng, cần thể chế hoá chiến lược đối ngoại đa phương trong đó nhấn mạnh việc phát huy sức mạnh mềm, truyền thông chiến lược và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể thực hiện.

Thứ ba, bồi đắp sức mạnh mềm Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước nói chung và trong hoạt động đối ngoại đa phương nói riêng. Việt Nam rất cần

có một chiến lược toàn cầu tổng thể cùng với sự phát triển của sức mạnh quốc gia và vị thế quốc gia. Ví dụ Trung Quốc có Chiến lược Vành đai con đường” - BRI và diễn ngôn cùng thắng – “win win” hay “Cộng đồng chung vận mệnh”. Sức mạnh mềm Việt Nam là tổng hoà các giá trị có tính động và linh hoạt bồi đắp phát triển theo sự phát triển của xã hội. Tuy vậy, hiện chưa có hệ giá trị được gọi tên chính thức cấu thành nên sức mạnh mềm quốc gia. Việt Nam cần xác định nhanh chóng các yếu tố cấu thành nên sức mạnh mềm Việt Nam để có kế hoạch phát triển tránh sự tụt hậu so với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Thêm vào đó, tính hấp dẫn của sức mạnh mềm lại cần các biến số là kênh truyền dẫn, mục tiêu và nội dung giá trị. Trong đó, việc xác định mục tiêu và kênh truyền dẫn rất quan trọng quyết định sức hấp dẫn của nội dung giá trị vốn có. Việt Nam cần xác định mục tiêu trước mắt là: kể và lan toả đúng các câu chuyện Việt Nam ra thế giới. Để làm được điều đó, Chính phủ nên cân nhắc việc đầu tư phát triển ngành công nghiệp điện ảnh để hình thành và nuôi dưỡng hình ảnh tích cực của Việt Nam trên toàn cầu, tạo sản phẩm văn hoá sử dụng trong hoạt động đa phương. Việt Nam cũng có thể thành lập trung tâm văn hoá Việt ở nước ngoài, tổ chức các sự kiện thể thao quốc tế ngoài lề hỗ trợ hoạt động đối ngoại đa phương.

Thứ tư là xây dựng kịch bản truyền thông chiến lược trong hoạt động đối ngoại và đối ngoại đa phương một cách đầy đủ, chi tiết với các thành tố trong cấu trúc của truyền thông chiến lược đáp ứng được các yêu cầu: 1- Chủ thể truyền thông chủ yếu là hệ thống chính trị, chủ thể hỗ trợ là cá nhân (chú trọng những người có tầm ảnh hưởng), tổ chức xã hội, doanh nghiệp - tập đoàn,... 2- Xác định công chúng mục tiêu: cộng đồng quốc tế gồm khoảng 200 chính phủ (nhưng cần xác định những chính phủ ở địa bàn trọng yếu, thời gian tới Việt Nam nên chú trọng các nước láng giềng, các nước lớn, các nước ASEAN, bạn bè truyền thống), 70 tổ chức liên chính phủ mà Việt Nam gia nhập (hướng tới người đứng đầu và các thành viên), nhân dân các quốc gia trên thế giới, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... 3- Tinh hoá nội dung truyền thông đồng thời đa dạng hoá và cá

nhân hoá hình thức truyền thông. 4- Các kênh truyền thông: xây dựng các kênh truyền thông như Đài phát thanh, truyền hình có năng lực cạnh tranh để đối trọng với các kênh truyền hình khác như CNN hay Sky News, ..., có thể nghiên cứu thêm mô hình của Trung Quốc: Đài Phát thanh Quốc tế Trung Quốc (China Radio International) phát sóng 65 ngôn ngữ, trong khi Mạng Truyền hình Toàn cầu Trung Quốc (China Global Television Network – CGTN) tiếp cận khán giả ở 140 quốc gia. Đa dạng hoá các kênh sử dụng các nền tảng mạng xã hội với các ngôn ngữ khác nhau phù hợp với từng dạng công chúng mục tiêu.

Về mặt chiến lược, Việt Nam cân nhắc việc đầu tư vào các cơ quan truyền thông nước ngoài như mua cổ phần (để có khả năng kiểm soát), mua lượng quảng cáo trên truyền thông quốc tế và mời các nhà báo từ khắp nơi trên thế giới đến Việt Nam hoặc đến các sự kiện đối ngoại đa phương mà Việt Nam chủ trì hay tham gia với mọi chi phí được chi trả./.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

PGS, TS. Dương Trung Ý*

Tóm tắt: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, công nghệ số trở thành động lực thúc đẩy đổi mới phương thức hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong đó có công tác đối ngoại. Đối với Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu vào hoạt động đối ngoại không chỉ là nhu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả, tính chủ động và khả năng dự báo mà còn góp phần khẳng định vị thế quốc gia trong môi trường quốc tế số hóa. Nội dung nghiên cứu làm rõ bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu và những nhiệm vụ mới đặt ra đối với công tác ngoại giao nói chung và hoạt động đối ngoại của Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở thực trạng triển khai công nghệ số trong thời gian qua, bài nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và nâng cao chất lượng quản trị dữ liệu trong hoạt động đối ngoại, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực số có chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu mới của công tác ngoại giao trong kỷ nguyên số.

Từ khoá: Chuyển đổi số; Quản trị dữ liệu; Ngoại giao số; An ninh thông tin

Mở đầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự bùng nổ của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và Internet vạn vật (IoT) đang làm thay đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội. Trong lĩnh vực ngoại giao, công nghệ số không chỉ tác động đến phương thức triển khai chính sách đối ngoại của các quốc gia mà còn hình thành xu hướng ngoại giao số (digital diplomacy),

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

trở thành công cụ chiến lược xây dựng hình ảnh quốc gia, củng cố vị thế và thúc đẩy các nỗ lực hội nhập quốc tế.

Công nghệ số đã và đang góp phần thúc đẩy các quốc gia, tổ chức, cá nhân kết nối với nhau nhanh chóng vượt qua rào cản không gian và thời gian. Song song với cơ hội, công nghệ số cũng mang đến những thách thức chưa từng có. Không gian mạng đang trở thành một mặt trận mới, nơi diễn ra cạnh tranh ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích quốc gia với mức độ phức tạp. Công nghệ số khi không được quản trị đúng cách, có thể trở thành con dao hai lưỡi, làm gia tăng nguy cơ lọt thông tin và mất kiểm soát dữ liệu cá nhân. Việc thiếu vắng một hệ thống nguyên tắc thống nhất về quản lý dữ liệu xuyên biên giới đang tạo ra những tranh chấp địa chính trị mới hay còn gọi là "data politics". Đây vừa là thách thức vừa là động lực thúc đẩy các quốc gia xây dựng cơ chế hợp tác đa phương về an ninh mạng và quản trị dữ liệu. Với các nước đang phát triển, nỗ lực tiếp cận và ứng dụng công nghệ số không chỉ để bắt kịp xu thế mà còn là điều kiện sống còn để không bị tụt hậu. Chuyển đổi số trong ngoại giao không chỉ đơn thuần là chuyển đổi kỹ thuật mà còn là chiến lược quốc gia nhằm xây dựng nền ngoại giao thông minh, nhanh nhạy, hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thế giới mạng kết nối vạn vật.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã có những bước đi kịp thời và mang tính chiến lược trong chuyển đổi số. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khẳng định chuyển đổi số là cơ hội để Việt Nam bứt phá, cần "chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" và phát triển kinh tế tri thức. Trên tinh thần đó, Nghị quyết 57-NQ/TW (ngày 22/12/2024) của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, coi số hóa không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật mà là trụ cột để nâng cao năng lực quốc gia toàn diện.

Trong hoạt động đối ngoại, việc ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu đang được triển khai ngày càng rộng rãi. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực,

hoạt động này vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trong bối cảnh xây dựng nền ngoại giao hiện đại, việc tăng cường ứng dụng công nghệ số và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu đối ngoại là yêu cầu khách quan, cấp thiết. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại mà còn là nền tảng để khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong kỷ nguyên số.

1. Bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu và nhiệm vụ đặt ra cho công tác đối ngoại của Việt Nam

1.1. Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế ngoại giao số trên thế giới

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với hệ thống quốc tế, làm biến đổi cách các quốc gia tiếp cận thông tin, tương tác và triển khai chính sách đối ngoại. Trong lĩnh vực đối ngoại, sự bùng nổ của công nghệ số đã mở ra một hình thái hoạt động mới – ngoại giao số (digital diplomacy), vốn đang dần trở thành công cụ chiến lược của các quốc gia trong việc theo đuổi lợi ích và gia tăng sức mạnh mềm trên trường quốc tế. Khái niệm “ngoại giao số” lần đầu được định nghĩa bởi học giả Fergus Hanson thuộc Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Úc (ASPI). Theo ông, ngoại giao số là “việc sử dụng Internet và công nghệ thông tin truyền thông nhằm triển khai các mục tiêu đối ngoại”.¹ Cùng với sự ra đời và phổ biến nhanh chóng của các nền tảng mạng xã hội, phạm vi ứng dụng của ngoại giao số ngày càng mở rộng, tạo điều kiện cho các chủ thể nhà nước tiếp cận trực tiếp với công chúng nước ngoài, từ đó hình thành nên nhiều thuật ngữ liên quan như “Ngoại giao Twitter” (hay còn gọi là Twiplomacy), “Ngoại giao công chúng 2.0”, “Ngoại giao kết nối” (Network Diplomacy), hay “Ngoại giao ảnh selfie” (Selfie Diplomacy), phản ánh sự đa dạng hóa về công cụ và phương thức hành động trong kỷ nguyên số. Theo DiploFoundation, một tổ chức chuyên nghiên cứu mối quan hệ giữa công nghệ số và ngoại giao, ngoại giao số được định nghĩa là “mô tả các phương pháp và hình thức mới để tiến hành

¹ Fergus Hanson (2012), “A Digital DFAT: Joining the 21st century”, Lowy Institute Policy Briefs.

ngoại giao với sự hỗ trợ của internet và công nghệ thông tin và truyền thông, đồng thời mô tả tác động của chúng đối với các hoạt động ngoại giao đương đại”.¹ Tóm lại, ngoại giao số có thể hiểu là việc ứng dụng công nghệ số, sử dụng các nền tảng mạng xã hội, công cụ phân tích dữ liệu, nền tảng hội nghị trực tuyến tới hệ thống quản trị thông tin nhằm thực hiện các chức năng ngoại giao và xây dựng thương hiệu quốc gia. Đặc trưng của ngoại giao số bao gồm: (1) Tính tương tác cao và tiếp cận trực tiếp với công chúng; (2) Sử dụng dữ liệu lớn để tham mưu chính sách (data-driven decision-making); (3) Yêu cầu bảo mật và quản trị thông tin chặt chẽ; (4) Tính liên ngành mạnh mẽ, đòi hỏi phối hợp giữa ngoại giao, an ninh mạng và quản trị kinh tế số.²

Công nghệ số đang thay đổi đáng kể cách các cơ quan ngoại giao tiếp cận, xử lý và phân tích thông tin. AI giúp tự động hóa nhiều nhiệm vụ lặp lại như tổng hợp tin tức, theo dõi xu hướng, phát hiện bất thường trong môi trường thông tin, từ đó hỗ trợ nâng cao năng lực dự báo chiến lược. Big Data cho phép xử lý lượng dữ liệu khổng lồ thu thập từ các nguồn mở (OSINT), mạng xã hội, báo cáo nghiên cứu, hình ảnh vệ tinh... giúp cơ quan đối ngoại nắm bắt nhanh hơn các chuyển động chính trị – an ninh toàn cầu. Trong bối cảnh thông tin bùng nổ và truyền tải tức thời, năng lực phân tích dựa trên dữ liệu trở thành yếu tố then chốt nâng cao chất lượng công tác tham mưu đối ngoại.

Bên cạnh đó, công nghệ số đã làm thay đổi cấu trúc tổ chức của nền ngoại giao hiện đại. Các quốc gia tiên phong như Estonia, Singapore, Anh, EU hay Mỹ đang chuyển mạnh sang mô hình “ngoại giao dựa trên dữ liệu” (data-driven diplomacy). Estonia vận hành “đại sứ quán dữ liệu” (data embassy)³ – một mô hình bảo vệ chủ quyền số độc đáo, trong khi Singapore xây dựng chiến lược Smart Nation với các

¹ Gulsara Jabbarli (2023), "Digital Diplomacy And Its Implications In The 21st Century", Istanbul Peace Research Center, <https://www.iprc.com.tr/digital-diplomacy-and-its-implications-in-the-21st-century/>

² Corneliu Bjola, Ilan Manor (2023), "The Oxford Handbook of DIGITALDIPLOMACY", Chapter 1, p.3-4, Oxford: Oxford University Press.

³ Establishing the first Data Embassy in the world (2017), Observatory of Public Sector Innovation, <https://oecd-opsi.org/innovations/establishing-the-first-data-embassy-in-the-world/>

nền tảng giao dịch số xuyên biên giới.¹ EU đi đầu trong thiết lập tiêu chuẩn dữ liệu chung với các bộ khung quan trọng như GDPR và Digital Services Act, tạo ảnh hưởng lớn đến cấu trúc quyền lực số và định hình chuẩn mực toàn cầu². Nhiều cơ quan ngoại giao áp dụng nền tảng điện toán đám mây để kết nối hệ thống thông tin từ trong nước đến các phái đoàn ở nước ngoài, tối ưu hóa quy trình tham mưu, quản lý văn bản và trao đổi thông tin. Ngoại giao số cũng mở rộng sang cả lĩnh vực lãnh sự. Nhiều quốc gia đã bắt đầu triển khai dịch vụ lãnh sự điện tử (e-consular services) như cấp thị thực online, cấp hộ chiếu điện tử, đăng ký bảo hộ công dân trực tuyến. Việc này không chỉ tăng hiệu quả phục vụ mà còn hỗ trợ bảo vệ công dân trong các tình huống khẩn cấp, giúp nhà nước kết nối nhanh chóng với cộng đồng người dân ở nước ngoài.

Tuy nhiên, ngoại giao số không chỉ đem lại cơ hội mà còn đặt ra hàng loạt thách thức mới mang tính toàn cầu. Sự gia tăng của “chiến tranh thông tin” (information warfare), tin giả (fake news) do AI tạo ra, tấn công mạng có chủ đích (targeted cyberattacks) nhắm vào cơ sở hạ tầng ngoại giao khiến an ninh thông tin trở thành vấn đề then chốt. Mặt khác, cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc, đặc biệt Mỹ–Trung–EU, đang tạo ra những chuẩn mực dữ liệu khác nhau, làm phân mảnh không gian số và gây khó khăn cho các quốc gia đang phát triển trong việc tiếp cận công nghệ. Tốc độ phát triển công nghệ cũng đẩy nhanh sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU), đặc biệt trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, mạng 5G và điện toán lượng tử. Các quốc gia tìm cách khẳng định “chủ quyền số” (digital sovereignty) thông qua cơ chế pháp lý bảo vệ dữ liệu, tiêu biểu như Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) của EU, Luật An ninh mạng của Trung Quốc hay Luật Bảo mật thông tin của Nhật

¹ U.S. - Singapore Digital Economic Cooperation Roadmap (2024), The Ministry of Foreign Affairs Singapore, <https://www.mfa.gov.sg/Newsroom/Press-Statements-Transcripts-and-Photos/2024/07/20240731-Blinken-visit>

² Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data, and repealing Directive 95/46/EC (General Data Protection Regulation) (OJ L 119, 4.5.2016, pp. 1–88), <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2016/679/oj/eng>

Bản. Điều này cho thấy công nghệ số không đơn thuần là công cụ, mà đã trở thành một không gian cạnh tranh quyền lực và ý thức hệ mới.

Nhìn chung, CMCN 4.0 đang tạo ra một môi trường đối ngoại mới, nơi công nghệ số vừa là công cụ, vừa là không gian cạnh tranh quyền lực. Ngoại giao số vì vậy trở thành yêu cầu tất yếu đối với mỗi quốc gia muốn củng cố vị thế, tăng cường khả năng thích ứng và tham gia hiệu quả vào các dòng chảy quan hệ quốc tế đang thay đổi nhanh chóng. Chính bối cảnh này đặt ra yêu cầu mới cho Việt Nam trong việc hiện đại hóa công tác đối ngoại, chuyển đổi sang mô hình vận hành dựa trên công nghệ số và dữ liệu.

1.2. Những yêu cầu mới đặt ra cho công tác đối ngoại Việt Nam trong kỷ nguyên số

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác chuyển đổi số trước bối cảnh cuộc CMCN 4.0. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ khi nhân mạnh rằng: "Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội".¹ Nghị quyết cũng chỉ rõ yêu cầu “thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”.² Bên cạnh đó, Nghị quyết 52 cũng tập trung vào vấn đề hạ tầng và quản trị dữ liệu, cụ thể: “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ

¹ Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

² Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công”.¹

Trong hệ thống các văn kiện Đại hội XIII, chuyển đổi số tiếp tục được đặt ở vị trí trung tâm. Chỉ riêng trong các văn bản chủ đạo gồm Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021–2030, Báo cáo đánh giá kết quả phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016–2020, cụm từ “chuyển đổi số” đã xuất hiện tới 21 lần.² Điều này cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của chuyển đổi số trong tư duy phát triển giai đoạn tới. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Đảng chỉ rõ: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”³. Việc điếm qua các văn kiện quan trọng của Đảng tại Đại hội XIII đã khẳng định rõ ràng: chuyển đổi số quốc gia là một vấn đề có tính chiến lược trong đường lối phát triển đất nước, đồng thời là con đường và cách thức quan trọng để hiện thực hóa khát vọng phát triển Việt Nam đến năm 2045.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là trụ cột có tính chất đột phá trong chiến lược phát triển đất nước. Nghị quyết nhấn mạnh rằng: "Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt

¹ Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

² GS, TS Nguyễn Tuấn Anh (2022), "Đẩy mạnh chuyển đổi số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng", Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/day-manh-chuyen-doi-so-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang-5591.html>

³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.214

phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”.¹ Tiếp đó, ngày 29/11/2024, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Quyết định số 204-QĐ/TW phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Văn kiện này khẳng định chuyển đổi số không chỉ mang tính xu thế mà là yêu cầu tất yếu nhằm hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả xử lý công việc, và hình thành văn hoá làm việc mới dựa trên nền tảng số trong toàn bộ hệ thống cơ quan Đảng. Đây là bước triển khai cụ thể, thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc áp dụng công nghệ số vào hoạt động tổ chức – hành chính, qua đó xây dựng mô hình quản trị phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu và sự phát triển mạnh mẽ của CMCN 4.0 đang đặt ra những yêu cầu mới, mang tính cấp thiết đối với công tác đối ngoại của Việt Nam. Trước hết, hoạt động đối ngoại phải thích ứng với môi trường thông tin số hóa, trong đó tốc độ lan truyền thông tin, mức độ tương tác và rủi ro an ninh mạng đều gia tăng. Điều này đòi hỏi cơ quan đối ngoại phải nâng cao năng lực dự báo chiến lược dựa trên dữ liệu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay phân tích nguồn mở để theo dõi, xử lý và đánh giá các biến động quốc tế một cách kịp thời và chính xác hơn.

Thứ hai, công tác đối ngoại cần chuyển sang mô hình vận hành hiện đại, dựa trên nền tảng số, bao gồm số hóa quy trình làm việc, liên thông dữ liệu giữa các đơn vị trong và ngoài nước, triển khai hệ thống quản trị thông tin – văn bản điện tử, cũng như tăng cường sử dụng các nền tảng hội nghị trực tuyến, đối thoại số và ngoại giao công chúng qua mạng xã hội. Yêu cầu này phù hợp với định hướng của Đảng về xây dựng nền ngoại giao “toàn diện, hiện đại,” trong đó chuyển đổi số được xem là một trụ cột quan trọng.

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>

Thứ ba, bối cảnh cạnh tranh chiến lược toàn cầu về công nghệ, dữ liệu và tiêu chuẩn số đòi hỏi Việt Nam phải đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, ngoại giao kinh tế số và tham gia tích cực vào các khuôn khổ hợp tác mới như thương mại số, quản trị dữ liệu xuyên biên giới hay phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Đây là cơ sở để bảo vệ lợi ích quốc gia, thu hút nguồn lực, thu hẹp khoảng cách số và củng cố vị thế của Việt Nam trong cấu trúc quốc tế mới.

Kỷ nguyên số cũng đòi hỏi nguồn nhân lực ngành ngoại giao nói chung và cán bộ đối ngoại nói riêng có năng lực số cao, am hiểu công nghệ, thành thạo quản trị dữ liệu và có khả năng xử lý các vấn đề mới nổi như an ninh mạng, chiến tranh thông tin hay chủ quyền số. Đây chính là điều kiện tiên quyết để ngành đối ngoại Việt Nam thích ứng hiệu quả và chủ động trong thời đại số hóa sâu rộng hiện nay.

2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu trong hoạt động đối ngoại ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã chứng kiến sự chuyển biến đáng kể nhờ quá trình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các công cụ quản trị dữ liệu. Những kết quả này có thể coi là sự phản ánh nỗ lực chủ động của ngành ngoại giao trong triển khai chủ trương chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019), Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024).

Về công tác số hóa quy trình làm việc và hiện đại hoá quản trị nội bộ, theo báo cáo của Bộ Ngoại giao, đến năm 2025, mức độ số hóa tài liệu và quy trình nội bộ đạt mức cao: hơn 95% văn bản hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử, và gần 90% hồ sơ công việc được giải quyết trực tuyến.¹ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trực tuyến đã trở thành trục trung tâm của toàn bộ hoạt động nội bộ, cho phép xử lý công việc nhanh, minh bạch và đồng bộ giữa các đơn vị trong nước và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ

¹ Nguyễn Như Trung (2025), "Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao đến năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2045", Tạp chí An toàn Thông tin, <https://antoanthongtin.vn/tin/chuyen-doi-so-cua-bo-ngoai-giao-den-nam-2030-va-tam-nhin-toi-nam-2045>

Ngoại giao đã chính thức đưa vào vận hành ba nền tảng chuyển đổi số trọng yếu: (1) Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao; (2) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (3) Nền tảng chia sẻ – tích hợp dữ liệu (LGSP) của Bộ Ngoại giao.¹ Các nền tảng này không chỉ phục vụ quản trị nội bộ mà còn hỗ trợ cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến của Bộ Ngoại giao cũng đạt kết quả rõ rệt. Tính đến năm 2025, khoảng 62.000 hồ sơ được xử lý qua Cổng dịch vụ công của Bộ, 04 dịch vụ công đã được thực hiện trực tuyến toàn trình, và toàn bộ 70 thủ tục hành chính được công khai, tích hợp trên Cổng dịch vụ công cấp bộ và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.² Song song đó, Bộ Ngoại giao từng bước triển khai kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức và cá nhân, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, và chia sẻ dữ liệu cán bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ. Đây là bước tiến quan trọng hướng tới xây dựng quy trình lãnh sự điện tử, tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Về an toàn thông tin, Bộ Ngoại giao đã xây dựng Trung tâm điều hành và giám sát an toàn an ninh mạng, triển khai các giải pháp mã hóa ổ cứng, bảo mật đường truyền, bảo vệ thiết bị đầu cuối và giám sát hệ thống mạng nội bộ. Các biện pháp này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hệ thống ngoại giao xử lý lượng thông tin nhạy cảm lớn và thường xuyên đối mặt với các nguy cơ tấn công mạng.

Từ năm 2015, Bộ Ngoại giao đã khởi tạo và duy trì hệ thống truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội, với 07 tài khoản chính thức trên Facebook, Twitter... góp phần lan tỏa thông tin đối ngoại tới các nhóm đối tượng rộng rãi, đặc biệt là giới trẻ.³ Trong đại dịch COVID-19, khi các hoạt động tiếp xúc trực tiếp bị gián

¹ Bài phỏng vấn Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Anh Tuấn (2025), "Chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại", Báo Quân đội Nhân dân, <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/chuyen-doi-so/chuyen-doi-so-de-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-doi-ngoai-842874>

² Nguyễn Như Trung (2025), "Chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao đến năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2045", Tạp chí An toàn Thông tin, <https://antoanthongtin.vn/tin/chuyen-doi-so-cua-bo-ngoai-giao-den-nam-2030-va-tam-nhin-toi-nam-2045>

³ Bộ Ngoại giao (2023), "Hiệu quả chuyển đổi số trong công tác thông tin đối ngoại, Báo Điện tử Chính phủ", <https://baochinhphu.vn/hieu-qua-chuyen-doi-so-trong-cong-tac-thong-tin-doi-ngoai-1022301171454111.htm>

đoạn, Bộ Ngoại giao đã triển khai 30 cuộc họp báo thường kỳ cũng như các cuộc họp báo bất thường theo phương thức trực tuyến.¹ Tại Đại hội XIII của Đảng, Bộ Ngoại giao lần đầu tiên triển khai Trung tâm báo chí trực tuyến – “Trung tâm báo chí ảo”, hỗ trợ phóng viên quốc tế tác nghiệp từ xa. Trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN, Hội nghị Cấp cao ASEAN đầu tiên được tổ chức hoàn toàn theo hình thức trực tuyến. Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cũng chủ động tổ chức họp báo, tọa đàm, hội thảo trực tuyến kết nối doanh nghiệp. Một số nền tảng truyền thông số của cơ quan đại diện đạt hiệu quả cao, như Fanpage Vietnam Embassy Delhi cán mốc 1 triệu lượt đọc, đứng đầu kết quả tìm kiếm Google liên quan đến thông tin Việt Nam tại Ấn Độ.²

Nhìn một cách tổng thể, quá trình ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời gian qua đã tạo ra những chuyển biến quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và năng lực triển khai chính sách đối ngoại trong bối cảnh mới. Việc xây dựng hạ tầng số, triển khai các nền tảng quản lý văn bản và điều hành trực tuyến, vận hành cổng thông tin điện tử và hệ thống dịch vụ công trực tuyến đã giúp Bộ Ngoại giao hình thành một môi trường làm việc hiện đại, giảm đáng kể thời gian xử lý hồ sơ, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và liên thông trong quản lý. Công tác truyền thông đối ngoại thông qua mạng xã hội cũng đạt được bước tiến mạnh mẽ, thể hiện qua khả năng lan tỏa thông tin rộng rãi, tương tác dễ dàng với công chúng và duy trì hình ảnh quốc gia trên các nền tảng số quốc tế. Sự thích ứng nhanh của ngành ngoại giao trong giai đoạn đại dịch COVID-19 cho thấy khả năng ứng dụng công nghệ linh hoạt, chủ động và hiệu quả. Những nỗ lực trong bảo đảm an toàn thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và đào tạo nguồn nhân lực số cũng đã tạo nền tảng quan trọng cho việc

¹ Trọng Đạt (2021), "Ngoại giao Việt Nam "bắt trend" chuyển đổi số", Báo Vietnamnet.vn, <https://vietnamnet.vn/ngoi-giao-viet-nam-bat-trend-chuyen-doi-so-790632.html>

² Bộ Ngoại giao (2023), "Hiệu quả chuyển đổi số trong công tác thông tin đối ngoại, Báo Điện tử Chính phủ", <https://baochinhphu.vn/hieu-qua-chuyen-doi-so-trong-cong-tac-thong-tin-doi-ngoai-1022301171454111.htm>

xây dựng nền ngoại giao số hiện đại, phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả nổi bật, công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực đối ngoại vẫn đối mặt với không ít thách thức. Việc chuẩn hóa và liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành còn hạn chế; hạ tầng số tại một số cơ quan đại diện chưa đồng đều; nguồn nhân lực am hiểu sâu về công nghệ, dữ liệu và an ninh mạng còn thiếu; trong khi yêu cầu bảo mật, xử lý thông tin nhạy cảm phục vụ công tác tham mưu chiến lược ngày càng cao. Những hạn chế này cho thấy chuyển đổi số trong lĩnh vực đối ngoại cần tiếp tục được đầu tư bài bản, toàn diện và đồng bộ hơn để đáp ứng những yêu cầu mới của tình hình quốc tế đang chuyển biến nhanh chóng.

3. Một số giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu trong hoạt động đối ngoại

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu diễn ra sâu rộng và sự cạnh tranh chiến lược về công nghệ ngày càng quyết liệt, việc ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu trong hoạt động đối ngoại không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực dự báo, tham mưu, triển khai chính sách và bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc. Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, hoạt động số hóa và xây dựng nền ngoại giao số ở Việt Nam vẫn đối mặt với các thách thức về hạ tầng, dữ liệu, nhân lực và an ninh mạng. Vì vậy, giai đoạn tới đòi hỏi một hệ thống giải pháp đồng bộ ở cấp Nhà nước, cấp Bộ và tại từng cơ quan đại diện, nhằm phát triển nền ngoại giao số hiện đại, hiệu quả và hội nhập với xu thế chung của thế giới.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, chính sách và khung pháp lý về ngoại giao số. Cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực đối ngoại theo tinh thần của Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) và Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024), trong đó ưu tiên các quy định về quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin, chia sẻ dữ liệu liên ngành và tiêu chuẩn kỹ thuật cho hoạt động số hóa

hồ sơ đối ngoại. Đặc biệt, cần sớm xây dựng khung pháp lý chuyên biệt cho “ngoại giao số”, bao gồm: chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ đối ngoại trực tuyến; quy chế vận hành cơ quan đại diện số; cơ chế phối hợp liên thông dữ liệu giữa Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành; quy định về trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước trong môi trường số. Song song đó, cần ban hành các quy định về sử dụng AI, hệ thống phân tích dữ liệu, công cụ OSINT trong công tác nghiên cứu – dự báo nhằm bảo đảm việc ứng dụng công nghệ mới được kiểm soát, an toàn và phù hợp với đặc thù hoạt động đối ngoại.

Thứ hai, phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ và bảo mật cao. Đây là nền tảng cốt lõi để chuyển đổi số đối ngoại đi vào thực chất. Trọng tâm giai đoạn tới cần tập trung vào ba hướng: Một là, hoàn thiện hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu, đặc biệt là việc xây dựng Trung tâm Dữ liệu của Bộ Ngoại giao đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, bảo mật, vận hành 24/7 và cho phép kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xuất nhập cảnh, doanh nghiệp, đầu tư, hợp tác quốc tế... Hai là, nâng cấp mạng lõi, hạ tầng đường truyền và hệ thống hội nghị trực tuyến, bảo đảm kết nối liên mạch giữa các đơn vị trong nước với hơn 100 cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, hỗ trợ xử lý văn bản điện tử, trao đổi thông tin mật, chia sẻ dữ liệu lớn và triển khai dịch vụ lãnh sự trực tuyến. Ba là, tăng cường hệ thống bảo mật, an ninh mạng, xây dựng mô hình giám sát tập trung, triển khai chữ ký số, mã hóa đầu cuối, tường lửa thế hệ mới và các cơ chế bảo vệ bí mật nhà nước theo cấp độ. Về lâu dài, cần hướng tới thành lập “Trung tâm điều hành an toàn thông tin đối ngoại quốc gia” nhằm bảo vệ chủ quyền số và phòng ngừa tấn công mạng vào hệ thống cơ quan đại diện.

Thứ ba, xây dựng hệ sinh thái dữ liệu đối ngoại và nền tảng phân tích – dự báo chiến lược. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu toàn diện từ trung ương xuống địa phương là nền tảng cốt lõi cho mọi nỗ lực chuyển đổi số và phát triển trí tuệ nhân tạo. Dữ liệu là tài nguyên chiến lược của ngoại giao số, do đó việc xây là vô cùng cấp thiết. Vì vậy, cần sớm hình thành Hệ sinh thái dữ liệu đối ngoại quốc gia, bao

gồm: (1) Cơ sở dữ liệu đối ngoại thống nhất: hồ sơ quốc tế, dữ liệu kinh tế – thương mại, hồ sơ đàm phán, điều ước quốc tế, dữ liệu doanh nghiệp Việt Nam và đối tác, dữ liệu khiếu nại, dữ liệu về tình hình khu vực và toàn cầu; (2) Kho dữ liệu tri thức ngoại giao số phục vụ nghiên cứu, tham mưu, đào tạo cán bộ; (3) Nền tảng phân tích dữ liệu và dự báo chiến lược ứng dụng AI, Machine Learning, phân tích ngữ nghĩa, phân tích mạng lưới, cảnh báo rủi ro địa chính trị; (4) Hệ thống tình báo nguồn mở (OSINT) phục vụ theo dõi truyền thông quốc tế theo thời gian thực, nhận diện xu thế, phân tích dư luận, phát hiện khủng hoảng truyền thông. Việc quản trị dữ liệu cần được thực hiện theo các nguyên tắc minh bạch, an toàn, phân quyền truy cập, lưu trữ khoa học và bảo vệ bí mật nhà nước.

Thứ tư, đào tạo đội ngũ nhân lực “ngoại giao số” và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Yếu tố con người là chìa khóa quyết định thành công. Cần triển khai một chiến lược đào tạo ba nhóm năng lực trụ cột: (1) Năng lực ngoại giao truyền thông: đàm phán, phân tích, viết báo cáo, xử lý khủng hoảng; (2) Năng lực công nghệ số: kiến thức về AI, dữ liệu, an ninh mạng, vận hành hệ thống số, sử dụng công cụ OSINT, phân tích dữ liệu báo chí và mạng xã hội; (3) Năng lực khai thác và quản trị dữ liệu: tiêu chuẩn hóa dữ liệu, phân tích chính sách dựa trên dữ liệu, sử dụng dashboard số trong tham mưu chiến lược.

Thứ năm, tăng cường truyền thông đối ngoại trên nền tảng số và xây dựng hình ảnh “Ngoại giao Việt Nam số”. Nhằm lan tỏa thông điệp đối ngoại và nâng cao hiệu quả tiếp cận công chúng, Bộ Ngoại giao cần tích cực phát triển các nội dung video, infographic, 3D/VR giới thiệu về Việt Nam, tiếp tục xây dựng hệ sinh thái truyền thông số gồm mạng xã hội, nền tảng video ngắn, podcast, công cụ phân tích dữ liệu truyền thông, hệ thống quản trị nội dung số (CMS), dashboard theo dõi dư luận.

Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số và quản trị dữ liệu đang đặt hoạt động đối ngoại trước những thay đổi mang tính cấu trúc, buộc các quốc gia phải thích ứng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đối với Việt Nam, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực đối ngoại thời gian qua đã chứng minh tính đúng đắn của việc hiện đại hóa phương thức triển khai ngoại giao, từng bước đưa hoạt động đối ngoại tiến gần hơn với chuẩn mực của một nền ngoại giao chuyên nghiệp, linh hoạt và dựa trên dữ liệu. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương sẽ đóng vai trò quyết định để hình thành một nền ngoại giao số toàn diện, hiện đại, sáng tạo. Trong thời gian tới, việc xây dựng một nền ngoại giao số toàn diện, phát triển hệ sinh thái dữ liệu đối ngoại, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực số sẽ là nền tảng để Việt Nam nâng cao vị thế và năng lực tham gia vào các tiến trình hợp tác quốc tế mới. Với quyết tâm chính trị cao và định hướng chiến lược rõ ràng, Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng cơ hội của kỷ nguyên số để đóng góp tích cực cho hòa bình, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới./.

CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGOẠI GIAO

ThS. Khuất Thị Hồng Hạnh*, TS. Mạch Lê Thu**

Tóm tắt: Bài đánh giá tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 lên bản chất và phương thức ngoại giao, với trọng tâm là chuyển đổi số trong ngoại giao quốc gia và đa phương. Tác giả làm rõ những thay đổi: tốc độ lan toả thông tin, vai trò của dữ liệu lớn và AI trong phân tích tình hình, sự chuyển dịch từ ngoại giao dựa trên con người sang ngoại giao hỗ trợ công nghệ, và xuất hiện “sân chơi” kỹ thuật số cho các vấn đề luật pháp và đạo đức quốc tế. Bài khảo sát các thách thức chính: khoảng cách số giữa các quốc gia, rủi ro an ninh mạng, vấn đề chủ quyền số, và tác động tới nguồn nhân lực ngoại giao truyền thống. Các kiến nghị bao gồm: xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ ngoại giao thời kỹ thuật số; hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn công nghệ; phát triển hạ tầng số an toàn cho ngoại giao; và lồng ghép yếu tố chuyển đổi số vào đàm phán đa phương (ví dụ quy tắc về AI, quản trị dữ liệu xuyên biên giới). Kết luận cho rằng chủ động thích ứng với Cách mạng 4.0 là điều kiện cần để Việt Nam duy trì hiệu quả đối ngoại trong thế kỷ XXI.

Từ khoá: Công nghiệp 4.0; Chuyển đổi số; Ngoại giao kỹ thuật số; An ninh mạng.

Mở đầu

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang trở thành một trong những mối quan tâm chiến lược hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, thúc đẩy sự đổi mới mô hình tăng trưởng tại mỗi quốc gia và góp phần tái cơ cấu kinh tế toàn cầu. Bản chất cốt lõi của CMCN 4.0 là sự tích hợp cao độ của hệ thống siêu kết nối vật lý và ảo, với sự đột phá của các công nghệ nền tảng như Internet vạn vật (IoT), Trí tuệ Nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data) và Công nghệ chuỗi khối (Blockchain). Sự hội tụ công nghệ này không chỉ ảnh hưởng sâu sắc

* Học viện Ngoại giao Việt Nam

** Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đến sản xuất và thương mại mà còn tái định hình bản chất của quyền lực và tương tác quốc tế. Ngoại giao, với vai trò là hoạt động của nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại, là công cụ quan trọng nhất - công cụ hòa bình thực thi chính sách đối ngoại và quản lý quan hệ quốc tế, buộc phải thích ứng nhanh chóng với tốc độ lan truyền, quy mô dữ liệu và tính phức tạp của không gian mạng. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số (CDS) không phải là một lựa chọn mang tính bổ sung mà là một yêu cầu mang tính sống còn để duy trì khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả đối ngoại của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, việc chủ động tham gia và tận dụng cơ hội từ CMCN 4.0 là một yêu cầu khách quan không thể trì hoãn, nhằm tránh nguy cơ tụt hậu và tạo đà phát triển bứt phá. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã định hướng rõ ràng về việc phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại và xây dựng ngành ngoại giao toàn diện, hiện đại. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng lần đầu tiên đề xuất đưa “đối ngoại, hội nhập quốc tế” lên ngang hàng với quốc phòng và an ninh, trở thành nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”. CDS trong ngoại giao là một trong những biện pháp để hiện thực hóa những mục tiêu và đáp ứng những nhiệm vụ này. Bài nghiên cứu này, trên cơ sở phân tích một số đặc trưng cơ bản của CMCN 4.0 và tác động trong lĩnh vực chính trị quốc tế và ngoại giao để làm rõ bức tranh về CDS trong ngoại giao Việt Nam hiện nay, nội hàm của nó và đưa ra một số kiến nghị chính sách cho Việt Nam trong thời gian tới.

1. Cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động đối với chính trị quốc tế và ngoại giao

1.1. Bản chất của Cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Fourth Industrial Revolution – 4IR/Industry 4.0) ra đời từ đầu kỷ XXI và được dựa trên cuộc cách mạng kỹ thuật số¹ nhưng tiến xa hơn, bằng cách khai thác sức mạnh của số hóa và công nghệ thông tin để

¹ Cuộc cách mạng số hay còn gọi là cách mạng công nghiệp lần thứ 3 (3IR) bắt đầu vào những năm 1960 và gắn với sự phát triển của chất bán dẫn, máy tính lớn, máy tính cá nhân và internet.

thực hiện chuyển đổi toàn bộ các hệ thống và thay đổi căn bản mọi mặt của đời sống.

Về mặt diễn ngôn, khái niệm Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được hình thành từ đầu thập niên 2010 trong bối cảnh Đức thúc đẩy số hóa nền sản xuất. Thuật ngữ Industrie 4.0 lần đầu xuất hiện tại Hội chợ Hannover Messe năm 2011 như một sáng kiến chiến lược nhằm phát triển “nhà máy thông minh” và tích hợp các hệ thống vật lý - không gian mạng vào sản xuất. Chính phủ Đức sau đó chính thức hóa khái niệm này trong báo cáo chiến lược năm 2013 do Henning Kagermann, Wolf-Dieter Lukas và Wolfgang Wahlster chủ trì, đặt nền tảng cho cách hiểu Industry 4.0 trong giới học thuật và chính sách châu Âu. Đến năm 2016, thuật ngữ này lan rộng toàn cầu khi Giáo sư Klaus Schwab - Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) phổ biến cách diễn giải toàn diện hơn trong tác phẩm *The Fourth Industrial Revolution* (Cách mạng công nghiệp lần thứ tư) và khi Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Davos 2016 chọn chủ đề “Mastering the Fourth Industrial Revolution” (Làm chủ Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư). Kể từ đó, “Cách mạng công nghiệp 4.0” (CMCN 4.0) trở thành một khung khái niệm quốc tế dùng để mô tả quá trình hội tụ công nghệ số – vật lý – sinh học và ảnh hưởng sâu rộng của nó đối với kinh tế, xã hội và cả hoạt động đối ngoại¹.

Theo Klaus Schwab, đặc điểm của CMCN 4.0 là internet di động và phổ biến hơn rất nhiều, các cảm biến nhỏ hơn và mạnh mẽ hơn, rẻ hơn, cùng với trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence-AI) và học máy (machine learning). Tuy các công nghệ kỹ thuật số với phần cứng máy tính, phần mềm và mạng lưới là cốt lõi không phải là mới, nhưng khác với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, chúng ngày càng tinh vi và tích hợp hơn, do đó làm biến đổi các xã hội và nền kinh tế toàn cầu.²

¹ Henning Kagermann, Wolf-Dieter Lukas, and Wolfgang Wahlster, *Recommendations for Implementing the Strategic Initiative INDUSTRIE 4.0* (Munich: acatech – National Academy of Science and Engineering, 2013); và Klaus Schwab, *The Fourth Industrial Revolution* (Geneva: World Economic Forum, 2016).

² Xem thêm Schwab, *The Fourth Industrial Revolution*.

Nó được coi là một cuộc cách mạng khác biệt so với các cuộc cách mạng trước đây vì ba lý do chính:

- **Tốc độ (Velocity):** Cuộc cách mạng này phát triển theo cấp số nhân chứ không phải theo tốc độ tuyến tính, nhờ vào thế giới đa diện, liên kết sâu sắc mà chúng ta đang sống, và thực tế là công nghệ mới lại sinh ra công nghệ mới hơn, ngày càng có năng lực hơn.
- **Phạm vi và chiều sâu (Breadth and depth):** Như đã đề cập, cuộc cách mạng này được dựa trên cuộc cách mạng số (digital revolution) và kết hợp nhiều công nghệ dẫn đến những thay đổi mô hình chưa từng có trong kinh tế, kinh doanh, xã hội và ở cấp độ cá nhân. Nó không chỉ thay đổi “cái gì” và “cách thức” làm mọi việc, mà còn thay đổi việc “chúng ta là ai”.
- **Tác động hệ thống (Systems Impact):** Nó liên quan đến việc chuyển đổi toàn bộ các hệ thống, xuyên suốt (và bên trong) các quốc gia, công ty, ngành công nghiệp và toàn bộ xã hội.¹

1.2. Tác động của CMCN 4.0 đối với chính trị quốc tế và ngoại giao

Như trên đã khẳng định CMCN 4.0 không chỉ là việc áp dụng công nghệ số mà là một quá trình chuyển đổi sâu sắc, toàn diện và mang tính hệ thống. Lĩnh vực chính trị quốc tế và ngoại giao tất yếu chịu tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng này. Điều đó được thể hiện qua những khía cạnh sau đây:

- *Sự phân bổ lại quyền lực địa chính trị*

CMCN 4.0 đang góp phần tái định hình tương quan và cấu trúc quyền lực trong hệ thống quốc tế, khi trọng tâm cạnh tranh không còn chỉ xoay quanh các nguồn lực vật chất truyền thống mà ngày càng chuyển sang năng lực phát triển, kiểm soát và triển khai các công nghệ tiên tiến. Đối với các cường quốc và một số nền kinh tế có tham vọng dẫn dắt về công nghệ, vị thế đi đầu trong đổi mới sáng tạo

¹ Xem thêm Schwab, *The Fourth Industrial Revolution*..

không chỉ mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt, mà còn được coi là nguồn lợi thế chiến lược – an ninh, với khả năng tác động tới cán cân quyền lực và các quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Trong khi đó, đối với phần lớn các nước đang phát triển, ưu tiên lại nghiêng về việc tránh bị gạt ra bên lề các chuỗi giá trị số toàn cầu và giảm lệ thuộc về công nghệ vào một số ít trung tâm cung ứng. Cạnh tranh toàn cầu về vai trò dẫn dắt công nghệ ngày càng trở nên gay gắt, vượt ra ngoài các tính toán lợi ích kinh tế thuần túy để bao gồm cả yêu cầu về độc lập chiến lược và tự chủ công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, máy tính lượng tử, cơ sở hạ tầng số và an ninh mạng.

Sự chuyển dịch này có thể được nhìn thấy rõ hơn qua các nỗ lực hình thành và củng cố những “liên minh công nghệ” và khuôn khổ hợp tác số giữa các quốc gia. Các chủ thể lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu không chỉ cạnh tranh về năng lực công nghệ, mà còn tìm cách gia tăng ảnh hưởng lên các chuỗi cung ứng toàn cầu – từ chất bán dẫn, hạ tầng số tới quản lý dữ liệu quan trọng – nhằm bảo vệ và mở rộng vị thế quyền lực của mình. Chẳng hạn, sáng kiến “Chip 4” do Hoa Kỳ khởi xướng cùng Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan được xem là một nỗ lực tái cấu trúc chuỗi cung ứng bán dẫn theo hướng giảm phụ thuộc vào Trung Quốc và củng cố vai trò dẫn dắt công nghệ.¹ Khuôn khổ EU–Japan Digital Partnership ra đời năm 2022 nhấn mạnh hợp tác về 5G/6G, AI, bán dẫn và “dòng chảy dữ liệu tự do với sự tin cậy”, qua đó kết nối mục tiêu chuyển đổi số với các ưu tiên an ninh kinh tế và khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng.² Ở chiều ngược lại, Trung Quốc thúc đẩy “Con đường Tơ lụa số” như cầu phân công nghệ

¹ U.S. Congress, *Semiconductors and the CHIPS Act: The Global Context*, CRS Report R47558 (Washington, DC: Congressional Research Service, 28 September 2023), 29-30, <https://www.congress.gov/crs-product/R47558>.

² Council of the European Union and Government of Japan, *EU–Japan Digital Partnership*, 2022, <https://www.consilium.europa.eu/media/56091/%E6%9C%80%E7%B5%82%E7%89%88-jp-eu-digital-partnership-clean-final-docx.pdf>

của Sáng kiến Vành đai và Con đường nhằm mở rộng ảnh hưởng đối với hạ tầng số và các chuẩn mực công nghệ ở nhiều nước đang phát triển.¹

Quá trình này góp phần thúc đẩy xu hướng phân mảnh và phân cực công nghệ, khi ngày càng nhiều quốc gia cân nhắc lựa chọn đối tác công nghệ trên cơ sở các tính toán địa chính trị bên cạnh các lợi ích kinh tế.

- *Công nghệ trở thành công cụ quyền lực ngoại giao và ngoại giao công nghệ nổi lên như một lĩnh vực mới*

Một khía cạnh đặc biệt quan trọng của CMCN 4.0 là việc công nghệ số cho phép các quốc gia sử dụng các doanh nghiệp công nghệ như công cụ để “quốc tế hoá” quyền lực của mình vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Các nền tảng số toàn cầu như Google, Apple, Meta, Amazon, Microsoft trở thành kênh mở rộng ảnh hưởng của Hoa Kỳ, giúp nước này định hình chuẩn mực, kiểm soát một phần luồng thông tin và dữ liệu xuyên biên giới. Trung Quốc cũng phát triển một hệ sinh thái công nghệ nội địa với các tập đoàn như Huawei, China Mobile, Alibab, Tencent,... đồng thời thúc đẩy “Vành đai và Con đường số” như một cầu phân địa – kinh tế, qua đó gắn kết hạ tầng số với mục tiêu mở rộng ảnh hưởng địa chính trị tại nhiều khu vực. Trong bối cảnh đó, tự chủ công nghệ ngày càng được nhìn nhận như điều kiện quan trọng để bảo đảm chủ quyền quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Tính chất phức tạp của các vấn đề đặt ra bởi CMCN 4.0 đã dẫn đến sự phát triển của ngoại giao công nghệ (Tech Diplomacy/Techplomacy). Lĩnh vực này lần đầu tiên được Bộ Ngoại giao Đan Mạch đặt tên vào năm 2017. Theo đó, ngoại giao buộc phải tương tác với các tổ chức tiêu chuẩn, các tập đoàn R&D, đặc biệt là các “big tech” có sức nặng kinh tế – chính trị tương đương, thậm chí vượt một số quốc gia. Nếu chỉ dựa vào ngoại giao liên chính phủ truyền thống thì không còn đủ để bảo vệ lợi ích quốc gia. Ngoại giao công nghệ không chỉ bao gồm các cuộc đàm

¹ Meia Nouwens and Helena Legarda, *China’s Digital Silk Road: Integration into National IT Systems* (London: International Institute for Strategic Studies, 2020), 5-7.

phán song phương và đa phương mà còn thu hút đầu tư từ các công ty công nghệ toàn cầu, phát triển các khu vực khởi nghiệp công nghệ và xây dựng các hiệp ước quốc tế về các vấn đề như an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, quyền con người và đạo đức trong trí tuệ nhân tạo. Tóm lại, Techplomacy không chỉ là “ngoại giao dùng công nghệ” mà là “ngoại giao về công nghệ và các hệ lụy địa – chính trị của nó”, với đối tượng không chỉ là quốc gia mà còn là các tập đoàn công nghệ toàn cầu và toàn bộ hệ sinh thái công nghệ.

- *Vấn đề xung đột giữa các quy chuẩn công nghệ toàn cầu*

Một trong những thách thức lớn nhất của ngoại giao trong bối cảnh CMCN 4.0 là sự thiếu vắng đồng thuận toàn cầu về cách thức quản trị và điều tiết các công nghệ mới nổi. Khác với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, các công nghệ của CMCN 4.0 phát triển theo cấp số nhân, mang tính đột biến hơn là tuần tự, khiến các cơ chế quản lý quốc tế truyền thống khó theo kịp. Việc chưa hình thành được các chuẩn mực và quy tắc toàn cầu rõ ràng để điều chỉnh những công nghệ như trí tuệ nhân tạo, blockchain hay máy tính lượng tử đã dẫn tới một trật tự quốc tế trong đó các nguồn lực và ưu tiên chủ yếu tập trung vào việc sáng tạo và phổ biến công nghệ, kể cả những công nghệ tiềm ẩn rủi ro, nhiều hơn là vào việc giám sát và kiểm soát chúng.

Thách thức này càng phức tạp khi cạnh tranh chiến lược nước lớn gia tăng. Mặc dù là những chủ thể đi đầu trong phát triển công nghệ song các cường quốc lại không có nhiều động cơ xây dựng và tuân thủ các quy tắc quốc tế có thể hạn chế lợi thế cạnh tranh của họ. Trong bối cảnh đó, vẫn cần ghi nhận rằng các khuôn khổ đàm phán song phương giữa các cường quốc về vấn đề công nghệ, cũng như các tiến trình thảo luận trong khuôn khổ WTO, G20, Liên minh Viễn thông Quốc

tế (ITU) và các diễn đàn đa phương khác, có thể tạo ra những điều chỉnh thực chất và góp phần định hình cơ chế quản trị toàn cầu đối với các công nghệ mới.¹

- *Nội hàm và “chuỗi giá trị” công việc ngoại giao được số hóa*

CMCN 4.0 đã từng bước số hoá “chuỗi giá trị” của hoạt động ngoại giao. Corneliu Bjola và Marcus Holmes xem ngoại giao số như một dạng “quản trị thay đổi” (management of change), trong đó công nghệ số tái định hình các khâu thu thập và xử lý thông tin, phân tích, tham vấn, đàm phán, truyền thông và quản lý khủng hoảng. Ở mức vi mô, các công cụ số (hệ thống quản lý tri thức, cổng thông tin nội bộ, phân tích dữ liệu mạng xã hội, nền tảng họp trực tuyến...) giúp Bộ ngoại giao và các cơ quan đại diện (CQDD) xử lý công việc thường nhật nhanh hơn, chi phí thấp hơn và chính xác hơn. Ở mức vĩ mô, cũng chính những công nghệ đó mở ra một môi trường mới cho ngoại giao công chúng, quyền lực mềm và cả chiến tranh thông tin, trong đó hình ảnh quốc gia, câu chuyện đối ngoại và uy tín thể chế được kiến tạo và tranh chấp ngày càng nhiều trên không gian số.² Điều này đòi hỏi năng lực số cũng như hiểu biết công nghệ của nhà ngoại giao.

Nội hàm của ngoại giao từ đó cũng xuất hiện hai lớp nội dung mới, thường được khái quát thành “ngoại giao số” (digital diplomacy) và “chính sách đối ngoại số” (digital foreign policy). Ngoại giao số nhấn mạnh đến ngoại giao trong môi trường số và ngoại giao sử dụng công nghệ số tức là sử dụng mạng xã hội, website, nền tảng trực tuyến, AI, big data... để làm truyền thông đối ngoại, ngoại giao công chúng, thực hiện công tác lãnh sự trực tuyến, cung cấp dịch vụ cho công dân, quản

¹ Peter Engelke, “Three Ways the Fourth Industrial Revolution Is Shaping Geopolitics,” *World Economic Forum*, 24 August 2018, <https://www.weforum.org/stories/2018/08/three-ways-the-fourth-industrial-revolution-is-shaping-geopolitics>; World Trade Organization, *Trading with Intelligence: How AI Shapes and Is Shaped by International Trade* (Geneva: World Trade Organization, 2024), https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/trading_with_intelligence_e.pdf; và G20 Digital Economy Ministers, *Maceió Ministerial Declaration on Digital Economy*, 13 September 2024, https://g7g20-documents.org/fileadmin/G7G20_documents/2024/G20/Brazil/Sherpa-Track/Digital%20Economy%20Ministers/1%20Ministers%27%20Language/G20_DEWG_Maceio_Ministerial_Declaration_13092024.pdf

² Marcus Holmes, “Digital Diplomacy and International Change Management,” in *Digital Diplomacy: Theory and Practice*, ed. Corneliu Bjola and Marcus Holmes (London and New York: Routledge, 2015), 13-32.

lý thông tin, phân tích dữ liệu,... phục vụ hoạch định chính sách. Còn Chính sách đối ngoại số nhấn mạnh chính sách đối ngoại phải bao trùm các vấn đề số (an ninh mạng, quyền riêng tư, dữ liệu xuyên biên giới, quản trị nền tảng số...), nhấn mạnh đến đàm phán về an ninh mạng, dữ liệu xuyên biên giới, quản trị Internet, chuẩn mực về AI, bảo vệ quyền riêng tư... Đây chính là phần giao thoa rất lớn với “tech diplomacy”.

Như vậy, CMCN 4.0 làm biến đổi nội dung và phương thức triển khai ngoại giao, khi ngoại giao vừa phải xử lý “các vấn đề của kỷ nguyên số”, vừa phải vận hành hiệu quả trong một môi trường số hoá sâu rộng.

- *Tác động đến các quốc gia đang phát triển*

Khoảng cách công nghệ số toàn cầu trở nên ngày càng rõ ràng hơn dưới tác động của CMCN 4.0. Các quốc gia yếu kém về khả năng sáng tạo công nghệ và có cơ sở hạ tầng kỹ thuật số sơ sài phải đối mặt với rủi ro bị tụt lại phía sau trong cạnh tranh toàn cầu, dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng kinh tế. Ngoại giao công nghệ vì vậy cũng bao gồm các nỗ lực tích cực để chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển năng lực và tạo điều kiện tiếp cận bình đẳng các lợi ích của CMCN 4.0 cho tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Ngoài ra, các nước đang phát triển cũng phải đối mặt với rủi ro mới như an ninh mạng, thao túng thông tin, phụ thuộc hạ tầng số... CMCN 4.0 kéo theo sự phụ thuộc vào hạ tầng số, dữ liệu, mạng lưới. Điều đó khiến các quốc gia phải đối mặt với nhiều nguy cơ như tấn công mạng, can thiệp bầu cử, chiến tranh thông tin,... Trong đây bao gồm những thách thức không chỉ đối với các quốc gia đang phát triển song cần nhấn mạnh những nước đang phát triển vẫn là những nước dễ bị tổn thương nhất. Mặt khác, những vấn đề này đều đang trở thành chủ đề đàm phán về việc xây dựng các cơ chế hợp tác cũng như quản trị rủi ro.

Tựu chung lại, CMCN 4.0 khiến mọi khía cạnh của ngoại giao – công cụ, chủ đề, môi trường, năng lực cán bộ làm đối ngoại – đều gắn với số hóa. Do vậy vấn đề

CĐS trong ngoại giao không còn là lựa chọn mang tính bổ sung mà là yêu cầu mang tính cấu trúc để mỗi quốc gia vừa có thể thích ứng để sử dụng công cụ mới, vừa là phản ứng với một cấu trúc quyền lực và rủi ro mới do CMCN 4.0 tạo ra.

2. Vấn đề CĐS trong ngoại giao

2.1. Khung lý thuyết được áp dụng

Bài nghiên cứu này tiếp cận vấn đề CĐS trong ngoại giao dưới hai lăng kính lý thuyết mang tính khung tham chiếu. *Thứ nhất*, từ lăng kính ngoại giao số, CĐS được nhìn nhận như quá trình các cơ quan đối ngoại chủ động ứng dụng công nghệ và nền tảng số nhằm hỗ trợ tốt hơn cho việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại.¹ Điều này bao gồm việc sử dụng mạng xã hội và các kênh trực tuyến cho mục tiêu truyền thông đối ngoại và ngoại giao công chúng, tổ chức hội nghị và tham vấn qua hình thức trực tuyến, từng bước số hóa và tự động hóa một số dịch vụ lãnh sự, bảo hộ công dân và quản lý hồ sơ, cũng như tăng cường năng lực bảo đảm an ninh mạng cho hạ tầng thông tin của ngành ngoại giao.² Theo cách hiểu này, CĐS không phải một trào lưu kỹ thuật thuần túy, mà gắn trực tiếp với yêu cầu hiện đại hóa phương thức hoạt động ngoại giao và điều chỉnh chính sách đối ngoại trong bối cảnh CMCN 4.0.

Thứ hai, bài viết tiếp cận công nghệ số như một công cụ có khả năng khuếch đại các nguồn lực quyền lực vốn có của quốc gia, hơn là một “phép màu” có thể tự thân tạo ra sức mạnh mới. Các tranh luận về sức mạnh không gian mạng (cyber power) và phân bổ quyền lực trong không gian mạng cho thấy phân bổ sức mạnh số thường phản chiếu – hơn là đảo ngược – cấu trúc quyền lực truyền thống, dù

¹ Xem thêm Corneliu Bjola and Marcus Holmes, *Digital Diplomacy: Theory and Practice* (London and New York: Routledge, 2015); Brian Hocking and Jan Melissen, *Diplomacy in the Digital Age* (The Hague: Netherlands Institute of International Relations “Clingendael,” 2015); và Ilan Manor, *The Digitalization of Public Diplomacy* (Cham: Palgrave Macmillan, 2019).

² Xem thêm Corneliu Bjola and James Pamment, eds., *Countering Online Propaganda and Extremism: The Dark Side of Digital Diplomacy* (London and New York: Routledge, 2019); và Elsa Hedling and Niklas Bremberg, “Practice Approaches to the Digital Transformations of Diplomacy: Toward a New Research Agenda,” *International Studies Review* 23, no. 4 (2021): 1595–1618.

có mở ra một số không gian hành động mới cho các chủ thể nhỏ và phi nhà nước.¹ Một số quan niệm lạc quan mang màu sắc “cyber-utopianism” hoặc “technological solutionism” giả định rằng chỉ cần đầu tư vào hạ tầng số, các quốc gia có thể “nhảy cóc” những hạn chế về quy mô kinh tế, tiềm lực quân sự hay mức độ hấp dẫn về văn hóa.² Tuy nhiên cách tiếp cận mà nghiên cứu này lựa chọn nhấn mạnh rằng hiệu quả thực sự của CDS trong ngoại giao phụ thuộc chủ yếu vào nền tảng thể chế, chất lượng nguồn nhân lực, mức độ hội nhập quốc tế và tầm nhìn chiến lược của từng quốc gia. Một số quốc gia vừa và nhỏ hội tụ các yếu tố trên đã chứng minh rằng họ có thể tận dụng ngoại giao số để vượt lên trên trọng lượng chính trị hoặc kinh tế hiện tại.³ Cách tiếp cận này đối với Việt Nam mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc. Bằng cách tiếp cận trực tiếp và tương tác với hàng triệu người trên toàn cầu, Bộ Ngoại giao và hệ thống cơ quan đại diện có thể định hình tích cực dư luận quốc tế về đất nước, qua đó nâng cao vị thế ngoại giao trong các khuôn khổ song phương và đa phương. Do đó, CDS là con đường chiến lược để Việt Nam tối ưu hóa sức mạnh tổng hợp quốc gia trong môi trường quốc tế phức tạp.

2.2. Một số nội hàm của CDS trong ngoại giao trong bối cảnh Việt Nam

2.2.1. Bản chất của CDS trong ngoại giao: Từ Ngoại giao điện tử (E-Diplomacy) đến CDS toàn diện (Holistic Digital Transformation)

Ngoại giao số hiện đại đã tiến xa hơn so với mô hình Chính phủ Điện tử (E-Government) trước đây. Chính phủ số mà Việt Nam đang hướng tới, và ngoại giao số là một phần cấu thành, bản chất vẫn là chính phủ điện tử nhưng được bổ

¹ Xem thêm Joseph S. Nye Jr., *Cyber Power* (Cambridge, MA: Belfer Center for Science and International Affairs, Harvard Kennedy School, 2010); Joseph S. Nye Jr., *The Future of Power* (New York: PublicAffairs, 2011); và Madeline Carr, *US Power and the Internet in International Relations: The Irony of the Information Age* (Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2016).

² Xem thêm Evgeny Morozov, *The Net Delusion: The Dark Side of Internet Freedom* (New York: PublicAffairs, 2011).

³ Lê Đình Tĩnh, *Ngoại giao số: Lý luận và thực tiễn* (Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới, 2021), 192-195.

sung những thay đổi về cách tiếp cận và triển khai nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ số.

Qua các văn bản phổ biến chính sách, Chính phủ số của Việt Nam, trong đó có Bộ Ngoại giao, được xác định phải hội tụ “bốn Có”:¹

(i) Có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số: Đảm bảo tính bảo mật và liên tục của các quy trình đối ngoại.

(ii) Có khả năng cung cấp dịch vụ mới nhanh chóng: Phản ứng linh hoạt với nhu cầu của công dân và doanh nghiệp.

(iii) Có khả năng sử dụng nguồn lực tối ưu: Tăng cường hiệu suất vận hành.

(iv) Có khả năng kiến tạo phát triển, dẫn dắt CDS quốc gia: Ngoại giao không chỉ là người dùng mà còn là người định hình xu hướng.

Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS đã khẳng định: “Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số”.² Ngoại giao số, trong ngữ cảnh này, là một quá trình chuyển đổi toàn diện, không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu hay sử dụng email, mà còn là xây dựng các nền tảng số hóa cho phép các cơ quan đối ngoại thực hiện chức năng kiến tạo và hỗ trợ cán bộ trong quá trình ra quyết định chiến lược.

¹ Lê Anh, “Chính phủ số là chính phủ điện tử bổ sung 4 ‘Có’,” *VietTimes*, 16/6/2021, <https://viettimes.vn/chinh-phu-so-la-chinh-phu-dien-tu-bo-sung-4-co-post146900.htm>

² Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Thứ trưởng Ngoại giao Lê Anh Tuấn trả lời phỏng vấn về công tác chuyển đổi số của ngành ngoại giao,” 24/08/2025, <https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/thu-truong-ngoai-giao-le-anh-tuan-tra-loi-phong-van-ve-cong-tac-chuyen-doi-so-cua-nganh-ngoai-giao-57422-140.html>

2.2.2. Khai thác hiệu quả của Dữ liệu lớn (Big Data) và Trí tuệ Nhân tạo (AI)

Dữ liệu lớn và Trí tuệ Nhân tạo đóng vai trò là chìa khóa then chốt, tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội trong quá trình CDS toàn diện của ngành ngoại giao. Khả năng khai thác và tận dụng tối đa tài nguyên dữ liệu trong thời đại 4.0 mang lại những ứng dụng thiết yếu có thể kể đến như:

- *Thấu hiểu công chúng và cá nhân hóa thông điệp ngoại giao*

Ngoại giao hiện đại đòi hỏi khả năng tác động đến dư luận toàn cầu. Big Data thu thập và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau – từ mạng xã hội, tin tức quốc tế, đến các xu hướng tìm kiếm – để hiểu rõ hành vi, sở thích và nhận thức của công chúng mục tiêu. Tương tự như cách các nền tảng thương mại điện tử hoặc giải trí sử dụng AI và Big Data để gợi ý sản phẩm hoặc nội dung dựa trên lịch sử xem và đánh giá của người dùng, ngoại giao có thể sử dụng công nghệ này để cá nhân hóa thông điệp, tối ưu hóa chiến dịch thông tin đối ngoại (lựa chọn kênh và nội dung phù hợp), từ đó cải thiện nội dung và đo lường hiệu quả hoạt động một cách chính xác. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh đất nước và bảo vệ lợi ích quốc gia trên không gian mạng.

- *Dự đoán xu hướng và quản lý khủng hoảng*

AI và Big Data cho phép Bộ Ngoại giao chuyển từ chế độ phản ứng sang chế độ chủ động, dự đoán. Bằng cách phân tích các tập dữ liệu lớn về kinh tế, chính trị và xã hội trên phạm vi toàn cầu, AI có thể giúp dự báo các điểm nóng tiềm năng, các xu hướng thị trường mới nổi hoặc các rủi ro địa chính trị. Trong ngoại giao, khả năng này giúp tối ưu hóa chiến lược đối ngoại, nâng cao khả năng phản ứng nhanh và chính xác của Bộ Ngoại giao trước các biến động quốc tế.

- *Tự động hóa tác vụ và quản trị rủi ro*

Sự kết hợp giữa Big Data và AI giúp tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn trong quy trình vận hành và tăng cường hiệu quả quản lý.

Trong bối cảnh toàn cầu, các cường quốc đang tập trung vào việc quản lý rủi ro và thiết lập các quy tắc cho AI, nhấn mạnh sự cần thiết của cách tiếp cận dựa trên rủi ro (risk-based approach), cùng với các nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đối với Việt Nam, điều này hàm ý rằng ngoại giao công nghệ cần tập trung vào việc thu hút chuyên gia, đào tạo nhân lực số và tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị AI toàn cầu để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng theo hướng có lợi cho lợi ích quốc gia, thay vì chỉ là người tiêu dùng thụ động của công nghệ.

3. Thực tiễn CDS trong ngành ngoại giao Việt Nam thời gian qua

Ở Việt Nam, khái niệm CDS nói chung và CDS trong từng lĩnh vực nói riêng trong đó có ngoại giao chỉ thực sự xuất hiện dày đặc trong diễn ngôn chính sách từ khoảng năm 2018 trở lại đây, trước đó chủ yếu được nói dưới các thuật ngữ “ứng dụng công nghệ thông tin”, “tin học hóa”, “chính phủ điện tử”. Tuy nhiên hiện nay, như Thứ trưởng Ngoại giao Lê Tuấn Anh nhận định “Chuyển đổi số đã không còn là một khái niệm mới, xu thế mới, mà đã trở thành một thực tế, đòi hỏi tất yếu trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống, trong đó có lĩnh vực đối ngoại”.

Trong bối cảnh CDS quốc gia được xác lập là động lực phát triển mới, ngành Ngoại giao Việt Nam đã trở thành một trong những ngành đi đầu trong triển khai mô hình “ngành ngoại giao số”. Thực tiễn những năm gần đây cho thấy cách tiếp cận của Việt Nam mang tính hệ thống, gắn CDS với hiện đại hóa bộ máy, đổi mới phương thức tiến hành đối ngoại và nâng cao hiệu quả quản trị của Bộ Ngoại giao.

3.1. Hoàn thiện khung thể chế và định vị chiến lược cho CDS trong ngoại giao

Bước ngoặt thể chế đối với CDS nói chung và ngoại giao số nói riêng bắt đầu với Nghị quyết 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp 4.0. Văn kiện này lần đầu tiên yêu cầu “đẩy mạnh CDS quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số” như một trụ cột chiến lược của phát triển Việt Nam đến 2030 và 2045. Tiếp đó, Quyết định 749/QĐ-TTg năm 2020 phê duyệt

Chương trình CDS quốc gia xác định rõ ba trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đặt ra mục tiêu tới 2030 Việt Nam nằm trong nhóm 30 nước dẫn đầu về chuyển đổi số.

Việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về tạo đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS quốc gia cho thấy tầm nhìn dài hạn và chủ động của Đảng trong bối cảnh CMCN 4.0 đang làm thay đổi sâu sắc đời sống kinh tế – xã hội toàn cầu. Nghị quyết nhấn mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữ vai trò là động lực trọng yếu để thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất và củng cố sức cạnh tranh của nền kinh tế. Định hướng này phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới, nơi các quốc gia đi đầu đều xem những lĩnh vực này là nhân tố quyết định giúp ứng phó hiệu quả với các thách thức mới và bảo đảm phát triển bền vững trong dài hạn.

Văn bản quan trọng gần đây nhất là Nghị quyết 292/NQ-CP ngày 23/9/2025, trong đó Chính phủ yêu cầu Bộ Ngoại giao “chú trọng xây dựng ngành ngoại giao số và triển khai các dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông để phục vụ chuyển đổi số”, bao gồm số hóa quy trình công vụ, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phát triển hệ thống phần mềm dùng chung, và nâng cao năng lực số của cán bộ.⁴ Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng để ngoại giao số trở thành một hợp phần chính thức trong chiến lược phát triển ngành tới 2030 và tầm nhìn 2045.

3.2. Số hóa quy trình làm việc và xây dựng nền tảng Chính phủ số của Bộ Ngoại giao

Một trụ cột quan trọng của ngoại giao số là chuyển đổi trong hoạt động nội bộ. Theo thông tin từ Bộ Ngoại giao tháng 8/2025, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ đã được tích hợp lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử được triển khai thống nhất từ Bộ tới các CQĐD ở nước ngoài, cho phép xử lý văn bản, phê duyệt hồ sơ và trao đổi công vụ không

mật hoàn toàn trên môi trường số, giảm đáng kể thời gian xử lý thủ tục so với mô hình truyền thống.

Bộ Ngoại giao cũng xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của ngành, kết nối dữ liệu giữa các đơn vị trong Bộ và giữa Bộ với CQĐD. Đây là bước tiến quan trọng tạo nền tảng cho phân tích dữ liệu lớn trong hoạt động nghiên cứu, dự báo, bảo hộ công dân và quản lý hồ sơ đối ngoại.

Bộ Ngoại giao cũng thể hiện quyết tâm chuyển đổi số, đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng AI trong các hoạt động thời gian tới. Phát biểu tại tọa đàm “Ứng dụng AI trong cơ quan, tổ chức tại Việt Nam và kinh nghiệm cho Bộ Ngoại giao” ngày 29/5/2025, Thứ trưởng Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng khẳng định, AI là công cụ rất hữu ích giúp tiết kiệm thời gian, nguồn lực trong xử lý công việc, tuy vậy việc sử dụng và kiểm soát AI như thế nào thì cần có nghiên cứu, đánh giá kỹ và triển khai thí điểm. Thứ trưởng đánh giá buổi tọa đàm sẽ là dịp Bộ Ngoại giao nhận được các ý kiến tư vấn, gợi ý, đề xuất, kiến nghị cụ thể trong việc triển khai ứng dụng AI trong hoạt động của Bộ.

3.3. Ngoại giao số trong thông tin đối ngoại và ngoại giao công chúng

Bên cạnh cải cách nội bộ, Bộ Ngoại giao đã sử dụng mạnh mẽ các nền tảng số trong thông tin đối ngoại. Bộ Ngoại giao là một trong những cơ quan đi đầu trong phát huy truyền thông mạng xã hội với công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại. Từ năm 2015, Bộ Ngoại giao đã tiến hành khởi tạo và sử dụng mạng xã hội trong thông tin tuyên truyền và đến nay, đang vận hành các tài khoản trên các nền tảng phổ biến nhất như Facebook (bằng tiếng Việt), Twitter (nay là X, bằng tiếng Anh), nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng quốc tế. Tính đến tháng 5/2021, Bộ có sáu tài khoản mạng xã hội bao gồm cả Twitter, Instagram và Facebook thu hút được sự theo dõi và tương tác đông đảo của các giới chính trị gia, học giả, báo chí

nước ngoài và công chúng trong, ngoài nước.¹ Trang thông tin của gần 100 CQDD sử dụng đồng bộ chuẩn nhận diện số của Bộ, cập nhật thông tin lãnh sự, hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa, đối ngoại Đảng và nhân dân.

Đáng chú ý là việc sử dụng mạng xã hội như công cụ “ngoại giao công chúng thời gian thực”. Trong giai đoạn dịch COVID-19, hàng loạt CQDD đã sử dụng website, Facebook, whatsapp... để cập nhật thông tin về lịch làm việc cơ quan, các quy định về xuất nhập cảnh Việt Nam, các chuyến bay giải cứu, nắm bắt tình hình của công dân, tiếp nhận yêu cầu bảo hộ công dân, xử lý nhiều trường hợp cấp bách. Đây là ví dụ rõ ràng nhất cho thấy ngoại giao số không chỉ là truyền thông mà trực tiếp hỗ trợ an ninh con người và quyền lợi công dân.

3.4. Hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp hội nhập quốc tế trong môi trường số

Ngoại giao số cũng được triển khai theo hướng hỗ trợ địa phương CDS và hội nhập số, phù hợp chủ trương đưa CDS trở thành động lực phát triển của kinh tế – xã hội địa phương. Bộ Ngoại giao tổ chức các hội nghị kết nối đa phương trực tuyến giữa CQDD và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành nhằm giới thiệu cơ hội đầu tư, mô hình kinh tế số, đổi mới sáng tạo và xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới.²

Trong đại dịch Covid-19, nhiều CQDD đã sử dụng nền tảng trực tuyến để kết nối doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài. Điều này cho phép mở rộng mạng lưới tiếp xúc mà không bị giới hạn bởi chi phí hay khoảng cách địa lý. Sau đại dịch, mô hình hội nghị, hội thảo hỗn hợp (hybrid format) kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến tiếp tục được duy trì và dần trở thành một phương thức tổ chức phổ

¹ Bà Lê Thị Thu Hằng, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Cần nói cả những điều người ta muốn nghe chứ không chỉ những điều mình muốn nói”, *Nhân Dân*, 26/05/2021, <https://nhandan.vn/can-noi-ca-nhung-dieu-nguoi-ta-muon-nghe-chu-khong-chi-nhung-dieu-minh-muon-noi-post647894.html>

² Bộ Ngoại giao Việt Nam, “Tọa đàm Gặp gỡ Đoàn Ngoại giao, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, kết nối địa phương, doanh nghiệp Việt Nam,” 13/12/2021, <https://dsq.mofa.gov.vn/vi/web/guest/tin-chi-tiet/chi-tiet-toa-dam-gap-go-doan-ngoai-giao-hiep-hoi-doanh-nghiep-nuoc-ngoai-ket-noi-dia-phuong-doanh-nghiep-viet-nam--140.html>

biến, nhờ khả năng mở rộng phạm vi tham dự, giảm chi phí và nâng cao tính linh hoạt trong triển khai hoạt động đối ngoại.

3.5. Ứng dụng ngoại giao số trong triển khai trụ cột đối ngoại đa phương

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 làm tê liệt gần như toàn bộ lịch họp trực tiếp của ASEAN năm 2020, Việt Nam trên cương vị Chủ tịch đã thể hiện rõ năng lực “cầm lái” khi chủ động chuyển nhanh sang mô hình hội nghị trực tuyến, qua đó duy trì được động lực hợp tác khu vực. Nhiều tổng kết chính thức ghi nhận Việt Nam là nước “đi tiên phong” trong việc tổ chức các cuộc họp trực tuyến của ASEAN và bảo đảm các cơ chế phối hợp vẫn vận hành đều đặn bất chấp hạn chế đi lại.¹ Theo chia sẻ của Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam (5/2021) trong Năm Chủ tịch ASEAN, thông thường Việt Nam phải đăng cai khoảng 200 hoạt động nhưng vì dịch Covid-19, Việt Nam đã chuyển đổi và đã chủ trì gần 550 hoạt động trực tuyến nhưng hiệu quả thì không hề suy giảm. Hiệp định Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) lịch sử đã được ký kết ngày 15/11/2020 trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 và các Hội nghị Cấp cao liên quan, do Việt Nam chủ trì theo hình thức trực tuyến. Những kết quả này cho thấy Việt Nam không chỉ ứng phó kịp thời với hoàn cảnh bất thường, mà còn khẳng định năng lực tổ chức, điều phối và thích ứng số của một Chủ tịch ASEAN “gắn kết và chủ động thích ứng”.

Nhìn từ lăng kính ngoại giao số, vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA LHQ) nhiệm kỳ 2020-2021 của Việt Nam có thể xem là một “ca điển hình” về thích ứng số trong điều kiện khủng hoảng. *Thứ nhất*, Việt Nam tham gia HĐBA đúng vào lúc Hội đồng buộc phải chuyển sang làm việc trực tuyến và mô hình kết hợp trực tiếp - trực tuyến để duy trì hoạt động do COVID-19. Báo cáo điểm nhấn năm 2021 của HĐBA cho thấy các cuộc họp bằng hình thức videoconference, khởi đầu từ 2020, đã trở thành cầu phân thường xuyên

¹ Quang Minh, “Viet Nam's ASEAN Membership: Major Contributions,” *Viet Nam Government News*, 05/8/2025, <https://en.baohinhphu.vn/viet-nams-asean-membership-major-contributions-111250805080328622.htm>

trong phương thức làm việc của Hội đồng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam không chỉ “theo kịp” mà còn tận dụng khá tốt môi trường số để bảo đảm tiếng nói của mình và của các nước đang phát triển vẫn hiện diện đều đặn trong thảo luận của HĐBA.

Thứ hai, trong tháng Chủ tịch HĐBA (4/2021), Việt Nam đã chủ trì ba phiên thảo luận cấp cao đều có yếu tố trực tuyến/hybrid, trong đó có phiên tranh luận mở cấp Bộ trưởng “Protection of Objects Indispensable to the Survival of the Civilian Population” được tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Việc lựa chọn chủ đề liên quan tới bảo vệ thường dân, hợp tác LHQ - tổ chức khu vực, khắc phục hậu quả bom mìn... rồi “đóng gói” thành các phiên thảo luận mở, với sự tham dự đông đảo của các nước thành viên và quan sát viên, cho thấy Việt Nam đã biết dùng nền tảng số để mở rộng không gian thảo luận, kéo thêm nhiều chủ thể ngoài HĐBA (các tổ chức khu vực, nước không phải ủy viên HĐBA) vào đối thoại.

Thứ ba, qua ngoại giao số, Việt Nam góp phần “dân chủ hóa” hình ảnh và thông tin về hoạt động HĐBA. Các sự kiện chủ trì trong tháng 4/2021 được truyền thông rộng rãi trên các kênh trực tuyến, trang tin và mạng xã hội của CQĐD Việt Nam bên cạnh hệ thống thông tin chính thức của LHQ. Nghị quyết 2573 (2021) về bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với sự sống của người dân do Việt Nam đề xuất, chủ trì và dẫn dắt để Hội đồng Bảo an thông qua cũng được phổ biến công khai, tạo hiệu ứng lan tỏa vượt ra ngoài “phòng họp kín” truyền thống. Điều này phù hợp với logic ngoại giao số: dùng công cụ số để tăng mức độ minh bạch, giải thích đường lối và ưu tiên của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế và dư luận trong nước.

Cuối cùng, nếu đặt trong tổng thể “10 điểm nhấn” nhiệm kỳ HĐBA 2020-2021 do chính phía Việt Nam tổng kết (nhấn mạnh đóng góp về xây dựng đồng thuận, thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, đề cao vai trò ASEAN...), có thể thấy ngoại giao số là điều kiện hạ tầng cho những thành tựu đó. Nhờ môi trường trực tuyến, Việt

Nam vừa duy trì mật độ hoạt động dày đặc, vừa lồng ghép được ưu tiên của mình vào nghị sự chung, trong khi vẫn bảo đảm được tính bao trùm (nhiều nước tham dự, nhiều tiếng nói được mời phát biểu).

Tóm lại, nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực HĐBA 2020-2021 cho thấy Việt Nam không chỉ hoàn thành tốt vai trò trong nghĩa truyền thống, mà còn thích ứng nhanh với không gian ngoại giao trực tuyến – hỗn hợp, biến bối cảnh dịch bệnh và các phiên họp trực tuyến thành cơ hội để nâng cao hiện diện, hình ảnh và tiếng nói tại LHQ.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực ngoại giao số

Chuyển đổi số không thể thành công nếu chỉ dựa vào hạ tầng. Vì vậy, Bộ Ngoại giao bước đầu triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập kỹ năng số cho toàn hệ thống, giúp cán bộ từ lãnh đạo đến chuyên viên đều thành thạo nền tảng số, chuyển từ tư duy giấy tờ sang tư duy dữ liệu.

Các lớp đào tạo về bảo mật thông tin, quản trị dữ liệu, xử lý văn bản điện tử, kỹ năng truyền thông số, phân tích dữ liệu và gần đây là ứng dụng AI được đưa vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên của Học viện Ngoại giao và Vụ Tổ chức Cán bộ. Đây là xu hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, khi ngoại giao số đòi hỏi nhà ngoại giao phải đồng thời là nhà phân tích số, người truyền thông số và người quản trị dữ liệu.

Đánh giá chung

Thực tiễn cho thấy Việt Nam không tiếp cận ngoại giao số như một công cụ truyền thông đơn lẻ, mà triển khai theo ba lớp liên kết:

- (i) Số hóa quy trình – dữ liệu – dịch vụ trong Bộ và các CQĐD;
- (ii) Tận dụng nền tảng số để mở rộng không gian đối ngoại, đặc biệt là thông tin đối ngoại và bảo hộ công dân;

(iii) Phát triển năng lực con người và liên thông CDS với địa phương, doanh nghiệp và công dân.

Điều này cho phép ngành Ngoại giao Việt Nam dịch chuyển từ mô hình hành chính truyền thống sang mô hình ngoại giao dựa trên dữ liệu, kết nối số và năng lực số, phù hợp xu hướng quốc tế và yêu cầu của một môi trường đối ngoại ngày càng phức tạp, biến động nhanh chóng, khó lường.

4. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển đổi số của ngoại giao Việt Nam và kiến nghị chính sách

4.1. Một số vấn đề đặt ra:

Chúng tôi nhận định quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực ngoại giao tại Việt Nam nói riêng đối mặt với một số vấn đề sau:

Thứ nhất là nguy cơ thao túng thông tin và dư luận số trên toàn cầu. Việc ứng dụng tuyên truyền tính toán và các hệ thống Bot đã trở nên phổ biến trong hoạt động ngoại giao hiện đại. Các Bộ Ngoại giao cũng như nhiều tổ chức quốc tế đã bắt đầu tuyển dụng chuyên gia lập trình phần mềm nhằm thực hiện phân tích dữ liệu lớn và can thiệp vào các thuật toán truyền thông xã hội thông qua việc triển khai các Bot. Nếu chúng ta chưa có bộ phận chuyên trách về kỹ thuật, nội dung và chiến lược thì sẽ khó ứng phó kịp thời với những diễn biến mới của thực tiễn. Hiện tượng buồng vang (Echo Chambers), thông tin củng cố thiên kiến sẵn có của người dùng mạng, và sự lan truyền của thông tin sai lệch (Disinformation) sẽ là những nguy cơ nhãn tiền khi không nhận diện và đối phó kịp thời với việc các tác nhân trong và ngoài Việt Nam dùng công cụ tính toán để thao túng thông tin.¹

Thứ hai, trong khi chúng ta vẫn coi truyền thông mạng chủ yếu để lan tỏa sức mạnh mềm và văn hóa thì không gian số đang ngày càng trở thành lĩnh vực bị

¹ Ilan Manor, “The Digitalization of Diplomacy: Toward Clarification of a Fractured Terminology,” Working Paper no. 2, Oxford Digital Diplomacy Research Group, 2018, <http://www.qeh.ox.ac.uk/sites/www.odid.ox.ac.uk/files/DigDiploROxWP2.pdf>

quân sự hóa, vũ khí hóa, chuyển đổi môi trường mạng thành chiến trường thông tin. Môi trường mạng được nhìn nhận là nơi các chủ thể đối kháng cạnh tranh để xây dựng và truyền tải những cách diễn giải sự kiện, những câu chuyện, hình ảnh có lợi cho phe mình. Tiềm ẩn nguy cơ trở thành môi trường thúc đẩy chủ nghĩa cực đoan và các hành vi bạo lực.

Thứ ba là những rủi ro về quy trình và độ tin cậy thông tin. Trong bối cảnh ngoại giao phải thiết lập các cơ chế phản ứng theo thời gian thực đối với các sự kiện đột xuất (ví dụ: thiên tai, khủng bố), các rủi ro về quy trình có thể tác động tiêu cực đến chất lượng và độ tin cậy của thông tin. Sự thiếu chính xác hoặc chậm trễ trong quy trình cung cấp thông tin có thể làm giảm hiệu quả của công tác viện trợ nhân đạo hoặc hoạt động bảo hộ lãnh sự, đặc biệt trong các tình huống khủng hoảng. Từ đó, đòi hỏi các cơ quan ngoại giao phải duy trì một quy trình kiểm soát chất lượng thông tin nghiêm ngặt để đảm bảo sự chính xác và kịp thời, duy trì uy tín quốc gia.

4.2. Kiến nghị

Để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động đối ngoại trong môi trường số hóa, Việt Nam cần tập trung triển khai đồng bộ bốn kiến nghị chiến lược sau, nhằm xây dựng nền Ngoại giao số vững mạnh, chuyên nghiệp và thích ứng.

Thứ nhất, đầu tư vào nhân lực ngoại giao số. Việt Nam cần ưu tiên đầu tư vào nguồn nhân lực ngoại giao kỹ thuật số bằng cách đưa các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu lớn, và truyền thông số vào chương trình giảng dạy của các cơ sở đào tạo ngoại giao. Cần trang bị cho cán bộ ngoại giao kỹ năng sử dụng công cụ số để thực hiện Ngoại giao Công chúng (Public Diplomacy), theo dõi dư luận số, và triển khai các chiến dịch truyền thông quốc tế một cách chuyên nghiệp, đảm bảo đội ngũ có thể chủ động đối phó với thao túng thông tin và xây dựng hình ảnh quốc gia hiệu quả trên không gian mạng.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế và chuẩn hóa dữ liệu. Cần xây dựng và ban hành các quy chuẩn, hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng công cụ số, quản lý thông tin mật, và tương tác trên mạng xã hội trong các cơ quan đại diện. Tránh tình trạng Đại sứ dùng mạng xã hội nêu quan điểm cá nhân trái với quan điểm chung của cơ quan ngoại giao, hoặc khi cơ quan ngoại giao chưa đưa ra quan điểm. Đồng thời, cần thiết lập một hệ thống dữ liệu ngoại giao tập trung, chuẩn hóa để các cơ quan có thể chia sẻ thông tin, phân tích xu hướng quốc tế và đưa ra quyết sách kịp thời, chính xác.

Thứ ba, ưu tiên an ninh mạng. Việt Nam phải ưu tiên an ninh mạng và dữ liệu trong hoạt động đối ngoại. Cần tăng cường hệ thống phòng thủ mạng cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện, đặc biệt là bảo vệ dữ liệu nhạy cảm và kênh truyền thông chính thức khỏi các cuộc tấn công mạng, gián điệp số, và rò rỉ thông tin để bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì tính toàn vẹn và bảo mật của công tác đối ngoại.

Thứ tư, tham gia chủ động vào quản trị số toàn cầu. Bộ Ngoại giao Việt Nam cần tham gia chủ động và có trách nhiệm vào các khuôn khổ quản trị số toàn cầu (ví dụ, Hội nghị Thượng đỉnh AI¹ sẽ tổ chức tại Ấn Độ đầu năm 2026; hướng dẫn của ASEAN về quản trị và đạo đức AI²), tích cực đóng góp ý kiến, đề xuất tại các diễn đàn quốc tế về an ninh mạng, đạo đức AI, và quy tắc ứng xử trên không gian mạng. Qua đó, chúng ta định hình các tiêu chuẩn số hóa, bảo vệ chủ quyền số quốc gia, và tận dụng các hợp tác quốc tế để thúc đẩy sự phát triển bền vững của Việt Nam./.

¹ IndiaAI, *IndiaAI Impact*, <https://impact.indiaai.gov.in/>

² Association of Southeast Asian Nations (ASEAN), *ASEAN Guide on AI Governance and Ethics* (Jakarta: ASEAN, 2024), https://asean.org/wp-content/uploads/2024/02/ASEAN-Guide-on-AI-Governance-and-Ethics_beautified_201223_v2.pdf.

NGOẠI GIAO KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN NHỮNG HÌNH THỨC MỚI CỦA CỤC DIỆN ĐA PHƯƠNG

TS. Đỗ Tất Cường*

Tóm tắt: Trong bối cảnh cục diện quốc tế đang chứng kiến sự phát triển của những hình thức mới trong đa phương, ngoại giao kinh tế nổi lên như một công cụ chiến lược then chốt để các quốc gia thúc đẩy lợi ích quốc gia đồng thời đóng góp vào ổn định toàn cầu. Bài viết này khám phá vai trò của ngoại giao kinh tế trong việc thích ứng với các mô hình đa phương mới, chẳng hạn như các thỏa thuận thương mại khu vực và các diễn đàn toàn cầu linh hoạt, nơi mà sự hợp tác vượt qua ranh giới truyền thống. Dựa trên cơ sở lý thuyết về ngoại giao kinh tế và đa phương, nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp và nghiên cứu trường hợp, tập trung vào các ví dụ từ Việt Nam như sự tham gia vào CPTPP và RCEP. Dữ liệu được thu thập từ các báo cáo của IMF, Brookings Institution và các tài liệu học thuật liên quan, cho thấy ngoại giao kinh tế không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn giảm thiểu rủi ro địa chính trị. Kết quả phân tích chỉ ra rằng, trong bối cảnh đa phương mới, ngoại giao kinh tế giúp cân bằng giữa mở cửa và bảo vệ lợi ích quốc gia, đồng thời đối mặt với thách thức từ chủ nghĩa bảo hộ và bất bình đẳng toàn cầu. Các hàm ý chính sách nhấn mạnh nhu cầu tăng cường năng lực ngoại giao, đa dạng hóa đối tác và tích hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược đa phương. Nghiên cứu này góp phần làm rõ cách thức mà ngoại giao kinh tế có thể định hình một trật tự quốc tế công bằng và hiệu quả hơn, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

* Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bài viết là một trong những kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp bộ trọng điểm năm 2025 – 2026: “Nghiên cứu đề xuất các quyết sách chiến lược để thúc đẩy ngoại giao kinh tế phục vụ cho các mục tiêu chiến lược quốc gia trong kỷ nguyên mới”.

Từ khóa: Ngoại giao kinh tế; Đa phương mới; Hợp tác quốc tế; Thương mại tự do; Việt Nam; Bền vững toàn cầu; Địa chính trị kinh tế.

1. Dẫn nhập

Trong bối cảnh thế giới hậu đại dịch COVID-19 và các xung đột địa chính trị kéo dài, cục diện quốc tế đang trải qua những biến đổi sâu sắc, nơi mà các hình thức đa phương truyền thống – được hình thành từ hệ thống Bretton Woods sau Chiến tranh Thế giới thứ hai – đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng từ sự trỗi dậy của các cường quốc mới, sự phân mảnh kinh tế và các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu và bất bình đẳng thu nhập. Những yếu tố này không chỉ làm suy yếu các thể chế đa phương như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) hay Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), mà còn đòi hỏi một cách tiếp cận ngoại giao mới, nơi mà kinh tế trở thành trung tâm của các nỗ lực ngoại giao. Ngoại giao kinh tế, được hiểu là việc sử dụng các công cụ kinh tế để đạt được mục tiêu chính trị và ngược lại, ngày càng trở nên quan trọng trong việc xây dựng các liên minh linh hoạt và thúc đẩy hợp tác đa phương (Lagarde, 2014). Lý do để thực hiện nghiên cứu này xuất phát từ nhu cầu cấp thiết phải đánh giá lại vai trò của ngoại giao kinh tế trong bối cảnh đa phương mới – một cục diện không còn bị chi phối bởi các cường quốc phương Tây mà bao gồm các mạng lưới khu vực và toàn cầu, nơi các quốc gia đang phát triển như Việt Nam có thể đóng vai trò trung tâm. Việc nghiên cứu này không chỉ giúp làm rõ các cơ hội và thách thức mà ngoại giao kinh tế mang lại, mà còn cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn để các nhà hoạch định chính sách định hình chiến lược quốc gia, góp phần vào sự ổn định và thịnh vượng toàn cầu trong một thế giới đa cực hóa.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu này được xây dựng vững chắc trên nền tảng giao thoa giữa lý thuyết ngoại giao kinh tế và khái niệm đa phương trong quan hệ quốc

tế, với sự bổ sung từ các phân tích đương đại về sự biến đổi của các thể chế toàn cầu trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị. Ngoại giao kinh tế, theo định nghĩa cổ điển của Robert Keohane, đại diện cho sự hòa quyền giữa các lĩnh vực kinh tế và chính trị, trong đó các chính sách thương mại, đầu tư và tài chính không chỉ phục vụ mục tiêu kinh tế thuần túy mà còn được triển khai như những công cụ chiến lược để đạt được lợi ích an ninh và ảnh hưởng quốc tế (Keohane, 1984). Quan điểm này được làm phong phú bởi lý thuyết "ngoại giao kinh tế" của Zirovcic (2016), người nhấn mạnh rằng ngoại giao kinh tế hoạt động như một "ô dù" bao quát các hoạt động quốc gia nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích kinh tế trên bình diện quốc tế, phân biệt rõ ràng giữa ngoại giao kinh tế (tập trung vào chính sách nhà nước) và ngoại giao thương mại (hướng đến doanh nghiệp cụ thể), đồng thời nhấn mạnh vai trò của các công cụ như viện trợ phát triển kinh tế, trừng phạt kinh tế và "xây dựng thương hiệu quốc gia" như những yếu tố then chốt trong việc định hình quan hệ quốc tế.

Trong bối cảnh đa phương, khái niệm này được mở rộng sâu sắc hơn qua công trình của John Ruggie (1993), người lập luận rằng đa phương không đơn thuần là sự hợp tác giữa ba hoặc nhiều quốc gia mà còn là một hình thức thể chế hóa các nguyên tắc phổ quát như tính tương hỗ, không phân biệt đối xử và tính phổ biến, giúp giảm thiểu xung đột và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung thông qua các thể chế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Ruggie nhấn mạnh rằng đa phương tạo ra một "hình thức thể chế" (institutional form) khuyến khích sự hợp tác dài hạn bằng cách phân bổ chi phí và lợi ích một cách công bằng, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế nơi các quốc gia có mức độ phụ thuộc lẫn nhau cao. Các hình thức mới của đa phương, như được phân tích trong các nghiên cứu gần đây, đang chuyển dịch từ mô hình tập trung truyền thống (ví dụ: G7 hoặc hệ thống Bretton Woods) sang các mạng lưới linh hoạt hơn, chẳng hạn như các thỏa thuận plurilateral hoặc các diễn đàn khu vực như APEC và ASEAN, nơi ngoại giao kinh tế đóng vai trò trung tâm trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi

khí hậu, an ninh chuỗi cung ứng và phục hồi hậu đại dịch (Woods, 2023). Woods (2023) đặc biệt nhấn mạnh rằng, trong thế kỷ 21, đa phương đang đối mặt với thách thức từ sự cạnh tranh địa chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc, nơi các thể chế kinh tế như WTO, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trở thành đấu trường cho ngoại giao kinh tế, với các ví dụ như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đại diện cho các nỗ lực định hình lại quy tắc thương mại toàn cầu, đồng thời duy trì sự hợp tác thông qua các cơ chế giám sát và chia sẻ thông tin.

Lý thuyết này còn được bổ sung bởi phân tích về sự "đột biến" (mutations) của ngoại giao kinh tế trong thời kỳ hậu hiện đại, như được khám phá bởi Saner và Yiu (2003), những người lập luận rằng toàn cầu hóa đã làm phân mảnh ngoại giao nhà nước truyền thống bằng cách đưa vào các tác nhân phi nhà nước như doanh nghiệp xuyên quốc gia và các tổ chức phi chính phủ (NGO) kinh tế, dẫn đến sự hình thành các liên minh xuyên biên giới và các nhóm áp lực ảnh hưởng đến chính sách quốc tế. Trong bối cảnh này, ngoại giao kinh tế không còn là độc quyền của các bộ ngoại giao mà đòi hỏi sự phối hợp đa cấp, bao gồm cả ngoại giao doanh nghiệp (corporate diplomacy) và ngoại giao NGO, nhằm quản lý các mối quan hệ phức tạp và thúc đẩy phát triển bền vững. Hơn nữa, Thompson và Verdier (n.d.) cung cấp một khung phân tích so sánh giữa đa phương và song phương trong thiết kế chế độ quốc tế, chỉ ra rằng đa phương hiệu quả hơn khi chi phí giao dịch cao (như đàm phán quy tắc thống nhất) nhưng có thể tạo ra "thặng dư thành viên" (member surplus) lãng phí, trong khi song phương phù hợp hơn cho các thỏa thuận tùy chỉnh nhưng tăng gánh nặng thực thi. Quan điểm của Lagarde (2014) tiếp tục củng cố lập luận này bằng cách nhấn mạnh rằng ngoại giao kinh tế phải tiến hóa để đối phó với "New Mediocre" – tình trạng tăng trưởng toàn cầu ỉ ạch – thông qua một đa phương mới, nơi các thể chế như IMF đóng vai trò xây dựng lòng tin và chia sẻ kiến thức, đặc biệt trong việc quản lý nợ công và tài trợ phát triển. Tổng thể, cơ sở lý thuyết không chỉ khẳng định ngoại giao kinh tế như một công cụ

song phương mà còn như nền tảng cho một đa phương bền vững, nơi lợi ích quốc gia được hòa quyện hài hòa với lợi ích toàn cầu, đồng thời thích ứng với sự phân mảnh và cạnh tranh đương đại.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng một cách tiếp cận định tính toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu trường hợp và phân tích chủ đề mã hóa, nhằm khám phá chiều sâu và chiều rộng của hiện tượng ngoại giao kinh tế trong bối cảnh đa phương mới, đồng thời đảm bảo tính khả tín và khả tái lập của kết quả. Phân tích tài liệu thứ cấp được thực hiện một cách có hệ thống trên các nguồn uy tín từ các tổ chức quốc tế và cơ sở dữ liệu học thuật, bao gồm báo cáo của IMF, Brookings Institution, Ngân hàng Thế giới, cùng với các bài báo từ các tạp chí như hàng đầu thế giới về lĩnh vực ngoại giao kinh tế và các cơ sở dữ liệu nghiên cứu lớn, với trọng tâm là các tài liệu từ năm 2003 đến 2025 để nắm bắt sự phát triển của lịch sử và các xu hướng đương đại. Quá trình thu thập tài liệu được hướng dẫn bởi các từ khóa như "economic diplomacy", "multilateralism evolution" và "post-modern diplomacy", sử dụng các công cụ tìm kiếm học thuật như Google Scholar, Web of Science và JSTOR để đảm bảo tính đa dạng nguồn gốc, bao quát cả các góc nhìn từ các quốc gia phát triển và đang phát triển. Tổng cộng, hơn 80 nguồn tài liệu đã được sàng lọc, với tiêu chí loại trừ các tài liệu không được bình duyệt hoặc thiếu tính cập nhật, nhằm xây dựng một cơ sở dữ liệu vững chắc phản ánh sự phức tạp của chủ đề.

Nghiên cứu trường hợp được chọn lọc tập trung vào Việt Nam như một ví dụ điển hình, đại diện cho các quốc gia đang phát triển đang sử dụng ngoại giao kinh tế để hội nhập đa phương, thông qua việc phân tích sâu các thỏa thuận cụ thể như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) và RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực), cũng như vai trò của Việt Nam trong các diễn đàn như ASEAN và APEC. Phương pháp nghiên cứu trường

hợp, theo truyền thống của Yin (2009), cho phép khám phá các cơ chế nhân quả trong bối cảnh thực tế, bằng cách thu thập dữ liệu đa nguồn từ báo cáo chính thức của Bộ Ngoại giao Việt Nam, các nghiên cứu trường hợp từ Brookings và các phân tích định lượng về tác động kinh tế như tăng trưởng xuất khẩu và dòng vốn FDI. Để tăng cường chiều sâu, nghiên cứu bổ sung phân tích so sánh với các trường hợp khác, chẳng hạn như cách tiếp cận đa phương đặc trưng của Trung Quốc trong quản trị kinh tế toàn cầu (Johnston, 2025), nhằm làm nổi bật sự khác biệt và điểm tương đồng trong chiến lược ngoại giao kinh tế.

Để xử lý dữ liệu, nghiên cứu sử dụng kỹ thuật mã hóa chủ đề theo phần mềm NVivo phiên bản 12, phân loại nội dung thành các chủ đề chính như "hợp tác thương mại plurilateral", "thách thức từ bảo hộ và cạnh tranh địa chính trị", "hàm ý bền vững và công bằng toàn cầu", và "sự tham gia của tác nhân phi nhà nước". Quá trình mã hóa được thực hiện theo cách lặp lại, bắt đầu từ mã hóa mở (open coding) để xác định các khái niệm nổi bật, sau đó là mã hóa trục (axial coding) để liên kết các chủ đề, và cuối cùng là mã hóa chọn lọc (selective coding) để xây dựng lý thuyết cốt lõi. Tính khách quan được đảm bảo thông qua việc đối chiếu đa nguồn (triangulation), nơi các phát hiện từ tài liệu được kiểm chứng chéo với dữ liệu trường hợp, và tính độ tin cậy nội tại được nâng cao bằng cách ghi chép chi tiết quá trình mã hóa để cho phép kiểm tra độc lập. Giới hạn tiềm ẩn của phương pháp định tính, chẳng hạn như tính chủ quan trong diễn giải, được giảm thiểu bằng cách tuân thủ các nguyên tắc nghiên cứu dựa trên bằng chứng và trích dẫn theo chuẩn APA 6th, đồng thời thừa nhận rằng nghiên cứu không nhằm tổng quát hóa thống kê mà tập trung vào việc tạo ra các insight lý thuyết sâu sắc. Phương pháp này không chỉ phù hợp với bản chất khám phá của chủ đề mà còn cung cấp nền tảng vững chắc cho các hàm ý chính sách thực tiễn, góp phần vào việc làm phong phú lý thuyết ngoại giao kinh tế trong bối cảnh đa phương đương đại.

3. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập một cách có hệ thống từ các nguồn thứ cấp đáng tin cậy, bao gồm báo cáo chính thức của các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (World Bank), Brookings Institution, và các tài liệu học thuật từ cơ sở dữ liệu như Google Scholar và JSTOR, nhằm đảm bảo tính cập nhật và đa chiều trong bối cảnh cục diện đa phương mới đến năm 2025. Quá trình thu thập được tổ chức theo các chủ đề chính: tăng trưởng kinh tế toàn cầu, sự phân mảnh thương mại, thành tựu hội nhập của Việt Nam qua các hiệp định thương mại tự do (FTA), và bất bình đẳng toàn cầu, với tổng cộng hơn 80 nguồn được sàng lọc và phân tích, tập trung vào dữ liệu từ giai đoạn 2014-2025 để phản ánh sự tiến hóa hậu đại dịch COVID-19 và các căng thẳng địa chính trị gần đây.

Về tăng trưởng kinh tế toàn cầu, dữ liệu từ IMF cho thấy tốc độ tăng GDP trung bình hàng năm chỉ đạt khoảng 3,2% trong giai đoạn 2014-2024, một mức thấp phản ánh hiện tượng "New Mediocre" – tình trạng tăng trưởng thấp kéo dài do các yếu tố như suy thoái hậu khủng hoảng tài chính 2008, đại dịch, và các cú sốc cung ứng – đòi hỏi các hình thức đa phương mới để kích thích hợp tác và phục hồi (Lagarde, 2014; International Monetary Fund, 2025a). Cụ thể, báo cáo World Economic Outlook tháng 10/2025 của IMF cập nhật rằng tăng trưởng toàn cầu dự kiến chỉ đạt 3,1% năm 2025, thấp hơn mức trung bình lịch sử 3,8% trước đại dịch, với các nền kinh tế mới nổi như châu Á đóng góp 70% tăng trưởng nhưng vẫn đối mặt với rủi ro từ lạm phát và nợ công (International Monetary Fund, 2025b). Những con số này không chỉ minh họa sự suy yếu của toàn cầu hóa đồng nhất mà còn nhấn mạnh nhu cầu ngoại giao kinh tế trong việc xây dựng các mạng lưới plurilateral để chia sẻ kiến thức và tài nguyên, như các sáng kiến của G20 về phục hồi xanh.

Liên quan đến sự phân mảnh kinh tế và bảo hộ thương mại, báo cáo của Brookings Institution cung cấp dữ liệu chi tiết về sự gia tăng các biện pháp bảo hộ, với chỉ số theo dõi các chính sách thuế quan (TIGER – Tracking Indexes for the Global

Economic Recovery) cho thấy số lượng các biện pháp hạn chế thương mại tăng khoảng 25% từ năm 2018 đến 2025, đặc biệt dưới tác động của các đợt thuế quan Trump 2.0 áp dụng từ đầu năm 2025, dẫn đến chi phí thương mại toàn cầu tăng thêm 8-10% và làm gián đoạn chuỗi cung ứng ở châu Á (Subramanian, 2025; Brookings Institution, 2025a). Cụ thể, cập nhật tháng 10/2025 của TIGER chỉ ra rằng các xu hướng bảo hộ lan tỏa qua thị trường lao động, làm giảm nhu cầu tiêu dùng toàn cầu và đẩy chỉ số tài chính suy yếu, với các nền kinh tế mới nổi chứng kiến dòng vốn biến động mạnh (Brookings Institution, 2025b). Những dữ liệu này nhấn mạnh vai trò của ngoại giao kinh tế trong việc giảm thiểu rủi ro, chẳng hạn qua các thỏa thuận khu vực như RCEP, giúp các quốc gia như Việt Nam đa dạng hóa đối tác và tránh phụ thuộc vào các thị trường bảo hộ.

Đối với nghiên cứu trường hợp Việt Nam, dữ liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Bộ Ngoại giao Việt Nam, và các báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho thấy sự tham gia vào khoảng 17-18 hiệp định thương mại tự do (FTA) đang hiệu lực – bao gồm CPTPP, RCEP, EVFTA và các thỏa thuận song phương với Anh và Hàn Quốc – đã thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trung bình 15-16% hàng năm từ 2020 đến 2025, với kim ngạch xuất khẩu đạt 391 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm 2025, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Hơn nữa, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân đạt kỷ lục 25,35 tỷ USD trong năm 2024, tăng 9,4% so với năm 2023, chủ yếu từ các lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất, góp phần đưa tổng vốn FDI đăng ký lên hơn 297 tỷ USD vào cuối năm 2024. Những chỉ số này không chỉ phản ánh hiệu quả của chiến lược "ngoại giao cây tre" trong việc hội nhập đa phương mà còn chỉ ra các thách thức như sự tập trung FDI vào các tỉnh ven biển, đòi hỏi chính sách nội địa hóa sâu hơn để đảm bảo phân bổ lợi ích công bằng.

Cuối cùng, về bất bình đẳng toàn cầu, các tài liệu từ Centre for International Relations and Sustainable Development (CIRSD) và báo cáo của G20 cung cấp dữ liệu về sự gia tăng chênh lệch thu nhập giữa các quốc gia G20 và các nước đang phát triển, với hệ số Gini toàn cầu duy trì ở mức cao 61% và chênh lệch thu

nhập tăng khoảng 12-15% trong thập kỷ qua (2015-2025), mặc dù có sự giảm nhẹ nhờ tăng trưởng ở Trung Quốc và Ấn Độ (Lagarde et al., 2016; G20, 2025). Báo cáo Global Inequality Report của G20 tháng 11/2025 nhấn mạnh rằng bất bình đẳng nội tại đã tăng ở hầu hết các quốc gia G20 trong 40 năm qua, với các nước đang phát triển chứng kiến sự phân hóa giàu nghèo do toàn cầu hóa không đồng đều, đòi hỏi ngoại giao kinh tế phải tích hợp yếu tố công bằng xã hội và bền vững, chẳng hạn qua các cam kết trong JETP (G20, 2025a). Tổng thể, dữ liệu được tổ chức theo chủ đề qua kỹ thuật mã hóa NVivo, đảm bảo tính toàn diện, liên kết chặt chẽ với cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, đồng thời cung cấp nền tảng vững chắc cho phân tích kết quả và hàm ý chính sách.

4. Kết quả phân tích

Phân tích dữ liệu từ các nguồn thứ cấp và nghiên cứu trường hợp cho thấy ngoại giao kinh tế đang đóng vai trò then chốt và đa chiều trong việc định hình các hình thức đa phương mới, đánh dấu sự chuyển dịch từ mô hình toàn cầu hóa đồng nhất, tập trung vào các thể chế toàn cầu như WTO, sang các mạng lưới khu vực linh hoạt hơn, nơi các thỏa thuận plurilateral và diễn đàn khu vực như ASEAN hay APEC trở thành trung tâm của hợp tác kinh tế-chính trị. Sự chuyển dịch này không chỉ phản ánh sự phân mảnh của hệ thống đa phương truyền thống mà còn nhấn mạnh khả năng thích ứng của ngoại giao kinh tế trong việc xây dựng các liên minh chiến lược, giúp các quốc gia đang phát triển như Việt Nam tận dụng cơ hội từ sự cạnh tranh địa chính trị giữa các cường quốc lớn. Cụ thể, trong bối cảnh đa phương mới, ngoại giao kinh tế thúc đẩy sự hội nhập kinh tế sâu rộng hơn thông qua việc giảm rào cản thương mại và tăng cường dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đồng thời đóng góp vào việc giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và bất ổn chuỗi cung ứng, từ đó củng cố vị thế quốc tế của các quốc gia tham gia.

Một minh chứng rõ nét cho vai trò này là các thỏa thuận khu vực như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), được ký kết năm 2020 và đi vào hiệu lực đầy đủ vào năm 2022, bao phủ khoảng 30% GDP toàn cầu và hơn 2,3 tỷ dân cư. Đối với Việt Nam, RCEP không chỉ là một công cụ ngoại giao kinh tế mà còn là động lực tăng trưởng chính, giúp quốc gia này cân bằng giữa hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc – đối tác thương mại lớn nhất – và các đối tác phương Tây như Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia. Phân tích dữ liệu từ các báo cáo gần đây cho thấy, nhờ RCEP, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN đã tăng trưởng ấn tượng, đạt mức 16,2% trong 10 tháng đầu năm 2025, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 391 tỷ USD, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu dự kiến chạm mốc 900 tỷ USD cả năm (Vietnam Briefing, 2025). Hơn nữa, theo dự báo của các chuyên gia, RCEP sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam thêm 9-10% trong năm 2025, chủ yếu nhờ vào việc cắt giảm thuế quan trên các mặt hàng điện tử và dệt may – hai ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu – đồng thời tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực (MBS, 2025). Nghiên cứu định lượng từ các mô hình kinh tế lượng cho thấy, tác động tích cực của RCEP đến thương mại song phương Việt-Trung đã tăng cường dòng chảy hàng hóa hai chiều, với mức tăng trung bình 12% hàng năm từ năm 2022 đến 2025, mặc dù điều này cũng đặt ra thách thức về cấu trúc kinh tế, đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao năng lực sản xuất nội địa để tránh tình trạng "lắp ráp trung chuyển" (Wang & Li, 2025). Từ góc độ lý thuyết, sự thành công của RCEP xác nhận quan điểm của Ruggie (1993) về đa phương như một "hình thức thể chế" dựa trên nguyên tắc tương hỗ và không phân biệt đối xử, nơi ngoại giao kinh tế không chỉ thúc đẩy thương mại tự do mà còn xây dựng lòng tin giữa các bên tham gia, giúp giảm thiểu rủi ro từ các xung đột địa chính trị tiềm ẩn.

Tuy nhiên, bối cảnh đa phương mới cũng đặt ra những thách thức đáng kể từ chủ nghĩa bảo hộ ngày càng trỗi dậy, đặc biệt dưới ảnh hưởng của các chính sách thương mại "America First" trong kỷ nguyên Trump 2.0. Các biện pháp thuế quan

mới của Mỹ, bao gồm mức thuế 25% áp dụng lên hàng hóa từ Canada và Mexico, lên đến 50% đối với Trung Quốc, và thậm chí 46% đối với Việt Nam trên một số mặt hàng cụ thể, đã gây gián đoạn nghiêm trọng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, làm tăng chi phí thương mại trung bình 8-10% và đẩy lạm phát lên cao hơn ở nhiều nền kinh tế mới nổi (East Asia Forum, 2025). Báo cáo của Brookings Institution cập nhật đến tháng 4/2025 cho thấy, sự chao đảo của nền kinh tế thế giới dưới tác động của các chính sách bảo hộ này đã dẫn đến sự sụt giảm chỉ số phục hồi kinh tế toàn cầu (TIGER), với các chỉ số tài chính suy yếu đáng kể, đặc biệt ở châu Á, nơi Việt Nam chứng kiến dòng vốn FDI biến động mạnh, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước do lo ngại về rủi ro thuế quan (Brookings Institution, 2025a). Hơn nữa, theo phân tích từ Peterson Institute for International Economics, các mức thuế quan này không chỉ làm giảm tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 0,5-1% mà còn làm phức tạp hóa lập kế hoạch chuỗi cung ứng, buộc các doanh nghiệp đa quốc gia phải đa dạng hóa nguồn gốc sản xuất, từ đó tạo ra cơ hội cho Việt Nam như một "trung tâm sản xuất thay thế" nhưng đồng thời tăng áp lực cạnh tranh nội địa (Bown, 2025). Trong bối cảnh này, ngoại giao kinh tế của Việt Nam đã chứng minh sự linh hoạt bằng cách đàm phán các điều khoản miễn trừ tạm thời trong khuôn khổ USMCA và các diễn đàn song phương, nhưng điều này cũng lộ rõ hạn chế của đa phương mới: sự phụ thuộc vào ý chí chính trị của các cường quốc, dẫn đến tình trạng bất ổn định cao hơn so với mô hình đa phương truyền thống.

Về mặt giải quyết các vấn đề toàn cầu, kết quả phân tích nhấn mạnh rằng ngoại giao kinh tế trong đa phương mới đang mở rộng vai trò từ thương mại thuần túy sang các lĩnh vực bền vững, đặc biệt là chuyển đổi năng lượng. Một ví dụ điển hình là Chương trình Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP) của Việt Nam, được khởi xướng năm 2022 với cam kết huy động 15,5 tỷ USD từ các đối tác quốc tế, nhưng đến năm 2025 đã gặp phải thách thức lớn khi Mỹ rút khỏi chương trình vào tháng 3/2025, dẫn đến khoảng trống tài trợ khoảng 3-4 tỷ USD

(Carnegie Endowment, 2025). Dù vậy, các nỗ lực ngoại giao của Việt Nam đã thu hút thêm nguồn lực từ châu Âu, với Liên minh châu Âu (EU) cam kết gói hỗ trợ 430 triệu EUR cho năm 2025, nâng tổng đóng góp từ EU và các quốc gia thành viên lên hơn 2,8 tỷ EUR, tập trung vào nâng cấp hạ tầng truyền tải điện và các dự án năng lượng tái tạo (European Commission, 2025). Đến nay, JETP đã phê duyệt 23 dự án với nhu cầu vốn hơn 10 tỷ USD, bao gồm dự án truyền tải điện đầu tiên trị giá 547 triệu EUR từ các đối tác quốc tế, góp phần giảm phát thải carbon 20% so với kịch bản cơ sở đến năm 2030 (Argus Media, 2025). Phân tích này không chỉ xác nhận nguyên tắc tương hỗ của Ruggie (1993) mà còn mở rộng nó bằng cách nhấn mạnh rằng ngoại giao kinh tế phải tích hợp các yếu tố môi trường-society (ESG) để đảm bảo tính bền vững lâu dài, giúp Việt Nam chuyển mình từ nền kinh tế dựa vào than đá sang mô hình năng lượng xanh, đồng thời nâng cao vị thế trong các diễn đàn toàn cầu như COP.

Phân tích trường hợp Việt Nam tiết lộ rõ nét hơn về chiến lược "ngoại giao cây tre" – linh hoạt, đa hướng và kiên cường – như một mô hình ngoại giao kinh tế thành công trong đa phương mới. Thông qua sự tham gia tích cực vào các diễn đàn như APEC và ASEAN, Việt Nam đã nâng cao vị thế từ một quốc gia biên nhận thành trung tâm thương mại khu vực, với GDP tăng trưởng 8,2% trong năm 2025, vượt trội so với trung bình ASEAN (LSEG, 2025). Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào FDI – chiếm đến 60% tăng trưởng công nghiệp và chủ yếu từ các nhà đầu tư châu Á – đã tạo ra rủi ro địa chính trị, đặc biệt khi các biện pháp bảo hộ của Trump 2.0 nhắm đến Việt Nam như một "điểm nóng" trong chuỗi cung ứng Trung Quốc-Mỹ, dẫn đến nguy cơ "thoát Trung" không đầy đủ và biến động dòng vốn (QIMA, 2025). Phân tích mã hóa chủ đề từ NVivo cho thấy, trong hơn 80 tài liệu được xem xét, 65% nhấn mạnh lợi ích từ đa dạng hóa đối tác, nhưng 35% cảnh báo về bất bình đẳng nội tại, nơi lợi ích kinh tế tập trung vào các tỉnh ven biển, đòi hỏi chính sách nội địa hóa sâu hơn để đảm bảo công bằng xã hội.

Tổng thể, kết quả phân tích khẳng định rằng ngoại giao kinh tế trong bối cảnh đa phương mới mang lại lợi ích kép: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững (với dự báo GDP Việt Nam đạt 8-9% hàng năm đến 2030 nhờ RCEP và JETP) và củng cố ổn định chính trị thông qua các mạng lưới hợp tác linh hoạt. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa, các quốc gia như Việt Nam phải đổi mới với nhu cầu thích ứng liên tục, bao gồm việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và tăng cường đàm phán plurilateral, nhằm đối phó với địa chính trị hóa kinh tế ngày càng gay gắt, từ đó định hình một trật tự đa phương công bằng và hiệu quả hơn trong thập kỷ tới.

5. Hàm ý chính sách

Các hàm ý chính sách rút ra từ kết quả phân tích không chỉ phản ánh những thành tựu và thách thức của ngoại giao kinh tế trong bối cảnh đa phương mới mà còn cung cấp một khung hành động chiến lược cụ thể, nhằm giúp các quốc gia như Việt Nam tối ưu hóa lợi ích từ các thỏa thuận khu vực như RCEP, đối phó với chủ nghĩa bảo hộ gia tăng từ các cường quốc như Mỹ dưới thời Trump 2.0, và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng bền vững thông qua các chương trình như JETP. Trong bối cảnh này, ngoại giao kinh tế không còn là công cụ hỗ trợ mà trở thành trụ cột của chính sách đối ngoại, đòi hỏi sự tái cấu trúc toàn diện để cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định địa chính trị và công bằng xã hội. Các khuyến nghị dưới đây được xây dựng dựa trên dữ liệu thực tiễn từ sự tăng trưởng xuất khẩu 16,2% nhờ RCEP, sự gián đoạn chuỗi cung ứng do thuế quan Mỹ, và những khoảng trống tài trợ trong JETP sau khi Mỹ rút lui, nhằm đảm bảo tính khả thi và gắn kết với các phát hiện phân tích.

Thứ nhất, để tận dụng tối đa vai trò của RCEP như một "ngọn hải đăng" cho đa phương khu vực, các nhà hoạch định chính sách Việt Nam cần ưu tiên việc thực hiện đầy đủ và sâu rộng các cam kết, đặc biệt trong việc cắt giảm thuế quan và hài hòa hóa quy định, nhằm thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu dự kiến 9-10% trong năm 2025 và giảm thiểu rủi ro từ bảo hộ toàn cầu. Theo cam kết của Thủ tướng tại các

diễn đàn quốc tế, Việt Nam nên đẩy mạnh hơn nữa các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nội địa thích ứng với tiêu chuẩn RCEP, bao gồm đào tạo kỹ năng số hóa chuỗi cung ứng và phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành để chuyển dịch từ mô hình "lắp ráp trung chuyển" sang sản xuất giá trị cao, từ đó giảm phụ thuộc vào nhập khẩu trung gian từ Trung Quốc. Hơn nữa, trong bối cảnh RCEP bao phủ 30% GDP toàn cầu và đang định hình lại thương mại châu Á-Thái Bình Dương, chính sách cần tích hợp cơ chế giám sát plurilateral để chống lại các rào cản phi thuế quan, đồng thời mở rộng hợp tác với các thành viên ASEAN nhằm xây dựng một khối kinh tế thống nhất hơn, góp phần khôi phục hệ thống thương mại dựa trên quy tắc bị suy yếu bởi chủ nghĩa bảo hộ. Điều này không chỉ hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP 8,3-8,5% năm 2025 mà còn củng cố vị thế lãnh đạo khu vực của Việt Nam, như được nhấn mạnh trong các báo cáo gần đây về ngoại giao kinh tế.

Thứ hai, đối mặt với thách thức từ các biện pháp bảo hộ của Mỹ – bao gồm mức thuế 20-40% áp dụng lên hàng hóa Việt Nam từ tháng 7/2025 – ngoại giao kinh tế phải được nâng tầm thông qua các cuộc đàm phán song phương và plurilateral khẩn trương, nhằm xây dựng một khuôn khổ thương mại công bằng và cân bằng như Tuyên bố Chung Mỹ-Việt Nam tháng 10/2025. Các hàm ý chính sách cụ thể bao gồm việc thành lập một nhóm công tác liên bộ, phối hợp giữa Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính, để theo dõi và phản ứng nhanh chóng với các thay đổi chính sách Mỹ, đồng thời đa dạng hóa thị trường xuất khẩu bằng cách đẩy mạnh các FTA mới với châu Phi và Mỹ Latinh, dự kiến có thể tăng kim ngạch thương mại thêm 10-15% đến năm 2030. Hơn nữa, dựa trên phân tích về sự gián đoạn chuỗi cung ứng (tăng chi phí 8-10%), Việt Nam nên áp dụng chiến lược "thoát Trung có kiểm soát" thông qua việc khuyến khích FDI từ các nguồn thay thế như EU và Nhật Bản, kết hợp với các ưu đãi thuế cho các dự án công nghệ cao, nhằm giảm rủi ro địa chính trị và nâng cao khả năng phục hồi kinh tế. Những biện pháp này sẽ giúp Việt Nam chuyển mình từ nạn nhân của bảo hộ thành một đối tác chiến lược, đồng thời đóng góp vào việc khôi phục đa phương thông qua

các diễn đàn như APEC, nơi ngoại giao kinh tế có thể thúc đẩy đối thoại Mỹ-Trung gián tiếp.

Thứ ba, liên quan đến chuyển đổi năng lượng bền vững, kết quả phân tích về JETP – với khoảng trống tài trợ 3-4 tỷ USD sau sự rút lui của Mỹ và cam kết mới từ EU lên 2,8 tỷ EUR – nhấn mạnh nhu cầu các cải cách chính sách nội địa sâu sắc để đảm bảo tính công bằng và khả thi, đặc biệt trong việc giảm phát thải carbon 20% đến năm 2030. Các hàm ý chính sách bao gồm việc hoàn thiện Luật Điện lực sửa đổi và Kế hoạch Phát triển Điện lực VIII (PDP8), với trọng tâm là tích hợp các quy định về lao động chuyển đổi, dự báo nhu cầu lực lượng lao động mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo lên đến 30,9-39,2% công suất đến năm 2030, thông qua các chương trình đào tạo nghề và quỹ hỗ trợ tái việc làm cho công nhân than đá. Hơn nữa, để khắc phục "sự thiếu hụt công bằng" trong JETP như được chỉ ra trong các báo cáo phê phán, Việt Nam cần phát triển Kế hoạch Huy động Tài nguyên (RMP) chi tiết hơn, ưu tiên các dự án hạ tầng truyền tải điện (như gói 547 triệu EUR đã phê duyệt) và thu hút đầu tư tư nhân qua cơ chế xanh hóa tín dụng, đồng thời đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương để tránh bất bình đẳng xã hội. Trong bối cảnh JETP đại diện cho mô hình hợp tác đa phương mới giữa các nước phát triển và đang phát triển, ngoại giao kinh tế nên được sử dụng để đàm phán các gói hỗ trợ bổ sung từ G7 và EU, nhấn mạnh nguyên tắc "giảm phát thải song song mở rộng năng lượng" để duy trì tăng trưởng kinh tế mà không hy sinh mục tiêu Net Zero.

Thứ tư, để củng cố chiến lược "ngoại giao cây tre" – linh hoạt và đa hướng – như một mô hình thành công trong đa phương mới, các hàm ý chính sách cần tập trung vào việc nâng cao năng lực ngoại giao thông qua đào tạo chuyên sâu về đàm phán plurilateral và quản lý rủi ro địa chính trị, với ít nhất 300 sự kiện ngoại giao kinh tế hàng năm như đã thực hiện trong nửa đầu 2025. Điều này bao gồm việc xây dựng một trung tâm nghiên cứu chiến lược quốc gia, hợp tác với các think tank như Brookings và CIRSD, để phân tích dữ liệu thời gian thực về chuỗi cung ứng

và dự báo xu hướng bảo hộ, đồng thời tăng cường phối hợp công-tư để huy động khu vực tư nhân tham gia vào các diễn đàn như ASEAN và WTO. Đối với rủi ro từ phụ thuộc FDI (60% tăng trưởng công nghiệp), chính sách nên thúc đẩy nội địa hóa sâu hơn thông qua các chương trình chuyển giao công nghệ và ưu đãi cho doanh nghiệp địa phương, nhằm phân bổ lợi ích kinh tế đều đặn hơn giữa các tỉnh ven biển và nội địa, giảm bất bình đẳng thu nhập như được mã hóa trong phân tích NVivo (35% tài liệu cảnh báo). Cuối cùng, tích hợp yếu tố bền vững và công bằng toàn cầu vào ngoại giao kinh tế, chẳng hạn như ưu tiên các điều khoản xanh trong CPTPP và RCEP, sẽ không chỉ đáp ứng cam kết Thỏa thuận Paris mà còn nâng cao "thương hiệu quốc gia" của Việt Nam như một đối tác đáng tin cậy trong trật tự đa cực.

Tổng thể, các hàm ý chính sách này không chỉ giúp Việt Nam thích ứng với cục diện đa phương mới – nơi ngoại giao kinh tế mang lại lợi ích kép về tăng trưởng và ổn định – mà còn góp phần định hình một hệ thống quốc tế công bằng hơn, nơi các quốc gia đang phát triển có tiếng nói lớn hơn trong việc chống bảo hộ và thúc đẩy phát triển bền vững. Việc triển khai đồng bộ sẽ đòi hỏi sự lãnh đạo mạnh mẽ từ cấp cao, với đánh giá định kỳ hàng quý để điều chỉnh theo diễn biến địa chính trị, từ đó đảm bảo rằng ngoại giao kinh tế tiếp tục là động lực cho sự thịnh vượng quốc gia và toàn cầu trong thập kỷ tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Keohane, R. O. (1984). After hegemony: Cooperation and discord in the world political economy. Princeton University Press.
<https://press.princeton.edu/books/paperback/9780691122489/after-hegemony>

2. Lagarde, C. (2014). Economic diplomacy and the need for a new multilateralism. International Monetary Fund. <https://www.imf.org/en/news/articles/2015/09/28/04/53/sp102914>
3. Lagarde, C., et al. (2016). A new economic multilateralism. Centre for International Relations and Sustainable Development (CIRSD), Horizons Spring 2016, Issue No. 7. <https://www.cirsd.org/en/horizons/horizons-spring-2016--issue-no-7/a-new-economic-multilateralism->
4. Nguyen, T. T. (2021). Decoding Vietnam's multilateral diplomacy. East Asia, 38(4), 1-22. <https://doi.org/10.1007/s12140-021-09375-w>
5. Ruggie, J. G. (1993). Multilateralism matters: The theory and praxis of an institutional form. Columbia University Press. <https://cup.columbia.edu/book/multilateralism-matters/9780231079815>
6. Subramanian, A. (2025). The world is changing, multilateralism must too. Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/the-world-is-changing-multilateralism-must-too/>
7. Thayer, C. A. (2021). Vietnam's bamboo diplomacy: Balancing international power dynamics. Asia Society. <https://asiasociety.org/policy-institute/vietnams-bamboo-diplomacy-balancing-international-power-dynamics>

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VIỆT NAM TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN: CỦNG CỐ ĐOÀN KẾT VÀ VAI TRÒ TRUNG TÂM

TS. Lê Thị Tình*

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của Việt Nam trong 30 năm gia nhập ASEAN, tập trung vào hai trụ cột chiến lược: củng cố đoàn kết nội khối và phát huy vai trò trung tâm của Hiệp hội. Tác giả làm rõ những đóng góp thực chất của Việt Nam thông qua việc thúc đẩy hoàn thiện ASEAN-10, thu hẹp khoảng cách phát triển và xử lý các khủng hoảng phi truyền thống. Đồng thời, nghiên cứu chứng minh nỗ lực của Việt Nam trong xây dựng thể chế, điều phối quan hệ đối tác lớn và duy trì lập trường chung về an ninh, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Qua đó, khẳng định Việt Nam là nhân tố then chốt giúp ASEAN duy trì vị thế dẫn dắt trong cấu trúc khu vực.

Từ khóa: Đối ngoại đa phương, Đoàn kết ASEAN, Vai trò trung tâm.

Ngày 28/7/1995 Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Kể từ đây, Việt Nam từng bước hội nhập sâu rộng vào sân chơi khu vực và toàn cầu.

30 năm tham gia ASEAN, Việt Nam ngày càng đóng vai trò chủ động, có trách nhiệm trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất và phát triển mạnh mẽ của ASEAN.

Bài viết này tập trung làm rõ vai trò của Việt Nam trong việc củng cố đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN.

I. Vai trò củng cố đoàn kết

* Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đoàn kết là nền tảng hình thành ASEAN từ năm 1967, thể hiện qua “ASEAN Way” - tôn trọng lẫn nhau, đồng thuận, tham vấn và tránh đối đầu công khai. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố dễ bị tổn thương nhất của ASEAN, bởi: khác biệt thể chế chính trị; chênh lệch phát triển kinh tế; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; các vấn đề nhạy cảm nội khối như Myanmar, Biển Đông, sông Mekong; lợi ích cục bộ của từng thành viên.

Sau khi gia nhập, Việt Nam có nhiều đóng góp trong việc định hình, duy trì và thúc đẩy đoàn kết của ASEAN.

1. Gia nhập ASEAN — mở rộng khối và tăng cường đoàn kết

Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN năm 1995, sự kiện này có ý nghĩa lớn.

Một là, góp phần hoàn thiện ý tưởng ASEAN-10

Sau khi gia nhập, Việt Nam đã tích cực ủng hộ và thuận lợi hoá quá trình mở rộng ASEAN để bao gồm tất cả các quốc gia Đông – Đông Nam Á còn lại thuộc khối Indochina. Cụ thể, Việt Nam góp phần thúc đẩy việc kết nạp các quốc gia như Lào, Campuchia và Myanmar, giúp hiện thực hóa tầm nhìn của ASEAN về một khối thống nhất toàn vùng (“ASEAN-10”)¹. Việc mở rộng này không chỉ đơn giản là tăng số lượng thành viên, mà nó còn mở ra một “không gian chung” chính thức cho các quốc gia có lịch sử, hệ thống chính trị, trình độ phát triển khác nhau để hợp tác — thể hiện tinh thần đoàn kết, đa dạng mà vẫn thống nhất của ASEAN.

Hai là, xóa bỏ chia rẽ, hòa giải và hội nhập

Trước năm 1995, Đông Nam Á tồn tại hai “cực”: ASEAN (6 nước) định hướng tự do hoá; nhóm Đông Dương (Việt Nam – Lào – Campuchia) từng chịu ảnh hưởng chiến tranh.

¹ <https://en.nhandan.vn/vietnam-contributes-to-strengthening-aseans-central-role-post116352.html>

Gia nhập ASEAN đánh dấu bước chuyển của Việt Nam từ “người ngoài” thành “người trong cuộc”, từ một khu vực từng bị chia rẽ thời Chiến tranh Lạnh thành một phần của cấu trúc hợp tác khu vực. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã giúp chuyển đổi mối quan hệ đối với khối Đông Dương, phá vỡ chia rẽ Đông Dương – Đông Nam Á, “đưa Đông Dương từ khu vực biệt lập sang khu vực hội nhập”, làm giảm căng thẳng và tạo cơ hội hòa giải, ổn định chính trị - xã hội xuyên biên giới.

Ba là, mở rộng thành viên – củng cố đoàn kết bằng cách “không để ai bị bỏ lại”

Sau khi tham gia ASEAN, Việt Nam thúc đẩy kết nạp Lào, Myanmar (1997) và Campuchia (1999), hoàn thiện ý tưởng ASEAN-10. Điều này phản ánh quan điểm chiến lược của Việt Nam: “Đoàn kết phải bắt đầu từ bao trùm – không để Đông Nam Á tiếp tục chia rẽ theo lịch sử hay hệ tư tưởng”. Nhờ đóng góp này, bản đồ ASEAN trở nên thống nhất và bao trùm toàn khu vực Đông Nam Á. Đây là điều kiện tiên quyết cho đoàn kết nội khối.

2. Định hình cơ chế, chính sách chung - xây dựng “bộ khung” cho đoàn kết lâu dài

Việt Nam không chỉ tham gia, mà còn chủ động trong xây dựng các thiết chế, văn kiện nền tảng cho ASEAN, qua đó giúp ASEAN phát triển thành cộng đồng với định hướng rõ ràng, minh bạch và bền vững.

- Đảm nhận vai trò Chủ tịch luân phiên — dẫn dắt hợp tác

Trong lịch sử ba thập kỷ gia nhập, Việt Nam đảm nhiệm vị trí Chủ tịch ASEAN ba lần trong các năm 1998, 2010 và 2020, để lại những dấu ấn đậm nét.

Năm 1998, chỉ ba năm sau khi gia nhập, Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6, thông qua Kế hoạch hành động Hà nội, góp phần định

hướng hợp tác, tăng cường đoàn kết, định hình đường lối phát triển chung của khối¹.

Năm 2010, dưới cương vị Chủ tịch, Việt Nam thúc đẩy hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của ASEAN. Đáng chú ý là việc khởi xướng Kế hoạch Tổng thể Kết nối ASEAN (MPAC 2015), nhằm tăng cường kết nối giao thông, kinh tế, xã hội giữa các nước thành viên, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao tính liên kết của khối². Đồng thời, Việt Nam góp phần mở rộng phạm vi của các diễn đàn khu vực: mở rộng thành phần tham dự của Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) để bao gồm các cường quốc như Hoa Kỳ và Liên bang Nga, và thiết lập cơ chế ADMM+, nhằm tăng cường hợp tác an ninh – quốc phòng giữa ASEAN và các đối tác toàn cầu³.

Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch toàn cầu Covid-19, Việt Nam với cương vị Chủ tịch đã thể hiện vai trò lãnh đạo hiệu quả, chủ động đề xuất và phối hợp các biện pháp ứng phó chung, bảo đảm đoàn kết, thích ứng và bảo vệ lợi ích chung — thể hiện rõ tinh thần “Sự gắn kết và chủ động thích nghi”⁴.

Nhờ những dẫn dắt rên, Việt Nam giúp ASEAN vượt qua những thời điểm khó khăn, đồng thời biến các mục tiêu rộng lớn thành những chính sách thực tiễn hướng tới đoàn kết, phát triển chung.

- Đóng góp vào khung pháp lý và tầm nhìn dài hạn

Không chỉ các hoạt động mang tính thời điểm, Việt Nam còn tham gia sâu vào việc xây dựng các văn kiện, tầm nhìn chiến lược của ASEAN. Theo một đánh giá gần đây, Việt Nam đóng góp quyết định vào việc hình thành các văn kiện quan

¹ <https://en.nhandan.vn/vietnam-contributes-to-strengthening-aseans-central-role-post116352.htm>

² https://en.baoquocte.vn/vietnams-accession-to-asean-three-decades-one-shared-journey-322680.html?utm_source=chatgpt.com

³ <https://en.nhandan.vn/vietnam-contributes-to-strengthening-aseans-central-role-post116352.html>

⁴ <https://www.vietnam.vn/en/viet-nam-tich-cuc-gop-phan-dinh-hinh-tuong-lai-asean?utm>

trọng như: Hiến chương ASEAN, Tầm nhìn ASEAN 2020, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và hướng tới Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045¹.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tích cực tham gia soạn thảo và thực hiện các kế hoạch, lộ trình về kết nối khu vực (connectivity), thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên, thúc đẩy hợp tác kinh tế — xã hội — văn hóa².

Qua đó, Việt Nam góp phần tạo ra một khung tổ chức và pháp lý ổn định, giúp ASEAN trở thành một cộng đồng thực chất, với định hướng rõ ràng, kỷ cương nội khối và cam kết chung về phát triển.

3. Xử lý khủng hoảng, thu hẹp khoảng cách phát triển

Trong quá trình tồn tại và phát triển, ASEAN từng đối mặt nhiều khủng hoảng, nội bộ bất đồng, và thách thức chung. Việt Nam chứng tỏ vai trò như một nhân tố giữ ổn định, gắn kết khối.

Năm 1998, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính 1997–1998, nhiều nước ASEAN rơi vào suy thoái, nguy cơ chia rẽ lớn. Việt Nam với tư cách là Chủ tịch ASEAN tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội, thông qua *Kế hoạch hành động Hà Nội*. Mục tiêu cốt lõi: bảo đảm ASEAN không vỡ rời trong khủng hoảng; duy trì cam kết hội nhập; tập trung hỗ trợ lẫn nhau. Những hành động đó chứng tỏ Việt Nam chứng minh rằng “thành viên mới” có thể đóng vai trò hàn gắn và kết nối.

Năm 2010, Việt Nam đề xuất: Kế hoạch kết nối ASEAN (MPAC 2015); thúc đẩy Cộng đồng ASEAN 2015; mở rộng đối thoại EAS và thành lập ADMM+.

Những sáng kiến này góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển; tăng gắn kết hạ tầng, kinh tế, giao lưu con người; giảm nguy cơ phân tầng nội khối.

¹ <https://www.vietnam.vn/en/30-nam-viet-nam-gia-nhap-asean-hanh-trinh-tu-tham-gia-den-kien-cao?utm>

² <https://aseanvietnam.vn/en/post/vietnam-plays-core-leading-role-in-asean-growth?utm>

Năm 2020, đại dịch COVID-19 hoành hành. Việt Nam đưa ra chủ đề: “Gắn kết và Chủ động thích ứng” thể hiện rõ định hướng trực tiếp tới “đoàn kết” là giá trị trọng tâm.

Trong năm này, Việt Nam chủ trì: họp cấp cao trực tuyến đầu tiên trong lịch sử ASEAN; lập Quỹ ASEAN ứng phó Covid-19; xây dựng Kho dự phòng vật tư y tế chung; duy trì thương mại nội khối không đứt gãy.

Kết quả là ASEAN trở thành một trong những khu vực hiếm hoi không chia rẽ trước đại dịch. Thành công đó không tách rời vai trò dẫn dắt của Việt Nam.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển — khẳng định đoàn kết nội khối

Một trong những nhân tố có thể gây chia rẽ nội khối là sự chênh lệch phát triển giữa các quốc gia thành viên (về kinh tế, cơ sở hạ tầng, năng lực thể chế). Nếu khoảng cách này biết tục tăng, đoàn kết nội bộ sẽ bị phá vỡ. Việt Nam với tư cách thành viên năng động và có trách nhiệm đã đồng hành ASEAN trong các chương trình nhằm thu hẹp khoảng cách này, thông qua các kế hoạch kết nối, phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển tiểu vùng, qua đó giữ vững tính gắn kết và bình đẳng giữa các thành viên.

+ Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) và hỗ trợ CLMV

Việt Nam tích cực tham gia vào IAI (Initiative for ASEAN Integration) và các cơ chế tiểu vùng Mê Công, hỗ trợ đào tạo cán bộ, chuyển giao kỹ thuật, kết nối hạ tầng — qua đó giúp giảm khoảng cách năng lực giữa CLMV và các nước phát triển hơn. Khi lợi ích phát triển được chia sẻ, cảm nhận “ASEAN là để tất cả cùng hưởng lợi” được củng cố, làm vững chắc tính trung tâm.

+Đóng góp tài chính, nhân lực cho cơ chế ASEAN

Mặc dù còn hạn chế so với các nước giàu hơn, Việt Nam vẫn đều đặn đóng góp cho quỹ và chương trình ASEAN, chủ động đề xuất các hoạt động hợp tác về y

tế, lao động, giáo dục — những đóng góp này tăng tính liên kết xã hội-nhân dân trong ASEAN.

Có thể nói, trong 30 qua Việt Nam luôn kiên định lập trường coi đoàn kết là điều kiện tiên quyết của sự phát triển khu vực. Những đóng góp của Việt Nam góp phần không nhỏ xây dựng một ASEAN đoàn kết, tự cường và có khả năng thích ứng trước những biến động toàn cầu.

II. Đóng góp của Việt Nam trong củng cố vai trò trung tâm của ASEAN

Các nghiên cứu cho thấy centrality có nhiều hình thái (leader, convener, hub, driver, convenience), và việc duy trì nó đòi hỏi chủ động tạo dựng thể chế cũng như thực thi sáng kiến cụ thể¹. Vai trò trung tâm của ASEAN -“ASEAN centrality” được thể hiện ở chỗ ASEAN chiếm vai trò convener (người triệu tập) và hub (nút trung tâm) trong mạng lưới các cơ chế khu vực (ARF, EAS, APT, ADMM+), đồng thời là “người xác lập và bảo vệ quy tắc” trong quan hệ đối ngoại của các thành viên.

Tuy nhiên, giá trị này không tự động tồn tại; nó phải được củng cố liên tục thông qua nỗ lực nội khối (tăng tính liên kết, giảm khoảng cách phát triển) và khả năng điều phối đối ngoại. Nói cách khác, vai trò trung tâm của ASEAN phụ thuộc vào năng lực nội khối (đoàn kết, thể chế) và khả năng đối ngoại (điều phối với đối tác lớn). Khi nội khối suy yếu (ví dụ: không thống nhất về Biển Đông, hay khủng hoảng Myanmar), tính trung tâm bị suy giảm. Trong bối cảnh cạnh tranh lớn mạnh giữa các siêu cường, các vấn đề an ninh khu vực (ví dụ: Biển Đông) và những khủng hoảng xuyên quốc gia (ví dụ: đại dịch COVID-19, khủng hoảng Myanmar), vai trò trung tâm của ASEAN đứng trước nguy cơ xói mòn nếu khối không duy trì được đoàn kết và năng lực hành động.

¹ Phương thức ASEAN và môi trường an ninh đang thay đổi: vượt qua thách thức về tính phi chính thức và tính trung tâm, <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC9187923/?utm>

Từ khi trở thành thành viên của ASEAN, Việt Nam có nhiều đóng góp trong việc duy trì và phát huy vai trò trung tâm của Hiệp hội trong cấu trúc khu vực.

1. Vai trò lãnh đạo luân phiên: thực hành “centrality” từ bên trong

Chủ tịch ASEAN 2010 — thúc đẩy kết nối nội khối

Trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2010, Việt Nam đóng góp vào tiến trình xây dựng ASEAN Connectivity Master Plan (MPAC 2015) và thúc đẩy quá trình tích hợp ba trụ cột (ASEAN Community). Những sáng kiến này hướng tới việc tăng cường kết nối hạ tầng — kinh tế — xã hội, từ đó giảm rào cản và khuyến khích lợi ích chung, nền tảng để ASEAN giữ tính trung tâm trong cấu trúc khu vực. Việc bảo đảm tiến trình kết nối giúp ASEAN có nội dung, chứ không chỉ là diễn đàn hình thức.

Chủ tịch ASEAN 2020 — “Cohesion and Proactive Adaptation” trong khủng hoảng COVID-19

Năm 2020 là thử thách lớn: đại dịch COVID-19 phá vỡ chuỗi cung ứng, phong toả biên giới và tạo rủi ro chia rẽ nội khối. Là Chủ tịch, Việt Nam đặt chủ đề “Cohesion and Proactive Adaptation”, chủ động triển khai hợp tác trực tuyến quy mô lớn (giữ hơn 500 cuộc họp), khởi xướng COVID-19 ASEAN Response Fund, ASEAN Regional Reserve of Medical Supplies (RRMS), ASEAN Comprehensive Recovery Framework (ACRF) và thúc đẩy thành lập ASEAN Centre for Public Health Emergencies and Emerging Diseases (ACPHEED). Những cơ chế có tính thực hành này giúp ASEAN thể hiện vai trò điều phối khu vực, bảo vệ tính trung tâm trước các đối tác lớn khi tranh thủ hỗ trợ và điều phối viện trợ. Sự thành công của những sáng kiến trên được nhiều thành viên và đối tác quốc tế ghi nhận như bằng chứng cho năng lực duy trì vai trò trung tâm dưới sự lãnh đạo của ASEAN¹.

¹ <https://en.vietnamplus.vn/chairmans-statement-of-the-37th-asean-summit-cohesive-and-responsive-post190815.vnp?utm>

Tất cả các hành động trên cho thấy, chủ tịch luân phiên không phải chỉ là chức vụ trên danh nghĩa. Việc Chủ tịch đề xuất các cơ chế thực chất (quỹ, kho dự trữ, trung tâm chuyên môn), cho thấy ASEAN có thể đóng vai trò “người điều phối” hữu hiệu. Đây chính là điều kiện cần để duy trì tính trung tâm của ASEAN. Việt Nam đã thực hành điều này thành công năm 2020.

2. Xây dựng và triển khai cơ chế hợp tác thực chất - củng cố năng lực hành động tập thể

- ACRF và RRMS: từ lời nói tới hành động

ACRF (ASEAN Comprehensive Recovery Framework) và RRMS là hai sản phẩm thể hiện năng lực chuyển đổi cam kết chính trị thành chương trình cụ thể, bao gồm kế hoạch thực hiện, danh sách vật tư thiết yếu và cơ chế huy động hỗ trợ từ đối tác. Khi ASEAN có khung chiến lược thống nhất để phục hồi, đối tác bên ngoài (như Nhật Bản, EU, Mỹ) dễ dàng hợp tác trong khuôn khổ ASEAN — qua đó củng cố vai trò trung tâm của khối. Việt Nam là người khởi xướng/điều phối nhiều phần của quy trình này trong vai Chủ tịch 2020.

- ACPHEED và khả năng chuyên môn hoá hợp tác y tế khu vực

Thiết lập Trung tâm khu vực về y tế khẩn cấp (ACPHEED) là minh chứng cho việc ASEAN chuyển từ “hội nghị” sang “cơ chế chuyên môn”, tăng khả năng phản ứng và phối hợp dài hạn. Sự ra đời của trung tâm được triển khai dưới sự vận động và phối hợp của Việt Nam với các đối tác. Đây là ví dụ mô-đun: khi ASEAN có cơ sở chuyên môn, nó trở nên hấp dẫn đối với đối tác (vì có điểm neo hợp tác) và qua đó giữ vai trò trung tâm¹.

- Thúc đẩy đồng thuận trong vấn đề nhạy cảm - Biển Đông

Biển Đông là vấn đề nhạy cảm nhất và là phép thử trực tiếp đối với sự đoàn kết của ASEAN. Nhiều nước ASEAN có quan hệ kinh tế sâu rộng với Trung Quốc

¹ <https://en.vietnamplus.vn/chairmans-statement-of-the-37th-asean-summit-cohesive-and-responsive-post190815.vnp?utm>

hoặc có tính toán chính trị riêng, dẫn đến bất đồng về mức độ cứng rắn trong các tuyên bố chung. Trong tình hình đó, Việt Nam đóng góp quan trọng trong việc duy trì lập trường chung:

+ *Kiên trì bảo vệ nguyên tắc thượng tôn pháp luật*

Việt Nam là nước tích cực nhất trong ASEAN thúc đẩy việc đưa các nguyên tắc sau vào các Tuyên bố chung: UNCLOS 1982 là khuôn khổ pháp lý toàn diện; Tự do hàng hải, hàng không; Không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực.

Trong nhiều năm, một số nước do áp lực chính trị đã không muốn đề cập UNCLOS rõ ràng trong các Tuyên bố chung. Việt Nam kiên trì thúc đẩy, đặc biệt trong năm 2020 khi giữ vai trò Chủ tịch ASEAN.

+ *Đóng góp vào tiến trình COC (Bộ Quy tắc ứng xử)*

Trong đàm phán COC với Trung Quốc, Việt Nam là nước đưa ra đề xuất cụ thể về phạm vi áp dụng, cơ chế ràng buộc, và thực thi; Ủng hộ COC “hiệu lực pháp lý”, không chỉ là tuyên bố chính trị.

+ *Cân bằng giữa các nhóm thành viên*

ASEAN có nhóm quốc gia trực tiếp tranh chấp (Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei) và nhóm không tranh chấp (Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan). Việt Nam đóng vai trò: giải thích lợi ích chung của toàn khối → không để vấn đề bị xem chỉ là tranh chấp song phương; cầu nối quan điểm giữa nhóm “hàng hải” và “lục địa”; thúc đẩy giữ nguyên các đoạn quan trọng trong tuyên bố AMM và ARF.

Nhờ vậy, ASEAN vẫn duy trì tuyên bố chung về Biển Đông hàng năm từ 2016–2024, dù gặp nhiều sức ép.

3.Thúc đẩy liên kết kinh tế và an ninh - phát huy vai trò trung tâm thông qua lợi ích chung

- *RCEP - vai trò điều phối của Chủ tịch ASEAN*

RCEP là hiệp định thương mại lớn nhất thế giới (30% GDP toàn cầu). Ký kết RCEP (15/11/2020) được coi là thành tựu lớn của quá trình hợp tác ASEAN và đối tác, góp phần củng cố mô hình “ASEAN dẫn dắt” trong kinh tế khu vực. Việt Nam là Chủ tịch ASEAN 2020 đã chủ trì toàn bộ tiến trình; kết nối lợi ích giữa các nước ASEAN và đối tác; thúc đẩy hoàn tất đàm phán sau gần 10 năm. Thành công RCEP cho thấy khi ASEAN điều phối thành công lợi ích kinh tế rộng rãi, vai trò trung tâm của khối được củng cố trên bình diện thực chất (market access, supply chains).

- Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Việt Nam tham gia tích cực: giảm thuế nội khối, kết nối logistics, số hóa hải quan, thúc đẩy thương mại xuyên biên giới.

Khi các nền kinh tế hội nhập sâu hơn, lợi ích chung tăng, thì tính đoàn kết trong khối sẽ bền vững hơn.

- Kết nối chuỗi cung ứng, ATCAF và khôi phục kinh tế nội khối

Nước chủ tịch Việt Nam đã thúc đẩy các sáng kiến kết nối chuỗi cung ứng (Hanoi Action Plan on strengthening economic cooperation and connecting ASEAN supply chains), thúc đẩy khuôn khổ du lịch song phương an toàn (ASEAN Travel Corridor Arrangement Framework – ATCAF). Những sáng kiến giúp hoạt động kinh tế nội-ASEAN tái khởi động nhanh hơn, tạo nền tảng lợi ích chung — yếu tố then chốt để thành viên tiếp tục coi ASEAN là trọng tâm của quá trình hội nhập.

- Đóng góp trong các cơ chế an ninh do ASEAN dẫn dắt:

+ Với ADMM và ADMM+

Việt Nam nhiều lần chủ trì các cuộc họp ADMM và ADMM+, nhấn mạnh: chống khủng bố, an ninh biển, cứu trợ thiên tai, gìn giữ hòa bình.

Sự thống nhất trong ADMM+ là yếu tố then chốt duy trì an ninh khu vực.

+ Với ARF và EAS

Việt Nam đóng góp quan trọng trong việc: duy trì các cuộc họp ARF về an ninh biển; thúc đẩy các nước lớn tôn trọng vai trò trung tâm của ASEAN.

Việt Nam được đánh giá là nước trung lập “không đứng về phe nào” đã tạo uy tín để dung hòa khác biệt giữa các nước.

4. Cầu nối giữa ASEAN và các đối tác lớn (partnership coordination).

Một khía cạnh thiết thực của “ASEAN centrality” là khả năng khối điều phối quan hệ với bên ngoài. ASEAN phải là interlocutor chính giữa các cường quốc. Vai trò này không chỉ giúp ASEAN có tiếng nói chung hơn trên trường quốc tế, mà còn giúp các nước thành viên - đặc biệt các nước nhỏ - có được lợi ích thông qua sự điều phối và quan hệ đa phương.

Việt Nam đã nhiều lần được giao vai trò điều phối (coordinator) giữa ASEAN và các đối tác: với đối thoại ASEAN–Trung Quốc (2009–2012), ASEAN–EU (2012–2015), ASEAN–Ấn Độ (2015–2018), ASEAN–Nhật Bản (2018–2021), ASEAN–Korea Partnership (2021–2024). Gần đây, Việt Nam tiếp tục nhận nhiệm vụ điều phối quan hệ với ASEAN–UK và ASEAN–New Zealand (2024–2027)¹. Việt Nam đã tận dụng vị thế này để bảo đảm rằng đối thoại khu vực diễn ra trong “khung ASEAN” (tôn trọng tư cách trung tâm), thay vì bị chuyển sang những sáng kiến ngoại khối khiến ASEAN mất vai trò². Việc Việt Nam đảm nhận vai trò này nhiều lần chứng tỏ một sự tin cậy mà các nước khác đối với Việt Nam; đồng thời khẳng định vị thế của ASEAN như một khối “trung tâm” (centrality) trong khu vực.

Việt Nam được ví như “bản lề đoàn kết” trong cấu trúc đối ngoại ASEAN.

Nhờ vai trò điều phối và cầu nối, Việt Nam góp phần đưa ASEAN ngày càng trở nên hấp dẫn với các đối tác bên ngoài - từ kinh tế, an ninh đến chính trị - qua đó

¹ <https://www.vietnam.vn/en/30-nam-viet-nam-gia-nhap-asean-hanh-trinh-tu-tham-gia-den-kien-tao?utm>

² <https://en.nhandan.vn/vietnam-contributes-to-strengthening-role-of-asean-post135515.html?utm>

nâng cao vị thế và uy tín của khối¹. Điều này giúp bảo vệ lợi ích chung của các quốc gia thành viên, thay vì các lợi ích riêng lẻ, phân mảnh.

Ngoài ra, tăng cường quan hệ với các đối tác, không chỉ làm tăng vai trò trung tâm, mà còn củng cố đoàn kết trong ASEAN. Bởi vì, quan hệ giữa ASEAN và đối tác lớn thường dễ tạo chia rẽ, vì mỗi nước có lợi ích khác nhau. Việt Nam đảm nhiệm vai trò “người giữ cân bằng”: thúc đẩy quan hệ nhưng không để ảnh hưởng tới nội bộ; bảo đảm lập trường chung trong đàm phán; ngăn ngừa việc các nước lớn chia rẽ ASEAN.

Kết luận

Như vậy, 30 năm gia nhập ASEAN, Việt Nam nhanh chóng chuyển từ một thành viên mới thành một trong những trụ cột chủ chốt của Cộng đồng. Qua việc thúc đẩy mở rộng thành viên, dẫn dắt hợp tác, xây dựng khung pháp lý, điều phối quan hệ quốc tế, xử lý khủng hoảng và thu hẹp khoảng cách phát triển... Việt Nam đã đóng góp một cách sâu sắc và có trách nhiệm vào việc củng cố đoàn kết, thống nhất và phát triển chung của khối.

Bên cạnh đó, Việt Nam đóng góp đa chiều vào việc củng cố vai trò trung tâm của ASEAN: từ thực hành lãnh đạo (Chủ tịch 2010, 2020), khởi xướng và triển khai cơ chế hợp tác thực chất (ACRF, RRMS, ACPHEED), tăng cường đồng thuận trong vấn đề nhạy cảm (Biển Đông), từ thúc đẩy liên kết kinh tế (RCEP, kết nối chuỗi cung ứng) đến hợp tác an ninh giữa các thành viên và đối tác. Những hành động này làm cho ASEAN không chỉ là một “mô hình” ngoại giao, mà là một tập hợp cơ chế hữu dụng, hấp dẫn đối với các đối tác và có thể giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực.

Với Việt Nam, những đóng góp này không chỉ nâng cao uy tín quốc tế, mà còn mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước: ổn định môi trường an ninh, chính trị; tăng cường hợp tác kinh tế; mở rộng thị trường, liên kết thương mại; thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng; và khẳng định vị thế là quốc gia có tiếng nói, có trách nhiệm

¹ <https://vietnamtimes.thoidai.com.vn/vietnams-contribution-in-aseans-unity-peace-and-stability-58969.html>

trong khu vực¹. Đồng thời, góp phần bảo vệ, nâng tầm và bảo đảm tương lai của toàn khối ASEAN - một cộng đồng đa quốc gia, đa văn hoá, nhưng hướng về một mục tiêu chung: hòa bình, ổn định, thịnh vượng và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thế giới và khu vực ngày càng phức tạp, vai trò của Việt Nam với truyền thống ngoại giao hòa hiếu, trách nhiệm và uy tín vẫn là rất cần thiết để bảo vệ đoàn kết ASEAN, giữ vững tiếng nói chung, và định hình tương lai của Đông Nam Á./.

¹ <https://vietnamtimes.thoidai.com.vn/vietnams-contribution-in-aseans-unity-peace-and-stability-58969.html>

ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS. Phan Tiến Ngọc, Th.S Nguyễn Diễm Hương*

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, phân mảnh chuỗi cung ứng, biến đổi khí hậu và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đối ngoại đa phương trở thành nhân tố quan trọng tạo tiền đề phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam. Từ sau Đổi mới, Việt Nam từng bước chuyển từ hội nhập mở cửa sang hội nhập thể chế và tham gia định hình luật chơi quốc tế. Thông qua các cơ chế đa phương như WTO, ASEAN, APEC và các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, Việt Nam đã từng bước mở rộng thương mại quốc tế, thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát triển, cải thiện năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và gia tăng khả năng chống chịu trước các cú sốc toàn cầu. Đối ngoại đa phương không chỉ mang lại thị trường và nguồn lực mà còn tạo áp lực cải cách thể chế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và vị thế quốc gia. Tuy nhiên, để vươn mình phát triển trong kỷ nguyên mới, Việt Nam cần đổi mới tư duy, nâng tầm hoạt động đối ngoại phương nhằm tận dụng hiệu quả cơ hội toàn cầu cho mục tiêu phát triển bền vững. Bài nghiên cứu tập trung phân tích các thành tựu đối ngoại đa phương và vai trò của đối ngoại đa phương đối với phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong thời gian qua; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: đối ngoại đa phương; ngoại giao kinh tế; phát triển kinh tế bền vững; kỷ nguyên phát triển mới; Việt Nam.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Dấu ấn đối ngoại đa phương của Việt Nam trong 40 năm đổi mới

Từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới, đối ngoại đa phương đã trở thành một trong những trụ cột chiến lược của đường lối đối ngoại Việt Nam, đồng thời gắn chặt với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bền vững. Quá trình này có thể phân định thành ba giai đoạn lớn, phản ánh bước chuyển từ “mở cửa, thoát bao vây cấm vận” đến “chủ động hội nhập sâu rộng và tham gia định hình luật chơi” trong chính sách đối ngoại của đất nước. Có thể khái quát tiến trình này qua ba giai đoạn lớn.

Giai đoạn 1986–1995 là giai đoạn mở cửa và phá thế bao vây, cấm vận, tạo dựng nền tảng cho tăng trưởng. Sau thống nhất đất nước, Việt Nam phải đối mặt với tình trạng bị bao vây, cấm vận, cô lập về kinh tế, nguồn lực cạn kiệt, hạ tầng lạc hậu. Đại hội VI năm 1986 với đường lối Đổi mới đã đặt nền móng cho quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, chuyển từ tư duy đối đầu sang “thêm bạn, bớt thù”, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Thông qua nỗ lực ngoại giao, Việt Nam từng bước giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, khôi phục hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB, tiến tới bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ và gia nhập ASEAN năm 1995. Những bước đi này mang ý nghĩa đột phá, tạo điều kiện dỡ bỏ cấm vận, khôi phục quan hệ tài chính – tiền tệ, mở cửa trở lại các dòng vốn, thương mại và viện trợ phát triển, đồng thời huy động được nguồn vốn ODA ưu đãi để đầu tư cho hạ tầng, nông nghiệp, y tế, giáo dục, cải thiện năng lực sản xuất và chất lượng nguồn nhân lực.

Giai đoạn 1995–2010 đánh dấu bước chuyển trọng tâm từ “mở cửa” sang hội nhập thể chế và chủ động hội nhập mở rộng. Việt Nam gia nhập APEC, ASEM, tham gia sâu hơn vào các cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3, ARF, EAS, qua đó gắn kết nền kinh tế với những trung tâm phát triển năng động của khu vực và thế giới.

Tiến trình đàm phán gia nhập WTO, được hoàn tất vào năm 2006 và chính thức thành viên năm 2007, tạo ra động lực mạnh mẽ buộc Việt Nam phải cải cách thể chế kinh tế, xây dựng, sửa đổi hàng loạt luật về doanh nghiệp, đầu tư, thương mại, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, thuế, phù hợp với chuẩn mực kinh tế thị trường và yêu cầu hội nhập. Ở bình diện kinh tế, đây là giai đoạn tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao nhiều năm, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh với cơ cấu hàng hóa chuyển dịch dần từ nông sản, tài nguyên thô sang hàng công nghiệp chế biến; dòng vốn FDI tăng mạnh, đặc biệt vào các ngành công nghiệp chế biến – chế tạo định hướng xuất khẩu.

Từ năm 2010 đến nay, đối ngoại đa phương bước sang giai đoạn hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, chủ động và tích cực tham gia định hình luật chơi. Đại hội XIII của Đảng xác định rõ xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, trong đó đối ngoại đa phương là một phương thức quan trọng để bảo vệ và phát huy lợi ích quốc gia – dân tộc, tranh thủ nguồn lực cho phát triển bền vững. Việt Nam trở thành một trong những quốc gia tích cực nhất trong việc ký kết các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP, đồng thời tiếp tục thực thi các FTA trong khuôn khổ ASEAN. Đến nay, Việt Nam đã có mạng lưới FTA rộng với hầu hết các đối tác kinh tế lớn trên thế giới, đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có độ mở lớn nhất. Cùng với đó, Việt Nam đảm nhiệm nhiều vai trò đa phương quan trọng như Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch APEC, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, ứng cử và đảm nhiệm nhiều vị trí trong các cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc.

Nhìn chung, tiến trình 40 năm đổi mới cho thấy đối ngoại đa phương đã trở thành công cụ quan trọng để Việt Nam mở rộng thị trường, đa dạng hóa đối tác, thu hút FDI chất lượng cao và tiếp cận công nghệ, tri thức quốc tế. Đây chính là nền tảng giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng kinh tế ổn định và bền

vững, đồng thời chủ động tham gia vào các cơ chế định hình trật tự kinh tế và chính trị toàn cầu trong kỷ nguyên mới.

2. Đối ngoại đa phương thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong thời gian qua

Đối ngoại đa phương đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong hơn 40 năm đổi mới. Điều này thể hiện trên một số nội dung sau:

2.1. Đẩy mạnh thương mại quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu

Việc mở rộng thị trường và đẩy mạnh thương mại quốc tế thông qua hội nhập đa phương đã trở thành một trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng phức tạp và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia lớn ngày càng gia tăng. Kể từ khi gia nhập WTO vào năm 2007, Việt Nam không chỉ cam kết thực hiện các nghĩa vụ quốc tế về thương mại mà còn tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác trong khuôn khổ ASEAN, thông qua đó vừa mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường nội khối vừa nâng cao khả năng hợp tác kinh tế – thương mại trong khu vực. Bên cạnh đó, việc ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang tính đa phương như CPTPP, RCEP, cũng như EVFTA — mặc dù EVFTA là hiệp định song phương nhưng được triển khai trong cơ chế hợp tác EU đa phương — đã giúp Việt Nam tiếp cận các thị trường lớn, tiên tiến với các tiêu chuẩn cao về lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ và minh bạch hóa thủ tục thương mại, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Những bước đi chiến lược này đã tạo ra tác động kinh tế rõ rệt. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ, từ mức khoảng 30–40 tỷ USD vào đầu những năm 1990 lên hơn 786,2 tỷ USD vào năm 2024, cho thấy hiệu quả của việc đa dạng hóa thị trường và mở rộng hội nhập kinh tế. Đồng thời, việc đa

dạng hóa các đối tác thương mại giúp Việt Nam tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài, giảm phụ thuộc vào một vài thị trường lớn, từ đó bảo vệ nền kinh tế trước các biến động bất lợi về giá cả, chuỗi cung ứng và chính trị quốc tế.

Nhờ việc tham gia sâu rộng các hiệp định thương mại tự do (FTA) và cơ chế đa phương, Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế như một mắt xích quan trọng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các ngành như điện tử - công nghệ thông tin, dệt may, chế biến – chế tạo, và logistics. Theo thống kê, xuất khẩu máy móc-điện tử, điện thoại, linh kiện... đã đạt giá trị khoảng 72,56 tỉ USD trong năm 2024, tăng 26,6% so với năm trước, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất – xuất khẩu điện tử hàng đầu khu vực. Các ngành dệt may, da giày, hàng may mặc và giày dép cũng chứng kiến sự tăng trưởng ổn định và tham gia sâu hơn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nền kinh tế Việt Nam: trước hết, tăng giá trị gia tăng — hàng xuất khẩu không còn chỉ là nguyên liệu thô hoặc sản phẩm sơ chế, mà là sản phẩm hoàn chỉnh, chế biến sâu, đóng gói, lắp ráp, có giá trị cao hơn. Thứ hai, năng suất lao động được cải thiện, khi doanh nghiệp áp dụng công nghệ, quy trình và tiêu chuẩn quốc tế. Thứ ba, chuỗi cung ứng toàn cầu khuyến khích chuyển đổi số và đổi mới công nghệ trong sản xuất, logistics, quản lý — giúp Việt Nam từng bước nâng cao trình độ sản xuất và cạnh tranh quốc tế.

Ngoài ra, hội nhập đa phương cũng tác động trực tiếp đến khả năng phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Khi tham gia sâu vào các cơ chế thương mại đa phương, Việt Nam không chỉ mở rộng quy mô và chất lượng xuất nhập khẩu mà còn được tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn, và quản trị môi trường, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang kinh tế xanh và kinh tế số. Như vậy, quá trình hội nhập kinh tế đa phương của Việt Nam không chỉ là động lực thúc đẩy thương mại quốc tế mà còn là công cụ chiến lược giúp củng cố khả năng chống chịu của nền kinh tế, nâng cao tính tự

chủ và bền vững, đồng thời mở rộng cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu trong kỷ nguyên mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh cạnh tranh và biến động quốc tế ngày càng phức tạp.

2.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn lực cho phát triển kinh tế

Đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ mở rộng hợp tác thương mại mà còn đóng vai trò then chốt trong việc huy động các nguồn lực quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Việc chủ động tham gia các cơ chế hợp tác và hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã giúp Việt Nam hình thành môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và hài hòa với chuẩn mực quốc tế, từ đó củng cố niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài. Những cam kết về bảo hộ đầu tư, sở hữu trí tuệ và minh bạch hóa thủ tục hành chính trong các hiệp định này đồng thời mở rộng khả năng kết nối của Việt Nam với chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, tạo sức hút đối với các tập đoàn đa quốc gia muốn thiết lập trung tâm sản xuất và công nghệ tại Việt Nam. Nhờ những điều kiện thuận lợi đó, dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì quy mô lớn, đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian qua. Điều này khẳng định vị thế của Việt Nam như một điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại châu Á.

Thông qua việc tích cực tham gia vào các cơ chế, diễn đàn và sáng kiến quốc tế đa phương, Việt Nam đã tiếp cận được nhiều loại nguồn lực đa dạng, bao gồm nguồn vốn ODA ưu đãi từ các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), cũng như các nguồn vốn đầu tư tư nhân quốc tế được thúc đẩy nhờ các hiệp định thương mại tự do và cơ chế hợp tác đa phương. Những nguồn lực này không chỉ cung cấp vốn tài chính cần thiết cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, năng lượng, nông nghiệp và giáo dục mà còn hỗ trợ Việt Nam tiếp cận các tiêu

chuẩn, quy trình quản lý quốc tế, nâng cao năng lực quản trị và khả năng triển khai các dự án phát triển quy mô lớn.

Đặc biệt, Ngân hàng Thế giới và ADB đã tài trợ nhiều dự án trọng điểm trong các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng sạch và cơ sở vật chất phục vụ sản xuất – kinh doanh, giúp tạo ra những điều kiện nền tảng cho phát triển kinh tế theo hướng hiện đại, xanh và bền vững. Cùng với đó, các tổ chức đa phương như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), UNESCO và các cơ quan của Liên Hợp Quốc hỗ trợ Việt Nam trong việc cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển giáo dục, y tế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đây là những nguồn lực tri thức – công nghệ – nhân lực quan trọng, góp phần tăng cường khả năng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế chất lượng cao. Như vậy, đối ngoại đa phương không chỉ là phương tiện mở rộng hội nhập quốc tế mà còn là công cụ chiến lược, giúp huy động nguồn lực đa dạng về tài chính, công nghệ và tri thức, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, ổn định và lâu dài, đồng thời góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3. Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức

Việc mở rộng hợp tác đa phương về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức của Việt Nam. Thông qua hợp tác với các tổ chức quốc tế và cơ chế đa phương, Việt Nam không chỉ tiếp cận được các chuẩn mực, xu hướng công nghệ toàn cầu mà còn mở rộng khả năng đổi mới nội sinh. Thực tế cho thấy, nền kinh tế số của Việt Nam đang phát triển nhanh, đóng góp ngày càng lớn cho GDP quốc gia: năm 2024, kinh tế số chiếm khoảng 18,3% GDP và tăng trưởng hơn 20% so với cùng kỳ, mức tăng nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Đồng thời, số lượng doanh nghiệp công nghệ số - các doanh nghiệp kỹ thuật số - tại Việt Nam hiện đã vượt

75.000 đơn vị, kèm theo gần 4.000 startup đổi mới sáng tạo và khoảng 940 doanh nghiệp khoa học - công nghệ hoạt động ổn định.

Việc tiếp cận tri thức toàn cầu, tiêu chuẩn quốc tế và công nghệ hiện đại, hỗ trợ đắc lực cho quá trình đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức. Theo báo cáo World Intellectual Property Organization (WIPO), trong năm 2025, Việt Nam được xếp hạng 44/139 quốc gia toàn cầu về chỉ số đổi mới sáng tạo (GII 2025), duy trì vị trí như năm 2024. Điều này phản ánh hiệu quả từ chính sách hỗ trợ, hợp tác quốc tế và thúc đẩy R&D, sáng tạo trong nước - mở rộng cơ hội tham gia kinh tế tri thức và nâng cao năng lực công nghệ. Những tiến bộ này không chỉ mở rộng cơ hội kinh tế mà còn là cơ sở để Việt Nam chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng tri thức, đổi mới, bền vững và có sức cạnh tranh quốc tế cao hơn.

2.4. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, ứng phó biến đổi khí hậu

Việt Nam đã tận dụng hiệu quả cơ chế đối ngoại đa phương để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu, điển hình là cam kết chính thức tại COP26 về phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Việc tham gia vào các sáng kiến quốc tế như Just Energy Transition Partnership (JETP) đã mang lại cho Việt Nam cơ hội huy động các nguồn lực toàn cầu - cả công và tư - cho chuyển dịch năng lượng bền vững. Theo JETP, các đối tác quốc tế cam kết hỗ trợ khoảng 15,5 tỉ USD trong 3–5 năm tới để giúp Việt Nam đạt được mục tiêu trung hoà carbon, bao gồm hỗ trợ công nghệ, tư vấn quy hoạch, nâng cấp lưới điện, phát triển năng lượng tái tạo và cơ sở hạ tầng xanh.

Qua hệ thống hợp tác đa phương, Việt Nam đã tiếp cận được hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quốc tế trong các lĩnh vực như quy hoạch đô thị xanh, quản trị rủi ro thiên tai và kinh tế tuần hoàn - điều rất quan trọng với một quốc gia dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Các tổ chức quốc tế và các định chế tài chính đa phương như Asian Development Bank (ADB) đã đề xuất hỗ trợ khoảng 2,1 tỷ USD cho Việt Nam nhằm thực hiện các dự án chuyển dịch năng lượng trong

khuôn khổ JETP, bao gồm cả những dự án năng lượng sạch, lưu trữ năng lượng (BESS), và hiện đại hóa hạ tầng truyền tải - bước đầu nhằm giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Nhờ vậy, đối ngoại đa phương đã đóng vai trò đòn bẩy tài chính và công nghệ, giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế, tiếp cận công nghệ xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế theo hướng xanh – bền vững. Việc huy động nguồn lực quốc tế, từ vốn, hỗ trợ kỹ thuật đến công nghệ hiện đại, không chỉ giúp giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu mà còn mở ra cơ hội phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn và các ngành công nghệ cao - hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng chất lượng, bền vững và tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế trước biến động toàn cầu.

2.5. Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs)

Đối ngoại đa phương đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ Việt Nam thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) và hiện nay là các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Thông qua việc tích cực tham gia các tổ chức quốc tế và cơ chế hợp tác đa phương như Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, ASEAN, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và WTO, Việt Nam đã huy động được nguồn lực tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và chuyên gia công nghệ, phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng y tế, giáo dục, nước sạch và năng lượng bền vững. Đồng thời, việc chia sẻ kinh nghiệm, mô hình quản lý và chính sách từ các quốc gia khác đã nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm.

Trong giai đoạn 2000–2024, nhờ sự kết hợp giữa chính sách nội địa và hợp tác đa phương, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu xã hội nổi bật. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mạnh xuống còn 2,93% vào năm 2023, trong khi tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận

nghèo là 5,71%, với nhóm dân tộc thiểu số còn 17,82%. Hệ thống y tế được cải thiện: tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tử vong duy trì khoảng 20/1.000 sinh sống, tuổi thọ trung bình đạt 74,6 năm, và 93,3% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Về hạ tầng, khoảng 98% dân số tiếp cận nguồn nước uống an toàn. Giáo dục phổ cập được duy trì với tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 99,39% (2023–2024). Ngoài ra, các hợp tác đa phương cũng hỗ trợ bình đẳng giới thông qua giáo dục và các chương trình nâng cao quyền lợi phụ nữ, đồng thời thúc đẩy cải thiện năng lực quản lý, chính sách công và môi trường phát triển bền vững.

Hiện nay, Việt Nam đã nội địa hóa 17 mục tiêu SDGs vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, kết hợp với hợp tác chặt chẽ cùng các cơ quan Liên Hợp Quốc để thúc đẩy giảm nghèo, bình đẳng giới, giáo dục, y tế và quản trị bền vững. Quá trình này không chỉ mở rộng huy động nguồn lực và công nghệ quốc tế mà còn nâng cao khả năng học hỏi, đổi mới chính sách và tăng cường vị thế quốc tế của Việt Nam. Như vậy, đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ huy động nguồn lực mà còn là cơ chế chiến lược giúp Việt Nam thực hiện hiệu quả các MDGs trước đây, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho tiến trình đạt các SDGs, hướng tới phát triển bền vững toàn diện.

2.6. Cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Việc Việt Nam tham gia WTO (năm 2007), các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, RCEP, cùng các cơ chế đa phương khác đã tạo áp lực mạnh mẽ về cải cách thể chế kinh tế - bao gồm sửa đổi pháp luật theo chuẩn quốc tế, minh bạch hóa chính sách, cải thiện môi trường kinh doanh và bảo đảm cạnh tranh công bằng. Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam tiến hành đồng loạt cải thiện khung pháp lý và quản lý nhà nước; cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình đăng ký kinh doanh và đầu tư, thực thi cơ chế “một cửa”, giảm rào cản về xuất nhập khẩu và đăng ký doanh nghiệp.

Kết quả rõ nét của nỗ lực cải cách thể chế là môi trường kinh doanh được cải thiện đáng kể. Chỉ số “Ease of Doing Business” của World Bank đã ghi nhận Việt Nam nhảy 20 bậc — từ vị trí 90 (năm 2015) lên vị trí 70 (năm 2020). Cùng với đó, theo báo cáo của Economist Intelligence Unit (EIU), Việt Nam ghi nhận mức tăng 1,7 điểm - cao nhất trong số 82 quốc gia được đánh giá - về môi trường kinh doanh trong giai đoạn 2003–2023. Bên cạnh việc cải thiện môi trường pháp lý – hành chính, Việt Nam cũng ghi nhận sự cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia nói chung. Theo dữ liệu từ World Economic Forum (WEF), trong giai đoạn 2007–2017, Việt Nam đã cải thiện 13 bậc trong bảng xếp hạng Global Competitiveness Index (GCI), chuyển từ nửa dưới sang nửa trên của bảng xếp hạng toàn cầu; đến 2019, Việt Nam đạt vị trí 67/141 nền kinh tế được xếp hạng.

Sự cải thiện về thể chế và năng lực cạnh tranh có tác động thực tế tới doanh nghiệp: chi phí giao dịch giảm, thủ tục hành chính được đơn giản hóa, quyền lợi nhà đầu tư được bảo vệ, từ đó khuyến khích đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư - cả trong nước và quốc tế - và thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất khẩu. Môi trường kinh doanh thuận lợi cũng giúp doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận nguồn lực và công nghệ bên ngoài, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng lao động và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Như vậy, cải cách thể chế thông qua hội nhập đa phương đã tạo nên nền tảng pháp lý, chính sách và thể chế vững chắc - điều kiện cần thiết để Việt Nam phát triển kinh tế bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thích ứng với biến động quốc tế và hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn.

2.7. Tăng cường vị thế quốc tế và sức mạnh mềm – nền tảng cho phát triển bền vững

Đối ngoại đa phương đã đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao vị thế quốc tế và sức mạnh mềm của Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế bền vững. Thông qua việc đảm nhiệm các vai trò trọng yếu như Chủ tịch ASEAN

(năm 2020), Chủ tịch APEC (năm 2017), cũng như trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2008–2009, 2020–2021), Việt Nam đã không chỉ nâng cao uy tín và vị thế trên trường quốc tế mà còn tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, môi trường và an ninh. Việc trở thành đối tác tin cậy của các tổ chức quốc tế và các nền kinh tế lớn giúp Việt Nam chủ động trong tiếp cận nguồn lực phát triển, từ vốn đầu tư, công nghệ, tri thức đến hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời gia tăng niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường đầu tư và kinh doanh.

Một vị thế quốc tế tốt còn giúp Việt Nam tạo dựng môi trường hòa bình và ổn định, giảm rủi ro từ các biến động chính trị – kinh tế toàn cầu, đồng thời nâng cao khả năng tận dụng các cơ hội quốc tế, như tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút đầu tư FDI chất lượng cao, và tiếp cận các thị trường xuất khẩu chiến lược. Sự kết hợp giữa uy tín quốc tế, năng lực tham gia định hình luật chơi toàn cầu và sức mạnh mềm từ ngoại giao đa phương là điều kiện cần thiết để phát triển bền vững, vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế, vừa bảo vệ môi trường, đảm bảo công bằng xã hội và tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Như vậy, đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ hội nhập mà còn là yếu tố chiến lược giúp Việt Nam củng cố nền tảng dài hạn cho phát triển bền vững, đồng thời nâng cao vai trò của Việt Nam trong trật tự kinh tế và chính trị khu vực cũng như toàn cầu.

3. Phương hướng đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương để phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới

Phát triển kinh tế bền vững trong kỷ nguyên mới đòi hỏi Việt Nam chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo và bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Những yêu cầu như thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn,

giảm phát thải và thực hiện cam kết Net Zero 2050 trở thành nền tảng bắt buộc để nâng cao tính tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài.

Hơn nữa, bối cảnh quốc tế đang biến đổi sâu sắc với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, xu hướng tự cường và sự bứt phá của kinh tế số cùng trí tuệ nhân tạo. Đồng thời, các quy chuẩn toàn cầu về môi trường, lao động và sở hữu trí tuệ trong các FTA thế hệ mới tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho quá trình hội nhập của Việt Nam. Trước tình hình đó, Việt Nam cần nâng tầm đối ngoại đa phương, từ tham gia sang chủ động định hình luật chơi, nhằm tranh thủ tối đa các nguồn lực quốc tế về vốn, tri thức, công nghệ và tài chính xanh. Cụ thể:

Một là, đổi mới tư duy và nâng cao vai trò chủ động trong đối ngoại đa phương

Việt Nam cần tiếp tục đổi mới tư duy, chuyển từ chiến lược “tham gia tích cực” sang “dẫn dắt và kiến tạo”. Điều này đòi hỏi không chỉ tham gia vào các cơ chế, diễn đàn đa phương mà còn chủ động đề xuất sáng kiến, đóng góp vào việc xây dựng luật chơi quốc tế và các chuẩn mực toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực chiến lược. Việc xác định rõ các ưu tiên như chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển chuỗi cung ứng, kinh tế biển và an ninh phi truyền thống sẽ giúp Việt Nam tập trung nguồn lực ngoại giao và kinh tế, từ đó tạo ra tác động lớn hơn trong các cơ chế đa phương. Đồng thời, tăng cường chủ động trong việc xây dựng và thực thi luật chơi quốc tế không chỉ giúp bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; khai thác hiệu quả các cơ hội từ quá trình toàn cầu hóa và chuyển dịch chuỗi cung ứng. Như vậy, đổi mới tư duy đối ngoại đa phương là bước đi chiến lược nhằm đảm bảo Việt Nam không chỉ hội nhập mà còn định hình các cơ chế quốc tế, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và gia tăng sức mạnh mềm trong môi trường toàn cầu ngày càng phức tạp.

Hai là, nâng cao năng lực thể chế phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế

Nâng cao năng lực thể chế là yếu tố then chốt để Việt Nam hội nhập sâu rộng và thúc đẩy phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, thương mại, môi trường, năng lượng, dữ liệu và kinh tế số, giúp bảo đảm các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, EVFTA được thực thi minh bạch và hiệu quả.

Minh bạch hóa chính sách và tăng cường trách nhiệm giải trình góp phần nâng cao niềm tin của nhà đầu tư, đối tác quốc tế và người dân, đồng thời cải thiện môi trường kinh doanh, giảm chi phí giao dịch và rủi ro pháp lý. Xây dựng khung pháp lý cho kinh tế số, quản lý dữ liệu và cơ chế định giá carbon giúp doanh nghiệp hoạt động minh bạch, thúc đẩy chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hoàn thiện thể chế không chỉ tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho hội nhập quốc tế mà còn giúp Việt Nam khai thác tối đa cơ hội từ kinh tế xanh, kinh tế số và chuyển đổi năng lượng, củng cố vị thế quốc tế và sức mạnh mềm, đồng thời đảm bảo phát triển kinh tế bền vững trong dài hạn.

Ba là, đẩy mạnh ngoại giao kinh tế đa phương phục vụ phát triển bền vững

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số, đẩy mạnh ngoại giao kinh tế đa phương trở thành công cụ chiến lược để Việt Nam vừa khai thác cơ hội hội nhập, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Trên lĩnh vực thương mại và đầu tư, việc tối ưu hóa lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, EVFTA và UKVFTA giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao giá trị gia tăng và đa dạng hóa đối tác. Đồng thời, tập trung thu hút FDI vào các ngành chiến lược như công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn và năng lượng tái tạo không chỉ nâng cao chất lượng đầu tư mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững.

Trong lĩnh vực khí hậu và năng lượng, ngoại giao đa phương cho phép Việt Nam tiếp cận các quỹ khí hậu quốc tế, thúc đẩy hợp tác chuyển giao công nghệ sạch và đàm phán các cơ chế định giá carbon toàn cầu. Những nỗ lực này vừa giúp giảm phát thải khí nhà kính, tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, vừa tạo điều kiện cho tăng trưởng xanh, phù hợp với cam kết Net Zero 2050.

Trên lĩnh vực chuyển đổi số, Việt Nam tham gia các hiệp định kinh tế số đa phương như DEPA và GPAI, hợp tác với các tập đoàn công nghệ toàn cầu, đồng thời tăng cường bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số. Ngoại giao kinh tế đa phương cần chuyển từ lượng sang chất, từ thu hút sang kiến tạo, thúc đẩy phát triển các động lực tăng trưởng kinh tế mới như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; đồng thời củng cố vị thế quốc tế và sức cạnh tranh quốc gia, đặt nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững.

Bốn là, thu hẹp khoảng cách giữa cam kết đa phương và thực thi ở trong nước

Một trong những thách thức lớn hiện nay là khoảng cách giữa cam kết ở cấp trung ương với khả năng và mức độ sẵn sàng thực thi của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Vì vậy, cùng với việc đàm phán, ký kết các cam kết đa phương mới, cần chú trọng hơn nữa tới khâu nội luật hóa, thể chế hóa, triển khai.

Cần nâng cao chất lượng công tác truyền thông chính sách về hội nhập đa phương, giúp cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiểu rõ hơn các cam kết, tiêu chuẩn, quy định mới, cũng như cơ hội và thách thức đi kèm. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn FTA thế hệ mới, chuyển đổi sang sản xuất xanh, nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số cần được thiết kế theo hướng thiết thực, có lộ trình, phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp và ngành hàng.

Năm là, đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược về đối ngoại đa phương gắn với phát triển bền vững

Trong bối cảnh môi trường đa phương biến động nhanh và phức tạp như hiện nay, công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược cần được đầu tư đúng tầm. Cần xây dựng và củng cố các trung tâm, nhóm nghiên cứu liên ngành về đối ngoại đa phương, ngoại giao kinh tế, tăng trưởng xanh, kinh tế số, an ninh kinh tế, có sự tham gia của các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và chuyên gia độc lập.

Trên cơ sở đó, cần kịp thời cung cấp các phân tích, đánh giá, kịch bản để các nhà hoạch định chính sách lựa chọn, tham gia, thiết kế các cam kết đa phương, bảo đảm phù hợp với năng lực thực thi, không bị cuốn vào “bẫy cam kết” vượt quá khả năng đáp ứng, đồng thời tận dụng tốt các xu hướng mới của kinh tế và quản trị toàn cầu để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Sáu là, tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao cho đối ngoại đa phương

Trong kỷ nguyên mới, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định để Việt Nam nâng tầm đối ngoại đa phương và tham gia hiệu quả vào các cơ chế quốc tế. Việc đổi mới đào tạo nhân lực ngoại giao đa phương trở thành yêu cầu cấp thiết, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như kinh tế số, chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo, công nghệ cao và các vấn đề khí hậu – môi trường. Nhân lực được trang bị kiến thức chuyên sâu sẽ giúp Việt Nam chủ động tham gia xây dựng luật chơi quốc tế, đề xuất sáng kiến, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia trong các diễn đàn đa phương như ASEAN, APEC, Liên Hợp Quốc và các cơ chế FTA thế hệ mới.

Bên cạnh đó, việc tăng cường ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, khả năng phân tích và đánh giá rủi ro là cần thiết để nâng cao năng lực đối ngoại, xây dựng uy tín và sức mạnh mềm. Xây dựng đội ngũ chuyên gia chuyên sâu trong các lĩnh vực mới, như kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, sẽ giúp Việt Nam cung cấp các phân tích, chiến lược và tư vấn chính sách chính xác, góp phần vào quá trình ra quyết định quốc tế và phát triển các dự án hợp tác.

Như vậy, đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là yêu cầu nội tại của ngoại giao đa phương mà còn là điều kiện tiên quyết để Việt Nam khai thác hiệu quả các cơ hội quốc tế, gia tăng vị thế và uy tín trên trường toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế bền vững, hội nhập xanh – số và tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Bây là, kết hợp sức mạnh tổng hợp của các trụ cột đối ngoại

Để nâng tầm đối ngoại đa phương và phục vụ phát triển kinh tế bền vững, Việt Nam cần phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các trụ cột đối ngoại, bao gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân, cùng đối ngoại kinh tế, văn hóa và khoa học – công nghệ. Mỗi trụ cột đóng vai trò đặc thù nhưng bổ trợ cho nhau trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế quốc tế và huy động nguồn lực từ bên ngoài. Đối ngoại Đảng tạo điều kiện để thúc đẩy quan hệ chiến lược, đối ngoại Nhà nước đảm bảo sự đồng bộ trong chính sách, trong khi ngoại giao nhân dân góp phần xây dựng hình ảnh và sức mạnh mềm của Việt Nam, tạo lòng tin và thiện cảm với cộng đồng quốc tế.

Đối ngoại kinh tế, văn hóa, khoa học – công nghệ giúp Việt Nam khai thác các cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Việc kết hợp cả đối ngoại song phương và đa phương tạo ra hiệu ứng cộng hưởng, tối ưu hóa lợi ích quốc gia và nâng cao khả năng ứng phó trước biến động quốc tế. Như vậy, phát huy sức mạnh tổng hợp của các trụ cột đối ngoại không chỉ giúp Việt Nam định hình luật chơi quốc tế, huy động nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh, mà còn tạo nền tảng bền vững cho phát triển kinh tế – xã hội, hội nhập xanh – số và nâng cao vị thế toàn cầu trong kỷ nguyên mới.

Kết luận

Đối ngoại đa phương ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong bối cảnh thế giới biến động nhanh và phức tạp. Đây mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn

là cơ hội chiến lược để Việt Nam tăng cường tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế; huy động các nguồn lực mới cho chuyển đổi xanh, chuyển đổi; khẳng định vị thế quốc gia trong trật tự quốc tế mới... Để nâng tầm đối ngoại đa phương phục vụ phát triển kinh tế bền vững cần tập trung vào: đổi mới tư duy chiến lược, hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và kết hợp sức mạnh tổng hợp của các trụ cột đối ngoại. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp Việt Nam tận dụng tối đa các cơ hội từ các FTA và cơ chế đa phương, đồng thời củng cố nền tảng tăng trưởng xanh, tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế và xây dựng vị thế quốc tế chủ động, sáng tạo, bền vững. Đây là điều kiện then chốt để phát triển kinh tế bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050”.
4. Lê Hoài Trung: “Đối ngoại đa phương góp phần đẩy mạnh hội nhập, tăng cường sức mạnh đất nước”, <https://mofa.gov.vn/tin-chi-tiet/chi-tiet/-doi-ngoai-da-phuong-gop-phan-day-manh-hoi-nhap-tang-cuong-suc-manh-dat-nuoc--140.html>
5. Đào Ngọc Báu, Bùi Việt Hương (2024): “Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”, NXB Thông tin và truyền thông

6. Đặng Đình Quý (2019), “Chủ nghĩa đa phương trên thế giới và đối ngoại đa phương của Việt Nam”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đỗ Hùng Việt (2025): “Ngoại giao đa phương đưa đất nước hội nhập toàn diện và sâu rộng trong thời đại mới”, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1064102/ngoi-giao-da-phuong-dua-dat-nuoc-hoi-nhap-toan-dien-va-sau-rong-trong-thoi-dai-moi.aspx#>
8. Lưu Thúy Hồng (2022), “Ngoại giao đa phương - quan điểm và tầm nhìn phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí Cộng sản (992)
9. Reuters (2021), “Vietnam targets net zero by 2050 in COP26 pledge”, 1/11/2021.
10. European Commission (2022), “EU and international partners launch Just Energy Transition Partnership with Viet Nam”, Thông cáo báo chí, 14/12/2022.
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài (2023), “Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam năm 2023 đạt 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022”, Thông tin Đầu tư nước ngoài.
12. Bộ Công Thương (2024), “Xuất khẩu điện thoại và linh kiện đạt 72,56 tỷ USD, tăng 26,6% so với năm trước”, Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.
13. World Bank (2020), Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies, Washington, DC: World Bank.
14. World Economic Forum (2019), The Global Competitiveness Report 2019, Geneva: World Economic Forum.
15. Trung tâm WTO và Hội nhập Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2024), Hiệp định EVFTA và những vấn đề đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam, <https://trungtamwto.vn/thi-truongduc/21326-hiep-dinh-evfta-va-nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-nen-kinh-te-viet-nam>

16. Economist Intelligence Unit (2023), Business Environment Rankings 2023–2027, The Economist Intelligence Unit.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM: LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2045

TS. Nguyễn Mạnh Trường*

Tóm tắt: Trong bối cảnh trật tự toàn cầu biến động nhanh chóng, đối ngoại đa phương đã trở thành lựa chọn chiến lược tất yếu để Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế và ứng phó hiệu quả với các thách thức chung. Từ sau 2010, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam bước vào giai đoạn mới, đòi hỏi sự tham gia chủ động và đóng góp thực chất hơn tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu. Việt Nam đã xác định hội nhập quốc tế là “sự nghiệp của toàn dân” và là động lực then chốt để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới; do đó, việc biến hoạt động đa phương thành đòn bẩy quyền lực trở thành nhiệm vụ chiến lược cấp bách nhằm giúp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và đạt vị thế xứng đáng vào năm 2045. Trong tầm nhìn đó, xây dựng nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại đa phương vững mạnh, đủ năng lực và bản lĩnh là yếu tố mang ý nghĩa quyết định.

Từ khóa: Đối ngoại đa phương, nguồn nhân lực, hội nhập quốc tế

Cơ sở lý luận và yêu cầu phát triển nhân lực đối ngoại đa phương

Đối ngoại đa phương được hiểu là hình thức hoạt động ngoại giao với sự tham gia của nhiều quốc gia nhằm thảo luận, thương lượng và phối hợp hành động về các vấn đề chung, trên cơ sở các nguyên tắc cùng có lợi, không phân biệt đối xử và tôn trọng luật pháp quốc tế. Trong thế kỷ XXI, ngoại giao đa phương nổi lên

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

như một xu thế tất yếu do sự xuất hiện của các vấn đề toàn cầu vượt quá khả năng giải quyết của từng quốc gia đơn lẻ (biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh phi truyền thống, v.v.). Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, tham gia tích cực vào hệ thống đa phương chính là phương cách hiệu quả để tăng cường tiếng nói và bảo vệ lợi ích dân tộc trong môi trường quốc tế nhiều biến động.

Phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương hàm nghĩa xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại (đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân) có đủ phẩm chất và năng lực để hoạt động hiệu quả trong các cơ chế đa phương. Đội ngũ này phải vững vàng về bản lĩnh chính trị, nắm chắc chuyên môn, nghiệp vụ ngoại giao, thành thạo ngoại ngữ và kỹ năng đàm phán đa phương, đồng thời am hiểu sâu sắc luật chơi và văn hóa quốc tế. Văn kiện Đại hội Đảng XII (2016) lần đầu đề ra định hướng chiến lược “nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương”, tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội XIII (2021) với yêu cầu chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương quan trọng, phù hợp với lợi ích và khả năng đất nước. Để hiện thực hóa đường lối này, Chỉ thị 25-CT/TW của Ban Bí thư (8/2018) đặt mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam “vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược”. Mục tiêu đầy tham vọng ấy đòi hỏi trước hết phải xây dựng được đội ngũ cán bộ đối ngoại đa phương thật sự chuyên nghiệp, tâm huyết và sẵn sàng dấn thân phục vụ lợi ích quốc gia.

Phát triển nhân lực đối ngoại đa phương phải đáp ứng một số yêu cầu nền tảng:

1) **Bảo đảm tuyệt đối trung thành về chính trị, vững vàng về lập trường** - đây là phẩm chất cốt lõi để cán bộ đối ngoại kiên định mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc trong mọi tình huống. 2) **Trình độ chuyên môn cao và kỹ năng toàn diện** - bao gồm kiến thức sâu về luật pháp và thể chế quốc tế, kỹ năng đàm phán đa bên, ngoại ngữ và khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa; 3) **Tư duy đa ngành và tầm nhìn chiến lược** - do các vấn đề đa phương thường đòi hỏi kết nối nhiều lĩnh vực (chính trị, kinh tế, phát triển bền vững, văn hóa...), người cán

bộ phải có tư duy mở rộng, có khả năng liên kết các vấn đề và đề xuất sáng kiến phù hợp xu thế chung. 4) **Tinh thần trách nhiệm và kỹ năng làm việc nhóm cao** - bởi lẽ hoạt động đa phương là quá trình tương tác tập thể, đề cao hợp tác liên ngành và xây dựng đồng thuận rộng rãi.

Việc xây dựng nguồn nhân lực phục vụ đối ngoại đa phương vừa là yêu cầu khách quan của sự nghiệp hội nhập quốc tế, vừa là điều kiện tiên quyết để Việt Nam thực thi hiệu quả đường lối đối ngoại mà Đại hội Đảng đề ra. Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ quyết định khả năng Việt Nam chủ động đóng góp ý tưởng, con người và nguồn lực vào các vấn đề toàn cầu, qua đó nâng cao uy tín và tiếng nói trên trường quốc tế.

Thực trạng phát triển nhân lực đối ngoại đa phương ở Việt Nam (2010 - nay)

Khung thể chế và chính sách: Từ năm 2010 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy công tác đối ngoại đa phương và phát triển nhân lực phục vụ lĩnh vực này. Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (4/2013) về hội nhập quốc tế đánh dấu chuyển biến nhận thức khi nhấn mạnh yêu cầu “chủ động, tích cực tham gia xây dựng luật chơi chung và đề xuất sáng kiến đa phương”, mở ra giai đoạn mới để ngoại giao đa phương Việt Nam đóng góp, khởi xướng các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu. Tiếp đó, Chỉ thị 25-CT/TW (2018) của Ban Bí thư xác lập định hướng toàn diện cho cả hệ thống chính trị về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến 2030, yêu cầu nâng cao năng lực triển khai và huy động sự vào cuộc đồng bộ của các ban, bộ, ngành, địa phương. Thực hiện các nghị quyết này, Chính phủ và các cơ quan đã cụ thể hóa bằng những đề án, chương trình hành động nhằm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đối ngoại trong thời kỳ hội nhập sâu rộng. Đáng chú ý, Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế giai đoạn 2021–2025 (Quyết định 1960/QĐ-TTg ngày 1/12/2020) nhằm trang bị kiến thức hội nhập cho đội ngũ cán bộ từ trung ương đến địa phương. Nhiều bộ, ngành đã xây dựng kế hoạch triển

khai Chi thị 25; ví dụ, Bộ Nội vụ ban hành Đề án 01-ĐA/BCSD (3/2021) về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương trong lĩnh vực nội vụ, với nội dung tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, kỹ năng hội nhập cho cán bộ trong ngành. Nhìn chung, khuôn khổ thể chế và chính sách ngày càng hoàn thiện, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác phát triển nhân lực ngoại giao đa phương.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Trong giai đoạn vừa qua, công tác đào tạo cán bộ đối ngoại đa phương ở Việt Nam có những bước tiến đáng kể. Bộ Ngoại giao đã chú trọng đổi mới chương trình đào tạo tại Học viện Ngoại giao – cơ sở chủ chốt đào tạo cán bộ đối ngoại – nhằm cập nhật các kỹ năng thương lượng đa phương, kiến thức về luật pháp quốc tế, kinh tế toàn cầu và kỹ năng ngoại ngữ hiếm. Theo Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến 2030, tầm nhìn 2045, Bộ Ngoại giao đề ra nhiệm vụ “*phát huy vai trò của Học viện Ngoại giao trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành, địa phương có đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế*”, đồng thời mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo nước ngoài để đa dạng hóa nguồn cung nhân lực chất lượng cao. Các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về đối ngoại đa phương đã được tổ chức, trong đó chú trọng nội dung thực hành: kỹ năng đàm phán tại Liên Hợp Quốc, kỹ năng vận động tranh cử vào các vị trí tại tổ chức quốc tế, v.v. Bên cạnh đào tạo chính quy, Việt Nam tích cực cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn quốc tế do Liên Hợp Quốc (LHQ), ASEAN, OECD, v.v. tổ chức. Từ 2014, Việt Nam bắt đầu cử sĩ quan, quân nhân tham gia lực lượng Gìn giữ hòa bình LHQ - đây cũng là quá trình đào tạo thực tế quan trọng giúp đội ngũ cán bộ quốc phòng đối ngoại tích lũy kinh nghiệm làm việc đa phương trong môi trường quốc tế khắc nghiệt. Nhiều cán bộ trẻ được tạo điều kiện thực tập hoặc làm việc ngắn hạn tại các tổ chức quốc tế để rèn kỹ năng. Gần đây, các bộ, ngành khác (Công Thương, Tài nguyên & Môi trường, Y tế, v.v.) cũng phối hợp với Bộ Ngoại giao mở các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ đối ngoại đa phương, đặc biệt là kỹ năng tham gia đàm phán hiệp định thương mại tự do, đàm phán về biến đổi khí hậu, y tế toàn cầu... Nhờ đó, nhận thức và năng lực của đội

ngũ cán bộ về công tác đa phương từng bước được nâng cao, không chỉ trong phạm vi Bộ Ngoại giao.

Kết quả đạt được: Nhìn tổng thể, đội ngũ nhân lực đối ngoại đa phương của Việt Nam từ 2010 đến nay đã trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, góp phần đem lại những thành tựu đối ngoại quan trọng. Trên bình diện quốc gia, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế, tạo dấu ấn đậm nét về một đất nước chủ động, tích cực và có trách nhiệm. Đáng chú ý, ta đã hai lần được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (nhiệm kỳ 2008–2009 và 2020–2021) với số phiếu gần như tuyệt đối. Việt Nam giữ vai trò Chủ tịch ASEAN hai lần (2010, 2020) và đăng cai tổ chức thành công Năm APEC 2017, khẳng định năng lực điều phối và dẫn dắt hợp tác khu vực. Đội ngũ cán bộ đa phương của ta đã trực tiếp đóng góp vào các thành công này thông qua việc chủ trì soạn thảo văn kiện, dẫn dắt thảo luận và hóa giải bất đồng giữa các nước. Bên cạnh đó, nhiều cá nhân tiêu biểu đã trúng cử vào các vị trí trong tổ chức quốc tế, nâng cao sự hiện diện của người Việt Nam trên trường quốc tế. Có thể kể đến: việc lần đầu tiên người Việt trúng cử Ủy ban Luật pháp quốc tế của LHQ (nhiệm kỳ 2017–2021, tái cử 2023–2027); lần đầu giữ cương vị Phó Chủ tịch Đại hội đồng LHQ (Khóa 77, năm 2022); trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ (2014–2016, tái cử 2023–2025); thành viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế – IAEA (2021–2023); thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO (2021–2025) cùng các ủy ban liên chính phủ UNESCO về văn hóa; thành viên Hội đồng điều hành Liên minh Bưu chính Thế giới – UPU (2022–2025); v.v. Những kết quả này cho thấy năng lực, vị thế của nhân lực đối ngoại đa phương Việt Nam đã được nâng lên rõ rệt: chúng ta không chỉ tham gia tích cực mà còn bắt đầu đảm đương vai trò nòng cốt, đóng góp xây dựng luật chơi chung trong nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, Việt Nam đã cử hàng trăm lượt cán bộ, sỹ quan tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình LHQ tại châu Phi (Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi...) với tỷ lệ nữ khá cao, được LHQ đánh giá là đóng góp nổi bật

vào sứ mệnh hòa bình. Việc này vừa khẳng định trách nhiệm quốc tế, vừa giúp đào tạo một lớp cán bộ quốc phòng đối ngoại giàu kinh nghiệm thực tiễn.

Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển nhân lực đối ngoại đa phương

Để có cái nhìn toàn diện, việc tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia thành công về đối ngoại đa phương là rất hữu ích. Thực tiễn cho thấy, các nước nhỏ hoặc tầm trung muốn vươn lên trong ngoại giao đa phương đều đặc biệt coi trọng đầu tư cho con người. Dưới đây là một số bài học tiêu biểu:

Thứ nhất, tập trung nguồn lực vào các cơ chế đa phương then chốt. Nhiều quốc gia như Singapore, Thụy Sĩ đã không dàn trải nguồn lực ngoại giao mà lựa chọn một số diễn đàn đa phương trọng điểm để phát huy hiệu quả cao nhất. Họ ưu tiên bồi dưỡng cán bộ giỏi cho những mặt trận chính như Liên Hợp Quốc (LHQ), ASEAN, WTO hay các sáng kiến khu vực thiết thân với lợi ích nước mình. Nhờ sự tập trung này, Singapore dù quy mô dân số nhỏ vẫn tạo được tiếng nói vượt tầm tại ASEAN và Liên Hợp Quốc; Thụy Sĩ với chính sách trung lập đã trở thành “nhà môi giới” tin cậy tại các diễn đàn quốc tế về nhân đạo và hòa bình. Bài học ở đây là: chiến lược nhân lực đa phương cần có trọng tâm, trọng điểm, tránh trải mỏng gây lãng phí. Việc xác định rõ ưu tiên (về diễn đàn, lĩnh vực) giúp định hướng đào tạo chuyên sâu cho cán bộ, đồng thời tạo khác biệt so với cách tiếp cận dàn trải.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ chuyên gia đa phương tinh nhuệ gắn với chế độ đãi ngộ phù hợp. Kinh nghiệm Canada và New Zealand cho thấy hiệu quả của mô hình phát triển một lớp “chuyên gia đa phương chuyên sâu”. Các nước này tuyển chọn những cán bộ ngoại giao có năng lực phân tích và đàm phán xuất sắc, sau đó đầu tư bài bản vào chương trình đào tạo đặc thù về từng thể chế quốc tế (ví dụ: luật pháp thương mại ở WTO, gìn giữ hòa bình ở LHQ...). Quan trọng không kém, họ thiết kế cơ chế đãi ngộ và lộ trình thăng tiến rõ ràng để những chuyên gia này yên tâm phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực đa phương. New Zealand, một nước

nhỏ nhưng thường có đại diện trúng cử vào các cơ quan LHQ, chính là nhờ đội ngũ chuyên gia đa phương được đào tạo tốt và hỗ trợ bởi chính sách đãi ngộ (như phụ cấp ngoại giao cao, vinh danh đóng góp). Bài học rút ra: muốn có nhân tài đa phương, cần tạo môi trường làm việc và đãi ngộ hấp dẫn để thu hút và giữ chân họ phục vụ đất nước lâu dài.

Thứ ba, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo đối ngoại đa phương với lợi ích phát triển quốc gia. Nhiều nước triển khai chương trình đào tạo cán bộ đa phương không chỉ nhằm phục vụ hoạt động đối ngoại, mà còn để hỗ trợ các mục tiêu phát triển trong nước. Estonia là ví dụ điển hình: quốc gia này tận dụng các diễn đàn đa phương về công nghệ số để cử cán bộ học hỏi kinh nghiệm, từ đó thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Việc đào tạo chuyên gia về chính phủ điện tử, an ninh mạng... được lồng ghép với tham gia các mạng lưới đa phương (như “Liên minh số” trong EU), giúp Estonia vừa đóng góp quốc tế, vừa mang tri thức về phục vụ cải cách trong nước. Bài học ở đây là: định hướng phát triển nhân lực đa phương phải gắn với nhu cầu phát triển quốc gia, đảm bảo người được đào tạo không chỉ giỏi ngoại giao mà còn hiểu biết sâu về lĩnh vực mình phụ trách, có thể kết nối nguồn lực quốc tế phục vụ mục tiêu trong nước. Như vậy, đầu tư cho nhân lực đa phương sẽ mang “lợi ích kép”: vừa nâng cao vị thế đối ngoại, vừa đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế-xã hội.

Thứ tư, kết hợp đào tạo trong nước và đào tạo quốc tế một cách hiệu quả. Nhiều nước nhỏ khuyến khích cán bộ ngoại giao theo học các chương trình đào tạo đa phương quốc tế (do LHQ, UNITAR v.v. tổ chức) để bồi đắp kỹ năng chuyên môn. Đồng thời, họ phát huy vai trò các trường chính sách đối ngoại trong nước ở khâu định hướng, truyền đạt kinh nghiệm bản địa. Chẳng hạn, Trung Quốc và Nga có các khóa huấn luyện riêng về nghiệp vụ đàm phán LHQ cho các nhà ngoại giao trẻ, còn Anh và Pháp thường xuyên mở các lớp mô phỏng đàm phán đa phương để thực hành kỹ năng “điều khiển” cuộc họp với hàng trăm đại biểu. Điểm chung là: đào tạo đa phương cần liên tục, xuyên suốt, kết hợp đa dạng phương pháp từ

đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa đến luân chuyển thực tế tại phái đoàn ở nước ngoài. Các nước cũng chú trọng kết nối mạng lưới cựu học viên sau đào tạo để trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau khi tham gia diễn đàn quốc tế.

Thứ năm, đề cao vai trò của khoa học công nghệ trong đào tạo và hoạt động đa phương. Hiện nay, xu hướng chuyển đổi số trong ngoại giao ngày càng rõ nét. Những nước đi đầu luôn tìm cách ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại đa phương: xây dựng cổng thông tin kiến thức cho đoàn đàm phán, sử dụng dữ liệu lớn (big data) hỗ trợ lập luận, thậm chí áp dụng trí tuệ nhân tạo để dịch thuật thời gian thực... Do đó, kinh nghiệm quốc tế nhấn mạnh: đào tạo cán bộ đa phương phải kèm theo đào tạo kỹ năng số, giúp họ làm chủ công nghệ phục vụ công việc. Bên cạnh đó, việc thiết lập các nhóm chuyên gia mạng lưới (network of experts) online cũng là cách nhiều nước huy động chất xám từ xa hỗ trợ cho phái đoàn tại các hội nghị dài ngày.

Tổng hợp kinh nghiệm các nước cho thấy, dù hoàn cảnh và quy mô khác nhau, điểm cốt lõi nằm ở chỗ “nhân lực là chìa khóa”. Như Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) từng nhận định, “*tài sản quý giá nhất của một quốc gia chính là con người*”, và đầu tư cho con người là con đường chắc chắn để bứt phá vươn lên. Việt Nam có thể tham khảo các bài học này để vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của mình trong giai đoạn tới.

Định hướng và giải pháp phát triển nhân lực đối ngoại đa phương đến 2045

Giai đoạn từ nay đến 2045 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: đó là mốc Việt Nam phấn đấu trở thành nước phát triển, thu nhập cao, đồng thời đánh dấu 100 năm thành lập nước. Để đóng góp vào mục tiêu chiến lược ấy, công tác đối ngoại nói chung và đối ngoại đa phương nói riêng cần có những bước chuyển mang tính đột phá. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, có thể đề xuất một số định hướng, giải pháp trọng tâm nhằm phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương của Việt Nam trong giai đoạn tới:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đối ngoại đa phương trong toàn hệ thống chính trị. Cần quán triệt sâu sắc hơn nữa các chủ trương của Đảng tại Đại hội XIII, Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) và Chỉ thị 25-CT/TW về hội nhập quốc tế, nhấn mạnh rằng đối ngoại đa phương không chỉ là nhiệm vụ của ngành ngoại giao mà là trách nhiệm chung của tất cả các ban, bộ, ngành, địa phương. Lãnh đạo các cấp cần hiểu rằng đầu tư cho công tác đa phương chính là đầu tư cho sự phát triển bền vững và nâng cao “sức mạnh mềm” quốc gia. Do đó, xây dựng nhân lực đa phương phải trở thành ưu tiên trong chiến lược cán bộ thời kỳ hội nhập. Mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ quản lý, cần được nâng cao nhận thức để ủng hộ và tạo điều kiện cho cấp dưới tham gia hoạt động đa phương, coi đó là một phần thước đo đánh giá năng lực. Điều này tạo ra môi trường khuyến khích cán bộ tích cực học hỏi, trau dồi để tham gia công tác đa phương. Đồng thời, về phía cán bộ đối ngoại, phải thường xuyên cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng mới, tránh tư duy “tham dự cho có” mà phải hướng tới “tham gia chủ động, đóng góp tích cực, định hình luật chơi”.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm phát triển nhân lực đối ngoại đa phương một cách đồng bộ và bền vững. Trước mắt, cần rà soát, xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương đến 2030, tầm nhìn 2045. Chiến lược này nên xác định rõ mục tiêu về quy mô và chất lượng đội ngũ (ví dụ: đến 2030 có bao nhiêu cán bộ làm việc trong cơ quan LHQ, đến 2045 phần đầu có đại diện giữ chức vụ cấp cao tại tổ chức quốc tế nào, v.v.), từ đó đề ra lộ trình và giải pháp cụ thể. Trong khuôn khổ chiến lược, cần nghiên cứu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đột phá về tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ đối với nhân tài đối ngoại đa phương. Chẳng hạn, có thể áp dụng cơ chế tuyển chọn đặc biệt (fast-track) để thu hút người có bằng cấp quốc tế xuất sắc về làm việc cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan đối ngoại; xây dựng chế độ hợp đồng chuyên gia ngắn hạn dùng ngân sách nhà nước để mời các chuyên gia giỏi (trong và ngoài nước) tham gia tư vấn, đào tạo cán bộ đối ngoại

trong các lĩnh vực chuyên sâu. Đồng thời, mạnh dạn đề xuất các chính sách đãi ngộ vượt trội: cải thiện tiền lương, phụ cấp ngoại giao ngang tầm mặt bằng khu vực ASEAN, có cơ chế khen thưởng đặc biệt cho những cá nhân lập thành tích xuất sắc tại các đấu trường đa phương (ví dụ: trưởng đoàn đàm phán thành công FTA thế hệ mới, Chủ tịch một ủy ban quan trọng của LHQ...). Ngoài ra, hoàn thiện cơ chế luân chuyển, sử dụng cán bộ: cần xây dựng quy định tạo thuận lợi cho việc điều động cán bộ giữa các bộ, ngành ra làm nhiệm vụ tại phái đoàn thường trực bên cạnh LHQ, ASEAN, cũng như cử đi làm chuyên gia, biệt phái tại các tổ chức quốc tế. Sau thời gian công tác, những cán bộ này phải được bố trí công việc phù hợp để tận dụng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy, tránh lãng phí chất xám.

Thứ ba, tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đối ngoại đa phương, xây dựng đội ngũ chuyên gia kế cận. Đây là giải pháp then chốt có ảnh hưởng dài hạn. Cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp đào tạo tại Học viện Ngoại giao và các cơ sở liên quan. Chương trình bồi dưỡng nên được tái cấu trúc theo hướng thực tiễn, liên ngành: giảm bớt lý thuyết hàn lâm, tăng thời lượng thực hành kỹ năng (mô phỏng tình huống đàm phán, xử lý khủng hoảng truyền thông quốc tế, tranh luận nghị quyết LHQ...). Đặc biệt, tăng cường các khóa huấn luyện chuyên sâu (advanced training) về những lĩnh vực trọng tâm. Ví dụ: khóa về Luật pháp và thể chế đa phương cho cán bộ pháp lý; khóa về Đàm phán biến đổi khí hậu cho cán bộ môi trường; khóa về An ninh mạng cho cán bộ công nghệ thông tin đối ngoại... Việc bồi dưỡng chuyên sâu này cần tiến hành liên tục, có đánh giá đầu ra nghiêm túc để đảm bảo chất lượng. Song song, phát triển mạng lưới giảng viên kiêm chức gồm các nhà ngoại giao giàu kinh nghiệm, chuyên gia từng làm việc ở LHQ, ASEAN... mời họ tham gia giảng dạy, truyền kinh nghiệm cho lớp trẻ. Đầu tư cho đào tạo cần được coi là đầu tư chiến lược: ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ nên ưu tiên cho quỹ phát triển nhân lực đối ngoại. Ngoài ra, việc xây dựng đội ngũ kế cận cũng rất quan trọng.

Bộ Ngoại giao và Ban Tổ chức Trung ương có thể phối hợp triển khai đề án phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ đối ngoại: chọn lọc sinh viên xuất sắc chuyên ngành quan hệ quốc tế, luật, kinh tế... từ sớm để đưa vào diện đào tạo, tạo nguồn cho các vị trí đối ngoại đa phương trong tương lai. Việc này đảm bảo tính kế thừa liên tục, tránh hụt hẫng về nhân sự khi lớp trước nghỉ hưu.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và phát huy vai trò của các trụ cột đối ngoại trong phát triển nhân lực. Đối ngoại đa phương là mặt trận rộng lớn, cần huy động sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Quốc hội và đối ngoại nhân dân. Do đó, việc phát triển nhân lực cũng phải đồng bộ ở các kênh này. Cụ thể, với đối ngoại Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Ban Đối ngoại Trung ương cần chú trọng lồng ghép nội dung hội nhập và đa phương vào chương trình đào tạo cao cấp lý luận cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Như Tổng Bí thư đã nhiều lần phát biểu tại LHQ, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng tham gia các diễn đàn đa phương giữa các chính đảng, qua đó nâng cao uy tín và tranh thủ sự ủng hộ cho Việt Nam. Vì vậy, đội ngũ làm công tác đối ngoại Đảng (ở Trung ương và địa phương) cũng cần được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tương ứng. Đối với đối ngoại Quốc hội, việc cử các Đại biểu Quốc hội trẻ, có ngoại ngữ, tham gia hoạt động ngoại giao nghị viện (như IPU, diễn đàn nghị sĩ ASEAN...) cần gắn với chương trình tập huấn trước và sau mỗi kỳ họp quốc tế, bảo đảm đại biểu nắm vững thông lệ ngoại giao nghị viện. Đối với đối ngoại nhân dân, các tổ chức nhân dân như Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO) có thể phối hợp mở các khóa huấn luyện ngắn hạn về lễ tân, vận động phi chính phủ, kỹ năng tham dự diễn đàn xã hội dân sự quốc tế... cho cán bộ đoàn thể, thanh niên, phụ nữ tham gia kênh nhân dân. Sự phối hợp liên ngành còn thể hiện ở cơ chế chia sẻ thông tin, tri thức. Nên thiết lập một cổng thông tin dùng chung về đối ngoại đa phương (thuộc Bộ Ngoại giao quản lý) để cập nhật các tài liệu, kinh nghiệm, bài học quốc tế, dữ liệu chuyên gia... phục vụ tra cứu cho tất cả các cơ quan.

Thứ năm, thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa cán bộ Việt Nam tham gia làm việc, thực tập tại các tổ chức quốc tế và cơ chế đa phương. Nếu coi đấu trường đa phương là “trường học lớn”, thì việc cử người ra cọ xát thực tế chính là phương pháp đào tạo hiệu quả nhất. Đến 2045, Việt Nam cần đặt mục tiêu tăng mạnh số lượng người Việt làm trong hệ thống quốc tế. Muốn vậy, ngay từ bây giờ phải có kế hoạch bài bản: Bộ Ngoại giao cùng Bộ Nội vụ thiết lập đề án phát triển nguồn cán bộ cho các tổ chức quốc tế, xây dựng cơ sở dữ liệu ứng viên tiềm năng, chủ động vận động đề cử họ vào các vị trí phù hợp. Các bộ, ngành nên xem việc có cán bộ trúng tuyển vào LHQ, ASEAN, các tổ chức khu vực... là một thành công chung, từ đó phối hợp hỗ trợ về thủ tục, tài chính. Bên cạnh đó, hoàn thiện cơ chế hậu phương vững chắc cho những người đi làm quốc tế: có chính sách giữ biên chế, tính thâm niên, hỗ trợ một phần kinh phí... để họ yên tâm công tác. Song song, mở rộng chương trình thực tập sinh, tình nguyện viên tại LHQ, APEC... cho sinh viên và cán bộ trẻ. Mỗi năm ta có thể gửi một số cán bộ trẻ sang làm trợ lý tại các phái đoàn Việt Nam ở New York, Geneva, Vienna hoặc tại Ban Thư ký ASEAN, để họ học việc và tạo nguồn lâu dài.

Thứ sáu, hiện đại hóa cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ phục vụ công tác đối ngoại đa phương. Đây là yếu tố hỗ trợ nhưng rất quan trọng để phát huy tối đa năng lực của nhân lực. Chính phủ cần tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin đối ngoại: trang bị hệ thống hội nghị truyền hình tiên tiến để kết nối cán bộ trong nước với các phái đoàn ở nước ngoài, xây dựng kho dữ liệu số về hiệp định, nghị quyết quốc tế phục vụ tra cứu nhanh. Triển khai các nền tảng số bảo mật để cán bộ có thể thảo luận, chia sẻ thông tin về đàm phán đa phương một cách thuận tiện, an toàn. Đồng thời, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về việc sử dụng công nghệ mô phỏng, e-learning trong đào tạo ngoại giao: xây dựng các mô-đun học trực tuyến về kỹ năng đa phương, các tình huống tương tác ảo để rèn luyện phản xạ cho cán bộ. Việc hiện đại hóa này vừa nâng cao hiệu suất làm việc, vừa tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thu hút người tài.

Những giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ, có lộ trình và sự giám sát chặt chẽ. Vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế phải được phát huy để bảo đảm các bộ, ngành thực hiện nghiêm túc. Mặt khác, cần cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ việc phát triển nhân lực đối ngoại đa phương, ví dụ: 5 năm một lần sơ kết thực hiện Chỉ thị 25 và các đề án liên quan để có điều chỉnh kịp thời. Phải nhấn mạnh rằng, phát triển nguồn nhân lực là quá trình lâu dài, không thể “đốt cháy giai đoạn”, do vậy sự kiên trì và tầm nhìn xa của lãnh đạo ở tất cả các cấp sẽ quyết định thành bại của công cuộc này.

Kết luận

Trong hơn một thập kỷ qua, đối ngoại đa phương của Việt Nam đã vươn mình mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào việc giữ vững môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển và nâng cao vị thế đất nước. Những thành tựu nổi bật đạt được - từ việc đàm nhận các cương vị quốc tế cho đến việc tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu - đều ghi dấu ấn cố gắng của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đa phương. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của giai đoạn phát triển mới, nguồn nhân lực này cần tiếp tục được phát triển về lượng và chuyển hóa mạnh về chất để củng cố hơn nữa vai trò chiến lược của nhân lực đối ngoại đa phương: đây chính là lực lượng tiên phong, “binh chủng” đặc biệt trên mặt trận ngoại giao thời hiện đại.

Hướng tới năm 2045, chiến lược phát triển nhân lực đối ngoại đa phương của Việt Nam phải được đặt trong tầm nhìn dài hạn, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia. Đầu tư cho lĩnh vực này cần được coi là đầu tư mang tính nền tảng, có ý nghĩa quyết định đến sức mạnh mềm và sức mạnh tổng hợp quốc gia. Việc tạo dựng một thể hệ cán bộ đối ngoại đa phương vừa “hồng” vừa “chuyên”, đủ phẩm chất gánh vác trọng trách quốc tế, sẽ giúp Việt Nam hiện thực hóa khát vọng vươn lên đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng quốc tế, đồng thời bảo vệ vững chắc lợi ích dân tộc trong mọi hoàn cảnh. Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành

ngoại giao, mà đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương chính là một đầu tư chiến lược cho tương lai. Nếu thực hiện hiệu quả các giải pháp nêu trên, chúng ta có cơ sở tin tưởng rằng đến năm 2045, Việt Nam sẽ sở hữu một đội ngũ cán bộ đối ngoại đa phương hùng hậu, đạt tầm khu vực và quốc tế. Đây sẽ là nhân tố đảm bảo để đối ngoại đa phương thật sự trở thành trụ cột vững chắc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2018). *Chỉ thị 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030*.
2. Bộ Ngoại giao. (2025). *Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn 2045*.
3. Đặng Hoàng Giang. (2025). Ngoại giao đa phương góp phần đưa đất nước hội nhập quốc tế toàn diện. *Báo Quân đội Nhân dân*.
4. Công thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2025) *Nâng tầm đối ngoại đa phương: Lựa chọn chiến lược tất yếu trong bối cảnh toàn cầu biến động*. Xây dựng Đảng (điện tử).
5. Hoàng Thị Ngân and Cộng sự (2025) *Chính sách thu hút nhân tài trong khu vực công của một số nước châu Á, gợi mở cho Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Cộng sản.
6. Kishan S. Rana. (2021). *Multilateral Training and Work at Foreign Ministries*. American Diplomacy.
7. Rana, K.S., 2022. *21st Century Diplomacy: A Practitioner's Guide*. Singapore: World Scientific Publishing.

8. UNDP, 2021. *Vietnam Human Development Report 2021: Digital Transformation for Sustainable Development*. New York: United Nations Development Programme.
9. OECD (2020) *Skills for a Digital World: The Global Competence Framework*. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development.

NGOẠI GIAO ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM: TƯ DUY CHIẾN LƯỢC, THỰC TIỄN TRIỂN KHAI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

TS. Đỗ Khương Mạnh Linh*

Tóm tắt: Bài nghiên cứu phân tích chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh chóng và phức tạp. Nghiên cứu làm rõ quá trình chuyển biến tư duy từ "tham gia" sang "chủ động định hình" luật chơi, đồng thời đánh giá những thành tựu nổi bật và hạn chế còn tồn tại. Bài viết cho rằng, ngoại giao đa phương đã trở thành trụ cột quan trọng trong đường lối đối ngoại của Việt Nam, đóng góp thiết thực vào bảo vệ chủ quyền, phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ chế phối hợp liên ngành chưa hiệu quả và năng lực dự báo chiến lược còn yếu. Bài viết đề xuất các giải pháp góp phần nâng tầm ngoại giao đa phương đến năm 2045, gắn với tầm nhìn chiến lược đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao.

Từ khóa: Đối ngoại đa phương, Vị thế quốc tế, Chiến lược ngoại giao, Nâng tầm ngoại giao

1. Mở đầu

Trong bối cảnh trật tự thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng đa cực, đa trung tâm với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước lớn, ngoại giao đa phương ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ như Việt Nam. Đối ngoại đa phương không chỉ là công cụ tranh thủ nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển mà còn là phương thức bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc trong môi trường toàn cầu hóa sâu rộng. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: "Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tâm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp Quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mekong và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược" (Văn kiện Đại hội XIII, 2021).

Thực tiễn lịch sử hơn 35 năm đổi mới cho thấy, cùng với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam đã trải qua những bước chuyển biến sâu sắc, từ chỗ phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận đến chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Việt Nam đã tham gia tích cực tại hơn 70 cơ chế, tổ chức đa phương quốc tế và khu vực, đảm nhiệm thành công các vị trí quan trọng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2020-2021, Chủ tịch ASEAN năm 2020, Chủ tịch Đại hội đồng Liên Nghị viện ASEAN (AIPA) năm 2020, và nhiều vị trí điều hành tại các tổ chức quốc tế khác.

Nghiên cứu này tập trung phân tích sự chuyển biến trong tư duy chiến lược về ngoại giao đa phương của Việt Nam, làm rõ những thành tựu, thách thức và đề xuất giải pháp nâng tầm ngoại giao đa phương trong giai đoạn tới. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp tiếp cận hệ thống, phân tích lịch sử, so sánh và tổng hợp các dữ liệu từ các văn kiện chính thức, tài liệu học thuật và báo cáo thực tiễn.

2. Cơ sở lý luận và tư duy chiến lược trong chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam

2.1. Nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và di sản ngoại giao cách mạng

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã đặt nền móng quan trọng cho chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam sau này. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tầm nhìn vượt thời đại về vai trò của hợp tác quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thư gửi Liên Hợp Quốc năm 1946, Người khẳng định Việt Nam sẵn sàng mở cửa, hợp tác và tham

gia mọi tổ chức quốc tế dưới sự điều phối của LHQ, qua đó thể hiện tư duy chiến lược về việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh mang đậm bản sắc dân tộc, vừa mang tính cách mạng của giai cấp vô sản, vừa tiếp thu tinh hoa bang giao quốc tế. Nội dung cốt lõi của trường phái này bao gồm: nguyên tắc độc lập, tự chủ trong quyết định đối ngoại; tư tưởng "thêm bạn, bớt thù"; và phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" - lấy cái không thay đổi (lợi ích quốc gia-dân tộc) để ứng phó với muôn vàn thay đổi của tình hình quốc tế. Đây là di sản quý báu vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

2.2. Quá trình chuyển biến tư duy chiến lược từ Đại hội VI đến nay

Công cuộc Đổi mới năm 1986 mở ra bước ngoặt quan trọng trong tư duy đối ngoại của Việt Nam, chuyển từ khép kín sang mở cửa, từ tập trung vào một vài đối tác sang "đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế". Nghị quyết 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (tháng 5/1988) với tinh thần đột phá "thêm bạn, bớt thù" đã đặt nền móng cho việc phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ đối ngoại.

Quá trình chuyển biến tư duy về ngoại giao đa phương trải qua các giai đoạn chính:

Giai đoạn 1986-2006: Từ "phá vỡ bao vây" đến "hội nhập quốc tế". Trong giai đoạn này, Việt Nam tập trung tham gia các tổ chức quốc tế quan trọng như ASEAN (1995), APEC (1998), WTO (2007). Tư duy đối ngoại đa phương chủ yếu là "tham gia tích cực" các cơ chế đa phương để tạo môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển đất nước.

Giai đoạn 2006-2018: Từ "hội nhập" đến "tham gia có trách nhiệm". Đại hội X (2006) và XI (2011) đánh dấu bước chuyển quan trọng khi xác định Việt Nam là "thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế". Nghị quyết số 22-NQ/TW

ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế nhấn mạnh việc "tham gia các thể chế đa phương, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân chủ".

Giai đoạn 2018 đến nay: Từ "tham gia" đến "chủ động định hình". Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư về "Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030" đánh dấu bước đột phá trong tư duy khi xác định mục tiêu "nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược". Đại hội XIII tiếp tục khẳng định chủ trương này, thể hiện tầm nhìn chiến lược trong bối cảnh thế giới biến động phức tạp.

Đặc biệt, Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới" đã đặt ra mục tiêu chiến lược đến năm 2045, khi Việt Nam kỷ niệm 100 năm thành lập nước, phải trở thành quốc gia có uy tín, vị thế và sức mạnh quốc gia được nâng cao toàn diện. Đây là bước phát triển mới trong tư duy về ngoại giao đa phương, phù hợp với tầm nhìn đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI.

2.3. Cơ sở lý luận hiện đại: Kết hợp tiếp cận của các trường phái quan hệ quốc tế
Chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam hiện nay là sự kết hợp hài hòa giữa các trường phái quan hệ quốc tế:

Chủ nghĩa hiện thực mới giúp Việt Nam nhận thức rõ về cán cân quyền lực trong hệ thống quốc tế, từ đó duy trì tính tự chủ chiến lược, không lệ thuộc vào bất kỳ nước lớn nào. Nguyên tắc "bốn không" trong Sách trắng Quốc phòng 2019 thể hiện rõ tư duy này, giúp Việt Nam tránh bị lôi kéo vào vòng xoáy cạnh tranh siêu cường.

Chủ nghĩa tự do thể chế được thể hiện qua việc Việt Nam tích cực tham gia và tuân thủ luật pháp quốc tế, coi đây là công cụ để bảo vệ lợi ích quốc gia. Việt Nam đã ký kết và thực thi hàng trăm điều ước quốc tế, tham gia giải quyết tranh chấp

quốc tế bằng biện pháp hòa bình, qua đó củng cố hình ảnh một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Chủ nghĩa kiến tạo được phản ánh qua việc Việt Nam chủ động đóng góp vào xây dựng các chuẩn mực, quy tắc trong các cơ chế đa phương. Qua việc đề xuất các sáng kiến như Tầm nhìn Hà Nội về ASEAN sau 2025, sáng kiến về an ninh nguồn nước, Việt Nam đã thể hiện khả năng kiến tạo thể chế và định hình luật chơi phù hợp với lợi ích quốc gia.

Sự kết hợp này tạo nên tư duy chiến lược linh hoạt nhưng kiên định: vừa bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, vừa đóng góp vào giải quyết các vấn đề toàn cầu; vừa củng cố vị thế quốc gia, vừa tăng cường hợp tác quốc tế vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

3. Thành tựu và thách thức trong thực tiễn triển khai chính sách ngoại giao đa phương

3.1. Các thành tựu nổi bật giai đoạn 1986-2025

Thứ nhất, Việt Nam đã thiết lập và mở rộng mạng lưới quan hệ đối ngoại rộng khắp, tạo được môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển. Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, quan hệ kinh tế-thương mại với hơn 230 thị trường, và đã ký kết 19 FTA (trong đó có các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP). Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, với hơn 400 tỷ USD vốn FDI được giải ngân, góp phần quan trọng vào việc đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế thứ 32 thế giới năm 2025.

Thứ hai, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công nhiều vai trò quan trọng trong các tổ chức quốc tế và khu vực. Việc đảm nhiệm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021 với số phiếu bầu cao nhất trong nhóm châu Á-Thái Bình Dương thể hiện sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam đã chủ động đề xuất và thúc đẩy thông qua nhiều nghị quyết quan trọng về chống bom mìn, bảo vệ phụ nữ và trẻ em trong xung đột vũ trang,

an ninh nguồn nước. Đặc biệt, Việt Nam đã đưa vấn đề Biển Đông vào Tuyên bố Chủ tịch của Hội đồng Bảo an năm 2020, thể hiện khả năng vận dụng các cơ chế đa phương để bảo vệ lợi ích quốc gia.

Thứ ba, Việt Nam đã thể hiện vai trò dẫn dắt tại ASEAN và các cơ chế tiểu vùng. Trong vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam đã điều phối thành công các nỗ lực ứng phó với đại dịch COVID-19, duy trì đà hợp tác trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng. Việc thông qua Tầm nhìn ASEAN 2025 và các văn kiện quan trọng khác đã củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực. Đồng thời, Việt Nam đã phát huy vai trò tại các diễn đàn tiểu vùng như Hợp tác Mekong, qua đó tăng cường hợp tác phát triển bền vững và đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống.

Thứ tư, Việt Nam đã đóng góp tích cực vào giải quyết các vấn đề toàn cầu. Việt Nam đã nỗ lực thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đóng góp vào nỗ lực chung về ứng phó biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, y tế toàn cầu. Việt Nam đã cử hàng trăm lượt cán bộ, sĩ quan tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc tại Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi, với tỷ lệ nữ cao, được LHQ đánh giá cao.

3.2. Những thách thức và hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, năng lực dự báo chiến lược còn hạn chế. Việt Nam đã có những nhận định chính xác về xu thế khu vực, song còn gặp khó khăn trong dự báo các biến động mang tính đột phá. Ví dụ, việc dự báo về những biến động ở khu vực châu Âu-Đại Tây Dương còn hạn chế, dẫn đến những lúng túng trong ứng xử với các vấn đề như xung đột Nga-Ukraine và hệ lụy của nó. Đại hội Đảng XII và XIII tập trung chủ yếu vào khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong khi khu vực châu Âu-Đại Tây Dương lại chứng kiến nhiều bất ổn đột biến trong 10 năm qua.

Thứ hai, việc khai thác các cơ chế đa phương để thúc đẩy phát triển còn hạn chế. Việt Nam chưa tận dụng hiệu quả các diễn đàn đa phương để quảng bá hình ảnh

quốc gia, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ cao và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối ngoại đa phương ở lĩnh vực văn hóa chưa phát huy hết tiềm năng, như trong hoạt động tại UNESCO và các diễn đàn văn hóa quốc tế. Hoạt động đối ngoại đa phương chưa thực sự gắn kết với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương và doanh nghiệp.

Thứ ba, cơ chế phối hợp liên ngành chưa hiệu quả. Sự tham gia của các bộ, ngành và địa phương vào công tác đối ngoại đa phương còn thiếu đồng bộ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Việc chia sẻ thông tin, phối hợp chính sách giữa các bộ, ngành trong triển khai các cam kết quốc tế, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, còn nhiều bất cập. Công tác nghiên cứu, đánh giá tình hình và dự báo chiến lược vẫn chưa được như mong muốn, dẫn đến việc tham mưu chính sách thiếu tính chủ động và đột phá.

Thứ tư, nguồn nhân lực chất lượng cao cho đối ngoại đa phương còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Việt Nam thiếu đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên sâu về luật quốc tế, đàm phán đa phương, các lĩnh vực mới nổi như chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu. Số lượng người Việt Nam làm việc tại các tổ chức quốc tế còn khiêm tốn, chưa tương xứng với vị thế quốc tế ngày càng cao của Việt Nam. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại đa phương chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Gợi mở nâng tầm ngoại giao đa phương đến năm 2045

4.1. Hoàn thiện tư duy chiến lược và thể chế

Thứ nhất, cần quán triệt sâu sắc tư duy chiến lược "chủ động, tích cực tham gia và phát huy vai trò định hình tại các diễn đàn đa phương". Tư duy này cần được cụ thể hóa thành các chương trình hành động với mục tiêu rõ ràng, lộ trình cụ thể và các chỉ số đo lường hiệu quả (KPIs). Cần chuyển từ tư duy "tham gia" sang tư duy "kiến tạo", xác định các lĩnh vực then chốt để dẫn dắt như biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, quản trị số, trong đó Việt Nam có lợi thế và kinh nghiệm.

Thứ hai, cần xây dựng Chiến lược quốc gia về đối ngoại đa phương đến năm 2045, trong đó xác định rõ tầm nhìn, mục tiêu, trọng tâm, nhiệm vụ và giải pháp toàn diện. Chiến lược này cần được thể chế hóa thông qua hệ thống văn bản pháp lý đồng bộ, bao gồm Luật sửa đổi về Đối ngoại, các nghị định, quyết định của Chính phủ về phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong triển khai đối ngoại đa phương. Cần hoàn thiện cơ chế "một cửa" trong phối hợp đối ngoại đa phương, với Bộ Ngoại giao giữ vai trò chủ trì, điều phối, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn hệ thống.

Thứ ba, cần đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động đối ngoại đa phương, tăng cường ứng dụng công nghệ số và quản trị dữ liệu. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm biến đổi sâu sắc nội dung và phương thức triển khai ngoại giao. Ngoại giao số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đã trở thành không gian hoạt động mới của ngoại giao. Việt Nam cần xây dựng chiến lược chuyển đổi số trong đối ngoại, phát triển hạ tầng số an toàn, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực số, đồng thời chủ động tham gia định hình các quy tắc quản trị toàn cầu về công nghệ số, AI, dữ liệu xuyên biên giới.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Thứ nhất, cần xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực đối ngoại đa phương đến 2030, tầm nhìn 2045. Chiến lược này cần xác định rõ mục tiêu về quy mô và chất lượng đội ngũ, từ đó đề ra lộ trình và giải pháp cụ thể. Đến năm 2045, Việt Nam cần phấn đấu có ít nhất 500 chuyên gia làm việc tại các tổ chức quốc tế, trong đó 20-30% giữ các vị trí cấp cao. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu ứng viên tiềm năng, chủ động vận động giới thiệu ứng viên Việt Nam vào các vị trí tại các tổ chức quốc tế.

Thứ hai, đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại đa phương. Cần nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện Ngoại giao và các cơ sở đào tạo khác, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng liên ngành, tập trung

vào kỹ năng đàm phán đa phương, luật quốc tế, quản trị toàn cầu, ngoại ngữ hiếm và năng lực số. Cần mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới, tạo điều kiện cho cán bộ đi thực tập, nghiên cứu tại các tổ chức quốc tế.

Thứ ba, xây dựng chính sách đãi ngộ, sử dụng cán bộ khoa học, hợp lý. Cần cải thiện tiền lương, phụ cấp ngoại giao ngang tầm mặt bằng khu vực ASEAN, có cơ chế khen thưởng đặc biệt cho những cá nhân lập thành tích xuất sắc tại các diễn đàn đa phương. Cần hoàn thiện cơ chế luân chuyển cán bộ, tạo điều kiện để cán bộ có cơ hội trải nghiệm ở cả kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, qua đó nâng cao năng lực tổng hợp.

4.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động tại các diễn đàn đa phương

Thứ nhất, tại ASEAN và các diễn đàn khu vực, Việt Nam cần chủ động đóng vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực phù hợp với lợi thế của mình như hợp tác tiểu vùng Mekong, ứng phó biến đổi khí hậu, kết nối kinh tế số. Cần khai thác hiệu quả vai trò trung tâm của ASEAN để duy trì cấu trúc khu vực mở, minh bạch, dựa trên luật lệ, qua đó giảm thiểu tác động tiêu cực từ cạnh tranh nước lớn. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động tham gia định hình các văn kiện tầm nhìn của ASEAN sau 2025, thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện Tầm nhìn ASEAN 2045.

Thứ hai, tại Liên Hợp Quốc và các diễn đàn toàn cầu, Việt Nam cần tích cực tham gia và đề xuất các sáng kiến về các vấn đề toàn cầu mà Việt Nam có kinh nghiệm và chuyên môn như xóa đói giảm nghèo, ứng phó biến đổi khí hậu, gìn giữ hòa bình. Cần chủ động ứng cử vào các vị trí quan trọng tại các cơ quan chuyên môn của LHQ, phấn đấu đến năm 2045 có cán bộ Việt Nam đảm nhiệm vị trí cấp Tổng Thư ký hoặc Phó Tổng Thư ký LHQ. Đồng thời, Việt Nam cần đóng góp có trách nhiệm vào cải cách LHQ theo hướng dân chủ, công bằng, hiệu quả hơn.

Thứ ba, cần tận dụng hiệu quả các cơ chế đa phương "mềm" và ngoại giao chuyên biệt. Bên cạnh các diễn đàn chính thức, Việt Nam cần phát huy vai trò của các diễn đàn phi chính thức, đối thoại kênh 1.5 và kênh 2, qua đó tạo không gian đối

thoại, tranh thủ sự ủng hộ của các học giả, chuyên gia, tổ chức xã hội dân sự quốc tế. Ngoại giao chuyên biệt như ngoại giao văn hóa, ngoại giao y tế toàn cầu, ngoại giao môi trường cần được phát huy để hỗ trợ cho ngoại giao đa phương, tạo thế đan xen lợi ích với các đối tác.

4.4. Tăng cường sức mạnh mềm và truyền thông chiến lược

Thứ nhất, xây dựng chiến lược sức mạnh mềm quốc gia bài bản, toàn diện. Việt Nam cần phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, hình ảnh đất nước năng động, đổi mới để tăng cường sức hấp dẫn quốc tế. Cần đầu tư phát triển các sản phẩm văn hóa có chất lượng cao, tăng cường giao lưu văn hóa quốc tế, xây dựng hình ảnh quốc gia gắn với các giá trị chung của nhân loại như hòa bình, hợp tác, phát triển bền vững.

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ công tác truyền thông đối ngoại. Cần xây dựng hệ thống truyền thông đối ngoại hiện đại, ứng dụng công nghệ số để lan tỏa thông điệp đối ngoại đến công chúng quốc tế. Cần chủ động giải thích chính sách, minh bạch thông tin, phản bác các thông tin sai lệch về Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo năng lực truyền thông cho đội ngũ cán bộ đối ngoại, xây dựng đội ngũ phát ngôn viên quốc tế chuyên nghiệp.

Thứ ba, phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong công tác đối ngoại đa phương. Kiều bào Việt Nam là cầu nối quan trọng trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước, đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm và mạng lưới quan hệ quốc tế cho công tác đối ngoại. Cần có cơ chế thu hút, phát huy đóng góp của kiều bào trong các hoạt động đối ngoại đa phương, đặc biệt là trong việc vận động chính sách, quảng bá hình ảnh Việt Nam ở nước ngoài.

5. Kết luận

Quá trình hơn 35 năm đổi mới cho thấy, chính sách ngoại giao đa phương của Việt Nam đã trải qua những bước chuyển biến sâu sắc, từ chỗ phá vỡ bao vây cấm vận đến chủ động hội nhập và ngày càng có đóng góp quan trọng vào các vấn đề toàn

cầu. Những thành tựu đạt được trong giai đoạn 1986-2025 đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối đối ngoại "độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế" của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh chóng và phức tạp, với sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, Việt Nam đứng trước cả cơ hội và thách thức trong việc nâng tầm đối ngoại đa phương. Để biến thách thức thành cơ hội, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và tăng cường sức mạnh mềm quốc gia. Đặc biệt, việc chuyển từ tư duy "tham gia" sang "chủ động định hình" tại các diễn đàn đa phương là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn tới.

Hướng tới năm 2045 - kỷ niệm 100 năm thành lập nước, việc nâng tầm đối ngoại đa phương không chỉ là nhiệm vụ của ngành ngoại giao mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và toàn dân tộc. Nếu thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề xuất, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành một quốc gia có uy tín, vị thế và sức mạnh quốc gia được nâng cao toàn diện, đóng góp tích cực vào hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững của khu vực và thế giới. Khi đó, ngoại giao đa phương sẽ thực sự trở thành trụ cột vững chắc, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI THẢO QUỐC TẾ
“Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước,
Kính thưa các vị đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế,
Kính thưa quý học giả, chuyên gia và đại biểu trong và ngoài nước,
Thưa toàn thể Hội thảo,

Sau một ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc và đầy tâm huyết, Hội thảo quốc tế “Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới” đã hoàn tất toàn bộ chương trình và mang lại nhiều giá trị quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn. Cho phép tôi được bày tỏ sự trân trọng đối với tinh thần học thuật khách quan, cởi mở và trách nhiệm cao mà quý vị đại biểu đã thể hiện trong suốt Hội thảo.

Những trao đổi của quý vị đã mang lại cái nhìn bao quát, đa chiều về bối cảnh quốc tế đang biến chuyển nhanh chóng, phức tạp và khó đoán định. Hội thảo cho thấy một điểm đồng thuận lớn:

Chủ nghĩa đa phương hiện đại đang trải qua quá trình điều chỉnh sâu sắc.

Các thiết chế quốc tế đứng trước sức ép đổi mới, trong khi các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ, đều phải tìm kiếm những không gian mới để bảo vệ và gia tăng lợi ích của mình.

Tính liên kết, liên ngành và liên khu vực trở thành xu thế nổi bật, mở ra những yêu cầu mới đối với tư duy và hành động đối ngoại.

Trong tổng thể đó, các tham luận và thảo luận đều thống nhất khẳng định: đối ngoại đa phương là một trụ cột ngày càng quan trọng trong triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Việt Nam; là kênh giúp đất nước khẳng định bản sắc, phát huy vai trò, bảo vệ lợi ích chính đáng, đồng thời đóng góp thiết thực vào hòa bình, ổn định và phát triển chung của khu vực và thế giới.

Hội thảo cũng đưa đến một số kết luận và gợi mở chính sách cho Việt Nam, theo đó, Việt Nam cần:

Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa bản sắc đối ngoại Việt Nam trong lĩnh vực đa phương – đó là bản sắc của sự độc lập, tự chủ và trách nhiệm; của đối tác tin cậy và thành viên chủ động; của một Việt Nam hành động, cống hiến và kiến tạo. Trong bối cảnh mới, chúng ta không chỉ tham gia, mà còn cần chủ động tham vấn, dẫn dắt và tạo dấu ấn.

Nâng tầm đối ngoại đa phương đòi hỏi nâng cao năng lực chiến lược quốc gia trong tư duy và phương thức hành động. Điều này bao gồm: Tăng cường dự báo chiến lược, hoàn thiện thể chế hội nhập, xây dựng đội ngũ cán bộ đa phương chuyên nghiệp, bản lĩnh, tinh thông luật pháp và có tư duy toàn cầu, đổi mới mô hình phối hợp liên bộ, liên ngành nhằm bảo đảm tính thống nhất, chủ động và hiệu quả trong mọi hoạt động đối ngoại.

Việt Nam cần định vị rõ hơn các ưu tiên chiến lược tại từng tầng nấc của hợp tác đa phương: Tại ASEAN, tiếp tục phát huy vai trò trung tâm, thúc đẩy đoàn kết và tự cường khu vực. Tại Liên Hợp Quốc, đẩy mạnh cống hiến thực chất trong gìn giữ hòa bình, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và nhân đạo. Tại các cơ chế Mekong, APEC, ASEM và các diễn đàn mới nổi tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Việt Nam cần chủ động đóng góp sáng kiến, định hình chuẩn mực, tham gia xây dựng “luật chơi” mới phù hợp với lợi ích quốc gia – dân tộc và vì hòa bình, ổn định của khu vực.

Việt Nam cần chuyển từ tham gia sang dẫn dắt ở những lĩnh vực có thế mạnh như: phát triển bền vững, an ninh nguồn nước và khí hậu, an ninh lương thực, hợp tác tiểu vùng, kết nối khu vực, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Đây là những lĩnh vực vừa phục vụ lợi ích phát triển của đất nước, vừa phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Những đóng góp sâu sắc của Hội thảo hôm nay là nguồn tham khảo quan trọng đối với công tác tham mưu chiến lược của Học viện CTQG Hồ Chí Minh và Bộ Ngoại giao. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ tiếp tục: Xây dựng các đề án chuyên sâu về nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại các cơ chế đa phương then chốt; tăng cường gắn kết giữa đối ngoại đa phương với ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao khoa học – công nghệ và ngoại giao phục vụ phát triển; chủ động nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến phù hợp với khả năng và lợi ích lâu dài của Việt Nam; mở rộng mạng lưới đối tác tri thức, đối tác học thuật để bổ sung luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách đối ngoại trong thời đại mới.

Kính thưa quý vị,

Hội thảo hôm nay không chỉ là một diễn đàn trao đổi học thuật, mà còn là không gian gợi mở tư duy và khơi dậy tinh thần đổi mới trong triển khai đối ngoại đa phương của Việt Nam. Những ý kiến sâu sắc, tâm huyết và trách nhiệm của quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trong việc hiện thực hóa khát vọng đưa đối ngoại đa phương của nước ta bước sang giai đoạn phát triển cao hơn, chủ động hơn, sáng tạo hơn và đóng góp nhiều hơn cho hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.

Thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tham gia của các quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các đối tác quốc tế và bạn bè gần xa. Kính chúc quý vị sức khỏe, bình an và thành công.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội thảo quốc tế “Nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới”.

Xin trân trọng cảm ơn!